

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ
CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG
SẢN VIỆT NAM, SỐ 25-QĐ/TW,
NGÀY 3 THÁNG 2 NĂM 1997

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

TRƯƠNG TẤN SANG	Chủ tịch Hội đồng
PHAN DIỄN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Ủy viên
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THUỞNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THỨC HUỠNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRỊNH THỨC HUỠNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHƯ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 53

NGUYỄN VĂN LANH (Chủ biên)
HOÀNG QUỐC TUẤN
PHẠM THỊ VỊNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG
TOÀN TẬP
TẬP 53
(6-1993 - 12-1994)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2007

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 53

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 53 phản ánh hoạt động lãnh đạo của Đảng từ tháng 6-1993 đến hết tháng 12-1994.

Từ sau Đại hội VII, tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Các thế lực thù địch ra sức hoạt động chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Trước thách thức mới, với sự nhạy bén chính trị và kinh nghiệm lãnh đạo đã tích lũy, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã kịp thời tập hợp được trí tuệ của toàn Đảng, sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc, tìm ra giải pháp đúng đắn đưa đất nước tiếp tục tiến lên.

Tháng 1-1994, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng được triệu tập. Trên cơ sở kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết một bước công cuộc đổi mới từ Đại hội VI, Hội nghị nhận định rằng những thành tựu quan trọng đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hội nghị đã làm sáng tỏ thêm một số vấn đề trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xác định rõ hơn những giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đặc biệt đã chỉ ra cơ hội phải nắm lấy và bốn nguy cơ phải vượt qua để tiếp tục đưa đất nước tiến lên.

Tháng 7-1994, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) có những chủ trương và quyết định quan trọng nhằm cụ thể hoá quan điểm của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa

nhiệm kỳ về đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 53 có 78 tài liệu, gồm các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, thông báo, báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các bài phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười.

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm tài liệu, biên tập, nhưng không tránh khỏi thiếu sót, mong bạn đọc góp ý.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 5 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 70-QĐ/TW, ngày 12 tháng 6 năm 1993

**Về việc thành lập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ của
Trung ương**

Để tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Thành lập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ trực thuộc
Trung ương.

**I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN BẢO VỆ
CHÍNH TRỊ NỘI BỘ CỦA TRUNG ƯƠNG**

Ban Bảo vệ chính trị nội bộ của Trung ương là cơ quan
tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là Bộ
Chính trị, Ban Bí thư về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Ban Bảo vệ chính trị nội bộ của Trung ương có những
nhiệm vụ sau đây:

1. Nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến công tác

bảo vệ chính trị nội bộ, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ trương, biện pháp về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

2. Thẩm tra, xác minh những cán bộ thuộc diện Ban Bí thư, Bộ Chính trị trực tiếp quản lý có vấn đề về lịch sử chính trị hoặc có nghi vấn chính trị.

3. Hướng dẫn các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ tổ chức thực hiện các chủ trương, biện pháp về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

4. Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Đảng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Quyền hạn của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương:

1- Được yêu cầu các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ cung cấp tình hình chính trị nội bộ và những vấn đề có liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

2- Được tham dự các cuộc họp của cấp uỷ, của ban cán sự đảng, đảng đoàn và các đơn vị có nội dung liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

3- Được dự các cuộc họp do Bộ Chính trị và Ban Bí thư triệu tập có liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA BAN

- Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương có một trưởng ban và một đến hai phó ban chuyên trách.

- Tổ chức bộ máy và biên chế của Ban do lãnh đạo Ban nghiên cứu và quyết định.

- Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị

Trung ương có trách nhiệm chuẩn bị về cơ sở vật chất, ngân sách và điều cán bộ cho Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương.

Các tỉnh, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan trung ương và các ban của Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 24-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1993

Về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII)

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VII và thực tiễn của những năm đổi mới, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã ra Nghị quyết về "Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn". Nghị quyết đánh giá thực trạng nông nghiệp, nông thôn nước ta hiện nay; xác định các mục tiêu và quan điểm tiếp tục đổi mới và phát triển nông nghiệp, nông thôn; đề ra những phương hướng và giải pháp cụ thể nhằm phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn giàu mạnh, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để Nghị quyết Trung ương năm đi vào cuộc sống, thực sự trở thành mốc đánh dấu bước phát triển mới mạnh mẽ trong nông nghiệp và nông thôn nước ta, toàn Đảng, toàn dân cần thực hiện tốt Nghị quyết. Các cấp uỷ đảng nắm vững những yêu cầu sau đây:

1. Làm cho toàn Đảng, toàn dân thấy rõ vị trí có tính

chiến lược của nông nghiệp, nông thôn trong quá trình đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; quán triệt mục tiêu, quan điểm, phương hướng và giải pháp tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn trong giai đoạn hiện nay; tạo sự nhất trí ở tất cả các ngành, các cấp và trong nhân dân về nhận thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết, làm cho nông dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, xây dựng nông thôn mới.

2. Cần khẩn trương cụ thể hoá, thể chế hoá Nghị quyết Trung ương năm bằng các chủ trương, chính sách, chương trình của Đảng và Nhà nước ở các ngành, các cấp. Đồng thời triển khai những việc có điều kiện làm ngay.

3. Đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn là một sự nghiệp lớn, khó khăn và phức tạp. Cần chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể từng bước, từng việc ở từng cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Quá trình thực hiện Nghị quyết cần được kiểm tra chặt chẽ, lường trước những cách làm và khuynh hướng không đúng, nhất là trong việc thực hiện các luật và chính sách về ruộng đất, thuế, tín dụng, kinh tế nhiều thành phần ở nông thôn để khắc phục kịp thời, bảo đảm vừa tạo bước phát triển mới trong sản xuất nông nghiệp theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa giữ vững sự ổn định chính trị, xã hội ở nông thôn và sự đoàn kết trong nông dân.

4. Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương năm phải kết hợp chặt chẽ với việc tiếp tục thực hiện các Nghị quyết hai, ba, bốn của Trung ương và Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị (khoá VI).

Các cấp uỷ đảng cần làm tốt những việc dưới đây:

1. Tổ chức phổ biến Nghị quyết Trung ương năm:

Nghị quyết phải được quán triệt trước hết trong các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng, nắm vững các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và các chính sách của Nghị quyết Trung ương năm, khắc phục những nhận thức trái với quan điểm của Nghị quyết, tạo ra sự nhất trí cao trong Đảng.

Nghị quyết cần được phổ biến sâu rộng đến từng cán bộ, đảng viên và nhân dân với các hình thức sát hợp với từng đối tượng và từng địa bàn. Khi phổ biến cho nông dân, nhất là nông dân miền núi, vùng cao, cần chú ý sử dụng các hình thức phổ cập và thiết thực.

Việc phổ biến Nghị quyết phải đồng thời với việc bàn chủ trương, kế hoạch và chương trình thực hiện cụ thể của địa phương, ngành và đơn vị, tính đến thời vụ ở từng vùng, từng ngành nghề, đáp ứng những nhu cầu bức bách của nông dân và nông thôn.

2. Xây dựng kế hoạch và chương trình thực hiện Nghị quyết:

Các vấn đề nêu trong phương hướng và giải pháp của Nghị quyết phải được thể chế hoá thành cơ chế, chính sách, xây dựng thành chương trình thực hiện cụ thể, nhất là các vấn đề đang có nhu cầu cấp bách phải giải quyết như: ruộng đất, thuế, tín dụng, đầu tư, giá cả, thị trường, cung ứng vật tư, các thành phần kinh tế, v.v.. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì cùng Ban Cán sự Đảng các bộ khẩn trương lập danh mục các cơ chế, chính sách cần ban hành, các chương trình thuộc quản lý vĩ mô cần xây dựng và thực hiện; phân công cụ thể người phụ trách chương trình, cơ quan thường trực và các cơ quan phối hợp nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện

chương trình; định thời hạn hoàn thành việc xây dựng và thực hiện chương trình.

Để cụ thể hoá Nghị quyết, các cấp uỷ cần bàn các chủ trương và chương trình hành động. Đồng thời mỗi ngành, địa phương, mỗi cơ sở cần xác định những việc cần và có thể tổ chức làm ngay và làm có hiệu quả thiết thực.

Trong khi xây dựng và thực hiện Nghị quyết Trung ương năm theo các chương trình, cần phải có sự phối hợp chỉ đạo chặt chẽ giữa các ngành, các cấp. Các cơ quan trung ương phải cùng các địa phương giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra trên từng địa bàn; chú ý tổng kết những mô hình đổi mới có hiệu quả để phổ biến và kịp thời phát hiện những vấn đề phức tạp mới nảy sinh để chủ động xử lý.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương năm là trách nhiệm của toàn Đảng.

Các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng có trách nhiệm phổ biến quán triệt Nghị quyết, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình trong địa phương, ngành và đơn vị mình.

Một tháng, sau khi ban hành Chỉ thị này, các Ban Cán sự Đảng trực thuộc Trung ương báo cáo Ban Bí thư danh mục các văn bản pháp quy và các chương trình cần xây dựng và ban hành.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và Ban Tuyên giáo các cấp biên soạn các tài liệu phổ biến Nghị quyết đến cơ sở, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng, các hoạt động văn hoá văn nghệ tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết bằng nhiều hình thức dễ hiểu, sinh động và thiết thực; chú trọng giới thiệu các điển hình đổi mới có hiệu quả ở nông thôn.

Các cấp uỷ đảng, các ban đảng, các đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng thường xuyên kiểm tra chặt chẽ việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết, thực hiện chế độ báo cáo theo các quy định hiện hành; trong báo cáo định kỳ gửi Ban Bí thư cần có phần báo cáo riêng về tình hình và tiến độ thực hiện Nghị quyết Trung ương năm. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì cùng các Ban Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ, đảng bộ cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 48-TB/TW, ngày 1 tháng 7 năm 1993

Ý kiến của Ban Bí thư về việc mở khoá đặc biệt đào tạo cao học và nghiên cứu sinh về các bộ môn khoa học Mác - Lênin

Xét nhu cầu bức xúc phải tăng cường đội ngũ cán bộ lý luận Mác - Lênin, Ban Bí thư chủ trương trong khi vẫn tiến hành theo kế hoạch bình thường, việc đào tạo sau đại học về các bộ môn khoa học Mác - Lênin ở các viện và trường đã được phép, cần mở hai khoá đặc biệt đào tạo cao học và nghiên cứu sinh về các bộ môn khoa học Mác - Lênin tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (mỗi khoá 150 học viên).

1. Mục tiêu nhằm đào tạo những cán bộ lý luận cốt cán trẻ, trước hết về các bộ môn triết học, kinh tế học chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học, đạt tới trình độ lý luận cao, có phương pháp nghiên cứu độc lập, sáng tạo, có bản lĩnh vững vàng trong hoạt động lý luận và tư tưởng.

2. Đối tượng chiêu sinh phải hết sức chọn lọc, bảo đảm có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, thật sự có năng khiếu lý luận.

3. Về nội dung chương trình, phải bảo đảm nghiên cứu có

hệ thống, sâu sắc các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn chặt với những vấn đề thực tiễn trong nước và quốc tế đang đặt ra. Chú ý nghiên cứu một số vấn đề lịch sử tư tưởng Việt Nam. Nghiên cứu có chọn lọc, có phê phán các trào lưu tư tưởng, các học thuyết hiện đại ngoài Mác - Lênin.

4. Về điều kiện thực hiện: cần lựa chọn cho được một đội ngũ giáo sư và chuyên gia giỏi trong cả nước bảo đảm việc giảng dạy và hướng dẫn khoa học cho các lớp này. Nhà nước giải quyết các vấn đề về chính sách, chế độ đối với giáo sư và học viên phương tiện giảng dạy và học tập, để Học viện thực hiện nhiệm vụ này.

5. Giao cho Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì cùng Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Ban Khoa giáo Trung ương tổ chức chiêu sinh.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chuẩn bị kế hoạch, nội dung chương trình, đội ngũ giảng dạy và các điều kiện cơ sở vật chất cần thiết để triển khai mở lớp sớm.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 71-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 1993

**Về việc lập Ban Cán sự Đảng ở các tổng công ty,
công ty, liên hiệp các doanh nghiệp trọng yếu
của Nhà nước**

Căn cứ Điều lệ Đảng,
Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành
Trung ương khoá VII,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban Cán sự Đảng ở các tổng công ty, công ty, liên hiệp các doanh nghiệp trọng yếu của Nhà nước.

Điều 2: Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Cán sự Đảng ở các tổng công ty, công ty, liên hiệp các doanh nghiệp:

a) Lãnh đạo tổng công ty, công ty, liên hiệp các doanh nghiệp thực hiện đúng đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ, mục tiêu về sản xuất kinh doanh, thực hiện quyền làm chủ của công nhân.

b) Thực hiện các nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp của cấp trên.

c) Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng trong các hoạt động của tổng công ty, công ty, liên hiệp các doanh nghiệp.

d) Phối hợp với các cấp uỷ địa phương để xây dựng các tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp trong sạch, vững mạnh.

Điều 3: Tổ chức của Ban Cán sự Đảng ở các tổng công ty, công ty, liên hiệp các doanh nghiệp:

a) Ban Cán sự Đảng có từ năm đến bảy uỷ viên, gồm các đồng chí đảng viên là tổng giám đốc, giám đốc, phó tổng giám đốc, phó giám đốc, bí thư đảng uỷ cơ quan, trưởng phòng tổ chức cán bộ, chủ tịch công đoàn ngành (nếu có). Đồng chí đảng viên là tổng giám đốc, giám đốc (hoặc phó tổng giám đốc, phó giám đốc) làm bí thư Ban Cán sự Đảng.

b) Bí thư, phó bí thư và các uỷ viên Ban Cán sự Đảng ở các tổng công ty, công ty, liên hiệp các doanh nghiệp do Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ định.

c) Ban Cán sự Đảng chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư.

d) Ban Cán sự Đảng có con dấu.

Điều 4: Hoạt động của Ban Cán sự Đảng ở các tổng công ty, công ty, liên hiệp các doanh nghiệp:

a) Làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

b) Bảo đảm và tạo điều kiện để tổng giám đốc, giám đốc

thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao, đồng thời bảo đảm thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Nếu thấy chủ trương của cấp trên chưa phù hợp thì kịp thời báo cáo, đề xuất ý kiến với Ban Bí thư.

c) Đại diện Ban Cán sự Đảng được dự các hội nghị của Ban Bí thư về những vấn đề có liên quan.

d) Quan hệ với các ban của Đảng, các đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng và các cấp uỷ đảng để phối hợp công tác.

đ) Định kỳ báo cáo công tác với Ban Bí thư, đồng gửi các cơ quan có liên quan.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 04-NQ/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1993

**Về đổi mới và tăng cường công tác vận động
phụ nữ trong tình hình mới**

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, phụ nữ Việt Nam giữ một vai trò và vị trí quan trọng. Giải phóng và phát triển toàn diện phụ nữ là một trong những mục tiêu của cách mạng Việt Nam, có ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến sự phát triển của đất nước. Bồi dưỡng lực lượng phụ nữ, phát huy sức mạnh và chăm lo sự phát triển mọi mặt của phụ nữ là nhiệm vụ thường xuyên, rất quan trọng của Đảng trong mọi thời kỳ cách mạng.

Trong giai đoạn hiện nay, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phụ nữ là một yêu cầu quan trọng của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và phát triển toàn diện người phụ nữ.

I- TÌNH HÌNH PHỤ NỮ VÀ CÔNG TÁC PHỤ NỮ CỦA ĐẢNG

1. Tình hình phụ nữ

Trong những năm qua, các tầng lớp phụ nữ nước ta, phát

huy truyền thống "anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang", đã đoàn kết, đổi mới sáng tạo trong lao động, công tác, đạt nhiều thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, góp phần xứng đáng vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước, làm đẹp thêm những phẩm chất cao quý của phụ nữ Việt Nam: yêu nước, thông minh, cần cù, nhẫn nại, nhân hậu...

Tuy nhiên, trong khó khăn chung của đất nước, phụ nữ đang phải gánh chịu hậu quả nặng nề. Một bộ phận đáng kể phụ nữ không có hoặc không đủ việc làm, thu nhập thấp, nhiều chị em còn phải làm việc trong các điều kiện nặng nhọc, độc hại. Sức khoẻ phụ nữ nói chung giảm sút, nhiều trẻ em suy dinh dưỡng, không ít trường hợp ngay từ khi còn là bào thai.

Nhiều phụ nữ, nhất là phụ nữ ở miền núi, vùng nông thôn hẻo lánh, mù chữ, tái mù chữ và học vấn thấp còn nhiều. Mức hưởng thụ văn hoá, văn nghệ thấp. Phụ nữ còn bị phân biệt đối xử dưới nhiều hình thức. Phụ nữ là nạn nhân của nhiều tệ nạn xã hội đang có chiều hướng phát triển như: mại dâm, nghiện hút, cờ bạc, mê tín dị đoan... Những khó khăn trên đây đang ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của phụ nữ của thế hệ tương lai.

2. Công tác phụ nữ của Đảng

Từ khi thành lập, Đảng đã coi trọng mục tiêu giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng, đặt sự nghiệp giải phóng phụ nữ gắn liền với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đảng luôn quan tâm lãnh đạo phát huy vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam để Hội thực sự là tổ chức đoàn kết các tầng lớp phụ nữ, phát động và hướng dẫn các phong trào cách mạng của phụ nữ, góp phần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ cho Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, tích cực tham gia các hoạt động của phụ nữ quốc tế và tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của phụ nữ quốc tế đối với Việt Nam và phụ nữ Việt Nam.

Từ sau Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ VI, Hội đã từng bước đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động theo hướng đa dạng hoá các hình thức tập hợp, giáo dục và tổ chức phong trào hành động, đáp ứng nhu cầu lợi ích thiết thân của phụ nữ. Hai cuộc vận động lớn: "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình", "Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học", được các tầng lớp phụ nữ nhiệt liệt hưởng ứng bằng nhiều sáng kiến, đã có tác dụng tốt đến cuộc sống và hạnh phúc của nhiều gia đình, góp phần ổn định xã hội.

Nhà nước đã ban hành Quyết định 163 của Hội đồng Bộ trưởng về cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền với các cấp hội, đạt hiệu quả thiết thực, tác động tích cực đến phong trào của phụ nữ.

Song công tác phụ nữ của Đảng và Nhà nước trong bước chuyển giai đoạn đã bộc lộ nhiều thiếu sót: còn nặng về huy động khai thác sự đóng góp của phụ nữ, mà chưa coi trọng đúng mức việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ phụ nữ, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn mới. Công tác vận động phụ nữ trong các thành phần

kinh tế tập thể, cá thể, tư nhân, trong các dân tộc ít người, các tôn giáo, giới trí thức chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ để có những phương thức vận động phù hợp. Đặc biệt về chính sách đối với cán bộ nữ còn nhiều thiếu sót. Một số cán bộ nữ có phẩm chất và năng lực chưa được bố trí vào các cương vị xứng đáng, chưa được bồi dưỡng chuẩn bị để bổ sung nguồn cán bộ của Đảng và Nhà nước. Mặt khác một bộ phận phụ nữ và cán bộ nữ chưa phấn đấu vươn lên để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ nữ đang bị giảm sút, nguồn cán bộ nữ đang bị hẫng hụt.

Những khó khăn của phụ nữ không tách rời những khó khăn chung của đất nước, song về mặt chủ quan Đảng còn chậm đổi mới công tác vận động phụ nữ, chậm bổ sung, sửa đổi chính sách liên quan đến phụ nữ, chưa tổ chức tốt việc thực hiện đường lối, chính sách đã đề ra về công tác phụ nữ. Trong tư tưởng chỉ đạo, có lúc, có nơi còn thoả mãn về thành tựu giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị, chưa nhận thức đầy đủ yêu cầu, nội dung giải phóng phụ nữ về kinh tế - xã hội. Tư tưởng phong kiến, gia trưởng, coi thường phụ nữ trong một số đảng viên, trong một bộ phận xã hội và gia đình còn khá nặng. Nhiều cấp uỷ còn coi công tác phụ nữ là việc riêng của Hội Phụ nữ.

Nhà nước thiếu và chậm thể chế hoá chế độ, chính sách đối với phụ nữ.

Hội Phụ nữ chưa bao quát hết các đối tượng phụ nữ, chưa đề xuất đầy đủ và kịp thời với Đảng và Nhà nước để bổ sung sửa đổi một số chế độ, chính sách có liên quan đến phụ nữ.

II- QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG TÁC LỚN

A- Quan điểm

1. Phụ nữ Việt Nam có truyền thống lịch sử vẻ vang, có những tiềm năng to lớn, là một động lực quan trọng của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội. Phụ nữ vừa là người lao động, người công dân, vừa là người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Khả năng và điều kiện lao động, trình độ văn hoá, vị trí xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ có ảnh hưởng sâu xa đến sự phát triển của thế hệ tương lai. Vì vậy, phải xem giải phóng phụ nữ là một mục tiêu và nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

2. Mục tiêu giải phóng phụ nữ hiện nay là thiết thực cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của chị em, nâng cao vị trí xã hội của phụ nữ, thực hiện tốt nam nữ bình đẳng. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, có kiến thức, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng, có lòng nhân hậu.

3. Sự nghiệp giải phóng phụ nữ và công tác phụ nữ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, của toàn xã hội và từng gia đình.

Đường lối giải phóng phụ nữ phải được thể chế hoá và cụ thể hoá trong hệ thống pháp luật, chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hội Liên hiệp Phụ nữ là tổ chức đại diện cho lợi ích của phụ nữ, là trung tâm tập hợp đoàn kết phụ nữ Việt Nam, hướng dẫn và vận động chị em phấn đấu vì sự nghiệp giải

phóng phụ nữ, bình đẳng nam nữ, vì sự phát triển và hạnh phúc của phụ nữ, vì sự nghiệp đổi mới, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

B- Một số công tác lớn

1. *Giải quyết việc làm, chăm lo đời sống, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người phụ nữ*

a) Hướng chính để giải quyết việc làm là có cơ chế, chính sách để tạo những điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tự tạo việc làm. Trong chương trình tạo việc làm phải quan tâm giải quyết việc làm, tăng thu nhập đối với phụ nữ, tăng cường đào tạo mới, đào tạo lại, nâng cao tay nghề cho phụ nữ. Các cấp chính quyền, các ngành kinh tế, các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm hỗ trợ vốn, giống, thông tin, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm... nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, sử dụng hợp lý nguồn lao động nữ.

b) Chăm lo cải thiện điều kiện lao động, bố trí sử dụng lao động phù hợp với đặc điểm của phụ nữ, tích cực cải tiến công cụ, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giảm cường độ lao động cho phụ nữ, có chế độ chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh, nghỉ ngơi cho phụ nữ.

c) Xây dựng, sửa đổi, hoàn chỉnh các pháp luật, chính sách xã hội có liên quan đến phụ nữ và lao động nữ (Luật Lao động, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, lao động nghĩa vụ công ích, chính sách đào tạo cán bộ nữ...). Khi xây dựng pháp luật, chính sách cần đặc biệt quan tâm đến tính chất đặc thù của lao động nữ là phụ nữ phải thực hiện cả hai chức năng lao động xã hội và lao động sinh đẻ, nuôi dạy con.

d) Có chủ trương, chính sách phù hợp đối với phụ nữ dân tộc ít người, phụ nữ tôn giáo, phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật...

2. Giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, năng lực, nâng cao trình độ mọi mặt của phụ nữ

a) Các ngành có liên quan phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ phổ biến, hướng dẫn các cấp hội và phụ nữ những thông tin về pháp luật, chính sách kinh tế, xã hội, những kinh nghiệm làm vợ, làm mẹ, tổ chức cuộc sống gia đình..., giúp phụ nữ nâng cao kiến thức về mọi mặt.

b) Có chính sách bảo trợ để phát triển các tài năng sáng tạo văn hoá, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật... của phụ nữ. Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá, nghệ thuật của phụ nữ.

c) Phấn đấu đến năm 2000 thanh toán nạn mù chữ cho phụ nữ, trước hết là đối với phụ nữ trong độ tuổi quy định, đặc biệt chú trọng xoá nạn mù chữ cho phụ nữ dân tộc ít người và vùng nông thôn hẻo lánh, có biện pháp khắc phục tình trạng bỏ học của các em bé gái. Phấn đấu nâng cao tỷ lệ nữ trong đội ngũ trí thức, chuyên gia bậc cao, nữ quản lý sản xuất, kinh doanh giỏi, thợ lành nghề...

3. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc

Gia đình là tế bào xã hội, có vai trò to lớn trong phát triển kinh tế, ổn định xã hội và xây dựng con người mới. Phụ nữ giữ vai trò rất quan trọng trong xây dựng gia đình, cần tạo điều kiện để phụ nữ kết hợp hài hoà nghĩa vụ công dân với chức năng người mẹ trong việc xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các cơ quan có liên quan đưa vấn đề nghiên cứu gia đình vào

chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, thể chế hoá vấn đề gia đình thành chế độ, chính sách, tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các trường học, nhằm nâng cao ý thức của mọi người về nghĩa vụ gia đình.

Nhà nước bổ sung, sửa đổi Luật Hôn nhân và gia đình cho phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội.

4. Công tác cán bộ nữ

Đặt vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ nữ thành nhiệm vụ có tính chiến lược trong toàn bộ công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở quy hoạch, có kế hoạch tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, tạo điều kiện để cán bộ nữ cống hiến và trưởng thành, phấn đấu tăng tỷ lệ nữ trong các cấp uỷ đảng, cơ quan nhà nước, trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục, khoa học, nghệ thuật... Chống coi thường phụ nữ, phân biệt đối xử, khắt khe, hẹp hòi trong đánh giá, sử dụng, đề bạt cán bộ nữ.

Có chính sách sử dụng và phát huy những tri thức của những nữ chuyên gia giỏi và giàu kinh nghiệm ở độ tuổi nghỉ hưu để họ tiếp tục cống hiến cho xã hội và cho phong trào phụ nữ.

5. Đổi mới nội dung tổ chức và phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Tiếp tục đổi mới Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đa dạng hoá hình thức tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của Hội theo lứa tuổi, ngành nghề, sở thích, vùng, miền, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, hướng dẫn các tầng lớp phụ nữ hoạt động theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

6. Tăng cường công tác phụ nữ của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội

Các cấp uỷ đảng thường xuyên chỉ đạo hoạt động của các cấp hội, tạo điều kiện để Hội thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Nhà nước xây dựng chương trình nghiên cứu và ban hành kịp thời các pháp luật, chính sách có liên quan đến phụ nữ.

Các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức, bồi dưỡng, tuyên truyền, động viên các tầng lớp phụ nữ thực hiện các phong trào hành động cách mạng, chăm lo đời sống, giải quyết và bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ, có chương trình đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ trong đoàn thể và tổ chức mình.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân và các cấp Hội Phụ nữ có trách nhiệm tổ chức quán triệt các quan điểm của Đảng về công tác vận động phụ nữ, cụ thể hoá thành chế độ, chính sách, xây dựng chương trình hành động cụ thể và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, rút kinh nghiệm kịp thời.

Ở những đơn vị có đông nữ và những cơ quan có chức năng tham mưu xây dựng các chế độ, chính sách có liên quan đến phụ nữ và trẻ em phải có cán bộ và tổ chức theo dõi về vấn đề nữ để đề xuất với Đảng và Nhà nước ban hành những chủ trương, chính sách phù hợp với cơ chế mới.

Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Dân

vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này, hàng năm sơ kết và báo cáo kết quả với Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Nghị quyết này được phổ biến toàn văn đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 27-CT/TW, ngày 27 tháng 7 năm 1993

**Về nhiệm vụ và tổ chức của Liên hiệp các tổ chức
hoà bình, đoàn kết, hữu nghị của Việt Nam**

I

Những năm qua, Liên hiệp các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị của Việt Nam đã mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần phục vụ công cuộc đổi mới, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong tình hình thế giới biến đổi phức tạp, Liên hiệp đã tiếp tục quan hệ với các đối tượng cũ, đồng thời phát triển quan hệ với các đối tượng mới. Hoạt động của Liên hiệp đã góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tình hữu nghị và sự hợp tác giữa nhân dân ta với nhân dân thế giới, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ về chính trị, tinh thần và vật chất của quốc tế đối với công cuộc đổi mới của ta.

Liên hiệp đã góp phần duy trì tổ chức và chuyển hướng hoạt động của nhiều tổ chức dân chủ quốc tế mà ta là thành viên; bày tỏ tình đoàn kết và sự ủng hộ đối với cuộc đấu

tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Tuy vậy, Liên hiệp chưa thực sự đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Liên hiệp chưa chủ động mở rộng quan hệ với nhân dân các nước Đông Nam Á, khôi phục quan hệ với nhân dân các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu. Trong việc quản lý, hướng dẫn và phối hợp các hoạt động đoàn kết, hữu nghị, tranh thủ và điều phối viện trợ nhân dân và làm đầu mối quan hệ với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, còn có thiếu sót, sơ hở, có nơi, có trường hợp thiếu cảnh giác.

Về mặt tổ chức, Liên hiệp đã củng cố được một số hội hữu nghị và bước đầu ổn định bộ máy thường trực, nhưng chưa xây dựng đầy đủ các quy chế làm việc và các mối quan hệ, chưa kịp thời đổi mới nhân sự lãnh đạo của Liên hiệp và các tổ chức thành viên. Bộ máy thường trực còn yếu, nhất là về nghiên cứu và đề xuất chủ trương; việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chưa được quan tâm đúng mức. Quan hệ giữa Liên hiệp và các tổ chức tương ứng ở địa phương chưa được chặt chẽ.

II

Thực hiện chính sách đối ngoại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), Liên hiệp các tổ chức Hoà bình, đoàn kết, hữu nghị của Việt Nam cần *thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây*:

1. Góp phần tích cực mở rộng quan hệ đoàn kết, hợp tác và hữu nghị, sự giao lưu kinh tế, văn hoá và khoa học kỹ

thuật giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước trên thế giới.

Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân ta.

2. Bày tỏ sự đoàn kết, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới, vì hoà bình, độc lập, dân chủ, tiến bộ xã hội và giải quyết những vấn đề có tính chất toàn cầu như bảo vệ môi trường, phòng chống một số căn bệnh nguy hiểm, v.v..

Tiếp tục góp phần duy trì và đổi mới các tổ chức dân chủ quốc tế đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội phù hợp với tình hình mới của thế giới và điều kiện thực tế của ta.

3. Làm đầu mối vận động, điều phối viện trợ của các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị, các tổ chức nhân đạo, từ thiện, các tổ chức phi chính phủ và cá nhân ở các nước trên thế giới nhằm góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4. Đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ nhân dân, chú ý những địa bàn trọng điểm, đồng thời mở rộng quan hệ với các địa bàn khác. Mở rộng quan hệ với mọi tổ chức và cá nhân bên ngoài có thiện chí, mong muốn có quan hệ hữu nghị, hợp tác với Việt Nam.

5. Tăng cường công tác nghiên cứu để phục vụ các nhiệm vụ nói trên, đổi mới nội dung, hình thức, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân, tăng tính quần chúng nhân dân và sức thuyết

phục. Động viên sự tham gia, phối hợp rộng rãi của các tổ chức có liên quan, các cá nhân có uy tín và khả năng ở trong nước đóng góp vào công tác này.

6. Hoạt động của Liên hiệp phải được quản lý chặt chẽ, bảo đảm vừa giữ vững nguyên tắc vừa có sách lược đúng đắn, vừa mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân, vừa giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ độc lập chủ quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa và bảo vệ cán bộ.

III

Liên hiệp các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị của Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về đối ngoại nhân dân trên các lĩnh vực hoà bình, đoàn kết, hữu nghị và vận động viện trợ nhân dân, hỗ trợ cho công tác đối ngoại của Đảng và ngoại giao nhà nước. Liên hiệp là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Chính phủ.

- Ban Bí thư trực tiếp chỉ đạo Đảng đoàn Liên hiệp về chủ trương, đối sách; về nhân sự thuộc phạm vi quản lý của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đảng đoàn Liên hiệp chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư về việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng trong toàn bộ hoạt động của Liên hiệp, chỉ đạo cơ quan thường trực và thực hiện chính sách cán bộ trong Liên hiệp.

- Chính phủ quản lý và tài trợ hoạt động của Liên hiệp theo các văn bản pháp quy và trên cơ sở Điều lệ của Liên hiệp, thể chế hoá về mặt nhà nước việc thành lập các tổ chức thành viên của Liên hiệp. Xét duyệt ngân sách, biên chế cơ

quan thường trực của Liên hiệp; chỉ đạo kiểm tra việc điều phối các dự án viện trợ nhân dân và quan hệ với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

- Ban Đối ngoại Trung ương giúp Ban Bí thư chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của Liên hiệp.

- Tỉnh, thành phố nào có nhu cầu và đủ điều kiện tổ chức Liên hiệp hoà bình, đoàn kết, hữu nghị hoặc tổ chức tương ứng thì cấp uỷ báo cáo xin phép Ban Bí thư. Nhân sự lãnh đạo Liên hiệp các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị hoặc tổ chức tương ứng ở tỉnh, thành phố do Thường vụ Tỉnh uỷ, Thành uỷ chỉ đạo.

- Liên hiệp cần tích cực và khẩn trương chăm lo công tác bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại cán bộ, nhất là những cán bộ chủ chốt, có trình độ chính trị vững vàng, có đạo đức phẩm chất tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, nắm vững đường lối, chính sách đối ngoại, có trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác đối ngoại nhân dân.

Ban Đối ngoại Trung ương Đảng có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 26-CT/TW, ngày 2 tháng 8 năm 1993

Về Hội nghị đại biểu của Đảng giữa nhiệm kỳ

Căn cứ Điều lệ Đảng, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã quyết định triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ vào tháng 12-1993.

Nhiệm vụ chính của Hội nghị đại biểu toàn quốc là: kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết một bước sự nghiệp đổi mới; xác định phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII; kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị một bước nhân sự cho Đại hội VIII.

Hội nghị đại biểu các cấp tiến hành một vòng từ trên xuống.

Hội nghị đại biểu các cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương tiến hành trong quý I-1994.

Nhiệm vụ chính của hội nghị đại biểu các cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương là: Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VII, Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ, các nghị quyết, chỉ thị của Ban

Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết của đại hội mỗi cấp, kiểm điểm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong hai năm rưỡi qua, khẳng định những việc làm đúng, đúc kết những kinh nghiệm, nhất là kinh nghiệm tốt của các điển hình tiên tiến; làm rõ những việc làm chưa đúng cần uốn nắn; đề ra nhiệm vụ và các giải pháp của đảng bộ trong hai năm 1994-1995; bầu cử bổ sung cấp uỷ.

Đây là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng và nhân dân ta. Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ và tổ chức đảng làm tốt một số việc sau đây:

1. Về chuẩn bị nội dung

- Tổng kết công tác của mình trong hai năm rưỡi qua, trong đó đặc biệt chú ý kiểm điểm việc thực hiện mục tiêu, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; kiểm điểm việc lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và hoạt động của các đoàn thể nhân dân.

Để tổng kết có chất lượng, cần tiến hành nghiên cứu một số đơn vị, lĩnh vực, địa bàn đổi mới có hiệu quả.

Bản tổng kết và các báo cáo kết quả nghiên cứu nói trên gửi về Ban Bí thư trong tháng 9-1993.

- Trong tháng 10-1993, các tỉnh uỷ, thành uỷ và các đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức hội nghị cấp uỷ, hoặc hội nghị cấp uỷ mở rộng để góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương.

- Khi dự thảo Báo cáo chính trị được công bố trên báo chí, các cấp uỷ và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở bằng nhiều hình thức thích hợp, thu thập ý kiến của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân gửi về Ban Bí thư.

- Các cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận và các đảng uỷ trực thuộc Trung ương cần khẩn trương tiến hành chuẩn bị dự thảo báo cáo của hội nghị đại biểu cấp mình.

2. Về chuẩn bị nhân sự

Yêu cầu công tác nhân sự là nâng cao chất lượng lãnh đạo của cấp uỷ; đồng thời chuẩn bị một bước nhân sự cấp uỷ cho nhiệm kỳ tới.

Cần xem xét yêu cầu của một số cấp uỷ viên tự nguyện xin rút ra khỏi cấp uỷ vì những lý do chính đáng.

Việc chuẩn bị và bầu bổ sung uỷ viên ban chấp hành phải chú trọng các tiêu chuẩn và yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với lĩnh vực, địa phương chưa có cấp uỷ viên, nhưng không nhất thiết cứ phải là người địa phương đó, ngành đó. Cấp uỷ viên mới bổ sung cần hướng vào những đồng chí trẻ, có triển vọng. Không nhất thiết nơi nào cũng bầu tăng thêm cấp uỷ viên như mức quy định tối đa của Điều lệ.

Giao cho Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc chuẩn bị và tiến hành bầu cử bổ sung cấp uỷ viên.

3. Về thành phần, số lượng và cách thức bầu cử đại biểu đi dự hội nghị đại biểu đảng bộ các cấp

- Thành phần hội nghị đại biểu của mỗi cấp gồm các cấp uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị và các đại biểu do ban chấp hành cấp dưới cử lên. Ban chấp hành cấp dưới trực tiếp cử đại biểu trong số các cấp uỷ viên của cấp mình theo số lượng đại biểu do cấp uỷ cấp trên phân bổ.

Hướng phân bổ đại biểu cho các cấp dưới vận dụng theo Quyết định số 74 ngày 2-8-1993 của Bộ Chính trị.

Số lượng đại biểu dự hội nghị đại biểu của mỗi đảng bộ nói chung là 50% số lượng đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp mình tại vòng II vừa qua.

4. Thời gian tiến hành hội nghị

Hội nghị đại biểu các đảng bộ tỉnh, thành và đảng bộ trực thuộc Trung ương khoảng từ hai đến ba ngày.

Hội nghị đại biểu các đảng bộ huyện, quận và tương đương hai ngày.

5. Việc chuẩn bị và tiến hành hội nghị đại biểu ở các cấp phải được các cấp uỷ *chỉ đạo chặt chẽ, nghiêm túc, đạt kết quả thiết thực và tiết kiệm*; kết hợp với việc chỉ đạo các công việc thường xuyên.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương chú ý rút kinh nghiệm và báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện các công tác trên.

Ban Tổ chức Trung ương Đảng cùng các ban của Trung ương Đảng hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 52-TB/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1993

Ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội lần thứ III của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam

Ngày 27-8-1993, sau khi nghe Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam báo cáo về nội dung Đại hội lần thứ III của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam là tổ chức tập hợp, đoàn kết rộng rãi đội ngũ trí thức khoa học, kỹ thuật và công nghệ nhằm phát huy vai trò của đội ngũ này vào sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực cho hội viên.

Cần khẳng định đội ngũ trí thức Việt Nam có truyền thống yêu nước, cách mạng, gắn bó với nhân dân; có nhiều đóng góp vào sự nghiệp giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặc dù thế giới có nhiều biến động, Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, có một bộ phận nhỏ trí thức dao động, nhưng nói chung đội ngũ trí thức vẫn tin tưởng vào con đường phát triển của dân tộc do Đảng ta lãnh đạo; đã và

đang có những cống hiến to lớn trong công cuộc đổi mới đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật từ khi thành lập đã nỗ lực hoạt động và hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên công tác vận động trí thức của Liên hiệp còn nặng tính chất hành chính.

Đội ngũ trí thức có vị trí quan trọng trong cách mạng dân tộc dân chủ. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đội ngũ trí thức lại càng có vị trí quan trọng. Liên minh các giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức là nền tảng chính trị của xã hội ta, Nhà nước ta. Trong sự nghiệp giữ vững độc lập dân tộc, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nước nghèo, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển với các nước trên thế giới, đòi hỏi dân tộc ta phải nâng cao trình độ trí tuệ, toàn dân phải có trí tuệ cao, trong đó bộ phận quan trọng nhất là đội ngũ trí thức.

Đại hội của Liên hiệp lần này diễn ra sau hai năm rưỡi toàn Đảng, toàn dân ta đã phấn đấu kiên cường và sáng tạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Những thành tựu đó là tiền đề để đưa công cuộc đổi mới đất nước tiến lên với tốc độ nhanh hơn, vững chắc hơn. Đồng thời, khó khăn, thử thách cũng còn nhiều. Cuộc đấu tranh chống lại những âm mưu, thủ đoạn diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch sẽ còn diễn ra rất phức tạp.

Vì vậy, Đại hội lần này của Liên hiệp hội phải đề cao mục tiêu đoàn kết rộng rãi trí thức, động viên đội ngũ này đem công sức và trí tuệ, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu do Đại

hội Đảng lần thứ VII đề ra, đưa đất nước đi lên trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và thành quả cách mạng của nước ta.

2. Về tính chất và nguyên tắc tổ chức của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Với chức năng là một tổ chức tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức của đất nước hướng vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam là một tổ chức *chính trị - xã hội* của trí thức Việt Nam. Các hội thành viên được tổ chức đa dạng để có thể tập hợp được thật rộng rãi đội ngũ trí thức của cả nước.

Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam phải thật sự là hội của các nhà khoa học (cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội) được tổ chức trên cơ sở dân chủ, tự nguyện của các hội thành viên. Liên hiệp hội cần củng cố về mặt tổ chức và hoạt động để tập hợp rộng rãi các hội thành viên.

Liên hiệp các hội hoạt động theo nguyên tắc *tập trung - dân chủ* đối với vấn đề liên quan chung đến đất nước và những vấn đề chung của Liên hiệp các hội. Mỗi hội thành viên của Liên hiệp các hội là một tổ chức tự chủ, tự nguyện gia nhập Liên hiệp các hội.

3. Về việc giới thiệu người ra ứng cử các chức danh chủ chốt của Liên hiệp các hội khoa III, Đảng đoàn Liên hiệp các hội bàn cụ thể với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương và trình Ban Bí thư xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

4. Về sự lãnh đạo của Đảng đối với Liên hiệp các hội và các hội thành viên.

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò

quản lý và giúp đỡ của các cơ quan nhà nước đối với các hội trí thức là yêu cầu khách quan.

Ban Bí thư giao cho Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và các ban ngành liên quan chuẩn bị xây dựng một dự thảo nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác vận động trí thức trong tình hình mới.

Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam có nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Liên hiệp, của các hội thành viên và của đội ngũ trí thức, căn cứ vào đặc điểm đối tượng và hoàn cảnh cụ thể mà chỉ đạo sao cho có những hình thức tổ chức và phương thức hoạt động thích hợp.

Đảng đoàn cần xây dựng, bổ sung chương trình hoạt động, phân công trách nhiệm cụ thể, đổi mới phương thức công tác, để có thể theo sát được các hoạt động của các hội thành viên, làm việc với trí thức có hiệu quả hơn. Nếu cần thiết có thể đề nghị bổ sung thêm số lượng uỷ viên đảng đoàn.

Từng đảng viên công tác tại các hội thành viên phải nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình, góp phần cùng Đảng đoàn Liên hiệp các hội phát huy vai trò lãnh đạo, đoàn kết và động viên anh em trí thức trong và ngoài Đảng, thực hiện tốt các mục tiêu do Đại hội Liên hiệp hội đề ra.

5. Ban Bí thư đồng ý đề nghị của Đảng đoàn để Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam mở Đại hội lần thứ III vào hạ tuần tháng 9-1993.

Đồng chí Nguyễn Đình Tứ thay mặt Ban Bí thư làm việc

thường xuyên với Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, chỉ đạo Đảng đoàn chuẩn bị và tiến hành Đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 56-TB/TW, ngày 16 tháng 9 năm 1993

Kết luận của Bộ Chính trị về Đại hội lần thứ VII Công đoàn Việt Nam

Ngày 28-8-1993, sau khi nghe Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam báo cáo về Đại hội lần thứ VII Công đoàn Việt Nam, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Giai cấp công nhân nước ta thông qua đội ngũ tiên phong của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam, đã lãnh đạo nhân dân ta anh dũng đấu tranh lần lượt đánh bại sự xâm lược của nhiều đế quốc lớn, đem lại độc lập tự do cho đất nước, đưa nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đổi mới, giai cấp công nhân đã chịu những thử thách đặc biệt nặng nề về việc làm, thu nhập và đời sống, song đã không lùi bước, có những đóng góp quan trọng trên nhiều lĩnh vực, góp phần xứng đáng vào thành tựu đổi mới chung của đất nước. Ở một số ngành, đội ngũ công nhân đã trưởng thành rõ rệt, đứng vững trong cơ chế mới, đảm đương được những công việc có trình độ kỹ thuật ngày càng cao. Tuy nhiên, đội ngũ giai cấp công nhân cũng gặp nhiều khó khăn. Một bộ phận công nhân phải

ra khỏi dây chuyền sản xuất, không có việc làm, một bộ phận trình độ kỹ thuật, tay nghề thấp, không đáp ứng yêu cầu của quy trình công nghệ mới, năng suất và chất lượng sản phẩm kém, thu nhập thấp; một số người lúng túng khi cơ chế thay đổi, một số ít sống tha hoá không phù hợp với bản chất của giai cấp công nhân...

2. Trước những biến động phức tạp ở trong nước và quốc tế, tổ chức công đoàn đã vững vàng về chính trị, có nhiều cố gắng trong việc vận động công nhân khắc phục khó khăn, kiên trì đường lối đổi mới, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội. Song công đoàn còn chậm đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động, còn quan liêu, hành chính. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa được coi trọng, vai trò làm chủ của người lao động chưa được đề cao. Vai trò công đoàn trong việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh, tham gia đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu còn hạn chế. Việc công đoàn tham gia thực hiện mối quan hệ liên minh công - nông trong thực tiễn của quá trình đổi mới chưa thể hiện rõ.

3. Nhiệm vụ của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn trong giai đoạn cách mạng hiện nay là nắm vững và cụ thể hoá Cương lĩnh, Chiến lược kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Đảng, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, chống âm mưu diễn biến hoà bình, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch. Đảng và tổ chức công đoàn phải ra sức chăm lo xây dựng giai cấp công nhân không ngừng lớn mạnh về số lượng và chất lượng, vững vàng về chính trị tư tưởng,

xứng đáng với vai trò giai cấp tiên phong cách mạng. Chính phủ cần hoàn thiện các chính sách tạo điều kiện cho công nhân có việc làm và thu nhập hợp lý, tham gia tích cực và có hiệu quả vào việc quản lý xí nghiệp, quản lý kinh tế - xã hội, quản lý đất nước.

Giai cấp công nhân phải chủ động thực hiện vai trò quan trọng của mình trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân mà nền tảng là mối quan hệ liên minh với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức trong kinh tế, chính trị và mọi mặt của đời sống xã hội.

4. Công đoàn phải làm tốt nhiệm vụ động viên công nhân, viên chức và người làm công ăn lương tham gia phát triển kinh tế - xã hội; tham gia công việc của Nhà nước, tham gia quản lý xí nghiệp; tổ chức các phong trào thi đua nâng cao năng suất lao động, cần kiệm xây dựng đất nước, thực hiện chế độ phân phối theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít; chăm lo, bảo vệ những quyền lợi chính đáng và hợp pháp của công nhân, viên chức và người làm công ăn lương, nhất là trong các xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, góp phần cùng Nhà nước và các doanh nghiệp giải quyết các vấn đề thiết thực về việc làm, đời sống, điều kiện lao động, học tập, nghỉ ngơi của công nhân, viên chức, đặc biệt chú ý làm tốt công tác bảo hộ lao động; giám sát các xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp liên doanh với nước ngoài... kinh doanh theo đúng đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tổ chức công đoàn phải góp phần tích cực cùng với Đảng, Nhà nước tìm ra cơ chế, chính sách tạo nên động lực thúc đẩy sản xuất - kinh doanh phát triển, động lực thôi thúc bản

thân người công nhân hăng hái lao động sáng tạo. Đây là một nội dung quan trọng của Đại hội Công đoàn lần này. Phải bàn việc thực hiện rộng rãi và đúng đắn chế độ khoán sản phẩm, trả công lao động trên cơ sở năng suất lao động và chất lượng sản phẩm; đổi mới chế độ tiền lương và kiểm soát chặt chẽ việc trả công lao động trong các doanh nghiệp; tiến tới thực hiện người công nhân có cổ phần trong xí nghiệp để tạo nên động lực trực tiếp gắn bó công nhân với sản xuất, với năng suất và hiệu quả lao động và để phát huy vai trò làm chủ của họ.

Bộ Chính trị giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu xây dựng chế độ chia lợi nhuận và việc mua cổ phần của công nhân trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, tổ chức làm thí điểm xí nghiệp cổ phần của công nhân, trên cơ sở đó đúc kết xây dựng thành chính sách, cơ chế, loại trừ các tiêu cực trong các doanh nghiệp, làm cho người lao động thực sự làm chủ xí nghiệp, thúc đẩy sản xuất - kinh doanh phát triển. Khuyến khích các chủ doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước thực hiện theo hướng đó, có lợi cho cả chủ và thợ.

Trong quan niệm về lợi ích, cần nâng trình độ tư tưởng của giai cấp công nhân đúng vai trò sứ mệnh lịch sử của nó. Giai cấp công nhân không chỉ vì lợi ích của mình mà luôn gắn lợi ích của mình với lợi ích của đất nước và của dân tộc.

5. Cơ cấu công nhân sẽ còn tiếp tục thay đổi trong quá trình công nghiệp phát triển. Người lao động trong xã hội được tập hợp vào nhiều hình thức tổ chức khác nhau, cần phân biệt lực lượng lao động nào do công đoàn tập hợp, không phải tất cả người lao động nói chung đều vào công

đoàn. Đại hội cần đi sâu thảo luận việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Công đoàn, phải đa dạng hoá các hình thức tập hợp công nhân, viên chức và người làm công ăn lương cho phù hợp với tình hình mới. Tổng Liên đoàn Lao động cần chăm lo xây dựng và quản lý chặt chẽ hệ thống tổ chức của mình trước hết là các tổ chức công đoàn quan trọng trong công - thương nghiệp và các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước. Nghiên cứu để thành lập công đoàn viên chức nhà nước.

6. Công tác đối ngoại của Công đoàn cần xác định theo quan điểm đối ngoại của Đảng.

7. Quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Công đoàn phải được xây dựng thành các quy chế. Khi có những vướng mắc, thì Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần làm việc với nhau để giải quyết, nếu vẫn còn vấn đề chưa nhất trí được thì phải báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư để giải quyết.

8. Bộ Chính trị giao cho Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động cùng các ban có liên quan của Đảng nghiên cứu chuẩn bị nghị quyết xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới để trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VII.

9. Về nhân sự Đại hội: Bộ Chính trị nhấn mạnh cần mở rộng thành phần người ngoài Đảng trong cơ cấu Ban Chấp hành nhiệm kỳ Đại hội VII Công đoàn Việt Nam để thể hiện đầy đủ tính chất quần chúng của tổ chức công đoàn. Về việc giới thiệu người ra ứng cử các chức danh chủ chốt của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam bàn với Ban Tổ chức

Trung ương, Ban Dân vận Trung ương và trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét cho ý kiến chỉ đạo. Đội ngũ cán bộ công đoàn nên chú ý lựa chọn những cán bộ trưởng thành từ phong trào công nhân, nhất là trong những ngành và lĩnh vực chủ chốt, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, có quan điểm, tư tưởng vững vàng, có kinh nghiệm vận động quần chúng công nhân...

10. Khi tiến hành Đại hội, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phải lãnh đạo chặt chẽ, đưa ra Đại hội bàn những vấn đề lớn có ý nghĩa với đất nước, với giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 53-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1993

Ý kiến của Bộ Chính trị về chính sách nhà ở

Ngày 19-6-1993, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về chính sách nhà ở, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

- Không đặt vấn đề "hoá giá nhà ở", mà chuyển toàn bộ quỹ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước sang kinh doanh dưới hình thức bán hoặc cho thuê.

Riêng đối với các khu nhà ở tập thể cấp bốn hiện nằm trong quy hoạch nhà ở lâu dài thì cần cải tạo, xây dựng lại thành nhà ở cao tầng, kiên cố và đưa vào bán, cho người thiếu nhà ở thuê.

- Giá bán và cho thuê nhà phải phù hợp với thị trường.

Có chính sách đối với các đối tượng hưởng lương, sĩ quan lực lượng vũ trang, người có công với nước, gia đình chính sách có thể mua hoặc được thuê nhà ở.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước đầu tư xây dựng nhà ở theo hướng dẫn về quy hoạch, kiến trúc của Nhà nước phù hợp với Luật Đất đai và các quy định khác của pháp luật.

Các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nếu đầu tư kinh doanh nhà ở chỉ áp dụng hình thức liên doanh với phía Việt Nam theo luật pháp hiện hành và do Chính phủ quy định cụ thể.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ việc kinh doanh nhà ở theo đúng pháp luật; nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ nhà ở, bảo đảm công bằng, giữ ổn định chính trị - xã hội, tránh gây thất thoát tài sản quốc gia, đồng thời khẩn trương chỉ đạo việc xây dựng chiến lược về phát triển nhà ở trên phạm vi cả nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 54-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1993

Ý kiến của Ban Bí thư về kỷ niệm 50 năm Đảng ta công bố *Đề cương văn hoá Việt Nam*

Cách đây vừa đúng 50 năm, năm 1943, Đảng ta công bố *Đề cương văn hoá Việt Nam*. Theo đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và Đảng đoàn Trung ương Liên hiệp Văn học - nghệ thuật Việt Nam, Ban Bí thư có ý kiến như sau về việc tổ chức kỷ niệm sự kiện lịch sử này:

1. Mục đích, nội dung kỷ niệm

- Nêu rõ đường lối văn hoá, văn nghệ đúng đắn của Đảng, ý nghĩa lịch sử và tác dụng to lớn của *Đề cương văn hoá Việt Nam*.

- Khẳng định thành tựu to lớn của nền văn hoá, văn nghệ cách mạng trong 50 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Động viên, cổ vũ các văn nghệ sĩ, cán bộ các ngành văn hoá, nghệ thuật phát huy khả năng sáng tạo, cùng toàn dân thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII về văn hoá - văn nghệ.

2. Hình thức kỷ niệm

- Tổ chức hội thảo (ở trung ương) với chủ đề: "Từ Đề cương văn hoá (1943) đến Nghị quyết bốn của Trung ương (1993) về văn hoá, văn nghệ", hướng vào nội dung nói trên. Thời gian: một ngày.

Thành phần dự hội thảo gồm các đồng chí phụ trách các cơ quan văn hoá, văn nghệ, các văn nghệ sĩ và nhà hoạt động văn hoá tiêu biểu của ngành, các thế hệ. Các bài tham luận cần được chuẩn bị tốt.

Danh nghĩa tổ chức hội thảo là Bộ Văn hoá - Thông tin, Trung ương Liên hiệp Văn học - nghệ thuật và Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì cùng với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá - Thông tin, Đảng đoàn Trung ương Liên hiệp Văn học - nghệ thuật Việt Nam, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia có trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và tiến hành tốt cuộc hội thảo. Cuộc hội thảo có thể tổ chức vào thời gian thích hợp trong quý IV năm 1993.

Trong dịp kỷ niệm, các báo, đài, Tạp chí *Văn học nghệ thuật* đăng một số bài giới thiệu và nghiên cứu *Đề cương văn hoá Việt Nam* (1943), gắn với việc quán triệt các quan điểm Nghị quyết Trung ương bốn về văn hoá - văn nghệ, phấn đấu có nhiều tác phẩm hay về công cuộc đổi mới, chuẩn bị đón mừng những ngày lễ lớn trong năm 1995.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 28-CT/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1993

**Về thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị "Đổi mới và
tăng cường công tác vận động phụ nữ
trong tình hình mới"**

Nghị quyết Bộ Chính trị (số 04-NQ/TW) "Đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới" có ý nghĩa rất quan trọng. Để Nghị quyết đi vào cuộc sống, các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng, đảng uỷ các khối Trung ương cần nắm vững những yêu cầu sau đây:

1. Làm cho toàn Đảng, toàn dân thấy rõ vị trí, vai trò của phụ nữ Việt Nam, sự cần thiết đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ; quán triệt ba quan điểm và sáu công tác lớn, quyết tâm thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị.
2. Thể chế hoá, cụ thể hoá Nghị quyết bằng các chủ trương, chính sách, luật pháp, chương trình của Đảng và Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; tổ chức thực hiện có kết quả thiết thực.
3. Chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể thực hiện từng việc phù

hợp với điều kiện thực tế ở từng đơn vị, địa phương, có kiểm tra, đôn đốc, sơ kết và tổng kết.

Các tổ chức đảng cần làm tốt những việc dưới đây:

1. Phổ biến Nghị quyết

- Nghị quyết phải được quán triệt trước hết trong các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn, ban cán sự để nắm vững các quan điểm và sáu công tác lớn; nâng cao một bước tinh thần trách nhiệm và tạo ra sự nhất trí cao trong Đảng. Nghị quyết được phổ biến sâu rộng bằng nhiều hình thức thích hợp đến từng chi bộ, đảng viên và nhân dân; cần có các báo cáo viên, tuyên truyền viên và các hình thức phổ cập thiết thực.

Cần có những nội dung nói sâu về giới, đặc biệt quan tâm tới hai chức năng của người phụ nữ là chức năng lao động xã hội và chức năng sinh đẻ, nuôi dạy con.

Việc phổ biến Nghị quyết phải tiến hành đồng thời với việc đề ra kế hoạch và chương trình thực hiện cụ thể của Đảng và Nhà nước, của các bộ, ngành và các đoàn thể nhân dân, của các địa phương và cơ sở.

Để chuẩn bị cho Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ, các cấp uỷ chọn một số việc quan trọng liên quan tới công tác phụ nữ đưa vào văn kiện Hội nghị và chương trình hành động.

2. Xây dựng kế hoạch và chương trình thực hiện Nghị quyết

Theo chức năng của mình, Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng các bộ, uỷ ban, các ban đảng, các tổ chức đảng ở địa phương và cơ sở chỉ đạo thể

chế hoá Nghị quyết bằng các cơ chế, chính sách, luật pháp, hoặc xây dựng các chương trình thực hiện cụ thể.

Trong khi xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết, từng cấp, ban, ngành, địa phương, cơ sở xác định những việc cần và có thể tổ chức làm ngay và làm có hiệu quả, rút ra được những kinh nghiệm, gây lòng tin trong Đảng và trong nhân dân, nhất là những việc như: công tác cán bộ nữ kết hợp với tổng kết Chỉ thị 44 của Ban Bí thư; giải quyết việc làm, đào tạo nâng cao tay nghề cho chị em; xoá mù chữ cho phụ nữ; biện pháp tăng dinh dưỡng cho trẻ em; tổng kết Luật Hôn nhân và gia đình...

Các cấp uỷ đảng và đảng đoàn phụ nữ các cấp cần chỉ đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức các phong trào phụ nữ thực hiện Nghị quyết với các nội dung thiết thực, cụ thể, sát hợp với nhu cầu đời sống hằng ngày của phụ nữ.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các cơ quan trung ương cùng với địa phương giải quyết các vấn đề phụ nữ đang đặt ra trên địa bàn. Coi trọng việc tổng kết những cơ sở, địa phương thực hiện tốt Nghị quyết để phổ biến kịp thời.

3. Tổ chức, thực hiện

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam biên soạn các tài liệu phổ biến Nghị quyết cho báo cáo viên các cấp và cho cơ sở; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết bằng nhiều hình thức dễ hiểu, thiết thực, chú trọng giới thiệu các kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết sáng tạo và có hiệu quả.

Các trường đảng và đoàn thể, các trường đào tạo cán bộ quản lý của Nhà nước cần đưa tinh thần Nghị quyết vào nội dung chương trình của các lớp đào tạo dài hạn.

Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm giúp Ban Bí thư trực tiếp chỉ đạo phong trào phụ nữ, đổi mới nội dung, tổ chức và phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chính sách tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ nữ.

Ban Dân vận Trung ương chủ trì cùng Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương và các ban của Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết; tổng hợp tình hình báo cáo lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến các chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 06-NQ/TW, ngày 23 tháng 10 năm 1993

**Về tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử lớn
trong hai năm 1994, 1995**

Năm 1994 và năm 1995 là năm chẵn của nhiều ngày kỷ niệm lịch sử lớn.

1994:

- 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954 – 7-5-1994).
- 40 năm ngày giải phóng Thủ đô Hà Nội (10-10-1954 – 10-10-1994).
- 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 – 22-12-1994).

1995:

- 65 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-1995).
- 105 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-1995).
- 50 năm Cách mạng Tháng Tám 1945 và ngày Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-1945 – 2-9-1995).

- 20 năm ngày thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (30-4-1975 – 30-4-1995).
- 50 năm ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam (19-8-1945 – 19-8-1995).
- 65 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất (18-11-1930 – 18-11-1995).
- Về quốc tế, kỷ niệm lần thứ 125 ngày sinh V.I.Lênin (22-4-1870 – 22-4-1995).

Ngoài ra, trong hai năm 1994, 1995 sẽ diễn ra những sự kiện chính trị quan trọng: triển khai Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng, Hội nghị đại biểu của các tỉnh uỷ, thành uỷ, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp..., và là thời gian có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội VII đã đề ra cho 5 năm 1991-1995, chuẩn bị Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

Những thành tựu rất quan trọng của công cuộc đổi mới đang tạo ra cho đất nước ta những khả năng mới để tiếp tục đi lên, song khó khăn còn lớn, tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh đó, những ngày kỷ niệm nói trên là nguồn động viên lớn toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy truyền thống cách mạng, vững bước đi lên trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tổ chức kỷ niệm trọng thể và có tính quần chúng rộng rãi những ngày kỷ niệm lịch sử lớn trong hai năm 1994, 1995 nhằm mục đích:*

- Biểu dương những thành tựu và thắng lợi to lớn của

nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc những năm qua, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới ngày nay. Giáo dục truyền thống quý báu của dân tộc, nâng cao tinh thần yêu nước, tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.

- Giáo dục những bài học lớn của lịch sử cách mạng nước ta và của công cuộc đổi mới trên các mặt. Qua đó, nâng cao trình độ chính trị, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng tự hào, tự tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, có ý chí và quyết tâm cao xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

- Động viên và tổ chức phong trào hành động cách mạng trên mọi lĩnh vực hoạt động, trọng tâm là phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, củng cố quốc phòng và an ninh, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu Nghị quyết Đại hội VII đã đề ra cho 5 năm 1991-1995, tiến tới Đại hội VIII của Đảng.

Mỗi ngày kỷ niệm cần được tổ chức với mức độ phù hợp, đặc biệt là kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2), 50 năm ngày Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và 20 năm ngày thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (30-4). Kỷ niệm 50 năm ngày Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9) là điểm tập trung cao nhất của những ngày lịch sử lớn hai năm 1994, 1995.

- Việc tổ chức kỷ niệm phải đạt hiệu quả thiết thực cả về giáo dục tư tưởng và đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ trước mắt, bảo đảm an toàn, hết sức tiết kiệm, tránh hình thức, phô trương, lãng phí.

2. Chủ đề tuyên truyền chung cho những ngày kỷ niệm:

a) Khẳng định thắng lợi to lớn, truyền thống anh hùng bất khuất, trí thông minh, sáng tạo của Đảng và nhân dân ta trong đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu của sự nghiệp đổi mới.

- Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao truyền thống yêu nước và đại đoàn kết dân tộc, nhận rõ những thuận lợi và khó khăn thách thức trước mắt, phát huy cao độ ý chí tự lực, tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Tuyên truyền giáo dục về Đảng, về nhiệm vụ làm trong sạch, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân; về yêu cầu và nội dung phấn đấu của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền để xứng đáng "vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân". Rút ra những bài học lớn về xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân, về xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết quân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là những yếu tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta, của sự nghiệp đổi mới.

- Giáo dục tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang phải là lực lượng tích cực thực hiện "sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại", "sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật", "vì sự

nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh", đấu tranh chống tham nhũng, xâm phạm lợi ích và quyền làm chủ của nhân dân và các tệ nạn xã hội khác.

b) Thông qua những ngày kỷ niệm, giới thiệu với thế giới những thành tựu và thắng lợi của nhân dân ta những năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là những thành tựu trong công cuộc đổi mới, bày tỏ lòng biết ơn của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đối với sự ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè trên thế giới trước đây và hiện nay. Giới thiệu các chủ trương, chính sách đổi mới, nhất là chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và hợp tác rộng rãi của các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các cá nhân trên thế giới đối với sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta. Biểu thị sự đồng tình của nhân dân ta đối với sự nghiệp đấu tranh của các dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

c) Thông qua những ngày kỷ niệm, tăng cường các hoạt động thông tin, làm cho đồng bào hiểu đúng tình hình đất nước, các chính sách đổi mới và chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Chính phủ; động viên lòng yêu nước, ý thức dân tộc, vận động đồng bào góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

3. Về tổ chức thực hiện:

Các ngành, các đoàn thể, các tỉnh, thành xây dựng chương trình kế hoạch tổ chức kỷ niệm và chỉ đạo triển khai ngay những việc cần làm sớm để phục vụ kỷ niệm (chuẩn bị các cuộc triển lãm lớn 50 năm thành lập nước và bảo vệ Tổ quốc, củng cố các di tích cách mạng và kháng chiến, các nhà bảo tàng, tổ chức sáng tác văn học, nghệ thuật, kế hoạch xuất bản các loại sách, v.v.).

- Mỗi ngành, địa phương, đơn vị tổ chức phong trào quần chúng thi đua lập thành tích chào mừng những ngày kỷ niệm lịch sử với những mục tiêu cụ thể, thiết thực ngay từ đầu năm 1994. Khen thưởng những người có công với đất nước, với cách mạng. Biểu dương người tốt việc tốt, bồi dưỡng phát huy những nhân tố mới, những tài năng trẻ xuất hiện trong phong trào thi đua của quần chúng.

- Đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, các hoạt động xã hội chăm sóc người già, phụ nữ và trẻ em, những người neo đơn tàn tật... Tích cực chỉ đạo việc giúp đỡ sản xuất, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc, miền núi, căn cứ cách mạng và kháng chiến trước đây.

- Nhân những ngày kỷ niệm, đẩy mạnh phong trào sáng tác văn học nghệ thuật, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao... tạo không khí vui vẻ, lành mạnh trong xã hội. Chỉ đạo tốt các hoạt động kỷ niệm ở cơ sở, cán bộ lãnh đạo các cấp về cơ sở tham gia các hoạt động kỷ niệm với nhân dân, tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện tốt các nhiệm vụ trước mắt.

- Đề nghị Chính phủ có quyết định về tổ chức kỷ niệm và giải quyết những vấn đề về mặt nhà nước để việc tổ chức kỷ niệm đạt được kết quả tốt như mục đích, yêu cầu đã đề ra và hết sức tiết kiệm.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VII CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

Ngày 11 tháng 11 năm 1993

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí Cố vấn Phạm Văn Đồng và Võ Chí Công,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi nhiệt liệt chào mừng Đại hội đại biểu lần thứ VII Công đoàn Việt Nam; nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và trí tuệ của giai cấp công nhân Việt Nam, của các tầng lớp lao động và của toàn thể cán bộ, đoàn viên công đoàn trong cả nước.

Nhân dịp này, qua các đồng chí, tôi gửi lời thăm hỏi ân cần của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tới toàn thể anh chị em công nhân, tới những người lao động trí óc và chân tay, đang hăng hái làm việc trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, xây dựng, dịch vụ, trong nghiên cứu và công tác,

trong việc giữ gìn trật tự, trị an, góp phần quan trọng ổn định và đổi mới đất nước.

Đại hội Công đoàn lần này diễn ra trong tình hình đất nước có nhiều thay đổi lớn. Chúng ta đã khắc phục được tình trạng suy thoái về kinh tế, có nhiều mặt tăng trưởng và bắt đầu có tích lũy nội bộ. Đời sống của số đông nhân dân tuy còn thấp, nhưng đã được cải thiện. Đã có những tiến bộ trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, văn hoá, nghệ thuật. Quốc phòng, an ninh được củng cố. Các quyền dân chủ được phát huy. Việc thực hiện chủ trương khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa những người có công với Tổ quốc, giúp đỡ người tàn tật, cô đơn, hỗ trợ học sinh nghèo... trong những năm qua là những nhân tố mới đáng khích lệ. Vượt qua thử thách, khó khăn chồng chất, đất nước ta chẳng những giữ vững được ổn định chính trị mà còn tạo được thế phát triển mới, mặc dầu các thế lực thù địch không hề từ bỏ âm mưu phá hoại công cuộc hoà bình xây dựng đất nước của chúng ta.

Đạt được những thành tựu trên đây là do nhân dân ta tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng kiên cường và truyền thống đại đoàn kết, nhiệt tình hưởng ứng và hăng hái thực hiện đường lối đổi mới hợp quy luật, hợp lòng dân, phù hợp với xu thế của thời đại, được vạch ra từ Đại hội Đảng lần thứ VI và được bổ sung, phát triển tại Đại hội Đảng lần thứ VII. Trong đó, giai cấp công nhân, nông dân và trí thức có vai trò quyết định.

Ngay từ khi mới ra đời cách đây trên nửa thế kỷ, với lực lượng còn mỏng, giai cấp công nhân nước ta mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam đã giữ vai trò lãnh

đạo cách mạng, luôn luôn đi đầu và động viên toàn dân tiến hành cuộc đấu tranh lâu dài, đầy hy sinh, gian khổ vì độc lập, tự do. Ngày nay, với lực lượng phát triển lớn mạnh hơn, giai cấp công nhân đang tiếp tục phát huy truyền thống đó, khẳng định sứ mệnh lịch sử, vai trò và trách nhiệm của mình trong giai đoạn mới, quyết tâm lãnh đạo toàn dân giành thắng lợi ngày càng lớn trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Công đoàn Việt Nam, trải qua các thời kỳ cách mạng, luôn luôn là tổ chức chính trị - xã hội do Đảng ta lãnh đạo, đoàn kết, tập hợp, động viên giai cấp công nhân và toàn thể người lao động Việt Nam đấu tranh cho mục tiêu độc lập, tự do, hạnh phúc, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của dân tộc.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt biểu dương giai cấp công nhân và các giới, các tầng lớp lao động, biểu dương Công đoàn nước ta về những cống hiến to lớn trong sự nghiệp chung đó.

Các đồng chí thân mến,

Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là con đường đúng đắn để giải phóng sức sản xuất, hướng mọi nguồn lực xã hội vào phát triển. Quá trình đó dẫn tới những biến đổi trong cơ cấu xã hội, trong giai cấp công nhân, gắn với sự chuyển dịch lớn về cơ cấu kinh tế.

Cùng với các ngành then chốt vốn có như cơ khí, năng lượng, giao thông vận tải..., đã xuất hiện những ngành mới như dầu khí, điện tử, tin học, công nghệ sinh học, du lịch...

Bên cạnh đội ngũ công nhân quốc doanh, công nhân khu vực ngoài quốc doanh tăng lên nhanh chóng và rất đa dạng, từ công nhân trong các cơ sở tư doanh, liên doanh trong và ngoài nước, đến công nhân, lao động trong các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp... Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đang biến đổi. Một bộ phận thanh niên nông dân sẽ trở thành công nhân nông nghiệp và công nhân công nghiệp ở nông thôn. Giai cấp công nhân nước ta đang và sẽ tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng, dần dần trở thành giai cấp công nhân hiện đại.

Hiện nay, trên dưới 5 triệu công nhân, lao động làm việc trong các ngành công nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh. Trong đó, đội ngũ công nhân quốc doanh đang dần dần thích ứng với cơ chế thị trường, là lực lượng trực tiếp làm ra những mặt hàng và dịch vụ quan trọng nhất của đất nước. Năng suất, chất lượng, hiệu quả của một số ngành tăng lên; đời sống công nhân, lao động ở một số cơ sở được cải thiện. Là người nắm những cơ sở sản xuất vật chất, kỹ thuật then chốt, tiêu biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến của xã hội, giai cấp công nhân tất yếu có vai trò tiên phong trong tiến trình phát triển của lịch sử, trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giai cấp công nhân hiểu rõ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp có nhược điểm cơ bản kìm hãm sức sản xuất, cần kiên quyết chuyển sang cơ chế mới, dù biết rằng bên cạnh mặt thuận lợi là cơ bản, sẽ phải giải quyết nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp của đất nước và của chính bản thân mình. Chấp nhận điều đó, giai cấp công nhân nước ta tiếp tục phát huy truyền thống, kiên định, vững vàng đi theo con

đường mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, chịu đựng gian khổ, vượt qua khó khăn, cùng đồng bào cả nước quyết tâm tiến hành công cuộc đổi mới.

Giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức khoa học nước ta có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ hiện đại. Một mặt, phát huy sáng kiến, cải tiến để tận dụng năng lực và cơ cấu công nghệ hiện có; mặt khác, biết đầu tư đổi mới thiết bị, đổi mới công nghệ, đạt nhiều thành tựu trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật, nhất là hỗ trợ nông dân trong việc tiếp nhận công nghệ và dịch vụ khoa học - kỹ thuật nông nghiệp.

Bên cạnh mặt tích cực trên đây, công nhân, lao động ở một số ngành, một số cơ sở đang đứng trước những vấn đề khó khăn phức tạp nảy sinh trong tiến trình đổi mới. Qua sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, trên 60 vạn người lao động phải rời khỏi dây chuyền sản xuất và công tác, trong số đó mới có một bộ phận tìm được chỗ làm việc mới. Trong các doanh nghiệp nhà nước cũng còn khoảng 60 vạn người thường xuyên thiếu việc. Một bộ phận khá đông công nhân chưa được đào tạo nghề nghiệp, hoặc trình độ nghề nghiệp còn thấp xa so với đòi hỏi của quá trình công nghiệp hoá và chuyển giao công nghệ. Tác phong làm việc chưa thích ứng với nhịp độ khẩn trương trong hoạt động công nghiệp theo cơ chế thị trường. Một số còn lười biếng, ý thức tổ chức, kỷ luật kém, không chịu khó học tập nâng cao kiến thức, tay nghề. Điều kiện lao động ở nhiều cơ sở sản xuất chưa được cải thiện. Sức khoẻ công nhân, nhất là nữ công nhân, chưa được chăm sóc đúng mức. Bệnh nghề nghiệp phát triển, tai nạn lao động vẫn là vấn đề đáng lo ngại. Đời sống có được cải

thiện ở một số mặt, nhưng nhìn chung nhiều người còn khó khăn, sinh hoạt vật chất và văn hoá đều còn thiếu thốn; thu nhập của số đông công nhân vẫn ở mức trung bình thấp và không ổn định. Đó là những yếu kém phải ra sức khắc phục và những tồn tại cần tích cực giải quyết.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã xác định: "Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân". Trong đó, lợi ích thiết thân, đồng thời là động lực thúc đẩy trực tiếp đối với người công nhân là *việc làm và thu nhập*.

Việc thi hành nhất quán chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với quốc doanh là chủ đạo; đa dạng hoá sở hữu, đa dạng hoá các hình thức tổ chức kinh doanh, khuyến khích mọi công dân và người nước ngoài đầu tư sản xuất, kinh doanh; cùng với những nỗ lực của Nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các ngành then chốt, chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế... đã và đang tạo điều kiện từng bước giải quyết công ăn việc làm một cách căn bản. Đồng thời, Đảng và Nhà nước cũng đã ban hành những chính sách cụ thể để xử lý những vấn đề cấp bách đối với công nhân mất việc và thiếu việc, bộ đội xuất ngũ, học sinh, sinh viên ra trường, thanh niên mới lớn lên... Một trong những mục tiêu của chính sách là tạo ra mạng lưới nhằm "xã hội hoá" việc chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động. Song phải thừa nhận kết quả thực hiện còn thấp, số thất nghiệp vẫn ở mức cao. Chúng ta còn phải phấn đấu rất nhiều trong thời gian tới để khắc phục tình trạng đó. Chính sách tạo việc làm cần được bổ sung, hoàn chỉnh và sớm triển khai thực hiện.

Đảng và Nhà nước cũng đã có chính sách tiền tệ hoá tiền lương và từng bước sắp xếp lại trật tự, khắc phục tình trạng bình quân trong việc trả lương người lao động. Đồng thời, đang xúc tiến cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách nhà ở và các chính sách khác. Nhà nước, người quản lý doanh nghiệp và xã hội cần chăm lo đời sống văn hoá của công nhân, lao động, cổ vũ động lực tinh thần của anh chị em.

Trong xã hội ta, mọi người phải sống bằng sức lao động của mình, không thể dựa dẫm vào người khác. Hưởng thụ phải tương xứng với kết quả của công việc. Thu nhập phải căn cứ vào hiệu quả làm ra, thể hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động. Theo tinh thần đó, công nhân chẳng những phải được hưởng tiền công theo giá trị lao động tất yếu của mình, mà còn phải được hưởng một phần giá trị lao động thặng dư của doanh nghiệp do họ đã góp phần làm ra, sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước và tích lũy, tái đầu tư để mở rộng sản xuất. Đây chính là điều thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới. Ngay từ tháng 3-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 29-SL, trong đó có quy định: "Để khuyến khích công nhân trong các ngành kỹ nghệ và thương mại, có thể khẳng định cho công nhân tham gia vào việc chia lãi hằng năm. Một sắc lệnh sẽ ấn định sau tỷ lệ số lãi mà công nhân được hưởng tùy theo từng xí nghiệp...". Chúng ta cần vận dụng tư tưởng đó của Bác Hồ trong tình hình hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu quy định công nhân có thể được ưu đãi mua một tỷ lệ cổ phần của doanh nghiệp nơi mình làm việc. Đại diện công nhân tham gia Hội đồng quản

trị. Cách làm này tạo điều kiện cho công nhân thực sự trở thành người làm chủ, gắn lợi ích và quyền hạn của mỗi thành viên với nghĩa vụ và trách nhiệm đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp; kết hợp hài hoà lợi ích chung của đất nước và của tập thể với lợi ích của mỗi người. Trước hết, nên nghiên cứu triển khai trong khu vực quốc doanh ở thời điểm thích hợp và với mức độ thích hợp đối với mỗi doanh nghiệp, làm từng bước vững chắc. Sớm tổ chức tổng kết ở những nơi đã làm thử để từ đó rút kinh nghiệm mở rộng dần. Tiến tới khuyến khích, hướng dẫn các thành phần kinh tế khác cũng làm như vậy, vì lợi ích chung của doanh nghiệp, của người chủ và người lao động. Cũng có thể vận dụng cách làm này khi nghiên cứu vấn đề đảng viên làm kinh tế.

Để tạo điều kiện thuận lợi, thực hiện chính sách trên đây, các doanh nghiệp nhà nước phải nỗ lực thanh toán tình trạng "lãi giả, lỗ thật", ra sức phấn đấu làm ăn thật sự sinh lời; hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến từng tập thể và từng người lao động, trả công tương xứng với năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Để tạo được việc làm, nâng cao thu nhập của công nhân và người lao động trong cơ chế thị trường, Đảng và Nhà nước cần có kế hoạch, chính sách đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp cho người lao động. Bản thân anh chị em công nhân phải nêu cao truyền thống, ra sức học tập, nâng cao tri thức, tay nghề, tích lũy kinh nghiệm, phát huy sáng tạo, rèn luyện tác phong công nghiệp, tôn trọng kỷ luật, nội quy, trau dồi bản lĩnh chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; từng bước trí thức hoá giai cấp công nhân. Đây là vấn đề bức thiết nhằm xây

dựng giai cấp công nhân hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay và nhất là trong những thập kỷ tới.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Tôi tán thành phương hướng, mục tiêu nêu lên ở Đại hội lần này: "xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam phát triển về số lượng, vững vàng về chính trị, có trình độ học vấn và tay nghề cao, năng động sáng tạo, xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng". Tôi muốn nhấn mạnh mấy điểm sau đây:

Đối tượng tập hợp, vận động của Công đoàn Việt Nam là toàn thể người lao động làm công ăn lương trên cả nước. Phải giáo dục anh chị em quán triệt sâu sắc và tích cực thực hiện phương hướng, nhiệm vụ; chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước; thực hành tiết kiệm, bảo vệ của công, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch; đề cao cảnh giác, hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Động viên cán bộ, đoàn viên tích cực tham gia xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng chính quyền nhân dân đủ khả năng quản lý đất nước với hiệu lực cao; bài trừ tham nhũng, hối lộ, ức hiếp nhân dân.

Cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn về những vấn đề đang đặt ra đối với công tác vận động công nhân trong thời kỳ đổi mới, chuẩn bị đội ngũ để xúc tiến quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước ta. Từ đó, đề ra nội dung giáo dục, vận động thích hợp, mang lại hiệu quả thiết thực. Xúc tiến việc thành lập tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, các cơ sở liên doanh trong và ngoài nước.

Phải tập trung sức xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, trước hết là đội ngũ công nhân, lao động trong các ngành sản xuất, kinh doanh và trong khu vực quản lý nhà nước. Tăng cường đoàn kết, thống nhất giai cấp công nhân, gắn lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc; làm hạt nhân trong khối liên minh công - nông - trí thức, lực lượng chủ yếu bảo đảm sự thành công của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà.

Cùng với giai cấp công nhân, còn có trên 2 triệu người lao động trong các ngành khoa học, kỹ thuật, giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, viên chức nhà nước, là thành viên các nghiệp đoàn thuộc Công đoàn Việt Nam. Một số khá đông là trí thức, những người có vai trò rất quan trọng đối với sự nghiệp chấn hưng đất nước trong thời đại ngày nay; trong đó, phần lớn xuất thân từ người lao động, là một bộ phận trong giai cấp công nhân. Đảng và Nhà nước phải chăm lo cuộc sống của anh chị em, tạo điều kiện cho mọi người phát huy khả năng sáng tạo. Đồng thời, giáo dục anh chị em tăng cường trách nhiệm, nâng cao trình độ, trau dồi nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất, hăng hái công tác với chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp hết sức mình vào công cuộc đổi mới đất nước. Công đoàn có trách nhiệm bồi dưỡng, giới thiệu công nhân, trí thức và người lao động ưu tú để kết nạp vào Đảng và bổ sung nguồn cán bộ cho Đảng và Nhà nước.

Là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn có trách nhiệm động viên công nhân, lao động xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết với tất cả các giai cấp và các tầng lớp khác trong xã hội, với đồng bào Việt Nam

đang sinh sống ở ngoài nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, các tranh chấp lao động nảy sinh là điều tất yếu. Phương pháp đúng đắn để giải quyết tranh chấp là thông qua thương lượng giữa giới lao động, giới chủ và Nhà nước. Là đại diện cho người lao động trong việc ký kết thoả ước lao động, Công đoàn cần phát hiện kịp thời các mâu thuẫn dẫn đến tranh chấp; chủ động tổ chức thương lượng, bảo đảm thực hiện sự hợp tác giữa chủ và người lao động trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi; Nhà nước và tư nhân đều có lợi; khuyến khích giới chủ đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều công ăn việc làm.

Nhà nước phải ban hành luật lệ, chính sách nhằm vừa bảo hộ quyền lợi hợp pháp của giới chủ, vừa bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công nhân và người lao động, bảo đảm công bằng xã hội. Chúng ta đề nghị Quốc hội sớm ban hành Bộ luật Lao động, làm cơ sở pháp lý cho việc giải quyết các tranh chấp một cách hợp pháp, hợp lý, hợp tình.

Một nguyện vọng khẩn thiết của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta là đấu tranh kiên quyết và có hiệu quả chống tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác. Bọn tham nhũng dùng mọi thủ đoạn, lợi dụng mọi sơ hở để đục khoét tài sản của Nhà nước và của nhân dân, thực chất là tước đoạt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Công đoàn phải giáo dục, vận động, tổ chức anh chị em công nhân, lao động và đoàn viên, nhất là cán bộ, đoàn viên trong các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở sản xuất kinh doanh, tích cực tham gia cuộc đấu tranh không khoan

nhượng bài trừ tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác. Chính phủ sẽ có quy chế để Công đoàn tham gia trực tiếp và có hiệu quả vào việc chống tham nhũng, tiêu cực và cần có tổ chức tương ứng để thực hiện cho được công việc cấp bách này. Đi đôi với xử lý nghiêm minh các vụ tham nhũng, cần khẩn trương nghiên cứu tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, coi đó là biện pháp cơ bản chặn đứng nạn tham nhũng hiện nay.

Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước ta, Công đoàn cần đẩy mạnh quan hệ với tổ chức công đoàn thế giới và công đoàn các nước, trao đổi kinh nghiệm, tăng cường đoàn kết, hữu nghị, góp phần vào sự nghiệp củng cố hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Để đáp ứng yêu cầu của hoạt động công đoàn trong điều kiện mới, cần tổ chức đào tạo và đào tạo lại cán bộ công đoàn, bổ sung, xây dựng một lớp cán bộ công đoàn các cấp phù hợp. Công đoàn phải khắc phục tình trạng "nhà nước hoá, hành chính hoá" trong tổ chức và phương thức hoạt động của mình. Cán bộ công đoàn không phải là viên chức, mà trước hết phải là người hoạt động xã hội, kiên định lập trường đúng đắn của giai cấp công nhân, am hiểu về kinh tế thị trường, về pháp luật, về khoa học xã hội, khoa học nhân văn, về phong cách ứng xử, có khả năng tiếp cận các lĩnh vực nghề nghiệp của công nhân và lao động, tiếp cận khoa học và công nghệ hiện đại. Phải tuyển chọn cán bộ công đoàn từ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và người lao động, được quần chúng tín nhiệm, có khả năng đại diện quyền lợi và nghĩa vụ của công nhân, lao động, đủ bản lĩnh xử lý những tình huống khó khăn. Bên cạnh lớp cán bộ công đoàn

được rèn luyện, trưởng thành từ thực tế, cần đào tạo một lớp chuyên gia trong hoạt động công đoàn, lấy hoạt động công đoàn làm nghề nghiệp. Đảng và Nhà nước cần có cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của cán bộ công đoàn.

Các đồng chí thân mến,

Đất nước đang đứng trước tình hình mới, xuất hiện cả thời cơ lớn và thách thức lớn đối với chúng ta. Để tận dụng thời cơ, trụ vững trước thách thức, vượt qua trở ngại, khó khăn, đưa dân tộc ta tiến nhanh về phía trước, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phải đồng tâm nhất trí, ra sức củng cố và mở rộng đại đoàn kết toàn dân, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, phát huy truyền thống và bản sắc dân tộc, quyết nối chí cha ông làm nên sự nghiệp lớn, phấn đấu thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng rằng giai cấp công nhân Việt Nam sẽ ngày càng trưởng thành, vững mạnh, đảm nhiệm xuất sắc vai trò tiên phong trong sự nghiệp trọng đại đó. Mong các đồng chí phấn đấu để tổ chức Công đoàn thật sự đại diện cho sức mạnh, tài năng, trí tuệ của hàng chục triệu công nhân, lao động nước ta trong giai đoạn mới; trở thành tổ chức gắn bó máu thịt với công nhân, lao động; có nhiều hoạt động phong phú, đáp ứng nhu cầu và lợi ích thiết thực của anh chị em; làm chỗ dựa vững chắc và trường học chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân và những người lao động.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe và hạnh phúc.
Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 07-NQ/TW, ngày 17 tháng 11 năm 1993

**Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường
Mặt trận Dân tộc thống nhất**

Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

Kế thừa và phát huy truyền thống đó, ngay từ ngày thành lập, Đảng ta luôn coi trọng củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống kết hợp với sức mạnh thời đại, lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong cuộc đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, tự do hạnh phúc của nhân dân. Đó là bài học lớn của cách mạng Việt Nam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công".

I- ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, yếu tố dân tộc trở thành một đặc điểm cực kỳ quan trọng. Các nước đang phát triển

phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, chống lại các thế lực thù địch nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Nhân dân các nước đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách, liên quan đến vận mệnh chung của loài người như giữ gìn hoà bình, bảo vệ môi trường, hạn chế bùng nổ dân số, phòng ngừa và đối phó với các bệnh tật hiểm nghèo.

Thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nhân dân ta đã thu được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, tạo ra thế phát triển mới của đất nước. Đó là những điều kiện rất thuận lợi để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đồng tâm nhất trí đưa nước ta ra khỏi lạc hậu, nghèo nàn và tiếp tục phát triển. Đồng thời cũng nảy sinh nhiều vấn đề mới cần quan tâm giải quyết.

Đất nước ta đang đứng trước thời cơ mới và những thách thức mới. Để tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, làm thất bại âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, chúng ta phải ra sức củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố, mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất.

II- NHIỆM VỤ CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

"Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Mục tiêu của chặng đường đầu là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau"¹.

1. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 11.

Trước mắt, cần đưa đất nước "Ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI"¹.

Để thực hiện được nhiệm vụ trọng đại đó, hơn lúc nào hết, phải đoàn kết đồng bào Việt Nam ở trong nước và ngoài nước, phát huy sức mạnh của cộng đồng dân tộc, thực hiện đại đoàn kết toàn dân ở tâm cao mới và chiều sâu mới, tạo ra động lực mạnh mẽ trong sự phát triển của lịch sử dân tộc ta theo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng.

Nhiệm vụ chung của Mặt trận Dân tộc thống nhất trong giai đoạn hiện nay là: *phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, đoàn kết mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới, nhằm mục tiêu giữ vững độc lập thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.*

Để hoàn thành nhiệm vụ trên, cần quán triệt các chủ trương lớn sau đây:

1. Đại đoàn kết dân tộc là đoàn kết mọi người trong đại

1. *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 10.

gia đình dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài, vì mục tiêu chung nêu trên. Đại đoàn kết chủ yếu phải lấy mục tiêu chung đó làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau, không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

2. Đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta. Tư tưởng đại đoàn kết phải được thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng xã hội, gắn quyền lợi với trách nhiệm, lợi ích riêng của mỗi người với nghĩa vụ công dân, lấy lợi ích dân tộc làm trọng; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhằm triệt để giải phóng sức sản xuất, khuyến khích mọi người, mọi thành phần kinh tế phát huy cao độ nguồn lực và tài năng sáng tạo, ra sức phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu hợp pháp, cần kiệm xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Đồng thời, khuyến khích toàn dân thực hiện tốt các chính sách xã hội: đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước, tham gia vào các việc công ích, các hoạt động nhân đạo và từ thiện, giúp nhau xoá đói giảm nghèo, phát huy truyền thống nhân nghĩa của cha ông.

3. Xây dựng chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao, thật sự là Nhà nước của dân, do dân,

vì dân. Chính quyền nhân dân phải bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của dân, giữ vững trật tự, kỷ cương phép nước; hoàn chỉnh và thực hiện chính sách phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước; xây dựng và thực hiện các chính sách xã hội; bảo vệ và chấn hưng nền văn hoá dân tộc đi đôi với tiếp thụ tinh hoa văn hoá của nhân loại; xây dựng con người mới; củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; mở rộng hoạt động đối ngoại.

4. Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức tập hợp đa dạng. Tổ chức và phát triển các phong trào quần chúng từ thấp đến cao, sáng tạo thêm nhiều hình thức hoạt động phù hợp với từng thành phần xã hội. Phát huy vai trò tích cực của những người tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo. Hướng hoạt động tới địa bàn dân cư xã phường và hộ gia đình. Củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, thực sự làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân.

III- CUNG CỐ, MỞ RỘNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị, là tổ chức liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể nhân dân và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo.

Mặt trận làm việc theo nguyên tắc: hiệp thương dân chủ, hợp tác bình đẳng, đoàn kết chân thành, tôn trọng lẫn nhau, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được củng cố và mở rộng về tổ chức và hoạt động để thực sự là một tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, nơi thể hiện nguyện vọng và ý chí của các tầng lớp nhân dân; nơi thống nhất hành động giữa các thành viên, tham gia với chính quyền trong việc giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, trong việc thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; tham gia xây dựng, giám sát, bảo vệ chính quyền; tham gia quản lý xã hội, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng; góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Kiện toàn Ủy ban Mặt trận các cấp theo hướng tăng thêm những người tiêu biểu có tín nhiệm và năng lực trong các giai tầng xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, giới trí thức, các doanh nghiệp tư nhân, v.v.. Bộ máy giúp việc Ủy ban Mặt trận các cấp cần được tổ chức gọn nhẹ, trọng chất lượng, thu hút được nhiều chuyên gia giỏi vào từng lĩnh vực hoạt động của Mặt trận. Cán bộ chuyên trách Mặt trận ở từng cấp cần được sắp xếp hợp lý, bảo đảm đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ủy ban Mặt trận các cấp chủ trì trong việc phối hợp chung giữa các tổ chức thành viên với chính quyền cùng cấp, trong công tác vận động người cao tuổi, các nhân sĩ trí thức tiêu biểu, công thương gia, những người tiêu biểu trong các dân tộc, các chức sắc tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân ở trong nước.

Mở rộng hơn nữa các hoạt động đối ngoại nhân dân của Mặt trận.

2. Các cơ quan nhà nước thể chế hoá trách nhiệm và quyền hạn của Mặt trận để Mặt trận thực sự là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nhất là tham gia quá trình bầu cử các cơ quan dân cử, xây dựng các chính sách và đạo luật, tham gia quản lý kinh tế - xã hội, giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử và cán bộ, nhân viên nhà nước. Các cơ quan nhà nước phối hợp hành động với Ủy ban Mặt trận các cấp, thực hiện đầy đủ những điều quy định trong Hiến pháp và pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên hoạt động có hiệu quả.

3. Với trách nhiệm vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận, Đảng phải thực hiện đúng vai trò tiên phong của mình; cán bộ, đảng viên của Đảng phải gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách và pháp luật, gắn bó mật thiết với nhân dân, thường xuyên tự phê bình và lắng nghe ý kiến phê bình của nhân dân, của Mặt trận.

Đảng lãnh đạo Mặt trận thông qua Đảng đoàn Mặt trận và đảng đoàn các tổ chức thành viên của Mặt trận. Các cấp uỷ đảng cử phó bí thư hoặc uỷ viên thường vụ tham gia Ủy ban Mặt trận cùng cấp và trực tiếp làm bí thư đảng đoàn; đại diện cấp uỷ đảng tham gia Ủy ban Mặt trận trình bày các chủ trương của Đảng và kiến nghị những vấn đề cần thiết với Mặt trận; cùng bàn bạc dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên; tranh thủ ý kiến của Mặt trận tham gia xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến khối đại đoàn kết toàn dân. Quy định thành nền nếp chế độ làm việc của cấp uỷ đảng với Đảng đoàn Mặt trận.

Cán bộ, đảng viên cần nhận rõ tầm quan trọng của chính sách và công tác mặt trận, khắc phục những quan điểm, tư tưởng không đúng, nhất là tư tưởng coi nhẹ công tác mặt trận thái độ định kiến, hẹp hòi. Khắc phục tình trạng bố trí cán bộ mặt trận một cách tùy tiện, áp đặt, không tương xứng với nhiệm vụ. Có chính sách thoả đáng đối với cán bộ mặt trận.

*

* *

Thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị. Cần tổ chức quán triệt Nghị quyết này trong toàn Đảng, trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Các cấp uỷ đảng có kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm giúp Ban Bí thư triển khai, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả với Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Nghị quyết này được phổ biến toàn văn đến các chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MUỖI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ
TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ II HỘI NÔNG DÂN
VIỆT NAM**

Ngày 18 tháng 11 năm 1993

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trong không khí phấn khởi của buổi khai mạc trọng thể Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Hội Nông dân Việt Nam hôm nay, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu và qua các đồng chí gửi tới toàn thể bà con nông dân cả nước lời thăm hỏi thân thiết nhất.

Thưa các đồng chí,

Nông dân nước ta giàu lòng yêu nước và nhiệt tình cách mạng, chịu đựng gian khổ, hy sinh; lao động cần cù, sáng tạo, là đội quân chủ lực trong lịch sử đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước. Các thế hệ nông dân đã kiên trì khắc phục thiên tai, giữ vững và phát triển sản xuất, bảo đảm cuộc sống của cả cộng đồng dân tộc; đồng thời, đấu tranh kiên cường chống áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến để giành độc

lập, tự do, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và giải phóng bản thân mình.

Ngay từ khi thành lập, Đảng ta đã hết sức coi trọng vấn đề nông dân, đề ra khẩu hiệu có sức động viên, cổ vũ to lớn: "độc lập dân tộc, người cày có ruộng". Hơn nửa thế kỷ qua, nông dân nước ta đã tiếp nhận khẩu hiệu đó như lẽ sống của mình, tập hợp dưới ngọn cờ của Đảng, cùng toàn dân viết nên những trang sử vẻ vang của dân tộc ta.

Trong kháng chiến chống ngoại xâm, với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", "một tấc không đi, một ly không rời", "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", nông dân hai miền Nam Bắc đã đóng góp to lớn sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Ngày nay, nhiệt tình hưởng ứng và hăng hái thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nông dân cả nước đã nêu cao ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, hợp tác để đẩy mạnh sản xuất, từng bước cải thiện đời sống và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Với những quyết sách đúng đắn của Đảng nhằm giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, với sự tăng cường đầu tư của Nhà nước, sự hỗ trợ tích cực và có hiệu quả của giai cấp công nhân, của đội ngũ trí thức và của toàn dân, nông dân đã phát huy mạnh mẽ tính tích cực vốn có của mình trong lao động, lập nên những thành tích lớn, nhất là sản xuất lương thực, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, xã hội, mở ra một giai đoạn phát triển mới ở nông thôn nước ta.

Trải qua các thời kỳ cách mạng, được Đảng và Bác Hồ kính yêu lãnh đạo và giáo dục, nông dân nước ta đã tập hợp

trong tổ chức của mình, với nhiều tên gọi phù hợp với tình hình thực tế, từ Nông hội Đỏ trước đây đến Hội Nông dân Việt Nam ngày nay. Các tổ chức đó đã động viên nông dân hăng hái tham gia các cuộc vận động cách mạng, giáo dục nông dân thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đóng góp xứng đáng vào thắng lợi chung của cách mạng nước ta.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta rất tự hào và đánh giá cao vai trò của nông dân nước ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương giai cấp nông dân về những cống hiến to lớn đó.

Các đồng chí thân mến,

Gần 80% số dân nước ta sinh sống ở nông thôn, kinh tế nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn. Vì vậy, chỉ có đẩy mạnh công nghiệp hoá làm cho nông thôn thoát khỏi lạc hậu, nghèo nàn thì mới có thể đưa đất nước vượt qua tình trạng một nước kém phát triển. Xây dựng nông thôn giàu đẹp, tiến bộ, văn minh là một mục tiêu chiến lược của cách mạng nước ta. Trong sự nghiệp đó, giai cấp nông dân liên minh chặt chẽ với giai cấp công nhân và trí thức đóng vai trò quyết định.

Những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, nông thôn nước ta có bước phát triển, đời sống nông dân có phần được cải thiện; nhưng nhìn chung sự phát triển còn chậm, đời sống vật chất và văn hoá của nông dân còn thiếu thốn; cơ cấu kinh tế vẫn còn mang nặng tính chất tự cấp, tự túc, thuần nông và độc canh; tình trạng thiếu công ăn việc làm còn phổ biến; năng suất, hiệu quả tính trên lao

động còn rất thấp; nông dân đang phải gánh chịu nhiều thua thiệt trong sản xuất kinh doanh, như phải vay nặng lãi, bị đầu cơ về giá mua vật tư, giá bán nông sản thấp, dịch vụ kỹ thuật chưa bảo đảm. Ở nhiều vùng, nhất là vùng cao, vùng đồng bào thiểu số, vùng căn cứ cách mạng trước đây, tình trạng bệnh tật, thất học, đói rét vẫn đang là những vấn đề nóng bỏng cần quan tâm giải quyết. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn đã đề ra mục tiêu, phương hướng và những chính sách lớn nhằm phát triển kinh tế - xã hội nông thôn trong những năm tới, đáp ứng yêu cầu bức xúc và nguyện vọng chính đáng của nông dân, đồng thời cũng là yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước. Phấn đấu đạt những mục tiêu đó là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành, của liên minh công nhân - nông dân - trí thức, trực tiếp nhất là nhiệm vụ của giai cấp nông dân chúng ta.

Để thực hiện mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ đã đề ra, tôi muốn nói rõ thêm một số điểm.

Một là, phải phát triển toàn diện kinh tế nông thôn. Khai thác và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực, mọi tiềm năng về lao động, đất đai, rừng biển, hệ sinh thái, tiền vốn và cơ sở vật chất - kỹ thuật. Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất; thực hiện rộng rãi, kiên trì và sáng tạo kỹ thuật thâm canh, tăng vụ; khai thác có hiệu quả diện tích đất đai hiện có, đồng thời khai phá đưa vào sử dụng 10 triệu héc-ta đồi núi trọc và hàng chục vạn héc-ta bãi bồi ven biển, mặt nước ao hồ. Bảo vệ và khai thác có hiệu quả vùng biển khơi rộng lớn của đất nước, gắn kinh tế với quốc phòng. Phát triển

mạnh mẽ nông, lâm, ngư nghiệp, khôi phục và phát huy các ngành nghề truyền thống, mở mang tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến và dịch vụ. Nhà nước cần thực hiện tốt các chính sách khuyến nông, tín dụng, bảo hiểm, trợ giá đối với một số sản phẩm và dịch vụ quan trọng. Cải biến nền nông nghiệp và chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, đa canh, nhiều nghề, dần dần thoát khỏi tình trạng thuần nông, độc canh, tự cấp tự túc; khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh của từng vùng, mở rộng thị trường nông thôn. Trên cơ sở đó, giải quyết việc làm cho đại bộ phận lao động dôi thừa, nâng cao năng suất lao động xã hội, bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân; đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho công nghiệp, nâng cao giá trị nông sản; tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng tích lũy cho công nghiệp hoá, tăng thu nhập, cải thiện hơn nữa đời sống nông dân; giữ gìn và khai thác hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, sinh thái.

Hai là, nâng cao năng lực tự chủ của kinh tế hộ nông dân, nhất là hộ xã viên hợp tác xã, hộ công nhân viên các nông, lâm trường, gắn với đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII). Có chính sách giúp đỡ, khuyến khích hợp tác xã và hộ nông dân đầu tư mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp, phát triển ngành nghề. Đẩy mạnh các hình thức hợp tác giữa các hộ nông dân trên tất cả các lĩnh vực theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, cùng có lợi, làm cho hợp tác xã thật sự là tổ chức kinh tế của nông dân, tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển và ngày càng gắn bó với hợp tác xã.

Cùng với việc khuyến khích kinh tế tư nhân trong nông nghiệp cần phát triển rộng rãi các hình thức liên doanh, liên kết giữa các lĩnh vực sản xuất, chế biến, lưu thông; giữa các thành phần kinh tế; quốc doanh, hợp tác, tư nhân; giữa trong nước với nước ngoài, góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hoá và công nghiệp hoá nông nghiệp, kiến thiết nông thôn mới.

Chấn chỉnh tổ chức đổi mới cơ chế nhằm nâng cao hiệu quả của kinh tế quốc doanh trong nông, lâm, ngư nghiệp, làm tốt vai trò trung tâm công nghiệp - dịch vụ, trung tâm khoa học - công nghệ, trung tâm văn hoá - xã hội trên từng địa bàn. Tăng cường các hoạt động của quốc doanh công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ khoa học - kỹ thuật, tài chính, ngân hàng, làm nòng cốt trong việc phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, thể hiện một cách sinh động và thiết thực sự gắn bó của liên minh công nông và trí thức.

Ba là, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, văn hoá, xã hội, vừa tăng cường lực lượng sản xuất, vừa tăng cường các cơ sở phúc lợi xã hội. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", trong những năm tới cần tập trung mở mang các công trình thuỷ nông phục vụ sản xuất và đời sống, giao thông nông thôn trong tỉnh, huyện đến các đường làng, ngõ xóm, bảo đảm thuận tiện trong giao lưu hàng hoá và đi lại của đồng bào. Mở rộng mạng lưới điện nông thôn đi đôi với quản lý chặt chẽ nguồn điện, giảm mức đóng góp của nông dân để tăng số hộ dùng điện. Xây dựng và trang bị ngày càng tốt hơn cho các trường học, bệnh viện, trạm y tế, đáp ứng nhu cầu học tập và chữa bệnh của đồng bào ở nông thôn. Động viên bà con giúp nhau làm nhà ở, xây dựng các công

trình phục vụ sản xuất và đời sống của nông dân, phù hợp với từng vùng và với tập quán từng dân tộc.

Bốn là, phát triển văn hoá - xã hội, không ngừng nâng cao trình độ dân sinh, dân trí, dân chủ ở nông thôn. Thực hiện nhất quán chính sách khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo. Đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, tiếp tục thực hiện khẩu hiệu trước đây: "Sạch làng, tốt ruộng", ở sạch, ăn uống sạch; kế hoạch hoá gia đình, giảm tỷ lệ tăng dân số, khắc phục nạn suy dinh dưỡng. Xoá nạn mù chữ, phấn đấu phổ cập giáo dục cấp I. Phát triển hệ thống truyền thanh, truyền hình, thư viện, nhà văn hoá. Giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, truyền thống văn hoá phong tục, tập quán tốt đẹp. Bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội. Thực hiện dân chủ, công bằng xã hội. Kiên quyết chống mọi hành vi ức hiếp nhân dân, tham nhũng, hối lộ, phụ thu lạm bổ, cho vay nặng lãi. Xây dựng quỹ "toàn dân đền ơn đáp nghĩa", thực hiện chính sách đối với gia đình có công với Tổ quốc, gia đình liệt sĩ, thương binh, nêu cao tình làng nghĩa xóm, tăng cường đoàn kết nông thôn. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân, chống âm mưu phá hoại, gây rối của bọn phản động, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Thưa các đồng chí,

Để hoàn thành những nhiệm vụ trên đây, Hội Nông dân Việt Nam phải vươn lên thực hiện tốt vai trò quan trọng của mình trong việc vận động, hướng dẫn nông dân, giúp nhau phát triển kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, phấn đấu xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh, tiến bộ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm qua, Hội Nông dân Việt Nam đã có bước củng cố và phát triển, cùng với chính quyền, các ngành và các đoàn thể tích cực vận động nông dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh các phong trào thi đua sản xuất giỏi và làm giàu, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, thực hiện các chính sách xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh... góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong nông nghiệp, nông thôn. Nhưng Hội còn lúng túng, chưa nhạy bén đổi mới tổ chức cũng như nội dung và phương thức hoạt động, bộ máy còn cồng kềnh, mang nặng tính chất hành chính nên chưa thu hút được rộng rãi nông dân vào Hội. Hoạt động của Hội từ Trung ương đến cơ sở còn ở tầm thấp xa so với yêu cầu của cách mạng, của đất nước, chưa đáp ứng nhu cầu thiết thân của nông dân, nông nghiệp và nông thôn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và theo cơ chế mới. Vì vậy, Hội phải nhanh chóng đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động cho phù hợp với đòi hỏi hiện nay và tích cực chuẩn bị để bắt kịp yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới của nông thôn và của đất nước. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam trình Đại hội đã nêu lên phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong những năm tới. Tôi chỉ nhấn mạnh thêm một số điểm:

Hội Nông dân là một tổ chức chính trị - xã hội, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Địa bàn hoạt động của Hội chủ yếu là ở nông thôn, ở cơ sở làng bản, thôn ấp, nơi hằng ngày diễn ra biết bao vấn đề liên quan trực tiếp đến sản xuất và đời sống của hàng chục triệu hộ nông

dân. Các tổ chức Hội phải nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của nông dân, giúp bà con giải quyết những vấn đề của họ.

Trong nông thôn đang diễn ra xu hướng phát triển kinh tế hàng hoá, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, với sự khôi phục, nâng cao các nghề truyền thống và sự xuất hiện nhiều ngành nghề mới. Từ trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp đến công nghiệp, dịch vụ... rất phong phú và đa dạng. Sản xuất càng phát triển, phân công lao động càng sâu rộng thì nông dân càng có nhu cầu hợp tác để tạo điều kiện phối hợp trong sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ nhau phát triển sản xuất, tạo vốn, cung cấp giống và dịch vụ kỹ thuật, kinh nghiệm làm ăn, mở mang ngành nghề, tiêu thụ sản phẩm, bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Hội Nông dân phải tự đổi mới, tìm tòi cách thức tổ chức, xác định nội dung hoạt động thiết thực và phù hợp, đáp ứng những lợi ích kinh tế - xã hội thiết thân của nông dân, tạo ra động lực mạnh mẽ trong từng hộ, từng thôn xóm, từng tổ chức hợp tác; trên cơ sở đó mà củng cố tổ chức Hội, thu hút đông đảo nông dân vào Hội, xây dựng cơ sở Hội vững mạnh trên khắp các địa bàn, trong các ngành nghề và các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở nông thôn. Phải chuyển hoạt động của Hội sang hành động thiết thực, đáp ứng lợi ích và nhu cầu của nông dân, giải quyết những việc mà nông dân mong đợi.

Cơ sở Hội là nơi hoạt động chủ yếu, thường xuyên của nông dân, nơi tổ chức nông dân hành động cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới; đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội; bảo vệ quyền lợi chính đáng của nông dân. Đó là nơi phát huy sức mạnh của

nông dân, được nhân lên gấp bội bằng sức mạnh có tổ chức, đoàn kết, tương trợ và hợp tác: "làm cho người nghèo thì đủ ăn; người đủ ăn thì khá, giàu; người khá, giàu thì giàu thêm" như Bác Hồ đã dạy.

Cơ sở Hội là nơi tổ chức, vận động nông dân xây dựng gia đình văn hoá mới và người nông dân mới. Đó là người nông dân gắn bó với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, gắn bó với Đảng, gắn lợi ích cá nhân với lợi ích cộng đồng và lợi ích toàn xã hội; đủ năng lực làm chủ nông thôn, có đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, có trình độ văn hoá, khoa học - kỹ thuật tương ứng với tiến trình phát triển của nền nông nghiệp và của nông thôn đang từng bước đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tiến trình đó đòi hỏi nông dân phải tiếp cận với những thành tựu của công nghiệp và khoa học, công nghệ mới. Hội phải phối hợp với các ngành, các cơ quan tạo điều kiện thuận lợi để bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức, tay nghề cho nông dân, nhất là đối với thế hệ nông dân trẻ.

Để làm tốt chức năng, nhiệm vụ đề ra, các cấp Hội phải đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Đó không phải là những cơ quan quản lý hành chính, mà phải gắn bó với hoạt động thực tiễn của nông dân, biết tổ chức phong trào, biết vận động hướng dẫn cơ sở và cùng cơ sở hành động, biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thành hành động cách mạng của nông dân. Các cấp Hội phải nắm chắc và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nông dân, đề xuất với Đảng và Nhà nước những chủ trương, chính sách đáp ứng nguyện vọng của nông dân và góp phần kiểm tra việc thực hiện; cùng các ngành chức năng hướng dẫn nông dân tổ chức các hoạt động tín dụng, khuyến nông, tiêu thụ

sản phẩm, cung ứng vật tư, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, thực hiện chương trình kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Vận động nông dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên ở nông thôn đều phải gương mẫu tham gia tổ chức và hoạt động của Hội Nông dân, làm nòng cốt trong các phong trào quần chúng, hết sức lắng nghe và phản ánh kịp thời ý kiến phê bình cũng như tâm tư, nguyện vọng của nông dân với Đảng, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với nông dân. Các cấp uỷ đảng cần đổi mới sự lãnh đạo của Đảng với Hội Nông dân, không bao biện làm thay, cũng không buông lỏng; thông qua Đảng đoàn Hội mà tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nông dân, có kế hoạch định kỳ làm việc với Đảng đoàn Hội. Phải giới thiệu cấp uỷ viên có năng lực và uy tín tham gia các cấp lãnh đạo của Hội; chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về tổ chức và hoạt động của Hội Nông dân. Phải chú trọng phát hiện, bồi dưỡng những nông dân ưu tú, nhất là những nông dân trẻ, làm ăn giỏi, có ý thức phấn đấu vì sự nghiệp chung, được nhân dân tín nhiệm để kết nạp vào Đảng và kiên quyết đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở phải tạo điều kiện giúp đỡ Hội Nông dân hoạt động có hiệu quả. Trước mắt, cần phối hợp với Hội Nông dân bàn kế hoạch triển khai thực hiện chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân và các chính sách khác theo tinh thần và nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng và pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, đoàn kết nông thôn, công bằng xã hội, bài trừ tham nhũng, hối lộ, ức hiếp nhân dân, các tệ nạn xã hội, giữ vững

trật tự, kỷ cương, góp phần đưa kinh tế - xã hội nông thôn tiếp tục phát triển.

Là thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân có nhiệm vụ phối hợp với các thành viên khác tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân; động viên toàn thể nông dân nước ta phát huy truyền thống vẻ vang, ra sức phấn đấu lập nên những thành tích to lớn hơn nữa trong công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thi hành chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, Hội Nông dân cần đẩy mạnh quan hệ với tổ chức nông dân các nước, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, tăng cường tình hữu nghị, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, hợp tác và phát triển.

Các đồng chí thân mến,

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng rằng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Hội Nông dân Việt Nam sẽ là cái mốc quan trọng đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của Hội và của phong trào nông dân nước ta, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá nông nghiệp và hiện đại hoá nông thôn, cùng toàn dân thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI NÓI
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHOÁ VII**

Ngày 24 tháng 11 năm 1993

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,*

Kỳ họp Trung ương lần này có nhiệm vụ chuẩn bị những nội dung cần thiết cho Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng ta, nhằm kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện các Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết một bước quá trình đổi mới từ Đại hội VI đến nay, làm sáng tỏ thêm một số vấn đề quan trọng về đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước tiến lên.

Bộ Chính trị đã gửi đến các đồng chí dự thảo Báo cáo chính trị trình Hội nghị đại biểu. Tôi xin thay mặt Bộ Chính trị trình bày rõ thêm một số vấn đề lớn sau đây:

1. Về đánh giá tình hình

Xác định đúng thực trạng hiện nay là điều hết sức quan trọng để vạch ra mục tiêu, nhiệm vụ cho giai đoạn tới. Hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội VII nói riêng, gần bảy năm đổi mới nói chung, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhiều khuyết điểm và tồn tại, nhưng nhìn tổng quát, chúng ta đã khắc phục được một bước quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị, mở rộng đáng kể quan hệ đối ngoại, tích lũy được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý đất nước.

Những thành tựu to lớn đó đã tạo ra thế và lực mới của đất nước, cho phép chúng ta chú trọng nhiều hơn đến những chủ trương, chính sách, giải pháp có tầm chiến lược, để củng cố vững chắc thành quả đạt được và chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, xúc tiến một bước công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ra sức phấn đấu đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng nước nghèo và chậm phát triển.

Trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, với sự đảo lộn và rối loạn ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây, trong điều kiện bị mất đột ngột một nguồn viện trợ lớn từ bên ngoài, Mỹ vẫn tiếp tục chính sách bao vây cấm vận đối với nước ta, thành tựu mà chúng ta thu được chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, bước đi là thích hợp. Cách mạng nước ta đã và đang đi đúng hướng theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, bằng những tiến bộ từng bước, cụ thể trong việc giải phóng sức sản xuất, tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, dân chủ hoá và khơi dậy tính năng động trong

toàn xã hội bảo đảm quốc phòng, an ninh, mở rộng giao lưu quốc tế.

2. Về thách thức và cơ hội

Thách thức lớn nhất là ở chỗ nước ta hiện vẫn thuộc diện nước nghèo nhất trong khu vực, tổng sản phẩm trong nước tính theo đầu người mới chỉ hơn 1/2 mức của Trung Quốc, 1/3 Indônêxia, 1/8 Thái Lan, 1/14 Malaixia, v.v., trong khi đó tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm lại chậm hơn. Nợ nước ngoài và phần đến hạn phải trả quá lớn so với tổng sản phẩm trong nước và kim ngạch xuất khẩu. Nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước xung quanh, kéo theo những hậu quả nặng nề về công ăn việc làm và đời sống, lòng tin và sự ủng hộ của nhân dân đối với chế độ, về khả năng quốc phòng, an ninh... là rất rõ rệt.

Trong khi đó, các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang đẩy mạnh việc chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, gây mất ổn định chính trị - xã hội, phá hoại công cuộc xây dựng hoà bình của chúng ta, thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ hòng xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, làm cho ta bị lệ thuộc vào bên ngoài.

Mặt yếu kém của chúng ta là Đảng ta chưa thật ngang tầm với yêu cầu cách mạng trong tình hình mới, là năng lực quản lý điều hành còn thấp của bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở, là nạn tham nhũng đang hết sức nghiêm trọng khiến cho việc đương đầu với thách thức càng thêm phức tạp, khó khăn.

Đồng thời, đất nước ta cũng đang có những thuận lợi rất cơ bản.

Những thành tựu đổi mới tạo điều kiện cả về vật chất lẫn tinh thần, cả về thể và lực để chúng ta chuyển sang một giai đoạn phát triển mới cao hơn. Môi trường hoà bình và ổn định trong khu vực, sự phát triển năng động của vùng châu Á - Thái Bình Dương, xu thế hợp tác phát triển trên thế giới ngày càng tăng lên, sự quốc tế hoá đời sống kinh tế trong bối cảnh cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra mạnh mẽ đang tạo ra cho chúng ta những lợi thế mới, những nguồn lực mới để đẩy nhanh nhịp độ phát triển. Sự đứng vững và đi lên của đất nước trong hoàn cảnh đầy thử thách cùng với chính sách đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá đang tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, kết hợp tốt hơn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Yếu tố quyết định nhất là nhân dân ta cần cù và thông minh, giàu lòng yêu nước, có ý chí tự lực tự cường, không cam chịu nhục đối nghèo, với tinh thần năng động, sáng tạo được khơi dậy trong công cuộc đổi mới; Đảng ta vững vàng về chính trị, có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí, trải qua thử thách ngày càng có thêm kinh nghiệm lãnh đạo đất nước, được nhân dân tin tưởng và ủng hộ.

Với những nỗ lực vượt bậc nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, động viên được sức mạnh của toàn dân tộc, chúng ta sẽ phát huy được thuận lợi, nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên vững chắc.

3. Về tích lũy và đầu tư phát triển, chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá

Nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu trong

thời gian tới là đẩy mạnh một bước công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhằm tạo thêm nhiều việc làm, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện hơn nữa đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Chỉ có tiến hành công nghiệp hoá và hiện đại hoá thì mới tránh được nguy cơ tụt hậu, giữ được ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Công cuộc công nghiệp hoá đã được triển khai trên miền Bắc vào đầu những năm 60, và trên cả nước sau năm 1975. Khó khăn về kinh tế - xã hội gay gắt trong những năm qua đã buộc chúng ta phải điều chỉnh quy mô, phương hướng, giảm bớt mức đầu tư xây dựng cơ bản và nhịp điệu công nghiệp hoá, tập trung vào những giải pháp nhằm ổn định tình hình, nhờ vậy mà đã thu được những thành tựu rất quan trọng.

Tuy nhiên, những giải pháp đó không đủ để giảm bớt sức ép ngày càng tăng về công ăn việc làm, không cho phép thay đổi căn bản cơ cấu kinh tế và công nghệ để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả lớn hơn, thu nhập nhiều hơn, không tạo được nền tảng cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh và vững chắc, làm cơ sở cho việc giải quyết tốt hơn vấn đề công bằng xã hội. Khả năng đáp ứng các nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh cũng bị hạn chế.

Việc khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã chuyển biến tích cực trên nhiều ngành và lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân mấy năm gần đây, sự mở rộng và tăng cường hợp tác phát triển với các

nước và các tổ chức quốc tế cho phép chúng ta đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Đương nhiên, chúng ta không tiến hành công nghiệp hoá theo kiểu cũ, không lặp lại sai lầm nóng vội, chủ quan, duy ý chí mà Đại hội VI đã phê phán. Công nghiệp hoá không chỉ là sự tăng thêm một cách giản đơn tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là cả một quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh và có hiệu quả cao của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp hoá phải đi đôi với hiện đại hoá, kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ, với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, tạo nên những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ thế giới.

Phải cân nhắc kỹ phương hướng, quy mô, bước đi của tiến trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá trên cơ sở thấu suốt các quan điểm lớn sau đây:

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng một nền kinh tế mở với cả trong và ngoài nước, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ với nước ngoài; kết hợp kinh tế với an ninh quốc phòng.

- Kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, thị trường khu vực và thị trường quốc tế.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, chủ yếu được thẩm định

bởi thị trường, làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương hướng, lựa chọn các dự án đầu tư và công nghệ.

- Khai thác nhanh thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành, tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm sớm đưa lại hiệu quả cao, đồng thời có chính sách, cơ chế, giải pháp thiết thực đối với những nơi khó khăn, đẩy mạnh hợp tác phát triển, bảo đảm cho các vùng và các thành phần dân cư đều có lợi ích và được hưởng thành quả của sự tăng trưởng.

- Chú trọng quy mô nhỏ và vừa, vốn đầu tư ít mà thời gian thu hồi nhanh, theo phương châm lấy ngắn nuôi dài, nhưng không loại trừ một số công trình quy mô lớn nếu cần thiết và có hiệu quả.

- Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất và công nghiệp hiện có, tập trung vào những khâu quyết định chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, bảo đảm tính tiên tiến của kỹ thuật và công nghệ nhập khẩu, ưu tiên cho loại công nghệ tốn ít vốn, tạo ra nhiều việc làm trực tiếp hoặc gián tiếp.

Trong những năm trước mắt, phải rất quan tâm đến công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sự xuất hiện tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ... và dịch vụ cả ở thành thị và nông thôn; đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, nhất là những ngành cung ứng hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu; cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất ở những khâu ách tắc nhất,

đang cản trở sự phát triển; xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường để phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao; phát triển sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài.

Công nghiệp hoá và hiện đại hoá cần rất nhiều vốn, huy động trong nước là chính, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả. Các nước và vùng lãnh thổ như Nam Triều Tiên, Đài Loan, Xingapo, Hồng Kông đã phải đầu tư 25 đến 30% GDP mỗi năm trong mấy thập kỷ liền, mà vốn trong nước chiếm tới 80-90%, mới trở thành nước công nghiệp mới như ngày nay.

Ở nước ta, để bảo đảm tăng trưởng bình quân hằng năm không dưới 8%, tổng vốn đầu tư phải nhanh chóng đạt tới mức 20-25% GDP hằng năm trở lên, so với mức khoảng 10% lâu nay. Điều đó đòi hỏi nỗ lực rất lớn, có chủ trương, chính sách thích đáng để động viên toàn xã hội ra sức cần kiệm trong sản xuất kinh doanh, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là cho lĩnh vực sản xuất vật chất.

Trong nhiều giải pháp, phải đặc biệt chú ý đến những chính sách, cơ chế có tác dụng chặn đứng tình trạng thất thoát, lãng phí tài sản công, nhất là trong xây dựng cơ bản; tệ tiêu xài hoang phí, chè chén linh đình, quà cáp biếu xén... bằng công quỹ; việc mua sắm, xây cất, trang bị những thứ chưa thật thiết yếu trong hệ thống các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể; xu hướng tiêu dùng không tương xứng với trình độ phát triển kinh tế, ít quan tâm tới ngày mai đang

tăng lên trong xã hội. Cán bộ và đảng viên phải thực hiện lời dạy của Bác Hồ: "Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư", làm gương cho toàn dân noi theo, vì cuộc sống của chúng ta và con em chúng ta, vì sự giàu có của mỗi nhà và của cả nước.

Chúng ta cũng cần tranh thủ nhiều hơn nữa vốn và công nghệ của bên ngoài, cả bằng cách đi vay, lẫn thu hút đầu tư trực tiếp. Song vay vốn phải trên cơ sở bảo đảm sử dụng có hiệu quả, trả được nợ. Huy động vốn bên ngoài phải đi liền với du nhập công nghệ hiện đại, làm đòn xeo để khơi dậy các nguồn lực trong nước là chính, luôn luôn chú trọng lợi ích và chủ quyền quốc gia cả về kinh tế lẫn chính trị. Nền kinh tế chỉ có thể phát triển vững chắc và lành mạnh trên cơ sở tích lũy nội bộ là chính. Đó cũng là điều kiện tiên quyết để tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài.

Nguồn vốn lớn nhất, quý nhất, quyết định nhất và không thể thay thế được là con người Việt Nam. Đảng và Nhà nước phải có chính sách đoàn kết rộng rãi, bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng cán bộ, trọng dụng nhân tài, phát huy truyền thống lao động cần cù, thông minh sáng tạo, ý chí quật cường của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam, lấy đó làm kế sâu rễ bền gốc để dựng nước và giữ nước.

4. Về thành phần kinh tế

Để phát huy hơn nữa sức mạnh của nền kinh tế nhiều thành phần, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới phải xây dựng khu vực doanh nghiệp nhà nước ở những lĩnh vực then chốt, có ưu thế về trình độ trang bị kỹ thuật, hoạt động có hiệu quả, đảm nhiệm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, tương tự như vai trò của

quân chủ lực trong các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang trong chiến tranh nhân dân.

Khu vực doanh nghiệp nhà nước đã có những cố gắng thích ứng với cơ chế mới, đóng góp quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế trong mấy năm qua. Song so với công sức vốn liếng đầu tư cho khu vực này, thì những đóng góp đó chưa tương xứng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh rất thấp.

Nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình hình đó là ở chỗ: tài sản của Nhà nước về thực chất vẫn trong tình trạng không có người làm chủ cụ thể, trực tiếp, có quyền hạn và trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ đầy đủ đối với việc sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các tài sản đó. Sở hữu nhà nước hay sở hữu toàn dân là hết sức cần thiết, song trên thực tế và trong nhiều trường hợp đã trở thành vô chủ. Công nhân viên chức trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp không có động lực thường xuyên và bền vững để gắn bó thiết thân với sự phát triển của doanh nghiệp, không có quyền hạn vật chất và tổ chức đủ mạnh để tham gia định đoạt các quyết sách làm ăn, ngăn chặn từ gốc tệ tham ô, lãng phí, làm thất thoát, hư hỏng tài sản công.

Tình trạng tương tự đã diễn ra trong các hợp tác xã nông nghiệp nhiều năm trước đây. Song bằng cách khoán đến hộ gia đình, giao ruộng đất cho nông dân sử dụng lâu dài, chuyển nhiều loại tư liệu sản xuất khác thành sở hữu của xã viên, đã đưa đến những thành tựu to lớn của sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân. Cơ chế khoán như trên cũng đã được áp dụng rộng rãi tại các doanh nghiệp nhà

nước trong nông, lâm, ngư nghiệp, bước đầu đem lại kết quả tích cực.

Tính chất đặc thù của quá trình sản xuất và công nghệ trong công nghiệp, vận tải, xây dựng... nói chung không cho phép chia nhỏ tư liệu sản xuất để giao cho từng người lao động, nhưng có thể giải quyết bằng cách khác, chẳng hạn như bán (hay cấp) cổ phần ưu đãi của doanh nghiệp nhà nước cho công nhân viên chức trực tiếp làm việc tại từng doanh nghiệp; hoặc thực hiện chia lợi nhuận theo lương cơ bản cho công nhân, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước và tích lũy để tái đầu tư mở rộng sản xuất. Cách làm này tạo điều kiện cho công nhân viên chức thực sự trở thành người chủ, gắn quyền hạn và trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ của mỗi người đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp, kết hợp tốt hơn lợi ích chung của cả nước, với lợi ích của từng tập thể lao động và của mỗi người. Một phần cổ phần của một số doanh nghiệp nhà nước cũng có thể bán cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp, để huy động thêm nguồn vốn đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước tạo cơ sở kinh tế để tổ chức Hội đồng quản trị, gồm những người hiểu biết và công tâm, đại diện cho chủ sở hữu, để trực tiếp quản lý hoạt động của doanh nghiệp. Một chức năng rất quan trọng của Hội đồng quản trị là lựa chọn được giám đốc điều hành giỏi, bãi miễn kịp thời những người không đủ phẩm chất và năng lực, kinh doanh không có hiệu quả, làm phương hại đến lợi ích của Nhà nước, người lao động và các chủ sở hữu khác. Giám đốc doanh nghiệp nhà nước không được tổ chức kinh doanh riêng, nhất là cùng một loại ngành nghề.

Chính phủ cần chỉ đạo các ngành, các cấp có liên quan xúc tiến triển khai sớm chủ trương nói trên, có bước đi tích cực nhưng vững chắc, cân nhắc mức độ, thời điểm phù hợp với từng lĩnh vực, từng loại hình xí nghiệp, từ làm thử, đúc rút kinh nghiệm để nhân ra diện rộng. Ngăn chặn những sơ hở và những lạm dụng trong việc thực hiện cổ phần hoá để đục khoét, biến của công làm của riêng.

Khuyến khích, hướng dẫn các thành phần kinh tế khác áp dụng phương thức nói trên, tăng thêm mặt thống nhất về lợi ích giữa người chủ và người lao động.

Ngoài việc củng cố các doanh nghiệp nhà nước trong những khâu, những lĩnh vực trọng yếu, Nhà nước sẽ mở rộng việc đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc những thành phần khác dưới hình thức góp cổ phần, mua cổ phiếu, v.v. để vừa sử dụng có hiệu quả hơn các tài sản thuộc sở hữu nhà nước, vừa hỗ trợ, thúc đẩy và hướng dẫn hữu hiệu hơn hoạt động của toàn bộ nền kinh tế.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, hợp tác liên doanh với nước ngoài có vai trò tích cực lâu dài, đang phát triển sôi động. Cần tiếp tục giải toả những ngăn chặn, cấm đoán phi pháp, những thủ tục hành chính phiền hà, tạo môi trường pháp lý và kinh tế thuận lợi cho khu vực này phát triển hơn nữa.

Đồng thời, tình trạng kinh doanh không theo pháp luật, không đăng ký, không có sổ sách chứng từ đầy đủ, lẫn tránh sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, đội lốt doanh nghiệp nhà nước, hoặc móc nối với doanh nghiệp và cán bộ, nhân viên nhà nước để làm ăn phi pháp, buôn lậu, trốn thuế, v.v. là rất phổ biến và rất nghiêm trọng.

Không phải bản thân sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, mà là việc buông lỏng và kém hiệu lực của hoạt động kiểm kê, kiểm soát, hướng dẫn, điều tiết và can thiệp của Nhà nước đối với khu vực này, để cho những mặt tiêu cực nói trên ăn sâu và lan rộng mới chính là nguy cơ làm chệch định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Cần ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ đó.

Việc đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân là trái với Cương lĩnh và Điều lệ Đảng. Các cấp bộ đảng cần xem xét từng trường hợp cụ thể, hướng dẫn và giúp đỡ chuyển đổi thành dạng xí nghiệp, công ty cổ phần, có sự tham gia của người lao động, của Nhà nước; hoặc kinh tế hợp tác, công tư hợp doanh, v.v. để vừa tận dụng được vốn liếng và năng lực kinh doanh của đảng viên, vừa bảo đảm bản chất giai cấp của Đảng.

5. Về tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế

Thực tiễn đổi mới đến nay cho phép khẳng định: cơ chế thị trường có tác dụng tích cực hơn hẳn cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trong việc phát triển sức sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân. Bản chất xã hội của cơ chế thị trường tùy thuộc vào tổng thể các yếu tố kinh tế - chính trị của chế độ xã hội trong đó nó tồn tại và phát triển. Mặt khác, cơ chế thị trường cũng không phải là phương tiện vạn năng trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Nó cũng chứa đựng những hạn chế, những mặt tiêu cực cần được ngăn ngừa, khắc phục. Chức năng cơ bản của thị trường là chức năng lưu thông phân phối. Nếu không được Nhà nước quản lý và điều tiết, thì tác động của thị trường sẽ làm nảy

sinh xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, phải kiên trì thực hiện quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước, để sử dụng có hiệu quả hơn nữa cơ chế thị trường trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quản lý vĩ mô của Nhà nước nhằm định hướng và dẫn dắt sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế - xã hội, tạo môi trường kinh tế và khuôn khổ pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy mặt tích cực, ngăn ngừa và khống chế những tác động tự phát, tiêu cực, khắc phục những mặt khiếm khuyết vốn có của cơ chế thị trường, làm cho thị trường thật sự trở thành công cụ quan trọng trong việc phân bổ và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, bảo đảm quan hệ tích lũy tiêu dùng, quan hệ lợi ích giữa các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư; đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh hơn, ổn định vững chắc hơn, công bằng xã hội nhiều hơn.

Quản lý vĩ mô của Nhà nước phải bao quát toàn bộ nền kinh tế quốc dân, các thành phần kinh tế, chứ không chỉ riêng khu vực doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường hơn nữa tính tập trung thống nhất của Chính phủ trong điều hành vĩ mô nền kinh tế, đi đôi với việc mở rộng trách nhiệm và quyền hạn của ngành và địa phương đối với những vấn đề mà các cấp này có khả năng xử lý có hiệu quả hơn; bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, làm cho luật pháp được thực hiện nghiêm minh, bình đẳng đối với mọi công dân và thành phần kinh tế.

Củng cố và tăng cường vai trò bộ tham mưu của cơ quan kế hoạch, làm tốt các chức năng lập quy hoạch, kế hoạch, xác định phương hướng và tốc độ phát triển, tính toán và duy trì các cân đối vĩ mô, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm trung tâm điều phối các nguồn lực tập trung huy động được từ trong và ngoài nước để sử dụng có hiệu quả cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tiếp tục cải cách sâu sắc và toàn diện hơn nữa hệ thống tài chính - ngân hàng, một trong những khâu yếu và khó nhất, đồng thời lại là khâu then chốt để tạo lập và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu vốn cho phát triển đất nước.

Đổi mới cơ chế quản lý các doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực sự tự chủ kinh doanh theo pháp luật. Xúc tiến hình thành những tập đoàn kinh doanh lớn có tầm cỡ khu vực hoặc quốc gia bao gồm cả mạng lưới vệ tinh là những doanh nghiệp nhỏ không phân biệt ranh giới bộ chủ quản hay cấp chủ quản.

Các bộ chuyên ngành tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển của toàn ngành; hướng dẫn, hỗ trợ kiểm tra, kiểm soát các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần trên mọi địa bàn theo đúng chức năng quản lý nhà nước về ngành kinh tế - kỹ thuật mà bộ phụ trách. Tăng cường vai trò quản lý xuyên suốt các ngành và lĩnh vực của các bộ tổng hợp, bảo đảm không một hoạt động kinh tế - xã hội nào lại không chịu sự quản lý vĩ mô có hiệu lực của Nhà nước.

Các cấp chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn, không phân biệt kinh tế trung ương hay

địa phương, doanh nghiệp nhà nước hay thuộc các thành phần khác, bảo đảm mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều theo đúng pháp luật.

Hiệu lực thấp về tổ chức, quản lý và điều hành của bộ máy nhà nước đang là một trong những vấn đề bức xúc mà chúng ta phải tập trung giải quyết. Phải nhận thức rõ nguy cơ nhiều mặt, cả về ổn định chính trị - xã hội lẫn tăng trưởng kinh tế, do bộ máy công kênh, quan liêu, trình độ và năng lực cán bộ thấp, nhiều hư hỏng, để có sự nhất trí và quyết tâm cao, phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp, nhằm xúc tiến mạnh việc cải cách hành chính, sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế, phân công phân nhiệm rõ ràng, bảo đảm tập trung thống nhất, đơn giản hoá thủ tục hành chính, có quy chế công chức, công vụ cụ thể đối với từng chức danh, có chế độ đãi ngộ tương xứng với cống hiến và hiệu quả làm việc, làm cho bộ máy nhà nước nói chung và nhất là về quản lý kinh tế thực sự có hiệu lực và hiệu quả.

Có chương trình đào tạo và đào tạo lại cán bộ phù hợp với cơ chế mới, tuyển chọn và sử dụng cán bộ đúng khả năng, trọng dụng nhân tài, chống tư tưởng cục bộ, địa phương, bè phái, phân biệt đảng viên và người ngoài Đảng.

6. Về các vấn đề xã hội

Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, tạo cơ hội cho mọi tầng lớp nhân dân tự do làm ăn theo pháp luật, chủ động và năng động lo liệu cuộc sống của mình và gia đình mình, không thụ động, trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, vào cấp trên, vào viện trợ bên ngoài... như chúng ta đang làm lâu nay, là một tiến bộ lớn về mặt xã hội, là thành tích không nhỏ trong việc dân

chủ hoá đời sống xã hội ở một lĩnh vực quyết định nhất, thiết thân nhất và rộng lớn nhất - lĩnh vực kinh tế. Sắp tới, Nhà nước phải có cơ chế, chính sách thích đáng nhằm động viên toàn xã hội tiết kiệm để đầu tư phát triển, đẩy mạnh hơn nữa tốc độ tăng trưởng theo phương hướng, nhiệm vụ mà Chiến lược kinh tế - xã hội đã đề ra; khuyến khích mọi thành phần, mọi công dân, mọi nhà đầu tư trong và ngoài nước mở mang nhiều ngành nghề sản xuất kinh doanh, mở rộng kinh tế đối ngoại, nhờ đó mà giải quyết tốt hơn vấn đề công ăn việc làm, thu nhập và đời sống, tạo tiền đề vật chất cho việc xử lý các vấn đề xã hội khác.

Nói như vậy không có nghĩa là tăng trưởng kinh tế tự nó sẽ giải quyết được tất cả các vấn đề xã hội, càng không có nghĩa là phải hy sinh tất cả cho tăng trưởng, chờ đến lúc kinh tế phát triển cao mới quan tâm đến những vấn đề xã hội. Chúng ta không ảo tưởng sớm có ngay một xã hội tốt đẹp trong khi kinh tế còn kém phát triển, năng suất lao động thấp, khoa học kỹ thuật còn lạc hậu. Chúng ta phải chấp nhận bất công ở một mức nhất định không tránh khỏi, coi đó là giá phải trả để ổn định và phát triển nhanh nền kinh tế. Nhưng chúng ta chủ trương phải kết hợp ngay từ đầu tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, từng bước xây dựng trên thực tế một xã hội trong đó nhân dân làm chủ các công việc nhà nước và xã hội; mọi người sống nhân ái, có văn hoá, tôn trọng pháp luật, kỷ cương; xoá bỏ áp bức, bất công, ai cũng được tạo điều kiện để mưu cầu một cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Nhiều vấn đề xã hội nhức nhối hiện nay không phải chỉ do kinh tế kém phát triển, mà còn do chúng ta buông lỏng

lãnh đạo và quản lý, chưa quan tâm đúng mức đến việc giải quyết các vấn đề xã hội, chưa chú trọng kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Cần nghiêm khắc kiểm điểm và sớm khắc phục thiếu sót đó.

Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực xã hội, phát triển văn hoá, khoa học, công nghệ, giáo dục, y tế... là chăm sóc, bồi dưỡng để phát huy nhân tố con người với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của công cuộc xây dựng xã hội mới.

Cần có quan niệm đúng và thực hiện tốt yêu cầu về công bằng xã hội. Công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối các điều kiện sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả của sản xuất; ở điều kiện phát triển năng lực của mỗi thành viên trong cộng đồng. Nhà nước phải tạo điều kiện để người lao động được làm chủ một phần tư liệu sản xuất (như nông dân được giao ruộng đất, công nhân viên chức có cổ phần, cổ phiếu trong các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, v.v.), được giáo dục văn hoá, đào tạo nghề nghiệp, chăm sóc y tế, có cơ hội phát huy năng lực sở trường trong quá trình lập thân, lập nghiệp. Đồng thời Nhà nước cũng bảo vệ và khuyến khích mọi công dân làm giàu hợp pháp, được hưởng thụ xứng đáng với công sức, tiền của bỏ vào sản xuất kinh doanh. Thực hiện nguyên tắc ai làm việc có hiệu quả hơn, cống hiến nhiều hơn thì thu nhập lớn hơn và ngược lại. Phân phối theo lao động là chính, đồng thời phân phối theo mức vốn đầu tư, đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Mở rộng phúc lợi xã hội.

Trong khi ra sức tạo thêm điều kiện thuận lợi để khuyến

khích làm giàu hợp pháp, coi việc một bộ phận dân cư giàu có nhanh hơn số đông là hợp quy luật và cần thiết cho tiến bộ chung, trong khi phải tập trung những nguồn lực có hạn để khai thác và phát triển nhanh hơn những vùng trọng điểm có nhiều lợi thế làm đầu tàu lôi kéo các vùng khác cùng phát triển, cần có chính sách đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, từng bước xoá đói giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo, vùng nghèo bằng những chính sách và biện pháp cụ thể và thiết thực; điều tiết hợp lý những người có thu nhập cao và vùng có lợi thế phát triển, hỗ trợ các vùng và các tầng lớp dân cư còn nhiều khó khăn, đặc biệt quan tâm đến đồng bào các dân tộc ít người, khu căn cứ cách mạng cũ, vùng cao, vùng sâu và hải đảo.

Đề cao trách nhiệm của mỗi công dân trước hết phải tự giải quyết lấy những vấn đề trong cuộc sống của bản thân và gia đình mình; đồng thời tăng cường cộng đồng trách nhiệm của cả xã hội. Phát huy truyền thống tương thân tương ái, đùm bọc cứu mang lẫn nhau của "người trong một nước". Động viên mọi người, mọi nhà làm việc nhân đạo, từ thiện.

Một bất công xã hội nghiêm trọng nhất, tệ hại nhất hiện nay, cần phải ngăn chặn và đẩy lùi bằng được, đó là nạn tham nhũng. Bằng cách lạm dụng quyền lực để đục khoét tài sản - mồ hôi nước mắt của nhân dân, bọn tham nhũng đang làm một ruộng bộ máy nhà nước, bôi nhọ thanh danh của Đảng, tiếp tay cho các thế lực thù địch phá hoại chế độ ta.

Phải tiến hành chống tham nhũng một cách kiên quyết, triệt để trong toàn bộ bộ máy, ở tất cả các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Kết hợp việc thanh tra, kiểm tra chặt chẽ của các cơ quan chức năng phát động nhân

dân phối hợp đấu tranh vạch mặt bọn tham nhũng. Xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc, không phân biệt kẻ vi phạm ở cương vị gì, cấp bậc nào.

Mặt khác, phải giải quyết một cách cơ bản những mặt bất cập, những kẽ hở trong cơ chế, chính sách; tình trạng thiếu người làm chủ tập thể, trực tiếp đối với nhiều loại tài sản công; sự công kênh, chồng chéo, trùng lặp trong bộ máy, nhiều tầng nấc trung gian, nhiều người dôi dư kém phẩm chất và năng lực, việc thiếu những quy định rõ ràng và đơn giản về thủ tục hành chính, về quy chế công chức công vụ; sự bất hợp lý trong chế độ tiền lương, v.v..

Phải sử dụng các dịch vụ tư vấn và thẩm định của trong nước và nước ngoài, như dịch vụ thẩm định chất lượng và giá cả hàng hoá, thiết bị nhập khẩu, thẩm định dự án; dịch vụ kế toán và kiểm toán, quản lý vay nợ, viện trợ; dịch vụ tư vấn về pháp lý, về tổ chức bộ máy hành chính, v.v.. Tập trung lực lượng để tạo chuyển biến thực sự ở một số ngành và lĩnh vực trọng điểm, như xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư với nước ngoài, xuất, nhập khẩu, thuế và hải quan, v.v., tạo điều kiện mở rộng sang các ngành và lĩnh vực khác.

7. Về quốc phòng - an ninh - đối ngoại

Sau chiến tranh lạnh, tình hình khu vực và thế giới có những diễn biến phức tạp, thời cơ mới được mở ra, đi đôi với thách thức mới rất nghiêm trọng. Chúng ta phải nắm thời cơ để xây dựng lại đất nước, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức.

Nghị quyết Đại hội VII và các Nghị quyết Trung ương khoá VII luôn khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng

và bảo vệ Tổ quốc. Phải tập trung sức xây dựng lại đất nước, coi là nhiệm vụ trung tâm, đồng thời không được lơ lửng nhiệm vụ bảo vệ đất nước, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, giữ vững định hướng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Cùng với xu thế hoà bình, đối thoại, hợp tác và phát triển đã tăng lên trong khu vực và trên thế giới, thành công của sự nghiệp đổi mới trên các lĩnh vực đời sống xã hội, chính sách đối ngoại đúng đắn và hoạt động tích cực, chủ động của ta đã làm thay đổi hình ảnh Việt Nam trên thế giới. Uy tín và địa vị quốc tế của ta được nâng cao rõ rệt, tạo thế mới trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách, tăng cường quản lý, mở rộng hợp tác nhiều mặt để tranh thủ vốn, công nghệ, kiến thức và kinh nghiệm của bên ngoài, khai thác các điểm đồng về lợi ích, thu hẹp các bất đồng, tăng thêm bầu bạn, tận dụng và góp phần tạo môi trường quốc tế ngày càng thuận lợi hơn để tập trung sức xây dựng đất nước.

Mặt khác, thế giới cũng đang có nhiều biến động bất trắc chứa đựng những điểm nóng tiềm tàng có thể làm bùng nổ thêm các xung đột khu vực, cục bộ. Trật tự thế giới cũ hình thành từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai không còn tồn tại, tương quan lực lượng có nhiều thay đổi bất lợi cho ta, trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành. Nguy cơ chiến tranh huỷ diệt toàn cầu bị đẩy lùi một bước quan trọng, song những cuộc xung đột vũ trang về dân tộc, sắc tộc, lãnh thổ kéo dài triền miên. Kinh tế nhiều nước, nhất là các nước công nghiệp phát triển, đang trải qua thời kỳ suy thoái. Mỹ vẫn chưa từ bỏ chính sách bao vây, cấm vận đối với Việt Nam.

Các thế lực thù địch đang ráo riết thực hiện âm mưu hòng xoá bỏ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng tìm cách khoét sâu và thổi phồng những khuyết điểm, phủ nhận những chiến công oai hùng, phá hoại khối đại đoàn kết của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta.

Chúng ra sức xuyên tạc, bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lênin, lung lạc cán bộ, đảng viên và nhân dân về tư tưởng; gieo rắc hoài nghi về mục tiêu xã hội chủ nghĩa; lôi kéo mua chuộc, làm sa ngã biến chất cán bộ, làm suy yếu đội ngũ ta. Chúng tổ chức, nhen nhóm lực lượng, cấu kết trong ngoài, lợi dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền để kích động chống phá, hòng làm mất ổn định chính trị - xã hội, gây bạo loạn lật đổ, thực hiện diễn biến hoà bình, kéo chúng ta đi chệch quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

Tại Hội nghị Trung ương lần này, cũng như sau hội nghị, các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan chức năng sẽ nghiên cứu kỹ và bàn định các giải pháp cụ thể về tư tưởng, tổ chức, phương án hành động về các mặt để đối phó thắng lợi với từng âm mưu, thủ đoạn của địch. Tôi chỉ nhấn mạnh rằng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phải đề cao cảnh giác trước nguy cơ đó. Song kẻ thù có thực hiện được ý đồ của chúng hay không, thì lại còn tùy thuộc vào chúng ta. Nếu Đảng và Nhà nước ta kiên định, trong sạch, vững mạnh, thực sự vì lợi ích của nhân dân, có quyết tâm cao, loại trừ tham nhũng; có chính sách và giải pháp đúng, đẩy nhanh hơn nữa tốc độ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân, làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh, thì chúng ta nhất định sẽ làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương cần có chuyển biến mạnh mẽ, lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng bộ máy nhà nước, phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc và phát huy những thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã giành được, đưa công cuộc đổi mới tiếp tục tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

8. Về xây dựng Đảng

Đảng là hạt nhân lãnh đạo toàn xã hội. Vì vậy, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm nhiệm vụ là vấn đề then chốt bảo đảm cho quá trình đổi mới đi đúng hướng và đạt thành tựu cao hơn.

Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ đường lối chính trị đúng đắn, sự thống nhất về tư tưởng và hành động của toàn Đảng. Trước những thời cơ và thách thức mới hiện nay, công tác chính trị tư tưởng càng có vị trí đặc biệt quan trọng.

Phải bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ và chất lượng lãnh đạo của Đảng. Xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội trên cơ sở nhận thức được quy luật phát triển xã hội. Phải coi trọng tổng kết thực tiễn, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận để từng bước xác định rõ con đường và giải pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Kiên quyết đấu tranh, phê phán những quan điểm cơ hội, xét lại, những khuynh hướng dao động, phủ nhận thành quả cách mạng của nhân dân ta, đồng thời khắc phục bệnh bảo thủ, giáo điều. Bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về

lý luận, quan điểm, đường lối, về những điển hình và nhân tố mới. Giải quyết có kết quả những vấn đề kinh tế, xã hội cấp bách. Đó là những việc làm có tác dụng thiết thực xây dựng và củng cố niềm tin.

Các cán bộ làm công tác lý luận, khoa học xã hội trong hệ thống trường đảng, các viện nghiên cứu khoa học, các cơ quan tư tưởng phải được bố trí đi thực tế, hoặc trực tiếp tham gia vào hoạt động của các cơ sở để nghiên cứu, tổng kết thực tiễn trên lĩnh vực công tác lý luận.

Cần mở rộng dân chủ trong quá trình ra nghị quyết, quyết định, tập trung được trí tuệ của cán bộ, đảng viên, của các chuyên gia, nhà khoa học, để có những nghị quyết, quyết định chính xác, làm cơ sở cho sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không được tự ý truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng.

Sức mạnh của Đảng về chính trị và tư tưởng được bảo đảm bằng sức mạnh của tổ chức chặt chẽ, khoa học, có kỷ luật nghiêm minh. Vì vậy, phải thực hiện nghiêm ngặt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ. Ngăn chặn và khắc phục bằng được tệ vô tổ chức, vô kỷ luật, độc đoán, chuyên quyền, cục bộ địa phương, bè phái, mất đoàn kết diễn ra ở nhiều nơi. Thiết lập trật tự, kỷ cương trước hết từ trong Đảng. Đặc biệt coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ quan điểm, đường lối; giữ gìn sự trong sạch của Đảng, không để lọt vào hàng ngũ của Đảng những phần tử cơ hội hoặc phản động về chính trị. Giữ gìn bí

mật nội bộ và bí mật quốc gia, chống mọi âm mưu, thủ đoạn mua chuộc, khống chế cán bộ.

Chấn chỉnh hệ thống tổ chức của Đảng, bảo đảm bộ máy tinh gọn, có hiệu lực và hiệu quả, tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng phù hợp với cơ chế quản lý mới.

Đặc biệt cần tiếp tục làm rõ và giải quyết tốt mối quan hệ và lề lối làm việc giữa các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước. Đảng lãnh đạo toàn bộ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, thông qua đường lối và hệ thống tổ chức của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà nước không chỉ thông qua các cán bộ, đảng viên giữ các cương vị chủ chốt trong bộ máy nhà nước, mà còn thông qua các tổ chức của Đảng ở đây như đảng đoàn, ban cán sự, cấp uỷ đảng. Các tổ chức của Đảng, cùng với cán bộ, đảng viên công tác trong các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và tổ chức thực hiện. Tổ chức đảng không được buông lỏng lãnh đạo, song nhất thiết không bao biện làm thay công việc của chính quyền. Lãnh đạo bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, chứ không điều hành thay Nhà nước. Vấn đề cần làm hiện nay là xây dựng một quy trình, quy chế lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ mà không trùng lặp với cơ quan nhà nước.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải hết sức phòng chống nguy cơ Đảng quan liêu hoá, xa rời quần chúng mà hậu quả không thể lường trước được như đã từng xảy ra ở một số nước. Vì vậy, Đảng phải rất chăm lo đến công tác mật trận, công tác dân vận, quan tâm giải quyết đúng đắn, kịp thời những lợi ích thiết thực của nhân dân, tuyên truyền giáo

dục về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong các tầng lớp nhân dân; động viên và tổ chức, lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế, văn hoá, giải quyết việc làm, đời sống, đấu tranh khắc phục đói nghèo, lạc hậu, bài trừ các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh trên từng địa bàn trong cả nước.

Phải xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Trong điều kiện kinh tế - xã hội đã có nhiều biến đổi, cần có những hình thức và nội dung phù hợp với từng tầng lớp xã hội, dân tộc, giới tính, thành phần kinh tế, lĩnh vực hoạt động, tín ngưỡng, tôn giáo ở trong nước và ở nước ngoài, vừa củng cố các giai cấp, tầng lớp nòng cốt, vừa mở rộng khối đại đoàn kết, nhằm phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, đoàn kết mọi người Việt Nam có chung nguyện vọng và lợi ích trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Bộ Chính trị đã có Nghị quyết "về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất". Bộ Chính trị và Ban Bí thư cũng đã và đang chỉ đạo tiến hành đại hội một số tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng. Các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn và ban cán sự phải tổ chức học tập và triển khai thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của Bộ Chính trị về công tác mặt trận và các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức và phong cách hoạt động, làm cho công tác mặt trận và công tác dân vận có chuyển biến rõ rệt, thực hiện đại đoàn kết toàn dân ở tầm cao mới và chiều sâu mới, tạo ra động lực mạnh mẽ để thực

hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Để thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời điểm hiện nay, vấn đề cán bộ nổi lên như một mắt xích quan trọng nhất trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới. Việc bố trí một đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, có cơ cấu đồng bộ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có kiến thức và năng lực tổ chức điều hành để đưa đường lối vào cuộc sống là vấn đề có ý nghĩa quyết định. Để tạo bước chuyển biến căn bản về công tác cán bộ, phải đổi mới quan điểm về đánh giá, tuyển chọn, bố trí, đề bạt và đãi ngộ cán bộ. Phải trên cơ sở xác định rõ tiêu chuẩn, đặc biệt là bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức thực tiễn, và căn cứ vào hiệu quả công tác thực tế để đánh giá cán bộ một cách toàn diện, cụ thể và công tâm. Phải có cơ chế, chính sách bảo đảm những người có đức, có tài, có tâm huyết với đất nước, đều được trọng dụng, khắc phục tư tưởng thành kiến, hẹp hòi, phân biệt đối xử.

Để chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII và những năm tiếp theo, có nhiều việc phải làm trong đó phải có chế độ quy định và khuyến khích cán bộ học tập để nâng cao trình độ mọi mặt, thích ứng được với yêu cầu mới, cơ chế mới. Thực hiện việc trẻ hoá và kế thừa trong đội ngũ cán bộ, bảo đảm chặt chẽ về tiêu chuẩn, hình thành một tập thể mạnh. Thực hiện gắn việc chuyên môn hoá với luân chuyển cán bộ, giữa cán bộ tại chỗ với cán bộ tăng cường từ nơi khác đến. Hình thành đồng bộ bốn loại cán bộ: cán bộ lãnh đạo chính trị, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh, các chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực. Đổi mới công tác quy

hoạch và đào tạo cán bộ. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo chung, cũng như đối với từng ngành, từng địa phương, gắn với mục tiêu, yêu cầu và đối tượng, địa chỉ sử dụng.

Từ nay đến Đại hội VIII chỉ còn hơn hai năm, vì vậy các cấp uỷ đảng, các ngành phải tập trung thực hiện tốt các mục tiêu, yêu cầu về công tác cán bộ mà Hội nghị Trung ương ba đã đề ra, đặc biệt các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Trung ương và cấp uỷ địa phương phải đích thân chỉ đạo công việc quan trọng này.

*

* *

Đó là những vấn đề quan trọng được nêu trong dự thảo Báo cáo chính trị. Đề nghị Trung ương khi thảo luận Báo cáo chính trị dành nhiều thời gian vào những vấn đề trên, để quyết định đúng những phương hướng, chủ trương và giải pháp tiếp tục hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII, đưa công cuộc đổi mới của nước ta tiến tới những thành tựu cao hơn.

Chúc các đồng chí khoẻ.

Chúc Hội nghị Trung ương thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 154/TLHN, ngày 30 tháng 11 năm 1993

Về một số vấn đề của dự thảo Báo cáo chính trị qua thảo luận của Trung ương

Qua bốn ngày thảo luận có 73 đồng chí phát biểu ở tổ và 37 đồng chí phát biểu trên hội trường. Các ý kiến đều thể hiện sự chuẩn bị công phu, nghiêm túc và được trình bày thẳng thắn, tập trung vào 10 vấn đề mà Bộ Chính trị gợi ý, nhất là về đánh giá tình hình về thời cơ và thách thức; về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá; về kinh tế nhiều thành phần, đặc biệt là thành phần quốc doanh và tư bản tư nhân; về cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; về các vấn đề xã hội như chống tham nhũng; về đấu tranh chống diễn biến hoà bình; về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, v.v..

Trên các vấn đề đó, các ý kiến đều tỏ rõ sự nhất trí cơ bản với dự thảo Báo cáo chính trị, đồng thời cũng nêu lên nhiều đề nghị bổ sung, sửa đổi, chủ yếu để làm rõ thêm các quan điểm cũng như giải pháp cụ thể. Có một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Bộ Chính trị xin tiếp thu các ý kiến hợp lý để chỉ đạo việc chỉnh lý Báo cáo chính trị. Trước khi Trung ương biểu quyết thông qua dự thảo Báo cáo chính trị, Bộ Chính trị trình bày rõ thêm một số vấn đề chính sau đây:

1. Về nội dung và cấu trúc của Báo cáo chính trị

Hầu hết các ý kiến cho rằng dự thảo Báo cáo chính trị trình ra Ban Chấp hành Trung ương đã tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp của các cấp, các ngành, các cán bộ và đảng viên. So với dự thảo lần trước (3-10-1993), chất lượng của dự thảo lần này (16-11-1993) đã được nâng lên rõ rệt. Nhìn chung Báo cáo sát với tình hình thực tế, có tính khái quát, cô đọng, quan điểm rõ ràng, cấu trúc hợp lý, cách viết có cải tiến, không giải thích lý luận dài. Dự thảo đã tập trung vào hai lĩnh vực là kinh tế và xây dựng Đảng, vào một số chủ trương, giải pháp lớn. Dự thảo báo cáo có thể dùng làm cơ sở để bổ sung, hoàn chỉnh trình ra Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ.

Một số ý kiến đồng ý với nội dung chủ yếu của Báo cáo nhưng cho rằng Báo cáo vẫn còn dàn trải, nêu đủ các lĩnh vực; tính tổng kết và tính lý luận chưa cao, chưa nêu được những vấn đề mới hơn, cao hơn so với các hội nghị Trung ương vừa qua; kết cấu của Báo cáo chính trị vẫn theo lối cũ, lẽ ra nên trình bày thành một số vấn đề như bài của đồng chí Tổng Bí thư.

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến của Trung ương để chỉnh lý, bớt những chỗ có tính dàn trải, nâng chất tổng kết, sắp xếp lại và làm nổi bật, sâu sắc thêm các vấn đề mới. Tuy Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ không giống như Đại hội nhưng

vẫn phải kiểm điểm một cách toàn diện, có trọng điểm việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội trên các lĩnh vực, để từ đó có sự đánh giá tổng quát, rút ra những kết luận cần thiết; và cùng với yêu cầu đó, phải nêu lên cho được những vấn đề chủ yếu nhất, những vấn đề mới, cần tập trung giải quyết trong thời gian tới. Dự thảo Báo cáo chính trị trên thực tế đã đề ra nhiều vấn đề mới mà Hội nghị Trung ương đã tập trung thảo luận những ngày qua.

Khi chính lý dự thảo Báo cáo chính trị, cần làm nổi bật tư tưởng chỉ đạo toàn bộ hành động của chúng ta trong thời gian tới là đề cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, mở rộng hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Báo cáo chính trị phải thực sự là chương trình hành động thiết thực, có sức cổ vũ mạnh mẽ đối với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong giai đoạn mới.

2. Về đánh giá tổng quát

Nhiều ý kiến nhất trí với dự thảo Báo cáo.

Các ý kiến khác nhau chủ yếu xoay quanh vấn đề mức độ khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Mục tiêu Đại hội VII nêu ra cho đến năm 1995 là *căn bản đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội*.

Hội nghị đã nhất trí rất cao về những thành tựu kinh tế: kinh tế tăng trưởng khá, kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, bắt đầu có tích lũy nội bộ và đời sống nhân dân được cải thiện. Đó là cơ sở để Báo cáo chính trị nhận định chúng ta đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng

kinh tế - xã hội. Nói chỉ mới vượt qua giai đoạn gay gắt nhất của khủng hoảng thì chưa phù hợp vì những năm kinh tế khó khăn, lạm phát cao nhất là những năm trước năm 1989; còn thời điểm hiểm nghèo nhất là khi Liên Xô sụp đổ. Chúng ta đã vượt qua được thời kỳ này và tiếp tục phát triển. Nói đã khắc phục được nhiều mặt rất quan trọng tình trạng khủng hoảng (thay cho khắc phục một bước rất quan trọng) thì ý cũng không rõ hơn. Còn nói đã ra khỏi khủng hoảng hoặc căn bản ra khỏi khủng hoảng thì hơi sớm, vì khả năng kiểm soát lạm phát còn chưa vững chắc, tình hình xã hội còn nhiều vấn đề gay gắt. Vì vậy đề nghị với Trung ương giữ cách trình bày như trong dự thảo.

Về nhận định các thành tựu đạt được đã "tạo ra những tiền đề cần thiết để chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá", có ý kiến muốn thay bằng các từ "một số tiền đề ban đầu". Bộ Chính trị thấy viết như dự thảo đúng với thực tế hơn, cho phép khẳng định rõ hơn bước chuyển sắp tới.

3. Về thời cơ và thách thức

Hầu hết các ý kiến đều đồng ý với cách trình bày trong dự thảo về thời cơ và thách thức.

Một số ý kiến cho rằng dự thảo trình bày phân thách thức quá gọn, chưa đủ ý. Cùng với nguy cơ tụt hậu về kinh tế, nên nhấn mạnh thêm các nguy cơ: âm mưu diễn biến hoà bình; khả năng đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa; sự thoái hoá biến chất của cán bộ, nạn tham nhũng...

Bộ Chính trị thấy rằng, những ý kiến đề nghị bổ sung

thêm trên đây là hợp lý, cần được thể hiện trong Báo cáo chính trị.

Trong số những thách thức trước mắt thì nổi bật là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, mà thực chất là nguy cơ kinh tế phát triển chậm, hiệu quả thấp, công nghệ lạc hậu, trong khi đó nhiều nước trong khu vực đã có trình độ phát triển cao hơn và đang có tốc độ tăng trưởng cao, cuộc cạnh tranh kinh tế trên thế giới đang diễn ra quyết liệt. Tụt hậu xa hơn về kinh tế dễ dẫn đến mất ổn định chính trị; hạn chế khả năng củng cố quốc phòng và an ninh. Chỉ ra thách thức này cũng hoàn toàn phù hợp với chủ trương của chúng ta coi kinh tế là nhiệm vụ trung tâm.

Tuy nhiên đây không phải là nguy cơ duy nhất mà Đại hội VII, các hội nghị Trung ương, các hội nghị Bộ Chính trị đều nêu ra. Hiện nay, các thế lực thù địch đang ráo riết triển khai "diễn biến hoà bình" trên nhiều lĩnh vực ở nước ta, cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống "diễn biến hoà bình" diễn ra quyết liệt và phức tạp. Cùng với "diễn biến hoà bình" còn có những âm mưu và hành động gây bạo loạn lật đổ xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ của ta, v.v.. Điều này liên quan đến sự sống còn của Đảng ta, của chế độ ta. Đó là một nguy cơ to lớn và cực kỳ nghiêm trọng, nhưng tình trạng mơ hồ, mất cảnh giác trong cán bộ và nhân dân ta còn rất nặng nề.

Trong hoàn cảnh các thế lực thù địch ráo riết thực hiện "diễn biến hoà bình", chúng ta lại càng cần quan tâm hơn đến định hướng xã hội chủ nghĩa của các hoạt động kinh tế, xã hội, càng phải phòng ngừa khả năng đi chệch hướng. Trong Cương lĩnh mà Đại hội VII thông qua đã chỉ ra sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, bảy phương hướng cơ bản

để từng bước thực hiện những đặc trưng đó trong thời kỳ quá độ. Các hội nghị Trung ương sau Đại hội VII đã cụ thể hoá những phương hướng trên. Xét về mặt đường lối, chủ trương thì chúng ta đã vững vàng và nhất quán theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu đã đạt trong công cuộc đổi mới chứng tỏ chúng ta về cơ bản đang đi đúng hướng. Song, bên cạnh những thành tựu lớn về đổi mới cần được khẳng định, cũng còn có không ít những lệch lạc, không quán triệt đường lối, chính sách của Đảng như trên các vấn đề sở hữu, lưu thông phân phối, công bằng xã hội... Có nhiều hiện tượng tiêu cực, tha hoá, biến chất, nhất là nạn tham nhũng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, đó là nguy cơ có sức phá hoại từ bên trong, có thể làm chệch hướng phát triển, khiến cho cán bộ và nhân dân ta lo lắng. Sự lo lắng đó là đúng.

4. Về công nghiệp hoá và hiện đại hoá

Các ý kiến phát biểu đều tán thành chủ trương phải xúc tiến một bước công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước trong những năm tới. Tuy vậy cũng còn có những băn khoăn về mặt này hay mặt khác. Bộ Chính trị xin trình bày rõ thêm một số điểm sau đây:

a) Để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VII, trong đó có mục tiêu chiến lược là đến năm 2000 tăng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước, tạo điều kiện đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng nước nghèo và kém phát triển, chúng ta không thể không xúc tiến một bước công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Bởi vì để tăng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước, nền kinh tế phải đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 7,2% liên tục trong 10 năm liên. Tốc độ đó

không thể có được nếu vẫn duy trì cơ cấu kinh tế nông nghiệp lạc hậu, với trên 70% lao động làm nông nghiệp như hiện nay. Thực tiễn thế giới cũng như ở nước ta nhiều chục năm qua cho thấy việc tăng giá trị sản lượng nông nghiệp rất khó vượt quá mức 5% mỗi năm. Tốc độ tăng trưởng cao của toàn bộ nền kinh tế, do đó, sẽ tùy thuộc phần lớn vào tốc độ phát triển của công nghiệp - dịch vụ, vào việc chuyển dịch sang một cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá, cho phép đạt tới tốc độ tăng trưởng cao và lâu bền.

Ba năm qua, nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng trên 7%/năm, một phần quan trọng là nhờ công nghiệp tăng trên 12%/năm, dịch vụ trên 10%/năm, còn nông nghiệp chỉ tăng 3-4%/năm. Song ai cũng biết rằng sự tăng trưởng vừa qua ngoài sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân ta trong những năm đó còn có phần là do các năm trước kinh tế ta bị đình đốn suy thoái và còn nhờ kết quả đầu tư xây dựng của nhiều năm góp lại. Những năm tới đây, nếu không ra sức tiết kiệm để đầu tư phát triển, chuyển dịch mạnh hơn cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá, chúng ta không thể duy trì được tốc độ tăng trưởng như vừa qua. Đó là chưa kể nếu muốn không tụt hậu xa hơn, thì chúng ta còn phải phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn.

b) Đảng ta chưa bao giờ chủ trương tạm dừng công cuộc công nghiệp hoá, nhất là từ sau năm 1975. Đứng trước tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra gay gắt, trong đó có hậu quả còn sai lầm về phương hướng, bước đi công nghiệp hoá, Đại hội VI chủ trương điều chỉnh quy mô và cơ cấu đầu tư, tập trung vào ba chương trình lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, để khắc phục khủng

hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hoá trong giai đoạn sau. Bảy năm qua, chúng ta vẫn triển khai công nghiệp hoá, nhưng có mức độ, và trong chừng mực chủ yếu nhằm ưu tiên cho việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Ngày nay, tình hình kinh tế - xã hội đã ổn định một bước rất quan trọng. Vấn đề lương thực đã được giải quyết tương đối vững chắc, lạm phát đã được kiềm chế, nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ. Kim ngạch xuất khẩu đã đạt khoảng 3 tỷ USD vào năm 1993, so với khoảng 1 tỷ USD năm 1985. Các quan hệ quốc tế được mở rộng, cho phép tranh thủ nhiều hơn vốn, công nghệ và thị trường để phát triển.

Như vậy, chúng ta đã có tiền đề để đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, theo phương hướng, nội dung, bước đi phù hợp, không lặp lại sai lầm cũ, nhờ đó mà vừa ổn định được vững chắc hơn tình hình kinh tế - xã hội, vừa đẩy lùi một bước nguy cơ tụt hậu, bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược đến năm 2000. Nếu chần chừ, do dự, không có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, thì không những không đạt mục tiêu phát triển, mà còn không giữ được thành quả ổn định.

Đương nhiên chưa phải đã có đầy đủ mọi tiền đề. Chúng ta phải căn cứ vào tiền đề đã có, để đề ra phương hướng, bước đi, nhịp độ công nghiệp hoá thích hợp, qua đó mà tạo đủ và tạo thêm tiền đề cho giai đoạn mới, cao hơn. Đó là biện chứng của sự phát triển. Giai đoạn từ nay đến năm 2000 chưa phải là giai đoạn triển khai sâu rộng, trên quy mô lớn, toàn bộ công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá, mà mới chỉ đẩy tới một bước công cuộc này, tập trung vào những khâu cần

thiết và có thể thực hiện có hiệu quả, tạo đà cho nền kinh tế phát triển nhanh trong thập kỷ sau.

c) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp vẫn sẽ là một trong những quan tâm hàng đầu, vì nông nghiệp có vai trò quyết định đối với việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo nguồn lương thực, thực phẩm, nguyên vật liệu, lao động thị trường, v.v. cho phát triển công nghiệp. Nhưng nông nghiệp cần được hiểu theo nghĩa rộng, không phải thuần nông, càng không phải là nông nghiệp lạc hậu. Hội nghị Trung ương năm vừa qua đã khẳng định cần phát triển toàn diện nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn, coi đó là nhiệm vụ hết sức cấp bách. Không thể thực hiện được nhiệm vụ đó, nếu không đẩy tới một bước quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, đẩy mạnh phát triển nông - lâm - ngư nghiệp, phủ xanh đất trống đồi trọc, vươn ra đánh bắt ngoài khơi... gắn với công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ khác ở chính địa bàn nông thôn trong mối liên hệ phân công và hợp tác sâu rộng với các ngành và các vùng khác, khắc phục một bước cơ cấu kinh tế nông nghiệp, lạc hậu, chuyển dịch sang một cơ cấu kinh tế mới, tiến bộ hơn, năng động và có hiệu quả hơn.

d) Để có thể phát triển kinh tế nhanh, với hiệu quả cao và vững chắc, phải tạo lập và duy trì những quan hệ tỷ lệ hợp lý, năng động, phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển, giữa các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân. Phải tập trung xử lý những khâu ách tắc nhất đang cản trở sự phát triển, chú ý chuẩn bị cần thiết cho các bước phát triển tiếp theo để tránh gây nên những sự hẫng hụt, gián đoạn trong

quá trình tăng trưởng. Đẩy mạnh hợp tác phát triển với bên ngoài, nhưng phải luôn giữ vững độc lập chủ quyền về kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống...

Do đó, trong khi ra sức khai thác các lợi thế so sánh, đẩy mạnh phát triển nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp làm hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, du lịch, dịch vụ... chúng ta nhất thiết phải dành nguồn lực thích đáng để phát triển năng lượng (điện, than, dầu khí...) đáp ứng đủ nhu cầu phát triển hiện tại và cho thời kỳ tới; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới những kết cấu hạ tầng vật chất ở những khâu ách tắc nhất đang cản trở sự phát triển; đầu tư mạnh cho giáo dục và y tế, cho nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ.

Chúng ta cũng nhất thiết phải xây dựng một số cơ sở công nghiệp nặng cần thiết cho sự phát triển, như xi măng, sắt thép, hoá chất, phân bón, các ngành cơ khí sản xuất máy móc vừa và nhỏ, đóng tàu thuyền, sửa chữa, lắp ráp, v.v. vì thiếu sự phát triển của các ngành này thì những ngành khác cũng không phát triển được. Đồng thời, chúng ta cũng phải cân nhắc kỹ các khả năng về vốn, quy mô, công nghệ, thị trường, thời điểm triển khai từng công trình cụ thể, v.v. để bảo đảm hiệu quả cao cho từng công trình và cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

e) Hội nghị Trung ương bảy khoá VII dự định tổ chức vào giữa năm 1994 sẽ bàn sâu và cụ thể vấn đề công nghiệp hoá. Các cấp, các ngành cần xúc tiến khẩn trương các công tác chuẩn bị, để đóng góp vào quyết định của Hội nghị Trung ương bảy. Nhiệm vụ của kỳ họp Trung ương lần này là thảo luận đi đến nhất trí về chủ trương đẩy tới một bước công cuộc

công nghiệp hoá và hiện đại hoá, trình ra Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ.

5. Về phát triển kinh tế quốc doanh

a) Chúng ta cần tiếp tục sắp xếp lại khu vực doanh nghiệp nhà nước, củng cố và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp hiện có, trong những lĩnh vực trọng yếu, cả công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, tài chính, ngân hàng..., đồng thời xử lý dứt điểm, bằng nhiều hình thức và biện pháp, những doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, hoặc không nằm trong diện nhất thiết phải duy trì hình thức doanh nghiệp nhà nước.

b) Mặt khác, chúng ta chủ trương phải tiếp tục phát triển khu vực doanh nghiệp nhà nước. Điều đó không chỉ là vì trong mọi nền kinh tế hiện đại, khu vực doanh nghiệp nhà nước là không thể thiếu được, nhằm đảm nhiệm những việc cần thiết chung cho sự tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, mà khu vực tư nhân không có khả năng làm, không muốn làm, tự làm không đủ hoặc nếu làm thì sẽ phương hại đến lợi ích chung. Đối với những nước đang phát triển, những nước đi sau như nước ta thì do khu vực tư nhân còn quá yếu kém, do yêu cầu phải tập trung nỗ lực của toàn xã hội để đẩy nhanh tốc độ phát triển, cho nên khu vực doanh nghiệp nhà nước thường có tỷ trọng và vai trò lớn trong nhiều lĩnh vực và ở nhiều giai đoạn là rất quyết định.

Hơn nữa, khu vực doanh nghiệp nhà nước là một nguồn lực kinh tế, một phương tiện quan trọng không thể thiếu được để Nhà nước sử dụng nhằm can thiệp, điều tiết, hỗ trợ và hướng dẫn các thành phần kinh tế khác phát triển đúng

định hướng xã hội chủ nghĩa. Thiếu một khu vực doanh nghiệp nhà nước trong những lĩnh vực trọng yếu nắm những khâu then chốt hoạt động có hiệu quả, giống như vai trò của quân chủ lực trong ba thứ quân của chiến tranh nhân dân, chúng ta không thể tránh được nguy cơ lệch hướng phát triển.

Cũng có đồng chí lập luận rằng quốc doanh hay tư doanh không quan trọng, vì quy đến cùng, sở hữu chỉ là phương tiện, còn tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân, mới là mục tiêu. Hiểu như vậy là chưa hiểu đúng vai trò của sở hữu, vai trò của người làm chủ tư liệu sản xuất.

Quan hệ sản xuất là một mặt cấu thành của phương thức sản xuất, làm nền tảng cho chế độ xã hội mới. Làm sao chúng ta có thể xây dựng một chế độ xã hội mang một đặc trưng mới về chất, mà lại không có quan hệ sản xuất tương ứng, riêng có với chế độ đó được. Vì vậy, không thể quan niệm một cách đơn giản sở hữu nói riêng, quan hệ sản xuất nói chung đơn thuần chỉ là phương tiện. Đương nhiên, chúng ta còn phải nghiên cứu, tổng kết để đi tới quan niệm đúng hơn, đầy đủ hơn, và có cách làm, bước đi để dần dần thiết lập khu vực sở hữu mang đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, đồng thời các loại hình sở hữu khác vẫn có vị trí xứng đáng chừng nào nó còn góp phần vào phát triển sức sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân. Sự chuyển hoá sở hữu sẽ diễn ra trong một quá trình lịch sử lâu dài, kết hợp thoả đáng các lợi ích, bắt nguồn từ nhu cầu khách quan của đời sống kinh tế - xã hội mà xét đến cùng là từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

c) Vấn đề chủ yếu hiện nay là làm sao cho khu vực doanh

ng nghiệp nhà nước thực sự hoạt động có hiệu quả, đảm nhiệm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần. Theo hướng đó thì phải khắc phục được tình trạng vô chủ, làm cho mỗi tài sản công đều có người chủ sở hữu trực tiếp, có lợi ích và trách nhiệm sử dụng có hiệu quả tài sản đó, tạo động lực phát triển và ngăn chặn các mặt tiêu cực.

Đây là việc rất cần thiết và cấp bách, nhưng cũng rất khó, phải làm thận trọng. Một trong những giải pháp theo hướng đó là áp dụng hình thức kinh tế cổ phần trong khu vực doanh nghiệp nhà nước. Cần nghiên cứu và xác định những loại doanh nghiệp nào phải giữ 100% vốn nhà nước; loại nào và với mức nào có thể bán cổ phần ưu đãi cho công nhân viên trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp; loại nào có thể mở rộng bán cổ phần cho tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp, cho nước ngoài. Đặc biệt chú trọng ngăn chặn những ý đồ lợi dụng chủ trương trên để đục khoét tài sản công mưu lợi ích cục bộ và cá nhân, hoặc làm tắc trách, gây tổn thất cho công quỹ. Đi đôi với giải pháp về sở hữu, về cơ chế quản lý, cần đổi mới và tăng cường vai trò của tổ chức đảng, công đoàn và tập thể công nhân trong việc tổ chức các mặt hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Một số ý kiến cho rằng doanh nghiệp của Nhà nước là tài sản của toàn dân ai cũng có quyền sở hữu đối với tài sản đó, chứ không riêng công nhân viên chức làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp, ý kiến đó là đúng. Vì vậy mà chúng ta chủ trương chỉ bán một phần cổ phần của doanh nghiệp cho những người làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp, chứ không phải bán toàn bộ cho họ. Nhà nước, đại diện cho toàn xã hội

vẫn nắm giữ phần lớn cổ phần, và thông qua việc phân phối lại lợi ích thu được từ hoạt động các doanh nghiệp, mà bảo đảm lợi ích chung cho toàn thể các tầng lớp nhân dân. Làm như vậy, cũng tương tự như cách giải quyết vấn đề ruộng đất trong nông nghiệp. Là sở hữu toàn dân, đất đai đã được giao cho hộ nông dân sử dụng chứ không được chia cho mọi người dân, bảo đảm cho đất đai được sử dụng có hiệu quả hơn, phát triển được nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn, đem lại lợi ích cho nông dân và lợi ích của toàn xã hội.

Chúng ta cũng không coi cách làm trên là duy nhất. Qua thực tiễn sẽ tìm thêm những cách khác. Hiện nay vấn đề tạo cho được động lực trực tiếp ở các doanh nghiệp nhà nước đã trở nên rất bức xúc, do đó chúng ta cần xúc tiến thực hiện bán một phần cổ phần cho công nhân viên chức đang làm trực tiếp tại doanh nghiệp, hoặc chia lợi nhuận theo lương cơ bản cho họ, sau khi đã làm tròn các nghĩa vụ với Nhà nước. Đương nhiên phải nghiên cứu xây dựng phương án cụ thể, làm thí điểm và mở rộng dần cách làm này, không giản đơn, nóng vội.

d) Bên cạnh việc chuyển hình thức sở hữu một bộ phận doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp đang hoạt động, huy động nguồn vốn của các thành phần kinh tế, của trong và ngoài nước để phát triển khu vực doanh nghiệp nhà nước, thì Nhà nước đồng thời cũng đa dạng hoá việc sử dụng các tài sản thuộc sở hữu nhà nước, góp cổ phần, mua cổ phiếu của các doanh nghiệp không thuộc khu vực nhà nước trên cơ sở thoả thuận và cùng có lợi. Mục đích của việc làm này là vừa sử dụng có hiệu quả nhất tài

sản của Nhà nước, vừa tạo khả năng cho Nhà nước trực tiếp tham gia hỗ trợ, hướng dẫn và điều tiết hoạt động của toàn bộ nền kinh tế.

6. Về kinh tế tư bản tư nhân

a) Có nhiều ý kiến đề nghị khuyến khích hơn nữa sự phát triển của kinh tế tư nhân. Cũng có ý kiến đề nghị phải có những hạn chế chặt chẽ hơn nữa sự phát triển của khu vực này. Bộ Chính trị cho rằng những quy định pháp lý hiện hành về những ngành nghề, lĩnh vực tư nhân không được phép kinh doanh, và những quy định về đăng ký kinh doanh, sổ sách kế toán, nộp thuế và làm các nghĩa vụ khác, v.v. mà nhà kinh doanh tư nhân phải tuân thủ, nói chung là tương đối chặt chẽ, đồng thời cũng tạo điều kiện cho khu vực tư nhân phát triển.

Vấn đề hiện nay là, một mặt khuyến khích tư nhân mở rộng kinh doanh không hạn chế quy mô và địa bàn trong những ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm; giải toả những ngăn chặn, cấm đoán phi pháp, những thủ tục hành chính phiền hà, tạo môi trường pháp lý và kinh tế thuận lợi cho khu vực này phát triển hơn nữa. Mặt khác, phải tăng cường chức năng quản lý vĩ mô, điều tiết, kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước đối với hoạt động của toàn bộ nền kinh tế nói chung, của khu vực tư nhân nói riêng, ngăn chặn và loại trừ tình trạng kinh doanh không theo pháp luật, không đăng ký, không có sổ sách chứng từ đầy đủ, lẫn tránh sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước, đội lốt doanh nghiệp nhà nước buôn lậu, trốn thuế, v.v..

b) Bên cạnh việc tăng cường vai trò kiểm kê, kiểm soát

của Nhà nước, cần đẩy mạnh phát triển cơ sở đảng, công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng... trong các doanh nghiệp tư nhân, nhằm bảo hộ lợi ích hợp pháp cho người lao động, đấu tranh với những xu hướng tiêu cực, những hoạt động làm ăn phi pháp, trái với đường lối, chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước, phương hại đối với lợi ích quốc gia.

Một số ý kiến e ngại rằng cùng với sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, sẽ hình thành một giai cấp tư sản mới, tạo cơ sở xã hội cho một lực lượng đối lập ra đời. Chúng ta cần tính tới khả năng đó để có chính sách và sự chỉ đạo đúng, hướng sự phát triển khu vực tư bản tư nhân đi theo con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước; giúp các nhà tư sản kinh doanh hợp pháp, lợi nhà ích nước; động viên lòng yêu nước và các khả năng kinh doanh của họ vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, không để hình thành lực lượng chính trị đối lập. Nhằm mục đích đó phải phát triển có hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước, kinh tế hợp tác; mở rộng sự đầu tư phát triển, liên doanh, liên kết trực tiếp của Nhà nước đối với khu vực tư bản tư nhân, tăng cường hiệu lực của công tác quản lý, kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước.

7. Về cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Nhiều ý kiến băn khoăn về nội dung và cách thức bảo đảm thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bộ Chính trị xin trình bày rõ thêm một số điểm sau đây:

a) Cơ chế thị trường có tác dụng to lớn trong việc phát triển sức sản xuất. Do đó chúng ta cần tiếp tục xây dựng đồng bộ và phát huy tác dụng tích cực của cơ chế thị trường để đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế một cách có hiệu quả. Không nên quan niệm một cách giản đơn rằng chủ nghĩa tư bản với kinh tế thị trường là một. Từ đó mà cho rằng chuyển sang cơ chế thị trường tức là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Cơ chế thị trường đòi hỏi các chủ thể kinh doanh phải có quyền tự chủ kinh doanh; giá cả chủ yếu hình thành trên thị trường; các tín hiệu thị trường phải là những căn cứ rất quan trọng để phân bổ các nguồn lực nhằm sản xuất cái gì, đáp ứng nhu cầu nào...; cạnh tranh hợp pháp được tạo điều kiện và khuyến khích, độc quyền bị hạn chế, nhà kinh doanh phải được tìm kiếm lợi nhuận tối đa một cách hợp pháp, v.v..

Chúng ta sẽ tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế chính sách theo hướng bảo đảm các điều kiện nói trên để cơ chế thị trường có thể hoạt động hữu hiệu.

b) Mặt khác, chúng ta không tuyệt đối hoá vai trò của cơ chế thị trường. Ngay một số nhà kinh tế học tư sản cũng thừa nhận rằng: "nền kinh tế thị trường là một điều kiện cần chứ không bao giờ là điều kiện đủ cho một xã hội tự do, thịnh vượng, công bằng và trật tự", dù đó là tự do và công bằng theo quan niệm tư sản. Cần phải có một sự can thiệp mạnh mẽ và tích cực của Nhà nước để điều tiết, hướng dẫn, phát huy tác dụng tích cực của thị trường, hạn chế, ngăn ngừa những mặt tiêu cực; bổ sung những mặt khiếm khuyết của bản thân cơ chế thị trường. Đối với chúng ta, sự can thiệp và

điều tiết của Nhà nước vào nền kinh tế còn là một yếu tố quyết định bảo đảm định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy Báo cáo chính trị trình Trung ương đã nêu rõ nội dung các chức năng quản lý vĩ mô của Nhà nước, cùng phương hướng tiếp tục cải cách, hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô đó.

c) Đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước ta về cơ bản là đúng đắn, bảo đảm tính định hướng của sự phát triển, thể hiện ở chỗ: khuyến khích các thành phần kinh tế đều phát triển nhưng chăm lo củng cố kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác, làm cho kinh tế quốc doanh đảm nhiệm tốt vai trò chủ đạo; thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước; áp dụng nhiều hình thức phân phối nhưng bảo đảm phân phối theo lao động là chính; tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp gắn với xoá đói, giảm nghèo... Thực hiện tốt những quyết định đúng đắn đó của Đảng và Nhà nước chính là giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển.

8. Các vấn đề xã hội

Các đồng chí Trung ương nêu nhiều ý kiến về mặt xã hội, trong đó nổi lên hai vấn đề: phân hoá giàu nghèo, công bằng xã hội và chống tham nhũng. Bộ Chính trị xin trình bày thêm về hai vấn đề trên.

a) Phát triển kinh tế thị trường sẽ dẫn đến tình trạng phân hoá giàu nghèo, đó là điều đã nằm trong dự báo của chúng ta. Chúng ta phải tìm cách hạn chế sự phân hoá đó, không để dẫn tới sự phân cực mạnh ở hai đầu. Cho nên

ngay từ lúc hoạch định chiến lược và chính sách phát triển tại Đại hội VII, Đảng ta đã chỉ rõ: "tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường".

Chúng ta chủ trương khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói giảm nghèo, phấn đấu để mọi người trong xã hội trước sau đều trở nên khá giả, người giàu trước hỗ trợ người làm giàu sau, làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì trở nên khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm, như Bác Hồ đã dạy. Chủ trương trên đây cũng có nghĩa là chúng ta không chờ cho đất nước giàu lên rồi mới thực hiện công bằng xã hội, mà tiến hành điều đó ngay trong từng bước đi của quá trình phát triển; kinh tế tăng trưởng đến đâu, công bằng xã hội lại được nâng lên tương ứng đến đó. Đối với nước ta, trải qua mấy chục năm chiến tranh ác liệt, với những hậu quả dai dẳng, nặng nề thì chủ trương đó không những chỉ mang ý nghĩa xã hội, mà còn có tầm quan trọng to lớn về chính trị, giữ vững ổn định, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp sức mạnh của cả nước để từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Trong khi phải tập trung những nguồn lực có hạn để khai thác và phát triển nhanh hơn những vùng trọng điểm có nhiều lợi thế làm đầu tàu lôi kéo các vùng khác cùng phát triển, phải có chính sách và biện pháp cụ thể, thiết thực hỗ trợ các vùng còn nhiều khó khăn, đặc biệt quan tâm đến vùng đồng bào các dân tộc ít người, khu căn cứ cách mạng cũ, vùng cao, vùng sâu, hải đảo.

b) Dự thảo Báo cáo chính trị đã nêu: đấu tranh chống

tham nhũng là vấn đề nóng bỏng, bức bách nhất hiện nay, phải được tiến hành một cách kiên quyết, triệt để, trong toàn bộ máy, ở tất cả các cấp, các ngành.

Đây là vấn đề rất nhức nhối, rất nhạy cảm. Nhân dân nhìn vào cán bộ, đảng viên, trước hết là ở phẩm chất có trong sạch hay không, việc làm có thật sự vì dân, vì nước, vì sự nghiệp chung hay chỉ vì lợi ích riêng của mình. Lòng tin của dân đối với Đảng và Nhà nước tăng lên hay bị suy giảm một phần rất quan trọng sẽ tùy thuộc vào việc chúng ta chống tham nhũng có thành công hay không, thành công đến mức nào.

Phải thẳng thắn nhận rằng chúng ta đề cập vấn đề này từ lâu, song chưa làm được nhiều, hiệu quả còn rất thấp. Đó là khuyết điểm lớn của Đảng và Nhà nước ta. Xử lý các vụ việc rất chậm, nhiều trường hợp thiếu kiên quyết, có không ít sự can thiệp, làm cho pháp luật trở thành không nghiêm, kỷ cương suy giảm. Ở không ít các doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan trực tiếp quản lý, tình trạng tham ô, lãng phí móc ngoặc, hối lộ, đòi ăn của đút tiếp tục diễn ra nghiêm trọng. Điều đáng lo ngại là tình trạng tham nhũng diễn ra ngay ở một số cơ quan bảo vệ pháp luật. Cần nhấn mạnh là vai trò lãnh đạo của nhiều tổ chức đảng trong việc chống tham nhũng rất yếu, thậm chí có cấp uỷ còn chủ trương làm những việc trái với pháp luật và chính sách.

Để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng đạt hiệu quả, Bộ Chính trị sẽ sớm đánh giá tình hình chống tham nhũng vừa qua, rút ra những kết luận, đề ra những giải pháp có hiệu lực, đặc biệt là trong việc tổ chức chỉ đạo chống tham nhũng.

9. Về đối ngoại

Nhiều ý kiến phát biểu tán thành nhận định về tình hình và phương hướng chính sách đối ngoại của ta đã trình bày trong dự thảo Báo cáo chính trị.

Một số ý kiến đề nghị tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ nên có báo cáo về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của ta. Một số đồng chí đề nghị ta nên sớm tham gia ASEAN, làm rõ hơn quan hệ với Trung Quốc;...

Bộ Chính trị thấy cần có báo cáo về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của ta ở Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ, nhưng đó là một báo cáo riêng hay kết hợp cùng với báo cáo về đấu tranh chống diễn biến hoà bình thì cần tính toán thêm.

Về một số vấn đề cụ thể, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Về Trung Quốc:

Chủ trương nhất quán của ta là xúc tiến quan hệ hữu nghị hợp tác láng giềng, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng; thúc đẩy, mở rộng quan hệ kinh tế - thương mại, tăng cường quan hệ chính trị, đồng thời kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

- Với các nước ASEAN và tổ chức ASEAN. Mấy năm qua quan hệ giữa ta và các nước ASEAN và tổ chức ASEAN đã được cải thiện, có những bước phát triển mới (ta tham gia Hiệp ước Bali, trở thành quan sát viên của ASEAN, sẽ tham gia diễn đàn an ninh khu vực, tham gia một số uỷ ban chuyên môn của ASEAN), góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực, tạo môi trường hoà bình cho ta.

Tuy nhiên, giữa ta và các nước ASEAN, có sự khác nhau về chế độ chính trị, xã hội, về trình độ phát triển. Các nước

ASEAN còn có những ý kiến khác nhau về việc ta chính thức tham gia ASEAN. Ta cũng cần có thời gian để tìm hiểu thêm về tổ chức này.

Thái độ của chúng ta đối với ASEAN, như đồng chí Tổng Bí thư phát biểu trong chuyến đi thăm Đông Nam Á gần đây là: Việt Nam mong muốn phát triển quan hệ về nhiều mặt với các nước ASEAN và với tổ chức ASEAN; Việt Nam sẽ gia nhập ASEAN vào thời gian thích hợp.

- Trong quan hệ quốc tế, ta chủ trương "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới,..." là nhằm tranh thủ những lợi ích trùng hợp trên từng vấn đề cụ thể, lĩnh vực cụ thể với các nước, các khu vực khác nhau, trong mối quan hệ "vừa hợp tác vừa đấu tranh".

Song trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, bạn bè của chúng ta cũng có nhiều loại, xa gần khác nhau. Về bản chất, các lực lượng (hoặc nước) xã hội chủ nghĩa, các Đảng Cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới là đồng minh lâu dài của chúng ta. Chúng ta khẳng định sự đoàn kết và ủng hộ lẫn nhau với các lực lượng, các phong trào đó với những hình thức, biện pháp khéo léo, linh hoạt, phù hợp với tình hình khách quan và khả năng chủ quan của ta và bạn bè ta.

10. Về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam

Một số ý kiến muốn làm rõ thế nào là nhà nước pháp quyền, và quan niệm của chúng ta về nhà nước pháp quyền có khác gì với nhà nước pháp quyền tư sản.

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

a) Trong những năm gần đây, xây dựng nhà nước pháp quyền là một chủ trương lớn đã được khẳng định trong các văn kiện của Đảng ta.

Nhà nước pháp quyền mà nhân dân ta xây dựng phải là một Nhà nước pháp quyền Việt Nam thực sự của dân, do dân và vì dân do Đảng ta lãnh đạo.

Vấn đề cốt tử của mọi nhà nước, kể cả nhà nước pháp quyền, là chính quyền nằm trong tay ai, vì ai phục vụ và do đảng nào cầm quyền lãnh đạo. Điều đó nói lên bản chất giai cấp của Nhà nước. Không có nhà nước đứng trên giai cấp. Nhà nước xã hội chủ nghĩa của ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, nhưng nền tảng của nó là khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức. Nhà nước ấy do Đảng ta, đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo. Chính sự lãnh đạo của Đảng làm cho Nhà nước của ta thể hiện tính giai cấp của nó; và cũng chính có Đảng ta lãnh đạo, Nhà nước ta mới thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì Đảng ta là người đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Tính giai cấp không tách rời tính chất nhân dân của chính quyền và được thể hiện, phản ánh trong tổ chức và hoạt động thực tiễn của chính quyền nhân dân.

b) Nói đến nhà nước pháp quyền là nói đến việc đề cao nguyên tắc quản lý xã hội bằng pháp luật và theo pháp luật; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật phải thực sự trở thành phương châm, nguyên tắc ứng xử, hành sự của mọi cá nhân, tổ chức, mọi cộng đồng lớn, nhỏ trong xã hội; là nói đến việc tổ chức, thực thi quyền lực nhà nước theo một sự

phân công, phân nhiệm rành mạch giữa ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp trên cơ sở, nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả cao của quyền lực nhà nước trong việc điều hành, quản lý xã hội. Đó cũng là nói đến sự giải quyết đúng đắn, hài hoà mối quan hệ giữa nhân viên nhà nước, cơ quan nhà nước với mọi công dân trên cơ sở của chế độ cộng đồng trách nhiệm.

Xét theo những nội dung nói trên thì tuy gần đây việc xây dựng nhà nước pháp quyền mới được đặt ra một cách chính thức, nhưng về thực chất, ngay từ đầu và trong suốt mấy chục năm qua của chế độ dân chủ cộng hoà và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ở những mức độ khác nhau và trên từng lĩnh vực hoạt động, việc xây dựng nhà nước pháp quyền đã được triển khai và thu được những thành tựu đáng kể.

Vì vậy, ngày nay, nhân dân ta xây dựng nhà nước pháp quyền của mình không phải từ con số không mà trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm của quá khứ trong hoàn cảnh, điều kiện mới.

11. Về Đảng

Nhiều đồng chí khẳng định và nhấn mạnh phải quan tâm đặc biệt đến công tác xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay. Các cấp uỷ đảng phải tập trung đúng mức thời gian, tâm trí, chăm lo xây dựng Đảng. Chú ý hơn nữa vấn đề lãnh đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đảng; lãnh đạo và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, chống các hiện tượng tiêu cực khác trong Đảng và trong xã hội; tiến hành đào tạo bồi dưỡng cán

bộ một cách tích cực, công phu; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, khắc phục tình trạng yếu kém, tê liệt của một số cơ sở đảng; kiên quyết sắp xếp tổ chức tinh gọn bộ máy. Bộ Chính trị đồng ý với cách đặt vấn đề đó. Dưới đây xin trình bày thêm hai điểm:

a) *Công tác tư tưởng:*

Như trong *Báo cáo chính trị* đã nêu, tình hình tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân đang nổi lên một số vấn đề rất đáng quan tâm.

Một mặt, do những thành tựu đổi mới, nhất là thành tựu về phát triển kinh tế và cải thiện đời sống, tình hình tư tưởng trong Đảng và trong dân ổn định hơn, niềm tin vào đường lối đổi mới của Đảng cao hơn. Mặt khác, trước sự vận động phức tạp của các quá trình kinh tế, văn hoá, lối sống ở trong nước, trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước, trước những hoạt động phá hoại ráo riết về tư tưởng của các thế lực thù địch, tình hình tư tưởng trong Đảng, trong dân có những diễn biến phức tạp.

Lòng tin của một bộ phận chưa vững chắc, thậm chí một số đảng viên, cán bộ dao động về con đường đi. Khuynh hướng "nhạt đảng", "nhạt chính trị" tăng lên. Trong khi đó nhiều cấp uỷ không quan tâm đúng mức đến công tác tư tưởng, không chú ý bồi dưỡng, trang bị những kiến thức cần thiết cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nhiều cán bộ, đảng viên không chịu học, không chịu đọc. Vì thế đứng trước những đúng sai nhiều khi không phân biệt được hoặc không dám tích cực bảo vệ quan điểm đúng; một số bàng quan trước những hoạt động gây rối của kẻ xấu. Nhiều đảng viên không làm công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng;

có khi còn mị dân, theo đuôi quần chúng. Có cán bộ, đảng viên truyền bá những quan điểm trái với đường lối, chính sách của Đảng.

Một số vấn đề lý luận và thực tiễn chưa sáng tỏ nhưng chưa được tiến hành nghiên cứu, tổng kết. Do đó chưa kết luận được, hoặc chưa giải đáp được một cách thuyết phục những câu hỏi, những băn khoăn thắc mắc đang đặt ra.

Thực tế cho thấy, những diễn biến phức tạp về tư tưởng như hiện nay cũng là một nguy cơ lớn. Các thế lực thù địch không bỏ qua cơ hội này để tiếp tục đẩy tới chiến lược chống phá ta về tư tưởng. Các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô bị đổ vỡ cũng bắt đầu từ sự mơ hồ, dao động về hệ tư tưởng. Toàn Đảng cần đặc biệt quan tâm lĩnh vực này.

b) *Vấn đề đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân không?*

Một số ý kiến cho rằng, trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần, nên để đảng viên tham gia hoạt động trong tất cả các thành phần kinh tế, kể cả kinh tế tư bản tư nhân. Bởi vì luật pháp cho mọi công dân làm thì đảng viên trước hết là công dân cũng được làm; đảng viên có làm thì quần chúng mới thật sự tin vào chủ trương của Đảng. Trong thực tế có những đảng viên làm giàu bằng kinh tế tư bản tư nhân một cách hợp pháp, vừa có lợi cho xã hội (làm ra thêm của cải, tạo thêm việc làm...) vừa nâng cao đời sống của gia đình và bản thân.

Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội VII, xuất phát từ tình hình thực tế, đã nói rõ: "đảng viên là công nhân, viên chức, tại chức, ngoài việc hoàn thành nhiệm vụ công tác, được khuyến khích phát triển kinh tế gia

đình. Đảng viên được góp cổ phần vào các công ty, xí nghiệp quốc doanh, tập thể. Đảng viên không ở trong biên chế của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, bản thân trực tiếp lao động (lao động chân tay, lao động kỹ thuật, lao động quản lý) được đứng ra tổ chức các đơn vị kinh tế tập thể (tổ sản xuất, hợp tác xã...); được đấu thầu, nhận khoán đất đai, thuê tài sản của Nhà nước, của tập thể để tổ chức kinh doanh; được làm kinh tế cá thể, tiểu chủ. Đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân".

Bộ Chính trị cho rằng quyết định đó của Đại hội VII là đúng đắn, vừa giữ được nguyên tắc, vừa tạo điều kiện và khuyến khích đảng viên phát huy khả năng làm kinh tế, nỗ lực phấn đấu thúc đẩy kinh tế phát triển, góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh.

Sở dĩ đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân là vì:

- Điều đó trái với bản chất và mục đích, lý tưởng của Đảng. Nếu đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân thì dần dần trong Đảng sẽ có một bộ phận đảng viên trở thành tư sản. Nếu như trong Đảng có hàng vạn đảng viên là những nhà tư sản thì liệu Đảng ta có còn giữ được bản chất là đảng cộng sản không? Liệu nhân dân lao động có còn gắn bó với Đảng không?

- Đảng viên trước hết là một công dân, nhưng không phải mọi công dân đều là đảng viên. Không phải cái gì công dân làm được thì đảng viên đều được làm. Ví dụ: công dân được tự do tín ngưỡng, nhưng đảng viên thì không tự do theo đạo. Công dân chỉ cần tuân theo Hiến pháp. Còn đảng viên thì còn phải tuân theo Điều lệ Đảng.

- Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua đã ghi rõ: đảng viên phải là người "gương mẫu trong lao động, chiến đấu, học tập, có lối sống lành mạnh, không bóc lột". Chúng ta phải thực hiện đúng điều quy định này của Đại hội.

Hiện nay có một số đảng viên đã là chủ các doanh nghiệp tư bản tư nhân. Các cấp bộ đảng cần xem xét từng trường hợp cụ thể; hướng dẫn và giúp đỡ chuyển đổi thành dạng xí nghiệp, công ty cổ phần, có sự tham gia của người lao động, của Nhà nước; hoặc kinh tế hợp tác để vừa tận dụng được vốn liếng và năng lực kinh doanh của đảng viên vừa bảo đảm bản chất giai cấp của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ
LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
KHOÁ VII

Ngày 1 tháng 12 năm 1993

Một số vấn đề trong Báo cáo chính trị trình
Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ
khoá VII

Tổng số phiếu phát ra: 141 phiếu

Tổng số phiếu thu về: 141 phiếu

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

I- Đánh giá tổng quát thành tựu về kinh tế - xã hội

- Có 109 đồng chí, bằng 75,7% của tổng số Ủy viên Trung ương đồng ý với nhận định đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

- Có 19 đồng chí, bằng 13,2% đồng ý với nhận định đã vượt qua thời kỳ khó khăn nhất của khủng hoảng kinh tế - xã hội.

- Có năm đồng chí, bằng 3,4% đồng ý với nhận định đã khắc phục được nhiều mặt tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội...

- Có hai đồng chí, bằng 1,4% đồng ý với nhận định đã vượt qua được tình trạng lạm phát và suy thoái kinh tế, khắc phục về cơ bản khủng hoảng kinh tế - xã hội...

- Không có ý kiến khác.

- Có sáu đồng chí không tỏ thái độ, chiếm 4,1%.

Như vậy Trung ương đồng ý với nhận định đã *khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội*.

II- Các thành tựu đạt được "tạo ra những tiền đề cần thiết đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới". Đã đến lúc phải "đẩy tới một bước công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước".

- Có 139 đồng chí đồng ý, chiếm 96,5%.

- Không hợp lệ hai phiếu, bằng 1,4%.

Như vậy, Trung ương đồng ý với chủ trương *các thành tựu đạt được "tạo ra những tiền đề cần thiết đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới". Đã đến lúc phải "đẩy tới một bước công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước"*.

III- Các nguy cơ lớn là: kinh tế phát triển chậm, hiệu quả kinh tế thấp; diễn biến hoà bình của địch; đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa; không đẩy lùi được tham nhũng và các tệ nạn xã hội, để mất lòng tin của dân...

- Có 135 đồng chí đồng ý, chiếm 93,7%.

- Có năm đồng chí không đồng ý, chiếm 3,4%.

- Không hợp lệ một phiếu.

Như vậy, Trung ương đồng ý với nhận định *các nguy cơ lớn là: kinh tế phát triển chậm, hiệu quả kinh tế thấp; diễn biến hoà bình của địch; đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa;*

không đẩy lùi được tham nhũng và các tệ nạn xã hội, để mất lòng tin của dân...

IV- Trong các nguy cơ lớn thì nguy cơ chủ yếu là kinh tế phát triển chậm, hiệu quả kinh tế thấp.

- Có 125 đồng chí đồng ý, chiếm 86,8%.
- Có 11 đồng chí không đồng ý, chiếm 7,6%.
- Không tỏ thái độ năm đồng chí.

Như vậy, Trung ương đồng ý với nhận định *trong các nguy cơ lớn thì nguy cơ chủ yếu là kinh tế phát triển chậm, hiệu quả kinh tế thấp.*

V- Tốc độ phát triển GDP bình quân hằng năm của hai năm 1994-1995:

- Có 116 đồng chí, chiếm 80,6% đồng ý tốc độ phát triển GDP bình quân hằng năm của hai năm 1994-1995 từ 8% trở lên.

- Có 24 đồng chí, chiếm 16,7% đồng ý tốc độ phát triển GDP bình quân hằng năm của hai năm 1994-1995 từ 10% trở lên.

- Ý kiến khác có một đồng chí.

Như vậy, Trung ương đồng ý với chủ trương *đưa tốc độ phát triển GDP bình quân hằng năm của hai năm 1994-1995 từ 8% trở lên.*

VI- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội hằng năm trong hai năm 1994-1995 (cả vốn trong nước và vốn ngoài nước).

- Có 110 đồng chí, chiếm 76,4% đồng ý đạt mức trên 20% GDP.

- Có 35 đồng chí, chiếm 24,3% đồng ý đạt mức 20-25% GDP.

- Có năm đồng chí, chiếm 3,5% đồng ý đạt mức dưới 20% GDP.

- Một đồng chí không tỏ thái độ.

Như vậy, Trung ương đồng ý với chủ trương *tổng vốn đầu tư trong hai năm 1994-1995 (cả vốn trong nước và vốn ngoài nước) đạt trên 20% GDP.*

VII- Áp dụng từng bước vững chắc phương thức chia lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.

- Có 128 đồng chí, chiếm 88,9% đồng ý.
- Có bảy đồng chí, chiếm 4,9% không đồng ý.
- Sáu đồng chí không tỏ thái độ.

Như vậy, Trung ương đồng ý chủ trương *áp dụng từng bước vững chắc phương thức chia lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.*

VIII- Áp dụng từng bước vững chắc việc bán một tỷ lệ cổ phần của doanh nghiệp nhà nước cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.

- Có 139 đồng chí, chiếm 96,5% đồng ý.
- Có một đồng chí không đồng ý.
- Một đồng chí không tỏ thái độ.

Như vậy, Trung ương đồng ý chủ trương *áp dụng từng bước vững chắc việc bán một tỷ lệ cổ phần của doanh nghiệp nhà nước cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.*

IX- Lập Hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước, trong đó có sự tham gia của đại diện công nhân trong doanh nghiệp.

- Có 138 đồng chí, chiếm 95,8% đồng ý.
- Có hai đồng chí, chiếm 1,4% không đồng ý.

- Một đồng chí không tỏ thái độ.

Như vậy, Trung ương đồng ý chủ trương *lập Hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước, trong đó có sự tham gia của đại diện công nhân trong doanh nghiệp.*

X- Thí điểm việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các thành phần và bộ phận dân cư khác.

- Có 139 đồng chí, chiếm 96,5% đồng ý.

- Có hai đồng chí, chiếm 1,4% không đồng ý.

Như vậy, Trung ương đồng ý *thí điểm việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các thành phần và bộ phận dân cư khác.*

XI- Nhà nước mua cổ phần của các doanh nghiệp tư nhân.

- Có 131 đồng chí, chiếm 90,9% đồng ý.

- Có bốn đồng chí, chiếm 2,8% không đồng ý.

- Sáu đồng chí không tỏ thái độ.

Như vậy, Trung ương đồng ý với chủ trương *Nhà nước mua cổ phần của các doanh nghiệp tư nhân.*

XII- Cấp chủ quản doanh nghiệp nhà nước

- Có 90 đồng chí, chiếm 62,5% đồng ý "Xoá bỏ dần chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản và sự phân biệt xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương".

- Có 51 đồng chí, chiếm 35,4% đồng ý sớm xoá bỏ chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản và sự phân biệt xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương.

Như vậy, Trung ương đồng ý chủ trương *xoá bỏ dần chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản và sự phân biệt xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương.*

Đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị căn cứ vào kết quả biểu quyết trên đây để chỉnh lý Báo cáo chính trị, trình Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHOÁ VII**

Ngày 1 tháng 12 năm 1993

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá VII quyết nghị uỷ nhiệm cho Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng:

1. Căn cứ vào kết quả biểu quyết của Trung ương về một số vấn đề trong Báo cáo chính trị chuẩn bị trình Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng và ý kiến thảo luận của Trung ương tại Hội nghị này, chỉnh lý bản Báo cáo chính trị, trình Hội nghị đại biểu.

2. Tiếp tục chuẩn bị nhân sự bổ sung Trung ương trình Trung ương quyết định giới thiệu với Hội nghị đại biểu của Đảng.

Tiếp tục chuẩn bị nhân sự bổ sung Bộ Chính trị để trình Trung ương quyết định.

3. Triệu tập một Hội nghị Trung ương trước Hội nghị đại biểu để xem xét lần cuối một số vấn đề chuẩn bị trình Hội nghị đại biểu.

4. Quyết định ngày triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc.

HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ VII

**PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHOÁ VII**

Ngày 1 tháng 12 năm 1993

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Sau tám ngày làm việc hết sức khẩn trương, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã hoàn thành nhiệm vụ.

Các đồng chí Trung ương đã đề cao trách nhiệm, hăng hái thảo luận, tập trung vào những vấn đề lớn được nêu lên trong Báo cáo chính trị, Hội nghị đã biểu thị sự nhất trí cao trong việc đánh giá tổng quát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII và bảy năm đổi mới; phân tích rõ thời cơ và thách thức đang đặt ra cho đất nước ta; khẳng định quyết tâm xúc tiến một bước công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá; có những giải pháp thiết thực để củng cố và phát triển khu vực doanh nghiệp nhà nước trong khi thực hiện nhất quán đường lối xây dựng nền kinh tế nhiều thành

phần; tăng cường hơn nữa hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước trong điều kiện cơ chế thị trường; mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới, song phải trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền, phát huy ý chí tự lực tự cường, khai thác tối đa nguồn lực trong nước là chính; giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bài trừ tham nhũng, buôn lậu, lãng phí; tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế nhưng không lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, đặc biệt phải đề cao cảnh giác làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch; nỗ lực đổi mới và chỉnh đốn Đảng, làm cho bộ máy đảng và nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, làm tốt công tác vận động nhân dân, lãnh đạo và tổ chức thực hiện thành công công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị cũng đã bổ sung nhiều ý kiến quan trọng để hoàn chỉnh Báo cáo chính trị, và tích cực tham gia việc chuẩn bị nhân sự để trình ra Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng sắp tới.

Tiếp thu ý kiến của Trung ương, ngay sau Hội nghị này, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo việc bổ sung, chỉnh lý dự thảo Báo cáo chính trị, làm tốt các công tác chuẩn bị về tổ chức, nhân sự, bảo đảm cho Hội nghị đại biểu tiến hành theo đúng chương trình đã định và thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Chỉ còn đúng một tháng nữa là kết thúc năm 1993, năm bản lề của kế hoạch 5 năm 1991-1995. Đối chiếu với các mục

tiêu, nhiệm vụ đề ra, chúng ta đã làm được khá nhiều việc, song cũng còn nhiều việc chưa làm xong, hoặc làm chưa tốt. Đề nghị các đồng chí Trung ương, cùng các cấp uỷ, các ban, các đảng đoàn, ban cán sự chỉ đạo, lãnh đạo tốt mọi hoạt động, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân mở đợt thi đua nước rút để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1993, chuẩn bị và tạo đà cho việc triển khai thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kế hoạch 1994-1995.

Cần vận dụng ngay những quan điểm, chủ trương, giải pháp mà Hội nghị Trung ương kỳ này đã thảo luận và đi đến nhất trí, xúc tiến thực hiện tốt hơn các Nghị quyết Hội nghị Trung ương hai, ba, bốn và năm, cùng các chỉ thị, nghị quyết khác của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Đồng thời, cần chuẩn bị tốt cho các đoàn đại biểu của từng đảng bộ để tham gia tích cực và có chất lượng vào Hội nghị đại biểu toàn quốc, đề ra được những quyết định quan trọng, tổ chức quán triệt và đưa ngay vào cuộc sống các quyết định đó, nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức những mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng lần thứ VII đã đề ra.

Thưa các đồng chí,

Đất nước ta đang đứng trước những thời cơ lớn và những thách thức lớn. Chúng ta phải nỗ lực vượt bậc, phát huy cao độ truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường, lòng dũng cảm, trí thông minh, đức tính cần kiệm liêm chính của dân tộc ta; ra sức phấn đấu nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, để khai thác thuận lợi, nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ,

vượt qua thử thách, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước tiến lên theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp năm mới 1994 và Tết Giáp Tuất sắp đến, tôi xin chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Ủy viên Trung ương, các đại biểu tham dự Hội nghị và toàn thể đồng bào, đồng chí đón năm mới thật vui, thật tiết kiệm, dồi dào sức khỏe, an khang, hạnh phúc, quyết tâm mới, thắng lợi mới.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHOÁ VII

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã họp từ ngày 24-11 đến ngày 1-12-1993, tại Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc báo cáo quan trọng tại Hội nghị.

Hội nghị Trung ương sáu có nhiệm vụ chuẩn bị nội dung cho Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng, nhằm kiểm điểm nửa nhiệm kỳ thực hiện các Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết một bước quá trình đổi mới, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước tiến lên.

Tiếp thu ý kiến đóng góp của các cấp uỷ, của nhiều nhà khoa học, văn hoá và cán bộ lão thành của Đảng, Hội nghị Trung ương đã thảo luận sôi nổi dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị trình Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng.

Các ý kiến thảo luận tập trung vào các vấn đề: đánh giá tình hình; thời cơ và thách thức đối với nhân dân ta; chuyển

dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá; phương hướng, mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội hai năm 1994-1995; các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế quốc doanh; cơ chế thị trường có sự quản lý Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; các vấn đề xã hội, như công bằng xã hội, đấu tranh chống tham nhũng; giữ vững ổn định chính trị; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đổi mới công tác vận động nhân dân.

Hội nghị Trung ương đã nhất trí kết luận nhiều vấn đề và uỷ nhiệm cho Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến của Trung ương để hoàn chỉnh Báo cáo chính trị trình Hội nghị đại biểu.

Hội nghị cũng đã thảo luận vấn đề bổ sung Ủy viên Trung ương theo Điều lệ Đảng để trình Hội nghị đại biểu quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng rằng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thắng lợi mới to lớn hơn, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 08-NQ/TW, ngày 29 tháng 11 năm 1993

**Về chính sách và công tác đối với người Việt Nam
ở nước ngoài***

**I- MẤY NÉT TỔNG QUÁT VỀ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM
Ở NƯỚC NGOÀI VÀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG
TRONG THỜI GIAN QUA**

1. Do hoàn cảnh lịch sử với nhiều nguyên nhân cả về chính trị, kinh tế và xã hội, nhiều người Việt Nam đã rời đất nước đi sinh sống ở nước ngoài, hình thành cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài bao gồm nhiều thành phần, nhiều thế hệ. Đến nay, có khoảng hai triệu người Việt Nam định cư tại 70 nước trên thế giới, trong đó hơn 4/5 tập trung ở các nước Mỹ, Pháp, Canada, Ôxtrâylia, Thái Lan, Campuchia. Trong những năm gần đây, một bộ phận những người đi lao động và học tập ở các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu đã ở lại sinh

* Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xếp tài liệu này sau các tài liệu Hội nghị Trung ương sáu (B.T).

sống ở tại các nước đó, nhưng phần đông chưa ổn định điều kiện cư trú và làm ăn.

Với gần 40 vạn người có trình độ từ đại học trở lên, trong đó một số người có vị trí quan trọng trong các viện nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện, công ty kinh doanh và các tổ chức quốc tế, tiềm lực về khoa học và công nghệ của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài không ngừng phát triển với sự nối tiếp của các thế hệ, được tiếp cận với những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ, kể cả khoa học quản lý và kinh doanh. Tuy chưa có nhiều nhà kinh doanh và ít người có vốn lớn, song cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cũng tích lũy được một tiềm lực kinh tế nhất định và có quan hệ với nhiều tổ chức kinh tế ở nước ngoài.

Trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, khoảng 3/4 là những người ra đi từ năm 1975 về sau, phần đông trong số này có ít nhiều mặc cảm,... Tuy nhiên ý thức dân tộc, hướng về cội nguồn và tình cảm gắn bó với gia đình, quê hương vẫn luôn sâu đậm trong lòng số đông đồng bào. Những chuyển biến tích cực và thành tựu của đất nước trong tiến trình đổi mới cùng với chính sách cởi mở của Nhà nước ta đã phát huy ngày càng mạnh trong kiều bào tinh thần hướng về Tổ quốc. Trong những năm gần đây, đồng bào về thăm nước nhà ngày càng đông; các hoạt động đóng góp với gia đình, quê hương, đất nước ngày càng phong phú. Đồng đạo đồng bào ở nước ngoài hoan nghênh công cuộc đổi mới của đất nước, nhất là về kinh tế, ủng hộ sự ổn định chính trị - xã hội, song số người hiểu đúng và có thiện cảm với chế độ chính trị còn ít.

.....

2. Trong hai cuộc kháng chiến, công tác vận động đồng bào ở các nước hướng về Tổ quốc, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh giải phóng và thống nhất đất nước đã tạo nên phong trào khá mạnh ở một số địa bàn quan trọng. Đồng bào ở những nơi này đã đóng góp nhiều công sức, của cải và cả xương máu cho Tổ quốc. Khí thế chiến thắng năm 1975 đã thúc đẩy tổ chức và hoạt động của Hội người Việt Nam tại một số nước trong mấy năm đầu sau giải phóng. Nhưng sau đó phong trào hoạt động giảm sút, các hội người Việt Nam không phát triển thêm mà còn yếu đi và một số đã ngừng hoạt động. Những năm gần đây, tình hình có bước được cải thiện, song các hình thức tổ chức và hoạt động chưa phát triển tương ứng với những khả năng mới và yêu cầu của công cuộc đổi mới của đất nước.

Tình hình trên có phần quan trọng do tác động của những nguyên nhân khách quan, nổi lên là: cơ cấu thành phần của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài thay đổi lớn sau năm 1975; sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô cũ và các nước Đông Âu; tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ở trong nước. Song quan điểm, chính sách và công tác vận động đối với người Việt Nam ở nước ngoài cũng có những khuyết điểm lớn.

Sự phân tích, đánh giá về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài chưa sâu, chưa theo kịp những chuyển biến mới. Quan điểm đoàn kết, hoà hợp dân tộc chậm được thể chế hoá trong các chính sách. Các ngành, các cấp chưa nhận thức đầy đủ về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, vừa có tình trạng hẹp hòi, định kiến đối với kiều bào và thân nhân của

họ ở trong nước, vừa có hiện tượng mất cảnh giác đối với bọn cực đoan phản động nên việc thực hiện chính sách còn nhiều thiếu sót.

Công tác vận động đồng bào ở nước ngoài còn bị xem nhẹ. Thông tin đối với cộng đồng rất nghèo nàn. Ý thức cộng đồng, đoàn kết tương trợ đùm bọc nhau giữa những người Việt Nam cùng sống ở nước ngoài còn yếu, chưa được chú ý vun đắp bằng những hình thức thích hợp. Hình thức tập hợp thiếu linh hoạt, còn hẹp hòi; phương thức tổ chức và hoạt động chưa đáp ứng thiết thực nhu cầu của kiều bào, chưa sát hợp với từng loại đối tượng. Mặt khác, lại có tình trạng buông lỏng đấu tranh, gần như để mặc cho số phận động cực đoan khống chế dư luận, xuyên tạc, bóp méo sự thật về tình hình đất nước trong cộng đồng và trong dư luận xã hội các nước sở tại.

Các cơ quan trực tiếp làm công tác vận động chậm được kiện toàn. Năng lực của Ban Việt kiều Trung ương không tương xứng với nhiệm vụ, lại chưa được sự quan tâm phối hợp của các ngành, các đoàn thể. Các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài chưa coi trọng công tác vận động, ít mở rộng quan hệ tiếp xúc với đông đảo đồng bào. Việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài chưa được coi trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của đồng bào, đến việc học hành của con cháu họ.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài thiếu chặt chẽ, sâu sát, chưa kịp thời định hướng rõ để phối hợp các cơ quan, đoàn thể ở trong nước và các tổ chức ở nước ngoài. Việc phát hiện, bồi dưỡng những người tích cực hoạt động trong các phong trào bị coi nhẹ. Việc

động viên bằng các hình thức thích hợp những người có công trong hai cuộc kháng chiến và trong việc góp phần xây dựng đất nước ít được chú ý.

Gần đây việc các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta nêu rõ quan điểm, chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và việc tổ chức Hội nghị Việt kiều đầu xuân Quý Dậu đã có ảnh hưởng tốt, mở ra bước phát triển mới cho công tác vận động kiều bào.

II- NHỮNG QUAN ĐIỂM CẦN THẤU SUỐT TRONG CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG

1. Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng người Việt Nam. Nhà nước Việt Nam bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở luật pháp nước sở tại, luật pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế.

2. Chính sách đại đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc Việt Nam. Cơ sở của sự đoàn kết, hoà hợp là ý thức dân tộc và lòng yêu nước của mọi người Việt Nam, hướng vào mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh. Tinh thần: "người Việt Nam yêu nước Việt Nam" phải vượt lên trên những sự khác biệt về tôn giáo, dân tộc, hoàn cảnh kinh tế... và cả sự khác nhau về chính kiến.

Mọi người Việt Nam mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu đó, tôn trọng luật pháp Việt Nam đều có chỗ đứng trong khối đoàn kết dân tộc.

3. Tiềm lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, về vốn, về khả năng tạo các mối quan hệ giữa các tổ chức và cá nhân ở nước ngoài với nước ta là một lợi thế và một nguồn lực quan trọng cần phải phát huy để bổ sung và hỗ trợ cho sự phát triển của đất nước. Công cuộc đổi mới và những chuyển biến tích cực ở trong nước là cơ sở quan trọng nhất cho việc khơi dậy mạnh mẽ ý thức dân tộc, lòng tự hào dân tộc, phát huy tiềm lực của kiều bào đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

4. Chính sách và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài phải đáp ứng những yêu cầu chính là:

- Bảo vệ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài.

- Nâng cao ý thức cộng đồng, tăng cường đoàn kết tương trợ, đùm bọc giữa những người Việt Nam cùng sống ở nước ngoài, giúp nhau ổn định cuộc sống và thành đạt trong sự nghiệp, cùng nhau gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc và phẩm giá con người Việt Nam, tôn trọng luật pháp nước sở tại, hoà nhập với xã hội và nhân dân sở tại.

- Giúp kiều bào hiểu tình hình đất nước, phát huy khả năng góp phần xây dựng quê hương, đất nước trên nhiều lĩnh vực, bằng nhiều hình thức phù hợp với khả năng thực tế của mỗi người, kết hợp lợi ích của mình và của đất nước.

- Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác của nhân dân và chính phủ nước sở tại với nhân dân và Chính phủ Việt Nam.

Không sử dụng cộng đồng người Việt ở nước ngoài vào mục đích can thiệp vào công việc nội bộ và chủ quyền của

nước khác, đồng thời không cho phép nước ngoài làm như vậy đối với nước Việt Nam.

5. Việc tập hợp và đoàn kết kiều bào phải thông qua nhiều hình thức hoạt động linh hoạt, thiết thực, thích hợp với các đối tượng khác nhau, trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với luật pháp và phong tục tập quán nước sở tại. Phát triển rộng rãi phong trào phải đi đôi với việc phát hiện và giúp đỡ những người hoạt động tích cực phát huy được vai trò cổ vũ, lôi cuốn đoàn kết của những người này trong phong trào. Phải quan tâm đúng mức việc động viên khen thưởng những người có công với nước. Mở rộng diện tập hợp, đoàn kết phải gắn liền với đề phòng, ngăn chặn và đấu tranh chống lại những hoạt động của số phản động cực đoan.

6. Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài vừa thuộc chức năng của Nhà nước vừa là hoạt động mang tính quần chúng. Cần phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chính quyền và các đoàn thể, giữa các cơ quan, tổ chức ở trong nước và ở nước ngoài. Công tác này không tách rời công tác vận động thân nhân của họ ở trong nước.

III- CÁC CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP LỚN

1. Khẩn trương bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách của Nhà nước ta bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài; giải quyết thoả đáng vấn đề quốc tịch và việc hồi hương, quyền lợi và nghĩa vụ của những người còn giữ quốc tịch Việt Nam, hộ chiếu Việt Nam; cụ thể hoá các quy định về xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại khi về Việt Nam... Cần

quan tâm tới các kiến nghị của kiều bào về sửa đổi, bổ sung chính sách và tổ chức thu thập ý kiến của kiều bào trong phạm vi cần thiết, trước khi ban hành các luật pháp, chính sách có quan hệ nhiều tới người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Tạo mọi điều kiện giúp người Việt Nam ở nước ngoài hiểu tình hình đất nước. Cung cấp sách giáo khoa và các tài liệu cần thiết cho sự phát triển phong trào học và sử dụng tiếng Việt, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, duy trì các sinh hoạt văn hoá dân tộc trong cộng đồng, đặc biệt là trong thế hệ sinh trưởng ở nước ngoài. Dùng nhiều hình thức cung cấp thông tin về tình hình đất nước, phát hành văn hoá phẩm trong nước tới những nước có đông người Việt Nam, đưa các đoàn nghệ thuật đi biểu diễn đáp ứng nhu cầu của đồng bào. Tạo thuận lợi, nhất là cho thế hệ trẻ về thăm quê hương tìm hiểu cội nguồn, biết thực tế của đất nước.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện dễ dàng cho người Việt Nam ở nước ngoài chuyển giao tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến bằng nhiều hình thức. Từng ngành phải tìm hiểu và biết những người Việt Nam đang ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực của mình. Tận dụng chương trình của Liên hợp quốc về chuyển giao tri thức và công nghệ qua người Việt Nam ở nước ngoài. Ưu tiên mời chuyên gia là người Việt Nam trong các chương trình, dự án hợp tác đa phương và song phương với bên ngoài. Mời giáo sư và chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy những bộ môn cần thiết ở các trường đại học trong nước hoặc tham gia các chương trình nghiên cứu và triển khai, kể cả trong lĩnh vực quản lý vĩ mô ở trong

nước. Sử dụng cơ chế tư vấn để huy động tri thức của người Việt Nam ở nước ngoài. Người Việt Nam ở nước ngoài được phối hợp với trong nước mở bệnh viện. Chính phủ có quy định cụ thể vấn đề này.

4. Có chính sách khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư, phát triển kinh doanh và dịch vụ ở trong nước. Cụ thể hoá các quy định ưu tiên đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong Luật Đầu tư nước ngoài. Coi trọng các hình thức đầu tư, kinh doanh quy mô vừa và nhỏ do họ trực tiếp tiến hành hoặc thông qua người thân trong nước. Áp dụng cơ chế kiều hối thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư hoặc giúp đỡ người thân trong nước. Phát huy khả năng của người Việt Nam ở nước ngoài làm dịch vụ, thiết lập các mối quan hệ cho việc mở rộng hợp tác và đầu tư với các công ty, các tổ chức và cá nhân bên ngoài.

5. Thành lập Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thay Ban Việt kiều Trung ương hiện nay; kiện toàn cơ quan này để giúp Đảng và Chính phủ nghiên cứu tổng hợp tình hình, đề xuất chủ trương và chủ trì phối hợp các đoàn thể, các cơ quan trong và ngoài nước trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Ban hành quy chế bảo đảm sự phối hợp và quan hệ công tác giữa Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan, đoàn thể. Một số bộ, ngành và một số tỉnh, thành phố có quan hệ nhiều với người Việt Nam ở nước ngoài cần có bộ phận giúp cơ quan lãnh đạo trong công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài cần kiện

toàn cơ quan lãnh sự và bộ phận làm công tác đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; có trách nhiệm tranh thủ thường xuyên quan hệ với người Việt Nam sinh sống ở địa bàn và bảo vệ quyền lợi chính đáng của họ.

Bộ Nội vụ cùng với Bộ Ngoại giao và các sứ quán ở nước ngoài phối hợp chặt chẽ với Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, có quan hệ với những cơ quan hữu quan của nước sở tại trong việc nắm tình hình cộng đồng người Việt Nam ở từng nước; có kế hoạch phát hiện và ngăn chặn hoạt động của những phần tử xấu ở nước ngoài và xâm nhập vào trong nước.

Bộ Văn hoá - Thông tin và Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài phối hợp với các ngành có liên quan làm tốt công tác thông tin, văn hoá cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị coi người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân của họ ở trong nước là một đối tượng quan trọng trong công tác vận động của mình.

6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Ban Cán sự Đảng Chính phủ có kế hoạch chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, tạo ra chuyển biến ngay từ năm 1993. Chú trọng sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và trình độ làm công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Ban Bí thư tổ chức kiểm tra, định kỳ nghe báo cáo về tình hình và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Báo cáo kiểm điểm công tác hằng năm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư gửi các đồng chí Trung ương cần có phần đánh giá sự lãnh đạo, chỉ đạo về công tác này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 30-CT/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1993

**Về việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị
"Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường
Mặt trận Dân tộc thống nhất"**

Để thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất", Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, Ban cán sự Đảng làm tốt những việc sau:

1. Tổ chức quán triệt Nghị quyết trong các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, ban cán sự, nắm vững những nội dung cơ bản của Nghị quyết, có liên hệ kiểm điểm việc thực hiện chính sách và công tác Mặt trận của Đảng nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục những nhận thức và hành động không đúng; chỉ đạo hướng dẫn việc phổ biến nghị quyết đến tận chi bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

2. Các Ban cán sự Đảng chỉ đạo cơ quan nhà nước, cụ thể hoá nghị quyết bằng các văn bản pháp quy; sửa đổi, bổ sung những chính sách liên quan trực tiếp đến đại đoàn kết dân tộc; xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa Nhà nước với

Mặt trận; giải quyết kinh phí và các điều kiện cần thiết khác để Mặt trận hoạt động có hiệu quả.

3. Tăng cường sự lãnh đạo và đổi mới phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận: cấp uỷ đảng sớm kiện toàn đảng đoàn mặt trận các cấp, cử phó bí thư hoặc uỷ viên thường vụ tham gia uỷ ban mặt trận cùng cấp và trực tiếp làm bí thư đảng đoàn; quán triệt nội dung cơ bản của Nghị quyết này vào nội dung văn kiện Hội nghị đại biểu của Đảng giữa nhiệm kỳ ở từng cấp; bố trí đảng viên có đủ phẩm chất và năng lực chuyên trách làm công tác mặt trận. Chỉ đạo việc củng cố và mở rộng uỷ ban mặt trận các cấp theo hướng tăng tỷ lệ những người ngoài Đảng có tín nhiệm và năng lực tiêu biểu cho các giai tầng xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, giới trí thức, các doanh nghiệp tư nhân.

4. Các cấp uỷ đảng thông qua Đảng đoàn Mặt trận và đảng đoàn các đoàn thể chỉ đạo uỷ ban mặt trận các cấp chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên tổ chức các phong trào hành động cách mạng của quần chúng theo chương trình chung thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, đáp ứng nhu cầu về nghề nghiệp và đời sống của nhân dân ở địa phương, cơ sở; mở rộng các hình thức tập hợp quần chúng; vận động những thành phần xã hội như Nghị quyết đã xác định. Nếu có những vấn đề nảy sinh trong khi phối hợp và phân công giữa Mặt trận và các đoàn thể thì Ban Dân vận cùng với Đảng đoàn Mặt trận và đảng đoàn các đoàn thể nghiên cứu kiến nghị cấp uỷ cùng cấp xem xét giải quyết.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo việc cụ thể hoá nội dung Nghị quyết vào việc chuẩn bị Đại hội IV

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, xây dựng kế hoạch triển khai Nghị quyết trong hệ thống tổ chức Mặt trận, chủ động đề xuất với Đảng và Nhà nước giải quyết những vấn đề đặt ra để phát huy vai trò của Mặt trận.

6. Ban Tư tưởng - Văn hoá phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận biên soạn các tài liệu phổ biến Nghị quyết sát với từng đối tượng, chỉ đạo hướng dẫn việc tuyên truyền phổ biến Nghị quyết trên các phương tiện thông tin đại chúng và đưa vào nội dung chương trình các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các trường đảng, đoàn thể và trường đào tạo cán bộ quản lý của Nhà nước.

Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cần có kế hoạch, đề tài nghiên cứu tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận rà soát lại bộ máy tổ chức, cán bộ, các chính sách, chế độ đối với cán bộ nhằm ổn định và tạo điều kiện thuận lợi phát huy năng lực hoạt động của đội ngũ cán bộ mặt trận từ trung ương đến cơ sở.

7. Ban Dân vận Trung ương chủ trì cùng với Đảng đoàn Mặt trận và các ban của Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 31-CT/TW, ngày 8 tháng 1 năm 1994

**Về một số việc cần chỉ đạo trong dịp
Tết Nguyên đán Giáp Tuất**

Tết Nguyên đán hàng năm là ngày lễ truyền thống lâu đời của đồng bào ta, mang đậm đà bản sắc dân tộc.

Những năm gần đây, bên cạnh việc gìn giữ và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của Tết cổ truyền dân tộc, trong xã hội và ngay cả trong không ít cơ quan đảng, nhà nước đã nảy sinh nhiều hiện tượng không lành mạnh trong dịp Tết. Dư luận nhân dân rất bất bình trước tệ nạn quà cáp, biếu xén; lợi dụng liên hoan, gặp mặt để ăn chơi phung phí tiền bạc; tình trạng mê tín dị đoan, cờ bạc diễn ra phổ biến.

Phát huy những truyền thống tốt đẹp của Tết Nguyên đán, đồng thời khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong dịp Tết, tổ chức đảng các cấp cần chỉ đạo để Tết Giáp Tuất này thực sự là một Tết *đằm ấm, vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm*.

Các cấp uỷ đảng cần chỉ đạo việc thực hiện tốt Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức đón Tết Nguyên

đán Giáp Tuất và các ngày lễ, hội. Dưới đây, Ban Bí thư nhấn mạnh một số chủ trương cụ thể:

1. Về việc đi thăm hỏi lẫn nhau trong dịp Tết

- Trong những ngày nghỉ Tết, dành thời gian để nhân dân, cán bộ, công nhân viên chúc cùng gia đình thăm hỏi họ hàng thân tộc, bằng hữu, láng giềng, vui chơi giải trí. Các cơ quan chỉ bố trí cán bộ trực giải quyết những công việc bất thường và bảo vệ cơ quan; không tổ chức tiếp khách chúc Tết ở cơ quan trong thời gian nghỉ Tết.

Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các cấp không đi chúc Tết địa phương, cơ sở. Các cơ quan không cử đoàn đi chúc Tết các đồng chí lãnh đạo và không đi chúc Tết lẫn nhau giữa các cơ quan. Cán bộ, công nhân viên chúc từng đơn vị không phải đi chúc Tết lãnh đạo đơn vị.

- Đại diện một số cơ quan, đoàn thể, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các cấp có thể tổ chức đi thăm hỏi động viên và tặng quà Tết một số đơn vị vũ trang, nhất là các đơn vị đang làm nhiệm vụ ở hải đảo, biên giới; một số gia đình chính sách xã hội như gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, các nhân sĩ, v.v..

Việc thăm hỏi này cần tổ chức gọn nhẹ, thân tình, có sự phối hợp và cử đại diện chung của nhiều cơ quan, tránh chồng chéo, không đi thành từng đoàn đông người, hình thức và tốn kém nhiều thời gian, tiền bạc của Nhà nước.

2. Về quà Tết

- Các cơ quan, các doanh nghiệp nhà nước không lấy công quỹ (kể cả quỹ của tập thể) làm quà Tết dưới bất cứ hình

thức nào để biếu các cơ quan, đơn vị, cá nhân, cán bộ lãnh đạo đương chức ở tất cả các cấp. Đề nghị cơ quan nhà nước quy định rõ: cơ quan nào vi phạm quy định này thì thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm đền bù tài chính.

- Các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên đương chức, nhất là cán bộ, đảng viên đang giữ cương vị lãnh đạo ở các cấp (kể cả ở các doanh nghiệp nhà nước), không nhận quà Tết hoặc để cơ quan hay thân nhân thay mình nhận quà Tết lấy từ công quỹ.

- Các cấp uỷ chỉ đạo và khuyến khích các cơ quan, đơn vị nhất là các tổ chức sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi, giúp đỡ vật chất cho những gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng gặp khó khăn; vận động nhân dân giúp đỡ những địa chỉ từ thiện và những gia đình nghèo để người người đều có Tết, nhà nhà cùng vui Tết.

3. Vận động tiết kiệm chi tiêu, tổ chức vui chơi lành mạnh trong ngày Tết

- Các cơ quan, đơn vị trước ngày nghỉ Tết có thể tổ chức họp mặt chúc Tết; nhưng không tổ chức ăn uống; không đốt pháo ở công sở. Vận động nhân dân tiết kiệm chi tiêu trong việc sắm Tết; bớt đốt pháo, hạn chế tối đa những tai nạn do pháo gây ra.

- Cùng với việc tôn trọng tín ngưỡng và sinh hoạt tôn giáo hợp pháp của nhân dân, cần có biện pháp ngăn chặn tệ mê tín, dị đoan.

- Các cấp uỷ đảng chỉ đạo các đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ngành văn hoá - thông tin, thể thao, xây dựng chương trình và tổ chức những điểm

vui chơi, giải trí lành mạnh, có tính văn hoá cho nhân dân, nhất là những trò chơi truyền thống trong ngày Tết dân tộc. Kiên quyết dẹp bỏ và xử lý nghiêm khắc những tụ điểm cờ bạc, nghiện hút, mại dâm trong dịp Tết.

Các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là các đài phát thanh, truyền hình, có chương trình, nội dung vui tươi, lành mạnh.

Các cơ quan chức năng bảo đảm an ninh, trật tự để nhân dân vui Xuân Giáp Tuất an toàn.

4. Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động. Sau ngày nghỉ Tết theo quy định, các cơ quan bắt đầu làm việc ngay; chấm dứt tình trạng thăm hỏi, chúc Tết kéo dài sau Tết

*

* *

Các cán bộ, đảng viên, đặc biệt các cán bộ lãnh đạo cao cấp của Trung ương và tỉnh, thành phố phải gương mẫu thực hiện các chủ trương trên đây.

Các cấp uỷ đảng chỉ đạo, kiểm tra thực hiện nghiêm túc Chỉ thị. Trong tuần đầu sau Tết Giáp Tuất, các cơ quan Đảng trực thuộc Trung ương báo cáo nhanh kết quả thực hiện Chỉ thị này và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
VỀ HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Ngày 19 tháng 1 năm 1994

Tiếp tục công việc của Hội nghị Trung ương sáu, trong hai ngày 17 và 18-1-1994, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp để hoàn thành việc chuẩn bị Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đã bàn một số vấn đề về nhân sự và dự thảo Quy chế và Chương trình làm việc để trình Hội nghị đại biểu toàn quốc.

Hội nghị đã bầu bổ sung vào Bộ Chính trị các đồng chí sau đây: Lê Khả Phiêu, Nguyễn Mạnh Cầm, Đỗ Quang Thắng, Nguyễn Hà Phan.

Hội nghị đã xem xét và quyết định cách chức Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng của đồng chí Vũ Ngọc Hải do đồng chí đã phạm những sai lầm nghiêm trọng.

Bế mạc Hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đánh giá kết quả Hội nghị, nêu bật sự nhất trí cao của Ban Chấp hành Trung ương về những vấn đề trình Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
KHOÁ VII***

Ngày 20 tháng 1 năm 1994

(Do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười trình bày)

*Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các đồng chí,*

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi xin đọc Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng.

Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới, tạo ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội VII tổng kết 5 năm thực hiện đổi mới, thông qua Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chỉ ra phương hướng tiến hành công cuộc đổi mới sâu rộng và đồng bộ.

* Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ đã thông qua toàn văn nội dung Báo cáo chính trị và giao cho Bộ Chính trị (khoá VII) hoàn chỉnh văn bản ban hành ngay sau Hội nghị (B.T).

Từ sau Đại hội VII, tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ. Chính sách cường quyền và áp đặt đang đe dọa độc lập, chủ quyền của các dân tộc. Các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động chống phá công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Sự nghiệp cách mạng của chúng ta một lần nữa lại trải qua những thử thách gay go.

Tuy nhiên, trên thế giới cũng xuất hiện những nhân tố thuận lợi mới: ý chí và sức mạnh đấu tranh cho độc lập, tự chủ của các dân tộc tăng lên; xu thế hợp tác phát triển mở rộng trong đời sống cộng đồng quốc tế; từ thất bại tạm thời, các lực lượng cách mạng rút ra những bài học quý giá. Những thành tựu đổi mới ở nước ta đã tạo thêm thế và lực để nhân dân ta khắc phục khó khăn, tranh thủ thời cơ xây dựng đất nước.

Trước thách thức mới và cơ hội mới, Đảng và nhân dân ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng. Các Nghị quyết Hội nghị Trung ương hai, ba, bốn và năm đã cụ thể hoá và phát triển đường lối Đại hội VII, giải quyết một loạt vấn đề cụ thể trên nhiều lĩnh vực đối nội và đối ngoại, phù hợp với tình hình đang diễn biến và thực tiễn cuộc sống. Chúng ta đã kiên trì công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng dân chủ, giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, từng bước phá thế bị bao vây, cấm vận.

Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và tổng kết một bước thực tiễn đổi mới từ Đại hội VI đến nay, nhằm làm sáng tỏ thêm một số vấn đề trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã

hội ở nước ta, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VII

I- THÀNH TỰU

1. Thành tựu to lớn có ý nghĩa hàng đầu là đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội

Cuộc khủng hoảng nảy sinh từ cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80, kéo dài suốt mười mấy năm liền, gay gắt nhất là những năm 1986 - 1988 khi lạm phát lên tới mức phi mã, ở thời điểm năm 1991 lại thêm một lần thử thách hiểm nghèo.

Song, với cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, nền kinh tế nước ta không những đứng vững mà còn đạt được những thành tựu nổi bật, *khắc phục được nhiều mặt đình đốn, suy thoái, tốc độ tăng trưởng khá và liên tục trong ba năm qua.*

Lạm phát được đẩy lùi, từ 67% năm 1991 xuống 17,5% năm 1992 và còn 5,2% năm 1993.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 7,2% (mức đề ra cho 5 năm 1991-1995 là 5,5 - 6%). Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện; vấn đề lương thực được giải quyết tốt, sản lượng lương thực năm

1993 xấp xỉ 25 triệu tấn, vượt mức đề ra cho năm 1995. Sản xuất công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân hằng năm 13%, cao hơn chỉ tiêu đề ra cho kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 (8-10%). Năng lực sản xuất một số ngành và sản phẩm quan trọng như điện, dầu thô, thép, xi măng... được tăng thêm. Hệ thống thông tin liên lạc mở rộng nhanh với thiết bị công nghệ mới. Các ngành xây dựng, vận tải, thương nghiệp, du lịch và các dịch vụ khác đều phát triển. Cơ cấu nền kinh tế đang biến đổi. Một số ngành sản xuất kinh doanh mới xuất hiện.

Quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng theo hướng đa dạng hoá và đa phương hoá. Đã khắc phục được hậu quả do thị trường truyền thống bị giảm sút đột ngột, mở rộng giao lưu với nhiều bạn hàng mới, tăng kim ngạch xuất khẩu hằng năm xấp xỉ 20%. Tính đến hết năm 1993, đã cấp 836 giấy phép đầu tư trực tiếp của bên ngoài với tổng vốn đăng ký là 7,5 tỷ USD; bước đầu thu hút thêm viện trợ phát triển và vốn vay ưu đãi từ các chính phủ; lập lại quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

Nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ, tuy còn thấp. Đời sống số đông nhân dân được cải thiện.

Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đang hình thành. Các doanh nghiệp nhà nước bước đầu được sắp xếp và đăng ký lại. Đã giảm bớt một số lượng lớn những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài. Số đơn vị kinh doanh có hiệu quả tăng lên. Khu vực kinh tế nhà nước nhìn chung vẫn phát triển, nắm những lĩnh vực then chốt và giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, tỷ trọng trong GDP tăng từ 34% năm 1990 lên 39,9% năm 1992. Hợp tác xã nông nghiệp có

phương hướng đổi mới rõ hơn kể từ Hội nghị Trung ương năm, vai trò tự chủ của các hộ nông dân được khẳng định. Một số loại hình kinh tế hợp tác mới xuất hiện. *Luật Đất đai* chính thức giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài cho nông dân đã giúp kinh tế hộ nông dân có thêm động lực phát triển mới. Kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân phát triển đáng kể. Doanh nghiệp cổ phần và liên doanh thu hút vốn đầu tư thuộc nhiều hình thức sở hữu xuất hiện ngày càng nhiều.

Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang trở thành cơ chế vận hành của nền kinh tế. Việc bổ sung pháp luật, việc tiếp tục đổi mới cơ chế và chính sách về kế hoạch hoá, về giá, tỷ giá, tài chính, ngân hàng, lao động, tiền công, đất đai... đã tạo môi trường thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp phát huy tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh.

Nhà nước tích lũy thêm kinh nghiệm, có tiến bộ trong việc quản lý, điều hành vĩ mô nền kinh tế quốc dân.

Cùng với phát triển kinh tế, *việc giải quyết các vấn đề xã hội và thực hiện chính sách xã hội được quan tâm hơn.*

Nhờ sản xuất, dịch vụ phát triển, giá cả thị trường tương đối ổn định, *đời sống nhân dân* ở nhiều vùng thành thị và nông thôn được cải thiện. Số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo, nhất là hộ đói ăn, giảm bớt. Những nhu cầu cơ bản về ăn, mặc của nhân dân được đáp ứng khá hơn. Việc xây dựng nhà ở, đường sá, điện, nước, trường học, cơ sở y tế... ở nhiều vùng nông thôn và đô thị có phát triển. Các quyền dân chủ, nhất là dân chủ về kinh tế, từng bước được phát huy. Nhân dân được

tự do làm ăn theo pháp luật, yên tâm hơn trong việc bỏ vốn sản xuất, kinh doanh, tạo thêm công ăn việc làm.

Các chính sách giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, chính sách giúp đỡ người tàn tật, cô đơn không nơi nương tựa, giúp đỡ học sinh nghèo trở lại trường lớp được thực hiện tốt hơn.

Hoạt động *giáo dục* đạt được một số tiến bộ trong việc chống xuống cấp, đa dạng hoá các loại hình giáo dục, sắp xếp lại mạng lưới trường học, củng cố hệ thống trường chuyên lớp chọn, các trường phổ thông dân tộc nội trú. Xã hội hoá giáo dục bước đầu được triển khai tốt. Việc học nghề, học ngoại ngữ và tin học phát triển ở các đô thị.

Khoa học và công nghệ đã bước đầu phát huy vai trò động lực, gắn việc nghiên cứu với nhu cầu của xã hội. Nhiều đề tài nghiên cứu ứng dụng, nhất là trong nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu... có giá trị thực tiễn làm tăng hiệu quả kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ. Hệ thống chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước được bố trí tập trung hơn, trong đó lần đầu tiên có các chương trình về khoa học xã hội và nhân văn.

Hoạt động *văn hoá* sôi động hơn. Giao lưu văn hoá với nước ngoài được mở rộng. Các tác phẩm *văn học, nghệ thuật* phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức, thể loại và phong cách biểu hiện. Hệ thống thông tin có bước phát triển mới với việc phủ sóng truyền thanh, truyền hình đến phần lớn các huyện trong cả nước, kể cả một số vùng miền núi, vùng cao, đảo xa.

Công tác bảo vệ sức khoẻ, nâng cao thể lực của nhân dân

có những mặt tiến bộ như chăm sóc sức khoẻ ban đầu, tiêm chủng mở rộng, khống chế bệnh dịch và bệnh xã hội, đáp ứng một phần nhu cầu về các thuốc thiết yếu. Phong trào thể dục thể thao đạt một số kết quả đáng khích lệ.

Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình đi vào vận động đúng đối tượng, tăng số người tự nguyện hạn chế sinh đẻ.

2. Thành tựu quan trọng thứ hai là đã tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị

Nhờ những thành tựu nhiều mặt trong công cuộc đổi mới, đặc biệt là những thành tựu về kinh tế, xã hội, nhờ sự lãnh đạo vững vàng của Đảng và giác ngộ chính trị của quân dân cả nước, chúng ta đã vượt qua được cơn chấn động chính trị trên thế giới vừa qua. Vai trò lãnh đạo của Đảng được củng cố, hiệu lực quản lý của Nhà nước được nâng cao hơn, dân chủ được mở rộng, quốc phòng và an ninh được bảo đảm, lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đối với công cuộc đổi mới tăng thêm, phong trào quần chúng trong một số lĩnh vực kinh tế, xã hội có bước phát triển.

Từ sau Đại hội VII, Đảng ta, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đã dành nhiều công sức cho *công tác xây dựng Đảng*, coi đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta và có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta. Hội nghị Trung ương ba đã xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; làm rõ hơn một số quan điểm về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền; xác định một số vấn đề có tính nguyên tắc trong tổ chức và sinh hoạt đảng; đặt ra nhiệm vụ củng cố hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất trong

toàn Đảng; đổi mới và tăng cường công tác lý luận, tư tưởng; chấn chỉnh hệ thống tổ chức đảng.

Qua hơn một năm thực hiện, đã tạo được một số chuyển biến, nâng cao hơn nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ và đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng. Đã triển khai một số việc quan trọng về chỉnh đốn hệ thống tổ chức của Đảng. Lập lại Ban Cán sự và đảng đoàn ở cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân; xác định vai trò, chức năng của các tổ chức cơ sở đảng; xác lập quy chế lãnh đạo và quản lý cán bộ; thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, nhằm lập lại trật tự kỷ cương trong Đảng. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác của Đảng có sự chấn chỉnh và đổi mới theo hướng dân chủ, tập thể hơn, đúng nguyên tắc hơn, nhằm vừa bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ và có hiệu quả của Đảng, vừa phát huy vai trò chủ động của cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Chú trọng hơn việc bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới (năm 1992 kết nạp tăng 3,9% so với năm 1991, năm 1993 kết nạp tăng 30,7% so với năm 1992).

Đảng tiếp tục đổi mới tư duy, quan tâm hơn công tác tư tưởng - lý luận, làm rõ các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo sự nghiệp đổi mới, tích lũy thêm kinh nghiệm lãnh đạo. Đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành, năng động hơn, dần dần quen với công tác lãnh đạo và quản lý trong công cuộc đổi mới.

Hơn hai năm qua, *nền dân chủ của xã hội ta đã có bước phát triển đáng kể, gắn liền với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.*

Sự kiện nổi bật là việc ban hành Hiến pháp năm 1992, kịp thời thể chế hoá đường lối của Đảng về xây dựng đất

nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc tổ chức thực hiện các quy định của Hiến pháp về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, về văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ, về an ninh, quốc phòng, về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cùng với việc ban hành hàng loạt văn bản luật và pháp lệnh mới đã thúc đẩy quá trình dân chủ hoá hơn nữa các sinh hoạt xã hội trên đất nước ta.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã coi trọng các hình thức tập hợp đa dạng nhằm mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh các hoạt động xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích thiết thực của nhân dân. Công tác dân vận được nhiều cấp uỷ đảng quan tâm hơn. Sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước với Mặt trận và các đoàn thể trong công tác vận động nhân dân tham gia xây dựng luật pháp, chính sách, xây dựng chính quyền các cấp, thực hiện các chính sách kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng được tăng cường hơn trước.

Các lực lượng vũ trang cùng với toàn dân có nhiều cố gắng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới trên lĩnh vực *quốc phòng và an ninh*, xây dựng lực lượng, thực hiện có kết quả nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Chúng ta đã tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc điều chỉnh chiến lược lớn về quốc phòng, giảm quân số, củng cố thêm thế trận chiến tranh nhân dân, triển khai xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành. Đã điều chỉnh chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia và đổi mới phương pháp hoạt động cho phù hợp với tình hình mới, nắm tình hình và đấu tranh có hiệu quả hơn với các hoạt động của địch.

3. Thành tựu thứ ba là *quan hệ đối ngoại được mở rộng*, uy tín và vị trí của nước ta trên thế giới được nâng lên, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội VII đã xác định *nhiệm vụ đối ngoại* là giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đại hội nhấn mạnh tính chất rộng mở của chính sách đối ngoại: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Trước những diễn biến mới của tình hình thế giới và khu vực sau Đại hội VII, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã cụ thể hoá và phát triển đường lối đó. Chúng ta đã chủ động, tích cực *mở rộng hoạt động đối ngoại* và thu được những kết quả rất quan trọng:

Đã khôi phục quan hệ bình thường và phát triển một bước quan hệ hữu nghị, hợp tác với Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Tăng cường và củng cố quan hệ đoàn kết đặc biệt với Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Tham gia ký kết và đấu tranh cho việc thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari về Campuchia, thiết lập quan hệ với Vương quốc Campuchia.

Gìn giữ, phát triển quan hệ truyền thống với Cuba, Ấn Độ, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Cải thiện và mở ra giai đoạn mới trong quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước và tổ chức ASEAN.

Thiết lập quan hệ với Liên bang Nga và các nước thuộc Liên Xô cũ. Duy trì quan hệ với các nước Đông Âu.

Tiếp tục ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Palestín và nhân dân Nam Phi. Mở rộng quan hệ với nhiều nước đang phát triển ở Trung Đông, châu Phi, Mỹ Latinh. Góp phần vào việc củng cố Phong trào không liên kết.

Cải thiện quan hệ với các nước Tây Âu, Bắc Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu, với Nhật Bản, Canada, Ôxtrâyli-a, Niu Dilân và một số nước công nghiệp mới. Khôi phục quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế. Đạt một số tiến bộ trong đấu tranh đòi Mỹ bỏ cấm vận và thực hiện bình thường hoá quan hệ.

II- NHỮNG MẶT YẾU KÉM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI NẢY SINH

1. Nền kinh tế vẫn mang tính chất nông nghiệp lạc hậu. Công nghiệp còn nhỏ bé, kết cấu hạ tầng kém phát triển. Cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa xây dựng được bao nhiêu. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế và đầu tư phát triển còn thấp và chưa được quan tâm thích đáng. Kinh tế tuy có mức tăng trưởng khá nhưng năng suất, chất lượng và hiệu quả còn rất thấp. Năng lực sản xuất đang xây dựng gổ đầu để huy động vào sử dụng trong thời gian tới không nhiều, ảnh hưởng xấu tới nhịp độ tăng trưởng trong những năm tới.

Khả năng kiềm chế lạm phát chưa vững chắc. Ngân sách thu không đủ chi, tỷ lệ bội chi ngân sách còn cao và có xu hướng tăng lên. Nợ nước ngoài đến hạn và quá hạn trả quá lớn so với kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Trong khi đó nhiều ngành, nhiều địa phương và đơn vị, nhiều cán bộ lãnh

đạo và quản lý chưa có ý thức cần kiệm xây dựng đất nước, làm thất thoát, lãng phí rất lớn tài sản công, tiêu xài hoang phí quá khả năng làm ra.

Kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác chậm được đổi mới và củng cố. Kinh tế quốc doanh chưa làm tốt vai trò chủ đạo cả trong sản xuất và trong lưu thông. Thương nghiệp quốc doanh bỏ trống nhiều lĩnh vực và địa bàn trọng yếu, để cho một bộ phận tư thương thao túng, làm phương hại cả người sản xuất và người tiêu dùng. Đối với kinh tế tư nhân, vừa chưa tháo gỡ hết những trở ngại, gây khó khăn cho sự phát triển sản xuất, vừa thiếu sự quản lý, hướng dẫn. Tình trạng làm ăn trái pháp luật xảy ra khá phổ biến.

Cơ chế thị trường đang ở giai đoạn sơ khai, mang nhiều yếu tố tự phát. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp, vừa chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của cơ chế thị trường, vừa chưa hạn chế được nhiều mặt tiêu cực của cơ chế đó. Hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, thi hành chưa nghiêm. Công tác kế hoạch hoá, hoạt động của hệ thống tài chính, ngân hàng còn nhiều yếu kém và tiêu cực. Chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, thực hiện tùy tiện và không thống nhất; nguyên tắc phân phối theo lao động chưa được tôn trọng.

2. Văn hoá, xã hội tuy đạt được một số thành tựu nhưng vẫn là lĩnh vực còn nhiều vấn đề lớn, bức xúc chưa được giải quyết.

Tình trạng không có hoặc thiếu việc làm, nhất là đối với thanh niên đến tuổi lao động, vẫn đang là vấn đề nóng bỏng và là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nảy sinh các tiêu cực xã hội.

Thực hiện chính sách công bằng xã hội chưa tốt. Bên

cạnh những người làm giàu chính đáng, còn nhiều người giàu lên nhanh chóng do làm ăn phi pháp. Trong khi đó, nhiều gia đình có công với nước, đã hy sinh, mất mát lớn trong kháng chiến, nay vẫn còn quá khó khăn. Số người nghèo đói còn chiếm tỷ lệ đáng kể. Đời sống nhân dân ở nhiều vùng, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn rất nghèo.

Giáo dục vẫn chưa ra khỏi tình trạng yếu kém cả về chất lượng và hiệu quả. Nhiều vấn đề về nội dung, chương trình, phương thức đào tạo chưa được xác định phù hợp với yêu cầu phát triển. Nhiều trường sở xuống cấp nghiêm trọng, thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu khoa học thiếu thốn và lạc hậu. Tình trạng yếu kém của hệ thống trường sư phạm và đội ngũ giáo viên rất đáng lo ngại. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp ít được đào tạo, bồi dưỡng. Chi phí học tập còn quá lớn, ảnh hưởng đến việc học hành của con em gia đình nghèo.

Đầu tư cho khoa học và công nghệ có tăng hơn trước, nhưng còn quá thấp so với nhu cầu (khoảng 1% ngân sách Nhà nước), sử dụng còn dàn trải, hiệu quả hạn chế. Còn thiếu các biện pháp và cơ chế để huy động các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp đầu tư cho lĩnh vực này. Chưa xây dựng được các tập thể khoa học mạnh; chưa có sự kết hợp hữu cơ giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học và cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất. Quản lý việc nhập khẩu công nghệ có nhiều khuyết điểm, dễ xảy ra tình trạng nhập công nghệ và thiết bị lạc hậu, giá đắt, gây hậu quả tiêu cực lâu dài.

Tình hình văn hoá, văn nghệ còn nhiều điều đáng lo ngại: lối sống chạy theo đồng tiền, những thị hiếu không lành mạnh, những hủ tục, mê tín tăng nhanh; nhiều sản phẩm

độc hại lan tràn trên thị trường. Trong sáng tác và lý luận, phê bình đã nảy sinh một số khuynh hướng lệch lạc như phủ nhận thành tựu cách mạng và văn hoá, văn nghệ cách mạng, tách văn nghệ khỏi đường lối chính trị của Đảng, khuynh hướng "thương mại hoá", truyền bá văn hoá lai căng, lối sống sa đoạ. Những khuyết điểm và lệch lạc đó đã được Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khoá VII) nêu lên nhưng chậm được khắc phục. Sự chỉ đạo của cơ quan đảng và công tác quản lý nhà nước đối với văn hoá, văn nghệ còn yếu.

Công tác bảo vệ sức khoẻ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của xã hội. Y tế cơ sở yếu, nhiều bệnh viện kém cả về cơ sở vật chất và tinh thần, thái độ phục vụ.

Tỷ lệ tăng dân số đến nay vẫn còn trên 2,2%, là một nhân tố cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống, ảnh hưởng tới sự phát triển của giống nòi.

Mặc dầu có nhiều cố gắng ngăn chặn, song tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng, nhất là nghiện hút, cờ bạc, mại dâm, trộm cướp.

Tham nhũng và buôn lậu nghiêm trọng làm cho nhân dân rất bất bình, ảnh hưởng lớn đến niềm tin đối với Đảng và Nhà nước.

3. Ổn định chính trị được giữ vững song vẫn còn nhiều nhân tố phức tạp không thể xem thường.

Nhiều tổ chức đảng và nhà nước chưa được xây dựng trong sạch, vững mạnh. An ninh chính trị chưa thật vững chắc; trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm. Chủ trương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng chưa được thực hiện tốt. Bộ máy vẫn nặng nề, cồng kềnh. Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác chậm được đổi mới. Chất lượng lãnh đạo

và hiệu quả hoạt động của nhiều cấp uỷ đảng còn thấp, có nơi còn đi chệch đường lối của Đảng.

Công tác cán bộ vẫn là một khâu yếu. Đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ. Ở nhiều nơi vẫn có tình trạng hẫng hụt, lúng túng trong bố trí hạt nhân lãnh đạo. Thiếu những cán bộ giỏi và chuyên gia đầu ngành về công tác đảng, về quản lý nhà nước, về sản xuất - kinh doanh, kinh tế đối ngoại, về công tác tôn giáo, dân tộc thiểu số, công tác phụ nữ. Việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ làm chưa tốt.

Các cấp uỷ còn coi nhẹ việc kiểm tra thực hiện Điều lệ, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Việc cải cách bộ máy nhà nước còn chậm và kém hiệu quả. Tệ độc đoán chuyên quyền, ức hiếp, trù dập cá nhân, tình trạng quan liêu, cửa quyền, xem thường pháp luật, kỷ cương vẫn còn nặng ở nhiều nơi.

Mặt trận và các đoàn thể còn lúng túng trong nội dung và phương thức hoạt động. Đội ngũ cán bộ đoàn thể không ổn định, còn thiếu phấn khởi công tác, chưa được chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ thoả đáng.

Trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, tình trạng mơ hồ, mất cảnh giác còn phổ biến, chưa nhận thức sâu sắc âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch hòng xoá bỏ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một số cán bộ, đảng viên bàng quan trước những quan điểm sai trái, những hoạt động kích động gây rối của kẻ thù. Một số dao động về con đường xã hội chủ nghĩa, thậm chí muốn đi con đường khác. Trong khi đó, công tác tư tưởng, lý luận chưa sắc bén, thiếu kịp thời, tính chiến đấu chưa cao, chưa giải đáp có tính

thuyết phục nhiều vấn đề do thực tiễn đặt ra. Nhiều cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo chủ chốt, còn lười học tập, chưa cố gắng tu dưỡng, nâng cao trình độ, rèn luyện bản thân. Tình trạng mất đoàn kết ở một số tổ chức đảng còn nặng nề.

III- TỔNG QUÁT

Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đã đạt được *đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước*. Những tiền đề ấy bao gồm một loạt nhân tố cả về thể và lực, cả về vật chất và tinh thần, về kinh tế, chính trị, xã hội và văn hoá, trong nước và ngoài nước.

Thực tiễn những năm qua cho phép khẳng định: đường lối, chủ trương và chính sách lớn của Đảng về đổi mới là đúng đắn, bước đi là thích hợp. Các nghị quyết Đại hội VI và Đại hội VII đã và đang đi vào cuộc sống.

Tổng kết thực tiễn đổi mới đưa lại cho chúng ta nhiều bài học bổ ích. Cần khẳng định rằng, những bài học kinh nghiệm bước đầu về đổi mới mà Đại hội VII nêu lên cần được tiếp tục vận dụng trong thực tế. Đó là bài học về giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, biết kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Đó là bài học về sự cần thiết đổi mới toàn diện, đồng bộ, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Đó còn là những bài học về việc giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của

Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trong đổi mới, coi trọng tổng kết thực tiễn và không ngừng bổ sung, từng bước hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, nhưng chúng ta đã mạnh dạn tìm tòi, dũng cảm tiến hành và giành thắng lợi rất quan trọng. Nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định nhất là Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo, không chấp nhận đa nguyên đa đảng, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, có đường lối, chính sách phù hợp với quy luật và thực tiễn Việt Nam, phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng hợp tác quốc tế.

Đại hội VII đã nêu lên sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Đại hội cũng đã chỉ rõ bảy phương hướng cơ bản để từng bước thực hiện trên thực tế các đặc trưng ấy. Đó chính là *định hướng xã hội chủ nghĩa* mà các Hội nghị Trung ương (khoá VII) đã cụ thể hoá để chỉ đạo thực tiễn. Dẫu sao, xây dựng chủ nghĩa xã hội còn là sự nghiệp rất mới mẻ, đòi hỏi nhiều công phu nghiên cứu, khám phá, tìm tòi. Chúng ta phải không ngừng thông qua tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận mà từng bước hình dung ngày càng sáng tỏ về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, làm rõ những mô hình cụ thể trong từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá... Phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của Lênin về chính sách kinh tế mới, về chủ nghĩa tư bản nhà nước, sáng tạo nhiều hình thức quá độ, những nấc thang

trung gian đa dạng, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể để đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội một cách vững chắc.

Phần thứ hai

NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN TỚI

Trước mắt nhân dân ta là những thách thức lớn và những cơ hội lớn.

Những thách thức là: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chỉ đạo thực hiện; nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; âm mưu và hành động "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

Nhưng chúng ta cũng có nhiều thuận lợi cơ bản: Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí; nhân dân ta cần cù và thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng; các lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta; những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới; sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và trong khu vực đem lại cho chúng ta khả năng có thêm những nguồn lực quan trọng.

Mục tiêu tổng quát mà Đại hội VII đề ra cho đến năm 1995 là: "Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển

kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay". Hai năm rưỡi vừa qua, chúng ta đã thực hiện được một phần quan trọng mục tiêu đó, nhất là mục tiêu về kinh tế. Trong những năm còn lại của nhiệm kỳ, phải *động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đồng tâm nhất trí, nỗ lực vượt bậc nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, mở rộng hợp tác quốc tế, thực hành cần kiệm liêm chính, ra sức khai thác thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát nêu trên, thúc đẩy nhanh hơn nhịp độ thực hiện những mục tiêu của Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.*

Sau đây là những nhiệm vụ chủ yếu:

1. Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá

Những tiến bộ về kinh tế, xã hội cùng với sự mở rộng và tăng cường hợp tác phát triển với các nước và các tổ chức quốc tế cho phép chúng ta đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, nhằm tạo thêm nhiều công ăn việc làm, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đây là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới. Công nghiệp hoá và hiện đại hoá là con đường thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước chung quanh, giữ được ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ được độc lập, chủ quyền và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, chúng ta tiến hành công nghiệp hoá không theo kiểu cũ, không lặp lại sai lầm nóng vội, chủ quan mà Đại hội VI đã phê phán. Công nghiệp hoá thực chất là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Công nghiệp hoá phải đi đôi với hiện đại hoá, kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ thế giới.

Phương hướng, quy mô, bước đi của tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải được cân nhắc kỹ trên cơ sở thấu suốt các quan điểm lớn sau đây:

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng một nền kinh tế mở cả trong và ngoài nước, đa phương hoá và đa dạng hoá quan hệ với nước ngoài; kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường.

- Kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, thị trường khu vực và thị trường quốc tế.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương hướng phát triển, lựa chọn các dự án đầu tư và công nghệ.

- Khai thác nhanh thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành, tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm sớm đưa lại hiệu quả cao. Đồng thời quan tâm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu, có chính sách, cơ chế, giải pháp thiết thực đối với những nơi khó khăn, đẩy mạnh hợp tác phát triển, bảo đảm cho các vùng và các thành phần dân cư đều có lợi ích và được hưởng thành quả của sự tăng trưởng.

- Chú trọng quy mô nhỏ và vừa, vốn đầu tư ít, thu hồi nhanh, theo phương châm "lấy ngắn nuôi dài"; xây dựng một số công trình quy mô lớn cần thiết và có hiệu quả.

- Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất và công nghệ hiện có, tập trung vào những khâu quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, bảo đảm tính tiên tiến của thiết bị và công nghệ nhập khẩu, ưu tiên cho loại công nghệ tốn ít vốn, tạo nhiều việc làm trực tiếp hoặc gián tiếp.

Từ nay đến cuối thập kỷ, phải rất quan tâm đến công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại khác. Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất ở những khâu ách tắc nhất, đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có

chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường để phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Phát triển sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài.

Trong khi ra sức khai thác các lợi thế so sánh trước mắt về nhân công rẻ, tài nguyên và vị trí địa lý thuận lợi, cần quan tâm việc nghiên cứu và dự báo chiều hướng phát triển trong khu vực và trên thế giới, chiến lược và chính sách của các bên đối tác và các đối thủ cạnh tranh; phát hiện những cơ hội, những lợi thế so sánh mới, bồi dưỡng để phát huy tối đa nguồn lực quyết định nhất là con người Việt Nam để định hướng phát triển lâu dài và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc phát triển theo định hướng đó.

Để công nghiệp hoá và hiện đại hoá, cần huy động nhiều nguồn vốn, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả. Trong đó, nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng.

Để bảo đảm tăng trưởng bình quân hàng năm không dưới 8%, phải nhanh chóng đưa tổng vốn đầu tư tới mức trên 20% GDP hàng năm trong vài năm tới, và cao hơn trong những năm sau, đi đôi với nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Điều đó đòi hỏi nỗ lực lớn, có chủ trương, chính sách thích đáng để động viên toàn xã hội ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển, nhất là cho lĩnh vực sản xuất vật chất.

Đầu tư tập trung của ngân sách Nhà nước có ý nghĩa

quyết định đối với sự tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế. Cần tăng nhanh hơn nữa nguồn vốn đầu tư tập trung bằng cách tăng mức huy động GDP vào ngân sách; thu hút các nguồn viện trợ và tín dụng ưu đãi của các chính phủ, các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế; kiểm kê, kiểm soát, quản lý chặt chẽ, phân bổ và sử dụng có hiệu quả những tài sản công hiện có, chống thất thoát, lãng phí.

Vốn đầu tư của Nhà nước chủ yếu dùng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp mũi nhọn, then chốt, một số cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, làm hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu và dành một phần cho việc tài trợ các dự án giải quyết việc làm, nhất là để phủ xanh đất trống đồi trọc, đánh bắt thủy hải sản, tiến mạnh ra khơi.

Nhà nước chỉ cấp vốn đầu tư cho những công trình hoặc sự nghiệp thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng trực tiếp thu hồi vốn. Phần còn lại dùng làm vốn tín dụng đầu tư của Chính phủ mà người sử dụng phải hoàn trả.

Đổi mới cơ chế quản lý xây dựng cơ bản để ngăn chặn tiêu cực, lãng phí, thất thoát vốn Nhà nước, nhất là các khâu thiết kế, xác định đơn giá xây dựng, nghiệm thu công trình. Sử dụng dịch vụ thẩm định chất lượng, giá cả vật tư thiết bị nhập khẩu và kiểm toán của các công ty trong nước và ngoài nước có uy tín trong lĩnh vực này. Mỗi công trình đều phải có người làm chủ cụ thể; nếu là công trình phải thu hồi vốn, thì phải thu hồi đủ và đúng hạn cho Nhà nước.

Khai thác mọi khả năng tiết kiệm và tự đầu tư phát triển của nhân dân, của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế bằng nhiều hình thức sao cho mọi tiềm năng đều

được huy động, mọi đồng vốn đều sinh lời, nâng dần tỷ trọng của nguồn vốn này trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Để mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả đầu tư, phải bổ sung, hoàn chỉnh những *chính sách vĩ mô* cần thiết, trước hết là:

+ Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, bảo hộ mọi hình thức sở hữu hợp pháp và quyền tự do kinh doanh theo pháp luật; ban hành Luật Đầu tư trong nước và các luật lệ, thể chế cần thiết khác để khuyến khích và hỗ trợ các nỗ lực đầu tư phát triển.

+ Đổi mới chính sách tài chính quốc gia, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tài chính nhà nước với tài chính của doanh nghiệp và dân cư, xử lý thoả đáng nhu cầu động viên thu nhập tập trung vào ngân sách với nhu cầu tự đầu tư của từng doanh nghiệp và dân cư, bảo đảm lợi ích cho người đầu tư, tạo động lực mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

Hình thành và phát triển thị trường vốn mà nòng cốt là các ngân hàng đầu tư và ngân hàng thương mại, các công ty tài chính, các hãng bảo hiểm. Tiếp tục cải cách hệ thống ngân hàng, tuân thủ những nguyên tắc của cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, nhằm huy động và cho vay vốn có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng cao của nền kinh tế quốc dân. Phát triển các hình thức công ty cổ phần, mở rộng từng bước việc phát hành và lưu thông các loại cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, tạo tiền đề thiết lập thị trường chứng khoán.

+ Bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách nhằm thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm trong mọi hoạt động của các cơ

quan đảng, nhà nước, quân đội, công an, các đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân, dồn vốn cho đầu tư phát triển.

+ Song song với việc khai thác các nguồn lực trong nước, cần tạo các điều kiện để thu hút nhiều hơn và có hiệu quả hơn vốn và công nghệ bên ngoài. Thực hiện các chính sách rộng rãi để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài. Xây dựng cơ chế và quy định trách nhiệm đối với việc vay nợ, trả nợ nước ngoài, bảo đảm sử dụng vốn vay có hiệu quả, không để nợ nần chồng chất. Quy hoạch các vùng, trước hết là các địa bàn trọng điểm, các khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt, khu công nghiệp tập trung. Xây dựng các dự án đầu tư, cân nhắc thứ tự ưu tiên các công trình cần gọi vốn đầu tư của nước ngoài. Bảo đảm căn cứ khoa học cho việc bố trí các công trình quan trọng, tránh những sai lầm gây hậu quả lâu dài. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư cả về pháp luật, thể chế lẫn điều kiện sinh hoạt và làm việc cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải đặt trong chiến lược phát triển và cơ chế quản lý đồng bộ, bảo đảm chủ quyền, khả năng kiểm soát và định hướng của Nhà nước đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ chế quản lý nhà nước đối với việc thực hiện các dự án đầu tư có vốn nước ngoài và các công trình hoàn thành xây dựng đi vào hoạt động. Đi đôi với việc mở rộng nhiều hình thức đầu tư, cần tăng dần tỷ trọng tham gia của phía Việt Nam vào các công trình hợp tác liên doanh.

Các ngành khoa học và công nghệ phải tập trung nghiên cứu ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu theo hướng

công nghiệp hoá và hiện đại hoá, đáp ứng đòi hỏi đổi mới trang bị trong nền kinh tế quốc dân, nâng cao trình độ công nghệ hiện có, hiện đại hoá những công nghệ truyền thống và tiếp thu công nghệ mới một cách thích hợp. Góp phần quản lý, thẩm định chặt chẽ công nghệ nhập khẩu. Chú trọng phát triển các lĩnh vực điện tử - tin học, sinh học, vật liệu mới.

Bằng thực tiễn hoạt động đổi mới, bám sát cuộc sống, kịp thời phát hiện và nâng cao những sáng kiến của nhân dân, đẩy mạnh công tác nghiên cứu một cách thiết thực, tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề của chiến lược công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

2. Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, tạo động lực và môi trường thuận lợi hơn nữa cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp phát triển nhanh và có hiệu quả cao

Tiếp tục chấn chỉnh và xây dựng *khu vực doanh nghiệp nhà nước* hoạt động có hiệu quả, đảm nhiệm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế là một việc hết sức quan trọng và cấp bách. Vai trò đó thể hiện ở chỗ mở đường và hỗ trợ cho các thành phần khác phát triển, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, là một công cụ có sức mạnh vật chất để Nhà nước điều tiết và hướng dẫn nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phân biệt sở hữu nhà nước với hình thức doanh nghiệp nhà nước. Tài sản và vốn thuộc sở hữu nhà nước được sử dụng dưới nhiều hình thức, vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội cao, vừa tăng cường khả năng thúc đẩy và kiểm soát

trực tiếp của Nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, như: đầu tư vào khu vực doanh nghiệp nhà nước (gồm những doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hay Nhà nước nắm một tỷ lệ cổ phần đủ sức khống chế); giao quyền sử dụng lâu dài (đất đai, rừng...); cho thuê, tô nhượng (hầm mỏ), liên doanh; góp cổ phần, mua cổ phiếu của các doanh nghiệp thuộc những thành phần khác.

Tập trung xây dựng doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, những lĩnh vực, những khâu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, một số cơ sở sản xuất và dịch vụ trọng yếu, bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với hiệu quả cao. Trong các lĩnh vực này, không loại trừ sự tham gia của các thành phần kinh tế khác với hình thức và mức độ khác nhau. Theo yêu cầu đó, vừa giảm bớt những doanh nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh, vừa củng cố, mở rộng và xây dựng mới những doanh nghiệp nhà nước cần thiết.

Củng cố và phát triển doanh nghiệp nhà nước trong nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng liên kết, hợp tác với các loại hình doanh nghiệp khác nhau để phát huy vai trò là trung tâm công nghiệp, dịch vụ (nhất là công nghiệp chế biến), trung tâm khoa học - kỹ thuật, trung tâm văn hoá - xã hội trên từng địa bàn.

Chấn chỉnh và tăng cường hệ thống thương mại nhà nước, nắm chắc lĩnh vực kinh doanh xuất - nhập khẩu và các vật tư thiết yếu, nắm vững bán buôn, giữ tỷ trọng cần thiết trong bán lẻ, cùng các thành phần khác ổn định và phát triển lành mạnh thị trường nội địa; làm cho giao lưu hàng hoá

thông suốt, phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo vệ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng.

Đổi mới cơ bản tổ chức và cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước để vừa bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường, vừa bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, tiêu cực và lãng phí lớn là do tài sản của Nhà nước không có người làm chủ trực tiếp, có trách nhiệm và lợi ích rõ ràng đối với việc sử dụng có hiệu quả các tài sản đó; công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp không có động lực thường xuyên và bền vững để gắn bó thiết thân với sự phát triển của doanh nghiệp, không có quyền hạn vật chất và tổ chức đủ mạnh để tham gia định đoạt các quyết sách làm ăn, ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng, làm thất thoát, hư hỏng tài sản công. Phải tìm giải pháp khắc phục bằng được tình trạng đó.

Để thu hút thêm các nguồn vốn, tạo nên động lực, ngăn chặn tiêu cực, thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, cần thực hiện các hình thức cổ phần hoá có mức độ phù hợp với tính chất và lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; trong đó, sở hữu nhà nước chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối.

+ Áp dụng từng bước vững chắc phương thức bán một tỷ lệ cổ phần cho công nhân viên chức trực tiếp làm việc tại doanh nghiệp; thực hiện chia lợi nhuận theo lương cơ bản kết hợp với chia theo cổ phần.

+ Thí điểm việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp.

+ Trên cơ sở cổ phần hoá, tổ chức Hội đồng quản trị gồm đại diện cho sở hữu nhà nước, sở hữu của công nhân doanh nghiệp và các chủ sở hữu khác. Định thể chế và tiêu chuẩn để Hội đồng quản trị tuyển chọn giám đốc điều hành.

Hoàn thiện và áp dụng rộng rãi các hình thức khoán trong doanh nghiệp nhà nước.

Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích và thực hiện từng bước vững chắc, phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế, việc đổi mới các liên hiệp xí nghiệp, các tổng công ty theo hướng tổ chức các tập đoàn kinh doanh, khắc phục tính chất hành chính, trung gian.

Xoá bỏ dần chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản và sự phân biệt xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương.

Cơ quan nhà nước các ngành, các cấp phải chăm lo giúp đỡ doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, nhất là giúp xử lý các vấn đề vốn, công nghệ, thị trường và đào tạo, sử dụng cán bộ. Đối với những doanh nghiệp phục vụ lợi ích chung về kinh tế - xã hội nhưng mức sinh lợi trực tiếp thấp hoặc bị thua lỗ, Nhà nước có chính sách ưu đãi hợp lý, không gây ỷ lại. Có quy chế bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước theo đúng chức năng, đồng thời khắc phục tình trạng thanh tra, kiểm tra tùy tiện gây hậu quả xấu cho doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong những khâu và lĩnh vực không thiết yếu, thua lỗ kéo dài, không có điều kiện chấn chỉnh, thì xử lý dứt điểm theo những biện pháp mà Hội nghị Trung ương hai (khoá VII) đã nêu ra.

Đổi mới kinh tế hợp tác xã, phát huy vai trò tự chủ của

kinh tế hộ xã viên. Nhà nước giúp đỡ, hỗ trợ và hướng dẫn phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế, trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, kết hợp được sức mạnh của tập thể và sức mạnh của hộ xã viên.

Đổi mới hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông, lâm, ngư nghiệp theo Nghị quyết Trung ương năm (khoá VII); xử lý dứt điểm những hợp tác xã trì trệ kéo dài.

Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới và thúc đẩy các hình thức kinh tế hợp tác trong tiểu thủ công nghiệp, tín dụng, thương nghiệp, dịch vụ. Hợp tác xã có thể kinh doanh tổng hợp nhiều ngành nghề, trên nhiều địa bàn, không bị ràng buộc bởi ranh giới hành chính. Bên cạnh vốn góp cổ phần của xã viên, tài sản không chia của tập thể, hợp tác xã có thể huy động vốn và sức lao động ngoài các thành viên của mình. Xã viên được hưởng thu nhập từ hợp tác xã theo lao động và theo cổ phần. Hợp tác xã có nhiều mức độ về tập thể hoá tư liệu sản xuất, tùy theo nhu cầu sản xuất kinh doanh, nguyện vọng và lợi ích của xã viên.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ hoạt động phần lớn dưới hình thức hộ gia đình, đang là một bộ phận đông đảo và có tiềm năng to lớn, có vị trí quan trọng lâu dài. Phải có chính sách giúp đỡ, hỗ trợ thành phần này về vốn, về công nghệ, về thông tin thị trường, v.v. giúp họ làm ăn có hiệu quả, tạo thêm công ăn việc làm và đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước. Đồng thời hướng dẫn, vận động kinh tế cá thể từng bước đi vào làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện.

Kinh tế tư bản tư nhân trong và ngoài nước đang ngày càng phát triển và có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Nhà nước tiếp tục khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân phát triển trong những ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của các nhà kinh doanh tư nhân; góp vốn cùng tư nhân đầu tư phát triển trên cơ sở thoả thuận; khuyến khích các chủ doanh nghiệp tư nhân dành cổ phần ưu đãi để bán cho công nhân viên làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp; giúp đỡ, hướng dẫn họ khắc phục các khó khăn, làm ăn đúng pháp luật. Có quy chế và tổ chức cụ thể nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của bên ngoài.

Đi đôi với kiểm kê kiểm soát của Nhà nước, cần phát triển cơ sở đảng, công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hợp tác - liên doanh trong nước và với nước ngoài, nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động, ngăn chặn những việc làm phi pháp.

Tạo điều kiện và môi trường pháp lý cho hoạt động cạnh tranh hợp pháp, cho sự hợp tác, liên doanh một cách tự nguyện, cùng có lợi giữa các doanh nghiệp, không bị hạn chế bởi ranh giới giữa ngành chủ quản hoặc địa phương; dựa vào những doanh nghiệp nhà nước lớn làm nòng cốt, hình thành những tập đoàn kinh doanh đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

3. Xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Tiếp tục xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế mới, kiên trì quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cần thiết cho cơ chế thị trường hoạt động có hiệu quả: bảo đảm quyền tự chủ của các chủ thể kinh doanh; giá cả chủ yếu do thị trường định đoạt; các tín hiệu thị trường là căn cứ rất quan trọng để phân bổ nguồn lực cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh; khuyến khích cạnh tranh hợp pháp, lành mạnh, hạn chế độc quyền; nhà kinh doanh được tìm kiếm lợi nhuận một cách hợp pháp...

Nhà nước chỉ trực tiếp định giá đối với một số ít những hàng hoá - dịch vụ hoặc vì ý nghĩa kinh tế - xã hội đặc biệt quan trọng, hoặc vì tính chất độc quyền cao, song cũng không thoát ly cơ sở thị trường. Xử lý đúng giá điện, nước, xăng dầu, cước phí vận tải... xoá bù lỗ, điều tiết thu nhập một cách hợp lý, tạo cơ sở để mở rộng tái sản xuất và hạn chế lãng phí trong sử dụng. Tuân thủ nguyên tắc lãi suất thực dương, theo sát mức biến động của chỉ số lạm phát, tạo thuận lợi cả cho thu hút vốn lẫn cho vay phát triển. Điều hành tốt tỷ giá hối đoái, bảo đảm mức tỷ giá thực tế, tương đối ổn định nhưng không cứng nhắc, có tác dụng thúc đẩy xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu. Hình thành giá tiền công (tiền lương) hợp lý. Có chính sách trợ giá có chọn lọc đối với hàng nông sản, hàng xuất khẩu; bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa, bảo hộ lợi ích của cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng.

Hình thành đồng bộ các loại thị trường: hàng hoá - dịch vụ, sức lao động, vốn, công nghệ, bất động sản, v.v..

Tăng cường quản lý vĩ mô của Nhà nước nhằm định hướng và chỉ đạo sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế - xã hội, tạo môi trường kinh tế và khuôn khổ pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy mặt tích cực, ngăn ngừa và khống chế những tác động tự phát, tiêu cực, khắc phục những mặt khiếm khuyết vốn có của cơ chế thị trường, làm cho thị trường thật sự trở thành công cụ quan trọng trong việc phân bổ và sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, bảo đảm quan hệ tích lũy - tiêu dùng, điều tiết lợi ích giữa các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh hơn, ổn định vững chắc hơn, công bằng xã hội nhiều hơn.

Quản lý vĩ mô của Nhà nước phải bao quát toàn bộ nền kinh tế quốc dân, các thành phần kinh tế, chứ không riêng khu vực doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường tính tập trung thống nhất của Chính phủ trong điều hành vĩ mô nền kinh tế, đi đôi với việc mở rộng trách nhiệm và quyền hạn của ngành và địa phương đối với những vấn đề mà các cấp này có khả năng xử lý có hiệu quả hơn; bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp.

Các bộ chuyên ngành tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển của toàn ngành, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, kiểm soát các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần, trên mọi địa bàn, theo đúng chức năng quản lý nhà nước về ngành kinh tế - kỹ thuật mà bộ phụ trách. Tăng cường vai trò quản lý xuyên suốt các

ngành và lĩnh vực của các bộ tổng hợp, làm cho mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều nằm trong phạm vi quản lý vĩ mô có hiệu lực của Nhà nước.

Các cấp chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn đối với mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, không phân biệt kinh tế trung ương hay địa phương.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, làm cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh.

Củng cố và tăng cường vai trò tham mưu của cơ quan kế hoạch, làm tốt các chức năng lập quy hoạch, kế hoạch để định hướng phát triển, tính toán và duy trì các cân đối vĩ mô, thực hiện các ý đồ về điều chỉnh cơ cấu đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; làm trung tâm điều phối các nguồn lực tập trung huy động được từ trong và ngoài nước để sử dụng có hiệu quả cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tiếp tục cải cách sâu sắc và toàn diện hệ thống tài chính - tiền tệ.

Xử lý tốt các quan hệ sau đây theo hướng tăng tích lũy cho đầu tư phát triển, bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia: tích lũy và tiêu dùng; tài chính nhà nước và tài chính của doanh nghiệp, của dân cư; ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; chi tiêu thường xuyên với chi đầu tư phát triển và bảo đảm quốc phòng, an ninh; huy động vốn trong nước và vốn bên ngoài; đáp ứng các nhu cầu trước mắt với tiết kiệm và đầu tư phát triển vì lợi ích lâu dài; quyền tự chủ tài chính của doanh nghiệp với sự kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ về mặt tài chính của Nhà nước.

Khống chế bội chi ngân sách ở mức dưới 5% GDP, tăng

thu để bảo đảm chi, không bù đắp bội chi ngân sách bằng phát hành tiền, tiến tới thăng bằng thu chi ngân sách.

Cải cách hệ thống kế toán. Phát triển hoạt động kiểm toán nhà nước và kiểm toán tư nhân.

Ngân hàng Trung ương có trách nhiệm xây dựng và thi hành chính sách tiền tệ, bảo đảm cung ứng vừa đủ lượng tiền cho lưu thông thông suốt; kiểm soát lạm phát, phối hợp với các cơ quan tài chính, thương mại, giá cả để giữ chỉ số tăng giá bình quân hằng năm ở mức một con số; phấn đấu cân đối cán cân thanh toán quốc tế, tăng quỹ dự trữ ngoại tệ.

Hệ thống tài chính, ngân hàng phải làm tốt chức năng tạo vốn, huy động và cho vay vốn có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, chức năng trung tâm thanh toán và lưu thông tiền tệ của toàn xã hội.

Cải tiến cơ chế quản lý ngoại tệ, tạo điều kiện cho đồng tiền Việt Nam có thể chuyển đổi tự do, trở thành phương tiện thanh toán duy nhất trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

4. Chăm lo các vấn đề văn hoá, xã hội

Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực văn hoá, xã hội là chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng. Trong đó, việc làm, công bằng xã hội, nâng cao dân trí, lành mạnh hoá xã hội, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là những vấn đề nổi lên hiện nay.

Phương hướng quan trọng nhất để *tạo công ăn việc làm* là Nhà nước cùng với toàn dân ra sức tiết kiệm để đầu tư

phát triển, thực hiện tốt chiến lược kinh tế - xã hội. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi công dân, mọi nhà đầu tư trong và ngoài nước mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động, giảm nhanh số người chưa có hoặc thiếu việc làm. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Mở các lớp dạy nghề cho thanh niên, nâng cao kiến thức và tay nghề. Đối với những người dôi ra trong khu vực hành chính, sự nghiệp cũng như trong các đơn vị kinh tế, phải tổ chức đào tạo lại, dạy nghề, giúp vốn, hướng dẫn sản xuất kinh doanh, tìm việc làm mới. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm.

Trong các doanh nghiệp tư bản tư nhân, pháp luật phải bảo vệ lợi ích hợp pháp của cả người lao động và người chủ. Luật Lao động, Luật Tiền công, Luật Bảo hiểm, Luật Thuế... đã và sẽ được ban hành theo hướng vừa khuyến khích đầu tư phát triển, vừa hạn chế bất công xã hội; ngăn chặn làm ăn phi pháp. Nội quy, điều lệ và kỷ luật lao động do các doanh nghiệp đề ra không được trái pháp luật.

Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, cũng như ở điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng.

Thực hiện nguyên tắc ai làm việc có hiệu quả cao hơn, có đóng góp nhiều hơn thì thu nhập lớn hơn và ngược lại; chống chủ nghĩa bình quân, chống dựa dẫm, ỷ lại. Phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các

tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp và sản xuất, kinh doanh.

Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói giảm nghèo. Coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Đồng thời, có chính sách ưu đãi hợp lý về tín dụng, về thuế, đào tạo nghề nghiệp để tạo điều kiện cho người nghèo có thể tự mình vươn lên làm đủ sống và phấn đấu trở thành khá giả. Các vùng giàu, vùng phát triển trước phải cùng Nhà nước giúp đỡ, lôi cuốn các vùng nghèo, vùng phát triển sau để cùng vươn lên. Động viên những người giàu góp sức cùng Nhà nước giúp đỡ người nghèo theo hướng tương trợ về vốn, công cụ, vật tư, truyền bá kinh nghiệm, chỉ dẫn cách thức làm ăn.

Lập quỹ toàn dân đền ơn, đáp nghĩa những người có công với nước.

Có chính sách điều tiết hợp lý đối với những người giàu; động viên các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia các hoạt động nhân đạo, ái hữu, từ thiện, giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh, những nơi bị thiên tai, những người tàn tật, già cả, neo đơn không có khả năng lao động.

Đề cao trách nhiệm của mỗi công dân tự giải quyết những vấn đề của bản thân và gia đình mình; đồng thời tăng cường cộng đồng trách nhiệm của toàn xã hội, phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc ta.

Tích cực thực hiện những mục tiêu và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết Trung ương bốn (khoá VII) về giáo dục và đào tạo, văn hoá, văn nghệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình.

Phấn đấu trong một số năm đạt được chuyển biến đáng kể trong *giáo dục*, làm cho giáo dục ngày càng thực hiện tốt chức năng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Trước mắt, phải thực hiện bằng được phổ cập tiểu học; những nơi có điều kiện thì thực hiện phổ cập cấp II. Có chính sách miễn, giảm học phí và giúp đỡ thích đáng nhằm bảo đảm việc học hành của con em các gia đình nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng cao, vùng căn cứ cách mạng trước đây. củng cố các trường dân tộc nội trú hiện có và mở thêm một số trường mới. Tổ chức lại hệ thống dạy nghề; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống trường sư phạm; sắp xếp lại hệ thống đại học theo hướng gắn học chữ với học nghề, học đi đôi với hành, gắn đào tạo, nghiên cứu với sản xuất. Xây dựng các trung tâm đại học quốc gia. Thiết kế lại mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục cho phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giáo viên. Có chính sách ưu đãi thoả đáng đội ngũ thầy giáo. Tăng cường quản lý nhà nước của ngành giáo dục và đào tạo.

Chăm lo xây dựng nền văn hoá *tiên tiến*, đậm đà bản sắc dân tộc. Giáo dục nếp sống, đạo đức và phong cách ứng xử có văn hoá cho mọi người. Phát triển văn hoá dân tộc đi đôi với mở rộng giao lưu văn hoá với nước ngoài, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới. Kiên quyết chống những hiện tượng và hành vi thô bạo, lai căng phản văn hoá, phi đạo đức và nhân tính. Kế thừa, phát huy truyền thống nhân ái, nghĩa tình, thuần phong mỹ tục đi đôi với bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

Củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, văn nghệ. Bảo đảm dân chủ tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hoá đi đôi với đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng và dân tộc. Bồi dưỡng tài năng, khuyến khích sáng tạo những tác phẩm lành mạnh, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao. Phấn đấu có nhiều tác phẩm tốt cổ vũ công cuộc đổi mới, biểu dương những nhân tố tích cực; đồng thời kiên quyết phê phán những hiện tượng tiêu cực, những khuynh hướng lệch lạc, chống mọi luận điệu và hành động thù địch. Phát triển các hoạt động văn hoá nghiệp dư, đẩy mạnh phong trào văn hoá quần chúng ở cơ sở. Tăng cường các phương tiện truyền thông đại chúng để kịp thời phổ biến, tuyên truyền về đường lối, chính sách và pháp luật; đưa đến từng gia đình các giá trị văn hoá, văn học và nghệ thuật, giáo dục cái tốt, cái đẹp, nâng cao hiểu biết và trình độ thẩm mỹ của nhân dân, ngăn chặn sự xâm nhập của những nọc độc văn hoá, những ấn phẩm phản động, đồi trụy.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chấn chỉnh và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với hoạt động văn hoá, văn nghệ; bổ sung các chính sách, luật lệ cần thiết và thi hành nghiêm minh.

Chăm lo thích đáng công tác *chăm sóc sức khoẻ nhân dân*, nhất là chăm sóc y tế ban đầu, coi phòng bệnh là bước đi trước tích cực. Phục hồi, củng cố, mở thêm các trạm y tế cơ sở ở từng cụm dân cư, lập các đội y tế lưu động ở những nơi chưa có trạm y tế. Từng bước trang bị lại và nâng cấp các bệnh viện, xây dựng một số trung tâm y tế đầu đàn và một số chuyên khoa. Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm y tế; ban hành

chính sách miễn giảm viện phí cho các đối tượng chính sách và cho người nghèo. Đẩy lùi nạn suy dinh dưỡng của trẻ em, bệnh sốt rét, bướu cổ, bệnh phong. Bằng mọi biện pháp kiên quyết ngăn chặn nạn ma túy, mại dâm và bệnh SIDA. Có biện pháp hữu hiệu để trong vài ba năm tới giảm bằng được tỷ lệ tăng dân số bình quân cả nước xuống dưới 2%, chú trọng các vùng có tỷ lệ sinh đẻ cao.

Phát triển rộng rãi phong trào *thể dục, thể thao* nhân dân trong cả nước, trước hết là trong thanh niên, học sinh, từng bước hình thành thể dục, thể thao chuyên nghiệp, đỉnh cao.

Đấu tranh chống tham nhũng, là vấn đề nóng bỏng, bức bách hiện nay, phải được tiến hành một cách kiên quyết, triệt để, trong toàn bộ máy, ở tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Thực hiện đồng bộ những biện pháp chủ yếu sau đây:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật và quy tắc làm việc của mọi cơ quan và nhân viên nhà nước, khắc phục bằng được các kẽ hở trong cơ chế quản lý. Bảo đảm mọi tài sản của Nhà nước đều có người chịu trách nhiệm bảo vệ, sử dụng, phát triển và khi có hành động tham nhũng thì có thể sớm phát hiện để xử lý.

Đổi mới và tăng cường công tác tài vụ, kế toán. Sử dụng rộng rãi các dịch vụ tư vấn, thẩm định, kiểm toán.

Tinh giản bộ máy, cắt giảm những chi tiêu không thật thiết yếu, bảo đảm tiền lương đủ sống cho người hưởng lương.

- Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Thủ trưởng ngành, địa phương và đơn vị phải chịu trách nhiệm đối với các vụ việc

tham nhũng trong phạm vi mình trực tiếp phụ trách. Nâng cao trách nhiệm lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, tổ chức, động viên đảng viên, quần chúng đấu tranh chống tham nhũng.

- Tiến hành nghiêm ngặt các biện pháp kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng và của cả các tổ chức nhân dân, kịp thời phát hiện bọn tham nhũng. Xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng luật các vụ việc, nhất là các vụ nghiêm trọng, không phân biệt kẻ vi phạm ở cương vị, cấp bậc nào.

Trong đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, phải kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm; coi trọng các biện pháp phòng ngừa; xây dựng chương trình quốc gia về phòng ngừa tội phạm, có ngân sách dành cho chương trình đó. Thực hiện nghiêm các hình phạt do luật định đối với kẻ phạm tội; đồng thời tích cực giáo dục, kết hợp với dạy nghề và tổ chức lao động sản xuất, cải thiện các điều kiện giam giữ để cải tạo, cảm hoá phạm nhân, tạo điều kiện đưa họ trở lại làm ăn lương thiện. Ngăn chặn và nghiêm trị các hành vi ngược đãi, ức hiếp, tống tiền người bị giam giữ.

5. Bảo đảm quốc phòng và an ninh

Trong khi tập trung sức xây dựng đất nước, chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Cần quán triệt và tiếp tục thực hiện tốt *nhiệm vụ chung về quốc phòng và an ninh*, nắm vững các quan điểm chỉ đạo mà Hội nghị Trung ương ba đã đề ra. Tiến hành cuộc đấu

tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài trên tất cả các lĩnh vực nhằm làm thất bại mọi âm mưu và hành động "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ.

Trong mấy năm trước mắt, cần tập trung sức làm tốt một số công tác lớn dưới đây:

- Nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường các cơ sở chính trị và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn chặt với thể trận quốc phòng toàn dân.

- Xây dựng các khu vực phòng thủ vững mạnh, các phòng tuyến an ninh nhân dân, tăng cường tổ chức phòng thủ trên các khu vực trọng điểm, bảo vệ vững chắc lãnh thổ, chủ quyền và an ninh trong nội địa, trên vùng biển, hải đảo và biên giới.

- Bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ, bảo vệ Đảng và chính quyền; phát hiện, ngăn chặn các hoạt động phá hoại.

- Tăng cường quản lý nhà nước về trật tự xã hội; chống tội phạm. Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội.

- Tập trung sức xây dựng lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Bảo quản tốt trang bị kỹ thuật và từng bước hiện đại hoá có trọng điểm một số loại trang bị rất cần thiết. Đầu tư cho xây dựng công nghiệp quốc phòng. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

- Tăng cường lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh. Kịp thời thể chế hoá về mặt nhà nước các chủ trương, chính sách về xây

dựng nền quốc phòng và an ninh toàn dân. Nhanh chóng tổ chức, củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan và cán bộ chuyên trách công tác quốc phòng và an ninh; giúp các cấp, các ngành triển khai nhiệm vụ quốc phòng và an ninh theo chức năng. Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ làm tốt chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc (luật về quốc phòng, về an ninh quốc gia, luật về biên giới, vùng biển, bổ sung Luật nghĩa vụ quân sự và các văn bản pháp quy khác). Tổ chức thi hành có hiệu quả các luật lệ đã ban hành.

6. Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại

Phát huy những kết quả đạt được trong lĩnh vực đối ngoại, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá và đa phương hoá, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng, bảo đảm ổn định, an ninh và phát triển.

Tích cực tham gia các phong trào quốc tế về bảo vệ môi trường, chống các bệnh hiểm nghèo, chống nạn nghèo đói...

Mở rộng hoạt động đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân nhằm tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của các tổ chức và nhân dân các nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phải thấy rõ khó khăn và thách thức cũng như thuận lợi và cơ hội của nước ta, dự báo đúng diễn biến phức tạp trong quan hệ quốc tế để có chủ trương sát hợp, vừa giữ vững nguyên tắc, vừa vận dụng sách lược linh hoạt; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phối hợp có hiệu quả giữa các ngành trong hoạt động đối ngoại; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực.

7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo.

Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cũng là bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để

đề đầu dân". Nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, chống tham ô, lãng phí, đặc quyền đặc lợi.

Bảo vệ quyền con người, các quyền cơ bản của công dân đã ghi trong Hiến pháp như quyền sở hữu, quyền sử dụng tư liệu sản xuất, quyền tự do kinh doanh hợp pháp; quyền được tự do thảo luận, tranh luận, phát biểu các ý kiến nhằm xây dựng đất nước; quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng...

Nghiêm chỉnh xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại và tố cáo của công dân. Tổ chức để nhân dân tham gia công việc của đất nước, đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng, các dự án luật quan trọng của Nhà nước. Cải tiến việc bầu cử. Thông qua chế độ bầu cử và tuyển chọn dân chủ, đưa người có đức, có tài vào các cơ quan đại biểu cũng như bộ máy quản lý của Nhà nước.

Thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội, chống các biểu hiện dân chủ cực đoan. Thực hiện chuyên chính đối với những phần tử có hành vi chống lại Tổ quốc, xâm phạm lợi ích của nhân dân.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, nhất quán, thể chế hoá đường lối đổi mới của Đảng trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được thi hành một cách nghiêm minh, thống nhất và công bằng.

Tiếp tục tinh giản và đổi mới bộ máy nhà nước, bảo đảm quyền lực thống nhất, phân công rõ và phát huy hiệu lực của cả ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp. Làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội để làm tốt hơn nữa chức năng lập pháp và giám sát. Tăng số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách.

Đổi mới và tăng cường hệ thống hành pháp cả về tổ chức, cán bộ, cơ chế hoạt động. Phát huy vai trò điều hành của bộ máy hành pháp. Xác định vai trò và trách nhiệm của chính quyền địa phương trên cơ sở pháp luật thống nhất và sự điều hành tập trung của Chính phủ.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của hệ thống tư pháp. Phân định hợp lý thẩm quyền giữa các cơ quan tư pháp; từng bước xây dựng các cơ quan tư pháp mới theo yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng luật mọi hành vi phạm pháp.

Xây dựng quy chế công chức, chế độ trách nhiệm công vụ. Tổ chức đào tạo lại cán bộ, viên chức trong bộ máy nhà nước, bảo đảm tính liên tục của nền hành chính.

8. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân

Tiếp tục quán triệt các quan điểm và thực hiện các chủ trương, biện pháp mà Hội nghị Trung ương ba đã đề ra. Chú trọng các vấn đề:

- *Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng. Thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên quan điểm, đường lối*

của Đảng, nâng cao trình độ nhận thức, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những tinh hoa trí tuệ của thời đại, nhạy bén nắm bắt cái mới, xử lý đúng những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề cấp bách đang cần giải quyết, thông qua nghiên cứu và tổng kết thực tiễn, làm rõ căn cứ khoa học cho các giải pháp về những vấn đề đang đặt ra của công cuộc đổi mới.

Uốn nắn những quan điểm lệch lạc, những nhận thức mơ hồ, dao động về tư tưởng; đấu tranh chống những biểu hiện cơ hội, hữu khuynh và giáo điều, bảo thủ. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không được truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng.

- *Tăng cường khối đoàn kết thống nhất trong Đảng.* Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Rèn luyện đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, chống lãng phí, tham nhũng và làm ăn phi pháp. Chống chủ nghĩa cá nhân, vô kỷ luật, độc đoán, chuyên quyền, cục bộ, bè phái. Coi trọng công tác bảo vệ Đảng. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia. Chống mọi âm mưu, thủ đoạn làm biến chất cán bộ. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách và Điều lệ Đảng.

- *Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.* Thấm nhuần tư tưởng của Bác Hồ, thực hiện đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam

tán thành công cuộc đổi mới, vì độc lập dân tộc, phấn đấu thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Lấy đại nghĩa dân tộc làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau mà không trái với lợi ích chung, cùng nhau xoá bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai. Tư tưởng đại đoàn kết phải thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hoàn thiện các chính sách bảo đảm lợi ích và phát huy vai trò của công nhân, nông dân, trí thức. Bồi dưỡng, phát huy lực lượng thanh niên, phụ nữ. Bổ sung và thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các nhà công thương, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn và ban cán sự phải tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị về công tác mặt trận và các đoàn thể nhân dân; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chính quyền và các đoàn thể. Đổi mới nội dung, phương thức và phong cách hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể.

- *Đổi mới công tác cán bộ*, trước hết là đổi mới quan niệm và phương pháp công tác cán bộ, trong đánh giá, tuyển chọn, sử dụng, bố trí cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt. Đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; tạo môi trường thuận lợi cho mọi người có đức, có tài, trong và ngoài Đảng đều có cơ hội cống hiến tốt nhất cho đất nước. Trẻ hoá đội ngũ cán bộ. Chú trọng cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Chống hẹp hòi, cục bộ, thành kiến, phân biệt đối xử.

Việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng cán bộ lãnh đạo các

cấp phải căn cứ vào những tiêu chuẩn cơ bản đã nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba. Đặc biệt chú ý bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; giữ gìn phẩm chất, đạo đức và lối sống lành mạnh; thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, không vướng vào tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; có ý thức tổ chức kỷ luật, gần gũi quần chúng; có năng lực và phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ.

Dân chủ hoá công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ phải do tập thể cấp uỷ quản lý cán bộ và các cơ quan có liên quan tiến hành theo đúng quy trình chặt chẽ, dân chủ, thận trọng, công tâm. Mỗi cán bộ cần được biết và được phát biểu ý kiến về sự đánh giá của cấp uỷ, của thủ trưởng đối với mình.

Khảo sát, đánh giá lại toàn bộ đội ngũ cán bộ hiện có, trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch cán bộ từ nay đến năm 2000 đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, số lượng, cơ cấu.

Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch. Đào tạo gắn với tiêu chuẩn từng chức danh và yêu cầu sử dụng cán bộ. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học. Đầu tư thích đáng cho việc đào tạo cán bộ đảng.

Đảng viên, nhất là cán bộ đảng các cấp, phải thường xuyên học tập trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ, rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng.

Khẩn trương chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII và các năm tiếp theo.

Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến hệ thống các chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ.

- Đổi mới tư duy, nâng cao tính khoa học của công tác tổ

chức, tiếp tục chấn chỉnh hệ thống tổ chức, bảo đảm bộ máy tinh gọn, có hiệu lực và hiệu quả. Xúc tiến việc nghiên cứu, tổng kết các mô hình tổ chức, cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, phương thức lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành, các loại hình cơ sở, từ đó có kế hoạch kiện toàn tổ chức, hợp lý hoá bộ máy của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đảng ta là Đảng cầm quyền, Đảng đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; lãnh đạo thông qua tổ chức đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước, chứ không điều hành thay Nhà nước.

- Nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên. Lúc này, tính kiên định chính trị, lòng trung thành với lý tưởng của Đảng, với lợi ích của nhân dân lao động và của dân tộc, là phẩm chất hàng đầu của người đảng viên. Điều lệ Đảng đã quy định các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của đảng viên. Mọi đảng viên đều phải chấp hành thật tốt, gương mẫu và phấn đấu trở thành người sản xuất, công tác và quản lý giỏi, hoàn thành nhiệm vụ được giao; thường xuyên học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự thống nhất trong Đảng, chấp hành đúng pháp luật Nhà nước.

Đảng viên làm kinh tế phải theo đúng pháp luật và Điều lệ Đảng. Đối với một số đảng viên hiện nay đã là chủ các doanh nghiệp tư bản tư nhân, tổ chức đảng cần xem xét và giải quyết từng trường hợp cụ thể; hướng dẫn và giúp đỡ chuyển đổi thành dạng xí nghiệp, công ty cổ phần, có sự tham gia của người lao động, của Nhà nước; hoặc thành hình thức kinh tế hợp tác, để vừa tận dụng được vốn liếng và năng lực làm kinh tế của đảng viên, vừa bảo đảm bản chất giai cấp của Đảng.

Xử lý kịp thời và nghiêm minh những đảng viên thoái hoá biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Tiếp tục đưa những người không còn tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Làm tốt công tác phát triển đảng, nhất là trong thanh niên, phụ nữ, những cơ sở chưa có hoặc còn ít đảng viên. Trẻ hoá đội ngũ Đảng.

Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng và các ngày lễ lớn trong năm 1995, mở một đợt vận động giáo dục, bồi dưỡng phát triển Đảng, trước hết là trong thanh niên.

Tích cực tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng, chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng.

*

* *

Phía trước chúng ta là một thời kỳ mới với những triển vọng đầy hứa hẹn, những thách thức lớn lao mà chúng ta nhất định phải vượt qua và những thời cơ thuận lợi mà chúng ta cần tận dụng.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

**Về một số vấn đề trong Báo cáo chính trị
qua thảo luận tại Hội nghị đại biểu toàn quốc
giữa nhiệm kỳ**

Ngày 25 tháng 1 năm 1994

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng, đã có trên 800 lượt đồng chí phát biểu ý kiến ở các đoàn và 46 đồng chí phát biểu trên hội trường. Các đại biểu thảo luận sôi nổi với tinh thần trách nhiệm cao, ý kiến phong phú, có cân nhắc, và liên hệ với tình hình thực tế để làm rõ các vấn đề chung.

Các ý kiến phát biểu tại đoàn cũng như trên hội trường biểu thị sự nhất trí cao với Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Hội nghị, cho rằng Báo cáo chính trị được chuẩn bị công phu, thể hiện trí tuệ của Ban Chấp hành Trung ương, các cấp uỷ đảng, các đồng chí lão thành cách mạng, các chuyên gia, các nhà khoa học. Báo cáo đã đánh giá đúng đắn tình hình hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và tổng kết được một bước công cuộc đổi mới ở nước ta, đề ra nhiều chủ trương và giải pháp phù hợp với thực tế,

phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng yêu cầu của bước phát triển mới.

Qua thảo luận, một số đồng chí nêu lên nhiều đề nghị bổ sung, sửa đổi, chủ yếu để làm rõ thêm các quan điểm cũng như giải pháp cụ thể. Đoàn Chủ tịch đề nghị Hội nghị đại biểu toàn quốc tiếp thu những ý kiến hợp lý để chỉnh lý Báo cáo chính trị. Sau đây Đoàn Chủ tịch trình bày rõ thêm một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

I- MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG

- Về nội dung Báo cáo chính trị, có ý kiến cho rằng phần kiểm điểm tình hình đã được trình bày sâu sắc nhưng chất lượng tổng kết thực tiễn đổi mới còn thấp, thiếu tính lý luận. Đoàn Chủ tịch cho rằng, tổng kết thực tiễn đổi mới, rút ra những bài học là rất quan trọng. Đại hội VI của Đảng tổng kết thực tiễn cách mạng nước ta đã nêu lên bốn bài học. Đại hội VII tổng kết bốn năm rưỡi đổi mới đã nêu lên năm bài học. Đó là những bài học quý giá. Báo cáo chính trị lần này, qua tổng kết thực tiễn, đã đánh giá đúng đắn tình hình, nêu lên những thành tựu nổi bật cũng như những mặt yếu kém và khuyết điểm, đúc rút thành nhận định tổng quát về thời cơ và các nguy cơ, định hướng việc chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, xác định một số chủ trương, giải pháp mới để cụ thể hoá hơn nữa định hướng xã hội chủ nghĩa. Qua đó Báo cáo khẳng định lại các bài học do Đại hội VII nêu lên và phát triển thêm. Như vậy có thể nói chúng ta đã tổng kết được một bước thực tiễn đổi mới. Đến Đại hội, chúng ta tổng kết thêm một bước nữa.

- Về cấu trúc của Báo cáo chính trị, hầu hết ý kiến tán thành với kết cấu của Báo cáo. Một số đồng chí đề nghị tách phần công tác vận động quần chúng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân thành một mục riêng; hoặc viết lại đầu đề để nhấn mạnh vấn đề này. Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu ý kiến thứ hai và sửa lại đầu đề nhiệm vụ thứ tám như sau: Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.

Có ý kiến đề nghị xếp tám nhiệm vụ thành sáu nhiệm vụ, trong đó những nhiệm vụ về kinh tế xếp chung vào một mục với tiêu đề là "ổn định và phát triển kinh tế". Để làm rõ hơn những giải pháp mới rất quan trọng, nhất là về mặt kinh tế, Đoàn Chủ tịch đề nghị vẫn giữ nguyên kết cấu tám điểm.

II- VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

- Về thành tựu, các đại biểu nhất trí cao về đánh giá những thành tựu đạt được. Có ý kiến muốn sắp xếp lại thứ tự các thành tựu đó, đưa thành tựu về ổn định chính trị lên trên. Đoàn Chủ tịch cho rằng ba thành tựu đều quan trọng và liên quan mật thiết với nhau. Việc đề cập trước tiên thành tựu to lớn có ý nghĩa hàng đầu là đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội như Báo cáo là hợp lý, phù hợp với đường lối đổi mới là trước hết đổi mới trên lĩnh vực kinh tế, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm. Chính những thành tựu đổi mới kinh tế đã góp phần rất quan trọng để ổn định tình hình chính trị, xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Về các nguy cơ, hầu hết các đại biểu nhất trí với việc chỉ

ra bốn nguy cơ và cách sắp xếp thứ tự như đã nêu trong Báo cáo chính trị.

Một số ý kiến muốn sắp xếp lại thứ tự các nguy cơ và phân tích mối quan hệ giữa các nguy cơ đó; có ý kiến đề nghị thay từ "nguy cơ" bằng từ "thách thức"; ý kiến khác đề nghị nên gộp lại thành hai nguy cơ; ngược lại có ý kiến muốn bổ sung thêm một số nguy cơ nữa, hoặc chưa nên xem sự tụt hậu xa hơn về kinh tế là một nguy cơ trước mắt.

Đoàn Chủ tịch đề nghị giữ nguyên bốn nguy cơ và thứ tự sắp xếp các nguy cơ như trong Báo cáo; đồng thời tiếp thu ý kiến nhấn mạnh đến sự liên quan mật thiết, thống nhất biện chứng giữa các nguy cơ đó, nếu khắc phục được nguy cơ này thì sẽ hạn chế được nguy cơ khác và ngược lại. Nguy cơ diễn biến hoà bình đã và đang tác động mạnh mẽ vào các nguy cơ bên trong. Khắc phục được các nguy cơ bên trong thì nhất định sẽ làm thất bại âm mưu và thủ đoạn diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch. Cần nhấn mạnh rằng, chúng ta có đủ khả năng và quyết tâm khắc phục cả bốn nguy cơ nói trên.

Trong những nguy cơ thì nổi bật là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, mà thực chất là kinh tế phát triển chậm, hiệu quả thấp, công nghệ lạc hậu, trong khi đó nhiều nước trong khu vực đã có trình độ phát triển cao hơn và đang có tốc độ tăng trưởng cao, cuộc cạnh tranh kinh tế trên thế giới đang diễn ra quyết liệt. *Tụt hậu xa hơn* về kinh tế sẽ dẫn đến mất ổn định về chính trị, hạn chế khả năng củng cố quốc phòng và an ninh.

Về nguy cơ lệch hướng, có đại biểu cho rằng cần bao

gồm cả nguy cơ chệch hướng về đường lối chứ không chỉ trong chỉ đạo thực hiện.

Đoàn Chủ tịch nhận thấy: đường lối, chủ trương lớn của Đảng thể hiện ở các Nghị quyết Đại hội VI, Đại hội VII và nhiều nghị quyết của Trung ương là đúng đắn, và nhất quán theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu đã đạt trong công cuộc đổi mới chứng tỏ chúng ta về cơ bản đang đi đúng hướng. Song, bên cạnh những thành tựu lớn về đổi mới cần được khẳng định, cũng còn có không ít những lệch lạc, không quán triệt đường lối, chính sách của Đảng như trên các vấn đề sở hữu, lưu thông phân phối, công bằng xã hội, trong lĩnh vực tư tưởng, báo chí, văn hoá văn nghệ, sự mơ hồ mất cảnh giác đối với âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch... Có nhiều hiện tượng tiêu cực, tha hoá, biến chất, nhất là nạn tham nhũng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên, đó là nguy cơ có sức phá hoại từ bên trong, có thể làm chệch hướng phát triển. Nói chỉ đạo thực hiện ở đây là theo nghĩa rộng, tức là chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh, đường lối, đề ra chủ trương, chính sách, chứ không chỉ là điều hành cụ thể. Do đó, Đoàn Chủ tịch đề nghị viết đoạn nguy cơ chệch hướng như sau: nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện.

Về nguy cơ nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác, có ý kiến đề nghị không nên nêu "các tệ nạn xã hội khác" là nguy cơ.

Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu ý kiến này. Thay vào đó cần coi *tệ quan liêu* là một nguy cơ vì tệ quan liêu làm cho Đảng và Nhà nước xa rời quần chúng, đi tới những quyết

sách trái với lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, làm mất lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Vì vậy, đề nghị thay cụm từ: "nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác" bằng cụm từ "nạn tham nhũng và tệ quan liêu".

Có ý kiến đề cập đến nguy cơ "bạo loạn lật đổ". Đoàn Chủ tịch cho rằng "lật đổ" là thủ đoạn nằm trong chiến lược "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch và lật đổ thì không loại trừ bạo loạn. Vì vậy không thể không tích cực ngăn ngừa và làm thất bại các mưu đồ bạo loạn lật đổ. Cần nhấn mạnh rằng nguy cơ "diễn biến hoà bình" là một nguy cơ rất lớn và rất nghiêm trọng. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống "diễn biến hoà bình" là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, diễn ra quyết liệt và phức tạp, liên quan đến sự sống còn của Đảng ta, chế độ ta và nền độc lập của nước ta, nhưng tình trạng mơ hồ, mất cảnh giác trong cán bộ và nhân dân ta còn rất nặng nề.

Về thời kỳ phát triển mới, Báo cáo chính trị viết: "những thành tựu quan trọng đạt được đang tạo ra những tiền đề để đưa đất nước chuyển sang một thời kỳ phát triển mới". Một số ý kiến cho rằng đánh giá như thế là hơi thấp vì chúng ta không chỉ đang tạo ra những tiền đề cần thiết, mà trên thực tế đã tạo ra được một số tiền đề; do đó, đề nghị sửa lại là: những thành tựu quan trọng đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề. Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu ý kiến này. Có đồng chí cho rằng về việc chuyển sang thời kỳ mới cách trình bày trong Báo cáo nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1994-1995 và Báo cáo chính trị có chỗ chưa thật khớp. Đoàn Chủ tịch đề

ng nghị để Bộ Chính trị xem xét và chỉnh lý cách thể hiện cho thống nhất.

Về mục tiêu tổng quát, Báo cáo chính trị nêu rõ:

Trong những năm còn lại của nhiệm kỳ, phải động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đồng tâm nhất trí, nỗ lực vượt bậc, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, mở rộng hợp tác quốc tế, thực hành cần kiệm liêm chính, ra sức khai thác thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát nêu trên, thúc đẩy nhanh hơn nhịp độ thực hiện những mục tiêu của Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Có ý kiến đề nghị thay cụm từ "thực hiện thắng lợi" bằng "thực hiện vượt mức". Đoàn Chủ tịch cho rằng về một số chỉ tiêu kinh tế đúng là có thể thực hiện vượt mức, nhưng về mặt xã hội thì còn phải phấn đấu rất nhiều. Vì vậy đề nghị giữ nguyên cách trình bày như trong Báo cáo chính trị.

Có ý kiến đề nghị thêm từ "dân chủ" vào mục tiêu phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đoàn Chủ tịch đề nghị giữ nguyên cách trình bày như trong Báo cáo chính trị vì khái niệm công bằng và văn minh cũng đã bao hàm dân chủ.

III- VỀ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

1. Hầu hết ý kiến đồng tình về sự cần thiết phải thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhưng cũng còn có ý kiến băn khoăn liệu đã có đủ tiền đề để làm việc đó hay chưa.

Đoàn Chủ tịch cho rằng với những thành tựu đã đạt được trong công cuộc đổi mới, ngày nay tình hình kinh tế - xã hội đã ổn định một bước rất quan trọng. *Vấn đề lương thực* được giải quyết tương đối vững chắc, năng lực cung ứng nguyên liệu nông, lâm, hải sản cho công nghiệp chế biến tăng thêm. Thị trường trong nước mở rộng hơn. Nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ. Kim ngạch xuất khẩu tăng lên đáng kể, đã tạm cân đối được nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu vật tư, hàng hoá thiết yếu. Quan hệ quốc tế được mở rộng cho phép tranh thủ ngày càng nhiều hơn nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ bên ngoài, vốn vay và viện trợ của các nước, các tổ chức quốc tế. Như vậy chúng ta đã có một số tiền đề cần thiết để đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Không thể nói rằng chúng ta đã có đủ tất cả các tiền đề, nhưng cũng không nên chờ có đủ tiền đề mới tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đồng thời cũng là quá trình tạo đủ hơn tiền đề để triển khai công cuộc này một cách toàn diện, sâu rộng và mạnh mẽ hơn. Đó là biện chứng của sự phát triển. Giai đoạn từ nay đến năm 2000 chưa phải là giai đoạn triển khai sâu rộng, trên quy mô lớn toàn bộ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mà mới chỉ đẩy tới một bước công cuộc này, tập trung vào những khâu cần thiết và có thể thực hiện có hiệu quả, tạo đà cho nền kinh tế phát triển nhanh trong thập kỷ sau.

2. Có ý kiến đề nghị chỉ cần nói: "công nghiệp hoá", không cần nói là "hiện đại hoá". Đoàn Chủ tịch có ý kiến như sau:

Báo cáo chính trị dùng khái niệm công nghiệp hoá và khái niệm hiện đại hoá là muốn nói lên sự cần thiết kết hợp, gắn bó đồng thời hai nội dung trên trong quá trình phát triển

sắp tới, làm rõ hơn tư tưởng: không chỉ đơn thuần phát triển công nghiệp, mà còn phải thực sự chuyển dịch cơ cấu trong từng ngành, từng lĩnh vực và toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo hướng công nghệ tiến bộ; không chỉ đi tuần tự qua các bước cơ giới hoá, tự động hoá, tin học hoá, mà còn kết hợp đồng thời các thành tựu trên nhiều lĩnh vực, và có những mũi nhọn phát triển đi tắt, đón đầu; không chỉ áp dụng các công nghệ tiên tiến mà còn phải biết tận dụng và hiện đại hoá công nghệ truyền thống...

Tuy nhiên để tránh hiểu công nghiệp hoá và hiện đại hoá là hai nội dung tách biệt nhau, Đoàn Chủ tịch đề nghị thay cụm từ "công nghiệp hoá và hiện đại hoá" bằng cụm từ "công nghiệp hoá, hiện đại hoá".

3. Có ý kiến lo ngại đặt vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, coi đó là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới có thể đưa đến sai lầm coi nhẹ nông nghiệp là ngành kinh tế có vị trí quan trọng lâu dài ở nước ta, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, khi nước ta tuy đã có sự phát triển nhất định của các ngành công nghiệp, dịch vụ, song vẫn còn là một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu và sự phát triển của nền kinh tế còn chưa thật ổn định, vững chắc.

Đoàn Chủ tịch cho rằng, việc đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, coi công nghiệp hoá là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới không mâu thuẫn với chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp vẫn là một trong những quan tâm hàng đầu, có vai trò quyết định

đối với việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo cơ sở cho phát triển công nghiệp. Tuy nhiên, ngày nay nông nghiệp cần được hiểu theo nghĩa rộng, không phải thuần nông, càng không phải là nông nghiệp lạc hậu. Hội nghị Trung ương năm vừa qua đã khẳng định cần phát triển toàn diện nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn, coi đó là nhiệm vụ hết sức cấp bách. Không thể thực hiện được nhiệm vụ đó, nếu không đẩy tới một bước quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, đẩy mạnh phát triển nông - lâm - ngư nghiệp, phủ xanh đồi núi trống, vươn ra đánh bắt ngoài khơi... gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ khác ở chính địa bàn nông thôn trong mối liên hệ phân công và hợp tác sâu rộng với các ngành và các vùng khác, khắc phục một bước cơ cấu kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chuyển dịch sang một cơ cấu kinh tế mới, tiến bộ hơn, năng động và có hiệu quả hơn.

Chính là để tiếp tục đẩy mạnh nông nghiệp mà Báo cáo chính trị đã xác định quan điểm: từ nay đến cuối thập kỷ, bước đi về công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải đặc biệt quan tâm đến công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Đây cũng là một điểm mới trong chủ trương về công nghiệp hoá.

4. Về cơ cấu vùng, có ý kiến đề nghị ngoài hai vùng kinh tế lớn: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu, cần xây dựng những vùng kinh tế lớn ở miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Đoàn Chủ tịch cho rằng trong Chiến lược kinh tế -

xã hội đã xác định có vùng kinh tế lớn Huế - Đà Nẵng - Nha Trang ở miền Trung. Những vùng kinh tế khác sẽ do Nhà nước nghiên cứu và quyết định.

5. Về nguồn vốn cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có đồng chí còn băn khoăn ngại rằng trong lúc nguồn vốn trong nước còn ít, nếu nói nguồn vốn trong nước là quyết định thì có thể hạn chế khả năng đầu tư và nhịp độ tăng trưởng kinh tế.

Chúng ta khẳng định vốn bên ngoài là quan trọng, nhất là trong giai đoạn đầu. Cần có cơ chế chính sách để thu hút nhiều hơn và sử dụng có hiệu quả hơn nữa các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, đi đôi với tranh thủ công nghiệp và kỹ thuật tiên tiến.

Song nguồn vốn bên ngoài có hạn, không chỉ so với yêu cầu to lớn về vốn của toàn bộ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hóa, mà còn so với cả nhu cầu vốn giai đoạn trước mắt. Vốn viện trợ phát triển thường không nhiều và gắn liền với những điều kiện ràng buộc nhất định. Vốn đầu tư trực tiếp bị cạnh tranh với khá nhiều đối thủ trong vùng và trên thế giới. Thu hút loại vốn này không chỉ tùy thuộc vào cải tiến môi trường đầu tư của chúng ta mà còn tùy thuộc vào nhiều tính toán khác của người đầu tư bên ngoài. Hơn nữa, để hấp thụ được vốn bên ngoài, phải có một lượng vốn tương ứng trong nước. Vay vốn phải tính đến khả năng trả nợ và những yêu cầu khác về bảo đảm độc lập, chủ quyền về kinh tế, chính trị...

Những nước công nghiệp mới tuy nhận được nhiều hỗ trợ tài chính từ bên ngoài, mà vẫn phải huy động tới 70-80% vốn trong nước ngay trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, và duy trì tổng mức đầu tư khoảng trên 30% GDP hằng năm liên tục trong nhiều năm, mới trở thành rồng

như ngày nay. Chúng ta muốn khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, thì con đường duy nhất là phải ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển, đưa tổng mức đầu tư lên trên 20% GDP hằng năm trong vài năm tới, và cao hơn trong những năm sau, trong đó nguồn vốn trong nước là chính, là quyết định.

IV- VỀ CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Đại bộ phận các ý kiến phát biểu đồng tình với trình bày của Báo cáo chính trị về chủ trương đối với các thành phần kinh tế, song cũng còn một số ý kiến phân vân.

1. Có ý kiến cho rằng hình thức sở hữu là phương tiện, không nên coi là mục tiêu. Chỉ có tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân mới là mục tiêu. Cần có nhận thức đầy đủ hơn và thống nhất hơn về vấn đề này.

Đúng là phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh mới là mục đích cuối cùng. Song cả lý luận lẫn thực tiễn lịch sử đã khẳng định rằng người sở hữu tư liệu sản xuất là người làm chủ quá trình sản xuất, định đoạt việc phân phối kết quả sản xuất, cũng như chi phối các sinh hoạt chính trị - xã hội. Trên ý nghĩa đó, việc xác lập quyền làm chủ xã hội chủ nghĩa sở hữu về tư liệu sản xuất cũng là mục tiêu.

Vì vậy, sở hữu nói riêng, quan hệ sản xuất nói chung, không chỉ giản đơn là phương tiện như mọi phương tiện thông thường, có thể tùy tiện thay phương tiện này bằng phương tiện khác, mà là một bộ phận cấu thành hữu cơ của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Chủ nghĩa xã hội có

những đặc trưng riêng về sở hữu, những quan hệ sản xuất và phân phối nảy sinh từ chế độ sở hữu đó. Nền tảng của sở hữu này là chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức sở hữu nhà nước (quốc doanh) và sở hữu tập thể (hợp tác xã).

Làm sao chúng ta có thể xây dựng một chế độ xã hội mang một đặc trưng mới về chất, mà lại không có quan hệ sản xuất tương ứng, riêng có với chế độ đó được.

Đương nhiên, chúng ta còn phải nghiên cứu, tổng kết để đi tới quan niệm đúng hơn, đầy đủ hơn, và có cách làm, bước đi để dần dần thiết lập khu vực sở hữu mang đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, đồng thời vẫn dành cho các loại hình sở hữu khác vị trí xứng đáng chừng nào nó còn góp phần vào phát triển sức sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân.

Vì vậy, Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, coi đó là nhiệm vụ có tính chiến lược lâu dài, khuyến khích mọi thành phần, mọi tầng lớp dân cư đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích hợp pháp của mọi người sở hữu, nhưng phải chăm lo xây dựng, củng cố kinh tế quốc doanh, phát triển kinh tế hợp tác, làm cho kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo, kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác dần dần trở thành nền tảng của nền kinh tế như Cương lĩnh đã xác định.

Nói các thành phần kinh tế đều bình đẳng nghĩa là bình đẳng trước pháp luật, đều được Nhà nước khuyến khích phát triển theo đúng pháp luật, chứ không có nghĩa là các thành phần đều có vai trò như nhau trong việc tạo lập hình thái kinh tế - xã hội mới.

2. Có ý kiến băn khoăn cho rằng kinh tế quốc doanh hoạt động còn kém hiệu quả thì làm sao đảm đương vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, và nhận xét rằng đánh giá trong Báo cáo chính trị về việc kinh tế quốc doanh đang giữ vai trò chủ đạo là quá lạc quan và không nhất quán với phần đánh giá về thiếu sót.

Chúng ta quan niệm vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh phải thể hiện trên nhiều mặt: là lực lượng nắm các yết hầu kinh tế, giữ vị trí chi phối của nền kinh tế, bảo đảm cho sự phát triển ổn định của nền kinh tế; là lực lượng tạo điều kiện, giúp đỡ và liên kết các thành phần kinh tế cùng phát triển; có khả năng can thiệp, điều tiết, hướng dẫn sự phát triển của các thành phần kinh tế, của toàn bộ nền kinh tế quốc dân; làm tấm gương của các thành phần kinh tế về năng suất, hiệu quả.

Xét theo những tiêu chuẩn đó thì rõ ràng khu vực kinh tế nhà nước hiện đang nắm giữ các doanh nghiệp nhà nước trong các ngành sản xuất quan trọng nhất như năng lượng, nhiên liệu, xi măng, thép, hoá chất, vận tải đường sắt, đường biển, đường không, ngoại thương, một phần nội thương, ngân hàng, tài chính, dự trữ quốc gia và nhiều tài nguyên của đất nước, đang giữ vai trò chi phối nền kinh tế quốc dân. Vì vậy nói nó đang giữ vị trí chủ đạo trong nền kinh tế là phù hợp với thực tế. Song cũng đúng là vai trò chủ đạo này còn nhiều hạn chế, trước hết vì năng suất, hiệu quả của kinh tế quốc doanh còn thấp và trong nhiều trường hợp còn thua kém kinh tế cá thể, tư nhân. Cũng có chỗ, có nơi kinh tế quốc doanh lại bỏ rơi trận địa mà mình cần chiếm lĩnh. Vì vậy nói kinh tế quốc doanh chưa làm tốt vai trò chủ đạo cũng là thoả

đáng. Tóm lại đánh giá của Báo cáo chính trị về vai trò của kinh tế quốc doanh ở phần thành tựu và phần yếu kém không mâu thuẫn nhau.

3. Có ý kiến cho rằng Báo cáo chính trị đánh giá thương nghiệp quốc doanh còn bỏ trống nhiều lĩnh vực và địa bàn trọng yếu để tư nhân thao túng là nói quá mức khuyết điểm.

Chúng ta không đơn thuần và máy móc đánh giá vị trí của thương nghiệp quốc doanh cũng như mọi ngành kinh tế quốc doanh khác chỉ ở tỷ trọng của chúng trong nền kinh tế. Chúng ta cũng không chủ trương duy trì thương nghiệp quốc doanh với bất cứ giá nào hoặc phủ nhận vai trò tích cực của tư thương trong phát triển lưu thông hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Nhận định trên xuất phát từ thực tế là thương nghiệp quốc doanh đã buông lỏng trận địa và vai trò của mình trong một số lĩnh vực quan trọng như một số nông sản, một số vật tư. Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu ý kiến của các đại biểu và viết lại nhận định trên như sau: "thương nghiệp quốc doanh bỏ trống *một số* lĩnh vực và địa bàn trọng yếu". Nói như vậy là phản ánh đúng mức độ.

4. Về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, hầu hết ý kiến tán thành chủ trương nêu trong Báo cáo chính trị. Một số nhấn mạnh đây là việc phức tạp, ta còn thiếu kinh nghiệm, cần tiến hành thận trọng, có thí điểm rút kinh nghiệm trước khi thực hiện ra diện rộng. Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu những ý kiến bổ sung này.

V. VỀ HÌNH THÀNH ĐỒNG BỘ CƠ CHẾ MỚI

1. Một số ý kiến bổ sung, cụ thể hoá hơn các giải pháp nêu trong phần này. Đoàn Chủ tịch đề nghị Hội nghị tiếp

thu. Song cũng có những điểm cụ thể, không nằm trong khuôn khổ của Báo cáo chính trị, đề nghị Chính phủ và các ngành liên quan nghiên cứu sử dụng trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị.

2. Về các ý kiến đề nghị làm rõ một số nội dung, Đoàn Chủ tịch xin trình bày như sau:

- Hạn chế độc quyền nêu trong Báo cáo chính trị là hạn chế độc quyền trong kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Tất cả các nước đều quy định một số lĩnh vực mà Nhà nước phải nắm độc quyền. Ở nước ta hiện nay, những lĩnh vực đó là công nghiệp quốc phòng, vận tải đường sắt, viễn dương, bưu chính viễn thông... Ngay trong mỗi lĩnh vực đó, có thể hình thành một số công ty quốc doanh cạnh tranh với nhau một cách hợp pháp và lành mạnh, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Như vậy độc quyền nhà nước không loại trừ cạnh tranh trong kinh doanh.

- Bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa là áp dụng một chế độ bảo hộ có mức độ, có thời hạn, tính đến lợi ích của cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng, làm cho người sản xuất không ỷ lại mà phải cố gắng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh của hàng hoá.

3. Về ý kiến cần làm thí điểm việc xoá bỏ dần chế độ bộ chủ quản, cấp chủ quản, Đoàn Chủ tịch đề nghị Hội nghị tiếp thụ kiến nghị này. Đây là một việc rất mới, đòi hỏi nhiều điều kiện, không thể giản đơn, nóng vội, song phải làm một cách khẩn trương, tích cực. Báo cáo chính trị đã nêu chủ trương xoá bỏ dần chế độ bộ chủ quản, cấp chủ quản (tức là cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp quản lý doanh nghiệp) gắn với việc tăng cường chức năng quản lý nhà nước của các

bộ, các cấp chính quyền, đồng thời đổi mới căn bản cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước.

VI- VỀ NHIỆM VỤ VĂN HOÁ, XÃ HỘI

Các đồng chí đại biểu nhất trí về cơ bản với nhiệm vụ *chăm lo các vấn đề văn hoá, xã hội* trong Báo cáo chính trị; đồng thời nêu nhiều ý kiến bổ sung, trong đó nổi lên là vấn đề công bằng xã hội, phân hoá giàu nghèo trong nhân dân và giữa các vùng, chống tham nhũng. Về những vấn đề đó, Đoàn Chủ tịch có ý kiến như sau:

- Về phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, Báo cáo chính trị đã ghi: "các vùng giàu, vùng phát triển trước phải cùng Nhà nước giúp đỡ, lôi cuốn các vùng nghèo, vùng phát triển sau để cùng vươn lên". Cách viết đó đã bao hàm việc Nhà nước phải có chính sách ưu đãi, dành một phần ngân sách đầu tư cho các vùng nghèo, đồng thời giao trách nhiệm cho các vùng giàu hỗ trợ vùng nghèo phát triển.

Nhiều đồng chí đề nghị cần nhấn mạnh hơn nữa đến những vùng đang có rất nhiều khó khăn, đang nghèo hơn các vùng nghèo khác trong cả nước như các vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thụ ý kiến này, một mặt Nhà nước có chính sách hỗ trợ thích đáng để các địa phương tự lực vươn lên, mặt khác các địa phương nói trên phải phấn đấu nỗ lực phát huy tiềm năng tại chỗ, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ trong một thời gian nhất định của cấp trên; các cấp uỷ và chính quyền phải đi

sâu đi sát cơ sở để tổ chức thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Về đấu tranh chống tham nhũng, báo cáo đã khẳng định đây là "vấn đề nóng bỏng, bức bách, phải được tiến hành một cách kiên quyết, triệt để trong toàn bộ máy". Viết như vậy là đã biểu thị quyết tâm cao của Đảng ta. Đồng thời, báo cáo cũng đã nêu lên một số biện pháp chủ yếu nhằm đẩy lùi, ngăn chặn tệ nạn này. Đoàn Chủ tịch cho rằng thể hiện như trên là đã rõ.

Lâu nay, chúng ta đã từng nhiều lần đề cập và nhấn mạnh vấn đề này, song chỗ yếu cần khắc phục là hiệu quả thực hiện còn kém.

Sắp tới, Bộ Chính trị sẽ bàn kỹ việc này, cụ thể hoá những biện pháp đấu tranh chống tham nhũng đã ghi trong nghị quyết hội nghị lần này và có kế hoạch lãnh đạo toàn Đảng thi hành. Các cấp uỷ đảng, các ngành, các cấp chính quyền và đoàn thể phải bàn kỹ chương trình, kế hoạch, biện pháp, tích cực lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng tại ngay ngành mình, địa phương mình, đơn vị mình. Vấn đề quan trọng nhất hiện nay là phải quyết tâm nhanh chóng triển khai hành động, nói đi đôi với làm, làm nhiều hơn nói, bảo đảm cho cuộc đấu tranh đó đạt hiệu quả cao, tạo ra chuyển biến tích cực trong mọi hoạt động kinh tế và đời sống xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta.

- Một số đồng chí đại biểu cho rằng những vấn đề về giáo dục, y tế, văn hoá, văn nghệ, dân số và kế hoạch hoá gia đình không cần ghi trong báo cáo lần này do đã có Nghị quyết Trung ương bốn. Ngược lại, một số đồng chí lại yêu cầu viết kỹ

hơn. Đoàn Chủ tịch cho rằng viết với mức độ như trong Báo cáo chính trị là phù hợp. Báo cáo đã khẳng định phải tích cực thực hiện những mục tiêu và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết Trung ương bốn (khoá VII), như vậy là biểu thị sự nhất trí của Hội nghị đại biểu với tinh thần và nội dung Nghị quyết Trung ương mà không cần nhắc lại toàn bộ nội dung đó.

Đồng thời, báo cáo nhấn mạnh một số điểm cơ bản, một số nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết Trung ương bốn, nhằm lưu ý toàn Đảng những trọng tâm cần sớm thực hiện trong thời gian tới. Các thể hiện đó là cần thiết để định hướng cho hoạt động của các cấp, các ngành.

Một số đồng chí đề nghị tăng ngân sách cho văn hoá, giáo dục và y tế. Về vấn đề này, trong quá trình thực hiện nghị quyết, chúng ta sẽ nghiên cứu, tìm tòi những nguồn lực và giải pháp để điều chỉnh ngân sách theo hướng đó, phù hợp với khả năng thực tế.

Về ý kiến cần chú ý xây dựng Trung tâm đại học quốc gia miền Trung, Đoàn Chủ tịch đề nghị Hội nghị tiếp thu kiến nghị đó. Báo cáo chính trị đã ghi "xây dựng các trung tâm đại học quốc gia"; cách ghi đó cũng phù hợp, cho phép thực hiện kiến nghị đó. Trước mắt, theo kế hoạch đã định, xúc tiến việc xây dựng hai trung tâm đại học quốc gia ở miền Bắc và miền Nam; đồng thời, giao cho các cơ quan hữu quan khẩn trương nghiên cứu đề án về việc xây dựng Trung tâm đại học quốc gia ở miền Trung để Chính phủ xem xét.

VII- VỀ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Một số ý kiến đề nghị sửa tiêu đề mục này và một số từ

ngữ để thể hiện sự cần thiết phải tăng cường quốc phòng và an ninh trong tình hình hiện nay.

Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu ý kiến đó.

VIII- VỀ ĐẢNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN CHÚNG

Các ý kiến phát biểu ở đoàn cũng như ở Hội trường về phần này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của các đại biểu về lĩnh vực này. Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu để bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo.

Dưới đây Đoàn Chủ tịch xin trình bày thêm một số điểm:

1. Về phạm vi các vấn đề nêu trong Báo cáo

Một số ý kiến nhận xét phần nói về Đảng còn "lép", sơ sài, chưa bao quát hết các vấn đề xây dựng Đảng.

Đoàn Chủ tịch nhận thấy Đảng ta luôn luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, xác định nó có ý nghĩa then chốt, sống còn trong tình hình hiện nay. Trên thực tế, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ thời gian qua đã dành nhiều công sức cho công tác này. Nhưng đúng là tình hình chuyển biến chưa được như mong muốn, nhiều việc chưa làm được bao nhiêu (đặc biệt là về công tác tư tưởng, lý luận, công tác cán bộ, tổ chức bộ máy, củng cố cơ sở đảng...). Nguyên nhân có phần do đây là lĩnh vực phức tạp, một số vấn đề lý luận và thực tiễn còn chưa thật sáng tỏ; thời gian thực hiện Nghị quyết Trung ương ba còn ngắn, và cũng có phần do khâu chỉ đạo thực hiện chưa ráo riết, tích cực.

Tuy nhiên, trong Báo cáo không thể trình bày toàn diện mọi vấn đề (Nghị quyết Trung ương ba đã nói, và đến nay cơ bản vẫn phù hợp) mà chỉ nhấn mạnh một số điểm cần tập

trung chỉ đạo thực hiện. Và lại, hiện nay việc tổng kết các mặt của công tác xây dựng Đảng mới triển khai được một bước, có những vấn đề đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, tổng kết sâu hơn mới có thể rút được kết luận đúng.

2. Về công tác lý luận và tư tưởng của Đảng

- Có ý kiến cho rằng tư duy lý luận trong đảng không hoàn chỉnh, lúng túng và có mâu thuẫn, dường như có khủng hoảng lý luận trong Đảng.

Đoàn Chủ tịch xin trình bày như sau: Đổi mới là sự nghiệp mới mẻ, chưa có tiền lệ, mẫu hình, chúng ta mới đi những bước ban đầu, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, do đó chưa thể ngay một lúc có được tư duy lý luận hoàn chỉnh, thậm chí có những vấn đề còn lúng túng. Nhưng phải nói vừa qua Đảng ta có nhiều cố gắng về mặt này. Với đường lối Đại hội VI, chúng ta đã mở ra khâu đột phá về nhận thức, quan điểm đối với công cuộc đổi mới ở nước ta; Hội nghị Trung ương sáu (khoá VI) tiếp tục bổ sung, phát triển, đặc biệt là đưa ra sáu nguyên tắc của đổi mới; Đại hội VII hoàn chỉnh thêm một bước, hoạch định thành Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Các nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Hiến pháp và các chính sách, pháp luật của Nhà nước tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá. Đó là định hướng rất cơ bản và cực kỳ quan trọng đối với cách mạng nước ta. Đó cũng là những vấn đề lý luận, hệ thống quan điểm nhất quán của Đảng ta chỉ đạo sự nghiệp đổi mới. Ngay trong Báo cáo chính trị kỳ này cũng có nhiều kết luận quan trọng được rút ra từ kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. Nó thể hiện cả ở phần đánh giá tình hình, rút bài học kinh nghiệm và ở phần phương hướng,

giải pháp, như một số điểm phát triển những bài học kinh nghiệm của Đại hội VII, vấn đề thời cơ và nguy cơ, vấn đề chuyển dần sang thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; những định hướng và giải pháp công nghiệp hoá, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy, không thể nói Đảng ta đang khủng hoảng về lý luận.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng công tác lý luận của ta còn nhiều mặt yếu. Thể hiện ở chỗ: không ít vấn đề chậm được tổng kết; một số vấn đề mới nảy sinh chưa được cất nhắc và trả lời. Đấu tranh phê phán những quan điểm lý luận sai trái, lệch lạc chưa kịp thời và chưa có sức thuyết phục cao. Sắp tới Hội nghị Trung ương tám sẽ bàn vấn đề này. Mười chương trình nghiên cứu khoa học đang được triển khai, trong đó có chương trình biên soạn bộ giáo trình quốc gia về các môn học chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó sẽ là điều kiện để thúc đẩy công tác lý luận của Đảng ta phát triển hơn.

- Một số ý kiến đề nghị phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận, có thái độ rõ ràng trước những hiện tượng lợi dụng dân chủ, công khai để truyền bá những quan điểm sai. Đoàn Chủ tịch thấy đây là những ý kiến xác đáng. Vừa qua có một số người dưới hình thức hội thảo hoặc viết kiến nghị của công dân đã tự ý tán phát tài liệu, truyền bá những quan điểm sai trái như phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đả kích sự lãnh đạo của Đảng, phủ định quá khứ hào hùng của dân tộc, tuyên truyền chống chế độ, v.v., nhưng chúng ta chưa có sự phê phán, đấu tranh một cách kiên quyết, dứt khoát. Chúng ta vẫn thường nói: đảng viên có

quyền bảo lưu ý kiến, có quyền gửi kiến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền, nhưng không được truyền bá những quan điểm sai trái với quan điểm, đường lối của Đảng, càng không được phát tán tài liệu làm lộ bí mật của Đảng và của quốc gia. Tổ chức đảng cần phải quản lý, có thái độ và biện pháp xử lý kịp thời đối với những đảng viên vi phạm quy định của Đảng. Những người không phải đảng viên cũng không được làm như vậy. Mọi hành vi lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống chế độ, gây mất ổn định chính trị, xã hội đều bị coi là phạm pháp.

Công tác tư tưởng, lý luận không phải chỉ là nhiệm vụ của những người trực tiếp làm công tác tư tưởng, lý luận mà là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, của các cấp uỷ và chính quyền. Mọi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, phải làm công tác đảng, công tác chính trị tư tưởng, công tác quần chúng.

- Có ý kiến không đồng ý với việc đánh giá cán bộ chủ chốt còn lười học, cho như thế là không thoả đáng vì phải chiếu cố đến tuổi tác và hoàn cảnh khó khăn hiện nay.

Đoàn Chủ tịch cho rằng, lúc này Trung ương nhấn mạnh việc cán bộ chủ chốt phải tích cực học tập, phê phán hiện tượng lười học là cần thiết. Vì Đảng ta là đảng tiên phong, giai đoạn hiện nay rất cần nâng cao trình độ trí tuệ. Điều lệ đã quy định học tập là một nhiệm vụ của đảng viên. Cán bộ lãnh đạo càng cần phải học, phải đọc. Hằng ngày có không biết bao nhiêu thông tin bổ ích về thời sự, về chủ trương, chính sách, pháp luật, về văn hoá và văn học nghệ thuật, về khoa học và công nghệ. Nhiều đồng chí rất cố gắng về mặt này, có những đồng chí say sưa, miệt mài học tập, nghiên

cứu. Nhưng đáng tiếc là có một bộ phận rất ít đọc, ít học, vin vào lý do bận việc, không có tiền mua sách báo (có tỉnh chỉ mua hai bộ sách về chống diễn biến hoà bình; có huyện chỉ mua hai tờ báo *Nhân dân*, hai cuốn Tạp chí *Cộng sản*...). Nếu không có ý thức học tập, không có quy chế tự học, thì không thể nâng cao trình độ nhận thức, và như vậy làm sao thực hiện được vai trò tiên phong.

3. Về công tác cán bộ

Có ý kiến cho rằng Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa có nhận xét thẳng thắn đối với các cấp, các cán bộ thuộc mình quản lý.

Vừa qua có một số trường hợp Bộ Chính trị, Ban Bí thư nắm chưa chắc cán bộ, do đó khi đánh giá, sắp xếp phải bàn đi bàn lại nhiều lần, và có khi chưa thật chuẩn xác. Nhưng từ đó mà đi đến nhận định như trên thì không đúng. Chỉ trong thời gian hai năm rưỡi qua, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nhận xét và cho ý kiến về lựa chọn các ban chấp hành của 53 tỉnh, thành uỷ và 7 đảng uỷ khối các cơ quan trung ương, lựa chọn cán bộ và thành lập các ban cán sự đảng và đảng đoàn các cơ quan trung ương thuộc khối nhà nước và đoàn thể nhân dân, lựa chọn và bố trí nhiều cán bộ cao cấp ở các ngành quân sự, an ninh, ngoại giao... Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã trực tiếp nghe kiểm điểm và có nhận xét thẳng thắn đối với một số ban thường vụ tỉnh uỷ, một số ban cán sự đảng, một số cán bộ cao cấp thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Đó là chưa kể các trường hợp Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhận định cán bộ qua việc xem xét kỷ luật, thư tố cáo một số đồng chí cán bộ cao cấp khác. Đương nhiên, việc làm đó chưa đủ, việc đánh giá cán bộ còn có những thiếu sót. Sắp

tới, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ dành thời gian để đánh giá đúng đắn số cán bộ chủ chốt thuộc diện Bộ Chính trị và Ban Bí thư quản lý.

4. Về củng cố cơ sở đảng

Nhiều đồng chí đề cập vấn đề này. Đoàn Chủ tịch nhấn mạnh thêm: sắp tới cần quan tâm hơn nữa vấn đề củng cố và tăng cường các cơ sở, bao gồm:

- Sắp xếp lại các chi bộ, đảng bộ cơ sở cho phù hợp với cơ chế quản lý mới, với việc cải cách bộ máy hành chính. Chú trọng cơ sở xã, phường, cụm dân cư.

- Cụ thể hoá nội dung, phương thức lãnh đạo của các đảng bộ, chi bộ.

- Dành thêm kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở cơ sở (gồm cả việc bồi dưỡng tại chỗ, cử đi học, mua sách báo, tài liệu học tập...).

- Về một số ý kiến đối với chính sách đãi ngộ cán bộ cơ sở, Đoàn Chủ tịch đề nghị giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ xem xét.

5. Về đánh giá hoạt động của công tác quần chúng và các đoàn thể, có ý kiến cho là đánh giá chưa đủ mức, lại có ý kiến cho là đánh giá quá lạc quan.

Đúng là cần đánh giá cụ thể và phân tích rõ hơn, không thể nói gộp chung tất cả các đoàn thể. Sau Nghị quyết 8B của Trung ương khoá VI, công tác dân vận và hoạt động của các đoàn thể có những chuyển biến tích cực. Chủ trương mở rộng Mặt trận, đoàn kết, tập hợp quần chúng, đổi mới tổ chức và hoạt động của các đoàn thể được nhiều nơi hưởng ứng và thực hiện tốt, nhưng sự cố gắng và kết quả chưa đều. Vừa qua có một số đoàn thể, trong đó có Hội Phụ nữ, một số tổ

chức xã hội và nghề nghiệp (như Hội bảo thọ, Hội làm vườn...) hoạt động tích cực, có nhiều hình thức sinh hoạt bổ ích, thiết thực. Để đánh giá được đúng đắn thực trạng hoạt động của các đoàn thể, các cơ quan dân vận cần có một kế hoạch nghiên cứu, điều tra chu đáo.

6. Vấn đề đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân không?

Điều lệ Đảng quy định đảng viên "phải là người gương mẫu trong lao động, chiến đấu, học tập, có lối sống lành mạnh, không bóc lột", Báo cáo xây dựng Đảng do Đại hội VII thông qua cũng khẳng định: "đảng viên là công nhân, viên chức tại chức, ngoài việc hoàn thành nhiệm vụ công tác, được khuyến khích phát triển kinh tế gia đình. Đảng viên được góp cổ phần vào các công ty, xí nghiệp quốc doanh, tập thể. Đảng viên không ở trong biên chế của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, bản thân trực tiếp lao động (lao động chân tay, lao động kỹ thuật, lao động quản lý) được đứng ra tổ chức các đơn vị kinh tế tập thể (tổ sản xuất, hợp tác xã...); được đấu thầu, nhận khoán đất đai, thuê tài sản của Nhà nước, của tập thể để tổ chức kinh doanh; được làm kinh tế cá thể, tiểu chủ. Đảng viên không được làm kinh tế "tư bản tư nhân". Báo cáo chính trị cần tiếp tục khẳng định điều này. Sở dĩ đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân là vì:

- Người đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân theo quy luật kinh tế, quy luật lợi nhuận, không thể không bóc lột. Đó là trái với bản chất và mục đích, lý tưởng của Đảng. Nếu đảng viên làm kinh tế tư bản thì dần dần trong Đảng sẽ có một bộ phận đảng viên trở thành tư sản. Bây giờ có thể còn ít, chưa nhiều, nhưng dần dần nếu trong Đảng có hàng vạn

đảng viên là những nhà tư sản thì liệu Đảng ta có còn giữ được bản chất là Đảng Cộng sản không? Nhân dân lao động có còn gắn bó với Đảng không?

- Đảng viên trước hết là công dân, có quyền và nghĩa vụ công dân, nhưng không phải cái gì công dân làm được thì đảng viên đều được làm. Công dân chỉ cần tuân theo Hiến pháp, còn đảng viên còn phải phục tùng Điều lệ Đảng.

- Không cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân không phải là làm thui chột tài năng làm kinh tế của đảng viên. Nếu đảng viên có tài năng làm kinh tế thì với quy định trong Báo cáo xây dựng Đảng của Đại hội VII vẫn còn có thể phát huy được vai trò của mình. Làm theo quy định đó, vừa có lợi cho bản thân, vừa có lợi cho đất nước mà vẫn giữ được lý tưởng của người đảng viên.

Đối với một số đảng viên hiện nay đã là chủ các doanh nghiệp tư bản tư nhân, tổ chức đảng cần xem xét và giải quyết từng trường hợp cụ thể; hướng dẫn và giúp đỡ chuyển đổi thành dạng xí nghiệp, công ty cổ phần, có sự tham gia của người lao động, của Nhà nước; hoặc thành các hình thức kinh tế hợp tác.

Về các giải pháp xử lý cụ thể, đề nghị Hội nghị giao cho các cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu hướng dẫn thi hành.

ĐOÀN CHỦ TỊCH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ
TRONG BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI HỘI NGHỊ
ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA NHIỆM KỲ

Ngày 25 tháng 1 năm 1994

Tổng số phiếu phát ra: 644

Tổng số phiếu thu về: 644

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

I- Đánh giá tổng quát thành tựu kinh tế - xã hội

"Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước".

- Có 642 đại biểu đồng ý, chiếm 99,2%.
- Ý kiến khác có một đại biểu.
- Không tỏ thái độ có một đại biểu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý với nhận định: "Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước*

chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước".

II- Về các nguy cơ

- Có 573 đại biểu, chiếm 88,5% đồng ý nhận định có bốn nguy cơ và thứ tự các nguy cơ như trong Báo cáo chính trị.

- Có 46 đại biểu, chiếm 7,1%, đồng ý nhận định có hai nguy cơ (tụt hậu xa hơn về kinh tế và diễn biến hoà bình).

- Ý kiến khác có 22 đại biểu, chiếm 3,4%.

- Không tỏ thái độ có một đại biểu.

- Không hợp lệ có hai phiếu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý nhận định có bốn nguy cơ và thứ tự các nguy cơ như trong Báo cáo chính trị.*

III- Về hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Có 621 đại biểu, chiếm 95,9% đồng ý thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Có 13 đại biểu, chiếm 2% đồng ý thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hoá.

- Không tỏ thái độ có năm đại biểu.

- Không hợp lệ năm phiếu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý với chủ trương thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.*

IV- Để công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần huy động nhiều nguồn vốn, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả. Trong đó nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng

- Có 627 đại biểu đồng ý, chiếm 96,9%.

- Có bốn đại biểu không đồng ý.
- Ý kiến khác có bảy đại biểu.
- Không tỏ thái độ có sáu đại biểu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý chủ trương "Để công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần huy động nhiều nguồn vốn, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả. Trong đó nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng"*.

V- Nghiên cứu, làm thí điểm và áp dụng từng bước vững chắc việc chia lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước (sau khi nộp đủ thuế, dành quỹ tích lũy sản xuất và quỹ phúc lợi xã hội) cho công nhân viên chức làm tại doanh nghiệp theo lương cơ bản

- Có 601 đại biểu đồng ý, chiếm 92,8%.
- Có 33 đại biểu không đồng ý, chiếm 5,1%.
- Ý kiến khác có sáu đại biểu.
- Không tỏ thái độ có bốn đại biểu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý chủ trương: Nghiên cứu, làm thí điểm và áp dụng từng bước vững chắc việc chia lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước (sau khi nộp đủ thuế, dành quỹ tích lũy sản xuất và quỹ phúc lợi xã hội) cho công nhân viên chức làm tại doanh nghiệp theo lương cơ bản.*

VI- Áp dụng từng bước vững chắc việc bán một tỷ lệ cổ phần của doanh nghiệp nhà nước cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp

- Có 624 đại biểu đồng ý, chiếm 96,4%.
- Có chín đại biểu không đồng ý, chiếm 1,4%.
- Ý kiến khác, năm đại biểu.

- Không tỏ thái độ có sáu đại biểu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý chủ trương: Áp dụng từng bước vững chắc việc bán một tỷ lệ cổ phần của doanh nghiệp nhà nước cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.*

VII- Thực hiện thí điểm việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp

- Có 623 đại biểu đồng ý, chiếm 96,3%.
- Có 17 đại biểu không đồng ý, chiếm 2,6%.
- Không tỏ thái độ có bốn đại biểu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý chủ trương: Thực hiện thí điểm việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp.*

VIII- Thực hiện chủ trương nhà nước góp vốn cùng tư nhân đầu tư phát triển trên cơ sở thoả thuận

- Có 637 đại biểu đồng ý, chiếm 98,4%.
- Có ba đại biểu không đồng ý.
- Ý kiến khác có một đại biểu.
- Không tỏ thái độ có ba đại biểu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý chủ trương: Nhà nước góp vốn cùng tư nhân đầu tư phát triển trên cơ sở thoả thuận.*

IX- Khuyến khích các chủ doanh nghiệp tư nhân dành cổ phần ưu đãi để bán cho công nhân viên làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp

- Có 625 đại biểu đồng ý, chiếm 96,6%.
- Có chín đại biểu không đồng ý, chiếm 1,4%.

- Ý kiến khác có năm đại biểu.
- Không tỏ thái độ có năm đại biểu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý chủ trương: Khuyến khích các chủ doanh nghiệp tư nhân dành cổ phần ưu đãi để bán cho công nhân viên làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp.*

X- Xóa bỏ dần (có qua bước thí điểm) chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản (cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp quản lý doanh nghiệp) và sự phân biệt giữa xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương

- Có 629 đại biểu đồng ý, chiếm 97,2%.
- Có ba đại biểu không đồng ý.
- Ý kiến khác có 10 đại biểu.
- Không tỏ thái độ có hai đại biểu.

Như vậy, *Hội nghị đồng ý chủ trương: Xóa bỏ dần (có qua bước thí điểm) chế độ chủ quản, cấp hành chính chủ quản (cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp quản lý doanh nghiệp), và sự phân biệt giữa xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương.*

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1994-1995, MỞ ĐẦU THỜI KỲ MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Báo cáo này bổ sung về tình hình và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong hai năm tới, nhằm cụ thể hoá Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Tổng Bí thư trình bày trước Hội nghị. Báo cáo bổ sung này chỉ tập trung vào một số vấn đề lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với trách nhiệm lãnh đạo của toàn Đảng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội trước yêu cầu của tình hình mới.

I- ĐẤT NƯỚC ĐỨNG TRƯỚC CƠ HỘI MỚI VÀ THÁCH THỨC LỚN, CÓ THỂ VÀ CẦN PHẢI CHUYỂN SANG THỜI KỲ MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

1. *Kết quả ba năm thực hiện nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995*

- Nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong ba năm qua, so với kế hoạch đề ra cho 5 năm 1991-1995, như sau: tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,2% (kế hoạch 5,5-6%); tổng sản lượng nông nghiệp tăng 4,5% (kế hoạch 3,7-4,5%);

tổng sản lượng công nghiệp tăng 13% (kế hoạch 8-10%); kim ngạch xuất khẩu tăng 20%, ba năm đạt 7,6 tỷ USD (kế hoạch 5 năm 12-15 tỷ USD). Như vậy, các chỉ tiêu tổng hợp chủ yếu của nền sản xuất xã hội đều được thực hiện đạt và vượt dự kiến; một số sản phẩm quan trọng như lương thực, xi măng đến năm 1993 đã đạt mức phấn đấu đề ra cho năm 1995.

Đầu tư phát triển trong nền kinh tế sau nhiều năm giảm sút, từ ba năm qua đã có bước gia tăng, năm 1990 chỉ bằng 11,5% GDP, đến năm 1993 đã đạt trên 20%; trong đó phần đầu tư bằng tích lũy trong nước cũng tăng dần, từ 2,9% so với GDP năm 1990 tăng lên khoảng 12% năm 1993, vượt tỷ lệ dự kiến cho năm 1995.

Cơ cấu kinh tế theo ngành sau nhiều năm hầu như không thay đổi đã bắt đầu có một bước chuyển dịch theo hướng tiến bộ: tỷ trọng của ngành công nghiệp trong GDP tăng dần, từ 18,8% năm 1990 lên 20,9% năm 1993; các ngành dịch vụ cũng từ 36,3% tăng lên 38,2% trong thời gian tương ứng; sản lượng nông, lâm nghiệp năm 1993 tăng 14,1% so với năm 1990, song tỷ trọng giảm từ 40,3% xuống 36,6%.

Với nhịp độ tăng trưởng liên tục ba năm qua trong sản xuất và đầu tư, gắn với sự chuyển dịch từng bước cơ cấu ngành, nền kinh tế đã khắc phục nhiều mặt suy thoái, thoát khỏi trì trệ và bước vào một thời kỳ mới của sự phát triển.

- *Lạm phát được đẩy lùi*, từ 67,5% trong những năm 1990, 1991 xuống 17,4% năm 1992 và 5,2% năm 1993. Trong việc giảm lạm phát, có tác động của hàng nhập lậu kim giá một số mặt hàng công nghiệp trong nước, song những nhân tố chính đưa tới sự ổn định giá là sản xuất và lưu thông hàng

hoá phát triển, việc điều hành lưu thông tiền tệ có tiến bộ và Nhà nước có thêm dự trữ để can thiệp vào thị trường khi cần thiết. Mặc dù còn những yếu tố chưa vững chắc, song *khả năng kiểm soát lạm phát được nâng cao hơn trước, đạt mức giảm chỉ số giá sớm hơn dự kiến*.

- *Quan hệ kinh tế với bên ngoài* được mở rộng nhanh mặc dù Mỹ chưa từ bỏ chính sách cấm vận. Ngoại thương tăng nhanh cả kim ngạch và bạn hàng, vượt qua được sự giảm sút đột ngột quan hệ kinh tế - thương mại với thị trường truyền thống. Cán cân thương mại được cải thiện; từ chỗ xuất khẩu trong những năm 1986-1990 chỉ trang trải được 68% kim ngạch nhập khẩu, ba năm qua đã nâng được tỷ lệ này lên trên 90%, với mức bảo đảm tốt hơn nhu cầu nhập khẩu vật tư, hàng hoá cho sản xuất và đời sống.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tiếp tục tăng nhanh; từ khi có Luật Đầu tư đến cuối năm 1993, có hơn 800 dự án được cấp giấy phép với số vốn đăng ký 7,5 tỷ USD. Đáng chú ý là: bắt đầu có những dự án tương đối lớn, có mức vốn trên một trăm đến vài trăm triệu USD; 70% dự án đầu tư cho các lĩnh vực sản xuất và giao thông, bưu điện; tập trung vào các địa bàn kinh tế trọng điểm quốc gia ở cả ba miền; nhịp độ thực hiện vốn đầu tư cao hơn trước, năm 1993 đạt một tỷ USD, gấp năm lần năm 1990, hơn hai lần năm 1992, thu hút trên năm vạn lao động trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động, tạo thêm việc làm cho hàng chục vạn người trong xây dựng cơ bản và trong các ngành nghề phụ trợ cho hoạt động của các doanh nghiệp đó.

Quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính quốc tế vừa được nối lại đã mở đường cho nguồn tài trợ từ bên ngoài tăng

nhANH, được đánh dấu bằng Hội nghị 22 nước và 16 tổ chức quốc tế họp tại Pari tháng 11-1993 cam kết tài trợ cho Việt Nam 1,86 tỷ USD trong tài khoá 1993-1994. Tiếp đó, các nước chủ nợ trong Câu lạc bộ Pari đã thoả thuận cho nước ta được xoá và hoãn trả các khoản nợ cũ, khai thông nguồn tín dụng mới. Những việc đó mở ra khả năng mới, rất to lớn cho việc thu hút các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước.

- Lĩnh vực *văn hoá, xã hội* cũng có một số mặt tiến bộ, nhất là từ sau Hội nghị lần thứ tư của Trung ương (khoá VII). Việc thực hiện các chương trình tạo việc làm đưa lại hiệu quả tốt hơn. Tất cả các cấp học đều tăng số học sinh và nâng dần chất lượng giáo dục. Các tỉnh và nhiều huyện miền núi có trường nội trú cho con em các dân tộc. Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ có những thành tựu mới, gắn với sản xuất. Sóng truyền thanh, truyền hình được phủ rộng tới hầu khắp các huyện, kể cả ở vùng núi và hải đảo. Công tác tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh được mở rộng. Hoạt động thể dục thể thao phát triển và đạt thành tích khá hơn. Cuộc vận động xoá đói, giảm nghèo và đền ơn đáp nghĩa được nhân dân hưởng ứng, đi vào giúp đỡ thiết thực đúng đối tượng. Số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm đi; ở nhiều vùng không còn hộ đói ăn. Đời sống của đông đảo nhân dân được cải thiện; các nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, điện, nước và phương tiện truyền thông được đáp ứng tốt hơn trước.

Những thành tựu và tiến bộ trong ba năm qua, như Báo cáo chính trị khẳng định, *"đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội"*. Trong hoàn cảnh đầy khó khăn và thử thách, phải ứng phó với

những chấn động bất lợi của tình hình quốc tế làm giảm mạnh nguồn viện trợ bên ngoài và gây đảo lộn quan hệ kinh tế - thương mại trong khi Mỹ vẫn duy trì cấm vận, *thành tựu đã đạt được là kết quả phấn đấu kiên cường của nhân dân ta, tỏ rõ sức sống và bản lĩnh của dân tộc và con người Việt Nam được khơi dậy và phát huy thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo đường lối, chính sách của Đảng.*

Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng và các kỳ Hội nghị Trung ương kế tiếp đã được thể chế hoá và đi vào cuộc sống, thúc đẩy công cuộc đổi mới về kinh tế trên ba mặt gắn bó với nhau:

Một là, hình thành cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm và quy định rõ hơn phạm vi hoạt động.

Trong ba năm qua, khu vực doanh nghiệp nhà nước đã được sắp xếp và chấn chỉnh lại một bước, giảm hơn 4.000 doanh nghiệp thua lỗ kéo dài và không cần duy trì hình thức quốc doanh, tiếp tục củng cố và phát triển các doanh nghiệp trong những ngành và lĩnh vực then chốt, tăng tỷ trọng của khu vực này trong GDP từ 34% năm 1990 lên 40% năm 1993.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương năm và Luật Đất đai mới được bổ sung, trong đó xác định việc Nhà nước trực tiếp giao ruộng đất cho hộ nông dân sử dụng ổn định lâu dài, vừa tạo thêm động lực cho kinh tế hộ nông dân, vừa định hướng rõ hơn cho việc đổi mới các hợp tác xã nông nghiệp và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác mới ở nông thôn.

Chính sách phát triển kinh tế tư nhân không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành nghề mà luật pháp không cấm đã được cụ thể hoá và thể chế hoá trong

việc ban hành và tổ chức thực hiện Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty cổ phần, cùng với hai lần sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Đến cuối năm 1993 đã có 8.500 doanh nghiệp tư nhân, hơn 3.200 công ty trách nhiệm hữu hạn, hơn 100 công ty cổ phần đăng ký kinh doanh, gần 600 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chủ yếu là dưới hình thức liên doanh, đã đi vào hoạt động. Các tổ chức kinh tế dựa trên sự đan kết nhiều hình thức sở hữu xuất hiện ngày càng nhiều, tạo nên bức tranh nhiều màu sắc của nền kinh tế nhiều thành phần đang phát triển.

Hai là, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Tiếp theo việc thực hiện từ năm 1989 cơ chế giá thị trường đối với hầu hết hàng hoá và dịch vụ, chúng ta đã mở rộng việc áp dụng cơ chế này đối với tỷ giá hối đoái, đi liền với việc hình thành các trung tâm giao dịch ngoại tệ, và từng bước thực hiện lãi suất dương trong tín dụng. Chính sách thuế được áp dụng thống nhất đối với các thành phần kinh tế trong nước. Từ năm 1991 đã chấm dứt việc phát hành tiền để bù đắp bội chi ngân sách và tiếp đó, cho tín dụng. Cùng với sự phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá, những bước đổi mới trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ - tín dụng đã góp phần quan trọng đẩy lùi và kiểm soát lạm phát.

Việc xây dựng và bổ sung luật pháp đối với từng lĩnh vực hoạt động kinh tế được xúc tiến tích cực hơn. Công tác kế hoạch hoá chuyển sang tính hướng dẫn là chính, bước đầu triển khai xây dựng quy hoạch các địa bàn kinh tế trọng điểm, các đô thị lớn, chuẩn bị các dự án đầu tư bằng nguồn vốn tập trung của Nhà nước.

Đến nay, cơ chế quản lý bằng kế hoạch pháp lệnh gắn với

chế độ bao cấp đã được xoá bỏ về căn bản. Nền kinh tế đang được vận hành theo cơ chế thị trường và Nhà nước đã bước đầu có kinh nghiệm quản lý vĩ mô.

Ba là, khắc phục tình trạng khép kín, tự túc tự cấp, xây dựng hệ thống kinh tế mở với thị trường thông suốt cả nước và gắn với thị trường thế giới.

Chính sách tự do kinh doanh theo pháp luật đi liền với việc chuyển sang cơ chế thị trường đã phá bỏ hàng rào chia cắt hoạt động kinh tế theo địa giới hành chính và theo ngành quản lý, bước đầu tạo các mối liên kết kinh tế theo chiều ngang... Việc giải quyết căn bản vấn đề lương thực cùng với sự giao lưu hàng hoá thông suốt trong cả nước đang tạo điều kiện cho các vùng, các đơn vị kinh tế thoát khỏi thế tự cấp, tự túc, đi vào khai thác các lợi thế so sánh để nâng cao hiệu quả kinh tế. Quá trình này mới ở bước đầu song đã xuất hiện những diễn hình tốt về phát triển nền nông nghiệp hàng hoá đa dạng thay cho tình trạng thuần nông và độc canh lúa.

Chính sách xuất, nhập khẩu và hợp tác với bên ngoài được tiếp tục đổi mới, tạo thêm thuận lợi cho sản xuất trong nước gắn với thị trường thế giới, thúc đẩy xuất khẩu và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Mặc dù còn bị hạn chế về khả năng và điều kiện vật chất - kỹ thuật, song xu hướng kinh tế mở đang tác động ngày càng mạnh tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Từ sau Đại hội VII, công cuộc đổi mới trong lĩnh vực kinh tế đã có sự kết hợp khá hơn với việc giải quyết các vấn đề văn hoá, xã hội, nhằm khắc phục mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội, thực hiện

định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Mặc dù có những mặt chưa đi kịp yêu cầu của cuộc sống, song công cuộc đổi mới về kinh tế - xã hội được tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian qua theo Nghị quyết Đại hội VII là nhân tố chủ yếu đưa tới những thành tựu và tiến bộ về kinh tế - xã hội và góp phần quan trọng vào việc giữ vững sự ổn định chính trị, tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

2. Những mặt yếu kém trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu và tiến bộ rõ nét, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều mặt yếu kém, chuyển biến chậm.

- Nền kinh tế còn nhiều yếu tố chưa vững chắc, chưa bảo đảm nhịp độ tăng trưởng nhanh và lâu bền, thậm chí có thể gây mất ổn định. Lạm phát được đẩy lùi, nhưng bội chi ngân sách còn lớn, dự trữ ngoại tệ còn mỏng; mối đe dọa tái lạm phát không thể xem thường. Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư trong tổng sản phẩm trong nước còn rất thấp. Trong nhân dân còn nhiều tiềm lực, nhưng cơ chế, chính sách chưa tạo được sự yên tâm, mạnh dạn đầu tư vào phát triển sản xuất. Tài sản công và vốn đầu tư của Nhà nước bị đục khoét và lãng phí lớn. Cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội chậm được cải thiện, có mặt tiếp tục xuống cấp. Khó khăn về vốn, công nghệ và thị trường đang cản trở sự phát triển sản xuất kinh doanh. Sức cạnh tranh của hàng hoá và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, hạn chế nguồn tích lũy đầu tư và khả năng cải thiện đời sống.

- Kinh tế thị trường đang ở trình độ sơ khai, vừa chưa được phát triển đồng bộ, vừa thiếu trật tự, kỷ cương, chủ yếu do hệ thống pháp chế chưa đầy đủ và thiếu nghiêm minh, năng lực và hiệu lực quản lý vĩ mô chưa theo kịp yêu cầu của cơ chế mới. Mặt khác, tình trạng quan liêu và sự can thiệp quá sâu bằng mệnh lệnh hành chính của các cơ quan chính quyền và hoạt động kinh tế làm cho mặt tích cực của cơ chế thị trường không được phát huy đầy đủ, mặt tiêu cực rất khó ngăn chặn, tệ tham nhũng và "kinh tế ngầm" có đất phát triển. Trong khi đó, bộ máy nhà nước, khu vực doanh nghiệp nhà nước và hệ thống tài chính, ngân hàng chuyển biến chậm, còn nhiều yếu kém và tiêu cực.

- Tình hình xã hội còn nhiều vấn đề gay gắt, khiến lòng dân chưa yên, đặc biệt là tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm, tệ tham nhũng, buôn lậu, nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm tăng lên; không ít kẻ làm giàu phi pháp trong khi nhiều người làm ăn lương thiện, người có công với nước phải sống nghèo khổ.

Những mặt yếu kém đó có phần do khó khăn khách quan chưa thể khắc phục trong một thời gian ngắn. Song nguyên nhân chủ yếu là do *những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo và quản lý*.

Tiến trình đổi mới thiếu một cách nhìn tổng thể, chưa có chương trình tiến hành đồng bộ với bước đi và trình tự bảo đảm sự kết hợp giữa các khâu; trên một số mặt chưa có sự nhất quán, thông suốt về quan điểm. Khuyết điểm đó dẫn tới tình trạng chậm trễ, thiếu nhất quán trong chủ trương, thiếu kiên quyết và buông lỏng trong chỉ đạo thực hiện nhiều vấn đề quan trọng như: giải quyết chế độ sở hữu và cơ chế quản

lý đối với các doanh nghiệp nhà nước, đổi mới hợp tác xã và thực hiện chính sách ruộng đất mới đối với nông dân, khuyến khích kinh tế tư nhân, đấu tranh với các hành vi phạm pháp trong hoạt động kinh tế, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường với hệ thống kinh tế mở, đổi mới chức năng và các công cụ quản lý của Nhà nước...

Công cuộc đổi mới và phát triển đi vào chiều sâu và mở ra toàn diện vấp phải những chỗ khó khăn hơn trước vì đụng tới lợi ích cục bộ, cá nhân, đồng thời lại đòi hỏi ý thức cách mạng, trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý cao hơn. Trong khi đó, tình trạng thoái hoá, hư hỏng cùng với sự bất cập về năng lực, sự lỏng lẻo về ý thức tổ chức, kỷ luật và tệ quan liêu, của quyền của không ít cán bộ trong các tổ chức đảng và chính quyền ở các ngành, các cấp, cả lĩnh vực quản lý nhà nước và lĩnh vực kinh doanh, đang vô hiệu hoá nhiều chủ trương, chính sách, cản trở công cuộc đổi mới, làm giảm lòng tin của nhân dân. Đây là *trở lực lớn nhất đối với công cuộc đổi mới và phát triển của đất nước ta, là thách thức gay gắt nhất đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.*

3. Bối cảnh quốc tế và cục diện trong nước đang đặt vận nước trước cơ hội mới và thách thức lớn

a) Thế giới đang chứng kiến những tiến bộ không ngừng của khoa học và công nghệ, đưa tới những bước nhảy vọt của lực lượng sản xuất, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng của những ngành và lĩnh vực có hàm lượng trí tuệ cao, thúc đẩy quá trình quốc tế hoá đời sống của loài người, trước hết là về kinh tế, khoa học - kỹ thuật. Quan hệ quốc tế trước đây xoay quanh hai cực đối lập về chế độ

chính trị - xã hội dựa trên thế cân bằng về quân sự, ngày nay đang trong quá trình hình thành trật tự mới với vai trò chi phối của nhiều trung tâm, trong khi khoảng cách về trình độ phát triển giữa các nước giàu và nước nghèo ngày càng rộng hơn. Nguy cơ chiến tranh huỷ diệt bị đẩy lùi, song những cuộc xung đột cục bộ và những tranh chấp chứa đựng nguy cơ bùng nổ đang diễn ra ở nhiều nơi. Cuộc chạy đua kinh tế trong môi trường cạnh tranh quyết liệt đang nổi lên, đi đôi với xu thế hoà bình, ổn định, đối thoại và hợp tác ngày càng phát triển. Xu thế đó thể hiện đậm nét ở khu vực đang phát triển năng động nhất thế giới là vùng Đông Á - Thái Bình Dương. Các nước Đông Nam Á ngày nay trở thành một khu vực hoà bình, hợp tác, có nhịp độ tăng trưởng cao, nhưng vẫn còn tồn tại những tranh chấp tay đôi hoặc nhiều bên về chủ quyền và lợi ích quốc gia.

Trong xu thế chung của thế giới và khu vực, quan hệ quốc tế của nước ta đang ở thế thuận lợi mới nhờ đường lối và thành tựu đổi mới, chính sách đối ngoại rộng mở cùng với vị trí và các lợi thế so sánh của nước ta tạo nhiều cơ hội hợp tác cùng có lợi với các nước. Vị trí và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế được cải thiện khác trước. Chúng ta đã mở rộng quan hệ buôn bán và hợp tác đầu tư với trên 50 nước, tranh thủ được nguồn tài trợ đáng kể của hầu khắp các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức thuộc Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế khác. Trên thực tế, chính sách cấm vận của Mỹ không ngăn cản được các nước và các tổ chức quốc tế mở rộng quan hệ với nước ta.

Trong quan hệ quốc tế, một mặt chúng ta đang có cơ hội tranh thủ hoà bình, hợp tác và phát triển để mở rộng quan

hệ về nhiều mặt với mọi quốc gia và tổ chức quốc tế nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt khác, sự hội nhập với nền kinh tế và thị trường thế giới trong môi trường hợp tác và cạnh tranh toàn cầu đặt dân tộc ta, chế độ ta trước *thách thức lớn về nhịp độ và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội* để thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với nhiều nước khác. Phải tìm ra hướng đi tối ưu cho đất nước đương đầu được thách thức ấy, chúng ta mới tránh khỏi nguy cơ bị tụt hậu xa hơn, trước hết là so với các nước xung quanh. Trong bối cảnh thế giới ngày nay, sự tụt hậu xa hơn về kinh tế không chỉ gây thua thiệt trong cạnh tranh và hợp tác quốc tế mà còn dễ dẫn đến sự lệ thuộc về kinh tế, làm mất ổn định chính trị, xã hội, đồng thời hạn chế khả năng củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ độc lập, chủ quyền.

Có những thế lực không muốn Việt Nam ổn định và mạnh lên. An ninh và chủ quyền của nước ta còn phải đương đầu với nhiều thách thức trực tiếp do hoạt động phá hoại và mưu đồ "diễn biến hoà bình" của các lực lượng thù địch ở trong và ngoài nước, do những tranh chấp về lãnh thổ (kể cả đất liền, vùng biển, vùng trời) và về lợi ích kinh tế với một số nước lân bang...

b) Cục diện trong nước qua mấy năm đổi mới làm tăng thêm thế và lực; tạo ra những tiền đề cần thiết cho một thời kỳ mới của sự phát triển:

Công cuộc đổi mới được nhân dân đồng tình, hưởng ứng mạnh mẽ. Nền kinh tế đã có động lực, khơi dậy tính năng động, sáng tạo của mọi người trong xã hội thay thế tâm lý thụ động, ỷ lại của thời kỳ bao cấp.

Sự ổn định chính trị và quan hệ quốc tế thuận lợi; khả năng kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; những

bước mới trong việc hoàn thiện hệ thống pháp chế; đó là những yếu tố cơ bản tăng độ an toàn, giảm bất trắc cho môi trường đầu tư phát triển.

Điều kiện vật chất cho sự phát triển, tuy còn hạn chế về vốn, công nghệ, thị trường và cơ sở hạ tầng, song còn nhiều tiềm năng lớn có thể khai thác. Đó là khả năng đẩy mạnh tiết kiệm và tích lũy trong nước, khả năng huy động nguồn vốn còn lớn trong nhân dân vào đầu tư phát triển, khả năng tăng nhanh nguồn vốn tập trung của Nhà nước và dự trữ quốc gia, khả năng hiện thực mới trong việc thu hút vốn và công nghệ bên ngoài từ nguồn tài trợ cho phát triển cũng như nguồn đầu tư trực tiếp.

4. *Những yếu tố nêu trên, cả bên trong và bên ngoài, đang tạo cơ hội lớn cho sự phát triển. Cơ hội không tự nó đến mà do nỗ lực chủ quan của toàn Đảng, toàn dân ta với đường lối đúng đắn kết hợp được các nguồn lực trong nước với xu thế hoà bình, ổn định, hợp tác ở khu vực và trên thế giới. Cơ hội cũng không tự nó đem lại kết quả nếu chúng ta do dự, bỏ lỡ, không kịp thời nắm lấy và mạnh dạn phát huy.*

Làm thế nào đương đầu với thách thức, đẩy lùi và loại trừ các nguy cơ kéo đất nước tụt hậu xa hơn, tác động xấu tới sự ổn định chính trị và sự bền vững của chế độ? Chỉ có một lời giải đáp là Đảng và Nhà nước ta phải *phát huy cao độ sức mạnh quật cường của dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, kịp thời nắm bắt và tận dụng cơ hội mới, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ nhanh và vững chắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước xung quanh*. Đó là nguyện vọng và đòi hỏi bức xúc của nhân dân, là điều quyết định sự tín nhiệm và gắn bó của nhân dân đối

với Đảng, Nhà nước và chế độ ta, bảo đảm cho đất nước ta phát triển theo con đường giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm thất bại mọi mưu mô, hành động "diễn biến hoà bình" và xâm phạm chủ quyền nước ta.

Nhân tố quyết định thành công là tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới cả về bề rộng và chiều sâu, phát huy cao hơn nữa tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, ra sức cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế. Phải tận lực phát huy sức mạnh bên trong mới có thể thu hút và sử dụng tốt nguồn lực bên ngoài để đẩy nhanh sự phát triển. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào bên ngoài chẳng những dẫn tới tình trạng bị lệ thuộc mà còn kìm hãm sự phát triển đất nước.

Kết luận rút ra từ những điều phân tích trên là: *năm 1994 cần phải và có thể mở đầu một thời kỳ mới của sự phát triển kinh tế - xã hội trên đất nước ta*, tạo đà cho việc thực hiện vượt mức kế hoạch 5 năm 1991-1995 và mục tiêu chiến lược đến năm 2000.

Trong mấy năm trước, chúng ta phải tập trung cho nhiệm vụ khắc phục suy thoái và lạm phát, ổn định kinh tế, xã hội, chính trị. Từ năm 1994, trong khi tiếp tục chăm lo củng cố sự ổn định, chúng ta có điều kiện *chuyển trọng tâm và nhiệm vụ đẩy nhanh sự phát triển kinh tế, đi đôi với tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn về văn hoá, xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân, tăng cường thêm cơ sở bảo đảm sự ổn định chính trị và củng cố quốc phòng, an ninh*. Đó là con đường đưa đất nước thoát hẳn khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vừa phát triển, vừa ổn định vững chắc.

Trong hai năm tới, nhịp độ tăng trưởng GDP phải đạt

bình quân một năm 8,5%, sản lượng nông nghiệp 4,1%, sản lượng công nghiệp 11,5%, các ngành dịch vụ 12%, kim ngạch xuất khẩu 22%; đầu tư phát triển từ mọi nguồn vốn bằng 28% GDP, thu ngân sách trong nước chiếm khoảng 24-25% GDP, bội chi ngân sách giảm dần, đến năm 1995 xuống dưới 5% GDP; khống chế chỉ số giá ở mức một con số và tiếp tục nâng cao khả năng kiểm soát lạm phát.

Yêu cầu mới, rất hệ trọng mà tình thế hiện nay đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước là không chỉ dồn sức cho việc xử lý những vấn đề cấp bách mang tính chất tình thế, mà phải đi vào giải quyết những vấn đề cơ bản, có ý nghĩa chiến lược nhằm thúc đẩy nhanh hơn sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá, đưa nền kinh tế tăng trưởng nhanh hơn, đạt hiệu quả cao hơn, làm cho xã hội có kỷ cương, công bằng và tiến bộ tốt hơn.

Dưới đây, tôi xin trình bày một số giải pháp lớn nhằm bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ, phương hướng về kinh tế - xã hội đã nêu trong Báo cáo chính trị.

II- ĐẨY MẠNH TIẾT KIỆM VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, TỪNG BƯỚC CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ*

Chiến lược đến năm 2000 dự kiến mục tiêu tăng gấp đôi GDP trong 10 năm, với nhịp độ tăng trưởng bình quân hằng

* Để tránh hiểu công nghiệp hoá và hiện đại hoá là hai nội dung tách biệt nhau, Đoàn Chủ tịch Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đề nghị thay cụm từ "công nghiệp hoá và hiện đại hoá" bằng cụm từ "công nghiệp hoá, hiện đại hoá" (B.T).

năm 7,2%, cần có tổng mức đầu tư khoảng 40 tỷ USD. Kế hoạch 5 năm 1991-1995 bố trí tổng mức đầu tư 12-14 tỷ USD, tương ứng với nhịp độ tăng trưởng 5,5-6%/năm. Ba năm qua, vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội đạt 6,25 tỷ USD, bình quân một năm 2,08 tỷ; dự tính hai năm tới có thể đạt 8,4 tỷ, bình quân một năm 4,2 tỷ, gấp hơn hai lần ba năm trước và cộng chung 5 năm vượt dự kiến kế hoạch. Những con số đó được dự tính theo khả năng hiện thực, có thể phấn đấu đạt cao hơn, đánh dấu một bước tăng vọt về đầu tư phát triển trong hai năm tới.

Khai thác vốn đầu tư từ những nguồn nào và hướng đầu tư nhằm vào đâu cho có hiệu quả, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá?

1. *Nguồn vốn cơ bản nhất, quan trọng nhất là tiết kiệm và tích lũy trong nước, với tiềm năng lớn đang nằm trong dân và các doanh nghiệp*

Để khai thác tiềm năng này, Nhà nước phải tạo môi trường và điều kiện cho mọi người, mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ra sức tiết kiệm, yên tâm, mạnh dạn đưa vốn vào đầu tư phát triển dưới nhiều hình thức và không ngừng nâng cao hiệu quả để tạo nguồn mở rộng tái đầu tư. Những biện pháp cần bổ sung và chỉ đạo thực hiện sát sao trong thời gian tới là:

a) Tiếp tục sắp xếp lại và chấn chỉnh khu vực doanh nghiệp nhà nước một cách kiên quyết và khẩn trương, phân biệt những doanh nghiệp phục vụ công cộng, đáp ứng những nhu cầu và lợi ích chung về kinh tế - xã hội mà Nhà nước cần có chính sách và cơ chế quản lý thích hợp, với những doanh nghiệp hoàn toàn theo cơ chế kinh doanh mà sự tồn tại và

phát triển phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh trực tiếp; xử lý dứt điểm những doanh nghiệp không cần duy trì hình thức quốc doanh. Trong những ngành then chốt, với những cơ sở trọng yếu mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng đầu tư thì vẫn cần phát triển các doanh nghiệp nhà nước mới. Xúc tiến từng bước việc hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới; mỗi tập đoàn bao gồm nhiều công ty có tư cách pháp nhân, tự nguyện liên kết các hoạt động sản xuất - thương mại - tài chính - dịch vụ... trên cơ sở gắn bó với nhau về lợi ích kinh tế và quan hệ sở hữu.

Thành lập tổ chức quản lý tài sản công ở các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước đầu tư theo nhiều tỷ lệ khác nhau; tổ chức này được uỷ thác thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của người chủ sở hữu, với chức năng chính là bảo toàn và phát triển tài sản công, hoạt động như một công ty tài chính quốc gia, hưởng cổ tức như mọi cổ đông, hạch toán và được kiểm toán như một doanh nghiệp.

Chính phủ lựa chọn doanh nghiệp nhà nước làm thí điểm cổ phần hoá, trực tiếp chỉ đạo sát sao, tìm các hình thức cho phép mọi công nhân, viên chức của doanh nghiệp đều có cổ phần, xây dựng và vận hành cơ chế Hội đồng quản trị đại diện cho các chủ sở hữu quản lý doanh nghiệp và thuê giám đốc. Năm 1994 phải đi tới kết luận để ban hành thể chế tiến hành cổ phần hoá trên diện rộng.

Kết quả tổng hợp của các biện pháp trên phải thể hiện ở hiệu quả thật sự, được hạch toán và kiểm toán đúng thực tế của các doanh nghiệp nhà nước, trước hết là các doanh nghiệp hoàn toàn theo cơ chế kinh doanh.

b) Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, biện pháp đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Trung ương, đã được cụ thể hoá và thể chế hoá thành các văn bản pháp quy, về phát triển kinh tế hộ nông dân, đổi mới hợp tác xã nông nghiệp và khuyến khích các hình thức hợp tác kiểu mới, liên kết với các doanh nghiệp nhà nước, tạo nên sức bật mới trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Thực tiễn cho thấy rõ: chủ trương khuyến khích mạnh kinh tế cá thể, kinh tế gia đình không loại trừ, mà ngược lại dẫn tới nhu cầu khách quan phải phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng trên cơ sở tự nguyện để giải quyết các khâu trong quy trình sản xuất kinh doanh mà từng người không có khả năng làm hoặc làm kém hiệu quả, giúp cho những người sản xuất nhỏ trong nông nghiệp cũng như trong các ngành nghề khác có sức cạnh tranh trên thị trường.

c) Khuyến khích và tạo điều kiện dễ dàng hơn cho việc đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế dưới mọi hình thức sở hữu, kể cả kinh tế tư nhân, đồng thời tăng cường hiệu lực pháp chế chống buôn lậu, làm hàng giả, trốn thuế, chuyển các dạng kinh tế ngầm thành hoạt động công khai chịu sự kiểm soát của pháp luật.

Ban hành Luật Đầu tư trong nước và chuẩn bị các điều kiện đi tới thống nhất Luật Đầu tư đối với mọi nhà kinh doanh trong, ngoài nước.

Trừ một số ít ngành nghề cấm kinh doanh hoặc phải xin phép trước khi kinh doanh, mọi trường hợp đầu tư kinh doanh khác có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chỉ cần đăng ký theo đúng thủ tục, không phải xin phép. Người đăng ký kinh doanh phải chịu trách nhiệm về tính trung

thực, hợp thức của các tài liệu đăng ký và bảo đảm kinh doanh đúng đăng ký. Cơ quan nhà nước không được từ chối hoặc trì hoãn cấp đăng ký khi người muốn đăng ký kinh doanh đã làm đủ thủ tục hợp thức theo quy định của pháp luật. Việc cấp đăng ký kinh doanh phải dễ dàng, thuận tiện, không phân biệt hình thức sở hữu và nơi cư trú; xoá bỏ quy định phân biệt kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân trong thủ tục đăng ký, dẫn tới tình trạng che giấu vốn hoặc trốn đăng ký như hiện nay.

Quan điểm của các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật phải được thể hiện trong thực tế, từ các chính sách kinh tế (nhất là thuế, tín dụng), các thủ tục đăng ký, xử lý các tranh chấp đến thái độ đối xử của các cơ quan, công chức và tâm lý xã hội. Bất cứ ai kinh doanh, làm giàu đúng pháp luật đều phải được khuyến khích. Cần đánh giá đúng vai trò của các nhà kinh doanh tư nhân hoạt động theo pháp luật là một lực lượng quan trọng để chấn hưng kinh tế, xoá bỏ các mặc cảm và nghi kỵ.

d) Phát triển thị trường vốn trên cơ sở khuyến khích tiết kiệm và huy động mọi đồng vốn trong xã hội vào kinh doanh sinh lời. Biện pháp mấu chốt hiện nay để huy động vốn trong nước là làm cho các doanh nghiệp và nhân dân yên tâm về giá trị ổn định của đồng tiền, được khuyến khích bởi lãi suất hợp lý, tin tưởng vào việc các ngân hàng, các quỹ tín dụng... bảo đảm thanh toán đúng hạn, thuận tiện trong mọi tình huống. Mở rộng các hình thức huy động vốn trung hạn và dài hạn đáp ứng nhu cầu tín dụng cho đầu tư phát triển, đặc biệt là các trái phiếu và cổ phiếu (trên cơ sở cổ phần hoá một số doanh nghiệp nhà nước và phát triển các công ty cổ phần).

Việc lưu hành các chứng khoán như công trái, tín phiếu kho bạc, kỳ phiếu ngân hàng, cổ phiếu... dẫn tới nhu cầu mua bán, trao đổi chứng khoán. Cần xúc tiến việc chuẩn bị, trước hết là nghiên cứu, ban hành Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, để tổ chức thị trường chứng khoán, lúc đầu ở mức đơn giản, rồi tiếp tục phát triển và nâng cao theo kịp yêu cầu giao dịch và mua bán chứng khoán, không để việc này diễn ra ngầm, thiếu lành mạnh.

2. *Vốn đầu tư của Nhà nước* là một nguồn rất quan trọng không những do quy mô sẽ tăng nhanh (dựa vào tích lũy trong nước và vào nguồn tài trợ phát triển của bên ngoài có thể tranh thủ được nhiều hơn trong thời gian tới) mà còn do tính chất tập trung của nó cho phép đáp ứng các yêu cầu đầu tư quan trọng theo mục tiêu, phương hướng đã xác định. Vấn đề lớn nhất hiện nay là phải sử dụng nguồn vốn này có hiệu quả, trên cơ sở lựa chọn đúng phương án đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý, khắc phục tình trạng tham nhũng và lãng phí đang rất nghiêm trọng.

Lâu nay, nguồn vốn của Nhà nước được đầu tư chủ yếu dưới hình thức ngân sách cấp phát, không có sự ràng buộc về trách nhiệm và lợi ích vật chất đối với việc sử dụng vốn. Nay, cần kiên quyết hạn chế hình thức ngân sách cấp phát, chỉ áp dụng đối với một số công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội không có khả năng trực tiếp thu hồi vốn; đồng thời đổi mới cơ chế quản lý đầu tư và quản lý xây dựng đối với các công trình được ngân sách cấp phát theo hướng: áp dụng quy trình bảo đảm lựa chọn đúng phương án đầu tư; xác định rõ trách nhiệm của người thay mặt Nhà nước quyết định đầu tư; áp dụng đồng bộ hình thức đấu thầu phù hợp với thông lệ

quốc tế, từ việc lập luận chứng, thiết kế, dự toán đến việc mua thiết bị và việc thi công xây lắp; thực hiện quy chế giám sát, nghiệm thu và thanh toán theo công trình hoặc hạng mục công trình thay cho việc quản lý theo khối lượng xây lắp chi tiết vừa phức tạp vừa có nhiều sơ hở.

Nhà nước mở rộng nhanh việc áp dụng hai hình thức đầu tư khác: *một là* tín dụng với điều kiện ưu đãi tùy theo loại công trình; *hai là* góp cổ phần, mua cổ phiếu của một số cơ sở đã có hoặc xây dựng mới, kể cả cơ sở liên doanh với bên ngoài, với tỷ lệ tham gia tùy theo sự cần thiết và khả năng. Hai hình thức này có sự ràng buộc chặt chẽ hơn trách nhiệm và lợi ích của người sử dụng vốn, song cũng phải xây dựng quy chế rõ ràng trong việc lựa chọn đối tượng đầu tư và quản lý vốn. Việc Nhà nước bảo lãnh cho một số doanh nghiệp vay vốn đầu tư phải có điều kiện chặt chẽ, tránh tình trạng người vay không trả được nợ, buộc Nhà nước phải trả thay.

3. *Nguồn vốn bên ngoài*, có một phần là tài trợ song phương và đa phương cho phát triển do Nhà nước điều phối, còn một phần chiếm tỷ trọng lớn hơn là đầu tư trực tiếp của các nhà kinh doanh nước ngoài, được quản lý bằng Luật Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Trong điều kiện cạnh tranh giữa các nước trong khu vực về thu hút vốn bên ngoài, chúng ta phải cải thiện môi trường đầu tư thuận lợi, giảm rủi ro, phiền hà, sách nhiễu cho các nhà kinh doanh nước ngoài. Bổ sung chính sách hấp dẫn nước ngoài đầu tư vào những lĩnh vực và địa bàn mà ta mong muốn, tăng tỷ lệ góp vốn liên doanh của phía Việt Nam bằng nhiều hình thức huy động vốn của nhiều đối tượng trong nước; đối với những dự án đầu tư không đòi hỏi thiết bị và

công nghệ phức tạp, có khả năng tiêu thụ sản phẩm và sinh lời nhanh (như chế biến thực phẩm, kinh doanh khách sạn, dịch vụ...) thì khuyến khích đầu tư trong nước là chính; nếu cần liên doanh với bên ngoài thì phần vốn trong nước phải chiếm tỷ lệ cao.

Đã tới lúc không chỉ quan tâm gọi vốn mà phải thúc đẩy nhanh việc thực hiện các cam kết đầu tư, nhất là góp vốn, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường; đối với các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài đã đi vào hoạt động, cần tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, với sự phân công kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng, thay cho hình thức cơ quan "chủ quản". Từ nay chỉ tiêu chính phản ánh đầu tư trực tiếp của nước ngoài phải là số vốn đã thực hiện và hiệu quả đối với nền kinh tế.

Nghiên cứu áp dụng các hình thức nước ngoài đầu tư gián tiếp như cho vay theo dự án đầu tư hoặc góp cổ phần nhưng không tham gia quản lý...

4. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ đầu tư nhằm từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Để xác định đúng đắn phương hướng chuyển dịch cơ cấu, bảo đảm tốc độ tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, yêu cầu quan trọng hàng đầu là phải khẩn trương nghiên cứu, xây dựng chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nên phát triển những ngành công nghiệp nào, chọn ngành nào, sản phẩm nào là mũi nhọn, nên trồng nên bỏ cây nào, cơ cấu công nghệ trong từng ngành và lĩnh vực như thế nào là thích hợp?... Hàng loạt câu hỏi không chỉ căn cứ vào khả năng thực tế của đất nước, mà còn phải nghiên cứu, dự báo sự phát

triển của khoa học và công nghệ, sự biến động của thị trường trên thế giới và trong khu vực mới tìm được lời giải. Hội nghị Trung ương giữa năm 1994 sẽ bàn chuyên vấn đề này, xác định những quan điểm và phương hướng lớn làm cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn của các ngành, các địa bàn trọng điểm và các vùng, song chắc chắn là việc hoạch định chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn phải được liên tục bổ sung, phát triển và điều chỉnh.

Trong những năm trước mắt, cần chú trọng những chủ trương và biện pháp lớn dưới đây để thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo phương hướng đã nêu trong Báo cáo chính trị:

a) Khuyến khích các thành phần kinh tế, kể cả nhà kinh doanh nước ngoài, đầu tư vào khai thác và chế biến tài nguyên, phủ xanh đồi núi trọc, phát triển các cơ sở sản xuất, dịch vụ hướng về xuất khẩu, tạo nhiều việc làm ở cả thành thị và nông thôn.

Đặc biệt coi trọng tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, từng bước công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn; phát triển nông nghiệp hàng hoá trên cơ sở khai thác lợi thế và điều kiện sinh thái của từng vùng, phù hợp với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Phát huy tác dụng mở rộng diện khí hoá để đẩy nhanh sự phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và các ngành, nghề khác ở nhiều trình độ công nghệ phù hợp với các vùng nông thôn. Phát triển các mô hình kinh tế nông - công nghiệp liên kết nhiều thành phần kinh tế.

Tăng dần tỷ trọng của công nghiệp, chủ yếu là công nghiệp chế biến và các ngành dịch vụ (kể cả công nghiệp và

dịch vụ ở nông thôn), giảm dần tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP, tuy sản lượng nông nghiệp vẫn tăng số tuyệt đối.

b) Để hướng dẫn, thúc đẩy và hỗ trợ đầu tư phát triển của toàn xã hội, ngoài việc bổ sung cơ chế, chính sách đã nêu ở trên, Nhà nước phải làm tốt mấy việc:

- Tập trung nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội và một số công trình công nghiệp then chốt, đã chuẩn bị được điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, đồng thời dành một phần vốn hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh có hiệu quả (hình thức đầu tư tùy theo tính chất của công trình hoặc dự án như đã nêu ở trên).

Các dự án đầu tư về năng lượng và cơ sở hạ tầng phải được lựa chọn trên cơ sở xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch có căn cứ khoa học.

Kế hoạch năm 1994-1995 bố trí các công trình quan trọng dưới đây, trong đó các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu là dựa vào nguồn vốn ODA:

+ Về năng lượng: hoàn thành các nhà máy thủy điện Hoà Bình, Thác Mơ, Vĩnh Sơn và đường dây 500KV, xây dựng thêm các nguồn điện mới (thủy điện, nhiệt điện, tuốcbin khí) cả ở phía Nam và phía Bắc cùng với hệ thống đường dây tải điện, lưới điện phân phối và các trạm.

+ Về giao thông vận tải: cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới đường quốc lộ xuyên Việt, hệ thống đường trục của các vùng kinh tế trọng điểm; đường sắt Bắc - Nam và Lào Cai - Cái Lân; các cầu đường bộ, đường sắt; các cảng nước sâu Cái Lân, Thị Vải, các cảng Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng và một số cảng biển khác; các sân bay quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất,

Đà Nẵng; dành một phần vốn hỗ trợ, chủ yếu là trang bị và vật liệu, cho việc xây dựng mạng lưới đường giao thông và cầu ở các vùng nông thôn, miền núi.

+ Về thuỷ lợi, nông, lâm, ngư nghiệp: cải tạo và nâng cấp hệ thống thuỷ lợi đồng bằng sông Hồng, miền Trung, phát triển hệ thống thuỷ lợi đồng bằng sông Cửu Long, thực hiện một số dự án thuỷ lợi nhỏ ở miền núi. Xây dựng một số cảng cá cho các vùng tập trung ngư dân. Trồng rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Về thông tin liên lạc: phát triển hệ thống điện thoại thành phố, nông thôn và xây dựng hệ thống thông tin ven biển; hoàn thiện công trình quản lý không lưu (FIR) thành phố Hồ Chí Minh.

+ Về giáo dục và đào tạo: thực hiện dự án cải cách giáo dục tiểu học, trung học và dạy nghề; xây dựng hai trung tâm đại học tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, một số trường đại học ở các khu vực khác; xây dựng trường học cho miền núi, các vùng bị bão lụt.

+ Về y tế và kế hoạch hoá gia đình: thực hiện dự án chăm sóc sức khoẻ ban đầu; thiết lập hai trung tâm y tế tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; tăng cường năng lực cho mạng lưới y tế tỉnh, huyện, xã; thực hiện chương trình quốc gia về dân số và kế hoạch hoá gia đình.

+ Về các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường, môi sinh: cải thiện điều kiện nước sinh hoạt ở các thành phố, thị xã, khu tập trung dân cư và ở miền núi, một số vùng nông thôn; tài trợ chương trình tạo việc làm, tái hoà nhập cho những người hồi hương, xoá đói, giảm nghèo; thực hiện một số dự án

xử lý chất thải, nạo vét hồ, kênh rạch ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số đô thị khác.

+ Về khoa học và công nghệ, kể cả lĩnh vực quản lý: xây dựng hệ thống thông tin kinh tế và kỹ thuật quốc gia; trang bị cho một số cơ sở nghiên cứu khoa học; thực hiện chương trình cải cách kinh tế, cải cách hành chính; đào tạo cán bộ chuyên môn và cán bộ quản lý.

+ Về các công trình công nghiệp lớn: hệ thống thu gom và vận chuyển khí đốt Bạch Hổ - Thủ Đức, các nhà máy xi măng Hoàng Thạch II, Bút Sơn, một số dự án khai thác và chế biến dầu, khí; chuẩn bị một số dự án khai thác và chế biến khoáng sản.

- Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch dài hạn và quy hoạch phát triển các địa bàn làm cơ sở cho việc hướng dẫn đầu tư trong nước, chuẩn bị các dự án đầu tư để sử dụng và tranh thủ tiếp nguồn tài trợ của bên ngoài cũng như cho việc thẩm định các dự án lớn do bên ngoài đầu tư trực tiếp. Phân tích kỹ tính hợp lý, khả thi và hiệu quả của các dự án đầu tư, phối hợp các dự án trên từng địa bàn, hết sức tránh sai sót, nhất là đối với các dự án lớn. Đây là nhiệm vụ chính mà Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải chủ trì thực hiện với sự đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp. Trước mắt, cần đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện quy hoạch các địa bàn kinh tế trọng điểm ở ba vùng, phát huy tác dụng đầu tàu lôi kéo các vùng khác cùng phát triển. Quy hoạch và kế hoạch phát triển của các vùng khác phải tận dụng lợi thế của mình theo phương hướng đã nêu trong chiến lược đến năm 2000 và liên kết với các địa bàn trọng điểm. Nhà nước hỗ trợ và ưu tiên dành nguồn viện trợ không hoàn lại của bên ngoài

cho các vùng còn nhiều khó khăn, trước hết là vùng biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cũ trong kháng chiến. Sự hỗ trợ đó tập trung vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và giáo dục, y tế, đi đôi với cơ chế, chính sách thích hợp và giúp công tác điều tra, quy hoạch nhằm tạo điều kiện cho từng vùng, từng địa phương khai thác nguồn lực và thế mạnh của mình để phát triển.

- Nhà nước sử dụng bộ máy của mình phối hợp với các tổ chức thông tin, nghiên cứu khoa học, với Phòng thương mại và công nghiệp và các hiệp hội kinh doanh để hỗ trợ cho các nhà kinh doanh nâng cao năng lực tiếp thị, gắn sản xuất với nhu cầu thị trường. Các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại và sản xuất phải phối hợp tổ chức nghiên cứu, dự báo nhu cầu của thị trường trong, ngoài nước, tổ chức công tác thông tin thị trường và hướng dẫn đầu tư cho các nhà kinh doanh. Ngành thống kê phải đổi mới nội dung và phương pháp thống kê phù hợp với quốc tế và tổ chức lại thông tin kinh tế đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học và cả yêu cầu kinh doanh. Nhà nước ban hành quy chế đối với các dịch vụ đầu tư để các hoạt động này phát triển đúng hướng, lành mạnh.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ trong nước, chú trọng nghiên cứu ứng dụng, gắn với các cơ sở sản xuất; hỗ trợ các nhà đầu tư lựa chọn, ứng dụng công nghệ thích hợp; phát triển công tác khuyến nông tới hộ nông dân. Có quy chế kiểm soát và thẩm định việc nhập khẩu thiết bị kỹ thuật và công nghệ, tránh nhập khẩu loại lỗi thời, gây ô nhiễm, giá đắt.

Yêu cầu tạo nhiều việc làm không mâu thuẫn với việc

tranh thủ tối đa công nghệ hiện đại theo điều kiện cho phép. Công nghệ hiện đại tuy thường chỉ sử dụng ít lao động trực tiếp, nhưng lại tạo ra nhiều việc làm ở các khâu, các ngành nghề có liên quan theo tác động dây chuyền. Mặt khác, công nghệ hiện đại đưa lại hiệu quả cao, tăng được tích lũy để tái đầu tư, mở rộng sản xuất, đồng thời tăng thu nhập và nhu cầu của xã hội, tạo thêm nhiều công ăn việc làm mới.

III - TĂNG CƯỜNG HƠN NỮA VAI TRÒ CỦA CÔNG CỤ
TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ TRONG VIỆC NÂNG CAO HIỆU LỰC
QUẢN LÝ VĨ MÔ, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU MỚI
CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường, lĩnh vực tài chính - tiền tệ đã có nhiều đổi mới, góp phần quan trọng vào thành tựu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Song so với yêu cầu thiết lập và vận hành đồng bộ cơ chế thị trường, bảo đảm sự quản lý có hiệu lực của Nhà nước, và đứng trước đòi hỏi tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững, gắn với công bằng và tiến bộ xã hội, thì lĩnh vực này vẫn còn là một trong những khâu yếu nhất và khó khăn nhất mà chúng ta phải nỗ lực khắc phục trong thời gian tới.

Mục tiêu đặt ra là phải tiếp tục đổi mới để làm cho tài chính - tiền tệ thật sự là một công cụ trọng yếu và nhạy bén của Nhà nước trong việc ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã nêu

trong Báo cáo chính trị. Dưới đây là một số giải pháp chính trong thời gian trước mắt.

1. *Trong lĩnh vực tài chính*, trước hết cần tập trung cải cách cơ bản hệ thống thuế. Khắc phục cách nhìn hạn hẹp, chỉ lo thu mà ít quan tâm nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu và không quản lý chặt chẽ các khoản chi; gán cho các sắc thuế phải đảm nhiệm đồng thời quá nhiều chức năng kinh tế - xã hội, dẫn tới hình thành một hệ thống thuế quá phức tạp, nhiều mức thuế suất, nhiều khoản thu trùng chéo, nhiều ngoại lệ miễn giảm, tạo nhiều kẽ hở cho việc vận dụng tùy tiện. Việc tính thuế, thu thuế, kiểm tra thực hiện các luật thuế trở nên quá rắc rối cho cả người đóng thuế và người thu thuế. Rút cuộc, hệ thống thuế hiện hành chưa đáp ứng được yêu cầu tập trung nguồn thu cần thiết cho ngân sách, khuyến khích sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng, điều tiết thu nhập. Nạn buôn lậu, trốn thuế rất nghiêm trọng. Tệ sách nhiễu, phụ thu, lạm bổ tùy tiện, trái luật, thông đồng để xà xẻo tiền thuế, không nộp đủ các khoản thu vào ngân sách cũng rất phổ biến.

Cần thiết kế một hệ thống thuế trong đó mỗi sắc thuế đảm nhiệm một chức năng chính, còn toàn bộ các yêu cầu về chính sách thuế phải dựa vào cả hệ thống với sự bổ sung, phối hợp giữa các sắc thuế. Từng sắc thuế phải đơn giản, dễ tính, dễ thu, dễ kiểm tra, phù hợp với năng lực của bộ máy thu thuế cũng như thực trạng kế toán - thống kê và trình độ văn hoá của người nộp thuế. Giảm bớt số lượng thuế suất, các mức thuế co dãn, các ngoại lệ miễn giảm trong từng sắc thuế; ổn định mức thuế hợp lý để nuôi dưỡng và tạo thêm nguồn thu, chống thất thu.

Xúc tiến làm thủ và mở rộng việc áp dụng thuế trị giá gia tăng thay cho thuế doanh thu hiện hành, nhằm loại trừ việc đánh thuế trùng lặp nhưng vẫn bảo đảm nguồn thu ổn định cho ngân sách.

Cải tiến nội dung và cách thu thuế xuất, nhập khẩu theo danh mục hàng hoá phù hợp với thông lệ quốc tế, có tác dụng thật sự khuyến khích xuất khẩu, hướng dẫn và kiểm soát nhập khẩu, bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa; xoá bỏ sự phân biệt xuất nhập khẩu chính ngạch và tiểu ngạch.

Thuế trực thu cần được cải tiến và tổ chức thu tốt để góp phần tích cực thực hiện chính sách điều tiết thu nhập phù hợp với những nguyên tắc bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội.

Tăng nguồn thu ngân sách từ lợi nhuận của đồng vốn do Nhà nước đầu tư, đồng thời cho doanh nghiệp nhà nước được giữ lại khấu hao cơ bản để tái đầu tư duy trì và mở rộng sản xuất nhưng không được dùng vào mục đích khác. Xác định rõ chủ trương và phạm vi cho thuê hoặc nhượng, bán một số loại tài sản công để sử dụng có hiệu quả hơn và tránh thất thoát (đất đô thị, nhà ở, cơ sở kinh doanh và một số tài sản khác); Chính phủ quy định cách làm thống nhất; tiền cho thuê hoặc nhượng, bán tài sản công phải tập trung vào ngân sách nhà nước.

Bằng việc đổi mới hệ thống thuế, chỉnh đốn và chống tiêu cực trong bộ máy thu thuế, cần đưa mức huy động GDP vào ngân sách lên khoảng 25%, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên, trả nợ và dành một phần ngày càng tăng để chi cho đầu tư phát triển.

Giải quyết thoả đáng quan hệ tài chính giữa Chính phủ

với các cấp chính quyền địa phương theo hướng tạo điều kiện và khuyến khích các tỉnh, thành phố đều vươn lên tự trang trải được nhu cầu chi của địa phương bằng các khoản thu được phân cấp và đóng góp ngày càng lớn cho ngân sách Trung ương. Xúc tiến việc ban hành Luật Ngân sách.

Đổi mới hệ thống hạch toán kế toán và thống kê phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm khả năng kiểm soát của Nhà nước, tạo dần nền nếp kinh doanh văn minh, trung thực. Phát triển các dịch vụ kiểm toán, dịch vụ thẩm định chất lượng và giá cả hàng hoá, thiết bị và xây dựng quy chế về việc sử dụng các dịch vụ này. Tăng cường kỷ luật tài chính nhà nước; thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm trong bộ máy nhà nước, đảng và các đoàn thể; soát xét và cấm chỉ ngay việc dùng công quỹ để tiêu xài lãng phí, xa hoa. Tiếp tục xoá bỏ các khoản còn bao cấp qua vốn, qua giá cho các doanh nghiệp.

Giảm dần mức bội chi ngân sách nhà nước; việc bù đắp bội chi hoàn toàn dựa vào tiền vay với sự tính toán chắc chắn khả năng trả nợ; đối với bên ngoài chỉ vay những khoản có điều kiện ưu đãi về lãi suất và thời hạn trả; đối với trong nước, tăng tỷ lệ vay trung hạn và dài hạn.

Yêu cầu mở rộng nguồn thu và tiết kiệm chi đối với ngân sách năm 1994 hết sức gay gắt, vì tỷ lệ bội chi còn ở mức trên 5% GDP và nguồn bù đắp chưa bảo đảm chắc chắn. Trong khi chính sách thuế đang được nghiên cứu và chuẩn bị điều kiện đổi mới từng bước, các ngành, các cấp phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành để bảo đảm nguồn thu, đi đôi với tiết kiệm chi. Đó là những biện pháp có tính

nguyên tắc để làm lành mạnh nền tài chính quốc gia, ngăn ngừa nguy cơ tái lạm phát cao.

2. Cải cách sâu sắc hơn nữa *hệ thống ngân hàng* theo kịp yêu cầu của cơ chế thị trường, phục vụ mục tiêu ổn định vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng, mở rộng giao lưu quốc tế.

Ngân hàng trung ương phải tập trung thực hiện nhiệm vụ chính là áp dụng một chính sách tiền tệ bảo đảm kiểm soát lạm phát, tạo môi trường vĩ mô thuận lợi cho đầu tư phát triển kinh tế. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được Chính phủ trao quyền hạn và trách nhiệm chủ động điều hành hoạt động cung ứng tiền tệ căn cứ vào tín hiệu của thị trường, bảo đảm đủ và kịp thời lượng tiền cần thiết cho lưu thông kinh tế, không để xảy ra ách tắc trong thanh toán và phải khống chế được lạm phát trong giới hạn cho phép. Làm tốt chức năng ngân hàng của các ngân hàng, sử dụng các công cụ nghiệp vụ để điều hoà lượng tiền trong lưu thông, nhằm mục tiêu cao nhất là ổn định giá cả và sức mua của đồng tiền, bảo đảm tỷ giá hối đoái phù hợp với thực tế (tính đến biến động của đồng tiền trong nước và các ngoại tệ), có lợi cho việc đẩy mạnh xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu, song không gây đột biến giá cả trong nước.

Các ngân hàng thương mại (ngân hàng kinh doanh) quốc doanh phải được tách khỏi Ngân hàng trung ương, trở thành đơn vị kinh doanh tiền tệ và dịch vụ tín dụng có quyền tự chủ kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận hợp pháp như mọi doanh nghiệp khác. Chấm dứt việc Ngân hàng trung ương in tiền cấp vốn tín dụng cho Ngân hàng thương mại. Quan hệ giữa Ngân hàng trung ương và các ngân hàng thương mại là quan hệ vay mượn, mua bán trên thị trường tiền tệ.

Bên cạnh việc xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh mạnh, có vai trò chi phối trên thị trường tiền tệ, cần và có thể phát triển các ngân hàng thương mại cổ phần, các quỹ tín dụng nhân dân, một số chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cùng hoạt động và cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật trong việc cung ứng các dịch vụ ngân hàng cho xã hội.

Các ngân hàng thương mại áp dụng cơ chế tín dụng lấy hiệu quả kinh tế và khả năng trả nợ làm tiêu chuẩn, không phân biệt thành phần kinh tế. Tôn trọng nguyên tắc lãi suất thực dương, được điều chỉnh theo tương quan cung - cầu trên thị trường vốn và phù hợp với mức lạm phát, bảo đảm huy động vốn và cho vay vốn có hiệu quả. Giải quyết hợp lý tương quan giữa lãi suất tín phiếu kho bạc (là loại tín dụng có độ tin cậy cao nhất) và lãi suất ngân hàng; lãi suất thực (trừ tỷ lệ lạm phát) không chỉ nhằm thu hút vốn mà phải giúp cho các nhà kinh doanh, nhất là người sản xuất vay được vốn. Ngân hàng trung ương không trực tiếp ấn định lãi suất vay và cho vay của Ngân hàng thương mại mà thông qua các công cụ nghiệp vụ ngân hàng để tác động đến sự hình thành lãi suất trên thị trường vốn phù hợp với mục tiêu cụ thể của chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ. Việc cho vay ưu đãi bằng nguồn tài trợ của bên ngoài, nguồn vốn tín dụng của ngân sách... phải có cơ chế riêng với hình thức tổ chức thích hợp.

Xây dựng quy chế quản lý chặt chẽ việc vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp, các ngành và địa phương. Ban hành quy chế bảo lãnh vay nợ và quy chế tự vay, tự trả của các doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế quản lý ngoại hối, tạo điều kiện cho đồng tiền Việt Nam sớm được chuyển đổi tự do và là phương tiện thanh toán duy nhất trên đất Việt Nam.

Cải tiến tổ chức và hoạt động của hệ thống ngân hàng theo hướng hiện đại, mở rộng nhanh việc áp dụng các phương thức lưu thông tiền tệ không dùng tiền mặt, bảo đảm dịch vụ ngân hàng an toàn, thuận tiện, nhanh chóng, có lợi cho người sử dụng, tạo được tín nhiệm đối với các doanh nghiệp và dân cư. Biện pháp quan trọng nhất là xoá bỏ độc quyền, của quyền, tạo môi trường cạnh tranh buộc các ngân hàng thương mại phải dựa vào khả năng thu hút vốn và cho vay vốn có hiệu quả, vào sự tín nhiệm của khách hàng để tồn tại và phát triển.

IV- MỞ RỘNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Ba năm qua, hoạt động kinh tế đối ngoại đã có bước phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào những thành tựu đổi mới và tăng trưởng của nền kinh tế.

Yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đòi hỏi kinh tế đối ngoại phải phát triển nhanh và đạt hiệu quả cao hơn nữa. Trong hai năm tới, kim ngạch xuất khẩu phải tăng trưởng trên 20%/năm, với cơ cấu được cải thiện một bước, có thêm nhiều mặt hàng đạt kim ngạch trên 100 triệu USD. Mức thu hút và thực hiện nguồn vốn tài trợ và đầu tư trực tiếp của bên ngoài bình quân một năm tăng 40-50% so với năm 1993 và phát huy rõ hơn tác dụng đối với nền kinh tế. Đó là những mục tiêu hiện thực nhiều triển

vọng nhưng cũng đòi hỏi những nỗ lực cao hơn trong công tác quản lý kinh tế đối ngoại cũng như trong việc huy động các nguồn lực trong nước.

Điều quan trọng hàng đầu là chúng ta cần có ý thức đầy đủ về cuộc chạy đua quyết liệt với những nước trong khu vực bao gồm gần hai tỷ người đang ở trình độ phát triển cao hơn ta, sản xuất những mặt hàng đồng dạng với ta, cũng có nhu cầu về vốn, công nghệ và thị trường như ta. Để giành được thắng lợi, phải tận dụng khả năng mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để khai thác những lợi thế so sánh của nước ta, trước hết là tiềm năng về sức lao động và con người Việt Nam, về nền nông nghiệp nhiệt đới và tài nguyên thiên nhiên đa dạng, về những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch, dịch vụ... Kinh tế đối ngoại không đi ngược mà phải là một đòn bẩy phát huy sức mạnh trong nước, tăng thêm khả năng tự lực tự cường; càng mở cửa với bên ngoài càng phải nâng cao ý chí độc lập tự chủ, giữ gìn bản sắc dân tộc, bảo vệ an ninh và môi trường sinh thái.

Báo cáo chính trị đã nhấn mạnh quan điểm chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm sản xuất trong nước có hiệu quả. Đó cũng là kinh nghiệm thành công của những nước công nghiệp mới.

Hướng về xuất khẩu không có nghĩa là coi nhẹ nhu cầu trong nước, không chú ý thay thế nhập khẩu. Nội dung cốt lõi của quan điểm hướng về xuất khẩu là đặt sản phẩm trong nước, đặc biệt là sản phẩm chế biến, trong quan hệ so sánh với sản phẩm nước ngoài, bảo đảm sức cạnh tranh của hàng nội địa cả trên thị trường quốc tế và thị trường trong nước. Nâng cao sức mua của thị trường trong nước đi đôi với mở

rộng thị trường xuất khẩu là yếu tố quan trọng hàng đầu để khai thác mọi năng lực sản xuất trong nước, nhất là hàng nông sản chế biến và hàng công nghiệp nhẹ, đồng thời đẩy nhanh quá trình tích lũy để đổi mới công nghệ và cơ cấu sản xuất. Chỉ có như vậy mới thúc đẩy được việc không ngừng nâng cao trình độ công nghệ, dần dần đuổi kịp các nước khác. Sự phát triển để tránh nguy cơ bị tụt hậu xa hơn không chỉ thể hiện ở mức GDP bình quân đầu người mà điều quan trọng hơn là ở trình độ công nghệ gắn với trình độ văn hoá, giáo dục.

Quan điểm hướng mạnh về xuất khẩu không loại trừ việc thay thế nhập khẩu, nhưng không phải thay thế với bất cứ giá nào theo xu hướng tự cấp tự túc mà phải cân nhắc về hiệu quả kinh tế - xã hội. Hiệu quả đó thể hiện ở sản phẩm có khả năng hoặc có triển vọng cạnh tranh về chất lượng và giá thành với sản phẩm bên ngoài, có điều kiện tiêu thụ, tạo được nhiều việc làm, cho phép sử dụng tối ưu các nguồn lực và lợi thế so sánh của nền kinh tế. Không đáp ứng được các yêu cầu ấy thì sản xuất thay thế nhập khẩu, nhất là đối với những sản phẩm công nghiệp nặng tốn nhiều vốn, sẽ trở thành gánh nặng kìm hãm nền kinh tế, với những hậu quả không dễ khắc phục.

Chính sách bảo hộ sản xuất trong nước là cần thiết, nhất là đối với sản phẩm mới và những ngành sản xuất quan trọng còn non trẻ, song phải theo tinh thần thúc đẩy cơ sở sản xuất không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, không ỷ lại vào chính sách bảo hộ mà sinh ra trì trệ. Theo tinh thần đó, chính sách bảo hộ của Nhà nước phải có lựa chọn, không chỉ quan tâm đến sản xuất mà coi nhẹ lợi ích

của người tiêu dùng. Biện pháp bảo hộ không chỉ dựa vào hàng rào thuế quan và chống nhập lậu; kinh nghiệm cho thấy rõ mức thuế quan quá cao vừa gây ỷ lại cho sản xuất trong nước, vừa kích thích buôn lậu. Mặt quan trọng, tích cực hơn, là xử lý đúng đắn tỷ giá hối đoái và giúp cho cơ sở sản xuất nâng cao khả năng cạnh tranh như cho vay ưu đãi để đổi mới thiết bị, công nghệ, giúp đỡ "tiếp thị", đáp ứng các nhu cầu, thị hiếu rất đa dạng và linh hoạt của các đối tượng tiêu dùng; giúp nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, đào tạo cán bộ, công nhân... Điều này càng quan trọng khi chúng ta chuẩn bị tham gia cơ chế mậu dịch tự do khu vực và Hiệp định chung về thuế quan và thương mại thế giới (GATT).

Chính phủ đang triển khai một số chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế đối ngoại nêu trong Báo cáo chính trị:

1. Bổ sung, sửa đổi cơ chế hiện hành về quản lý xuất, nhập khẩu: thu hẹp danh mục các mặt hàng cấm hoặc quy định hạn ngạch xuất, nhập; đơn giản hoá các thủ tục hành chính, xoá bỏ các thủ tục không cần thiết, trước hết là trong việc cấp giấy phép xuất, nhập khẩu; lập quỹ hỗ trợ nông phẩm xuất khẩu và thưởng các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu; sử dụng tốt hơn nữa các công cụ kinh tế như thuế, tín dụng, lãi suất, và đặc biệt là tỷ giá để đẩy mạnh xuất khẩu, điều tiết nhập khẩu; tích cực xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh có khả năng cạnh tranh quốc tế, có thể đầu tư ra nước ngoài.

2. Về thu hút vốn và công nghệ bên ngoài từ nguồn tài trợ phát triển và đầu tư trực tiếp theo phương hướng, chính sách đã nêu ở phần trên, cần thực hiện một số biện

pháp nhằm cải thiện mạnh hơn nữa môi trường đầu tư và nâng cao năng lực của phía ta trong hợp tác, liên doanh với bên ngoài:

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp và tổ chức thực hiện thống nhất, nghiêm minh; kiên quyết thực hiện cơ chế "một cửa" trong thủ tục đầu tư, xoá bỏ các thủ tục phiền hà, gây tiêu cực trong các khâu lập và xét dự án, cấp giấy phép và thực thi dự án, khắc phục các hiện tượng tranh chấp, giành giật trong nội bộ ta.

- Phát triển các dịch vụ (kể cả sử dụng chuyên gia và cơ sở dịch vụ của nước ngoài) trong các khâu thẩm định đối tác và dự án, kiểm tra công nghệ và giá cả của thiết bị nhập, kiểm toán, tổ chức đấu thầu... nhằm hạn chế thua thiệt và chống tiêu cực trong hợp tác liên doanh với bên ngoài.

- Thực hiện cổ phần hoá các xí nghiệp liên doanh có điều kiện theo hình thức phát hành cổ phiếu để nâng dần tỷ lệ góp vốn của phía ta. Chú ý áp dụng hình thức này đối với các dự án liên doanh mới.

- Áp dụng cơ chế tuyển chọn và đẩy mạnh việc đào tạo theo hệ chính quy, việc bồi dưỡng thường xuyên các cán bộ tham gia các công trình hợp tác, liên doanh với bên ngoài; nâng cao trình độ của phía ta trong đàm phán, tham gia Hội đồng quản trị liên doanh và quản lý điều hành doanh nghiệp.

3. Trong những năm tới, số khách nước ngoài vào nước ta và người Việt Nam ở các nước về thăm quê hương sẽ tăng nhanh, đòi hỏi ngành du lịch quốc tế phải phát triển vượt bậc cả về điều kiện vật chất và chất lượng phục vụ, phát huy lợi thế về cảnh quan, về truyền thống văn hoá và lịch sử, kiên quyết chống du lịch tình dục. Việc xây dựng các cơ sở mới về

du lịch và khách sạn phải chú trọng huy động các nguồn vốn trong nước bằng nhiều hình thức; Nhà nước có thể hỗ trợ một phần bằng vốn tín dụng hoặc góp cổ phần. Xúc tiến việc chuyển các nhà khách, nhà nghỉ thuộc các cơ quan, xí nghiệp nhà nước và các đoàn thể sang cơ chế hạch toán kinh doanh; cải tạo và nâng cấp một số cơ sở có điều kiện thành khách sạn du lịch.

V- TẠO CHUYỂN BIẾN RÕ NÉT HƠN VỀ VĂN HOÁ - XÃ HỘI

Đất nước bước vào thời kỳ mới của sự phát triển, công cuộc đổi mới càng triển khai sâu rộng, chính sách đại đoàn kết dân tộc càng phát huy tiềm năng của mỗi người và mọi người Việt Nam, thì cuộc sống càng đòi hỏi và thúc đẩy sự phát triển cân đối và kết hợp hài hoà kinh tế với văn hoá - xã hội.

Cách nhìn văn hoá - xã hội là "phi sản xuất", chỉ thụ hưởng chứ không tác động đến kinh tế, chỉ có thể phát triển như kết quả đến sau, phụ thuộc hoàn toàn vào tăng trưởng kinh tế là trái với quan điểm của Đảng. Sự phát triển của đất nước, suy đến cùng là sự phát triển con người với tư cách cộng đồng và tư cách cá nhân. Chiến lược con người là sự kết hợp hài hoà tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội, trong đó văn hoá - xã hội là nhân tố bên trong với những giá trị nhân văn vừa là mục tiêu, vừa là động lực và hệ điều tiết tăng trưởng kinh tế. Mặt khác, bản thân sự phát triển kinh tế cũng trực tiếp giải quyết nhiều vấn đề xã hội rất quan trọng như tạo việc làm, tăng thêm và điều hoà thu

nhập của dân cư, xoá đói, giảm nghèo..., đồng thời tạo thêm điều kiện vật chất và môi trường thuận lợi cho mọi hoạt động văn hoá - xã hội. Sự kết hợp hữu cơ kinh tế với văn hoá - xã hội là một nét truyền thống và bản sắc của dân tộc ta, một nội dung cơ bản trong định hướng xã hội chủ nghĩa của chế độ ta, phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại ngày nay.

Nhà nước và toàn xã hội cho đến từng gia đình, từng người phải chăm lo và góp sức giải quyết các vấn đề văn hoá - xã hội bằng cả tấm lòng và trí tuệ, công sức và tiền của, cả tâm lý và dư luận xã hội.

Ngân sách nhà nước năm 1994 tăng chi cho các lĩnh vực văn hoá - xã hội cao hơn các khoản chi thường xuyên khác (toàn bộ chi thường xuyên tăng hơn năm 1993 là 24,1%, trong đó chi cho giáo dục, đào tạo tăng 32,7%, cho y tế tăng 31,8%, cho văn hoá tăng 57%, cho dân số và kế hoạch hoá gia đình tăng 125,8%...).

Để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách, các khoản chi cho các ngành trong lĩnh vực này được phân bổ theo định mức tiêu chuẩn có tính đến đặc điểm của từng vùng, đồng thời áp dụng cách chi theo các chương trình mục tiêu, thông qua quy chế cấp vốn gắn với trách nhiệm cụ thể và quyết toán theo kết quả thực hiện chương trình; tăng quyền hạn và trách nhiệm của bộ trưởng đối với ngân sách chi sự nghiệp dành cho toàn ngành. Nhà nước bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện tốt hơn phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", "xã hội hoá các hoạt động văn hoá - xã hội". Thực tiễn thời gian qua cho thấy còn nhiều tiềm năng khai thác và nâng cao hiệu quả sự đóng góp của nhân dân bằng rất nhiều hình thức vào sự nghiệp phát triển giáo dục,

bảo vệ sức khoẻ, hoạt động văn hoá, làm việc nghĩa và từ thiện... và có thể tranh thủ được nhiều hơn sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực này.

Trong những nhiệm vụ và mục tiêu phát triển của từng ngành thuộc lĩnh vực văn hoá - xã hội đã được trình bày trong Báo cáo kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1994-1995, tôi xin nhấn mạnh một số điểm dưới đây:

1. *Nâng cao dân trí, đào tạo đội ngũ lao động và cán bộ, bồi dưỡng thế hệ nối tiếp* là một nhiệm vụ rất hệ trọng đối với sự phát triển trước mắt và tương lai của dân tộc. Năm 1994 phải chấm dứt sự xuống cấp, đánh dấu một bước phát triển mới cả về bề rộng cũng như về chất lượng dạy và học trong tất cả các cấp học, ngành học và hình thức giáo dục, đào tạo, ở tất cả các vùng. Kinh phí bổ sung thêm của ngân sách cùng với nguồn tài trợ của bên ngoài được tập trung một phần quan trọng cho sự phát triển tiểu học, các trường sư phạm và giảm bớt khó khăn về đời sống của giáo viên.

Đảng và Nhà nước phải huy động mọi lực lượng trong xã hội từ gia đình đến đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng và các binh chủng trên mặt trận văn hoá cùng hợp lực nâng cao trình độ văn hoá và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là hun đúc hoài bão và chí tiến thủ cho thế hệ thanh niên, thiếu niên dốc lòng học tập, trau dồi đạo đức, chuẩn bị hành trang cho con đường lập thân, lập nghiệp của mình gắn liền với sự phồn vinh của đất nước. Một yếu tố rất quan trọng để thực hiện điều này là giải quyết việc làm cho thanh niên đã tốt nghiệp. Chương trình tạo việc làm của Nhà nước và của Đoàn Thanh niên phải đặc biệt quan tâm và có biện pháp thiết thực giúp đỡ, tạo điều kiện cho thanh

niên mới ra trường tìm việc làm, bổ sung kiến thức và tay nghề phù hợp với đòi hỏi của kinh tế thị trường.

Nhà nước cùng với toàn xã hội chăm lo phát hiện, bồi dưỡng các tài năng trẻ, tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức cống hiến tài năng và được đãi ngộ xứng đáng. Đảng và Nhà nước đánh giá cao lòng yêu nước và khả năng của các trí thức người Việt Nam định cư ở nước ngoài, mở rộng các hình thức và tạo thuận lợi cho anh chị em tham gia xây dựng nước nhà.

2. Bảo vệ sức khoẻ của nhân dân và kế hoạch hoá phát triển dân số cần được tiếp tục đẩy mạnh ở tất cả các vùng, trong các tầng lớp dân cư bằng ý thức tự giác của mỗi người, sự cổ vũ và ủng hộ của xã hội, sự chỉ đạo và giúp đỡ của Nhà nước.

Chú trọng các biện pháp chăm sóc sức khoẻ ban đầu, vệ sinh phòng bệnh, mở rộng tiêm chủng và các hoạt động thể dục, thể thao; đặc biệt chăm lo cho các bà mẹ và trẻ em, giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng trong các cháu nhỏ. Đẩy lùi một số bệnh xã hội như sốt rét, bướu cổ, tiêu chảy, lao... với các mục tiêu cụ thể ở từng tỉnh, từng huyện, nhất là ở các vùng núi. Trong hai năm 1994-1995, xoá tình trạng "xã trắng" về cơ sở y tế. Khắc phục tình trạng xuống cấp của các cơ sở điều trị, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; triển khai dự án tổ chức hai trung tâm y tế trình độ cao tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Đưa dịch vụ bảo hiểm y tế vào nền nếp.

Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình phải kết hợp mở rộng hoạt động truyền thông với việc đi sâu vào các đối tượng dân cư và các vùng có tỷ lệ sinh đẻ cao, áp dụng nhiều biện pháp tránh thai thích hợp để giảm cho được tốc độ phát triển dân số 0,6 phần nghìn mỗi năm.

3. *Ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội*, trước hết là tệ mại dâm, nghiện ma túy và gắn liền với nó là hiểm hoạ nhiễm HIV và bệnh SIDA đang lan tràn tới mức báo động khẩn cấp. Đi đôi với những biện pháp cơ bản, lâu dài là tạo việc làm, nâng cao dân trí và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, chính quyền các cấp cần phối hợp với các đoàn thể, các tổ chức xã hội và báo chí điều tra nghiên cứu tình hình, phân tích sâu sắc nguyên nhân đạt kết quả thấp trong cuộc vận động chống các tệ nạn xã hội, bài trừ văn hoá đồi trụy, đề xuất các chính sách, biện pháp thiết thực, có hiệu lực. Chính phủ tăng cường chỉ đạo và bổ sung các điều kiện cần thiết, song điều quan trọng hàng đầu là các cấp chính quyền địa phương phải thi hành đúng chức trách với ý thức trách nhiệm đầy đủ về tình trạng tệ nạn xã hội trong địa phương mình.

VI- KẾT HỢP CẢI CÁCH KINH TẾ VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chức năng quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường đòi hỏi bộ máy nhà nước phải đủ năng lực, trong sạch, thực hiện đúng chức trách theo luật định. Trong bộ máy nhà nước, hệ thống hành chính là bộ phận đông đảo nhất, trực tiếp thực thi quyền lực điều hành theo luật pháp mọi mặt của đời sống xã hội, trước hết là các hoạt động kinh tế.

Công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu không thể tiến triển thuận lợi với bộ máy nhà nước nói chung và hệ thống hành chính nói riêng có nhiều nhược điểm như hiện nay. Vì vậy, trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp

quyền thực sự của dân, do dân và vì dân, yêu cầu bức bách hiện nay là phải xúc tiến và kết hợp chặt chẽ cải cách kinh tế với cải cách hành chính. Công việc này quan hệ mật thiết với nội dung đổi mới hệ thống chính trị, trong đó nhiều vấn đề còn phải nghiên cứu. Cách giải quyết của chúng ta là tiến hành cải cách hành chính theo một chương trình phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế, nhằm vào những việc có thể và cần phải làm ngay để khắc phục các trở lực đang kìm hãm công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế.

Dưới đây là một số việc chính trong chương trình của Chính phủ về cải cách thể chế kinh tế (theo nội dung đổi mới đã trình bày ở các phần trên), kết hợp chặt chẽ với cải cách hành chính:

1. *Đẩy mạnh việc thể chế hoá các chủ trương, chính sách đổi mới, tạo đủ khuôn khổ pháp lý cho mọi hoạt động kinh tế trong cơ chế thị trường.* Việc xây dựng luật pháp cần được xúc tiến khẩn trương theo hai hướng kết hợp với nhau: sửa đổi, bổ sung, ban hành các luật về từng mặt, đồng thời xây dựng các bộ luật có ý nghĩa bao trùm, làm xương sống cho hệ thống luật, đặc biệt là Luật Dân sự, Luật Kinh doanh (Luật Thương mại). Công việc này phải được các cơ quan chính quyền trung ương coi là nhiệm vụ hàng đầu trong chức năng quản lý nhà nước; đồng thời phải huy động một lực lượng chuyên gia trong nước và một số chuyên gia người Việt ở nước ngoài tập trung nghiên cứu, soạn thảo, phản biện, bảo đảm hoàn thành chương trình xây dựng luật đã đề ra. Quốc hội cần tăng thêm thời gian và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp theo kịp yêu cầu cải cách thể chế kinh tế. Chính phủ phải có quy chế

bảo đảm việc ban hành kịp thời, thống nhất các văn bản pháp quy giải thích và thi hành luật.

Trong quy trình soạn thảo luật và các văn bản pháp quy khác, việc tổ chức lấy ý kiến, trước hết là của những người thuộc đối tượng thực hiện chính, phải đặt thành yêu cầu bắt buộc.

Luật và các văn bản thi hành luật phải công khai hoá; trách nhiệm của các cơ quan chính quyền trong việc giải thích và phổ biến luật pháp sau khi ban hành phải được quy định rõ và phải kiểm tra việc thực hiện. Công báo phải là tài liệu nghiên cứu bắt buộc đối với cán bộ lãnh đạo và công chức các cấp chính quyền. Bộ Tư pháp cùng các bộ quản lý ngành phải có kế hoạch hệ thống hoá và xuất bản kịp thời các văn bản pháp quy về từng lĩnh vực, biên soạn tài liệu phổ biến những quy định mà đông đảo nhân dân cần biết về các văn bản pháp quy đã ban hành trong từng thời gian. Phải tìm các hình thức thuận tiện nhất đáp ứng yêu cầu của mọi người dân khi có vấn đề cần tìm hiểu luật pháp, coi đây là một nghĩa vụ của cơ quan chính quyền đối với dân.

2. *Cải cách thủ tục hành chính* là khâu đột phá trong chương trình cải cách hành chính, gắn bó chặt chẽ với cải cách kinh tế. Hiện nay, các thủ tục hành chính quá rườm rà, phiền phức, do nhiều cấp chính quyền ban hành, xuất phát từ yêu cầu quản lý còn nặng quan liêu, cửa quyền của cơ quan nhà nước, không quan tâm đến sự thuận tiện, dễ dàng cho người dân. Việc niêm yết, giải thích, hướng dẫn làm thủ tục không được quy định thành trách nhiệm rõ ràng của các cơ quan và công chức. Tình trạng đó đang nuôi dưỡng tệ sách nhiễu, tham nhũng của không ít công chức có chức trách giải

quyết công việc của dân, gây khó khăn, tốn kém cho nhân dân, tạo ra bất bình lớn trong xã hội.

Trên nguyên tắc bảo đảm yêu cầu quản lý hành chính với sự tốn kém thì giờ, công sức, chi phí của công dân được giảm đến mức thấp nhất, phải soát xét, loại bỏ những thủ tục không cần thiết (kể cả giảm bớt những việc phải xin phép, phải kê khai), quy định rõ thẩm quyền ban hành thủ tục và lệ phí (tập trung quyền ban hành vào các bộ, có sự uỷ nhiệm cho chính quyền tỉnh, thành phố đối với các quy định cần sát hợp với đặc điểm của địa phương), xác định cụ thể trách nhiệm của người dân và của cơ quan, công chức trong việc chấp hành thủ tục. Tập trung cải cách thủ tục ở những lĩnh vực có quan hệ nhiều với dân, đang có nhiều hiện tượng tiêu cực, như đăng ký kinh doanh, đăng ký hộ khẩu, đăng ký phương tiện cơ giới, xuất nhập khẩu, đầu tư của người nước ngoài, cấp và cho thuê đất, xây dựng nhà ở, xuất nhập cảnh, công chứng... Công việc phải được tiến hành có kế hoạch, được chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ, với sự tham gia của các đoàn thể và của nhân dân, đặc biệt là trong việc góp ý kiến sửa đổi thủ tục và quy trình chấp hành thủ tục.

3. *Phân định rõ thẩm quyền của từng cấp hành chính*, trước hết là quyền lập quy (ban hành các văn bản pháp quy dưới luật và pháp lệnh, có giá trị thi hành phổ biến) và quyền thu chi ngân sách. Yêu cầu cải cách trong lĩnh vực này là bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất về chính sách, tăng cường kỷ luật chấp hành các quyết định của Chính phủ, đồng thời nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của từng cấp hành chính địa phương trong việc giải quyết các vấn đề của địa phương, khắc phục tình trạng lập quy tùy tiện, phân tán,

thậm chí trái với quyết định của Chính phủ, làm suy yếu hiệu lực của hệ thống hành chính; trong yêu cầu này, có vấn đề xác định vai trò của Hội đồng nhân dân, chức năng của chính quyền cấp quận, huyện và cấp phường.

Thẩm quyền hành chính được xác định trên cơ sở phân biệt chức năng quản lý hành chính của bộ máy nhà nước với chức năng quản lý tài sản quốc gia của người chủ sở hữu đại diện cho toàn dân. Với việc thành lập tổ chức chuyên trách thực hiện chức năng của người chủ sở hữu tài sản công trong các doanh nghiệp, cơ chế "chủ quản" của các bộ và các sở quản lý ngành, cũng như sự phân biệt kinh tế trung ương với kinh tế địa phương sẽ không còn lý do tồn tại. Các bộ và sở chỉ còn chức năng quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực đối với toàn xã hội (bao gồm tất cả các đơn vị cơ sở không phân biệt quan hệ sở hữu); chức năng đó sẽ khó thực hiện tốt nếu phân tán ra nhiều bộ. Do đó, cần thu gọn các bộ và cơ quan thuộc Chính phủ cũng như bộ máy các cấp hành chính địa phương để giảm bớt tình trạng bộ máy chồng chéo, trùng lặp và góp phần khắc phục tính cục bộ trong hệ thống hành chính.

4. Việc cải cách thủ tục hành chính, phân định hệ cấp thẩm quyền và tinh giản bộ máy hành chính đòi hỏi *đội ngũ công chức* phải có ý thức phục vụ nhân dân, nắm vững luật pháp và làm việc theo đúng luật, thông thạo nghiệp vụ, biết sử dụng các phương tiện hiện đại để nâng cao hiệu suất công tác và được đãi ngộ xứng đáng. Cần khẩn trương nghiên cứu, ban hành Luật hành chính làm cơ sở cho việc xây dựng chế độ công vụ, quy chế công chức. Tiêu chuẩn hoá các chức danh trong bộ máy hành chính, phân biệt các chức danh do dân cử

với đội ngũ công chức chuyên nghiệp; bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống thang, bậc lương mới và nâng dần mức lương theo đà phát triển kinh tế, bảo đảm tương quan hợp lý về thang, bậc giá trị trong xã hội. Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo và công chức bộ máy hành chính đủ trình độ đảm nhiệm công việc theo chức danh.

Cùng với việc tổ chức các toà án kinh tế, cần xúc tiến việc thành lập cơ quan tài phán hành chính để giải quyết các khiếu nại, tranh chấp của dân đối với cơ quan và công chức hành chính.

Việc đổi mới chế độ sở hữu và cơ chế quản lý tài sản công, hoàn thiện thể chế kinh tế và tiến hành cải cách hành chính theo nội dung trên tạo cơ sở cho cuộc đấu tranh ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng và tệ buôn lậu móc ngoặc với tham nhũng. Đồng thời phải đẩy mạnh việc phát hiện, xử lý nghiêm minh và kịp thời theo pháp luật những vụ tham nhũng và cả những người dung túng, bao che cho kẻ tham nhũng.

*

* *

Đảng ta là đảng cầm quyền. Phần lớn cán bộ lãnh đạo và công chức trong bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở đều là đảng viên. Trong các đơn vị thuộc mọi lĩnh vực hoạt động đều có chi bộ đảng. Ở thời điểm mang tính chất bước ngoặt đối với vận nước, toàn Đảng, mỗi cấp bộ đảng, mỗi cán bộ, đảng viên đều có trách nhiệm rất lớn đối với dân tộc.

Từ những chuyển biến thực tế trong cuộc sống, nhân dân ta tăng thêm niềm tin vào đường lối của Đảng, nhưng còn nghi ngại, thậm chí bất bình về tình trạng tha hoá, biến chất

của một bộ phận không nhỏ trong đội ngũ cán bộ, đảng viên đang cản trở và vô hiệu hoá đường lối, chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước. Nhân dân mong mỏi và đòi hỏi Đảng ta phải kiên quyết làm trong sạch đội ngũ của mình, các cán bộ, đảng viên phải giữ nghiêm phép nước, làm đúng chức trách, không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực theo kịp yêu cầu mới của công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Hiện nay, đó là điều mấu chốt, quyết định sự tín nhiệm và gắn bó của nhân dân đối với Đảng.

Khi nhân dân kết thành một khối với Đảng thì chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đẩy lùi và ngăn chặn mọi nguy cơ, hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Hội nghị toàn quốc của Đảng đề ra, đưa đất nước và con người Việt Nam phát triển vượt bậc, dần dần đi kịp thời đại.

Truyền thống vẻ vang của dân tộc và của Đảng cho phép chúng ta tin tưởng và quyết tâm thực hiện điều đó.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**DANH SÁCH 20 ĐỒNG CHÍ
ĐƯỢC BẦU BỔ SUNG
VÀO BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ VII**

Đào Trọng Lịch	Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu II
Phan Diễn	Chánh Văn phòng Trung ương Đảng
Sô Lây Tăng	Bí thư Tỉnh uỷ Kon Tum
Bùi Quang Huy	Bí thư Tỉnh uỷ Trà Vinh
Lư Văn Điền	Bí thư Tỉnh uỷ Cần Thơ
Hồ Đức Việt	Bí thư thứ nhất Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
Lê Mai	Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
Nguyễn Thế Trị	Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu III
Đặng Thành Học	Bí thư Tỉnh uỷ Minh Hải
Hoàng Thừa	Bí thư Tỉnh uỷ Hà Giang
Trương Công Thận	Bí thư Tỉnh uỷ An Giang
Trần Văn Vụ	Bí thư Tỉnh uỷ Sóc Trăng
Đình Trung	Bí thư Tỉnh uỷ Bình Thuận
Nguyễn Phú Trọng	Tổng biên tập Tạp chí <i>Cộng sản</i>
Hà Mạnh Trí	Ủy viên Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Uỷ ban Pháp luật của Quốc hội

Lê Thanh Đạo	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
Tô Xuân Toàn	Bí thư Tỉnh uỷ Ninh Bình
Thái Phụng Nê	Bộ trưởng Bộ Năng lượng
Võ Văn Cương	Thường vụ Thành uỷ, Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh
Hoàng Văn Nghiêu	Thành uỷ viên, Giám đốc Công ty điện tử Hà Nội.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
GIỮA NHIỆM KỲ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng họp
từ ngày 20-1-1994 đến ngày 25-1-1994, tại Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười trình bày tại Hội nghị.

2. Giao cho Ban Chấp hành Trung ương căn cứ vào kết quả biểu quyết và những ý kiến của Hội nghị mà Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu để chỉnh lý văn bản trước khi công bố chính thức.

Hà Nội, ngày 25 tháng 1 năm 1994

HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
GIỮA NHIỆM KỲ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ
TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MUỖI BẾ MẠC
HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
GIỮA NHIỆM KỲ CỦA ĐẢNG**

Ngày 25 tháng 1 năm 1994

*Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa đồng chí Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,
Thưa các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban
Chấp hành Trung ương Đảng các khoá trước,
Thưa các đồng chí đại biểu,*

Sau sáu ngày làm việc khẩn trương, đầy trách nhiệm trước sự nghiệp cách mạng, vận mệnh của Tổ quốc, tương lai của dân tộc, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã hoàn thành nhiệm vụ và thành công tốt đẹp.

Phát huy tinh thần dân chủ trong sinh hoạt đảng, các đồng chí đại biểu đã đóng góp hết sức mình vào thành công đó, biểu thị sự nhất trí cao với Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương trình Hội nghị; đồng thời, thảo luận sôi nổi, bổ sung nhiều ý kiến quan trọng và xác đáng. Các đồng chí đại biểu đã cân nhắc, lựa chọn kỹ lưỡng những người xứng đáng

bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương, tăng thêm sức mạnh cho cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Đây là lần đầu tiên Đảng ta tiến hành Hội nghị giữa nhiệm kỳ theo quy định của Điều lệ Đảng. Trong bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh chóng và tình hình trong nước có nhiều chuyển biến, chỉ hơn hai năm sau Đại hội VII, nhiều vấn đề mới đã nảy sinh, xuất hiện cả thách thức và thời cơ, cả khó khăn và thuận lợi, đòi hỏi phải tập trung trí tuệ của toàn Đảng để đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII trong thời gian qua, tổng kết một bước công cuộc đổi mới từ Đại hội VI đến nay, phân tích tình hình, nêu lên những chủ trương và giải pháp lớn, bổ sung cán bộ vào cơ quan lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay, tăng thêm ý chí và sức mạnh của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng vững bước tiến lên, hoàn thành thắng lợi mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ mà Đại hội VII đã xác định.

Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc lần này đã cụ thể hoá và phát triển tinh thần và nội dung Nghị quyết Đại hội VII trong tình hình mới. Ngay sau Hội nghị, phải nhanh chóng tổ chức truyền đạt, quán triệt Nghị quyết với cách làm thiết thực. Các cấp uỷ đảng phải lãnh đạo chặt chẽ quá trình thi hành nghị quyết, gắn với tổ chức tốt Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của đảng bộ các cấp; tăng cường kiểm tra, phát huy mặt tích cực, kịp thời uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc. Nhà nước khẩn trương tổ chức thể chế hoá nội dung nghị quyết; các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương, cơ sở phải có kế hoạch, chương trình cụ thể để triển khai nghị

quyết và nhanh chóng tổ chức thực hiện; Mặt trận và các đoàn thể đi sâu vào công tác vận động nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy phong trào hiện có và tổ chức những phong trào mới nhằm tập hợp rộng rãi và động viên mọi người hăng hái phấn đấu biến những mục tiêu của Đại hội VII và những nhiệm vụ chủ yếu mà Hội nghị đại biểu toàn quốc đề ra trong thời gian tới thành hiện thực.

Để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc, bảo đảm phát triển đúng hướng, phải ra sức xây dựng Đảng và bộ máy Nhà nước trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, hiệu lực quản lý, điều hành. Đảng ta là đảng của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ dân tộc, kiên cường đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Lịch sử hơn sáu mươi năm qua chứng minh Đảng ta là đội tiên phong chiến đấu của cả dân tộc. Trong giai đoạn mới, Đảng ta quyết phấn đấu làm tròn sứ mệnh trọng đại đó. Mọi cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập nâng cao trình độ, rèn luyện phẩm chất đạo đức, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiếp tục hy sinh phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng, xứng đáng là "đầy tớ thật trung thành của nhân dân" như Bác Hồ đã dạy.

Phải nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển thích hợp trong tình hình mới; gìn giữ, kế thừa, phát huy bản sắc và tinh hoa của dân tộc; tham khảo, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của

nhân loại và kinh nghiệm của các nước để vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào thực tế Việt Nam, không sao chép, giáo điều; giáo điều phía này hay phía khác đều gây thiệt hại cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Hội nghị đại biểu toàn quốc kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta hãy phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước của tổ tiên, nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, cần kiệm liêm chính để xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ Đảng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chế độ mà nhân dân ta đã xây dựng nên bằng biết bao công sức, máu xương của nhiều thế hệ. Tăng cường đoàn kết, nhất trí, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà, đưa công cuộc đổi mới lên tầm cao mới và chiều sâu mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp đầu năm 1994 và chuẩn bị bước sang mùa xuân Giáp Tuất, tôi xin chúc các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa trước, các đồng chí đại biểu và toàn thể các đồng chí dồi dào sức khỏe, tiếp tục có nhiều cống hiến mới vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Hội nghị chúng ta hoan nghênh các đồng chí vì lý do sức khỏe đã tự nguyện xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương, tạo điều kiện thuận lợi để bổ sung các đồng chí trẻ hơn vào cơ quan lãnh đạo của Đảng. Mong các đồng chí tiếp tục phát

huy năng lực và kinh nghiệm, tích cực đóng góp vào công việc chung của Đảng và Nhà nước.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHOÁ VII

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã họp từ ngày 25 đến ngày 30-7-1994, tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã có những bài phát biểu quan trọng tại các buổi khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị Trung ương tập trung thảo luận và thông qua Nghị quyết về "Phát triển công nghiệp, công nghệ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới", nhằm thực hiện nhiệm vụ đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã đề ra.

Hội nghị Trung ương đã bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Thám làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương và xem xét quyết định một số vấn đề khác về công tác của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Với tinh thần phấn khởi và sự nhất trí cao, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII đã thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 32-CT/TW, ngày 29 tháng 1 năm 1994

**Về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết
Hội nghị đại biểu toàn quốc và việc tổ chức
Hội nghị đại biểu các cấp**

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã thành công tốt đẹp. Hội nghị đã kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, tổng kết một bước quá trình đổi mới, đề ra những nhiệm vụ và giải pháp thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, kiện toàn Ban Chấp hành Trung ương.

Kết quả Hội nghị cần được phổ biến quán triệt rộng rãi trong toàn Đảng và nhân dân. Các cấp uỷ và tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở phải căn cứ vào các quyết định của Hội nghị mà điều chỉnh, bổ sung chương trình, kế hoạch hoạt động năm 1994-1995 và nội dung chuẩn bị Hội nghị đại biểu cấp mình, bằng hành động thiết thực sớm đưa nghị quyết của Hội nghị đi vào cuộc sống.

Nhằm mục đích nói trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng tiến hành những việc sau đây:

I- VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC

Công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt Nghị quyết Hội nghị phải bảo đảm yêu cầu sau đây: làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nắm vững những quan điểm của Hội nghị nêu trong Báo cáo chính trị; chú ý cả hai mặt xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, do đó khi phổ biến nghị quyết Hội nghị phải gắn với phổ biến các tài liệu về "chống diễn biến hoà bình". Cần kiểm điểm, liên hệ sâu từng mặt công tác xem có vấn đề gì làm tốt, có những biểu hiện gì lệch lạc, chệch hướng xã hội chủ nghĩa không.

- Ở Trung ương, Ban Bí thư sẽ chủ trì tổ chức các cuộc họp thông báo giới thiệu nhanh nội dung và kết quả của Hội nghị đại biểu với các cán bộ cao cấp đương chức ở các cơ quan trung ương và cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu ở Hà Nội, ở Quảng Nam - Đà Nẵng và ở thành phố Hồ Chí Minh.

- Các cấp uỷ và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương họp cấp uỷ mở rộng thông báo kết quả Hội nghị, nghiên cứu nội dung các quyết định của Hội nghị; trên cơ sở đó bàn việc bổ sung, điều chỉnh chương trình công tác năm 1994 và nội dung chuẩn bị hội nghị đại biểu cấp mình.

- Các tổ chức cơ sở đảng, tùy đặc điểm cụ thể của từng loại hình cơ sở đảng mà tổ chức thông báo, nghiên cứu, trao đổi các nội dung của Hội nghị đại biểu với tài liệu thích hợp; song cần kết hợp bàn những việc thiết thực cần thực hiện ở đơn vị.

- Các cơ quan nghiên cứu (Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Trung tâm Khoa học

Xã hội và Nhân văn quốc gia, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh...), trên cơ sở nghiên cứu nội dung các văn kiện của Hội nghị đại biểu:

- + Xem xét, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học nhằm cung cấp căn cứ khoa học để xây dựng các giải pháp cụ thể thực hiện những chủ trương của Hội nghị; đồng thời nghiên cứu những vấn đề chuẩn bị cho Đại hội VIII.

- + Phân tích cơ sở khoa học của các quyết định của Hội nghị đại biểu, biên soạn và xuất bản các tài liệu ở những trình độ khác nhau nhằm góp phần tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết.

- + Phối hợp tổ chức lực lượng cán bộ lý luận để nghiên cứu biên tập các tài liệu và viết bài đấu tranh phê phán, phân tích kịp thời, sắc bén những quan điểm sai trái và luận điệu thù địch lưu truyền trong xã hội.

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường đảng và các trường đại học căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị đại biểu điều chỉnh và bổ sung chương trình, nội dung giảng dạy các lớp học hiện có của trường (không mở những lớp ngắn hạn tập trung học tập nghiên cứu nghị quyết như những lần trước).

- Các cơ quan thông tin đại chúng, với sự chỉ đạo hướng dẫn của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, có kế hoạch mở các chuyên mục tuyên truyền giới thiệu nội dung các quyết định của Hội nghị đại biểu dưới những hình thức sinh động, phù hợp với những đối tượng khác nhau như: giới thiệu tóm tắt các nội dung chủ yếu của Báo cáo chính trị; các bài chuyên luận; hỏi, đáp hoặc trao đổi về các vấn đề trong Báo cáo chính trị, v.v..

- Các cơ quan tuyên truyền đối ngoại có kế hoạch dịch, biên soạn và in tài liệu giới thiệu nội dung, kết quả Hội nghị đại biểu để cung cấp cho các cơ quan thông tấn, các cơ quan đại diện của ta ở các nước, giới thiệu với bạn bè quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài.

Nhằm cung cấp tài liệu phục vụ cho các hoạt động trên đây, Ban Bí thư quyết định cho in và phổ biến đến chi bộ hai tập tài liệu lưu hành nội bộ sau đây:

+ Tập Văn kiện Hội nghị đại biểu (gồm Báo cáo chính trị, Ý kiến của Đoàn Chủ tịch Hội nghị về một số vấn đề trong Báo cáo chính trị, Kết quả biểu quyết của hội nghị về một số vấn đề trong Báo cáo chính trị, Nghị quyết Hội nghị đại biểu, Bài phát biểu bế mạc Hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư và bản Chỉ thị này).

+ Tập tài liệu tham khảo về âm mưu diễn biến hoà bình của địch (Tài liệu này chỉ gửi đến các đảng uỷ cơ sở. Các đảng uỷ cơ sở phổ biến đến các chi bộ và chịu trách nhiệm quản lý theo chế độ tài liệu mật).

II- TỔ CHỨC HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU CÁC CẤP TỈNH, THÀNH, QUẬN, HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

1. Về Báo cáo chính trị

Sau khi phổ biến quán triệt Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc, ban thường vụ và ban chấp hành tỉnh, thành uỷ bàn cụ thể hoá Nghị quyết đó vào Báo cáo chính trị của cấp mình.

Báo cáo chính trị của các tỉnh, thành uỷ phải thể hiện được quan điểm, phương hướng của Nghị quyết Hội nghị đại

biểu toàn quốc, chú trọng kiểm điểm cụ thể, đề ra những nhiệm vụ, chỉ tiêu và giải pháp cụ thể cho hai năm rưỡi còn lại của nhiệm kỳ Đại hội VII, không cần viết lại những quan điểm, phương hướng của Hội nghị đại biểu toàn quốc. Trong Báo cáo chính trị cần rà soát lại xem có vấn đề gì chệch hướng trong chủ trương và tổ chức thực hiện không? Nếu có, cần điều chỉnh nhiệm vụ của những năm còn lại của nhiệm kỳ.

Vì ban chấp hành các tỉnh, thành uỷ đã kiểm điểm cuối năm nên phần kiểm điểm công tác của ban chấp hành không cần có báo cáo riêng mà được thể hiện sinh động trong Báo cáo chính trị.

Dự thảo Báo cáo chính trị của cấp uỷ cần được lấy ý kiến rộng rãi; phạm vi, mức độ, hình thức lấy ý kiến do cấp uỷ quyết định, trong đó nên lấy ý kiến của một số cơ sở quan trọng.

Các cấp huyện, quận uỷ cần tổ chức nghiên cứu trước Báo cáo chính trị của Hội nghị đại biểu toàn quốc, Hội nghị đại biểu tỉnh, thành để quán triệt vào Báo cáo chính trị của cấp mình.

2. Về nhân sự

Bảo đảm số lượng đại biểu dự hội nghị cấp tỉnh, thành và tương đương không quá 50% số lượng đại biểu Đại hội vòng hai.

Việc bổ sung uỷ viên ban chấp hành tỉnh, thành uỷ tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ cần bảo đảm được yêu cầu trước mắt gắn với việc chuẩn bị cho thời gian tới, nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo của cấp uỷ. Ban Thường vụ, Ban

Chấp hành đảng bộ cần thảo luận kỹ để thống nhất hướng lựa chọn nhân sự, tiến hành các bước theo một quy trình chặt chẽ, dân chủ. Quá trình chuẩn bị phải chú trọng bảo đảm tiêu chuẩn cấp uỷ như Nghị quyết Trung ương ba đã quy định, trong đó rất *coi trọng bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng của Đảng; trong sạch và tích cực đấu tranh chống tham nhũng*.

Đối với những đồng chí cấp uỷ tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin rút thì cần tôn trọng và chấp nhận ý kiến của các đồng chí đó, tạo điều kiện để bổ sung những đồng chí mới. Đối với những đồng chí uỷ viên ban chấp hành có sai phạm khuyết điểm cần được xử lý đúng mức trước khi bước vào Hội nghị đại biểu.

Thực hiện đúng Điều lệ Đảng, bầu bổ sung Ban Chấp hành không quá 10% số uỷ viên ban chấp hành do đại hội đảng bộ đã bầu và bổ sung số khuyết (từ trần, kỷ luật cách chức, xin rút...). Những nơi do có khó khăn về nhân sự hoặc chưa có nhu cầu thì có thể bổ sung số lượng ít hơn hoặc không bổ sung.

Về bổ sung và điều chỉnh ban thường vụ cấp uỷ, do số lượng cấp uỷ được bầu tăng thêm nên số lượng ban thường vụ cấp uỷ cũng có thể bầu bổ sung; đồng thời nếu cần thiết, có thể điều chỉnh phân công trong ban thường vụ cấp uỷ. Số lượng ban thường vụ cấp uỷ nói chung không quá 30% tổng số cấp uỷ viên (ban thường vụ các tỉnh, thành uỷ từ 11 đến 13 đồng chí; một vài nơi do số lượng đảng viên đông, có nhiều lĩnh vực phải quán xuyên thì có thể nhiều hơn nhưng tối đa không quá 15 đồng chí). Cần có sự phân công hợp lý trong ban thường vụ cấp uỷ, bảo đảm sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt

chế của ban thường vụ đối với những đơn vị, lĩnh vực công tác, địa bàn trọng yếu. Trong tình hình hiện nay, để tăng cường đấu tranh chống diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, nhất thiết phải bố trí uỷ viên ban thường vụ phụ trách công tác tư tưởng, dân vận, nội chính.

3. Về tổ chức hội nghị

Hội nghị đại biểu các tỉnh, thành và tương đương tiến hành khoảng ba - bốn ngày, trong thời gian từ sau Tết Nguyên đán đến hết quý I-1994. Sau đó tổ chức hội nghị đại biểu cấp quận, huyện và tương đương khoảng hai - ba ngày.

Cần chỉ đạo giải quyết sớm những đơn thư tố cáo, khiếu nại, để có điều kiện lựa chọn đúng đại biểu đi dự hội nghị; kể cả những trường hợp mới phát sinh đối với những đồng chí sau khi được bầu vào đoàn đại biểu hội nghị cũng cần kết luận sớm, cố gắng không để vì cá nhân một vài đại biểu làm ảnh hưởng đến các hoạt động của hội nghị. Những đại biểu có những sai phạm nghiêm trọng chưa được xử lý hoặc mới phát sinh thì vận động để đại biểu đó xin rút và cử đại biểu dự khuyết đi thay.

Nội dung Hội nghị gồm hai vấn đề chính: thông qua Báo cáo chính trị; bầu bổ sung ban chấp hành cấp uỷ. Cần bố trí chương trình để Hội nghị có thời gian nghiên cứu thảo luận kỹ Báo cáo chính trị, Chủ tịch đoàn có báo cáo trình bày ý kiến của mình về những vấn đề lớn còn ý kiến khác nhau trong Hội nghị; có biểu quyết một số vấn đề trong nội dung Báo cáo chính trị. Phần nhân sự cần có thời gian để các đại biểu nghiên cứu kỹ hồ sơ và tìm hiểu về các đồng chí được đề cử.

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ là sinh hoạt có tính chất nội bộ của Đảng, không phải là đại hội; do vậy, cần tổ chức Hội nghị chu đáo, nghiêm túc, thiết thực, tiết kiệm, bảo đảm dân chủ, hết sức tránh hình thức.

Cần dựa vào quy chế của Hội nghị đại biểu toàn quốc, xây dựng quy chế hội nghị của cấp mình lấy ý kiến trước của các đoàn đại biểu để hội nghị thông qua, đưa sinh hoạt hội nghị vào nền nếp. Riêng về việc thẩm tra tư cách đại biểu, ban chấp hành chịu trách nhiệm xem xét.

Ngay sau Hội nghị, các cấp uỷ trực thuộc Trung ương cần báo cáo kết quả Hội nghị về Ban Bí thư.

*

* *

Các tỉnh, thành uỷ, các cấp uỷ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này. Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và các ban Trung ương Đảng có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ các cấp uỷ và các tổ chức đảng thực hiện tốt việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc và tổ chức Hội nghị đại biểu cấp mình.

TM BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 06-TT/TW, ngày 1 tháng 2 năm 1994

**Hướng dẫn thi hành Quyết định số 61-QĐ/TW
ngày 10 tháng 3 năm 1993 của Bộ Chính trị
về việc sắp xếp lại các Trường Đảng Trung ương
chuyển thành Học viện Chính trị quốc gia
Hồ Chí Minh**

Nhằm thực hiện việc phân cấp quản lý, bảo đảm tính độc lập tương đối của các phân viện thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được xác định tại điểm 4 trong Quyết định số 61-QĐ/TW, ngày 10-3-1993 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư hướng dẫn việc thực hiện Quyết định nói trên như sau:

**I. QUAN HỆ GIỮA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH VỚI CÁC PHÂN VIỆN**

1. Về đối tượng đào tạo, bồi dưỡng

a) Tại cơ sở trung tâm của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh:

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý trong diện dự bị chủ

chốt cấp tỉnh, thành, các ban, ngành Trung ương của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Các đối tượng này khi vào học đã có một bằng đại học. Sau hai năm học, khi tốt nghiệp được cấp bằng đại học thứ hai - bằng đại học chính trị.

- Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức cấp tỉnh, thành, các ban, ngành trung ương của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân và một số cán bộ chủ chốt của các doanh nghiệp lớn.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lý luận ở bậc sau đại học.

b) Phân viện Hà Nội, phân viện thành phố Hồ Chí Minh, phân viện Đà Nẵng có nhiệm vụ:

- Đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý trong diện dự bị chủ chốt cấp huyện, quận và một số cán bộ chủ chốt thuộc các ban, ngành cấp tỉnh, thành ngoài diện do học viện phụ trách và các cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt đương nhiệm và dự nguồn của các doanh nghiệp nhà nước.

Các đối tượng này đã qua thực tiễn lãnh đạo và quản lý, nếu khi vào học đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học bổ túc văn hoá, trung học chuyên nghiệp, đã học qua chương trình lý luận trung cấp (thời gian từ 1 đến 1,5 năm), thì sau ba năm học, khi tốt nghiệp được cấp bằng đại học chính trị, nếu khi vào học đã có một bằng đại học thì khi tốt nghiệp khoá hai năm được cấp bằng đại học chính trị.

- Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt đương chức thuộc các diện trên.

- Bồi dưỡng theo chuyên ngành cho cán bộ các ban làm công tác xây dựng Đảng của huyện uỷ, quận uỷ; cán bộ tổ chức, kiểm tra của các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và địa phương; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc cấp tỉnh và huyện.

c) Phân viện Báo chí - Tuyên truyền có nhiệm vụ:

Đào tạo và bồi dưỡng ở bậc đại học, cao học những cán bộ làm công tác báo chí, xuất bản, tuyên truyền. Đào tạo bậc đại học một số chuyên ngành lý luận Mác - Lênin.

d) Ban Giám đốc Học viện cùng Ban Tổ chức Trung ương thông qua kế hoạch mở lớp hằng năm của các phân viện.

2. Công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Học viện chỉ đạo chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương hướng hoạt động nghiên cứu khoa học đối với các phân viện.

3. Về tổ chức, bộ máy

a) Giám đốc và các phó giám đốc các phân viện thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Ban Giám đốc phân viện gồm có: một giám đốc và từ hai đến ba phó giám đốc.

Giám đốc và tập thể Ban Giám đốc phân viện chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc học viện quản lý toàn diện các mặt hoạt động thuộc phân viện.

- Phân viện có các khoa, bộ môn, phòng. Cơ cấu và việc thành lập các khoa, bộ môn, phòng do giám đốc phân viện đề nghị, giám đốc học viện xét ra quyết định. Các khoa, viện, bộ môn tại cơ sở trung tâm của học viện có nhiệm vụ hướng dẫn giúp đỡ các khoa, bộ môn ở các phân viện về mặt chuyên môn.

b) Về quản lý cán bộ.

- Giám đốc phân viện do Ban Bí thư quản lý (căn cứ vào Quyết định số 44-QĐ/TW ngày 14-11-1992 của Bộ Chính trị về quản lý cán bộ).

- Phó giám đốc phân viện, trưởng, phó các khoa, trưởng bộ môn, trưởng phòng, giáo sư, phó giáo sư, phó tiến sĩ, giảng viên chính, chuyên viên chính do Ban Giám đốc học viện quản lý.
- Cán bộ, công nhân viên khác do Ban Giám đốc phân viện quản lý.

II- NHIỆM VỤ CÁC BAN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

1. Ban Tổ chức Trung ương

- Phối hợp với Ban Giám đốc Học viện và các phân viện xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức chiêu sinh đúng đối tượng đã quy định.
- Duyệt biên chế hằng năm của Học viện (gồm cả các phân viện).
- Phối hợp với Học viện, các phân viện trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình học tập chuyên ngành về công tác tổ chức - xây dựng Đảng tại các phân viện Hà Nội, phân viện thành phố Hồ Chí Minh, phân viện Đà Nẵng.
- Hướng dẫn Học viện thực hiện các chế độ, chính sách chung của Đảng, Nhà nước.

2. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương

- Giúp Ban Bí thư kiểm tra về mặt tư tưởng chính trị qua nội dung giảng dạy, bảo đảm đúng quan điểm, đường lối của Đảng.
- Thông báo thường xuyên cho cán bộ, học viên các lớp ở Học viện và các phân viện về thời sự, chính sách.

- Phối hợp với Học viện hướng dẫn xây dựng chương trình học tập và nghiên cứu khoa học về chuyên ngành công tác tư tưởng cho Phân viện Báo chí - Tuyên truyền.

3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương

- Xét duyệt dự trù, cấp phát và quản lý ngân sách do Nhà nước phân bổ cho Học viện và các phân viện.

- Quản lý cơ sở vật chất của Học viện và các phân viện.

4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Chủ trì và phối hợp với Học viện, các phân viện trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình học tập chuyên ngành công tác kiểm tra tại các phân viện Hà Nội, phân viện thành phố Hồ Chí Minh, phân viện Đà Nẵng.

5. Ban Đối ngoại Trung ương phối hợp cùng Ban Tổ chức Trung ương giúp đỡ Học viện và các phân viện về phương hướng, kế hoạch mở rộng quan hệ quốc tế với các nước, các đảng trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học chính trị.

6. Văn phòng Trung ương

Cung cấp các chỉ thị, văn bản, tài liệu cần thiết cho Học viện và từng phân viện như đối với các ban của Trung ương.

7. Học viện và các phân viện cần quan hệ chặt chẽ với các bộ, ban, ngành ở Trung ương và lãnh đạo các địa phương để trao đổi về công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn. Các cấp ủy địa phương và các đảng đoàn, ban cán sự đảng các ngành trung ương có trách

nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ Học viện và các phân viện hoàn thành nhiệm vụ.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 33-CT/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1994

Về lãnh đạo phòng, chống các tệ nạn xã hội

Phòng, chống, khắc phục có hiệu quả các tệ nạn xã hội, trước hết là nạn mại dâm, nghiện ma túy, là một nhiệm vụ cấp bách hiện nay mà Đảng và Nhà nước ta phải kiên quyết lãnh đạo thực hiện để có bước tiến bộ rõ rệt ngay từ năm 1994.

Điều kiện quyết định để phòng, chống có kết quả các tệ nạn xã hội là đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, phát động được phong trào nhân dân, tăng cường sự quản lý của các cơ quan nhà nước, phát huy vai trò tích cực của các đoàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng trong cả nước.

Ban Bí thư yêu cầu:

1. Tất cả các cấp uỷ và tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở phải đặt công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội, trước hết nạn mại dâm, nghiện ma túy, phòng chống bệnh AIDS thành một *nhiệm vụ rất quan trọng* trong năm 1994.

2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng phải đề ra và thực hiện

chương trình, kế hoạch lãnh đạo phòng, chống các tệ nạn xã hội của địa phương gắn với chương trình, kế hoạch của Chính phủ và cơ quan nhà nước cấp trên.

Thường trực cấp uỷ hàng tháng hoặc hằng quý phải nghe Ban Cán sự Đảng, cơ quan chính quyền báo cáo và cho ý kiến cụ thể về việc thực hiện nhiệm vụ này.

Các cấp uỷ phải chỉ đạo chặt chẽ sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế trong công tác tuyên truyền giáo dục, tổ chức chữa bệnh, giáo dục và dạy nghề cho người nghiện hút và mại dâm, phát hiện và trừng trị nghiêm bọn tội phạm.

3. Trước hết phải tập trung chỉ đạo việc phát động phong trào quần chúng rộng khắp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cả chiều rộng và chiều sâu, tạo ra dư luận xã hội mạnh mẽ phê phán, bài trừ các tệ nạn xã hội.

Các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí, văn hoá nghệ thuật coi tuyên truyền, giáo dục phòng, chống tệ nạn xã hội là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên. Các báo, đài cần mở các chuyên mục tuyên truyền giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội, gắn liền với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và buôn lậu; lo việc làm cho người thất nghiệp; xây dựng gia đình "no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc". Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức tuyên truyền vận động sâu đến từng đoàn viên, hội viên, từng gia đình, làm cho mỗi người, mỗi nhà thấy rõ tác hại, hậu quả nghiêm trọng của tệ nạn xã hội; từ đó tự giác giữ gìn đạo đức, lối sống lành mạnh,

tự điều chỉnh hành vi ứng xử của mình trong gia đình và trong quan hệ xã hội; chủ động và tích cực tham gia cùng các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân khắc phục có hiệu quả các tệ nạn xã hội ở từng thôn, xóm, xã, phường.

4. Các đảng bộ cơ sở phải đưa nhiệm vụ lãnh đạo phòng, chống tệ nạn xã hội, cùng với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, buôn lậu vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của đảng bộ, chi bộ. Tổ chức cơ sở đảng phải thường xuyên kiểm tra cán bộ, đảng viên trong công tác, trong cuộc sống ở gia đình và ngoài xã hội. Những đảng viên có biểu hiện sống không lành mạnh phải được giáo dục và ngăn chặn kịp thời. Nếu vi phạm thì phải xử lý nghiêm theo kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước. Khai trừ ra khỏi Đảng những đảng viên nghiện hút và có hành vi mua dâm, truy lạc.

Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ, các cấp uỷ trực thuộc Trung ương khẩn trương lãnh đạo việc thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 34-CT/TW, ngày 18 tháng 3 năm 1994

**Về sự lãnh đạo của Đảng đối với việc tuyển chọn,
bổ nhiệm thẩm phán Tòa án nhân dân, thẩm phán
Tòa án quân sự các cấp**

Luật tổ chức Tòa án nhân dân do Quốc hội khoá IX thông qua ngày 6-10-1992 quy định thẩm phán Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp do Chủ tịch nước bổ nhiệm thay cho chế độ bầu, hoặc cử thẩm phán. Đây là sự đổi mới quan trọng nhằm thực hiện thống nhất tiêu chuẩn thẩm phán, nâng cao vị trí người thẩm phán trong hệ thống chính trị của Nhà nước, góp phần bảo đảm thực hiện nguyên tắc "khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".

Để lãnh đạo thực hiện việc tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp đạt kết quả tốt, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ và tổ chức đảng ở các cấp, các ngành có liên quan cần nghiên cứu nắm vững tiêu chuẩn tuyển chọn thẩm phán và những nội dung được nêu trong Pháp lệnh về

thẩm phán và hội thẩm nhân dân, chú ý thực hiện một số điểm sau:

1. Lãnh đạo các cơ quan, đoàn thể có trách nhiệm trực tiếp tham gia tuyển chọn thẩm phán ở mỗi cấp tổ chức nghiên cứu nắm vững những quy định trong pháp lệnh nói trên, nhất là các quy định về tiêu chuẩn thẩm phán và thể thức tuyển chọn thẩm phán.

Khi xem xét các tiêu chuẩn, cần chú ý trước hết tiêu chuẩn về chính trị và phẩm chất đạo đức (trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất, đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực...). Không được tuyển chọn làm thẩm phán đối với những cán bộ thoái hoá, biến chất, hoặc có người trong gia đình (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con) đã có phạm pháp rõ ràng, nghiêm trọng như tham nhũng, buôn lậu, lừa đảo, trộm cắp, giết người,...

Đối tượng tuyển chọn chủ yếu dựa vào nguồn cán bộ tại chỗ, từ dưới lên, cán bộ trong Đảng và cán bộ ngoài Đảng, nơi nào thiếu, có thể lựa chọn những người làm công tác pháp luật ở các ngành khác, nhưng đều phải bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức và chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Về Hội đồng tuyển chọn thẩm phán

Để giúp Chủ tịch nước trong việc bổ nhiệm thẩm phán toà án các cấp, pháp lệnh đã quy định: ở trung ương lập Hội đồng tuyển chọn thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, thẩm phán Toà án quân sự trung ương và Hội đồng tuyển chọn thẩm phán Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thẩm phán Toà án quân sự quân khu và tương đương, thẩm phán Toà án quân sự khu vực. Ở cấp tỉnh, thành, lập Hội đồng tuyển chọn thẩm phán Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Các cấp uỷ đảng, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn có liên quan cần lãnh đạo để cử người có năng lực, khách quan, vô tư, trung thực và có tinh thần trách nhiệm tham gia Hội đồng tuyển chọn thẩm phán.

Việc chuẩn bị nhân sự để đưa ra Hội đồng tuyển chọn cần được lãnh đạo chặt chẽ theo đúng quy định của Ban Bí thư về công tác quản lý cán bộ. Đối với toà án cấp huyện, quận thì Ban Cán sự Đảng Sở Tư pháp, Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần phối hợp chặt chẽ với huyện uỷ, quận uỷ, chuẩn bị danh sách, hồ sơ đề nghị Hội đồng tuyển chọn thẩm phán của tỉnh, xét tuyển chọn. Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao cần phối hợp chặt chẽ với các tỉnh uỷ, thành uỷ trong việc lựa chọn danh sách thẩm phán toà án cấp tỉnh, thành và với Đảng uỷ Quân sự Trung ương trong việc lựa chọn danh sách thẩm phán Toà án quân sự đề nghị Hội đồng tuyển chọn thẩm phán trung ương xem xét. Các tỉnh uỷ, thành uỷ giao cho Ban Tổ chức, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ và Ban Nội chính làm tham mưu cho công việc này.

Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao và Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp cần phối hợp với các cấp uỷ có liên quan trong quy hoạch cán bộ, tạo nguồn thẩm phán và chỉ đạo kế hoạch bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ cho các thẩm phán sau khi được bổ nhiệm.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 35-CT/TW, ngày 18 tháng 3 năm 1994

**Về việc xét khen thưởng nhân dịp kỷ niệm
những ngày lịch sử lớn trong hai năm 1994-1995**

Trải qua mấy chục năm đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, làm nhiệm vụ quốc tế, quân và dân ta đã có nhiều cống hiến, hy sinh to lớn. Đảng và Nhà nước đã có những hình thức khen thưởng cho nhiều tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc. Tuy nhiên trong các cuộc chiến tranh trước đây còn những tập thể và cá nhân có thành tích xứng đáng nhưng chưa được xét tuyên dương anh hùng, đặc biệt là các bà mẹ đã hiến dâng những người con yêu quý của mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc. Đồng thời để kịp thời cổ vũ và động viên những tập thể và cá nhân trong quân đội có thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ 1986-1994, Ban Bí thư chủ trương:

1. Xét tuyên dương anh hùng và tặng huân chương cho các cá nhân và đơn vị sau:

a) Xét tuyên dương danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" cho những người mẹ có nhiều con đã hy sinh cho Tổ quốc.

b) Xét tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" cho quân và dân các huyện (quận), xã (phường), các đơn vị bộ đội địa phương và các cá nhân đã lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong kháng chiến chống Mỹ và trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nhưng chưa được tặng danh hiệu này.

c) Xét tuyên dương anh hùng và khen thưởng huân chương cho các tập thể, cá nhân trong quân đội có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ 1986-1994.

d) Xét tặng huân chương cho các sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng đã có thành tích xuất sắc trong hai cuộc chiến tranh chống Mỹ, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế và đã đóng góp có hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Các ban, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ và cấp uỷ đảng địa phương lãnh đạo, tổ chức tốt việc xét khen thưởng bảo đảm chặt chẽ, chính xác, có tác dụng giáo dục cao; đặc biệt chú trọng lãnh đạo phát hiện những tấm gương hy sinh cao cả của các mẹ, các địa phương, các đơn vị anh hùng.

Các cơ quan thông tin chú trọng việc tuyên truyền trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân về chủ trương này.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ, căn cứ chỉ thị của Ban Bí thư, đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan ra các văn bản và xem xét quyết định việc khen thưởng theo chủ trương này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 36-CT/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1994

Về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới

Những năm gần đây, công tác thể dục thể thao đã có tiến bộ: phong trào thể dục thể thao từng bước được mở rộng với nhiều hình thức, nhiều môn thể thao dân tộc được khôi phục và phát triển; một số môn thể thao đạt thành tích đáng khích lệ; cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục thể thao ở một số địa phương và ngành đã được chú ý đầu tư nâng cấp, xây dựng mới. Đạt được những tiến bộ đó là do sự quan tâm của Nhà nước, của các đoàn thể, do sự cố gắng của đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên và sự tham gia của nhân dân trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Tuy nhiên, thể dục thể thao của nước ta còn ở trình độ rất thấp.

Số người thường xuyên tập luyện thể dục thể thao còn rất ít, đặc biệt là thanh niên chưa tích cực tham gia tập luyện. Hiệu quả giáo dục thể chất trong trường học và trong các lực lượng vũ trang còn thấp.

Thành tích các môn thể thao còn thua kém xa so với

nhiều nước trong khu vực. Lực lượng vận động viên trẻ kế cận rất mỏng. Còn nhiều biểu hiện tiêu cực trong các hoạt động thể thao. Đội ngũ cán bộ thể dục thể thao rất thiếu và yếu về nhiều mặt.

Tổ chức của ngành thể dục thể thao trong nhiều năm không ổn định, có lúc còn bị thu hẹp, hoạt động kém hiệu lực. Các tổ chức xã hội về thể dục thể thao còn yếu kém.

Cơ sở vật chất và khoa học kỹ thuật của thể dục thể thao vừa thiếu, vừa lạc hậu, ngay cả ở các thành phố lớn, các địa bàn tập trung dân cư, các trường học và các cơ sở của lực lượng vũ trang. Nhiều sân bãi, cơ sở tập luyện bị lấn chiếm, sử dụng vào việc khác.

Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém trên là:

Nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ và còn xem nhẹ vai trò của thể dục thể thao trong sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, chưa thực sự coi thể dục thể thao là một bộ phận trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Ngành thể dục thể thao và các ngành, các đoàn thể nhân dân chưa phối hợp chặt chẽ trong công tác thể dục thể thao.

Nhà nước chưa kịp thời bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ phù hợp với yêu cầu phát triển thể dục thể thao. Đầu tư cho lĩnh vực thể dục thể thao còn rất hạn chế.

Quản lý của ngành thể dục thể thao còn kém hiệu quả, chưa có cơ chế thích hợp để phát huy những nhân tố mới, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân nhằm phát triển thể dục thể thao.

Trước tình hình mới, sự nghiệp thể dục thể thao cần được phát triển đúng hướng theo những quan điểm sau đây:

- Phát triển thể dục thể thao là một bộ phận quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người; công tác thể dục thể thao phải góp phần tích cực nâng cao sức khỏe, thể lực; giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh; làm phong phú đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân; nâng cao năng suất lao động xã hội và sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang.

- Xây dựng nền thể dục thể thao có tính chất dân tộc, khoa học và nhân dân. Giữ gìn, phát huy bản sắc và truyền thống dân tộc, đồng thời nhanh chóng tiếp thu có chọn lọc những thành tựu hiện đại. Phát triển rộng rãi phong trào thể dục thể thao quần chúng với khẩu hiệu: "Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Từng bước xây dựng lực lượng thể thao chuyên nghiệp đỉnh cao.

- Phát triển thể dục thể thao là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội, là nhiệm vụ của toàn xã hội, trong đó ngành thể dục thể thao giữ vai trò nòng cốt. Xã hội hoá tổ chức, hoạt động thể dục thể thao dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

- Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về thể dục thể thao phục vụ cho sự phát triển thể dục thể thao của đất nước, tăng cường tình hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân ta và nhân dân các nước.

Mục tiêu cơ bản, lâu dài của công tác thể dục thể thao là hình thành nền thể dục thể thao phát triển và tiến bộ, góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực, đáp ứng nhu cầu văn hoá, tinh thần của nhân dân và phấn đấu đạt được vị trí xứng

đáng trong các hoạt động thể thao quốc tế, trước hết là ở khu vực Đông Nam Á.

Trước mắt, từ nay đến năm 2000, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau đây:

- Thực hiện giáo dục thể chất trong tất cả các trường học. Làm cho việc tập luyện thể dục thể thao trở thành nếp sống hằng ngày của hầu hết học sinh, sinh viên, thanh niên, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công nhân viên chức và một bộ phận nhân dân.

- Hình thành hệ thống đào tạo tài năng thể thao quốc gia. Đào tạo được một lực lượng vận động viên trẻ có khả năng nhanh chóng tiếp cận các thành tựu thể thao tiên tiến của thế giới. Tham gia và đạt kết quả ngày càng cao trong các hoạt động thể thao khu vực, châu Á và thế giới, trước hết ở các môn thể thao mà ta có nhiều khả năng.

- Kiện toàn hệ thống đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, huấn luyện viên, giáo viên thể dục thể thao. Kiện toàn tổ chức ngành thể dục thể thao các cấp. Nâng cấp, xây dựng mới và hiện đại hoá một số cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục thể thao; hình thành các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học, y học thể dục thể thao; tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ nền thể thao Việt Nam vào đầu thế kỷ XXI.

Để thực hiện các mục tiêu trên, các cấp uỷ, các tổ chức đảng cần chỉ đạo thực hiện các việc dưới đây:

1. Tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác thể dục thể thao, công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể trong ngành thể dục thể thao. Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền về công tác thể dục thể thao trong toàn xã hội. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, trước hết

là cán bộ lãnh đạo các cấp, cần gương mẫu luyện tập thể dục thể thao.

2. Đề nghị các cơ quan nhà nước ban hành các văn bản pháp quy về công tác thể dục thể thao; quy định chế độ tập luyện thể dục thể thao trong trường học, lực lượng vũ trang, cơ quan, xí nghiệp. Trong quy hoạch xây dựng, cải tạo, mở rộng các đô thị, xã, phường, trường học, cơ quan, xí nghiệp phải ghi rõ các cơ sở thể dục thể thao; ban hành các chính sách, chế độ khuyến khích mở rộng phong trào và nâng cao thành tích thể thao. Đầu tư tập trung hoàn thành các công trình thể thao trọng điểm của quốc gia và ở một số địa phương; từng bước hiện đại hoá các cơ sở đào tạo cán bộ, đào tạo vận động viên, nghiên cứu ứng dụng và thông tin khoa học thể dục thể thao. Mở rộng sản xuất các thiết bị dụng cụ thể dục thể thao.

Củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về thể dục thể thao, hình thành hệ thống tổ chức xã hội thể dục thể thao. Tăng cường tổ chức thể dục thể thao trong các ngành giáo dục - đào tạo, quân đội, công an nhân dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Chỉ đạo ngành thể dục thể thao cải tiến quản lý, phối hợp với các ngành, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội để hướng dẫn, tổ chức phong trào thể dục thể thao phù hợp với từng đối tượng và địa bàn. Trước mắt, chỉ đạo tổ chức có kết quả đại hội thể dục thể thao các cấp và Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ III chào mừng các ngày lịch sử lớn của đất nước trong hai năm 1994-1995. Xây dựng hệ thống đào tạo vận động viên chuyên nghiệp bao gồm các trung tâm

đào tạo vận động viên quốc gia; các cơ sở đào tạo vận động viên ở một số tỉnh, thành phố, ngành.

Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thể dục thể thao, coi trọng chất lượng, cả về chính trị, đạo đức và chuyên môn. Nâng cao ý thức trách nhiệm, tổ chức kỷ luật, lòng yêu nước và tự hào dân tộc cho cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên và trọng tài; chống biểu hiện tiêu cực và những xu hướng lệch lạc trong hoạt động thể thao.

4. Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục - Đào tạo và Ban Cán sự Đảng Tổng cục Thể dục thể thao phối hợp chỉ đạo tổng kết công tác giáo dục thể chất, cải tiến chương trình giảng dạy, tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, đào tạo giáo viên thể dục thể thao cho trường học các cấp; tạo những điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất để thực hiện chế độ giáo dục thể chất bắt buộc ở tất cả các trường học.

5. Đảng ủy quân sự Trung ương, Đảng ủy công an Trung ương và Ban Cán sự Đảng Tổng cục Thể dục thể thao phối hợp chỉ đạo cải tiến việc huấn luyện thể lực và phát triển thể thao trong các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ; phát triển một số môn thể thao kỹ thuật và ứng dụng quân sự. Xây dựng lực lượng vận động viên đỉnh cao, đóng góp cho đội tuyển quốc gia.

6. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cùng với Ban Cán sự Đảng Tổng cục Thể dục thể thao chỉ đạo xây dựng và đề nghị với Chính phủ quy chế bảo đảm việc tập luyện thể dục thể thao cho công nhân, viên chức trong các cơ quan, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để tăng cường sức khỏe, nâng cao năng suất lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp.

7. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ động tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, coi đó là một trong những nội dung sinh hoạt, rèn luyện của đoàn viên thanh niên, là một trong những biện pháp vận động, giáo dục đoàn viên và thanh thiếu niên.

8. Các Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế, Tổng cục Thể dục thể thao phối hợp với Hội Chữ thập đỏ và các ngành liên quan chỉ đạo phong trào thể dục - vệ sinh trong các tầng lớp nhân dân, mở rộng các hoạt động chăm sóc và rèn luyện sức khỏe cho mọi người.

9. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh - truyền hình và Tổng cục Thể dục thể thao tiến hành công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương của Đảng, các chính sách của Nhà nước về thể dục thể thao; hướng dẫn các hình thức, phương pháp tập luyện thể dục thể thao, nêu gương người tốt việc tốt, chống biểu hiện tiêu cực trong thể thao.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các tổ chức đảng ở các ngành, các cấp, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội tổ chức quán triệt Chỉ thị này để thực hiện tốt công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới.

Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm giúp Ban Bí thư hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 68-TB/TW, ngày 17 tháng 4 năm 1994

Ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội lần thứ VI Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Ngày 30-3-1994, sau khi nghe Hội Chữ thập đỏ Việt Nam báo cáo về Đại hội lần thứ VI Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Ban Bí thư đã có ý kiến như sau:

1. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là một tổ chức quần chúng rộng rãi, có vị trí, vai trò quan trọng.

2. Trong thời gian qua, Hội đã có nhiều cố gắng trong việc tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo; mở rộng quan hệ đối ngoại, tranh thủ viện trợ quốc tế; hoạt động thiết thực và có hiệu quả, đặc biệt là việc hỗ trợ khắc phục thiên tai.

Tuy nhiên, phong trào chưa đều và chưa ổn định; tổ chức, bộ máy của Hội còn thiếu và yếu nhất là cấp trung ương.

3. Công tác nhiệm kỳ tới của Hội là cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tổ chức các phong trào quần chúng thực hiện. Thông qua các hoạt động xã hội, nhân đạo, Hội góp phần giáo dục hội viên và nhân dân tinh thần yêu nước, tình nghĩa đồng bào, tinh thần tương thân,

tương ái, lá lành đùm lá rách, góp phần nâng cao nhận thức về tính ưu việt của chế độ và ý thức cảnh giác cách mạng chống âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chú ý tổ chức các phong trào thiết thực gắn với cuộc sống hằng ngày của nhân dân như phong trào tương trợ hỗ trợ khắc phục thiên tai, phong trào vệ sinh phòng bệnh, phong trào chăm sóc người già, người tàn tật, trẻ mồ côi, phong trào xoá đói giảm nghèo... góp phần thực hiện chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

Nội dung hoạt động của Hội mang tính chất xã hội. Vì vậy, Hội phải hướng về cơ sở bám sát quần chúng, hoạt động có chương trình, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm, phục vụ đúng đối tượng.

Trong khi mở rộng quan hệ đối ngoại, phải đồng thời tăng cường quản lý chặt chẽ cán bộ, giáo dục ý thức cảnh giác nhằm giữ vững an ninh quốc gia.

Hội cần quản lý chặt chẽ việc chi tiêu và sử dụng hàng viện trợ nhân đạo, sử dụng đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không để thất thoát, lãng phí.

4. Việc sửa đổi điều lệ cần chú ý tính chất rộng rãi của tổ chức, chỉ kết nạp vào hội những người là công dân Việt Nam. Đồng thời bằng nhiều hình thức mở rộng hoạt động trong đồng bào đang sống ở nước ngoài.

5. Về cơ cấu ban chấp hành, cần bảo đảm tính chất rộng rãi của tổ chức bao gồm những người tiêu biểu, có uy tín, có nhiệt tình và có khả năng góp sức làm từ thiện, nhân đạo.

6. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 14 ngày 7-9-1987 của Ban Bí thư (khoá VI) "Về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam".

Hội Chữ thập đỏ ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cấp đó như các đoàn thể khác. Đảng lãnh đạo Hội thông qua đảng đoàn và tổ chức đảng. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương cùng với Hội xúc tiến việc chuẩn bị nhân sự Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trình Ban Bí thư xem xét quyết định.

7. Nhà nước tạo điều kiện về kinh phí, biên chế, phương tiện và điều kiện hoạt động để Hội làm tốt chức năng và nhiệm vụ được giao, đặc biệt là cơ quan Trung ương Hội.

8. Đồng ý để Hội tổ chức đại hội trong năm 1994.

Trước khi bước vào đại hội, cần giải quyết tốt các vướng mắc, tiêu cực, nhất là cơ quan Trung ương Hội, nhằm tạo ra sự đoàn kết nhất trí từ trung ương đến địa phương.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 69-TB/TW, ngày 7 tháng 5 năm 1994

Kết luận của Bộ Chính trị về các đề án trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII)

Trong các ngày 28, 29-4 và 2, 3-5-1994, sau khi nghe Ban Chỉ đạo chuẩn bị các đề án trình Hội nghị Trung ương bảy báo cáo nội dung dự thảo và những vấn đề cần xin ý kiến, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Nội dung ba vấn đề dự kiến trình Hội nghị Trung ương bảy (về công nghiệp hoá, hiện đại hoá; về phát triển khoa học và công nghệ; về xây dựng giai cấp công nhân) tuy có liên quan với nhau, nhưng không thể trình bày đầy đủ, cụ thể trong một đề án về công nghiệp hoá, hiện đại hoá; do đó cần chuẩn bị thành từng đề án và dự thảo nghị quyết riêng để Trung ương xem xét, quyết định.

2. Bộ Chính trị tán thành về cơ bản những nội dung đã trình bày trong các đề án dự thảo, đồng thời lưu ý một số vấn đề đối với từng đề án như sau:

- a) *Đề án về công nghiệp hoá, hiện đại hoá*
 - Về chủ đề của đề án

Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã xác định nhiệm vụ đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hội nghị Trung ương bảy sẽ tập trung bàn và cụ thể hoá việc thực hiện nhiệm vụ này. Do đó chủ đề của đề án về công nghiệp hoá, hiện đại hoá trước hết cần xác định rõ những chủ trương phát triển công nghiệp và công nghệ đến năm 2000, nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000; chuẩn bị điều kiện cho đất nước có bước phát triển cao hơn ở các thập kỷ sau.

Theo tinh thần đó, nên đưa về thứ hai trong tiêu đề của báo cáo dự thảo lên về thứ nhất.

Kỳ này chưa có điều kiện bàn sâu về định hướng cho cả thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mà mới phác qua một số nét lớn. Nội dung cần quán triệt là: không phải công nghiệp hoá nói chung, mà là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Tiêu đề có thể không cần nêu, nhưng tư tưởng trên cần được quán triệt.

- Về thực trạng và bối cảnh quốc tế

+ Cần tổng kết đầy đủ hơn về tình hình công nghiệp hoá ở nước ta qua các thời kỳ từ năm 1960 đến nay, làm rõ cả những mặt thành công và chưa thành công để rút ra những bài học kinh nghiệm cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn sắp tới, tránh lặp lại sai lầm cũ, và biết phát huy thêm những ưu điểm, những kinh nghiệm thành công.

+ Cần nghiên cứu, phân tích rõ hơn về bối cảnh quốc tế trên cả hai mặt thuận lợi và khó khăn cả về kinh tế và an

ninh quốc phòng; phải thấy hết tính chất gay gắt trong cạnh tranh quốc tế và âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch.

- Về mục tiêu

Cần xác định rõ mục tiêu của từng thời kỳ:

+ Từ nay đến năm 2000: phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu đã xác định trong Chiến lược kinh tế - xã hội đến năm 2000.

+ Mục tiêu tổng quát của cả thời kỳ công nghiệp hoá (dự kiến khoảng 30 năm): hoàn thành cơ bản việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, củng cố độc lập cả về chính trị, kinh tế lẫn các lĩnh vực khác.

- Về quan điểm

Tán thành sáu quan điểm trình bày trong dự thảo, nhưng cần bổ sung thêm và đưa lên hàng đầu quan điểm: công nghiệp hoá, hiện đại hoá là vấn đề tất yếu, bức xúc để giữ gìn độc lập dân tộc; khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, phấn đấu thu hẹp dần khoảng cách giữa ta với các nước trong khu vực; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Cần tạo sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân và ý nghĩa chiến lược của nhiệm vụ này để có quyết tâm thực hiện.

- Về chủ trương phát triển các ngành công nghiệp đến năm 2000

+ Định hướng phát triển công nghiệp phải dựa vào việc khai thác tối đa các nguồn lực, các thế mạnh. Song nước ta đất ít, tài nguyên có hạn, nguồn lực lớn và lâu bền nhất là con người Việt Nam. Vì vậy, phải phát triển công nghiệp chế

biến là chính, đẩy mạnh xuất khẩu để có thể nhập công nghệ, kỹ thuật hiện đại và các nguyên vật liệu cần thiết.

+ Phải xử lý tốt các mối quan hệ giữa nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, với công nghiệp nặng, trước mắt, phát triển công nghiệp nặng đến mức cần thiết nhằm phục vụ và thúc đẩy việc phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp làm hàng xuất khẩu. Về lâu dài phải tiến tới hình thành một cơ cấu công nghiệp; trong đó công nghiệp nặng có vai trò quan trọng; công nghiệp chế biến (theo nghĩa rộng) là chủ yếu; công nghiệp quốc phòng cần được chú ý; các ngành tiểu, thủ công nghiệp truyền thống cần được khôi phục và phát triển. Từ đó bố trí hợp lý vốn liếng phù hợp với từng giai đoạn, thực hiện phương châm lấy ngắn nuôi dài.

- Về các chính sách

+ Phải có chính sách cụ thể để đào tạo lại, đào tạo mới, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ; nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài để bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

+ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, cần có chính sách huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế. Tuy nhiên, kinh tế nhà nước ngày càng phải thể hiện vai trò chủ đạo bằng nhiều hình thức (100% vốn nhà nước hoặc Nhà nước nắm cổ phần khống chế), bảo đảm cho Nhà nước giữ được vai trò chi phối đời sống kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực phân phối. Cần xác định rõ những ngành và lĩnh vực chỉ có doanh nghiệp nhà nước đảm nhiệm, những ngành và lĩnh vực Nhà nước cần

liên doanh với các thành phần kinh tế khác, những ngành và lĩnh vực Nhà nước không cần trực tiếp đầu tư phát triển, để cho các thành phần khác làm.

Hợp tác hoá cũng là điều kiện để công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy cần tiếp tục nghiên cứu về kinh tế hợp tác, có chính sách khuyến khích các hình thức hợp tác phát triển.

Kinh tế tư bản tư nhân được phát triển trong các lĩnh vực luật pháp không cấm, nhưng cần xác định tỷ trọng, quy mô hợp lý. Chú ý nghiên cứu xu hướng phát triển của tư bản người Hoa, tư bản nước ngoài khác và tư bản Việt Nam, từng bước đưa họ vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước bằng những hình thức thích hợp.

+ Chính sách tài chính, tiền tệ phải được đổi mới, thực hiện tốt chức năng tạo vốn, huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng. Bảo đảm công bằng xã hội; khuyến khích kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác và các thành phần khác phát triển đúng hướng; động viên mọi người tiết kiệm, đầu tư phát triển.

Riêng về chính sách huy động vốn, cần quán triệt tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt là nguồn vốn để công nghiệp hoá phải dựa vào tích lũy từ nội bộ nền kinh tế là chính. Ngay trong thời kỳ đầu, cũng phải nhấn mạnh tư tưởng này, động viên mọi người, mọi nhà, mọi doanh nghiệp ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển. Đồng thời tận dụng mọi khả năng để huy động tối đa nguồn vốn bên ngoài, nhưng phải bảo đảm sử dụng có hiệu quả, trả được nợ. Việc vốn bên ngoài có lúc, có nơi chiếm tỷ trọng lớn hơn vốn trong nước là vấn đề thuộc phạm vi chỉ

đạo điều hành, không nên ghi cụ thể vào trong nghị quyết của Đảng, có thể dẫn đến tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào vốn bên ngoài.

+ Chính sách xã hội cần nhấn mạnh hơn khía cạnh công bằng xã hội (trước hết là công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất và điều kiện sản xuất) giữa các tầng lớp dân cư, các vùng, đặc biệt chú ý các vùng đồng bào dân tộc, vùng căn cứ cách mạng. Đây không chỉ là vấn đề có ý nghĩa kinh tế - xã hội, mà còn có ý nghĩa cả về an ninh, quốc phòng.

Phải tích cực xoá đói, giảm nghèo, tiến tới xoá nghèo.

+ Thực hiện tốt các hoạt động bảo hiểm xã hội.

+ Ngoài những chính sách đã nêu, cần cân nhắc, có thể bổ sung thêm một số chính sách khác, trong đó có chính sách về đô thị.

- Về cơ chế quản lý: là vấn đề lớn, đề án đề cập còn sơ sài. Hiện đang có xu hướng trở lại bao cấp (về vốn, về giá...) phân tán, chưa bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trước pháp luật. Nhà nước vẫn nắm một số cái không cần nắm và buông một số cái cần phải nắm. Cần xử lý để tiếp tục giải phóng hơn nữa sức sản xuất, tháo gỡ khó khăn cản trở sự phát triển của kinh tế quốc doanh, của các thành phần khác, đồng thời bảo đảm hiệu lực, hiệu quả và tính chất tập trung thống nhất trong quản lý vĩ mô của Nhà nước.

b) Đề án về phát triển khoa học và công nghệ

Cần làm rõ những vấn đề cần tập trung giải quyết, đưa ra những chính sách có khả năng thực thi. Lưu ý các biện pháp để sử dụng tốt bản thân đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có.

c) *Đề án về xây dựng giai cấp công nhân*

+ Cần tiếp tục chuẩn bị để nâng cao hơn chất lượng của đề án.

+ Khẳng định vai trò, vị trí có ý nghĩa quyết định của giai cấp công nhân đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

+ Phân tích sâu hơn thực trạng đội ngũ công nhân trong các thành phần kinh tế; làm rõ những biến đổi về cơ cấu của giai cấp công nhân trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từ đó đề ra các chủ trương, biện pháp tổ chức và vận động công nhân phù hợp.

+ Cần làm rõ hơn trách nhiệm lãnh đạo của các tổ chức đảng đối với công tác vận động giai cấp công nhân, chứ không chỉ riêng trách nhiệm của Công đoàn.

3. Ban Chỉ đạo chuẩn bị các đề án căn cứ ý kiến thảo luận và kết luận của Bộ Chính trị để bổ sung, tu chỉnh lại dự thảo. Sau đó cần xin thêm ý kiến chỉ đạo của đồng chí Cố vấn Nguyễn Văn Linh; tổ chức lấy ý kiến của các tỉnh, thành uỷ, các chuyên gia và cán bộ lão thành ở hai miền.

Chỉnh lý lại trình Bộ Chính trị cho ý kiến lần cuối vào khoảng hạ tuần tháng 6-1994 để chỉ đạo việc hoàn chỉnh các dự thảo báo cáo và dự thảo Nghị quyết trình Hội nghị Trung ương bảy. Hội nghị dự kiến sẽ tổ chức vào khoảng trung tuần tháng 7-1994.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MUỘI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 37-CT/TW, ngày 16 tháng 5 năm 1994

**Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ
trong tình hình mới**

Thực tiễn 10 năm thi hành Chỉ thị 44-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng "Về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ"¹⁾ đã xác nhận sự trưởng thành và đóng góp lớn lao của đội ngũ cán bộ nữ. Cán bộ nữ trong các ngành, các cấp tỏ rõ năng lực và phẩm chất chính trị, đảm đương tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

Song, trong các cơ quan lãnh đạo và quản lý, đội ngũ cán bộ nữ còn chiếm tỷ lệ thấp và đang có chiều hướng giảm sút. Tình hình trên, trước hết do cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp, các ngành chưa nhận thức đúng vai trò, khả năng của cán bộ nữ, thiếu những chính sách và biện pháp cụ thể trong việc chăm lo bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng và đề bạt cán bộ nữ, có nơi tư tưởng coi thường cán bộ nữ còn nặng nề. Việc chỉ

1) Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.45, tr.154 (B.T).

đạo công tác cán bộ nữ thiếu chặt chẽ, chưa thường xuyên. Một bộ phận cán bộ nữ còn an phận, thiếu ý chí vươn lên.

Sự nghiệp đổi mới của đất nước đang tạo ra môi trường mới cho sự phát triển tiềm năng của lao động nữ và cán bộ nữ.

Để làm tốt công tác cán bộ nữ trong tình hình mới, Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt một số việc dưới đây:

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức, quan điểm của Đảng về vấn đề cán bộ nữ

Cần làm cho cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc Nghị quyết 04-NQ/TW ngày 12-7-1993 của Bộ Chính trị "về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới". Việc nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội là yêu cầu quan trọng để thật sự thực hiện quyền bình đẳng, dân chủ của phụ nữ, là điều kiện để phát huy tài năng trí tuệ và nâng cao địa vị xã hội của phụ nữ. Chống những biểu hiện lệch lạc, coi thường phụ nữ, khắt khe, hẹp hòi trong đánh giá, đề bạt cán bộ nữ.

Đồng thời cần nhận rõ những đặc điểm riêng của cán bộ nữ, tạo nên sự thông cảm, giúp đỡ thiết thực để cán bộ nữ vươn lên, kể cả sự hỗ trợ và khích lệ từ mỗi gia đình cán bộ nữ.

Bản thân cán bộ nữ cần chủ động khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu, nâng cao phẩm chất và trình độ mọi mặt, tự khẳng định mình trong công tác, biết kết hợp hài hoà giữa công việc gia đình và công tác xã hội.

2. Có quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ

Cần xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng lao

động nữ nói chung và cán bộ nữ nói riêng. Trước mắt, các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở phải có quy hoạch cán bộ nữ.

Sớm xác định những ngành, những lĩnh vực phù hợp, phát huy được thế mạnh của phụ nữ, những chức danh lãnh đạo và quản lý cần có cán bộ nữ, từ đó có kế hoạch tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt và sử dụng.

Chú ý phát hiện tài năng trẻ và có quy trình đào tạo, bồi dưỡng thích hợp để sớm đề bạt, sử dụng.

Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ nữ làm công tác khoa học - kỹ thuật, kinh tế, pháp luật, hành chính, quản lý nhà nước..., cán bộ nữ dân tộc ít người, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa.

Các trường, lớp đào tạo, bồi dưỡng của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể, khi chiêu sinh cần có quy định tỷ lệ nữ một cách thoả đáng, đưa vào chương trình đào tạo những kiến thức về giới. Có những hình thức đào tạo, bồi dưỡng thích hợp với đặc điểm của cán bộ nữ như mở tại cơ sở, vùng, miền..., phân chia chương trình đào tạo thành những khoá ngắn ngày, tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi cho học viên nữ trong thời gian học tập.

3. Nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ trong các cấp, các ngành

Việc sử dụng, đề bạt cán bộ nữ phải dựa trên cơ sở quy hoạch, được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn theo chức danh công tác.

Trên cơ sở rà soát đội ngũ cán bộ nữ hiện có, có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cán bộ nữ vào những vị trí thích hợp, phù hợp với yêu cầu và năng lực của cán bộ.

Phải tăng thêm cán bộ nữ ở các cấp từ cơ sở đến Trung ương, kể cả cán bộ ngoài Đảng. Cụ thể:

- Tăng cấp uỷ viên nữ, uỷ viên thường vụ nữ trong các cấp uỷ đảng.

- Tăng cán bộ nữ trong các cấp chính quyền, các cơ quan dân cử (Quốc hội, hội đồng nhân dân), trong các đoàn thể và Mặt trận Tổ quốc.

- Những ngành đông nữ, những xí nghiệp quốc doanh đông nữ (30% trở lên) và những ngành mà chức năng, nhiệm vụ có liên quan nhiều đến vấn đề phụ nữ, các cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ, kế hoạch, chính sách, v.v. phải có tỷ lệ cán bộ nữ tương xứng và phải có cán bộ nữ giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt ở các cấp.

4. Xây dựng chính sách tạo điều kiện cho cán bộ nữ làm việc và khuyến khích tài năng nữ phát triển

Xây dựng chính sách cán bộ nữ tạo điều kiện cho chị em vừa hoàn thành tốt chức năng xã hội, vừa thực hiện tốt chức năng người mẹ.

Cần có chế độ trợ cấp cho cán bộ nữ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng khi còn nuôi con nhỏ ở độ tuổi nhà trẻ. Có chính sách khuyến khích đối với các ngành, các đơn vị sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động nữ.

Đặc biệt chú ý chính sách khuyến khích tài năng nữ trong các trường học, trong mọi lĩnh vực hoạt động. Những nữ khoa học có tài, những cán bộ nữ quản lý giỏi cần được khuyến khích sử dụng, khi cần thiết có thể nghỉ hưu ở tuổi 60 như nam giới.

Cần khuyến khích, huy động các lực lượng xã hội vào những hoạt động dịch vụ đời sống, chăm lo sức khoẻ, chăm

sóc trẻ nhỏ, giảm nhẹ lao động gia đình để phụ nữ có điều kiện nghỉ ngơi, giải trí, học tập nâng cao trình độ, đảm nhiệm tốt công việc được giao.

5. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong phụ nữ

Các tổ chức đảng thường xuyên tuyên truyền, bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong nữ thanh niên, nữ lao động trong các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, đặc biệt ở các vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng tôn giáo. coi trọng việc phát triển đảng trong số phụ nữ có triển vọng đưa vào quy hoạch cán bộ.

Cần nắm vững đặc điểm của đảng viên nữ để phân công công tác hợp lý. Những nơi có tỷ lệ đảng viên nữ ra khỏi Đảng cao, cần phân tích nguyên nhân và có biện pháp khắc phục.

6. Tổ chức chỉ đạo thực hiện

Các cấp uỷ đảng, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn và lãnh đạo các ngành cần quán triệt Chỉ thị này, chỉ đạo phổ biến Chỉ thị tới cán bộ, đảng viên của các cơ sở đảng. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị có kết quả.

Trong các cơ quan làm công tác tổ chức - cán bộ các cấp cần có bộ phận chuyên trách công tác cán bộ nữ để giúp cấp uỷ làm tốt công tác này.

Các Ban Cán sự Đảng có nhiệm vụ chỉ đạo các cơ quan nhà nước thể chế hoá những chủ trương đề ra trong Chỉ thị này thành các chính sách, quy định và hướng dẫn thi hành cụ thể.

Ban Tổ chức Đảng, Ban Dân vận và Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp có trách nhiệm giúp cấp uỷ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 72-TB/TW, ngày 26 tháng 5 năm 1994

Ý kiến của Bộ Chính trị về một số vấn đề quy hoạch, xây dựng Thủ đô Hà Nội

Ngày 6-5-1994, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đã nghe báo cáo một số vấn đề về quy hoạch, xây dựng Thủ đô Hà Nội.

Sau khi nghe Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Lê Ất Hợi và Kiến trúc sư trưởng thành phố Nguyễn Lâm trình bày một số quan điểm định hướng trong quy hoạch phát triển Thủ đô Hà Nội và quy hoạch kiến trúc đối với một số khu vực quan trọng của thành phố (như khu phố cổ, khu phố cũ, khu trung tâm hồ Hoàn Kiếm, khu vực Hồ Tây, khu trung tâm Ba Đình...), Bộ Chính trị có một số ý kiến như sau:

1. Về quy hoạch tổng thể, cải tạo và phát triển Thủ đô Hà Nội, Bộ Chính trị đã có dịp bàn và cho ý kiến. Hơn hai năm qua, Hà Nội vừa triển khai thực hiện, vừa tiếp tục xây dựng, quy hoạch cụ thể các mặt và đi sâu nghiên cứu những chuyên đề liên quan, với tinh thần trách nhiệm và thái độ nghiêm túc. Lần này, Bộ Chính trị lưu ý thêm một số vấn đề sau đây trong việc quy hoạch, xây dựng Thủ đô:

- Cần giữ cho Thủ đô Hà Nội phát triển với quy mô dân số vừa phải; muốn vậy, phải gắn việc quy hoạch phát triển Hà Nội với quy hoạch phát triển các vùng xung quanh, các thành phố vệ tinh trên địa bàn Hà Nội và địa bàn các tỉnh lân cận, thực hiện tốt chủ trương công nghiệp hoá nông nghiệp và công nghiệp hoá nông thôn, ly nông không ly hương ở các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ cũng như trong cả nước.

- Hà Nội phải thể hiện rõ tính chất của thành phố Thủ đô là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, đối ngoại của cả nước. Với tinh thần đó, trong quy hoạch, xây dựng Hà Nội, cần có những công trình hoặc khu vực văn hoá với tầm cỡ xứng đáng, ghi nhớ lịch sử oanh liệt của dân tộc, đặc biệt là các đời Lý, Trần, Lê, các giai đoạn và sự kiện lịch sử hiện đại như Cách mạng Tháng Tám, hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống ngoại xâm, Điện Biên Phủ, v.v.; chú ý quy hoạch tổng thể Bảo tàng Lịch sử và Bảo tàng Cách mạng trong một khu bảo tàng lịch sử thống nhất, đủ rộng, trang trọng và hài hoà với cảnh quan chung quanh. Cũng cần suy nghĩ quy hoạch xây dựng sao cho Thủ đô thể hiện được tính tiêu biểu cho cả nước.

- Phải xây dựng Thủ đô to đẹp, đàng hoàng, vừa hiện đại, vừa dân tộc; tiếp tục suy nghĩ để thể hiện rõ hơn nội dung của yêu cầu này trong công tác quy hoạch kiến trúc và xây dựng. Phải hết sức giữ gìn và tôn tạo những cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, độc đáo của Hà Nội, nhất là vẻ đẹp của các hồ lớn; sớm tiến hành xây kè các bờ hồ, nhất là Hồ Tây, bảo vệ diện tích mặt hồ, ngăn chặn mọi sự phá hoại, lấn chiếm hoặc làm ô nhiễm các hồ.

Cần quan tâm nhiều đến việc trồng cây xanh, nghiên cứu phát triển những loại cây trồng thích hợp ở thành phố, có dáng đẹp, không quá cao và không dễ bị đổ trong mùa gió bão; chú ý nhiều hơn nữa đến việc thiết kế những thảm cỏ xanh, trồng loại cỏ mượt và trồng hoa xen giữa những khu phố.

- Chú trọng nghiên cứu giải quyết tốt các vấn đề hạ tầng kỹ thuật đô thị như: cấp điện, cấp thoát nước, mạng lưới giao thông và thông tin liên lạc..., đặc biệt là vấn đề giao thông là vấn đề vừa quan trọng, vừa phức tạp đối với mọi thành phố lớn, hiện đại.

- Hướng chính để mở rộng thành phố Hà Nội là phía tây lên khu vực Xuân Mai, Hoà Bình và phía nam; việc mở rộng thành phố sang phía bắc sông Hồng chỉ nên có mức độ.

2. Tán thành những định hướng chủ yếu trong quy hoạch chi tiết các khu phố trọng điểm như khu phố cổ, khu phố cũ, khu vực Hồ Gươm, khu vực Hồ Tây, khu Trung tâm Ba Đình và các khu thành phố mới của Thủ đô đã được thành phố trình bày. Bộ Chính trị lưu ý thêm một số điểm sau đây:

- Khi nghiên cứu quy hoạch, cần dự báo chỉ tiêu từng thời kỳ về trình độ phát triển kinh tế, mức sống và các chỉ tiêu đặc trưng cho trình độ phát triển của đô thị đối với toàn thành phố và đối với các khu vực trọng điểm.

- Việc bảo tồn khu phố cổ là cần thiết và là một ý tốt, nhưng nên xem xét, xác định phạm vi khu vực bảo tồn hợp lý. Giữ mặt ngoài các khu phố này những cảnh quan, dáng vẻ kiến trúc đặc trưng của khu phố cổ. Mặt khác, phải cải tạo, nâng cao điều kiện sống và làm việc bên trong các khu phố này theo kịp mức sống văn minh của thời đại, thanh toán các khu ổ chuột mất vệ sinh, ô nhiễm và bảo đảm an toàn.

- Về quy hoạch khu Trung tâm Ba Đình: Chú ý giữ gìn cảnh quan chung ở xung quanh Lăng Bác với các công trình có chiều cao thích hợp, nhưng ở những khu vực phía ngoài có thể có những công trình cao tầng. Cần nghiên cứu kỹ các yêu cầu quy hoạch của khu Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

- Quy hoạch xây dựng khu vực chung quanh Hồ Gươm cũng nên theo nguyên tắc tương tự như đối với khu vực xung quanh Lăng Bác.

3. Trong quá trình nghiên cứu quy hoạch Thủ đô và xây dựng thành phố theo quy hoạch, cần đặc biệt chú ý tăng cường hiệu lực quản lý đô thị. Một số khu Hà Nội mới hiện còn thuộc các huyện như các khu Từ Liêm, Gia Lâm, cần sớm chuyển thành quận để quản lý theo cơ chế, chính sách đối với đô thị.

Chế độ kiến trúc sư trưởng thành phố, đại diện kiến trúc sư trưởng các quận, huyện, Hội đồng Kiến trúc - quy hoạch Thủ đô cần được hoàn thiện để phát huy tác dụng đầy đủ, tích cực đối với công tác quản lý, xây dựng đô thị. Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng và các bộ, ngành có liên quan cần tạo điều kiện để thực hiện tốt các chế độ này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 74-TB/TW, ngày 26 tháng 5 năm 1994

Kết luận của Ban Bí thư về công tác lưu trữ của Đảng

Ngày 26-4-1994, Ban Bí thư đã họp bàn về công tác lưu trữ của Đảng.

Sau khi nghe Văn phòng Trung ương báo cáo tình hình công tác lưu trữ của Đảng và trao đổi về thực trạng công tác lưu trữ của Đảng hiện nay và về các kiến nghị của Văn phòng Trung ương, đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã thay mặt Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Tài liệu lưu trữ là tài sản rất quý báu của Đảng, cần phải được quản lý tập trung thống nhất, bảo vệ an toàn, sử dụng có hiệu quả phục vụ sự lãnh đạo của Đảng và việc nghiên cứu lịch sử của Đảng.

Đến nay chúng ta đã thu thập và lưu trữ được một khối lượng lớn tài liệu quý giá của Trung ương Đảng. Tuy nhiên, việc quản lý, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ của Đảng và Đoàn Thanh niên vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu của một đảng cầm quyền; điều đặc biệt đáng quan tâm là nhiều

hồ sơ tài liệu của Đảng còn dễ phân tán, chưa giao nộp vào Kho Lưu trữ Trung ương. Vì vậy cần có chỉ thị của Ban Bí thư về việc tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương và các cấp uỷ đảng đối với công tác này.

2. Trước hết phải chấn chỉnh hệ thống lưu trữ của Đảng từ Trung ương đến địa phương nhằm bảo đảm quản lý thống nhất tài liệu lưu trữ của Đảng.

Văn phòng Trung ương giúp Ban Bí thư tổ chức cuộc họp với các cơ quan: Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hoá - Thông tin,... để bàn và giải quyết dứt điểm việc tập trung quản lý tài liệu lưu trữ của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Văn phòng Trung ương cùng Ban Tổ chức Trung ương quy định và hướng dẫn về tổ chức, biên chế cán bộ của các kho lưu trữ các cấp uỷ và Trung ương Đoàn Thanh niên.

Văn phòng Trung ương tiếp tục nghiên cứu trình Ban Bí thư sửa đổi và ban hành mới các quy chế cần thiết về công tác văn thư, lưu trữ của Đảng, trong đó có chế độ giao nộp, lưu trữ và khai thác sử dụng hồ sơ lưu trữ, chế độ bảo vệ bí mật của Đảng.

3. Phải xây dựng chương trình dài hạn và kế hoạch từng năm về việc tiếp tục triển khai việc sưu tầm, thu thập, xác minh tài liệu về lịch sử Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ở cả trong nước và ngoài nước.

Văn phòng Trung ương xúc tiến tổ chức việc dịch các tài liệu tiếng nước ngoài có trong Kho Lưu trữ Trung ương Đảng; chú ý chọn người dịch giỏi, tin cậy về chính trị.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bảo đảm kinh phí cho việc này.

4. Văn phòng Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chuẩn bị luận chứng, dự án thiết kế và lên kế hoạch trong năm 1995 triển khai việc xây dựng kho lưu trữ mới của Trung ương Đảng, với trang bị kỹ thuật hiện đại. Trong khi chưa có kho lưu trữ mới, cần có kế hoạch bảo đảm an toàn tuyệt đối Kho Lưu trữ Trung ương Đảng hiện đang sử dụng.

Cần có kế hoạch phục chế, tu bổ, sao chụp, bảo hiểm tài liệu lưu trữ, việc này dù có tốn kém cũng phải làm khẩn trương.

5. Phải có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ lưu trữ của Đảng, kể cả việc gửi cán bộ đi nghiên cứu và học tập kinh nghiệm ở nước ngoài. Văn phòng Trung ương bàn với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh việc đưa nội dung về công tác văn thư - lưu trữ vào chương trình giảng dạy chính khoá của trường.

Cán bộ làm công tác lưu trữ của Đảng phải là cán bộ tin cậy về chính trị, có phẩm chất, đạo đức tốt, không được để xảy ra các biểu hiện tiêu cực. Ban Bí thư giao Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác lưu trữ.

6. Ban Bí thư phân công đồng chí Đào Duy Tùng thay mặt Ban Bí thư giải quyết các vấn đề về công tác lưu trữ do Chánh Văn phòng Trung ương đề nghị; các vấn đề về cơ sở vật chất và về khoa học, công nghệ của công tác lưu trữ

thì Văn phòng Trung ương báo cáo xin ý kiến chỉ đạo giải quyết của đồng chí Nguyễn Hà Phan và đồng chí Nguyễn Đình Tú.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 73-TB/TW, ngày 27 tháng 5 năm 1994

Ý kiến của Bộ Chính trị về chủ trương điều hành mặt bằng giá một số vật tư quan trọng trong năm 1994 và một vài năm tiếp theo

Sáng 27-5-1994, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo tình hình giá cả trong những tháng đầu năm 1994 và dự kiến chủ trương, biện pháp điều hành mặt bằng giá một số vật tư quan trọng (xăng dầu, điện, xi măng, sắt thép, phân bón) trong năm 1994 và một vài năm tiếp theo, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Năm 1993 và những tháng đầu năm 1994, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình giá cả, tài chính, tiền tệ, ngân sách đang còn nhiều bất hợp lý: giá cả một số mặt hàng chưa phù hợp với giá trị, lãi suất tiền gửi và cho vay còn cao so với mức trượt giá, tỷ lệ huy động vốn tích lũy còn thấp, ngân sách còn thất thu và mất cân đối lớn...

Trong bối cảnh đó, việc thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ một số mặt hàng như đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ là cần thiết. Nhưng cần bảo đảm các nguyên tắc chung là:

- Giữ vững ổn định kinh tế - xã hội, khống chế mức lạm

phát trong năm 1994 ở mức một con số như nghị quyết của Quốc hội đã quyết định.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển sản xuất, tăng thu cho ngân sách, động viên thêm được các nguồn vốn cho tích lũy và trả nợ.

- Không gây ảnh hưởng đến đời sống, nhất là đời sống của số đông người hưởng lương.

Căn cứ vào nguyên tắc chung trên đây, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc quyết định cụ thể mức điều chỉnh và thời điểm thực hiện.

2. Ngoài một số mặt hàng đã nêu trong phương án, cần chỉ đạo việc nghiên cứu, điều chỉnh các mức lãi suất tiền gửi và cho vay phù hợp với chỉ số trượt giá trong từng thời kỳ, bảo đảm kích thích sản xuất phát triển và hạn chế tình trạng tư thương kiếm lời lớn qua lãi suất. Nghiên cứu, điều hành linh hoạt tỷ giá đồng Việt Nam so với đồng đôla Mỹ, bảo đảm phản ánh đúng giá trị đồng tiền Việt Nam và có tác động tích cực đến xuất khẩu.

3. Để tiếp tục giữ ổn định kinh tế - xã hội, bảo đảm tốc độ phát triển như dự kiến kế hoạch năm 1994, Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần đặc biệt coi trọng chỉ đạo công tác điều hành và quản lý vĩ mô, tập trung xử lý tốt các quan hệ cung cầu, quan hệ xuất nhập và thu chi ngân sách. Thực hiện mọi biện pháp để giữ mức bội chi ngân sách như đã dự kiến và phấn đấu giảm bội chi dưới mức dự kiến; dứt khoát không phát hành tiền để bù đắp bội chi ngân sách.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 38-CT/TW, ngày 30 tháng 5 năm 1994

**Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc
và giáo dục trẻ em**

Thực hiện các nghị quyết của Đảng, Công ước quốc tế về quyền trẻ em, các luật và Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em 1991-2000, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở nước ta những năm qua đã có tiến bộ đáng kể.

Tỷ lệ mắc bệnh và tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi giảm nhanh. Số trẻ em trong độ tuổi vào học các trường mẫu giáo, tiểu học và phổ thông năm học 1993-1994 tăng khá so với năm học trước. Việc chăm sóc, tạo điều kiện phát triển cho trẻ em có năng khiếu được thực hiện tốt hơn. Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em khuyết tật, trẻ em lang thang cơ nhỡ bước đầu được giúp đỡ. Ngân sách đầu tư cho trẻ em từ các nguồn ngày càng tăng. Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em các cấp đã hình thành. Việc xã hội hoá công tác chăm sóc trẻ em được chú ý. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chăm sóc trẻ em được tăng cường và có hiệu quả.

Tuy nhiên, tình hình trẻ em và công tác bảo vệ, chăm

sóc và giáo dục trẻ em còn nhiều vấn đề bức xúc cần được giải quyết.

Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi còn cao. Còn hơn 2 triệu trẻ em thất học, số trẻ em chưa hoàn thành cấp tiểu học còn lớn. Điều kiện chăm sóc sức khỏe, học tập, vui chơi, rèn luyện thể lực của trẻ em còn nghèo nàn, nhất là ở vùng cao, vùng sâu.

Đạo đức, nếp sống ở một số trẻ em thiếu lành mạnh. Số trẻ em lang thang kiếm sống, lao động làm thuê ở các đô thị, trẻ em gái bị lợi dụng tình dục, trẻ em phạm pháp có chiều hướng tăng. Một số hiện tượng người lớn ngược đãi, lợi dụng trẻ em chưa được xử lý nghiêm minh.

Nguyên nhân của tình hình trên một phần do kinh tế chậm phát triển, dân số tăng nhanh. Song, chủ yếu là do một số cấp uỷ đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa chiến lược và nội dung công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong giai đoạn mới; công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện ở một số ngành, địa phương còn thiếu kế hoạch và biện pháp cụ thể; chưa xây dựng được phong trào mạnh mẽ của toàn xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; không ít gia đình chưa biết cách nuôi dạy và thiếu trách nhiệm đối với con, thậm chí có gia đình còn dung túng con em làm những điều trái pháp luật. Uỷ ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em mới được hình thành, chưa đủ mạnh, đặc biệt là ở cấp cơ sở.

Trẻ em là nguồn hạnh phúc của gia đình, là tương lai của dân tộc, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cần được ưu tiên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: "Vì lợi ích mười năm phải trồng

cây; vì lợi ích trăm năm phải trồng người". Sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, của mọi công dân và mỗi gia đình. Trong phạm vi khả năng của mình, cần tạo điều kiện tối đa để mọi trẻ em được bảo vệ, chăm sóc và được phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ.

Để tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, các cấp uỷ đảng, các Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn cần lãnh đạo thực hiện một số việc trước mắt dưới đây:

1. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác trẻ em; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Luật Phổ cập giáo dục tiểu học; Công ước quốc tế quyền trẻ em; các mục tiêu vì trẻ em đến năm 1995 và năm 2000. Phổ biến các kiến thức, phương pháp nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Tuyên truyền nâng cao trách nhiệm của gia đình, đặc biệt là của bố mẹ, đối với việc nuôi dưỡng, giáo dục con cái.

Mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, trước hết là cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành cần gương mẫu thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Đẩy tới một bước các hoạt động chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho trẻ em. Thực hiện tốt Luật Phổ cập giáo dục tiểu học; giáo dục đạo đức, nếp sống cho học sinh. Xây dựng các điểm văn hoá, vui chơi cho trẻ em; có biện pháp chủ động ngăn ngừa, đấu tranh chống ảnh hưởng của văn hoá phẩm độc hại đối với trẻ em. Xây dựng và thực hiện chính sách chăm sóc, bảo vệ các trẻ em đặc biệt khó khăn. Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi kịp thời các điều khoản luật pháp, các chính sách có liên quan đến trẻ em, ban hành luật đối với trẻ vị thành

niên; xử lý kịp thời các vụ vi phạm quyền trẻ em hoặc lợi dụng, lôi kéo, xúi giục trẻ em làm trái pháp luật.

3. Tăng cường đầu tư ngân sách cho các chương trình mục tiêu vì trẻ em. Có chính sách khuyến khích các hoạt động sáng tác văn học nghệ thuật, nghiên cứu khoa học, sáng chế phát minh, sản xuất kinh doanh phục vụ trực tiếp cho các nhu cầu sức khỏe, giáo dục, văn hoá, vui chơi, phát triển năng khiếu của trẻ em.

4. Phát triển phong trào toàn dân chăm sóc, giáo dục trẻ em. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, phối hợp chặt chẽ với các ngành chuyên môn, thường xuyên tuyên truyền vận động, tổ chức hướng dẫn các thành viên trong gia đình biết cách nuôi con khỏe, dạy con ngoan; đúc kết và phát triển rộng rãi các phong trào đã tiến hành có hiệu quả.

Tổ chức "Tháng hành động vì trẻ em" từ 15-5 đến 30-6 hằng năm, nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội, tổ chức hành động hướng vào giải quyết một số mục tiêu cụ thể.

5. Kiện toàn hệ thống Ủy ban Bảo vệ chăm sóc trẻ em các cấp theo hướng tinh gọn; nâng cao năng lực tổ chức phối hợp với các ngành, đoàn thể trong công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chương trình mục tiêu vì trẻ em.

*

* *

Các cấp uỷ đảng, các Ban Cán sự Đảng, các đảng đoàn cần lãnh đạo thực hiện tốt Chỉ thị này.

Ban Khoa giáo Trung ương phối hợp với Ủy ban Bảo vệ chăm sóc trẻ em Việt Nam có trách nhiệm giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 77-TB/TW, ngày 19 tháng 6 năm 1994

Về thực hiện Nghị quyết Trung ương bốn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Ngày 24-5-1994, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã nghe báo cáo "Tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương về giáo dục và đào tạo" do Ban Khoa giáo Trung ương trình bày.

Tham dự buổi làm việc có các đồng chí: Nguyễn Thị Bình, Phó Chủ tịch nước; Nguyễn Khánh, Phó Thủ tướng Chính phủ; Trần Hồng Quân, Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo; Trần Thị Tâm Đan, Chủ nhiệm Ủy ban văn hoá và giáo dục của Quốc hội và đại diện một số ban, bộ có liên quan.

Sau đây là những kết luận chính của Ban Bí thư:

1. Những chuyển biến tích cực

Sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương bốn, công tác giáo dục - đào tạo đã có những chuyển biến đáng khích lệ. So với năm học 1990-1991, số lượng học sinh ở tất cả các cấp học, bậc học đều tăng hơn và bắt đầu có sự phát

triển về quy mô. Ngoài trường công, ở một số địa phương bắt đầu phát triển nhiều loại hình trường lớp đa dạng. Các trường phổ thông dân tộc nội trú phát triển nhanh, có tác dụng tốt tới giáo dục ở vùng núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều nơi đã dành thêm kinh phí địa phương, huy động vốn trong dân để xây dựng trường học, nâng cấp hoặc xây nhiều phòng học khang trang hơn. Kỷ cương, nề nếp trong nhà trường phổ thông có chiều hướng tiến bộ.

Các trường, lớp dạy nghề, nhất là dạy nghề ngắn hạn, phát triển khá mạnh, góp phần tích cực vào việc giáo dục nghề nghiệp cho thanh niên.

Một số trường đại học đã cố gắng gắn đào tạo với sản xuất và có trường đạt những kết quả đáng kể, được xã hội thừa nhận. Ngành đại học đang trong quá trình cải cách hệ thống đào tạo; xây dựng lại mục tiêu, chương trình, nội dung, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp cho phù hợp với yêu cầu đổi mới nền kinh tế và xã hội.

Một số chương trình - mục tiêu của Bộ Giáo dục - Đào tạo đã có tác dụng rõ rệt như chương trình hỗ trợ giáo dục miền núi, chương trình nâng cấp cơ sở vật chất, chương trình đưa tin học vào trường phổ thông, chương trình xóa lớp học ba ca, v.v..

2. Những tồn tại chính

Tuy đạt được một số kết quả đáng khích lệ, nhưng so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, sự chuyển biến của giáo dục - đào tạo nhìn chung còn chậm; nền giáo dục vẫn ở trong tình trạng yếu kém:

- Hiện nay vẫn còn khoảng 3 triệu người từ 15 đến 25

tuổi mù chữ. Trẻ em thất học trong độ tuổi từ 6 đến 14 có khoảng 2 triệu (không kể 1 triệu trẻ em hằng năm bỏ học ở bậc tiểu học). Những người mù chữ, trẻ em thất học, bỏ học chủ yếu ở vùng dân tộc ít người, vùng cao, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học tiến triển chậm. Sở dĩ như vậy vì chúng ta chưa có cách làm đúng, phù hợp với truyền thống hoàn cảnh nước ta, chưa gây được phong trào cách mạng của quần chúng trong việc xoá mù chữ và phổ cập cấp I; có tâm lý trông chờ kinh phí của Trung ương, thậm chí có hiện tượng cắt xén kinh phí dành cho giáo dục để làm việc khác. Các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội thiếu năng động và sáng tạo trong công tác xoá mù chữ. Việc chỉ đạo và hỗ trợ của Trung ương còn dàn trải, chưa tập trung vào những đối tượng trọng điểm, vùng trọng điểm; thiếu cơ chế thu hút, động viên, khuyến khích những người biết chữ, các tổ chức xã hội, đoàn thể tham gia tích cực công tác này.

- Đội ngũ giáo viên đang thiếu về số lượng (đặc biệt ở tiểu học), yếu về chất lượng, không đồng bộ. Từ Trung ương tới địa phương còn thiếu quy hoạch, kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và sàng lọc, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp, bậc học.

Hệ thống trường sư phạm xuống cấp trầm trọng, không đủ sức đáp ứng yêu cầu về đào tạo đội ngũ thầy giáo giỏi cho đất nước.

Tuy đời sống của giáo viên có được cải thiện, nhưng nhìn chung đại bộ phận thầy, cô giáo vẫn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới việc nâng cao chất lượng dạy học.

Hệ thống chế độ, chính sách còn có những điểm chưa hợp lý.

- Tuy có chuyển biến tích cực nhưng nhìn chung giáo dục ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn ở trình độ rất thấp. Chính sách về giáo dục đối với các vùng này chưa tập trung vào mục tiêu chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; chưa đồng bộ với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; thiếu chính sách thực sự hấp dẫn giáo viên và đầu tư chưa thoả đáng đối với các vùng này.

- Việc giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức cho học sinh, sinh viên chưa được coi trọng. Chất lượng chính trị chưa được xem là tiêu chuẩn quan trọng trong việc đào tạo thế hệ trẻ, kế tục sự nghiệp của lớp người đi trước.

Việc quản lý và giảng dạy các môn đạo đức ở tiểu học, giáo dục công dân ở phổ thông trung học và các môn khoa học Mác - Lênin ở đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đang gặp nhiều lúng túng cả về nội dung và phương pháp. Việc củng cố, tổ chức, nâng cao chất lượng giảng dạy, bồi dưỡng giáo viên các bộ môn này là yêu cầu bức thiết.

- Việc chỉ đạo thực hiện chủ trương "thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục" còn nhiều lúng túng. Các chế độ hiện hành về học bổng và học phí còn bất hợp lý, làm cho con em các gia đình nghèo không có điều kiện để tiếp tục học bậc cao.

- Số sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm chiếm 41% tổng số sinh viên mới tốt nghiệp; nhiều sinh viên làm những công việc trái với nghề được đào tạo; thiếu chính sách khuyến khích việc làm đối với các sinh viên tốt nghiệp xuất sắc. Trong khi sinh viên tốt nghiệp không có việc làm thì trường,

viện nghiên cứu lại thiếu cán bộ trẻ; nhiều địa phương thiếu trầm trọng cán bộ có trình độ đại học.

Để giải quyết tốt vấn đề này, cần có chính sách sử dụng sinh viên tốt nghiệp, đào tạo gắn với sử dụng.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của các trường học quá nghèo nàn và lạc hậu so với sự phát triển giáo dục của các nước trong khu vực, thua xa nền giáo dục hiện đại trên thế giới. Đại bộ phận các trường (kể cả đại học) còn "dạy chay".

- Việc sắp xếp mạng lưới các trường đại học tiến hành chậm. Nhiều vấn đề có tính chiến lược phát triển đại học còn chưa xác định rõ ràng: quan hệ giữa đào tạo trước mắt và lâu dài, tính cân đối trong đào tạo, giữa số lượng và chất lượng, giữa đào tạo trong nước và nước ngoài, giữa đào tạo, nghiên cứu và sản xuất, v.v..

3. Nhiệm vụ trong thời gian tới

Để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương bốn về giáo dục - đào tạo, Ban Bí thư yêu cầu:

- Các cấp uỷ đảng, các ban cán sự đảng ở các ngành, các cấp cần tiến hành đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương bốn về giáo dục - đào tạo trong hơn một năm qua; kịp thời rút kinh nghiệm và tập trung chỉ đạo, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ hơn trong công tác giáo dục ở phạm vi trách nhiệm của mình. Tìm ra phương thức, cách làm riêng, phù hợp với truyền thống cách mạng của nhân dân ta và hoàn cảnh hiện nay của nước ta nói chung và của từng địa phương nói riêng sao cho tạo ra được phong trào cách mạng trên mặt trận giáo dục, huy động tất cả các lực

lượng xã hội, các đoàn thể quần chúng, mọi gia đình và mọi người dân tham gia xây dựng sự nghiệp giáo dục.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục - Đào tạo nghiên cứu và tiến hành xây dựng ngay một số chương trình và đề án nhằm giải quyết từng vấn đề mấu chốt của giáo dục. Chương trình và đề án nào thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Giáo dục - Đào tạo thì cần tổ chức triển khai thực hiện ngay. Những chương trình và đề án còn lại cần phân làm hai loại: loại trình Chính phủ xét duyệt và chỉ đạo thực hiện; loại trình Ban Bí thư xem xét, thảo luận và cho ý kiến chỉ đạo.

Các chương trình và đề án cần tập trung xử lý các vấn đề sau đây: Xây dựng đội ngũ thầy giáo; rà soát lại các chế độ, chính sách đối với giáo viên, nhất là chế độ đối với những giáo viên công tác ở những vùng khó khăn; đổi mới hệ thống các trường sư phạm; xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học với những giải pháp và cách làm mới; đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các bộ môn đạo đức và khoa học Mác - Lênin; nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức cho học sinh, sinh viên; các chế độ học phí, học bổng, tín dụng giáo dục, sử dụng sinh viên tốt nghiệp; chiến lược và kế hoạch cụ thể đào tạo cán bộ ở nước ngoài; kế hoạch xây dựng các trường đại học quốc gia, đại học khu vực; đề án về các nguồn đầu tư cho giáo dục; sự phân công, phân cấp quản lý giáo dục...

Khi tổ chức triển khai thực hiện các chương trình và đề án về giáo dục - đào tạo, nếu xét thấy cần thiết, có thể tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc để bàn bạc.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục - Đào tạo có trách nhiệm

hướng dẫn, tổ chức phối hợp thực hiện tốt những kết luận của Ban Bí thư nêu trong Thông báo này.

Nghị quyết về giáo dục của Hội nghị Trung ương bốn còn phải thực hiện thời gian dài. Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục - Đào tạo tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và tích cực chuẩn bị tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết này vào năm 1995.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 79-TB/TW, ngày 11 tháng 7 năm 1994

Ý kiến của Ban Bí thư về việc mở lớp bồi dưỡng lý luận cho đội ngũ giáo viên

Sau khi nghe báo cáo của Ban Khoa giáo Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục - Đào tạo, một số cơ quan có liên quan, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương mở các lớp bồi dưỡng lý luận cho đội ngũ giáo viên các trường đảng, trường đoàn thể, trường hành chính, giáo viên Mác - Lênin và trưởng phòng công tác chính trị của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, cán bộ phụ trách công tác giáo dục chính trị của các sở giáo dục trong cả nước. Trước mắt, vào dịp hè năm 1994, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở một lớp (ở Hà Nội); Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục - Đào tạo mở hai lớp (ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh).

Mục đích của các lớp bồi dưỡng nhằm giúp cho đội ngũ giáo viên, cán bộ nắm vững các quan điểm của Đảng để quán triệt trong giảng dạy, trong nghiên cứu khoa học, quản lý và

trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay. Qua các lớp này, hệ thống quan điểm của Đảng được truyền bá đúng đắn đến nhiều đối tượng rộng lớn trong xã hội.

2. Nội dung bồi dưỡng gồm: Hệ thống quan điểm đối mới của Đảng ta; Nghị quyết Trung ương bảy; tình hình quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay; phê phán những luận điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng ta; cuộc đấu tranh chống chiến lược diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch; một số vấn đề lý luận thuộc Chương trình KX.10.

Với những nội dung trên, các cơ quan chủ trì tổ chức lớp nghiên cứu xây dựng chương trình cụ thể phù hợp với yêu cầu đặc điểm từng đối tượng.

3. Về phương pháp nghiên cứu: Chủ yếu cung cấp, truyền đạt thông tin, coi trọng phát huy tính tự chủ, sáng tạo của người học.

4. Về tài liệu:

- Văn kiện Hội nghị Trung ương bảy.
- Một số tài liệu tham khảo nội bộ về quan hệ quốc tế, về diễn biến hoà bình, về quan điểm lý luận sai trái... do Văn phòng Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và Ban Đối ngoại Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị.

- Một số dự thảo kết luận của các đề tài lý luận thuộc Chương trình KX.10.

Các tài liệu trên có quy chế sử dụng riêng do Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư quy định.

5. Về báo cáo viên: Với ý nghĩa quan trọng của lớp bồi dưỡng, Ban Bí thư đồng ý đề nghị một số đồng chí lãnh đạo

của Đảng và Nhà nước, một số chủ nhiệm các đề tài thuộc Chương trình KX.10 trực tiếp trình bày nội dung bồi dưỡng cho các lớp năm 1994.

*

* *

Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì cùng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục - Đào tạo có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện chủ trương này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 40-CT/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1994

Về Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật ở Trung ương

Hiện nay ở Trung ương có chín Hội Văn học, nghệ thuật và Ủy ban Trung ương Liên hiệp văn học, nghệ thuật Việt Nam. Các hội tập hợp đông đảo văn nghệ sĩ trong cả nước với tổng số hội viên trên 7.000. Theo điều lệ của các hội, trong năm 1994 các hội đều đến thời hạn họp Đại hội VIII. Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Tiếp tục truyền thống từ thời Hội Văn hoá cứu quốc do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo, trải qua mấy thập kỷ cách mạng và kháng chiến cho đến công cuộc đổi mới hôm nay, đại bộ phận văn nghệ sĩ nước ta đã tỏ rõ là người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, nghệ thuật đứng dưới ngọn cờ của Đảng.

Trong nhiệm kỳ 5 năm vừa qua, các hội đã có nhiều cố gắng tập hợp, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho hội viên phát huy năng lực sáng tạo, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gắn bó với đời sống, đã tạo ra những tác phẩm tốt, có giá trị, được công chúng hoan

nghênh và yêu thích. Các hội còn cố gắng tìm tòi những phương thức hoạt động mới thích ứng với bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay, chăm lo đời sống hội viên, chăm sóc các văn nghệ sĩ cao tuổi và phát hiện, bồi dưỡng các tài năng trẻ.

Tuy vậy, hoạt động của các hội trong nhiệm kỳ vừa qua còn nhiều khó khăn và lúng túng. Đội ngũ tuy đông và có nhiều cố gắng nhưng hoạt động sáng tạo vẫn chưa đáp ứng các yêu cầu của nhân dân và của sự nghiệp đổi mới. Trong tình hình hiện nay và về lâu dài, các hội có vai trò quan trọng trong việc tập hợp đội ngũ văn nghệ sĩ phát huy tiềm năng sáng tạo, phát hiện, chăm sóc và bồi dưỡng nhân tài, hướng vào phát triển nền văn học, nghệ thuật nước nhà, xứng đáng với dân tộc và thời đại.

2. Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật ở Trung ương sắp tới là sinh hoạt chính trị và nghề nghiệp rất quan trọng của đội ngũ văn nghệ sĩ trong cả nước. Đại hội của các hội lần này có thuận lợi lớn là Nghị quyết Trung ương lần thứ tư (khoá VII) và Nghị quyết Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ mới đây đã đề ra các tư tưởng chỉ đạo và các biện pháp chủ yếu để tiếp tục xây dựng, phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật nước nhà. Đó là một cơ sở quan trọng để các hội đánh giá công việc đã làm, bàn bạc phương hướng, nhiệm vụ và đề ra chương trình hành động trong nhiệm kỳ tới.

Với ý thức trách nhiệm, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, việc tiến hành đại hội của các hội cần đạt các yêu cầu sau:

a) Đánh giá đúng tình hình hoạt động của hội trong nhiệm kỳ vừa qua, khẳng định những thành tựu, đồng thời phân tích sâu sắc những mặt yếu kém và tồn tại cần khắc phục trong lĩnh vực hoạt động của mình. Từ thực tiễn hoạt

động, cố gắng tổng kết các vấn đề có tính lý luận, các bài học kinh nghiệm, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho hoạt động sáng tạo và các biện pháp có tính khả thi để tiếp tục xây dựng, phát triển, đổi mới hoạt động của hội.

b) Đoàn kết, tập hợp rộng rãi đội ngũ, tạo không khí hổi, hăng say sáng tạo, phát huy phẩm chất tốt đẹp của người nghệ sĩ - chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, nghệ thuật, phấn đấu để có nhiều tác phẩm hay, phản ánh chân thực với tính tư tưởng và nghệ thuật cao công cuộc đổi mới trong thời kỳ đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

c) Xây dựng được mô hình thích hợp của hội trên các mặt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, nội dung hoạt động và tạo điều kiện cho sự phát huy mọi tiềm năng sáng tạo, bảo đảm thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của hội. Bầu ra được một ban lãnh đạo mới của hội đáp ứng với những yêu cầu nhiệm vụ nêu trên; những người lãnh đạo chủ chốt cần vững vàng về chính trị, có uy tín, phẩm chất và năng lực điều hành công việc ngày một phong phú, đa dạng của hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật.

3. Bảo đảm định hướng đúng đắn theo đường lối của Đảng, chuẩn bị và tiến hành tốt đại hội là trách nhiệm trước hết của các đảng đoàn văn học, nghệ thuật, của các tổ chức đảng và đảng viên là hội viên các hội.

Các cấp ủy tỉnh, thành phố, các ngành có liên quan cần quan tâm chỉ đạo và tạo mọi điều kiện về tinh thần và vật chất để các hội viên đang công tác tại địa phương, ngành đi tham dự đại hội các hội ở trung ương đạt các yêu cầu đã ghi trong Chỉ thị này.

Đảng đoàn, ban lãnh đạo các hội cần tập trung sức chuẩn bị tốt nội dung các yêu cầu đã nêu trên. Ban Bí thư uỷ nhiệm Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chỉ đạo công việc chuẩn bị và tiến hành đại hội của các hội. Ban Bí thư sẽ trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo một số hội.

Các đại hội cần được tổ chức tiết kiệm, tránh phô trương, hình thức. Kinh phí cho các đại hội sẽ do ban lãnh đạo các hội trình với Chính phủ xem xét giải quyết.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 87-QĐ/TW, ngày 13 tháng 7 năm 1994

Về chức năng, nhiệm vụ của Báo *Nhân dân*

Báo *Nhân dân* là cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Bí thư. Báo *Nhân dân* có chức năng thông tin, tuyên truyền, cổ động những nhiệm vụ chính trị của cách mạng Việt Nam do Đảng đề ra. Là người tuyên truyền vừa là "người tổ chức tập thể", báo Đảng góp phần quan trọng vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế vì thắng lợi của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Báo *Nhân dân* là tiếng nói của Trung ương Đảng, cũng là tiếng nói của Nhà nước, là người phát ngôn trung thực của Đảng và Nhà nước ta trong phạm vi cả nước và trước dư luận thế giới. Báo *Nhân dân* đồng thời là diễn đàn của nhân dân, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị và những sáng kiến, kinh nghiệm của nhân dân và các đoàn thể nhân dân.

Báo *Nhân dân* là ngọn cờ chính trị và tư tưởng của Đảng trên mặt trận báo chí nước ta, chiếc cầu liên lạc hằng ngày của Đảng, Nhà nước với đông đảo nhân dân. Đối tượng đọc báo là cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Nhiệm vụ của Báo *Nhân dân* trên mặt trận thông tin là:

1. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, giáo dục lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lối sống lành mạnh, truyền thống tốt đẹp văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá của loài người trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, đảng viên và nhân dân đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Thông tin và bình luận kịp thời, chính xác, với định hướng đúng đắn các sự kiện quan trọng trong nước và trên thế giới, cổ vũ những nhân tố mới, hướng suy nghĩ và hành động của cán bộ, đảng viên, nhân dân vào những mục tiêu cụ thể và thiết thực của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tham gia việc chỉ đạo, phát động và tổ chức các phong trào của quần chúng.

4. Là diễn đàn của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phản ánh trung thực ý chí và nguyện vọng chính đáng của đông đảo nhân dân; từ những vấn đề đặt ra trong cuộc sống, góp phần vào việc kiểm nghiệm, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

5. Tuyên truyền đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, góp phần mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp

tác quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước, tranh thủ và tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. Đấu tranh kiên quyết, chủ động, kịp thời, sắc bén và có sức thuyết phục, chống lại các luận điệu và hành động của các thế lực thù địch có hại đến sự nghiệp cách mạng nước ta. Đấu tranh kiên quyết, kịp thời và chính xác chống tệ tham nhũng, buôn lậu, quan liêu, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác.

Căn cứ vào những quy định nói trên, Ban Biên tập Báo *Nhân dân* đề ra chương trình hành động cụ thể trong từng thời gian, sắp xếp bộ máy tổ chức và xây dựng quy chế làm việc của cơ quan.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 80-TB/TW, ngày 13 tháng 7 năm 1994

Kết luận của Ban Bí thư về việc đổi mới nâng cao chất lượng báo *Nhân dân*

Ngày 24-6-1994, Ban Bí thư đã nghe Ban Biên tập báo *Nhân dân* báo cáo về một số vấn đề đổi mới, nâng cao chất lượng báo *Nhân dân*, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban Bí thư kết luận một số vấn đề sau đây:

1. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, đổi mới báo chí dưới sự lãnh đạo của Đảng, báo *Nhân dân* đã có những cố gắng đổi mới và tiến bộ:

- Thể hiện được những quan điểm của Đảng trên các lĩnh vực, tuy có sai sót nhưng ít. Có cố gắng phấn đấu vươn lên trở thành ngọn cờ chính trị và tư tưởng của Đảng trên mặt trận báo chí.

- Từng bước đổi mới nội dung thông tin theo hướng kịp thời, đa dạng, nhiều chiều, đúng định hướng; chú trọng tuyên truyền mặt tích cực, nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống tiêu cực có trọng điểm.

- Có cố gắng nhất định trong việc đổi mới các thể tài, thể

loại và hình thức trình bày, làm cho tờ báo gần bó hơn với nhân dân, bạn đọc.

- Đội ngũ cán bộ báo *Nhân dân* từng bước nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ và đạo đức nghề nghiệp, cố gắng đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Tuy vậy, báo còn một số điểm yếu sau:

- Thông tin chưa phong phú, đa dạng, một số thông tin chưa kịp thời. Điểm yếu lớn nhất là thiếu những bài chỉ đạo và nghiên cứu có tầm cỡ lớn về chính trị, tư tưởng đề cập sâu sắc những vấn đề quan trọng và cấp bách của cuộc sống; chưa có nhiều phóng sự sinh động phản ánh thực tiễn sự nghiệp đổi mới; tuyên truyền và bình luận quốc tế chưa sắc sảo; trang văn hoá văn nghệ... chưa ngang tầm đòi hỏi đối với báo Đảng, có mặt sút kém.

Báo còn đăng quá nhiều tin lễ tân chưa theo đúng tinh thần Chỉ thị số 19 của Ban Bí thư, nhiều bài còn dài. Cách viết và trình bày thiếu sinh động, in còn xấu, ảnh chưa đẹp. Do đó, báo chưa hấp dẫn, nhất là đối với thanh niên; số phát hành chưa cao, nhất là các tỉnh phía nam.

- Về kiến thức, phong cách và trình độ nghề nghiệp của một số phóng viên chưa chuyển kịp để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới, của báo chí hiện đại. Công tác cộng tác viên chưa tốt, công tác trả lời thư bạn đọc chưa thành nề nếp, ảnh hưởng đến việc thu hút trí tuệ xã hội vào việc nâng cao chất lượng báo Đảng.

2. Về phương hướng và mục tiêu trong thời gian tới, báo *Nhân dân* phải:

- Phấn đấu để trở thành ngọn cờ chính trị và tư tưởng của Đảng trên mặt trận báo chí nước ta, trở thành công cụ

đắc lực truyền đạt và đưa đường lối, chính sách và luật pháp vào cuộc sống.

- Thể hiện các quan điểm của Đảng một cách nhuần nhuyễn trong các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Kịp thời phát hiện và biểu dương những nhân tố mới, nhân tố tích cực; nhạy bén đấu tranh uốn nắn những lệch lạc, chống các tiêu cực và tệ nạn xã hội. Thực sự là diễn đàn phản ánh ý chí và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Đổi mới việc viết, trình bày, in và truyền báo.

Nói chung, hướng phấn đấu là bảo đảm cho tờ báo đúng, hay và đẹp, có được sức hấp dẫn lớn với bạn đọc cả nước.

3. Về một số vấn đề cụ thể:

- Tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm báo Đảng vững vàng về chính trị, có kiến thức rộng rãi, hiểu biết sâu sắc cuộc sống của đất nước và bối cảnh quốc tế, tinh thông nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của sự nghiệp cách mạng. Tạo điều kiện thuận lợi để phóng viên báo Đảng được tiếp xúc sâu sát hơn nữa với thực tiễn cách mạng trong nước và mở rộng giao lưu quốc tế. Chú trọng đào tạo những cây bút có tài năng, uy tín đối với đông đảo bạn đọc.

- Mở rộng mạng lưới cộng tác viên trên các lĩnh vực bằng thái độ trân trọng và thù lao thích đáng để thu hút được nhiều trí tuệ của toàn Đảng, toàn xã hội vào việc đổi mới nội dung thông tin và nâng cao chất lượng toàn diện của tờ báo.

- Giảm bớt tin lễ tân trên báo theo tinh thần Chỉ thị số 19 của Ban Bí thư. Cùng với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương nghiên cứu, đề xuất để Ban Bí thư bổ sung những

quyết định mới về tiếp tục giảm bớt hơn nữa tin lễ tân cho phù hợp với tình hình.

- Mở rộng và chấn chỉnh hệ thống phát hành, bảo đảm mỗi chi bộ có ít nhất một tờ báo Đảng, mọi cán bộ, đảng viên đều đọc báo Đảng. Ban Cán sự Đảng Tổng cục Bưu điện có trách nhiệm chỉ đạo làm tốt công tác phát hành và truyền báo vào in tại các cơ sở in ở phía nam.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương xúc tiến việc đổi mới công nghệ các nhà in báo *Nhân dân* và Tạp chí *Cộng sản*.

- Báo *Nhân dân* có thể được ra thêm một số chuyên đề hằng tháng nhưng phải chuẩn bị chu đáo và cân nhắc bước đi thích hợp.

- Về ngày truyền thống của báo *Nhân dân*, Ban Bí thư giao cho Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh chứng minh căn cứ lịch sử lấy ngày 21-6-1925, ngày báo *Thanh niên* cơ quan ngôn luận của tổ chức tiền thân Đảng ta là Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập ra số đầu làm ngày truyền thống của báo Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 07-TT/TW, ngày 20 tháng 7 năm 1994

**Về tổ chức và hoạt động của các đảng uỷ
khối cơ quan trung ương trong tình hình mới**

Thực hiện Quyết định số 12-QĐ/TW ngày 8-11-1982 của Ban Bí thư (khoá V) về thành lập Đảng uỷ khối các cơ quan trung ương và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, các đảng uỷ khối các cơ quan trung ương đã cố gắng lãnh đạo, chỉ đạo, đưa hoạt động và sinh hoạt của từng đảng bộ đi dần vào nền nếp; phối hợp tốt hơn với các ban, đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng trong việc bảo đảm quán triệt và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong cơ quan.

Hiện nay công cuộc đổi mới ngày càng đặt ra nhiều yêu cầu mới đòi hỏi phải nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực, mọi tổ chức. Mặt khác các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang hằng ngày, hằng giờ tấn công quyết liệt vào Đảng ta trên nhiều lĩnh vực, bằng nhiều hình thức,

vào nhiều đối tượng, nhất là ở các cơ quan trung ương, nhằm thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình" của chúng.

Tình hình đó đặt ra yêu cầu củng cố tổ chức, tăng cường hoạt động của các đảng uỷ khối các cơ quan trung ương nhằm nâng cao vai trò và tác dụng lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan trung ương, bảo đảm thực hiện tốt chức năng tham mưu giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan nhà nước ở Trung ương lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Các đảng uỷ khối cơ quan trung ương cần tập trung làm tốt những nhiệm vụ dưới đây:

1. Lãnh đạo các tổ chức đảng cơ sở bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện chệch hướng.

2. Giáo dục cán bộ, đảng viên kiên định mục tiêu lý tưởng, quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, nâng cao đạo đức cách mạng, sống trung thực và lành mạnh, tích cực tham gia đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, những luận điệu đả kích vào đường lối, chính sách của Đảng, ngăn ngừa hiện tượng chệch hướng trong việc thực hiện các nhiệm vụ; đề cao ý thức đoàn kết và tinh thần kỷ luật; nói và làm theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, chống tư tưởng cục bộ, gia trưởng, vô tổ chức, vô kỷ luật.

3. Tham gia ý kiến với các cơ quan có liên quan về nhân sự thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, cán bộ thuộc

diện các ban, đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng quyết định. Quản lý các cấp uỷ và cán bộ làm công tác chuyên trách công tác đảng thuộc đảng uỷ khối.

4. Kiểm tra các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác xây dựng Đảng; phối hợp với Ban Đảng để kiểm tra việc chấp hành đường lối, quan điểm của Đảng ở các ngành trong khối; qua đó nắm quan điểm, phẩm chất đạo đức, tư cách của cán bộ, đảng viên, trước hết đối với các đảng viên giữ cương vị lãnh đạo; kịp thời phát hiện những tổ chức, cơ sở, những cán bộ, đảng viên chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng để phát huy; ngăn chặn các hiện tượng, hành động trái với đường lối, chính sách của Đảng.

5. Thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong khối.

6. Hướng dẫn các đảng uỷ cơ quan về công tác lãnh đạo các tổ chức quần chúng, xây dựng Công đoàn, Đoàn Thanh niên; tham gia xây dựng các đề án, chương trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan; chăm lo tổ chức tốt đời sống của cán bộ, công nhân viên trong cơ quan.

7. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; chế độ tự phê bình và phê bình; nền nếp sinh hoạt đảng, kiểm tra đảng viên thực hiện Điều lệ Đảng. Thực hiện việc tạo nguồn và phát triển đảng viên (đúng tiêu chuẩn, coi trọng chất lượng, chú trọng phát triển trong đoàn viên thanh niên, trong giới trí thức). Xây dựng cấp uỷ (đảng uỷ, chi uỷ) có đủ phẩm chất, năng lực và hoạt động có hiệu quả; chăm lo quản lý và bồi dưỡng cán bộ làm công tác chuyên trách đảng.

8. Sắp xếp, bố trí các cơ quan tham mưu giúp việc: Uỷ

ban Kiểm tra, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Văn phòng Đảng uỷ khối gọn nhẹ, có hiệu lực. Coi trọng việc sử dụng cán bộ kiêm chức.

Căn cứ những nhiệm vụ trên đây, các đảng uỷ khối các cơ quan Trung ương xây dựng quy chế và chương trình cụ thể để thực hiện. Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương hướng dẫn chế độ phụ cấp đối với cán bộ chuyên trách và kiêm chức, bảo đảm điều kiện làm việc đối với các đảng uỷ khối.

Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tri này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 229-BBK/BCT, ngày 23 tháng 7 năm 1994
Về việc Việt Nam gia nhập ASEAN

Những năm qua, tình hình thế giới và khu vực có nhiều chuyển biến to lớn, sâu sắc và phức tạp, có cả thời cơ lẫn nguy cơ. Nét nổi bật là các dân tộc đều mong muốn có một môi trường hoà bình, ổn định để phát triển; xu thế hợp tác khu vực ngày càng tăng.

Nghị quyết Đại hội VII của Đảng ta, Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba (khoá VII) về chính sách đối ngoại và Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng đều khẳng định chính sách thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước láng giềng và Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Bộ Chính trị đã nhiều lần thảo luận và chủ trương nước ta từng bước gia nhập ASEAN.

Xuất phát từ chính sách đó, nước ta đã đẩy mạnh quan hệ hợp tác nhiều mặt với các nước ASEAN: tham gia Hiệp ước Bali, trở thành quan sát viên của tổ chức ASEAN, tham gia một số uỷ ban và dự án của ASEAN. Các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần tuyên bố Việt Nam sẵn sàng gia nhập ASEAN vào thời gian thích hợp, Việt Nam

ra sức chuẩn bị cùng với sự nỗ lực tích cực của ASEAN để có thể sớm trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN.

Mới đây, Uỷ ban Thường trực ASEAN khoá 27 đã nhất trí trên nguyên tắc để Việt Nam gia nhập ASEAN. Hội nghị ngoại trưởng ASEAN khoá 27 (từ ngày 22 đến ngày 23-7-1994 tại Băng Cốc) khẳng định nhận Việt Nam làm thành viên chính thức của ASEAN và đã chỉ thị cho các quan chức cao cấp và Tổng Thư ký ASEAN sớm tiến hành các cuộc tham khảo ý kiến với Việt Nam về các thủ tục cần thiết.

Trước tình hình đó, ngày 22-7-1994, Bộ Chính trị đã họp và có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Ta hoan nghênh thiện chí của ASEAN muốn kết nạp sớm Việt Nam vào ASEAN. Việt Nam sẽ cùng với ASEAN tích cực chuẩn bị cho quá trình này.

2. Ta gia nhập ASEAN là thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, nhưng phải bảo đảm làm tốt những việc sau đây:

a) Giữ vững nguyên tắc bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa.

b) Mục đích của ta gia nhập ASEAN là tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước ASEAN, chủ yếu trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, văn hoá, khoa học kỹ thuật trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, không áp đặt và can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình, không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực; không làm phương hại lợi ích của bất cứ bên thứ ba nào.

c) Phải luôn đề cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, tăng cường xây dựng tiềm lực của đất nước cả về

chính trị, kinh tế và quốc phòng. Cần quán triệt phương châm vừa hợp tác vừa đấu tranh, tranh thủ những điểm đồng, hạn chế và thu hẹp những điểm bất đồng, đề phòng và chống lại âm mưu, thủ đoạn của một số thế lực lợi dụng ASEAN để chống phá ta.

d) Cần cải thiện tốt quan hệ với các nước, nhất là các nước láng giềng. Giữ vững và phát triển ngày càng tốt quan hệ hợp tác hữu nghị với Trung Quốc; kiên trì đấu tranh bằng thương lượng hoà bình để giải quyết các tranh chấp, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Cần thông báo thẳng thắn với Trung Quốc, Lào, Cuba và bạn bè trên thế giới, làm cho họ hiểu lập trường, quan điểm của ta trong việc ta gia nhập ASEAN là vì hoà bình, ổn định, hợp tác phát triển, không phải gia nhập ASEAN để chống lại bất cứ ai.

e) Làm tốt công tác tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, tạo nên sự nhất trí đối với chủ trương ta gia nhập ASEAN. Bộ Chính trị báo cáo xin ý kiến Trung ương và Quốc hội.

Các cơ quan thông tin đại chúng đưa tin, bình luận đúng mức việc ta gia nhập ASEAN.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**ĐẨY TỚI MỘT BƯỚC SỰ NGHIỆP
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC
VÌ MỤC TIÊU DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI
CÔNG BẰNG, VĂN MINH**

**(Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười
tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khoá VII)**

Ngày 25 tháng 7 năm 1994

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,
Thưa toàn thể các đồng chí,*

Để cụ thể hoá Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII, Hội nghị toàn thể lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn định phương hướng, chủ trương, chính sách nhằm đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trong quá trình chuẩn bị, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã trực tiếp cho ý kiến để Tiểu ban soạn thảo bổ sung, chỉnh lý báo cáo trình Hội nghị Trung ương. Việc tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các cấp uỷ đảng, các nhà khoa học, các cán bộ

quản lý, các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ cao cấp nghỉ hưu và một số trí thức người Việt ở nước ngoài đã tạo điều kiện huy động trí tuệ của nhiều tập thể và cá nhân vào việc xây dựng báo cáo. Nhờ vậy, chất lượng báo cáo đã được nâng lên, làm cơ sở để Trung ương thảo luận và ra quyết định. Các đồng chí Trung ương đã nghiên cứu kỹ nội dung trình bày trong báo cáo, vì vậy, tôi không nhắc lại mà chỉ phát biểu làm rõ thêm một số vấn đề sau đây:

Như báo cáo đã nêu, công nghiệp hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế, xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Đối với nước ta, đó là một quá trình thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm *cải biến một xã hội nông nghiệp lạc hậu thành một xã hội công nghiệp*, gắn với việc hình thành từng bước *quan hệ sản xuất* tiến bộ, ngày càng thể hiện đầy đủ hơn bản chất ưu việt của chế độ mới.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải tạo ra những điều kiện cần thiết về vật chất - kỹ thuật, về con người và khoa học - công nghệ, *thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế*, nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, không ngừng tăng năng suất lao động xã hội, làm cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, sinh thái.

Thật ra, từ nhiều năm nay chúng ta đã nêu ra vấn đề công nghiệp hoá, coi đó là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điểm mới lần này là gắn

công nghiệp hoá với hiện đại hoá, với việc áp dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại, đúng như C.Mác đã nói: "Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào". Trên ý nghĩa đó, có thể coi công nghiệp là phương tiện chuyển tải công nghệ mới vào cuộc sống. Để làm được việc này, điều quyết định là ở con người, với trí tuệ và năng lực ngày càng cao; tất cả là do con người và vì con người. Qua đây, chúng ta càng hiểu sâu sắc rằng nâng cao cả mặt bằng dân trí và đỉnh cao dân trí, bồi dưỡng, phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là tạo ra tiềm lực to lớn, đủ khả năng xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của toàn dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc. Đó là một quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ, đòi hỏi mọi người phải có hoài bão lớn, quyết tâm cao, chấp nhận những khó khăn, thử thách và hy sinh cần thiết để vĩnh viễn đưa dân tộc ta thoát khỏi lạc hậu, nghèo nàn, tiến lên "sánh vai cùng các cường quốc năm châu" như Bác Hồ từng nói. Đó cũng là lòng mong ước của biết bao thế hệ đi trước mà ngày nay chúng ta phải nỗ lực làm bằng được. Song, mục tiêu và mong ước đó không phải là điều xa vời, mà phải thể hiện ngay trong từng bước phát triển, quan tâm đáp ứng các nhu cầu thiết thân hằng ngày của nhân dân, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa lợi ích trước

mất và lâu dài; huy động đi đôi với bồi dưỡng sức dân, chăm lo nhu cầu đời sống hằng ngày đi đôi với ra sức tiết kiệm để đầu tư phát triển... Chính sự quan tâm thường xuyên đó sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ và bền vững để thực hiện mục tiêu lâu dài, bảo đảm sự thành công của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là *sự nghiệp của toàn dân*. Đó là một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đòi hỏi phải đầu tư rất nhiều trí tuệ, sức người, sức của. Chỉ có huy động sức mạnh và khả năng sáng tạo to lớn của toàn dân, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý điều hành có hiệu lực và hiệu quả của Nhà nước thì mới bảo đảm thắng lợi.

Chính sách công nghiệp nhằm thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải hướng tới hình thành *một số ngành công nghiệp trọng yếu* đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trong đó trọng tâm là *công nghiệp chế biến và chế tạo*, mà công nghiệp cơ khí và điện tử có vị trí hàng đầu. Phải vươn lên theo kịp trình độ tiên tiến của thế giới với bước đi, cơ cấu và quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện trong nước và khả năng hợp tác với bên ngoài trong từng thời kỳ phát triển. Chính sách công nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với các chính sách và giải pháp phát triển các ngành và lĩnh vực khác, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau, tạo nên sự phát triển đồng bộ trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong những năm trước mắt, khả năng vốn còn có hạn, nhu cầu công ăn việc làm rất bức bách, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, tình hình kinh tế - xã hội chưa thật ổn

định vững chắc. Vì vậy, *cần tập trung nỗ lực đẩy mạnh công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn*, ra sức phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, các ngành du lịch, dịch vụ... cả ở thành thị và nông thôn. Khôi phục, phát triển, từng bước hiện đại hoá các ngành nghề tiểu thủ công truyền thống có thị trường tiêu thụ lớn trong và ngoài nước.

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và chế tạo; đặc biệt quan tâm phục hồi và phát triển ngành cơ khí, phát triển ngành điện tử và tin học.

Cần nhắc, lựa chọn những dự án cũng như thời điểm khởi công trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển công nghiệp nặng như năng lượng, luyện kim, hoá chất, sản xuất nguyên vật liệu...

Quan tâm đúng mức đến công nghiệp quốc phòng. Xây dựng phương án và cơ chế để huy động các ngành công nghiệp dân dụng phục vụ những nhu cầu quốc phòng một cách có hiệu quả. Đồng thời, tận dụng năng lực công nghiệp quốc phòng để làm hàng dân dụng, góp phần đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống.

Phát triển các loại hình doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ, với công nghệ tiên tiến, vốn đầu tư ít, suất sinh lời cao, thời gian thu hồi vốn nhanh, theo phương châm lấy ngắn nuôi dài. Đồng thời, cần xây dựng hoặc tích cực chuẩn bị để xây dựng một số công trình lớn cần thiết đối với phát triển kinh tế, xã hội trước mắt và lâu dài. Quan tâm thích đáng đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị nhằm khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ *giữa công nghiệp và*

nông nghiệp, công nhân và nông dân, thành thị và nông thôn là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nước ta hiện là một nước nông nghiệp với 80% dân cư đang sinh sống ở nông thôn. Đây cũng là địa bàn, tập trung đại bộ phận người nghèo trong xã hội. Vì vậy, phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn đã, đang và sẽ còn là mối quan tâm hàng đầu của chúng ta. Song, nông nghiệp không thể tự mình đổi mới cơ sở vật chất - kỹ thuật và công nghệ, không có khả năng tăng trưởng đủ nhanh để tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho nông dân. Phải có tác động mạnh của công nghiệp, dịch vụ; phát huy vai trò hạt nhân của các đô thị trên từng vùng, từng địa bàn. Chỉ có như vậy thì mới phá vỡ được trạng thái trì trệ, lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, thực hiện xoá đói, giảm nghèo, làm cho nông dân và nông thôn ngày càng khá giả. Đặc biệt quan tâm tới vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu.

Mặt khác, bản thân nông nghiệp và nông thôn cũng phải phát triển một cách tương ứng theo quan điểm công nghiệp hoá để tạo cơ sở cho công nghiệp phát triển bền vững, có hiệu quả. Phải xuất phát từ yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà đặt vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn. Đầu tư cho công nghiệp trước hết phải nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đa dạng về nông - lâm - ngư nghiệp, thúc đẩy nhanh việc hình thành các vùng tập trung chuyên canh, đưa công nghệ sinh học và các phương pháp canh tác tiên tiến vào nông nghiệp, từng bước công nghiệp hoá nông nghiệp và

nông thôn, bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm cho cả thành thị và nông thôn, tạo nguồn nguyên liệu có khối lượng lớn, chất lượng cao, giá thành hạ, đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của công nghiệp chế biến, tăng khối lượng và giá trị hàng nông sản xuất khẩu; tăng thêm công ăn việc làm và thu nhập cho nông dân, phân công lại lao động xã hội, mở rộng thị trường cho sản phẩm và dịch vụ công nghiệp. Đồng thời, nông nghiệp phải góp phần tích lũy vốn cho công nghiệp hoá, đáp ứng nhu cầu phát triển, trước hết là phát triển chính bản thân nông nghiệp và nông thôn; bổ sung cho các ngành công nghiệp lực lượng lao động có văn hoá, sức khoẻ và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết.

Vì vậy, xây dựng quan hệ hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi, hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, công nhân, nông dân và trí thức, là một khâu mấu chốt trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp được thực hiện bằng các quan hệ trực tiếp qua đầu tư của công nghiệp và nông nghiệp, hoặc bằng quan hệ gián tiếp qua thị trường. Chấn chỉnh lưu thông hàng hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghệ phẩm và nông sản phẩm. Đây chính là thể hiện liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi, hỗ trợ nhau cùng phát triển, từ liên minh kinh tế mà củng cố, tăng cường liên minh chính trị. Tăng cường vai trò chủ đạo của thương nghiệp quốc doanh, nhất là trong khâu bán tư liệu sản xuất và mua nông sản, thực hiện trao đổi ngang giá để thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo đảm lợi ích của nông dân.

Phát triển giáo dục, y tế, thuỷ lợi, điện, giao thông nông thôn, bảo đảm nước sạch cho sinh hoạt, xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, giảm bớt sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội giữa thành thị và nông thôn, hạn chế việc di chuyển dân cư từ nông thôn vào các đô thị, khuyến khích nông dân: "rời ruộng không rời làng", phát triển ngành nghề trên địa bàn, không làm nông nghiệp nhưng vẫn sinh sống ở nông thôn.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải *động viên các thành phần kinh tế* tích cực tham gia đầu tư phát triển.

Trong điều kiện một nền kinh tế chậm phát triển, nhất là trong hoàn cảnh nước ta, để rút ngắn thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Nhà nước phải động viên mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Dân ta còn nghèo, khả năng đầu tư còn ít, nên có nhiều việc Nhà nước phải đảm đương vì lợi ích chung của xã hội. Vì vậy, cần chấn chỉnh, đổi mới và phát triển có hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước, làm tốt vai trò chủ đạo, hỗ trợ và thúc đẩy các thành phần khác cùng phát triển. Tập trung cố gắng của doanh nghiệp nhà nước vào những khâu then chốt như kết cấu hạ tầng, những công trình đòi hỏi kỹ thuật cao, vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi chậm và kéo dài; đồng thời, đáp ứng nhu cầu về hàng hoá, vật tư, dịch vụ khoa học kỹ thuật, thương mại, tài chính, ngân hàng, v.v. cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và của toàn xã hội.

Chú trọng phát triển quốc doanh cả trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất và lưu thông phân phối. Trong thương nghiệp, không chỉ nắm đại bộ phận bán buôn mà còn phải tổ

chức bán lẻ với những hình thức và quy mô phù hợp như các siêu thị, có nhiều mặt hàng phong phú, bảo đảm văn minh thương nghiệp. Cần sớm khắc phục tình trạng để cho thương nghiệp quốc doanh suy sụp, thương nghiệp hợp tác xã tan rã, đại bộ phận vận tải ô tô bị tư nhân hoá như vừa qua.

Phân loại doanh nghiệp nhà nước để có chính sách và cơ chế quản lý phù hợp:

- Có loại Nhà nước đầu tư 100% vốn. Có loại Nhà nước nắm tỷ lệ cổ phần khống chế, phần còn lại bán cho công nhân viên chức của doanh nghiệp hoặc cho các doanh nghiệp khác, các thành phần kinh tế khác. Có loại Nhà nước liên doanh trong và ngoài nước.

- Có loại hoạt động vì lợi ích chung của nền kinh tế, vì phúc lợi xã hội, không nhằm mục tiêu kinh doanh có lãi hoặc có thể bị lỗ và được Nhà nước tài trợ. Có loại hoạt động độc lập, tự chủ trong kinh doanh, làm ăn có lãi và cạnh tranh được với các thành phần kinh tế khác.

- Có những doanh nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh thì có thể cho thuê hoặc chuyển đổi sở hữu.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động được giao mà xác định quy mô và lực lượng của từng doanh nghiệp nhà nước: có doanh nghiệp quy mô quốc gia, quốc tế; có doanh nghiệp quy mô khu vực, địa phương. Chuẩn bị hình thành một số tổ chức kinh tế lớn có mức tích tụ, tập trung cao về vốn, tổ chức chính quy, hiện đại, đủ sức cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường trong nước và thế giới.

Xác định rõ và có những hình thức thích hợp để bảo đảm thực hiện có hiệu quả quyền sở hữu của Nhà nước đối với những tài sản công giao cho doanh nghiệp sử dụng. Mặt

khác, cần trao quyền tự chủ đầy đủ, rõ ràng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng theo đúng pháp luật, quy định của Nhà nước như các thành phần kinh tế khác. Tích cực tìm kiếm và áp dụng các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước, trong đó có việc thí điểm các hình thức cổ phần hoá, tổ chức hội đồng quản trị, cử giám đốc điều hành, xoá bỏ dần cơ chế "chủ quản"...

Kinh tế hợp tác có nhu cầu và triển vọng phát triển rộng lớn đối với người sản xuất nhỏ, cá thể, do tác động khách quan của quá trình xã hội hoá sản xuất. Hình thức kinh tế hợp tác rất đa dạng, theo cả chiều dọc và chiều ngang, kết hợp, đan xen nhiều loại hình sở hữu, áp dụng những biện pháp tổ chức quản lý khác nhau, những phương thức phân phối khác nhau, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả và lợi ích của các thành viên, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.

Kinh tế tư nhân cần được khuyến khích, hỗ trợ, hướng mạnh vào phát triển sản xuất, giảm bớt buôn bán; phải làm ăn đúng pháp luật. Nhà nước bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, đồng thời bảo hộ sở hữu và quyền lợi hợp pháp khác của giới chủ. Xây dựng quan hệ lao động, quan hệ chủ thợ lành mạnh trong các doanh nghiệp, chủ và thợ đoàn kết, phối hợp với nhau xử lý các mâu thuẫn, các khó khăn nảy sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh, để doanh nghiệp làm ăn phát đạt, chủ doanh nghiệp có lãi, đời sống người lao động được cải thiện, cùng nhau làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Nhà nước tạo môi trường kinh tế thuận lợi, có luật lệ, quy

chế rõ ràng, nhất quán và ổn định, thực hiện nghiêm minh, để nhân dân yên tâm đầu tư, mở mang sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có điều kiện cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp.

Nhà nước giúp đỡ, hỗ trợ kinh tế hợp tác, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân về công nghệ, thông tin thị trường, đào tạo cán bộ, thương mại, tín dụng; hợp tác, liên doanh, góp cổ phần vào các doanh nghiệp ngoài quốc doanh để giúp họ mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

Chính sách kinh tế nhiều thành phần, với nhiều hình thức, quy mô, mức độ trên đây sẽ còn tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn chỉnh. Đó là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I. Lênin về chính sách kinh tế mới, mà một nội dung quan trọng của nó là chủ nghĩa tư bản nhà nước, phù hợp với hoàn cảnh thực tế nước ta trong thời đại ngày nay.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải được tiến hành theo mô hình một *nền kinh tế mở*, cả trong nước và với nước ngoài. Phát huy hơn nữa quyền tự chủ, tính năng động sáng tạo, tăng cường liên doanh, liên kết, hợp tác cùng có lợi giữa các ngành, các địa phương và cơ sở để phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Khuyến khích các hình thức đa dạng và các giải pháp cụ thể, thi đua đua đuổi kịp và vượt các đơn vị, địa phương khác, nhưng phải chống cục bộ, bản vị, vô tổ chức, vi phạm kỷ luật, kỷ cương, pháp luật của Nhà nước, phương hại đến lợi ích chung.

Nhà nước cũng như doanh nghiệp phải tìm cách thích ứng và khai thác tốt những thuận lợi của xu thế quốc tế hoá sản xuất và đời sống, hiểu rõ đối tác, có chiến lược và sách

lược khôn ngoan để chiến thắng trong cuộc cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt.

Trong bối cảnh khu vực và quốc tế hiện nay, sự hạn chế về quỹ đất và về phần lớn các loại tài nguyên, sự dồi dào về nguồn nhân lực, lợi thế về giá nhân công rẻ, vị trí địa lý thuận lợi, đòi hỏi và cho phép chúng ta lựa chọn chiến lược công nghiệp hoá *hướng về xuất khẩu* là chính để phát triển nhanh, đồng thời thay thế nhập khẩu những hàng hoá - dịch vụ trong nước tự cung ứng có hiệu quả hơn. Hướng về xuất khẩu là cách thức tận dụng những lợi thế so sánh, tranh thủ sức mua lớn trên thị trường thế giới để tích tụ vốn nhằm nhanh chóng mở rộng quy mô và nâng cao trình độ sản xuất trong nước, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập, tăng khả năng nhập vật tư, thiết bị để tạo ra những hàng hoá, dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, chất lượng cao, có sức cạnh tranh mạnh cả trên thị trường nội địa và thị trường thế giới, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

Để thực hiện thành công chiến lược hướng về xuất khẩu, phải tạo được sự tin cậy trong quan hệ quốc tế trên ba mặt sau đây: trong thanh toán bằng ngoại tệ, trong việc thực hiện các hợp đồng buôn bán, trong việc bảo đảm phẩm chất của hàng hoá. Đặc biệt chú trọng không ngừng nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu.

Hướng về xuất khẩu phải đi đôi với khuyến khích phát triển mạnh và bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa, không để hàng ngoại nhập lậu tràn lan, bóp chết hàng nội, khiến sản xuất trong nước bị giảm sút hoặc đình đốn, người lao động mất công ăn việc làm và thu nhập.

Nước ta trải dài dọc theo bờ biển, bề ngang hẹp, khoảng

cách giữa vùng đồng bằng duyên hải và các trung tâm đô thị tới các vùng trung du, miền núi không xa. Trong khi đó, vùng biển của ta rất rộng lớn, với nhiều tiềm năng phong phú, nhiều tuyến giao lưu quốc tế, nằm trong khu vực đang và sẽ phát triển sôi động nhất trên thế giới. Một số vùng tuy nằm xa bờ biển nhưng lại tiếp giáp với các nước láng giềng, có điều kiện mở rộng giao lưu, hợp tác. Cần tận dụng lợi thế này để tích cực mở cửa thu hút đầu tư trong và ngoài nước vì lợi ích của từng vùng và của cả nước, mở mang kinh tế biển, kinh tế vùng biên giới, làm cho giao thông liên lạc, giao lưu hàng hoá thông suốt giữa các vùng. Nơi đã mở, có điều kiện tốt thì mở mạnh hơn; nơi chưa đủ điều kiện thì tích cực chuẩn bị để mở cửa; nơi thiếu hoặc không có điều kiện thì hợp tác, liên kết với nơi có điều kiện để mở cửa. Qua đó, huy động được toàn dân tham gia vào quá trình phát triển, phân phối lợi ích công bằng hơn, giảm bớt mức độ chênh lệch về kinh tế - xã hội giữa các tầng lớp dân cư và các vùng trong nước.

Kinh tế hợp tác, liên doanh với nước ngoài không chỉ là phương thức chính để thu hút vốn đầu tư bên ngoài, mà còn là con đường thích hợp để tiếp nhận công nghệ, kỹ năng, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, mở lối đi vào thị trường khu vực và thị trường thế giới, thúc đẩy xuất khẩu, tăng năng lực cạnh tranh, điều chỉnh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với biến đổi của tình hình quốc tế, khai thác có hiệu quả những lợi thế so sánh trong từng thời kỳ phát triển.

Chúng ta cần tích cực cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, đổi mới tổ chức và quản lý hoạt động hợp tác, liên doanh với nước ngoài, có nhiều hình thức thích hợp để tận

dụng mọi nguồn vốn đầu tư, chú trọng phát triển các quan hệ hợp tác với các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia nhằm tạo thế đứng trong quá trình hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới.

Chính sách kinh tế mở là đúng đắn và phải được tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa, hiệu quả hơn nữa. Phải tập trung cho những chương trình, lĩnh vực, địa bàn thiết yếu, lựa chọn những dự án cần thiết, tranh thủ thu hút vốn, công nghệ hiện đại và kỹ năng quản lý tiên tiến.

Phải tăng cường quản lý và chỉ đạo thống nhất quá trình mở cửa, hợp tác với bên ngoài. Chuẩn bị tốt cả về kinh tế và chính trị. Chuẩn bị tốt các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án hợp tác với bên ngoài, không bỏ lỡ thời cơ, không gây thiệt hại cho lợi ích của dân tộc. Đồng thời, chuẩn bị tốt về tổ chức, cán bộ, cả về quan điểm, tư tưởng, năng lực và phẩm chất. Hợp tác phải trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, bảo đảm lợi ích kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải được thực hiện *theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường. Việc xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp và công nghệ phải xuất phát từ những yêu cầu của sản xuất và đời sống trong nước và xuất khẩu, thông qua việc đánh giá và dự báo đúng đắn nhu cầu và chiều hướng phát triển của thị trường trong và ngoài nước. Giá cả phân lớn hàng hoá, dịch vụ được hình thành trên thị trường Nhà nước can thiệp trong trường hợp thật cần thiết. Thị trường

phản ánh nhu cầu xã hội, có tiếng nói quyết định trong việc phân bổ phần lớn các nguồn lực để sản xuất cái gì, bao nhiêu, cho ai, bằng cách nào, kể cả đối với những nguồn lực tập trung của Nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước cũng như tư nhân được tạo đủ điều kiện tự chủ kinh doanh, căn cứ vào tín hiệu thị trường, thông qua cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp mà đổi mới và phát triển.

Đối với mọi quốc gia, kể cả nước ta, chi tiêu của Nhà nước bao giờ cũng là nguồn chi lớn nhất. Nguồn chi đó phải được kế hoạch hoá thông qua việc Nhà nước sử dụng một cách tập trung các nguồn vốn trong và ngoài nước, các công cụ và phương tiện cần thiết để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm, chủ yếu là xây dựng kết cấu hạ tầng và một số ngành, lĩnh vực, công trình then chốt có tác dụng thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của toàn bộ nền kinh tế và xã hội. Việc chi tiêu của Nhà nước phải được hạch toán và quản lý chặt chẽ, lấy hiệu quả làm thước đo, với tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô, làm với bất cứ giá nào.

Đồng thời, Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý toàn bộ quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua pháp luật, các chương trình, kế hoạch, chính sách phát triển, các biện pháp tổ chức, hành chính, kinh tế, trong đó biện pháp kinh tế là chính, Nhà nước duy trì cân bằng cung cầu; xuất nhập, thu chi, tiền hàng..., ổn định vĩ mô, tạo môi trường và thể chế thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển; can thiệp và điều tiết thị trường, khắc phục những biến động lớn, những khuyết tật vốn có của thị trường để nó hoạt động hữu hiệu, trở thành công cụ điều tiết có hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Nhà nước cũng thi hành các chính sách, biện pháp chăm lo sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, duy trì hiệu lực của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn dân làm ăn, sinh sống.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải *huy động và sử dụng có hiệu quả cao mọi nguồn vốn* trong và ngoài nước.

Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã chỉ rõ: *"Để công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần huy động nhiều nguồn vốn, gắn với sử dụng vốn có hiệu quả"*. Trong đó, nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn từ bên ngoài là quan trọng". Đây là một tư tưởng chỉ đạo quan trọng cần được quán triệt sâu sắc, cả trước mắt và lâu dài.

Nguồn vốn cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá bao gồm nguồn nhân lực, tài sản cố định tích lũy từ nhiều thế hệ, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý và nhiều loại vốn hữu hình cũng như vô hình khác. Đó là nguồn vốn rất to lớn và quý báu của nước ta, nhưng một bộ phận đáng kể chưa được huy động và sử dụng tốt, thậm chí còn bị lãng phí, thất thoát, bị chiếm đoạt vì lợi ích riêng của một số người.

Chúng ta phải tận dụng khả năng để thu hút tối đa các nguồn vốn bên ngoài. Song trên thị trường vốn quốc tế hiện nay, cung về vốn cho các nước đang phát triển thấp hơn nhiều so với cầu về vốn của các nước đó. Chúng ta đang và sẽ gặp phải những đối thủ cạnh tranh rất mạnh trên lĩnh vực này. Thật là sai lầm nếu kỳ vọng quá lớn vào nguồn vốn bên ngoài, ỷ lại, trông chờ vào đó, trong khi không tận lực khai thác nguồn vốn sẵn có bên trong.

Vốn bên ngoài, dù là viện trợ phát triển chính thức

(ODA) hay vốn đầu tư trực tiếp (FDI) hầu hết là loại vốn phải hoàn trả, kèm theo lãi suất. Nguồn trang trải quy cho đến cùng chính là từ kết quả lao động của bản thân chúng ta; kể cả ngân sách cũng là do toàn dân đóng góp. Vì vậy, phải tính toán thận trọng, huy động và sử dụng vốn bên ngoài vào những lĩnh vực, những địa bàn cần thiết, có hiệu quả. Chỉ có như vậy, chúng ta mới giữ vững được độc lập, chủ quyền về kinh tế, tránh được tình cảnh nợ nần chồng chất cũng như những hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt khác.

Chúng ta không máy móc, đòi hỏi bất cứ công trình gì, tại thời điểm nào, vốn đầu tư trong nước cũng phải chiếm tỷ trọng lớn hơn vốn bên ngoài. Cơ quan điều hành các cấp phải căn cứ vào những điều kiện cụ thể, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cao nhất để quyết định những phương án thích hợp. Song cần nhấn mạnh rằng, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của bản thân nhân dân ta, do sức ta làm nên là chính.

Phải chấn chỉnh hoạt động tài chính - ngân hàng, huy động, phân bổ và sử dụng vốn có hiệu quả. Tính toán chi tiêu thận trọng, tiết kiệm, căn cứ vào khả năng thu. Mọi người phải sống bằng kết quả lao động của bản thân, của gia đình; lo cho cuộc sống trước mắt và lâu dài, đồng thời đóng góp để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phải nỗ lực vượt bậc, phấn đấu làm ăn có hiệu quả, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, ra sức cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, khắc phục những yếu kém và tiêu cực gây thất thoát, lãng phí tiền của của Nhà nước và nhân dân, dồn vốn cho đầu tư phát triển.

Thưa các đồng chí,

Trong thời đại xu hướng quốc tế hoá sản xuất và đời sống ngày một gia tăng, cách mạng khoa học - kỹ thuật trên thế giới đang diễn ra như vũ bão, thì công nghiệp hoá phải đi đôi với hiện đại hoá, với việc đổi mới và nâng cao trình độ *văn hoá - giáo dục, khoa học - công nghệ*.

Ngày nay, văn hoá được coi là một yếu tố nội sinh không phải chỉ là kết quả mà còn là nguyên nhân của sự phát triển. Phát triển kinh tế - xã hội phải đặt trên nền tảng văn hoá mang bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thụ các giá trị tinh hoa của loài người. Văn hoá phải kết tinh thành trí tuệ của cả dân tộc, được kế thừa, phát triển qua nhiều thế hệ, tạo ra sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn của toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khoa học và công nghệ có vai trò quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển của các quốc gia. Phần thắng trong cuộc chiến "ai thắng ai" trên thị trường, quy cho đến cùng là do trí tuệ và năng lực sáng tạo của cả dân tộc, biết học hỏi một cách khôn ngoan kinh nghiệm và thành tựu tri thức của nhân loại, tận dụng được lợi thế của nước đi sau, đề ra được những chủ trương, biện pháp thích hợp với đất nước trong hoàn cảnh mới, giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế - xã hội, công nghệ, kỹ thuật, môi trường, sinh thái. Muốn vậy, phải chú trọng bồi dưỡng và sử dụng tốt nguồn nhân lực có trình độ văn hoá và kỹ năng nghề nghiệp ngày càng cao, ưu tiên hàng đầu cho phát triển giáo dục - đào tạo, nghiên cứu và triển khai, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ ngày càng lớn mạnh, giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hoá trong quá trình phát triển.

Những chính sách, giải pháp đúng trong phát triển giáo dục và đào tạo phải hướng tới hình thành một nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong thời đại ngày nay. Đó là một nguồn nhân lực bao gồm những con người có đức, có tài, ham học hỏi, thông minh, sáng tạo, làm việc quên mình vì nền độc lập và sự phồn vinh của Tổ quốc; được chuẩn bị tốt về kiến thức văn hoá, được đào tạo thành thạo về kỹ năng nghề nghiệp, về năng lực quản lý sản xuất kinh doanh, về điều hành vĩ mô nền kinh tế và toàn xã hội, có trình độ khoa học - kỹ thuật vươn lên ngang tầm thế giới.

Chính sách khoa học và công nghệ không chỉ giới hạn ở việc xử lý các vấn đề công nghệ và kỹ thuật trong quá trình phát triển công nghiệp. Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi chúng ta phải quan tâm xây dựng và phát huy tốt lực lượng nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, kết hợp có hiệu quả thành tựu của nhiều bộ môn khoa học vào việc giải quyết các vấn đề được đặt ra.

Muốn cho khoa học và công nghệ trở thành động lực của sự phát triển thì trước hết phải tìm ra động lực cho sự phát triển của bản thân khoa học và công nghệ. Động lực này nằm ở lợi ích của những người nghiên cứu, phát minh và ứng dụng có hiệu quả khoa học và công nghệ, bao gồm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần, lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị - xã hội. Sản phẩm trí tuệ trước hết phải là sở hữu của người trực tiếp tạo ra chúng, được coi như những thứ hàng hoá đặc biệt, được trả giá tương xứng với giá trị của chúng.

Gắn hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ với

thực tiễn, với nhu cầu xã hội, thiết lập các quan hệ trực tiếp giữa doanh nghiệp với cơ quan và người làm công tác nghiên cứu, phát minh, sáng chế trên cơ sở bạn hàng, cùng có lợi; trả công thoả đáng, tương xứng với hiệu quả kinh tế - xã hội của việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm khuyến khích các nhà khoa học hăng hái, miệt mài sáng tạo, sáng chế, phát minh để có cuộc sống ngày càng đầy đủ hơn bằng chính trí tuệ của mình. Thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh của Nhà nước về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và điều lệ của Chính phủ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất và sáng chế. Đó là một trong những phương hướng quan trọng nhất tạo nên động lực bền vững cho sự phát triển khoa học và công nghệ.

Tạo những điều kiện làm việc cần thiết cho nhà khoa học như cung cấp thông tin, trang bị phương tiện thí nghiệm, các cơ sở triển khai...; ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Xây dựng môi trường dân chủ, đoàn kết và ý thức trách nhiệm cao trong lĩnh vực nghiên cứu. Khuyến khích, trân trọng những tìm tòi khoa học, những kiến giải khác nhau về các vấn đề của tự nhiên, kỹ thuật cũng như kinh tế - xã hội, không định kiến, hẹp hòi, làm thui chột nhiệt tình sáng tạo của người nghiên cứu. Phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng tài năng. Tìm ra những hình thức tổ chức, phương thức và cơ chế hoạt động cho phép kết hợp và phát huy tối đa trí tuệ tập thể cũng như tài năng cá nhân của nhà khoa học. Đó cũng là những biện pháp quan trọng tạo nên động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Về phần mình, các nhà khoa học phải nêu cao lòng yêu

nước, xây dựng hoà bình, cống hiến quên mình cho sự nghiệp nghiên cứu, sáng chế, phát minh, đóng góp tích cực và có hiệu quả cho xã hội, cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đáp ứng sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Đương nhiên phải có sự *đầu tư thoả đáng* về phương diện tài chính thì mới có thể tạo ra tiềm lực khoa học và công nghệ mạnh. Đầu tư lâu nay thấp xa so với mức tối thiểu cần thiết. Điều đó có nguyên nhân ở việc chưa coi đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển, cũng có phần do khó khăn chung của nền kinh tế và sự eo hẹp của ngân sách. Song cái chính là ở chỗ cách xử lý chưa trúng nguồn vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ; cơ chế quản lý khoa học - công nghệ, huy động, phân bổ và sử dụng vốn còn mang nặng tính chất tập trung quan liêu bao cấp, kém hiệu quả.

Đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, nhất là ở khâu nghiên cứu và triển khai, phải là nhiệm vụ của cả xã hội, trong đó nguồn lớn nhất là từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, nơi mà cạnh tranh thị trường đòi hỏi phải luôn luôn tìm cách áp dụng các phát minh sáng chế, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đổi mới mẫu mã sản phẩm, nâng cao chất lượng, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Ở nhiều nước, các doanh nghiệp không chỉ mua phát minh, sáng chế, đặt hàng và tài trợ cho các trung tâm khoa học và cho các nhà khoa học, mà còn tự tổ chức những cơ sở nghiên cứu và triển khai có đủ trang bị kỹ thuật, phương tiện vật chất và nguồn nhân lực cần thiết.

Ở nước ta, các doanh nghiệp từ hộ nông dân, ngư dân, tiểu, thủ công nghiệp đến các cơ sở kinh tế lớn của Nhà nước

đều đang có nhu cầu rất bức bách về đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh để có thể đứng vững và phát triển. Do năng lực bản thân còn có hạn, họ rất cần những dịch vụ khoa học - kỹ thuật, những phát minh, sáng chế cả về công nghệ lẫn về tổ chức, quản lý. Nắm bắt đúng các nhu cầu thực tiễn, xây dựng các mối quan hệ liên kết trực tiếp giữa khoa học và sản xuất, tổ chức ký kết các hợp đồng nghiên cứu, ứng dụng đem lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp... là phương thức và cơ chế cho phép tăng nguồn vốn đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ, đồng thời bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả. Doanh nghiệp phải là người tài trợ chính và trực tiếp cho nghiên cứu và triển khai, cũng là người kiểm nghiệm, đánh giá và cùng chia sẻ lợi ích của việc áp dụng thành quả khoa học với nhà nghiên cứu, phát minh. Các doanh nghiệp lớn sẽ dần dần lập ra những cơ sở nghiên cứu triển khai của riêng mình, trong khi vẫn dựa vào bộ máy và lực lượng của cả nước để giải quyết các vấn đề lớn về khoa học và công nghệ.

Các cơ sở nghiên cứu và lực lượng cán bộ khoa học thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng cụ thể phải từng bước chuyển sang hạch toán kinh doanh, gắn với các doanh nghiệp, lấy kết quả thu được từ việc ứng dụng thành tựu khoa học vào thực tiễn sản xuất kinh doanh mà bù đắp chi phí và phát triển. Chấp hành nghiêm túc chế độ bảo mật đối với những sáng chế có liên quan đến quốc phòng, an ninh và những sáng chế cần giữ bí mật vì lợi ích quốc gia.

Nhà nước có những hỗ trợ nhất định cho các nghiên cứu ứng dụng cụ thể, nhất là trong giai đoạn đầu, nhưng người gánh vác phần chủ yếu phải là doanh nghiệp. Nhà nước tập

trung đầu tư xây dựng đồng bộ, trang bị đủ phương tiện cần thiết cho những trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ tầm cỡ quốc gia; tài trợ cho những đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản, xử lý những vấn đề mang tính vĩ mô, liên ngành; thực hiện những giải pháp lớn nhằm phát triển các ngành khoa học cơ bản với công nghệ cao, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Tận dụng lợi thế của nước đi sau, chúng ta phải tập trung trước hết cho việc tiếp thu và vận dụng sáng tạo các thành tựu khoa học, kỹ thuật của thế giới; ứng dụng, làm chủ và nhân rộng các công nghệ tiến bộ đi đôi với việc quản lý chặt chẽ công nghệ nhập, lường trước và ngăn chặn các hậu quả tiêu cực, lâu dài. Đồng thời, phải biết dành nỗ lực nhất định cho những mũi nhọn phát triển, tìm cách đi tắt, đón đầu, tạo nên lợi thế cạnh tranh mạnh cả về phương diện khoa học và công nghệ để bảo đảm sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, gắn với việc xử lý tốt các vấn đề công bằng và tiến bộ xã hội, môi trường sinh thái.

Thưa các đồng chí,

Nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất của Đảng ta trong thời kỳ này là xây dựng và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, động viên mọi thành phần, mọi tầng lớp nhân dân trong nước và người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài đồng tâm nhất trí, nỗ lực phấn đấu góp phần đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Muốn vậy, trước hết phải xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tầm nhìn sâu rộng, tổ chức chặt chẽ, nghiêm minh, năng lực lãnh đạo

và chỉ đạo giỏi, đề ra và thực hiện được những đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tranh thủ thời cơ đẩy mạnh phát triển kinh tế, đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn thử thách, trở thành một nước công nghiệp trong vài ba thập kỷ tới.

Cán bộ, đảng viên phải vừa có giác ngộ sâu sắc về lý tưởng, vừa có kiến thức và năng lực chuyên môn, gương mẫu, sáng tạo, cần kiệm trong lao động sản xuất và trong sinh hoạt, biết tổ chức và vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cần tập trung nghiên cứu xác định đúng vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong cơ chế mới. Trên cơ sở đó, chấn chỉnh, đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước, làm cho bộ máy gọn nhẹ, trong sạch, cán bộ tinh thông nghiệp vụ, tận tụy với công việc, làm việc có hiệu lực và hiệu quả.

Kiên quyết bài trừ nạn tham nhũng, thói xa hoa, lãng phí, tệ quan liêu, ức hiếp dân, tình trạng thiếu kỷ luật, kỷ cương, đang gây ra thất thoát nghiêm trọng, làm xói mòn lòng tin của nhân dân, làm suy yếu khối thống nhất ý chí và hành động của toàn dân.

Phải coi vấn đề xây dựng giai cấp công nhân và công tác công đoàn là một nghiên cứu trọng tâm của toàn Đảng trong thời kỳ phát triển mới, bởi vì chỉ với một giai cấp công nhân trưởng thành về chính trị, có trình độ tổ chức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cao, mới có thể là nòng cốt để liên minh với nông dân, trí thức, tập hợp và đoàn kết các thành phần khác, phấn đấu cho thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Việc chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, mở rộng hợp tác liên doanh với bên ngoài, cùng những tác động mới về khoa học - công nghệ đang và sẽ làm biến đổi cơ cấu, chiều hướng phát triển của giai cấp công nhân, các mối quan hệ chính trị - xã hội giữa công nhân với những thành phần xã hội khác. Ngày nay, đội ngũ công nhân không chỉ là những người lao động sản xuất và dịch vụ công nghiệp thuộc các doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã, mà còn bao gồm những công nhân lao động thuộc khu vực tư nhân, cá thể, hợp tác liên doanh với nước ngoài. Một số ngành nghề, lĩnh vực hoạt động bị thu hẹp hoặc biến mất, trong khi đó một số ngành nghề khác lại đang được mở rộng và phát triển; đã, đang và sẽ xuất hiện những ngành nghề, lĩnh vực mới do tiến bộ khoa học - công nghệ và đòi hỏi khách quan của xã hội, của việc quốc tế hoá sản xuất và đời sống. Xu hướng trí thức hoá công nhân, giảm bớt lao động chân tay nặng nhọc, tăng cường yếu tố trí tuệ và lao động trí óc ngay trong dây chuyền công nghiệp đang tăng lên.

Xây dựng giai cấp công nhân phải bắt đầu từ việc tạo động lực cho giai cấp công nhân vươn lên đi đầu trong công cuộc đổi mới đất nước, làm lực lượng chủ yếu trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, không ngừng phát triển về số lượng, nâng cao về chất lượng, thích ứng với cơ chế mới, làm chủ công nghệ hiện đại.

Động lực trực tiếp đối với người công nhân chính là những lợi ích thiết thân về việc làm, thu nhập, các nhu cầu ngày càng tăng về văn hoá - xã hội. Cần quan tâm thường xuyên và có giải pháp cụ thể để đáp ứng tốt hơn những nhu cầu đó. Song, lợi ích của người công nhân chỉ có thể thực hiện

bằng chính lao động của bản thân mình, doanh nghiệp mình với năng suất cao, chất lượng tốt, chi phí thấp, cạnh tranh thắng lợi trên thị trường trong và ngoài nước. Mỗi người phải phát huy cao độ năng lực tự chủ, sáng tạo, ra sức học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp, kiến thức và kỹ năng lao động; xử lý tốt những vấn đề phát sinh, nhất là quan hệ về lợi ích, nhằm xây dựng quan hệ cộng đồng trách nhiệm, hợp tác cùng có lợi trong nội bộ xí nghiệp nhà nước cũng như tư nhân, tham gia cải tiến tổ chức quản lý, áp dụng công nghệ tiến bộ để phát triển doanh nghiệp có hiệu quả, tuân thủ pháp luật nhà nước.

Đồng thời, động lực sâu xa của sự phát triển giai cấp công nhân với tư cách giai cấp tiên phong là ở chỗ lãnh đạo thành công công cuộc xây dựng một xã hội mới, trong đó nhân dân lao động làm chủ, đất nước độc lập và phồn vinh, xoá bỏ áp bức bất công, mọi người đều có điều kiện phấn đấu cho cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Lợi ích đó phù hợp về căn bản với lợi ích chung của cả dân tộc, được đặt ra và giải quyết trong quan hệ tổng hoà về lợi ích với nông dân, trí thức, các tầng lớp lao động khác cũng như giới chủ doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân, hợp tác, liên doanh với nước ngoài.

Giai cấp công nhân phải là nòng cốt để phát triển các quan hệ liên minh vững chắc về kinh tế và chính trị với nông dân, thúc đẩy giao lưu hàng hoá giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, từng bước công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, mở rộng thành phần công nhân trong lao động nông nghiệp. Giai cấp công nhân phải vươn lên làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, tự mình trí

thức hoá, đồng thời có chính sách đoàn kết và động viên giới trí thức đem hết tâm huyết và tài năng phục vụ sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Giai cấp công nhân phải là chỗ dựa tin cậy của Đảng, giúp đỡ, hướng dẫn các tầng lớp nhân dân lao động khắc khắc phục khó khăn, ra sức phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, tham gia giải quyết các công việc chung của xã hội. Giai cấp công nhân phải hỗ trợ, khuyến khích giới chủ doanh nghiệp yên tâm đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh theo đúng pháp luật nhà nước, tạo thêm nhiều việc làm, làm giàu cho mình và cho Tổ quốc, có vị trí xứng đáng trong cộng đồng dân tộc.

Giai cấp công nhân chỉ trở thành giai cấp lãnh đạo khi mỗi thành viên ngày càng giác ngộ sâu sắc về lý tưởng cách mạng, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình, được tổ chức chặt chẽ và được dẫn dắt bởi một đảng tiên phong vững mạnh. Xây dựng giai cấp công nhân đòi hỏi phải xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, có cơ sở sâu rộng trong tất cả các ngành, các lĩnh vực, các thành phần kinh tế; củng cố, đổi mới và phát triển Công đoàn cùng các tổ chức chính trị - xã hội khác dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, giai cấp công nhân có nhiệm vụ góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, thống nhất ý chí và hành động để đưa cả dân tộc tiến lên, hoàn thành xuất sắc công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

*

* *

Trên đây là một số ý kiến mà tôi muốn nhấn mạnh thêm

để các đồng chí tham khảo trong quá trình thảo luận và quyết định.

Chúc các đồng chí Cố vấn và các đồng chí Ủy viên Trung ương mạnh khỏe.

Chúc Hội nghị toàn thể lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2000 THEO HƯỚNG
CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC**
**(Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ bảy
Ban Chấp hành Trung ương khoá VII)**
Ngày 14 tháng 7 năm 1994*

Công nghiệp hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Công nghiệp hoá không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội gắn liền với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Như vậy, công nghiệp hoá là một giai đoạn phát

* Tài liệu này được gửi trước ngày khai mạc Hội nghị Trung ương (B.T).

triển có tính tất yếu đối với các quốc gia muốn tiến lên từ một nền kinh tế nông nghiệp trở thành một nước công nghiệp, phù hợp với xu thế chung của lịch sử phát triển nhân loại.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội Đảng lần thứ VII thông qua đã xác định một trong những phương hướng cơ bản trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là "phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại hoá...".

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã nêu rõ: "Mặc dù còn nhiều yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước", coi đó là nhiệm vụ trung tâm trong thời gian tới.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng tập trung bàn việc thực hiện nhiệm vụ này, cụ thể hoá thêm những quan điểm chỉ đạo quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xác định các chủ trương và chính sách phát triển công nghiệp và công nghệ nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000*, chuẩn bị điều kiện cho bước phát triển cao hơn ở thập kỷ sau.

I- THỰC TRẠNG CÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHỆ VÀ CÔNG NGHIỆP HOÁ Ở NƯỚC TA, THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thực trạng công nghiệp, công nghệ và công nghiệp hoá ở nước ta

Mấy chục năm qua, trong những hoàn cảnh đặc biệt của

đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng phát triển nền công nghiệp nước nhà đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sản phẩm công nghiệp đã đáp ứng được nhiều nhu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân trong nước và mở rộng xuất khẩu. Một số công trình lớn, quan trọng được xây dựng; một số ngành và khu công nghiệp được hình thành, tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật bước đầu của chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp quốc doanh chiếm 70% giá trị sản lượng công nghiệp, nắm giữ những ngành quan trọng, đang được sắp xếp lại, một bộ phận kinh doanh có hiệu quả. Công nghiệp ngoài quốc doanh được mở rộng.

Mấy năm gần đây, nền công nghiệp nước ta có sự đổi mới về cơ cấu, cơ chế quản lý và công nghệ, có bước phát triển mới, góp phần quan trọng tạo nên đà tăng trưởng kinh tế với nhịp độ tương đối cao.

Đảng và Nhà nước đã sớm xây dựng các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu, triển khai, các cơ sở dạy nghề, chăm lo đào tạo lực lượng cán bộ khoa học - công nghệ, công nhân kỹ thuật. Một số ngành có khả năng tiếp thu công nghệ mới, phù hợp với thực tế nước ta. Công tác nghiên cứu, triển khai khoa học và công nghệ có tiến bộ.

Tuy nhiên, nhìn chung nền công nghiệp, công nghệ nước ta còn rất yếu kém.

Trong cơ cấu kinh tế, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm trong nước (GDP) còn thấp, năm 1993 mới chiếm trên 20%. Tỷ trọng lao động công nghiệp chỉ chiếm gần 11% lực lượng lao động toàn xã hội. Lao động thủ công còn phổ biến, phần do máy móc

làm ra trong giá trị tổng sản phẩm xã hội hiện mới chiếm khoảng 35%. Công nghiệp chưa đủ sức tự đầu tư phát triển, khả năng trang bị cho nền kinh tế quốc dân, trước hết là cho sản xuất nông nghiệp chưa đáng kể.

Ngành cơ khí non yếu, công nghệ lạc hậu, tổ chức phân tán, hệ số huy động công suất thấp, mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu về các loại công cụ, máy móc, phụ tùng ít phức tạp, yêu cầu chất lượng không cao. Công nghiệp điện tử mới được xây dựng, chủ yếu là lắp ráp một số sản phẩm điện tử tiêu dùng.

Các ngành công nghiệp nguyên vật liệu cơ bản chưa phát triển. Với mức tiêu dùng chưa cao như hiện nay, trừ điện, than, ta còn phải nhập khẩu 60% sắt thép, 90% các loại nhiên liệu và nguyên liệu từ lọc dầu, hoá dầu và các loại hoá chất cơ bản; 80% phân bón...

Các ngành công nghiệp chế biến chậm phát triển, chỉ mới tập trung vào một số ít sản phẩm, chưa thực sự tạo ra phân công lao động mới ở nông thôn. Công nghiệp đóng góp gần 50% giá trị xuất khẩu của cả nước, nhưng phần lớn còn dưới dạng nguyên liệu thô hoặc chỉ chế biến đơn giản, giá trị thấp. Nhiều sản phẩm công nghiệp xuất khẩu chưa có chỗ đứng vững chắc trên thị trường thế giới.

Nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, lạc hậu về công nghệ, còn nhiều vướng mắc về quản lý. Công nghiệp ngoài quốc doanh còn chiếm tỷ trọng nhỏ, thiếu vốn, phần lớn là kỹ thuật lạc hậu, chưa được Nhà nước hỗ trợ; lực lượng kinh tế ngoài quốc doanh chưa thực sự yên tâm đầu tư vào lĩnh vực sản xuất.

Việc quản lý xuất nhập khẩu lỏng lẻo, tình trạng hàng

ngoại lẫn át, gây khó khăn cho các đơn vị sản xuất trong nước chưa được khắc phục có hiệu quả. Nhà nước chưa làm tốt công tác kiểm tra, kiểm soát và tạo môi trường luật pháp cho kinh doanh của các thành phần kinh tế. Hệ thống tài chính, ngân hàng chưa theo kịp và chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh theo cơ chế mới.

Kết cấu hạ tầng nói chung rất yếu kém, là yếu tố hạn chế lớn cho đầu tư phát triển công nghiệp, kể cả đầu tư trong nước và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Kết cấu hạ tầng đô thị lạc hậu và đang bị xuống cấp. Đô thị và các khu, cụm công nghiệp phát triển lộn xộn, thiếu quy hoạch hoặc không làm theo quy hoạch, tiêu chuẩn.

Trình độ công nghệ của nền sản xuất nhìn chung còn lạc hậu; mức khai thác công suất thiết bị thấp; tiêu hao nhiên liệu, năng lượng cho một đơn vị sản phẩm vượt xa mức trung bình của thế giới; năng suất lao động thấp, mặt hàng chưa phong phú, chất lượng sản phẩm kém và không ổn định. Các cơ sở nghiên cứu lạc hậu, mức đầu tư phát triển công nghệ thấp; thiếu cơ chế gắn kết có hiệu quả giữa khoa học và sản xuất. Phần lớn các xí nghiệp chưa quan tâm cải tiến công nghệ, đổi mới sản phẩm. Nhiều cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nặng nề.

Mạng lưới dịch vụ công nghệ cũng như năng lực đánh giá, lựa chọn công nghệ còn bất cập so với yêu cầu. Do vậy, nhiều chủ trương, dự án đầu tư, nhập công nghệ và thiết bị chưa có hiệu quả, thậm chí gây thiệt hại cho nền kinh tế.

2. Thuận lợi và khó khăn

Nước ta đang đứng trước những thuận lợi và thời cơ lớn:

Tình hình chính trị - xã hội ngày càng ổn định. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường và mở cửa có sự quản lý của Nhà nước đã hình thành và phát triển một bước quan trọng. Nguồn lực vật chất được tăng cường; xuất khẩu tăng nhanh; sau nhiều năm phấn đấu đã bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế; nguồn vốn trong dân còn khá. Trình độ dân trí được nâng cao hơn, đội ngũ trí thức và lao động kỹ thuật ngày càng đông. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có thêm kinh nghiệm.

Xu hướng quốc tế hoá kinh tế đang tăng lên, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới ngày càng mạnh mẽ. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang trên đà phát triển năng động. Quan hệ quốc tế của nước ta tiếp tục được mở rộng.

Đồng thời, chúng ta cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức to lớn và gay gắt:

Điểm xuất phát của nền kinh tế còn rất thấp, kết cấu hạ tầng yếu kém, trình độ công nghệ lạc hậu. Nhu cầu vốn lớn hơn nhiều so với khả năng đáp ứng. Tài chính - tiền tệ còn căng thẳng, lạm phát chưa được kiềm chế vững chắc. Sức mua của thị trường trong nước thấp. Việc làm, đói nghèo, tham nhũng... vẫn đang là những vấn đề nóng bỏng, cấp bách phải giải quyết. Nhiều vùng còn rất lạc hậu, nhất là miền núi, Tây Nguyên, vùng xa xôi hẻo lánh, vùng căn cứ cách mạng. Tình hình quốc phòng - an ninh luôn luôn đòi hỏi đề cao cảnh giác. Bộ máy nhà nước còn công kênh, kém hiệu lực.

Tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục có nhiều âm mưu và hoạt động

chống phá thâm độc đối với nước ta. Cạnh tranh trong quan hệ kinh tế, thương mại khá gay gắt, ngay cả ở thị trường nội địa, trên các mặt tiêu thụ sản phẩm, công nghệ và vốn đầu tư.

Nước ta hiện đang có những lợi thế so sánh quan trọng: Vị trí địa - kinh tế thuận lợi, nằm trong vùng phát triển sôi động, trên tuyến giao lưu quốc tế và khu vực; nguồn nhân lực dồi dào và có khả năng tiếp thu công nghệ mới; giá nhân công tương đối rẻ; tài nguyên đa dạng và phần đáng kể chưa được khai thác; là nước đi sau, ta có thể học hỏi kinh nghiệm của các nước đi trước và tiếp thu công nghệ tiên tiến của thế giới.

Đảng ta cần có chủ trương, chính sách thích hợp để động viên được cao độ sức mạnh tổng hợp của toàn dân, kết hợp với sức mạnh của thời đại, phát huy lợi thế so sánh khai thác thuận lợi, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách để đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong thời gian tới.

II- MỤC TIÊU VÀ NHỮNG QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục tiêu

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là yêu cầu tất yếu khách quan, có ý nghĩa sống còn để tránh nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền của Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Thông qua công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chúng ta phấn đấu tạo ra một trình độ phát triển mới về kinh tế - xã hội,

xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, củng cố quốc phòng - an ninh, nâng cao khả năng hợp tác phát triển với bên ngoài.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2000, công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải nhằm đạt và vượt các mục tiêu đã xác định trong Chiến lược kinh tế - xã hội 1991-2000, chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho bước phát triển cao hơn trong thập kỷ sau, cụ thể là: tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) từ 2 đến 2,5 lần so với năm 1990, trong đó công nghiệp tăng bình quân hằng năm 13-15%, đưa tỷ trọng công nghiệp trong GDP lên trên 30% vào năm 2000.

2. Các quan điểm

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn bộ tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển nền kinh tế nói chung, công nghiệp hoá nói riêng, gồm nhiều thành phần, trong đó quốc doanh là chủ đạo, theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế; tận dụng mọi nguồn vốn, trong đó vốn trong nước là quyết định, vốn bên ngoài là quan trọng.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh.

Gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường sinh thái. Đặc biệt coi trọng việc bồi dưỡng nguồn nhân lực để phát huy sức mạnh quyết định của nhân tố con người và vì con người; chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao dân trí, cải

thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; chú ý giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực xoá đói, giảm nghèo, tiến tới xoá nghèo, đặc biệt là ở các vùng đồng bào dân tộc, vùng căn cứ cách mạng.

Kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả. Xây dựng nền kinh tế mở cả trong nước và với bên ngoài. Phát huy lợi thế so sánh của cả nước cũng như từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, trong từng thời kỳ, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thị trường thế giới.

Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Trừ những tổ chức có nhiệm vụ chủ yếu phục vụ quốc phòng - an ninh và phúc lợi xã hội, tiêu chuẩn hiệu quả quan trọng nhất đối với các doanh nghiệp là kinh doanh có lãi một cách hợp pháp. Ở tầm vĩ mô, Nhà nước phải xem xét hiệu quả toàn diện về kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng - an ninh và môi trường sinh thái, cả trước mắt và lâu dài.

Khai thác nhanh thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành; tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm có điều kiện sớm đưa lại hiệu quả cao. Đồng thời quan tâm đáp ứng những nhu cầu và điều kiện phát triển thiết yếu của mọi vùng trong nước, có chính sách hỗ trợ đối với những nơi khó khăn, đẩy mạnh hợp tác phát triển, bảo đảm cho các vùng và các thành phần dân cư đều có lợi ích và đều được hưởng thành quả của sự tăng trưởng.

Chú trọng quy mô vừa và nhỏ, vốn đầu tư ít, thu hồi vốn

nhANH; xây dựng một số công trình quy mô lớn cần thiết và có hiệu quả. Thực hiện sự hiệp tác, phân công, bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau giữa các loại doanh nghiệp có quy mô khác nhau, lấy doanh nghiệp lớn làm nòng cốt.

Chú trọng đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất và công nghệ hiện có, tập trung vào những khâu quyết định khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, ưu tiên cho loại công nghệ tốn ít vốn, tạo nhiều việc làm trực tiếp và gián tiếp; tranh thủ đi tắt, đón đầu ở những khâu, những lĩnh vực công nghệ có điều kiện và có ý nghĩa quyết định đối với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn xã hội. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phải đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, ra sức làm ăn có hiệu quả, đặc biệt phải đề cao ý thức cần kiệm để công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

III- CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2000

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ đã xác định:

"Từ nay đến cuối thập kỷ phải quan tâm đến công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại khác. Cải tạo, mở rộng, nâng

cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất ở những khâu ách tắc nhất, đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường về phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Phát triển sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài".

Dưới đây là những định hướng cụ thể:

1. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp và kết cấu hạ tầng

1.1. Các ngành công nghiệp chế biến và chế tạo

Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản:

- Nông nghiệp (bao gồm nông, lâm, ngư nghiệp) phải tạo nguồn nguyên liệu tốt và vững chắc cho công nghiệp chế biến. Phải quy vùng sản xuất từng loại nguyên liệu, chuyên môn hoá và tiêu chuẩn hoá sản xuất, đưa khoa học - công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học và sản xuất, cả ở khâu trồng trọt và chăn nuôi, tạo ra nguồn nguyên liệu lớn, chất lượng cao, tiêu chuẩn hoá, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp chế biến hiện đại. Phải thực hiện nghiêm túc các biện pháp kỹ thuật nuôi trồng, hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng hoá chất, nhất là hoá chất có độc tố trong khâu chăm bón cây trồng, phòng trừ sâu bệnh để sản xuất ra những sản phẩm nông nghiệp "sạch", phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường đầu tư công nghệ và tổ chức tốt các khâu bảo

quản sau khi thu hoạch và vận chuyển sản phẩm đến các cơ sở chế biến.

- Huy động các thành phần kinh tế phát triển rộng khắp các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản (sơ chế và tinh chế) gắn với vùng nguyên liệu. Kết hợp chế biến công nghiệp hiện đại với chế biến thủ công. Nâng cao chất lượng dinh dưỡng, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh của thực phẩm và đa dạng hoá mặt hàng thực phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, của khách quốc tế và xuất khẩu.

Tập trung sức giải quyết một số trọng điểm sau đây:

+ Phát triển trồng và chế biến (sấy, xay xát) những loại lúa gạo chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, đạt giá trị và hiệu quả xuất khẩu cao, đồng thời cung ứng gạo có chất lượng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu trong nước.

+ Chế biến thịt, trứng, sữa, cá, tôm, dầu ăn... để bảo đảm mức tiêu thụ bình quân đầu người về thực phẩm có chất đạm và mức xuất khẩu 100.000 tấn thịt chế biến, 1 tỷ USD hàng thủy sản vào năm 2000.

+ Chế biến rau quả để tạo thêm mặt hàng xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, khắc phục tình trạng thừa ứ trong vụ thu hoạch rộ và khan hiếm khi trái vụ.

+ Phát triển mạnh công nghiệp chế biến đường đi đôi với mở rộng trồng mía để đạt sản lượng đường 500.000 tấn vào năm 2000, chấm dứt việc phải nhập khẩu đường.

+ Hạn chế việc sản xuất rượu có độ cồn cao; phát triển có mức độ sản xuất bia; thoả mãn nhu cầu nước giải khát bằng phát triển mạnh các loại nước quả, nước khoáng và nước tinh khiết.

+ Hạn chế sản xuất và hút thuốc lá để bảo vệ sức khoẻ

của nhân dân, giảm số ngoại tệ phải dùng hằng năm để nhập khẩu nguyên phụ liệu cho sản xuất thuốc lá. Nâng mức thuế đánh vào thuốc lá và nâng giá thuốc lá.

- Tăng nhanh năng lực chế biến cao su, chè, cà phê và các loại nông, lâm, thuỷ sản xuất khẩu tương ứng với quy mô phát triển nguồn nguyên liệu, chú trọng nhập khẩu công nghệ chế biến hiện đại để tăng nhanh xuất khẩu sản phẩm tinh chế, giảm xuất khẩu nguyên liệu thô hoặc sơ chế.

Các hàng tiêu dùng khác:

Phát triển các ngành công nghiệp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng và càng đa dạng của nhân dân về hàng may mặc, đồ dùng trong nhà, hàng cơ khí tiêu dùng, phương tiện đi lại, thuốc chữa bệnh, giấy và các dụng cụ học tập, đồ dùng văn phòng, văn hoá phẩm, đồ chơi của trẻ em, dụng cụ thể dục - thể thao... Đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá mẫu mã và giảm giá thành để cạnh tranh, giảm hẳn hàng nhập ngoại. Tăng dần sản xuất và mức đáp ứng nhu cầu về các loại hàng tiêu dùng lâu bền, cao cấp như tivi, radiô, tủ lạnh, máy giặt, điều hoà nhiệt độ, đồ trang trí nội thất. Tận dụng lợi thế về lao động, tranh thủ tiếp nhận có chọn lọc công nghệ, hợp tác, liên doanh với nước ngoài để phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm may mặc, dệt, da, hàng điện tử, đồ điện gia dụng... Chuyển nhanh từ gia công sang xuất khẩu trực tiếp; mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường quốc tế.

Công nghiệp cơ khí và điện tử:

Chấn chỉnh và phát triển ngành cơ khí theo hướng đổi mới và hiện đại hoá công nghệ và trang thiết bị, chuyên môn

hoá, hợp tác hoá rộng rãi trong và ngoài nước để làm ra sản phẩm chất lượng cao. Tập trung thực hiện chương trình phát triển cơ khí trang bị cho các ngành nông, lâm, ngư nghiệp; sản xuất thiết bị chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất hàng tiêu dùng, máy móc cho tiểu thủ công nghiệp; một số thiết bị cho ngành xây dựng, ngành khai khoáng; các ngành cơ khí đường sắt, đóng tàu sông biển, động lực; lắp ráp ô tô, xe máy, sản xuất phụ tùng, tiến tới sản xuất xe máy, ô tô.

Sắp xếp lại, đầu tư cải tạo, mở rộng để phát huy tốt năng lực cơ khí hiện có. Phát triển mạng lưới cơ khí sửa chữa. Chuẩn bị xây dựng một số nhà máy cơ khí chế tạo mới.

Phát triển ngành điện tử - tin học dần dần trở thành một ngành mũi nhọn, công nghệ hiện đại, triển khai thực hiện chương trình quốc gia về công nghệ tin học, đẩy nhanh quá trình đưa điện tử - tin học vào sản xuất, dịch vụ, quản lý, đời sống và an ninh quốc phòng; hiện đại hoá mạng lưới thông tin liên lạc.

Đi từ lắp ráp tới chế tạo một số vật liệu linh kiện và thiết bị điện tử - tin học dân dụng, chuyên dụng. Đáp ứng rộng rãi các phương tiện nghe nhìn cho nhân dân.

1.2. Các ngành công nghiệp sản xuất nguyên, nhiên vật liệu cơ bản

- Đẩy mạnh việc tìm kiếm thăm dò và khai thác, tăng nhanh sản lượng dầu thô. Xây dựng nhà máy lọc dầu để đáp ứng nhu cầu nhiên liệu cho sản xuất và tiêu dùng trong nước, đồng thời tạo tiền đề cho công nghiệp hoá dầu.

Xúc tiến nhanh thăm dò và khai thác khí thiên nhiên, sớm sử dụng cho phát điện, sản xuất khí lỏng, phân đạm, vật

liệu xây dựng, các ngành công nghiệp khác và phục vụ tiêu dùng sinh hoạt.

- Chấn chỉnh để phát triển ngành than đáp ứng nhu cầu sử dụng than cho sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu. Cải tạo công nghệ khai thác mỏ, đồng bộ hoá các khâu từ khai thác đến sàng tuyển, vận chuyển. Chú ý bảo vệ tài nguyên và môi trường khu mỏ. Mở rộng việc chế biến than cho tiêu dùng.

- Mở rộng sản xuất thép, đáp ứng đại bộ phận nhu cầu thép xây dựng và một phần thép chế tạo. Đổi mới thiết bị và công nghệ nhằm phát huy tối đa năng lực sản xuất thép hiện có. Xây dựng một số công trình cán và luyện thép mới quy mô nhỏ và vừa. Nghiên cứu và chuẩn bị xây dựng nhà máy luyện thép lớn (nhập khẩu quặng sắt hoặc khai thác mỏ sắt Thạch Khê).

- Khai thác các nguồn nguyên liệu dồi dào trong nước, xây dựng nhiều nhà máy xi măng lớn và nhỏ ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam với công nghệ hiện đại; đồng thời đa dạng hoá sản xuất các loại vật liệu xây dựng cơ bản khác (gạch, ngói, đá...), vật liệu trang trí nội thất, vật liệu xây dựng cao cấp đáp ứng nhu cầu xây dựng đang tăng nhanh của Nhà nước và nhân dân.

- Dựa vào những nguồn nguyên liệu trong nước, lựa chọn công nghệ thích hợp để phát triển sản xuất phân bón, đáp ứng đủ nhu cầu phân lân và tăng năng lực sản xuất phân đạm từ khí thiên nhiên và khí than với chất lượng và giá thành cạnh tranh được với phân bón nhập khẩu. Mở rộng sản xuất phân hỗn hợp NPK thích hợp với từng loại cây trồng trên từng vùng. Phát triển các loại phân bón vi sinh, vi lượng.

Tăng dần sản xuất các loại hoá chất cơ bản (các axit vô cơ, xút, soda...).

Nghiên cứu các dự án thăm dò, khai thác, chế biến các nguồn tài nguyên khoáng sản có giá trị kinh tế khác của nước ta.

1.3. Công nghiệp quốc phòng

Trong những điều kiện mới, mặc dù hoà bình, ổn định được duy trì là một khả năng hiện thực, chúng ta vẫn phải thường xuyên chăm lo tăng cường và củng cố quốc phòng, bảo vệ đất nước và sự toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh kinh tế và chính trị. Công nghiệp quốc phòng cần được coi trọng trong từng bước phát triển của công nghiệp và công nghệ chung của cả nước và phải được đầu tư thoả đáng. Đây là nhiệm vụ chiến lược vừa cấp bách, vừa cơ bản lâu dài trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Công nghiệp quốc phòng phải bảo đảm sản xuất được các vũ khí thông thường cho lực quân, sản xuất một số trang bị hoả lực mang vác được hiện đại hoá và từng bước đóng được tàu quân sự cho hải quân, bộ đội biên phòng.

Đầu tư công nghệ mới để nâng cao năng lực bảo quản, sửa chữa và cải tiến, hiện đại hoá những trang bị hiện có. Mua sắm có chọn lọc những vũ khí hiện đại. Ứng dụng tin học và tự động hoá chỉ huy, công tác tham mưu tác chiến, đối phó có hiệu quả đối với các vũ khí công nghệ của địch.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng theo hướng chuyển giao công nghệ quốc phòng cho những xí nghiệp công nghiệp dân dụng được chọn lọc để khi có yêu cầu có thể chuyển sang sản xuất vũ khí trang bị cho quân sự. Phấn đấu tăng mức tự sản

xuất bảo đảm nhu cầu nhiên liệu, vật liệu và tạo thêm nhiều công nghệ phục vụ sản xuất cho quốc phòng. Đồng thời đẩy mạnh sự liên kết liên doanh giữa các cơ sở công nghiệp quốc phòng và công nghiệp dân dụng để sản xuất các mặt hàng cho quốc phòng cũng như tận dụng năng lực của công nghiệp quốc phòng sản xuất các mặt hàng dân dụng mang lại hiệu quả cao.

1.4. *Kết cấu hạ tầng*

- Cải tạo, hiện đại hoá, huy động hết công suất các nhà máy điện hiện có. Hoàn thành xây dựng và xây dựng gổ đầu một số nhà máy điện dùng khí, than và thuỷ điện. Hoàn chỉnh mạng lưới điện quốc gia; tiêu chuẩn hoá từng bước mạng điện trung, hạ thế trong cả nước. Tích cực chuẩn bị điều kiện để xây dựng điện nguyên tử trong những năm sau.

- Bảo dưỡng, cải tạo và nâng cấp dần hệ thống đường bộ hiện có, xây dựng thêm một số tuyến đường tương đối hoàn chỉnh, đặc biệt là một số trục đường quan trọng nối miền Bắc với miền Nam, nối các trung tâm dân cư và kinh tế lớn trên các địa bàn trọng điểm. Nâng cấp dần các tuyến đường bộ từ tỉnh đến huyện, xã, mở thêm đường xuống xã. Cải tạo dần đường trong các thành phố lớn. Tổ chức vận tải công cộng tại các đô thị, các khu công nghiệp tập trung. Cải tạo, mở rộng, hiện đại hoá từng bước hệ thống cảng biển và cảng hàng không lớn ở ba miền Bắc, Trung, Nam; phát triển thêm một số cảng biển, sân bay địa phương. Giành đủ phương tiện vận tải biển và hàng không quốc tế. củng cố, nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có, mở thêm một số đoạn quan trọng, khai thác các tuyến liên vận quốc tế. Phát triển mạnh vận tải

đường sông, chỉnh trị hệ thống sông ngòi, chủ yếu ở hai vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển thông tin liên lạc hiện đại, bảo đảm nhanh chóng, chính xác và an toàn, liên kết nhiều dịch vụ. Cải tạo và phát triển mạng điện thoại trong các thành phố bằng kỹ thuật số hoá. Về cơ bản đưa liên lạc điện thoại thông suốt đến tất cả các xã.

- Quy hoạch hoá sử dụng tổng hợp nguồn nước của hệ thống sông ngòi và hồ chứa cho thuỷ điện, thuỷ lợi và vận tải thuỷ; cung cấp đủ nước cho công nghiệp và sinh hoạt. Chống ô nhiễm các nguồn nước. Xử lý tốt nước thải, cải thiện hệ thống thoát nước cho các đô thị, các khu công nghiệp.

- Tăng vốn đầu tư bằng nhiều nguồn cho xây dựng kết cấu hạ tầng văn hoá - xã hội, nhất là giáo dục, y tế, khoa học. Nâng cấp và hiện đại hoá từng bước hệ thống các bệnh viện, trường học, cơ sở văn hoá, thông tin, truyền thanh, truyền hình. Đầu tư đáp ứng các chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình và giải quyết một số vấn đề xã hội quan trọng khác. Đồng thời ưu tiên xây dựng một số trung tâm đại học và khoa học - công nghệ quốc gia, trung tâm y tế, trung tâm thể dục, thể thao quốc gia.

2. Định hướng phát triển công nghiệp trên các vùng và địa bàn quan trọng

2.1. Công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn

Công nghiệp hoá nông nghiệp hướng vào đưa các công nghệ tiến bộ, đặc biệt là công nghệ sinh học vào sản xuất, trước hết ở khâu giống; thực hiện cơ giới hoá từng phần công việc, trước hết các công việc cần sử dụng nhiều lao động và

trong những lúc thời vụ không đủ lao động; mở rộng điện khí hoá ở các vùng có lưới điện và xây dựng các trạm thuỷ điện nhỏ, điện chạy dầu ở nơi chưa có lưới điện; bảo đảm đủ phân bón hoá học và các hoá chất cần thiết bảo vệ và kích thích sinh trưởng (chú ý tránh độc hại, bảo vệ môi sinh).

Hướng chủ yếu phát triển công nghiệp nông thôn là chế biến nông, lâm, thuỷ sản quy mô vừa và nhỏ tại các cụm công nghiệp - dịch vụ ở các thị trấn, thị tứ, trước hết là các cơ sở xay xát lương thực, chế biến thịt, sữa, đường, bánh kẹo, chè, cà phê, hoa quả, nước giải khát...; sản xuất đồ gỗ gia dụng và hàng thủ công mỹ nghệ, trong đó chú trọng có thêm các mặt hàng xuất khẩu. Phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống của từng vùng, mở thêm những ngành nghề mới; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến ở các vùng nông thôn, làm vệ tinh cho công nghiệp ở thành thị và các khu công nghiệp tập trung.

Rất coi trọng phát triển thuỷ lợi và cấp nước sạch, giao thông nông thôn, lưới điện, trường học, trạm y tế, bưu điện, truyền thanh, truyền hình, nhà văn hoá, các loại hình dịch vụ sản xuất, kỹ thuật, tín dụng, bảo hiểm, dịch vụ phục vụ đời sống, tạo bộ mặt nông thôn mới khang trang, sạch đẹp, văn minh.

2.2. *Phát triển đô thị*

- Đầu tư phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở các đô thị, có cơ cấu phù hợp với vị trí và đặc điểm từng đô thị ở mỗi vùng, giải quyết việc làm và tăng nhanh sản phẩm xã hội, làm hạt nhân thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên toàn vùng và trong cả nước.

- Khẩn trương hoàn chỉnh quy hoạch hệ thống đô thị;

quản lý xây dựng theo quy hoạch và các tiêu chuẩn đô thị. Ban hành đồng bộ các chính sách và định chế quản lý đô thị (về sử dụng đất đai, nhà ở, bảo vệ môi trường, thu hút đầu tư và lao động, dân số và các vấn đề xã hội khác). Kiện toàn bộ máy quản lý xây dựng đô thị. Tập trung giải quyết các yêu cầu cấp bách về cấp, thoát nước, cấp điện, vệ sinh môi trường, thanh toán nhà ở chuột.

- Cải tạo, mở rộng, nâng cấp các đô thị hiện có trước hết tập trung vào các đô thị thuộc các địa bàn kinh tế trọng điểm ở cả ba miền. Xây dựng các thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ thành những trung tâm tạo vùng lớn, song tránh tập trung quá đông dân cư vào đô thị và phá vỡ cân bằng môi trường sinh thái.

Nâng cấp các đô thị loại vừa khác nằm trên các trục giao thông phát triển, các cửa khẩu... với chức năng đa trung tâm của các vùng.

Phát triển mạng đô thị nhỏ (thị trấn, thị tứ) phù hợp với các đặc điểm ở vùng nông thôn, vùng cao, biên giới, nhất là dọc theo các tuyến đường bộ quan trọng, có chức năng làm trung tâm kinh tế - xã hội của huyện hoặc làm vệ tinh của các đô thị vừa, để tránh tập trung quá mức vào các đô thị lớn.

- Để phát triển các đô thị, ngoài phần vốn quan trọng do ngân sách Nhà nước cấp hoặc vốn tài trợ của nước ngoài, cần sớm ban hành các cơ chế, chính sách do các đô thị như: chuyển các dịch vụ đô thị sang hạch toán kinh doanh để tự trang trải vốn đầu tư; chính quyền đô thị huy động tiền thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thu lệ phí của các doanh nghiệp để đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng. Động viên các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư tham gia

đầu tư để đáp ứng tốt hơn một số nhu cầu đô thị về kết cấu hạ tầng, dịch vụ công cộng. Các đô thị được quyền trực tiếp liên kết, liên doanh với nước ngoài về đầu tư và khai thác sử dụng một bộ phận cơ sở hạ tầng theo quy định của Nhà nước.

2.3. Phát triển công nghiệp ở miền núi và trung du

Phát triển công nghiệp trên địa bàn nhằm phát huy các thế mạnh của miền núi và trung du về lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả và dược liệu, chăn nuôi đại gia súc và khoáng sản.

Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung chuyên canh, áp dụng công nghệ sinh học cho năng suất và chất lượng sản phẩm cao, phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản sau đây:

- Công nghiệp chế biến lâm sản như: gỗ ván ép, gỗ dán, gỗ lạng, đồ mộc dùng trong nước và xuất khẩu, giấy và bột giấy, sản phẩm song, mây, tre, nhựa thông...
- Công nghiệp chế biến các loại nông sản như chè, cà phê, cao su, tơ tằm và lụa tơ tằm, dầu thực vật, chế biến mầu, chế biến dược liệu...
- Công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi như thịt, sữa, da...
- Khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống.

Theo hướng đó, sẽ hình thành các vùng nguyên liệu lớn gắn với công nghiệp chế biến như các vùng nguyên liệu giấy ở Vĩnh Phú, Tuyên Quang, Yên Bái, Lâm Đồng, Sông Bé, Đồng Nai; cao su, cà phê ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên; chè ở Bắc Thái, Vĩnh Phú, Yên Bái, Tuyên Quang, Hà Giang, Lâm Đồng, Gia Lai; dâu tằm tơ ở Lâm Đồng, Sơn La; bò sữa ở Mộc Châu, Ba Vì, Tây Nguyên...

Đối với công nghiệp khai khoáng: Tiếp tục điều tra tài nguyên khoáng sản, trước mắt chủ yếu khai thác một số mỏ nhỏ, vừa phục vụ nhu cầu địa phương và khu vực, đồng thời quy hoạch và chuẩn bị một số dự án khai thác lớn cho những năm sau.

Do khả năng có hạn, việc thực hiện công nghiệp hoá trung du, miền núi trước tiên phải tập trung vào những địa bàn và những ngành trọng điểm, phải được tiến hành theo những chương trình, dự án đầu tư được tính toán kỹ lưỡng và được chỉ đạo thực hiện chặt chẽ để bảo đảm có hiệu quả.

Trong việc phát triển kinh tế nhiều thành phần ở trung du và miền núi, kinh tế quốc doanh có vai trò đặc biệt quan trọng. Cần xây dựng được những doanh nghiệp nhà nước làm tốt vai trò của những trung tâm kinh tế và văn hoá, cung cấp dịch vụ về giống, vật tư, công nghệ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm... cho nông dân trong vùng, giúp đồng bào các dân tộc phát triển kinh tế và xây dựng đời sống văn hoá.

Kết hợp khả năng của Nhà nước và nhân dân, trung ương và địa phương để cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới kết cấu hạ tầng cần thiết, bảo đảm yêu cầu phát triển công nghiệp và kinh tế vùng: cải tạo đường giao thông, làm đường mới đến xã, trước hết là đến các vùng sản xuất tập trung; phát triển thuỷ điện nhỏ và xây dựng lưới điện; phát triển thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình; cấp nước sạch cho sinh hoạt.

Coi trọng đào tạo nghề nghiệp và nâng cao dân trí, nâng cao sức khoẻ của đồng bào các dân tộc trên địa bàn để xây dựng nguồn nhân lực tại chỗ, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá. Đồng thời có biện pháp thu hút lực lượng lao động từ

đồng bằng và các thành thị, kể cả cán bộ khoa học - kỹ thuật, quản lý và công nhân lành nghề lên tham gia xây dựng kinh tế - xã hội miền núi.

2.4. Phát triển công nghiệp ở miền biển

Phát triển công nghiệp và kinh tế biển là một trọng điểm chiến lược trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò khảo sát các nguồn tài nguyên biển.

Phát triển các ngành công nghiệp khai thác tài nguyên biển như: dầu khí và dịch vụ dầu khí; khai thác và chế biến một số khoáng sản khác như muối, imênhit, cát thuỷ tinh...; đẩy mạnh nuôi trồng, đánh bắt và chế biến hải sản, vươn mạnh ra khơi xa; phát triển công nghiệp sửa chữa tàu, đóng tàu vận tải biển và các dịch vụ hàng hải khác; phát triển mạnh du lịch. Nâng cấp và mở rộng hệ thống cảng và các kết cấu hạ tầng khác. Xây dựng các khu chế xuất, khu mậu dịch tự do và phát triển các đô thị ven biển, tạo điều kiện để mở cửa giao lưu kinh tế với bên ngoài.

Đưa thêm dân ra các hải đảo sinh cơ lập nghiệp. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển với quốc phòng - an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải và các vùng đặc quyền kinh tế trên biển.

Trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá các miền, các vùng của đất nước như nói ở trên, cần phát huy vai trò của các thành thị lớn - vốn đã có một số cơ sở công nghiệp và đang đi trước một bước trong phát triển công nghiệp và công nghệ - làm hạt nhân lôi cuốn các địa bàn khác trong vùng và trên cả nước.

3. Định hướng phát triển công nghệ

Phát triển khoa học và công nghệ - nền tảng của phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá - là sự nghiệp của toàn xã hội, của mọi thành phần kinh tế. Vì vậy, phải gắn khoa học - công nghệ với sản xuất, dịch vụ; gắn các chương trình phát triển khoa học - công nghệ với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, khuyến khích sự sáng tạo của các nhà khoa học, đồng thời coi trọng phát huy sáng kiến của mọi người lao động; tạo lập thị trường cho khoa học - công nghệ để sản phẩm của các hoạt động khoa học - công nghệ được lưu thông như các hàng hoá cao cấp khác.

Cần thực hiện một cơ cấu công nghệ kết hợp nhiều trình độ, nhiều quy mô. Hướng chính là tranh thủ công nghệ tiên tiến và hiện đại nhưng phải phân loại và xác định rõ mức độ đối với từng lĩnh vực, ngành nghề và sản phẩm cụ thể, phù hợp với yêu cầu của sản xuất, đòi hỏi của thị trường, điều kiện tiếp thu và khả năng về vốn, tận dụng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có. Các giải pháp về công nghệ đều phải lấy hiệu quả kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái làm tiêu chuẩn cao nhất.

Ưu tiên các công nghệ đòi hỏi suất đầu tư thấp, thu hồi vốn nhanh, có khả năng tạo thêm nhiều chỗ làm việc trực tiếp và gián tiếp. Tranh thủ hiện đại hoá công nghệ trước hết cho một số khâu có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cấp chất lượng sản phẩm, nhất là hàng xuất khẩu; cho một số ngành có tác động trực tiếp tới việc nâng cao trình độ công nghệ của nhiều ngành khác như chế tạo máy; cho một số lĩnh vực và địa bàn đòi hỏi sớm vươn lên thích ứng với trình độ

quốc tế và khu vực như liên lạc viễn thông, sân bay, bến cảng quốc tế, dịch vụ ngân hàng..., một số cơ sở nghiên cứu triển khai trọng điểm, các cơ sở phân tích, kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm xuất khẩu.

Đối với công nghệ nhập, tranh thủ công nghệ tiên tiến thích hợp; chấm dứt nhập công nghệ tiêu tốn năng lượng và nguyên vật liệu gây ô nhiễm môi trường. Phấn đấu bước đầu chuyển giao công nghệ ra nước ngoài.

Coi trọng công tác nghiên cứu trong nước, chủ yếu là khoa học ứng dụng, tập trung hỗ trợ cho việc tiếp nhận công nghệ nhập, hiện đại hoá các công nghệ hiện có, tự giải quyết các nhu cầu công nghệ không có khả năng nhập từ bên ngoài.

Quan tâm đúng mức việc xây dựng hạ tầng cơ sở công nghệ, đặc biệt là bổ sung, nâng cấp mạng lưới dịch vụ công nghệ (thiết kế, đo lường, tiêu chuẩn, kiểm tra chất lượng sản phẩm, bảo vệ sở hữu công nghiệp, đánh giá và thẩm định công nghệ, thông tin công nghệ, kiểm soát môi trường), coi đây là một bộ phận hợp thành quan trọng của kết cấu hạ tầng kinh tế.

Cải tiến, nâng cấp, hiện đại hoá các công nghệ truyền thống trong các ngành nghề, xí nghiệp vừa và nhỏ ở thành thị và nông thôn.

Các hướng ưu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại cụ thể là: Công nghệ điện tử và tin học, chủ yếu phục vụ trực tiếp yêu cầu điện tử hoá và tin học hoá nền kinh tế quốc dân; công nghệ sinh học, trước hết là các hướng phục vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái; công nghệ chế tạo máy, chú trọng các công nghệ cơ bản, một số phương

pháp gia công tiên tiến và công nghệ sử dụng máy điện toán; công nghệ chế tạo và gia công vật liệu, chú trọng khai thác các nguồn tài nguyên trong nước; công nghệ xây dựng, chú trọng áp dụng các phương pháp thi công hiện đại, trước hết là đối với các công trình lớn.

Xây dựng các cơ sở công nghệ trọng điểm ở một số trung tâm công nghiệp và thành phố lớn. Xây dựng hai trung tâm công nghệ cao ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Hình thành mạng lưới tổ chức hỗ trợ chuyển giao công nghệ ở nông thôn, miền núi, ven biển.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển mạnh giáo dục, đào tạo, bảo đảm đồng bộ và với chất lượng cao các loại nhân lực cần thiết là nhân tố hàng đầu quyết định thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong khi thực hiện tốt các mục tiêu về phát triển giáo dục cơ bản đến năm 2000, tạo nên mặt bằng dân trí ngày càng cao, cần coi trọng việc đào tạo nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, kinh doanh, quản lý.

Phát triển mạnh hệ thống đào tạo đa dạng, có mục tiêu, nội dung, phương pháp và quy mô phù hợp với yêu cầu phát triển nhân lực nhằm tạo nên lực lượng lao động cần thiết cho sự phát triển đất nước. Ưu tiên đào tạo các ngành nghề mũi nhọn, chú trọng thích đáng năng lực thực hành.

Đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên lực lượng lao động

hiện đang làm việc để thích ứng với những yêu cầu mới về nhân lực.

Gắn giáo dục, đào tạo với nhu cầu của công nghiệp hoá; kế hoạch đào tạo cũng phải tính đến nhu cầu của thị trường lao động. Thực hiện xã hội hoá sự nghiệp đào tạo. Nhà nước phải dành nguồn lực thích đáng cho đầu tư phát triển nguồn nhân lực; đồng thời, động viên mọi nhà, các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo bằng nhiều hình thức thích hợp.

Thực hiện tốt các chính sách, giải pháp phát triển giáo dục, đào tạo đã được Nghị quyết Trung ương bốn khoá VII đề ra. Áp dụng chính sách tín dụng để phát triển giáo dục, đào tạo, cả đối với người đi học.

Đổi mới hệ thống quy chế, quy định về giáo dục, đào tạo. Xây dựng quan hệ thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo với các cơ quan quản lý nhân lực và việc làm, giữa cơ sở đào tạo với người sử dụng nhân lực. Tổ chức thông tin rộng rãi về giáo dục, đào tạo và việc làm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, có chính sách để thực hiện có kế hoạch việc đưa người ra nước ngoài học tập.

Kết hợp giữa đào tạo kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp với đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức nhằm hình thành một đội ngũ lao động giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có tác phong công nghiệp, lao động cần cù, sáng tạo, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, có ý thức phấn đấu vì sự phồn vinh của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

Có chính sách tạo điều kiện cho người lao động, nhất là người được đào tạo tốt, có cơ hội thuận lợi để tìm việc làm và

có thu nhập xứng đáng, phù hợp với nguyên tắc phân phối theo lao động. Có chế độ đãi ngộ đặc biệt đối với những tài năng. Tạo điều kiện để người lao động công nghiệp có cổ phần của mình trong doanh nghiệp nhà nước, tư nhân. Khuyến khích mọi người tự tìm việc làm và đầu tư tạo việc làm cho xã hội. Giải quyết tình trạng cán bộ khoa học - kỹ thuật, văn hoá - xã hội... đã được đào tạo, nhưng chưa được sử dụng, thiếu việc làm, hoặc chưa có việc làm.

Thực hiện các chính sách tài trợ nhà trường, chính sách hỗ trợ giáo viên và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác để tăng số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ thầy giáo. Đề cao vị trí của người thầy trong xã hội.

2. Chính sách về vốn

Tiếp tục đổi mới các chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách tài chính - tiền tệ để thực hiện tốt việc tạo vốn, huy động và sử dụng vốn có hiệu quả.

Vốn trong nước (bao gồm tài nguyên, lợi thế địa - kinh tế, nguồn nhân lực, tài sản và vốn bằng tiền...) có ý nghĩa quyết định cả trước mắt cũng như lâu dài. Vốn ngoài nước (gồm các khoản viện trợ chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp (FDI), các loại vốn vay và viện trợ khác...) có ý nghĩa rất quan trọng, đặc biệt là trong giai đoạn đầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Phải tính toán làm ăn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, trước hết là vốn đầu tư tập trung và vốn của khu vực doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng cơ chế làm chủ cụ thể trực tiếp đối với mọi tài sản công, chống thất thoát, lãng phí.

Tiếp tục xây dựng môi trường vĩ mô ổn định, thuận lợi, các

chính sách, luật lệ, quy chế rõ ràng và nhất quán, thực hiện nghiêm minh để mọi người yên tâm đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Luật Thu hút đầu tư nước ngoài. Khắc phục nạn quan liêu, đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong việc xin phép đầu tư, đăng ký kinh doanh, thuê đất, giải phóng mặt bằng, lắp đặt điện, nước, nhập máy móc thiết bị cho sản xuất.

Quy hoạch các địa bàn, xây dựng sẵn ở đó những cơ sở hạ tầng cần thiết và những quy chế quản lý hành chính - kinh tế thích hợp để thu hút nhanh đầu tư trong và ngoài nước, hình thành những khu, cụm công nghiệp ở từng vùng, từng địa phương.

Tiếp tục đổi mới hệ thống tín dụng - ngân hàng, mở rộng loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện, an toàn, huy động mọi khoản vốn nhàn rỗi trong xã hội đáp ứng nhu cầu vay vốn đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư.

Cùng với việc đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, điều chỉnh dần lãi suất tiền gửi và tiền vay, bảo đảm vừa động viên được vốn trong xã hội, vừa khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh.

Tích cực xây dựng thị trường vốn. Phát triển các hình thức huy động vốn bằng góp cổ phần, bán cổ phiếu, trái phiếu cho người đầu tư trong nước, thí điểm bán một phần ra thị trường vốn quốc tế. Xúc tiến chuẩn bị và từng bước hình thành thị trường chứng khoán.

Đổi mới chính sách tài chính quốc gia; cải cách hệ thống thuế, bảo đảm huy động đủ nguồn thu cho ngân sách, rõ ràng, đơn giản, dễ thực hiện, có hiệu quả và công bằng.

Phấn đấu tăng các nguồn thu cho ngân sách để tăng mức đầu tư tập trung qua ngân sách; nâng tổng mức tích lũy đầu tư trong toàn xã hội lên khoảng 25-30% GDP. Tiếp tục xoá bao cấp, bù lỗ đối với những hàng hoá, dịch vụ như điện, nước, giao thông vận tải, xăng dầu... Giảm dần, tiến tới cân bằng thu chi ngân sách, trước hết bằng cách kết hợp tăng thu với việc cắt giảm những chi tiêu phi sản xuất chưa cần thiết và kém hiệu quả.

Hỗ trợ và tạo điều kiện tài chính thuận lợi cho doanh nghiệp tự đầu tư phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu lâu dài. Để lại khấu hao cơ bản cho doanh nghiệp tái đầu tư. Giúp doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính trong và ngoài nước.

Hướng dẫn tiêu dùng, ban hành ngay những quy định cụ thể để thực hành chế độ tiết kiệm trong các cơ quan đảng, nhà nước, các tổ chức xã hội và trong nhân dân, dồn vốn cho đầu tư phát triển.

Khẩn trương hoàn thành việc lập và thẩm định các dự án (nếu cần thì thuê chuyên gia cố vấn nước ngoài) để tiếp nhận nhanh và sớm đưa vào sử dụng các nguồn viện trợ chính thức (ODA), các khoản cho vay của các tổ chức tài chính - tiền tệ thế giới, v.v. đã được thoả thuận. Giải toả các vướng mắc, như điều đình nợ, bảo hiểm đầu tư, đánh thuế, v.v. để tranh thủ thêm các nguồn tài trợ mới.

Trong việc huy động vốn bên ngoài, cần dành ưu tiên cho đầu tư trực tiếp, đặc biệt là từ những công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia có tầm cỡ trên thế giới, để tranh thủ chuyển giao công nghệ hiện đại, kỹ năng quản lý điều hành tiên tiến, mở lối thâm nhập vào thị trường khu vực và quốc tế.

Đổi mới căn bản phương thức đầu tư vốn của Nhà nước, tập trung trước hết cho kết cấu hạ tầng, cho các ngành, các lĩnh vực thiết yếu. Chỉ thực hiện việc cấp phát vốn đối với những dự án không thể trực tiếp thu hồi vốn. Đầu tư cho các dự án khác dù là vốn ngân sách, cũng chủ yếu bằng hình thức Nhà nước cho vay hoặc góp cổ phần.

Quy định chặt chẽ về vay và trả nợ, kể cả vay dân và vay nước ngoài. Phải bảo đảm dùng tiền vay có hiệu quả, trả được nợ, tăng khả năng tích lũy để phát triển. Nhà nước vay chủ yếu để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, xây dựng một số công trình hết sức trọng yếu. Đối với các doanh nghiệp, áp dụng hình thức tự vay, tự trả có bảo lãnh của cơ quan tài chính, ngân hàng. Nhà nước dành một phần vốn vay cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế vay để đầu tư phát triển, nhưng cần làm có trọng điểm, không dàn đều, với mức lãi suất đủ để trả được nợ gốc và lãi cho nước ngoài.

3. Chính sách các thành phần kinh tế

Tiếp tục thực hiện tốt đường lối phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, huy động nguồn lực của toàn dân vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Kinh tế nhà nước phải không ngừng phát triển và nâng cao hiệu quả để phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực lưu thông phân phối, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển các thành phần kinh tế khác. Các doanh nghiệp nhà nước trong nông - lâm - ngư nghiệp phải được củng cố và phát triển, đẩy mạnh liên kết, hợp tác, giúp đỡ hộ nông dân và các thành phần kinh tế khác cùng phát triển;

phát huy vai trò là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, trung tâm khoa học - kỹ thuật, trung tâm văn hoá trên từng địa bàn. Các doanh nghiệp nhà nước trong thương nghiệp phải được chấn chỉnh và tăng cường, thực sự giữ vai trò chủ đạo để cùng các thành phần khác giữ ổn định và làm lành mạnh thị trường, bảo đảm giao lưu hàng hoá thông suốt, phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo vệ lợi ích của người sản xuất, người tiêu dùng và lợi ích nhà nước.

Ban hành Luật Doanh nghiệp nhà nước, quy định rõ bằng luật pháp những lĩnh vực chỉ có doanh nghiệp nhà nước đảm nhận, những ngành và lĩnh vực Nhà nước đầu tư liên doanh với các thành phần kinh tế khác, những ngành và lĩnh vực Nhà nước không cần đầu tư phát triển mà chỉ tạo điều kiện và hỗ trợ để các thành phần khác làm.

Đánh giá, sơ kết, mở rộng việc thực hiện chủ trương cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ, thu hút vốn trong công nhân viên của doanh nghiệp và trong dân nói chung, đồng thời để người lao động thực sự làm chủ doanh nghiệp, hạn chế tiêu cực, tạo động lực phát triển.

Tiếp tục sắp xếp lại, đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước theo hướng: bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ của doanh nghiệp trong các khâu tạo vốn và huy động vốn, mở rộng thị trường, tổ chức sản xuất kinh doanh, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân lực. Đồng thời Nhà nước thực hiện tốt vai trò định hướng, quy hoạch phát triển và kiểm tra, kiểm soát. Sớm thành lập cơ quan quản lý tài sản và vốn của Nhà nước, xác định rõ quy chế đại diện chủ sở hữu để thực hiện quyền quản lý vốn nhà nước trong doanh nghiệp.

Hoàn thiện chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước, trước hết là chấn chỉnh công tác hạch toán - thống kê, đổi mới căn bản chế độ kế toán, hoàn thiện quy chế kiểm toán độc lập, đổi mới chế độ khấu hao tài sản cố định, khuyến khích tạo nguồn vốn tự bổ sung để phát triển. Tạo điều kiện hình thành một số tổ chức kinh tế lớn, với mức tích tụ, tập trung cao về vốn, đủ sức cạnh tranh mạnh trên thị trường trong nước và thế giới. Tổ chức tốt việc thí điểm để xoá bỏ dần chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước.

Phát triển rộng rãi các hình thức kinh tế hợp tác phong phú, đa dạng cũng là điều kiện để công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quá trình phát triển kinh tế cá thể tất yếu sẽ nảy sinh nhu cầu tổ chức kinh tế hợp tác. Vì vậy Nhà nước cần sớm ban hành Luật Hợp tác xã, khuyến khích mạnh các hình thức kinh tế hợp tác phát triển. Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các hợp tác xã rất đa dạng và linh hoạt, vừa có mục tiêu kinh tế, vừa có mục tiêu xã hội. Tùy từng trường hợp, hợp tác xã có thể chủ yếu là hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh của xã viên, hỗ trợ cho kinh tế cá thể, hoặc có thể tổ chức thành các đơn vị sản xuất kinh doanh hoàn chỉnh. Nguồn vốn ban đầu của các hợp tác xã chủ yếu là do cổ phần đóng góp của xã viên. Nhà nước hỗ trợ, hướng dẫn, giúp đỡ về vốn, thông tin, thị trường, đào tạo cán bộ để hợp tác xã phát triển có hiệu quả.

Nhà nước thông qua luật pháp và các chính sách tạo thuận lợi hơn nữa cho kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là để họ yên tâm bỏ vốn đầu tư vào sản xuất, làm ăn đúng pháp luật. Khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân phát triển theo

con đường liên doanh, liên kết với kinh tế nhà nước dưới nhiều hình thức thích hợp.

4. Chính sách thị trường

Hiện nay thị trường trong và ngoài nước là một trong những yếu tố quyết định, cũng là một thách thức lớn đối với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta.

Chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu và khai thác các lợi thế so sánh của đất nước để phát triển đòi hỏi phải không ngừng nâng được sức cạnh tranh để mở rộng thị trường ngoài nước. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, thăm dò, dự báo thị trường. Nghiên cứu kỹ các đối tác, kể cả các đối tác tiềm tàng, để có chính sách thị trường thích hợp.

Đổi mới cơ cấu xuất khẩu và không ngừng tạo ra những mặt hàng xuất khẩu mới theo hướng nâng dần hàm lượng công nghệ tiên tiến trong các sản phẩm xuất khẩu, giảm tối đa sản phẩm thô, nâng cao chất lượng, hạ giá thành, cải tiến mẫu mã, bao bì hàng xuất khẩu.

Thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái ở mức thực tế hợp lý để khuyến khích mạnh xuất khẩu, điều tiết nhập khẩu có hiệu quả.

Cải tiến các thủ tục về xuất nhập khẩu, đơn giản hoá quy chế về cấp côta, giấy phép, hạn chế tiêu cực. Cung cấp các thông tin cần thiết về thương mại và kinh tế của Việt Nam cho nước ngoài; đồng thời phải tổ chức tốt việc thu thập và cung cấp thông tin kinh tế thế giới và khu vực cho các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp trong nước. Phát triển các tổ chức làm dịch vụ thăm dò, nghiên cứu, dự báo, giới thiệu thị trường và bán hàng. Tìm hiểu và chuẩn bị điều kiện

để tham gia ngày càng nhiều vào các hội, các tổ chức kinh tế, thương mại thế giới và khu vực khi cần thiết.

Hình thành dần một số tổ chức kinh tế lớn, phát triển các hiệp hội kinh tế, thương mại để nâng cao cạnh tranh trong xuất nhập khẩu, bảo vệ lợi ích của các doanh nghiệp và của Nhà nước.

Đi đôi với hoàn thiện các quy định pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu theo hướng tạo thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế, cần đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và sự vững vàng về chính trị, phẩm chất, đạo đức của đội ngũ cán bộ làm công tác xuất nhập khẩu.

Đồng thời với mở mang thị trường ngoài nước, phải ra sức mở rộng thị trường trong nước, cạnh tranh thắng lợi với hàng ngoại nhập. Quan tâm đáp ứng các nhu cầu của sản xuất và đời sống cả ở thành thị và nông thôn, thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao sức mua xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

Phát triển các điểm và trung tâm thương mại phù hợp với từng bước phát triển của thị trường ở các thành phố, khu công nghiệp tập trung và quá trình đô thị hoá ở nông thôn, trung du, miền núi, vùng biên giới, vùng ven biển. Tổ chức một số siêu thị ở thành phố lớn.

Chấn chỉnh lưu thông hàng hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghệ phẩm và nông sản phẩm, tăng cường vai trò của thương nghiệp quốc doanh, nhất là trong khâu bán tư liệu sản xuất và mua nông sản, để thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo đảm lợi ích của nông dân.

Nhà nước tăng cường quản lý và thúc đẩy phát triển nền

thương nghiệp nhiều thành phần. Khắc phục tình trạng chia cắt, thiếu phối hợp giữa quốc doanh thương nghiệp với quốc doanh sản xuất trong khâu tiêu thụ sản phẩm, giữa nội thương với ngoại thương, giữa bán buôn và bán lẻ; giải quyết tình trạng thiếu vốn, nâng cao trình độ tổ chức kinh doanh, loại trừ những tiêu cực để thương nghiệp quốc doanh hoạt động có hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo trên thị trường. Giúp phát triển thương nghiệp hợp tác xã. Hướng dẫn thương nghiệp tư nhân làm ăn theo pháp luật. Lập lại trật tự, lành mạnh hoá thị trường, xử lý nghiêm đối với những hành vi làm ăn phi pháp, buôn bán hàng cấm, hàng giả. Chấn chỉnh mậu dịch biên giới và cửa khẩu. Rà soát lại các chính sách, cơ chế để chống buôn lậu có hiệu quả.

Khuyến khích cạnh tranh thị trường, nhưng phải hợp pháp, lành mạnh.

Đẩy mạnh xuất nhập khẩu phải đi đôi với bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, bảo đảm cho sản xuất phát triển có hiệu quả. Cần thực hiện chính sách bảo hộ có mức độ, có thời hạn đối với những ngành và lĩnh vực thật cần thiết, tính đến lợi ích của cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng, tính đến các thông lệ quốc tế và quy định thương mại quốc tế và khu vực, thúc đẩy các cơ sở sản xuất vươn lên cạnh tranh thắng lợi trên thị trường. Từng thời gian, Nhà nước xác định và công bố rõ chính sách bảo hộ đối với từng mặt hàng cụ thể.

5. Chính sách công nghệ

Cải tiến quy trình ra quyết định ở các cấp, nâng cao luận cứ khoa học trong việc lựa chọn các chủ trương, dự án phát triển.

Bổ sung hoàn thiện hệ thống luật pháp và tăng cường hệ thống các cơ quan quản lý phát triển công nghệ và bảo vệ môi trường. Sớm ban hành Luật Khoa học - công nghệ; pháp chế hoá chế độ giám định công nghệ, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư và nhập công nghệ; bổ sung, cụ thể hoá pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả; thành lập Hội đồng quốc gia về chính sách chất lượng.

Đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho công tác nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, tăng đáng kể vốn đầu tư cho khoa học - công nghệ từ nhiều nguồn: ngân sách Nhà nước, vốn của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, vốn của các tổ chức tài chính, tài trợ của các tổ chức quốc tế và nước ngoài. Ngoài vốn đầu tư không hoàn lại, cần áp dụng hình thức đầu tư cho khoa học - công nghệ có hoàn lại thông qua tín dụng. Trong vốn đầu tư cơ bản, phải dành một tỷ lệ thích đáng tùy theo từng ngành cho đổi mới công nghệ, bảo đảm tốc độ đổi mới công nghệ cao hơn tốc độ tăng đầu tư cơ bản.

Đầu tư đúng mức cho các chương trình nghiên cứu trọng điểm chủ yếu dưới hình thức Nhà nước tổ chức đấu thầu đặt hàng. Nhà nước tập trung nguồn lực cho một số chương trình quốc gia về phát triển công nghệ, cho các dự án sản phẩm có hiệu quả kinh tế lớn và tác động tới nhiều ngành kinh tế. Các ngành, các địa phương và các cơ sở cũng có các chương trình, dự án về đổi mới công nghệ trong phạm vi ngành, địa phương, cơ sở mình. Các dự án theo sản phẩm khác sẽ do doanh nghiệp thực hiện với yêu cầu phát triển của doanh nghiệp. Dành vốn thích đáng cho đầu tư trang bị có trọng

điểm các cơ sở nghiên cứu khoa học, xây dựng các trung tâm hỗ trợ công nghệ nông thôn, tăng cường các tổ chức làm dịch vụ công nghệ (đo lường, kiểm tra chất lượng sản phẩm, kiểm nghiệm công nghệ...).

Áp dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế nhằm thúc đẩy khu vực sản xuất và dịch vụ ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ tiên tiến thích hợp, khuyến khích sự gắn bó giữa khoa học - công nghệ với sản xuất và dịch vụ theo cơ chế thị trường. Tiếp tục áp dụng chính sách ưu đãi đối với các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu hoặc thay thế được hàng nhập khẩu, đối với những sản phẩm sử dụng các công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở nước ta, đối với phần vốn dành cho các công tác nghiên cứu và đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp. Miễn, giảm thuế cho những sản phẩm áp dụng công nghệ mới trong thời hạn sản xuất thử. Chi trả thỏa đáng đối với các phát minh khoa học trong nước. Nhà nước và các doanh nghiệp dành khoản chi cần thiết cho việc mua phát minh của nước ngoài.

Bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề về số lượng, chất lượng và cơ cấu, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thực hiện đồng bộ các biện pháp để sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có và tăng thêm cán bộ khoa học trẻ ở các cơ sở nghiên cứu, triển khai.

Bố trí lại lực lượng khoa học và công nghệ theo hướng phân công hợp lý và liên kết có hiệu quả giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và cơ sở nghiên cứu của các doanh nghiệp. Đưa một số bộ phận quan trọng cán bộ khoa học -

công nghệ và quản lý đến làm việc trực tiếp ở các doanh nghiệp, các địa phương. Có chế độ ưu đãi các nhân tài thực sự có cống hiến, chú trọng đào tạo cán bộ đầu đàn, các tổng công trình sư cho các ngành công nghệ then chốt. Tranh thủ cử các chuyên gia có trình độ vào làm việc tại các cơ quan và tổ chức quốc tế, các trung tâm khoa học - công nghệ mạnh ở các nước phát triển. Cho một số tổ chức quốc tế mở trường đại học, viện nghiên cứu công nghệ quốc tế hoặc khu vực ở Việt Nam. Đầu tư cho việc đào tạo ở nước ngoài và mở rộng hơn việc cử chuyên gia của ta ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát, trao đổi khoa học. Khuyến khích chuyên gia Việt kiều làm công tác chuyển giao tri thức và chuyển giao công nghệ về nước.

6. Chính sách khai thác và sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường

Tiếp tục tổ chức khảo sát, đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò tài nguyên trên đất liền, tài nguyên biển và ven biển. Lập bản đồ địa chất, xác định trữ lượng, giá trị tài nguyên, phương hướng khai thác, chế biến. Kế hoạch khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là cho xuất khẩu, phải tính đến nhu cầu lâu dài của đất nước.

Chấn chỉnh lại công nghiệp khai khoáng, có kế hoạch, chương trình, phân kỳ để tổ chức khai thác. Sớm ban hành Luật Bảo vệ và khai thác tài nguyên. Tăng cường quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, thực hiện đúng quy trình, quy phạm, bảo đảm an toàn, hiệu quả, chống lãng phí tài nguyên và hủy hoại môi trường sinh thái. Ngăn chặn

mọi hoạt động khai thác tài nguyên trái phép. Xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

Chính phủ quy định cụ thể những loại mỏ do Nhà nước tự làm hoặc liên doanh, hợp tác với bên ngoài để khai thác, loại để Nhà nước và nhân dân cùng làm, loại cho phép nhân dân tổ chức khai thác.

Khẩn trương ban hành các văn bản dưới luật để thực hiện tốt Luật Môi trường. Nhanh chóng hình thành mạng lưới kiểm soát môi trường từ trung ương đến địa phương. Xử lý nghiêm ngặt theo luật pháp để sớm khắc phục có kết quả tình trạng gây tác hại môi trường, phá vỡ cảnh quan thiên nhiên, đô thị, công trình công cộng. Ngăn chặn và khắc phục tình trạng xuống cấp về môi trường. Cảnh giác đề phòng sự cố môi trường, xây dựng lực lượng giải quyết khi xảy ra sự cố.

Đầu tư thoả đáng vào việc bảo vệ và phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên tái sinh được. Ban hành ngay các quy định cụ thể về tỷ lệ chi phí bảo vệ môi trường trong từng dự án đầu tư. Thực hiện chính sách đóng góp bắt buộc về tài chính của các doanh nghiệp vào việc bảo vệ môi trường và xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ và phát triển bền vững môi trường.

Từng bước phát triển công nghệ và công nghiệp môi trường.

V- NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, HIỆU LỰC QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng

xã hội chủ nghĩa là một quá trình cách mạng đầy khó khăn, thử thách, đòi hỏi Đảng ta phải được xây dựng vững mạnh trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; vươn lên một tầm cao mới về năng lực lãnh đạo, nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tập hợp và đoàn kết các tầng lớp nhân dân tận dụng thời cơ, khắc phục nguy cơ, kiên trì phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã được xác định.

Cần tiếp tục làm tốt hơn nữa nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo các yêu cầu và nội dung của Nghị quyết Trung ương ba và Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng.

Trong những năm tới, chú trọng làm tốt mấy việc dưới đây:

- Tăng cường công tác chính trị và tư tưởng trong Đảng và trong xã hội, làm cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên và các tầng lớp nhân dân quán triệt sâu sắc và thực hiện đúng đắn các quan điểm và chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Không ngừng bồi dưỡng và phát huy truyền thống cách mạng, lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước. Ra sức học tập, nâng cao kiến thức về mọi mặt, năng động, sáng tạo trong lao động.

Tổ chức đảng và đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong việc chống tệ quan liêu, nạn tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, làm ăn phi pháp; nghiêm khắc xử lý những tổ chức và cá nhân vi phạm, không phân biệt cấp nào và ở cương vị gì.

Đề cao cảnh giác đẩy lùi các nguy cơ, giữ vững định hướng chính trị của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Tiếp tục chỉnh đốn hệ thống các tổ chức của Đảng từ

Trung ương đến cơ sở. Kết hợp chỉnh đốn các tổ chức đảng với việc chỉnh đốn các tổ chức trong hệ thống chính trị, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi loại tổ chức, giải quyết tốt các mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy đầy đủ vai trò của các cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân. Tinh giản biên chế, khắc phục chủ nghĩa quan liêu, ra sức nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể theo yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thường xuyên chăm lo củng cố và tăng cường công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng trong các doanh nghiệp và trong giai cấp công nhân, phát huy vai trò nòng cốt và vị trí lãnh đạo của giai cấp công nhân trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước phải thực sự là hạt nhân chính trị, lãnh đạo công nhân viên chức thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cơ chế quản lý doanh nghiệp theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước. Kiên quyết khắc phục tình trạng xem nhẹ, buông lỏng hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước. Nghiên cứu để sắp xếp lại hợp lý các đảng uỷ khối và đảng uỷ cấp trên của các doanh nghiệp cho phù hợp với cơ chế mới.

Đối với các doanh nghiệp tư nhân, hợp tác liên doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư của nước ngoài:

+ Những nơi đã có tổ chức đảng thì tổ chức đảng phải thực hiện đúng vai trò là hạt nhân chính trị của quần chúng, lãnh

đạo quần chúng, nhất là qua hoạt động của công đoàn, bảo đảm đoàn kết những người lao động, cùng giới chủ (hoặc hội đồng quản trị doanh nghiệp, ban chủ nhiệm hợp tác xã, tổ hợp tác) thực hiện đúng luật pháp và hợp đồng đã ký kết, kết hợp hài hoà lợi ích của tập thể người lao động, lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng và hợp pháp của chủ doanh nghiệp.

+ Những nơi chưa có đảng viên và tổ chức đảng thì cấp uỷ cấp trên (quận, huyện uỷ) hoặc đảng uỷ công ty liên doanh phía Việt Nam phải chỉ đạo việc xây dựng tổ chức công đoàn và phát huy vai trò của Công đoàn trong việc giáo dục, tập hợp, đoàn kết mọi người lao động; từng bước tuyển lựa, bồi dưỡng quần chúng ưu tú để phát triển đảng, tiến tới lập tổ đảng, chi bộ đảng.

Xúc tiến công tác nghiên cứu, sớm ban hành quy định của Ban Bí thư về quy chế hoạt động của các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp hợp tác liên doanh với nước ngoài.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng các cấp uỷ, bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn cấp uỷ viên, từng bước nâng cao trình độ kiến thức các mặt của các cấp uỷ viên về nội dung và phương thức lãnh đạo của đảng cầm quyền, về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Làm tốt công tác tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dự bị để có điều kiện tăng thêm số cấp uỷ viên có trình độ cao đẳng và đại học về chính trị và chuyên môn, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm tới. Mỗi cấp tỉnh, thành phải có một số cán bộ am hiểu công tác quản lý kinh tế, quản lý công nghiệp tham gia tỉnh, thành uỷ và uỷ ban nhân dân.

Đảng phải tập trung lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt chiến lược cán bộ, tạo ra những thế hệ cán bộ mới có đức, có tài, trung thành với mục tiêu xã hội chủ nghĩa, được đào tạo, bồi dưỡng một cách có hệ thống và toàn diện, được rèn luyện thử thách trong phong trào quần chúng và các hoạt động thực tiễn của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các cấp uỷ phải trực tiếp chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống trường lớp huấn luyện cán bộ của Đảng và Nhà nước (bao gồm cả hệ thống các trường phổ thông trung học và đại học) để tiến hành công tác tạo nguồn cán bộ cho thời kỳ mới một cách có kế hoạch và không ngừng nâng cao về chất lượng. Đổi mới chính sách cán bộ nhằm tập hợp, đoàn kết và phát huy tài năng cán bộ ở trong và ngoài Đảng, cũng như kiều bào ở nước ngoài có tinh thần yêu nước và nhiệt tình tham gia sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. Nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước

Để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành công, việc nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước có ý nghĩa quyết định. Thực hiện cải cách hành chính, phát huy đầy đủ vai trò của bộ máy nhà nước, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả và tính chất tập trung thống nhất trong quản lý vĩ mô của Nhà nước.

Nhà nước phải tạo môi trường chính trị - kinh tế - xã hội ổn định và thuận lợi, đặc biệt phải hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, thể chế và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trước mắt, cần xoá ngay các thủ tục phiền hà, sách nhiễu đang cản trở công cuộc đổi mới. Nhà nước cần nắm chắc những khâu cần

nắm đi đôi với tháo gỡ các khó khăn cản trở sự phát triển của cả kinh tế quốc doanh và các thành phần kinh tế khác, giải phóng mạnh hơn nữa sức sản xuất xã hội.

Nhà nước thực hiện tốt việc hướng dẫn và hỗ trợ phát triển, tập trung vào các nội dung trọng yếu là:

Xây dựng quy hoạch và kế hoạch để hướng dẫn đầu tư. Chỉ đạo thực hiện các chương trình trọng điểm quốc gia về phát triển công nghiệp và khoa học - công nghệ trong từng thời kỳ. Chịu trách nhiệm chính trong việc đầu tư các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Có các chính sách kinh tế và tài chính - tiền tệ đúng đắn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Tạo điều kiện để phát huy tính tự chủ sáng tạo của doanh nghiệp. Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp thị để mở rộng thị trường kinh doanh.

Nhà nước thực hiện đầy đủ chức năng kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động kinh tế - xã hội theo pháp luật và xử lý nghiêm minh các vi phạm.

Làm trong sạch và đổi mới bộ máy nhà nước để đủ sức phát huy hiệu lực chống tham nhũng, buôn lậu, lãng phí, thực hành tiết kiệm. Đối với đội ngũ viên chức ở mọi cấp, Nhà nước tiến tới tổ chức thi để tuyển chọn, bố trí, đánh giá, sàng lọc, thay thế một cách chặt chẽ và thường xuyên theo các tiêu chuẩn quốc gia. Nâng cao trách nhiệm, đồng thời đãi ngộ về vật chất và tinh thần một cách thoả đáng, đúng với cống hiến. Có kế hoạch tích cực bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ công chức nhà nước về trình độ và năng lực, đặc biệt ở các lĩnh vực ưu tiên phù hợp với yêu cầu công việc trong giai đoạn mới.

3. Phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân. Phải củng cố và tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân, tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động của toàn dân tộc phấn đấu cho thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức tập hợp rộng rãi nhất các giai cấp, các tầng lớp nhân dân trong nước và kiều bào ở nước ngoài có vai trò to lớn trong việc đoàn kết toàn dân, động viên mọi người, mọi nhà, tùy theo khả năng và điều kiện của mình đóng góp tài năng, công sức, tiền của... để phát triển kinh tế, văn hoá của đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuyên truyền, hướng dẫn mọi người cần kiệm làm ăn, mở mang sản xuất kinh doanh, vừa lợi nhà, vừa ích nước, tích cực tham gia đóng góp với Đảng và Nhà nước các kế sách làm cho dân giàu, nước mạnh, góp phần đấu tranh chống tiêu cực và các tệ nạn xã hội, chống quan liêu, tham nhũng, vì tiến bộ và công bằng xã hội.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam có trách nhiệm giáo dục, tổ chức, vận động giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác xây dựng khối liên minh vững chắc làm nòng cốt cho khối đại đoàn kết toàn dân, vươn lên làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, phát triển công nghiệp, công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát huy vai trò xung kích trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hăng hái tiến quân vào khoa học kỹ thuật, vào các lĩnh

vực và địa bàn trọng điểm, đến những nơi có nhiều khó khăn, đi đầu trong cuộc đấu tranh chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, đưa nước ta tiến lên "sánh vai với các cường quốc năm châu" như Bác Hồ từng mong đợi. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, các hội quần chúng và các hội nghề nghiệp... làm tốt vai trò, chức năng động viên, tổ chức, hướng dẫn và giúp đỡ đoàn viên, hội viên và các giới quần chúng phát huy thế mạnh và khả năng của mình, khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện các chương trình kế hoạch phát triển ngành và lĩnh vực, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ
XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN
TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

(Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị
lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII)
Ngày 14 tháng 7 năm 1994*

**I- TÌNH HÌNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM
TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC**

1. Thông qua Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân Việt Nam là người lãnh đạo, đồng thời là một trong những lực lượng chủ yếu của cách mạng nước ta, đã được rèn luyện, trưởng thành và thực sự đi đầu trong kháng chiến cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, và đang đi đầu trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, giai cấp công nhân nước ta đã và đang trải

* Tài liệu này được gửi trước ngày khai mạc Hội nghị Trung ương (B.T).

qua những biến động về số lượng, về ngành nghề và đang bộc lộ sâu sắc những mặt mạnh, mặt yếu của mình.

2. Trong giai cấp công nhân nước ta có khoảng hơn 5 triệu người là công nhân, cán bộ, nhân viên thuộc các thành phần kinh tế, hoạt động trong các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chiếm hơn 13% lao động xã hội và gần 8% dân số, nắm giữ các cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng trong nền kinh tế quốc dân.

Trong mấy năm qua, từ khi chuyển sang cơ chế mới, công nhân khu vực quốc doanh giảm mạnh, hiện có khoảng 1,76 triệu người thuộc khối sản xuất vật chất. Qua sắp xếp lại sản xuất và lao động, có khoảng 70 vạn người chuyển sang các thành phần kinh tế khác hoặc mất việc làm. Công nhân khu vực ngoài quốc doanh tăng nhanh, hiện có khoảng 3,64 triệu người; trong đó, một bộ phận quan trọng chuyển sang từ khu vực quốc doanh. Có 4,5 vạn lao động trong khu vực các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài hoặc nước ngoài đầu tư 100% vốn, chưa kể hàng chục vạn lao động xây dựng cơ bản.

Về cơ cấu ngành nghề, bên cạnh một số ngành như cơ khí, luyện kim, than..., đã nổi lên một số ngành nghề như dầu khí, bưu chính viễn thông, hàng hải, hàng không, tin học, điện tử, tài chính, ngân hàng, chuyển giao công nghệ..., thu hút nhiều lao động. Công nhân các vùng đô thị tăng. Đội ngũ công nhân quốc phòng giữ được ổn định, có kỷ cương, là lực lượng mạnh trong giai cấp công nhân Việt Nam.

Ngoài ra, trong lực lượng giai cấp công nhân còn có hơn 29 vạn người đi lao động hợp tác ở nước ngoài, phần đông có điều kiện mở mang kiến thức, tay nghề, rèn luyện tác phong công nghiệp. Hiện đã có hơn 20 vạn người về nhưng phần lớn chưa được bổ sung vào các lực lượng công nhân trong nước.

3. Trong công cuộc đổi mới, giai cấp công nhân đã tỏ rõ sự vững vàng về chính trị, ý thức được vai trò và sứ mệnh lịch sử của mình, tán thành xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hưởng ứng việc sắp xếp lại sản xuất, sắp xếp lại lao động khu vực quốc doanh, mặc dù biết đó là thử thách gay gắt đối với mỗi người.

Một bộ phận công nhân đã thích ứng với cơ chế mới, tiếp cận công nghệ hiện đại, góp phần đưa một số doanh nghiệp quốc doanh vượt qua thử thách, tạo thế phát triển. Một bộ phận đảm đương được một số công việc có trình độ kỹ thuật cao, góp phần đưa một số ngành nghề trở thành mũi nhọn trong nền kinh tế.

Hiện nay, gần 70% công nhân trong khu vực quốc doanh có trình độ học vấn từ phổ thông cơ sở trở lên. 66% có trình độ tay nghề từ bậc 4/7 trở lên. Một bộ phận công nhân, nhất là công nhân trẻ, khắc phục khó khăn tự học tập, rèn luyện nâng cao kiến thức, học ngoại ngữ, học nghề mới, nắm công nghệ mới, học tiếp thị. Một bộ phận công nhân được trí thức hoá, có khả năng điều hành các dây chuyền công nghệ tự động ở một số ngành như: xi măng, bưu chính viễn thông, dầu khí...; hoặc có khả năng lắp đặt và vận hành các công trình hiện đại như đường dây 500 KV, thủy điện Hoà Bình, dàn khoan biển...

Tuy nhiên, chuyển sang cơ chế mới, những nhược điểm vốn có của đội ngũ công nhân nước ta cũng bộc lộ sâu sắc.

Xuất thân từ một nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, đội ngũ công nhân nước ta chưa quen với tác phong công nghiệp, còn tùy tiện, phân tán. Do ảnh hưởng của cơ chế cũ, số đông công nhân chậm thích nghi với cơ chế mới, thiếu chủ

động, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Với hệ thống trang bị kỹ thuật lạc hậu, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề càng bộc lộ sự yếu kém khi tiếp cận với công nghệ hiện đại và văn minh công nghiệp ngày nay.

Trong một bộ phận công nhân đã diễn ra sự phai nhạt về ý thức giai cấp, xuất hiện tư tưởng phường, hội. Nhiều người chỉ nhìn cái lợi trước mắt mà không thấy lợi ích căn bản, lâu dài. Đã xảy ra hiện tượng suy thoái về đạo đức, về lối sống, về tệ nạn xã hội trong một bộ phận công nhân.

4. Điều kiện làm việc của công nhân nước ta nhìn chung còn thấp kém, chậm được cải thiện. Ở nhiều nơi, trình độ công nghệ, tổ chức lao động còn lạc hậu; lao động thủ công, nặng nhọc chiếm tỷ lệ cao; nhà xưởng, máy móc cũ kỹ, hư hỏng, có nguy cơ gây ra nhiều sự cố và tai nạn; môi trường lao động bị ô nhiễm nghiêm trọng, các yếu tố độc hại vượt giới hạn cho phép nhiều lần. Tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp khá nghiêm trọng, đặc biệt là tai nạn chết người còn ở mức cao, và ở nhiều nơi có chiều hướng tăng lên, nhất là trong khu vực sản xuất tư nhân.

Nhà nước ta chỉ mới quy định 16 loại bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm, song số bệnh nghề nghiệp có trong thực tế còn cao hơn nhiều. Do điều kiện lao động thấp kém, sức khoẻ công nhân, nhất là công nhân nữ, ở một số ngành bị giảm sút. Trong một số nghề nặng nhọc, độc hại, công nhân do mất sức phải về hưu trước tuổi từ 5 đến 10 năm, thậm chí 15 năm.

Do xoá bỏ bao cấp, đồng thời do kinh tế phát triển, thu nhập tăng lên, mức sống của công nhân lao động được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên nhìn tổng thể, việc làm còn thiếu

nghiêm trọng. Trung bình có hơn 50% gia đình công nhân có người thiếu việc làm.

Trên 40% công nhân, lao động có thu nhập khá, số đông tạm đủ trang trải những nhu cầu chủ yếu về ăn, mặc, ở của bản thân. Nhiều người phải kiếm việc làm thêm để nuôi người thân và trang trải những nhu cầu khác.

5. Đình công là một hiện tượng mới xảy ra trong chế độ xã hội ở nước ta. Tính từ năm 1989 đến nay, trên phạm vi cả nước đã có gần 100 vụ và từ đầu năm 1994 có xu hướng tăng lên. Đình công xảy ra ở cả doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và chủ yếu ở khu vực liên doanh với nước ngoài. Các cuộc đình công đều xuất phát từ tranh chấp lao động với các yêu sách kinh tế là chủ yếu.

Nguyên nhân của tình hình trên là người lao động ý thức được quyền sở hữu sức lao động của bản thân mình, biết giá trị và giá cả của nó trong nền kinh tế hàng hoá. Thương lượng là phương pháp tốt nhất để giải quyết tranh chấp lao động, nhưng cán bộ ta chưa có nhiều kinh nghiệm, luật pháp lại chưa hoàn chỉnh và đồng bộ. Các chủ đầu tư, chủ doanh nghiệp chưa coi trọng quyền lợi của người lao động, thường lợi dụng các sơ hở, thiếu sót về hợp đồng để bóc lột; có những hành vi không tôn trọng phẩm giá con người.

6. Nhìn tổng quát, từ hơn nửa thế kỷ qua, giai cấp công nhân Việt Nam thông qua Đảng tiên phong của mình đã trở thành lực lượng lãnh đạo và là một động lực quan trọng của cách mạng Việt Nam. Tiếp tục phát huy truyền thống đó, giai cấp công nhân nước ta vẫn giữ vững bản chất cách mạng trước những biến động của tình hình thế giới và trong nước, đã vượt qua những thử thách nặng nề, có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Trong lịch sử phát triển của mình, Đảng ta đã xây dựng được ý thức về vai trò, nhiệm vụ lịch sử của giai cấp công nhân, ý thức làm chủ đất nước, làm chủ xí nghiệp, từ đó đã khơi dậy được tiềm năng to lớn của giai cấp công nhân vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tạo nền tảng vững vàng về tư tưởng và chính trị.

Nhưng trong quá trình chuyển sang cơ chế mới, đã có nhiều biểu hiện coi nhẹ vị trí, vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, coi nhẹ việc chăm lo những lợi ích tạo ra động lực trực tiếp của đông đảo công nhân, lao động. Đồng thời, cũng coi nhẹ việc xây dựng giai cấp công nhân về nhiều mặt: ý thức giai cấp, trình độ kiến thức và tay nghề, lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, văn hoá và lối sống...

Một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên buông lỏng việc rèn luyện bản chất giai cấp công nhân; quan liêu, xa rời quần chúng, sống buông thả, lãng phí, tham nhũng, làm giảm lòng tin của đông đảo công nhân, lao động đối với Đảng, Nhà nước, dẫn đến nguy cơ làm mất động lực tiên phong của giai cấp công nhân. Một bộ phận giai cấp công nhân chưa nêu cao ý thức giai cấp, chưa nhận thức được sâu sắc vai trò lãnh đạo của giai cấp mình, từ đó thiếu tinh thần chủ động và tính tiên phong cách mạng.

Ngay từ khi cách mạng thành công, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm xây dựng các chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân. Song, bên cạnh mặt tích cực, cơ chế và việc thực hiện các chính sách xã hội còn mang tính bình quân và áp dụng kéo dài trong nhiều năm, gây tâm lý thụ động, không kích thích tính năng động xã hội, tính chủ động cao của người lao động. Đến nay, trong cơ chế mới, nhiều chính sách

xã hội đối với giai cấp công nhân không còn hợp lý, đòi hỏi phải đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tế.

Công đoàn là tổ chức chính trị xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân. Đảng đã lãnh đạo và Nhà nước đã tạo điều kiện cho Công đoàn làm trọng trách xây dựng giai cấp công nhân. Nhưng trong nhiều năm, ở nhiều nơi có hiện tượng khoán trắng cho Công đoàn, chưa phát huy tốt vai trò Công đoàn, nhất là về công tác tổ chức và cán bộ. Bản thân Công đoàn còn nhiều lúng túng trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, chưa thật sự trở thành người đại diện của công nhân, lao động, thúc đẩy đoàn viên hăng hái sản xuất, lao động và công tác.

Trong nhiều năm, Đảng ta chưa coi trọng việc tổng kết thực tiễn và tổ chức nghiên cứu lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam, do đó thiếu dự báo cần thiết, thiếu một chương trình xây dựng giai cấp công nhân toàn diện, chưa kịp thời đổi mới các chủ trương, chính sách xây dựng giai cấp công nhân.

Đó là những mặt yếu kém và tồn tại cần ra sức khắc phục trong thời gian tới.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giai cấp công nhân sẽ phát triển về số lượng, có cơ cấu ngành nghề đa dạng và những chuyển dịch lớn về cơ cấu xã hội. Đội ngũ công nhân sẽ phát triển mạnh cùng với sự hình thành các ngành công nghiệp và dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng

đáng kể trong nền kinh tế quốc dân. Cùng với sự phát triển công nghiệp chế biến, việc chuyển giao công nghệ hiện đại trong nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp và cơ giới hoá nông nghiệp, sẽ hình thành đội ngũ công nhân công nghiệp ngay ở nông thôn. Hoạt động trong cơ chế mới, số đông công nhân sẽ không tránh khỏi quy luật lựa chọn những người có tài năng, chăm chỉ và đào thải những người lười biếng; yếu kém; tranh chấp lao động, mâu thuẫn giữa người lao động và người sử dụng lao động có nơi, có lúc sẽ trở nên gay gắt. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước phải vừa nhằm khai thác mọi nguồn lực để tăng trưởng kinh tế, vừa bảo vệ lợi ích chính đáng của giai cấp công nhân.

Do đó, cùng với các chủ trương phát triển công nghiệp và công nghệ đến năm 2000, cần có định hướng về xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới. Trong kỳ họp này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ xác định mục tiêu, quan điểm và một số chủ trương, chính sách cấp bách nhằm tăng cường sức mạnh để giai cấp công nhân đủ khả năng hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Giai cấp công nhân Việt Nam đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thông qua Đảng tiên phong của mình đang lãnh đạo công cuộc đổi mới và phát triển đất nước; là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; là cơ sở xã hội chủ yếu của Đảng và Nhà nước

ta; là hạt nhân vững chắc trong liên minh công - nông - trí thức và trong khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Lợi ích của giai cấp công nhân gắn liền với lợi ích dân tộc, nằm trong lợi ích dân tộc. Giai cấp công nhân đoàn kết, hợp tác với các giai tầng xã hội và cộng đồng xã hội để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đây là mục tiêu phấn đấu và động lực tinh thần của giai cấp công nhân Việt Nam.

Bản thân giai cấp công nhân phải thấm nhuần sâu sắc điều này, ra sức phấn đấu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, xây dựng cuộc sống bằng chính sức lao động của mình và tích cực đóng góp vào sự phồn vinh của đất nước, nêu gương sáng cho mọi giai cấp, tầng lớp khác và cho toàn xã hội. Mặt khác, Đảng, Nhà nước phải quan tâm đáp ứng những quyền lợi chính đáng và hợp pháp về vật chất và tinh thần, trong sản xuất cũng như trong đời sống của giai cấp công nhân, nhằm phát huy cao độ động lực trực tiếp của người lao động.

3. Xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh là trách nhiệm trước hết của bản thân giai cấp công nhân; giai cấp công nhân phải ra sức tự rèn luyện phấn đấu để trưởng thành. Đồng thời đây là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội.

MỤC TIÊU XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Cùng với quá trình phát triển công nghiệp và công nghệ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cần xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, đa dạng hoá

về ngành nghề, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về tư tưởng, chính trị, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực làm chủ công nghệ hiện đại; lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, năng động, sáng tạo đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh, có uy tín trên thị trường, tích cực góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Mục tiêu cụ thể từ nay đến năm 2000 là:

- Nâng cao giác ngộ giai cấp, nhận thức chính trị, ý thức công dân và lương tâm nghề nghiệp; nâng cao trình độ học vấn, bảo đảm hầu hết công nhân có trình độ văn hoá phổ thông cơ sở; công nhân ở Thủ đô và các thành phố công nghiệp tập trung phải phần đầu đạt trình độ cao hơn. Đối với các ngành nghề then chốt, công nhân phải có trình độ phổ thông trung học trở lên. Tổ chức tốt việc đào tạo nghề, đáp ứng với yêu cầu công nghệ mới.

- Tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện điều kiện sinh hoạt sống và làm việc, chăm lo bảo hộ lao động, bảo vệ và tăng cường sức khoẻ của công nhân.

- Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá so với hiện nay. Xây dựng lối sống có văn hoá, có tình nghĩa, tôn trọng pháp luật, quan tâm đến lợi ích của cộng đồng; gương mẫu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu và các tệ nạn xã hội.

Một số chủ trương, chính sách cơ bản và cấp bách:

1. *Bồi dưỡng, nâng cao ý chí và năng lực của giai cấp công nhân, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp và công nghệ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.*

Đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh gian khổ của nhân dân ta. Thắng lợi của cuộc đấu tranh đó tùy thuộc chủ yếu vào ý chí và năng lực sáng tạo của đội ngũ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và của cả cộng đồng dân tộc.

Do đó, hơn bao giờ hết, chúng ta phải tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, nâng cao năng lực trí tuệ của giai cấp công nhân và đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ quản lý. Các phương tiện thông tin đại chúng, các hoạt động văn hoá, giáo dục của Công đoàn và các tổ chức xã hội, các trường học từ phổ thông, dạy nghề đến đại học phải có chương trình, nội dung giáo dục về giai cấp công nhân, bồi dưỡng, phát huy tinh thần bất khuất, ý chí quật cường, vượt qua khó khăn, thử thách, khơi dậy mạnh mẽ tính năng động sáng tạo của mọi người trong cuộc đấu tranh vì dân giàu, nước mạnh, làm thất bại mọi âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch.

Phải đặc biệt coi trọng công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ học vấn và tay nghề cho công nhân. Các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phải dành ngân sách và tổ chức tốt việc bổ túc văn hoá, đào tạo nghề cho công nhân. Có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho công nhân tự học nâng cao trình độ văn hoá và tay nghề, trình độ ngoại ngữ, trình độ tiếp thị; khuyến khích những người có tài năng đặc biệt trong các ngành nghề, những công nhân giỏi một nghề, biết nhiều nghề, những gia đình có nhiều thế hệ công nhân.

Các ngành văn hoá, thể thao phối hợp với Công đoàn và Đoàn Thanh niên xây dựng các chuẩn mực sống, làm việc, giao tiếp có văn hoá, động viên phong trào rèn luyện lối sống: Khẩn trương, năng động, tôn trọng pháp luật, ham thích sáng tạo. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá quần chúng, thể dục thể thao, xây dựng đời sống văn hoá của công nhân ở cơ sở, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, đấu tranh ngăn chặn các trào lưu đồi trụy, phản động. Tăng mức hưởng thụ văn hoá cho công nhân, trước hết là nữ công nhân.

2. Phát động sâu rộng trong công nhân phong trào lao động sáng tạo, tích cực góp phần vào việc phát triển công nghiệp và công nghiệp hoá nông thôn

Để phát huy vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay, trước hết đòi hỏi giai cấp công nhân phải đi đầu trong việc thực hiện nghị quyết về phát triển công nghiệp và công nghệ đến năm 2000, phải lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao; năng động, sáng tạo, làm ra nhiều sản phẩm có khả năng chiếm lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu, bảo đảm tiến độ và chất lượng các công trình. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức khoa học kỹ thuật cần phối hợp hướng dẫn các phong trào thi đua lao động trong công nhân. Nhà nước phải đổi mới cơ chế, chính sách khen thưởng để động viên thúc đẩy phong trào.

Để thực hiện tốt phương hướng đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn đã đề ra trong Nghị quyết Trung ương 5 về "Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn", giai cấp công nhân phải cùng với tầng lớp trí thức không ngừng phát huy sáng tạo, đổi mới công nghệ nhằm làm ra nhiều sản phẩm công nghiệp

có chất lượng cao, giá thành hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nhu cầu tiêu dùng của nông dân, chuyển giao công nghệ tiến bộ, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển, nâng cao giá trị hàng hoá nông sản; hỗ trợ nông dân phát triển tiểu công nghiệp, nghề thủ công truyền thống, từng bước công nghiệp hoá nông thôn. Phổ biến cho nông dân kiến thức mới về sản xuất, bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động trong nông nghiệp.

Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, giai cấp công nhân đoàn kết, hợp tác với các nhà tư sản dân tộc, các chủ đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế, vừa bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, vừa tôn trọng quyền lợi hợp pháp của giới chủ, cùng nhau làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

3. Giai cấp công nhân phải dũng cảm đi đầu trong cuộc đấu tranh thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước và tự bảo vệ mình. Các cấp uỷ đảng trong từng cơ quan, doanh nghiệp phải thực sự dựa vào công nhân, đòi hỏi cơ quan quản lý thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp, chính sách, chế độ của Nhà nước, nhất là chính sách tài chính, phân phối; thực hiện nghiêm quy chế công chức; khuyến khích công nhân phát hiện các hiện tượng làm sai chính sách, luật pháp, làm chỗ dựa tin cậy cho những người trung thực hăng hái đấu tranh khắc phục tệ tham nhũng, bảo đảm dân chủ và công bằng xã hội.

4. Nghiên cứu hình thành cơ chế, chính sách tạo động lực; đổi mới và thực hiện tốt các chính sách xã hội, chăm lo đời sống của công nhân, lao động và đội ngũ trí thức.

Nghiên cứu hình thành cơ chế, chính sách tạo động lực cho giai cấp công nhân, bao gồm: Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh chính sách tiền lương mới; định lại mức lương tối thiểu của công nhân ở các doanh nghiệp do nước ngoài đầu tư; có chính sách khuyến khích công nhân giỏi nghề, ưu đãi nhân tài, những gia đình công nhân nhiều đời; làm cho tiền lương thực sự là đòn bẩy kích thích mọi người lao động sáng tạo.

Áp dụng rộng rãi cơ chế khoán trong các doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp nhà nước.

Có cơ chế bảo đảm chế độ sở hữu trí tuệ; khuyến khích, tạo điều kiện cho các nhà khoa học có thể tăng thu nhập bằng sản phẩm trí tuệ của mình.

Thực hiện chủ trương cho công nhân mua cổ phần ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện và hưởng lợi nhuận theo cổ phần.

Cải tiến chế độ quản lý doanh nghiệp, có cơ chế bảo đảm quyền quản lý doanh nghiệp của công nhân và quyền công đoàn phù hợp với các loại hình doanh nghiệp. Coi trọng việc bảo vệ quyền lợi và nhân cách của công nhân theo luật pháp, theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể.

Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, đổi mới và thực hiện các chính sách bảo đảm xã hội đối với công nhân. Triển khai thực hiện các luật khuyến khích đầu tư để huy động mọi nguồn lực, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất, dịch vụ; xã hội hoá vấn đề giải quyết việc làm, tạo thêm việc làm cho người lao động. Làm tốt việc nắm nguồn lao động, thăm dò thị trường, tổ chức đào tạo, tư vấn lao động, dịch vụ xuất khẩu lao động và giúp đỡ người đi lao động ở nước ngoài

về có điều kiện làm ăn sinh sống, bổ sung đội ngũ giai cấp công nhân.

Nghiên cứu ban hành chính sách trợ cấp thất nghiệp, bổ sung các chính sách trợ cấp xã hội đối với các đối tượng mất việc làm, thiếu việc làm.

Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khoẻ công nhân, nhất là đối với người làm việc nặng nhọc, trong môi trường độc hại. Thực hiện nghiêm chỉnh quy định về sử dụng lao động nữ và các chính sách đối với lao động nữ. Phát triển và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế ngành nghề.

Hoàn chỉnh các chính sách và cơ chế quản lý bảo hiểm xã hội, áp dụng rộng rãi với tất cả những người lao động trong các thành phần kinh tế.

III- TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của cả dân tộc. Vì vậy, giai cấp công nhân chỉ có thể phát huy được vai trò lãnh đạo của mình trong điều kiện có đảng tiên phong vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Các cấp uỷ đảng phải chăm lo củng cố, tăng cường công tác xây dựng Đảng trong các doanh nghiệp; thường xuyên giáo dục, kiểm tra đảng viên về lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, đấu tranh với những biểu hiện quan liêu, thoái hoá trong cán bộ quản lý và trong nội

bộ Đảng. Khẩn trương biên soạn, đổi mới nội dung giáo dục về giai cấp công nhân trong các trường đảng.

Từng cơ sở, từng ngành, từng địa phương phải có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển Đảng trong công nhân, tăng tỷ lệ đảng viên xuất thân từ công nhân. Có quy hoạch phát hiện, đào tạo những công nhân ưu tú trở thành cán bộ; bồi dưỡng, bổ sung những cán bộ xuất sắc xuất thân từ công nhân vào các cương vị quản lý nhà nước và các cấp uỷ đảng.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội. Các cấp uỷ đảng phải định kỳ kiểm tra, nghe báo cáo về tình hình giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn; có ý kiến, chủ trương giải quyết các vấn đề mới nảy sinh.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các ngành có liên quan cần tăng cường hơn nữa việc tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và Công đoàn trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Tiến tới có quy hoạch xây dựng giai cấp công nhân về cơ cấu ngành nghề, về tư tưởng, văn hoá, xã hội, về trình độ học vấn, trình độ nghề nghiệp, về năng lực thích ứng với cơ chế thị trường, tiếp cận công nghệ hiện đại.

2. Các cơ quan nhà nước thể chế hoá quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng giai cấp công nhân thành cơ chế, chính sách và luật pháp. Với trách nhiệm quản lý, điều hành, Nhà nước giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế với việc bảo vệ lợi ích hợp pháp và chính đáng của công nhân, lao động. Chỉ

đạo, kiểm tra các cấp, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế triển khai thực hiện tốt Luật Lao động, Luật công đoàn, thực sự tôn trọng, bảo vệ quyền lợi người lao động; phát huy vai trò của Công đoàn và các tổ chức chính trị, xã hội trong việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội theo luật định. Cùng với Công đoàn giải quyết kịp thời, đúng luật pháp các tranh chấp lao động. Nghiên cứu bổ sung các quy định về trách nhiệm của các chủ doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp do nước ngoài đầu tư đối với tổ chức công đoàn.

3. Đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn, thực hiện nghiêm chỉnh Luật Công đoàn, làm cho Công đoàn thực sự là tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp của công nhân, lao động; là trường học công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đối với giai cấp công nhân.

Đồng thời với việc hình thành các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, phải đẩy mạnh việc tuyên truyền phát triển đoàn viên, tập hợp mọi người lao động trong các doanh nghiệp đó vào tổ chức công đoàn; hướng dẫn, giúp đỡ mọi đoàn viên, ra sức học tập, tinh thông nghề nghiệp, phát huy sáng tạo, phấn đấu vì sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và vì lợi ích của chính mình. Coi trọng việc xây dựng, kiện toàn tổ chức công đoàn ở các ngành kinh tế then chốt, các khu công nghiệp tập trung, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp trọng điểm. Đồng thời, phải quan tâm chỉ đạo phát huy vai trò của công đoàn viên chức trong các cơ quan nhà nước, động viên đoàn viên làm tốt chức trách tham mưu trong tất cả các khâu lập pháp, hành pháp và tư pháp, giáo dục đoàn viên chấp hành nghiêm pháp luật, tham gia làm tốt

việc quản lý nhà nước, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, hối lộ, quan liêu, cửa quyền, đầu cơ, buôn lậu.

Phải có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ công đoàn trưởng thành từ phong trào công nhân, nắm vững pháp luật và chính sách; có năng lực và bản lĩnh đại diện cho công nhân, lao động. Các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo tăng cường những đồng chí có phẩm chất, có nhiệt tình, có năng lực, am hiểu công nhân, làm công tác vận động công nhân và công đoàn. Có quy chế bảo vệ cán bộ công đoàn, bảo đảm quyền lợi cho cán bộ công đoàn.

Thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng, Công đoàn cần tăng cường các hoạt động đối ngoại, mở rộng quan hệ với tất cả các tổ chức công đoàn trong khu vực và trên thế giới, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ đối với công cuộc đổi mới của đất nước ta, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cần làm cho các thành viên nhận thức đúng về vai trò, vị trí và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; tăng cường mối quan hệ phối hợp với tổ chức công đoàn, củng cố và tăng cường liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, làm nền tảng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vì sự trường tồn và phát triển của đất nước, của dân tộc.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ,
HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC**

**(Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ bảy
Ban Chấp hành Trung ương khoá VII)**

Ngày 14 tháng 7 năm 1994

I- MỞ ĐẦU

Ngày nay thế giới đang bước vào một thời kỳ phát triển mới. Những lợi thế tương đối về nguồn nhân công rẻ, về tài nguyên thiên nhiên ngày càng ít tác dụng, mà nhịp độ tăng trưởng kinh tế của mọi nước phụ thuộc nhiều vào việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Quá trình đổi mới công nghệ đang trở thành yếu tố chủ yếu tạo ra năng lực cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Các nước đang phát triển hiện nay đang gặp những thách thức rất gay gắt. Những nước này thường giàu nguồn nhân lực, không thiếu tài nguyên thiên nhiên, có truyền thống văn hoá phong phú nhưng nghèo về tri thức khoa học và năng lực công nghệ, vì vậy thiếu sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Những nước này chỉ có thể khắc phục nguy

cơ "tụt hậu kinh tế", tham gia được vào quá trình phân công lao động quốc tế bằng cách tăng cường năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, tiếp thu và làm chủ được các công nghệ mới, phục vụ hiệu quả công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Nước ta bước vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với xuất phát điểm rất thấp về kinh tế và năng lực khoa học và công nghệ. Tuy nhiên nếu biết phát huy lợi thế của người "đi sau", tránh những thất bại mà các nước "đi trước" đã gặp, lợi dụng cơ hội tiềm tàng là đi thẳng vào những công nghệ tiên tiến thích hợp, thì Việt Nam có thể tìm kiếm được con đường phát triển "không tuần tự", đạt được sự tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, đồng thời với những tiến bộ xã hội: công bằng, văn minh.

Việt Nam với lợi thế lớn nhất là nguồn tài nguyên nhân lực - có tiềm năng trí tuệ đáng kể - với hoàn cảnh thách đố gay gắt của khu vực và thế giới, phải đặt lại đúng vị trí chiến lược của khoa học và công nghệ trong nhu cầu phát triển đất nước. Phải tạo được một hệ thống chính sách lôi cuốn hoạt động khoa học và công nghệ vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phải xây dựng một cơ chế tạo động lực nội tại để mọi hoạt động từ sản xuất, dịch vụ đến quản lý đều dựa trên khoa học và công nghệ, và hoạt động khoa học và công nghệ hướng vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Cần nhận thức rõ rằng khoa học và công nghệ là nền tảng của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đầu tư cho khoa học và công nghệ cũng chính là đầu tư cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển khoa học và công nghệ là nhu

cầu và nhiệm vụ của mọi thành phần xã hội từ Nhà nước, các cơ quan nghiên cứu - triển khai tới các tổ chức doanh nghiệp (sản xuất và dịch vụ).

II- THỰC TRẠNG NỀN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NƯỚC TA

Đất nước ta đang chuyển mình ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Khoa học và công nghệ đã có đóng góp đáng kể vào quá trình phát triển đó. Khoa học quản lý, khoa học xã hội đã định hướng nhiều hơn vào nhiệm vụ xây dựng luận cứ cho các chiến lược phát triển quốc gia. Cơ chế thị trường và những hoạt động đầu tư - liên doanh đang thúc đẩy nhanh quá trình chuyển giao, tiếp thu những công nghệ hiện đại trong một số lĩnh vực, đang làm xích lại gần nhau giữa đại học/viện nghiên cứu với các công ty/xí nghiệp. Thực tiễn bước đầu chứng tỏ rằng, lĩnh vực nào, địa phương nào đổi mới được cơ chế quản lý, áp dụng được thành tựu khoa học và đổi mới công nghệ thì đứng vững và phát triển.

Trong nông nghiệp, cùng với chính sách đổi mới, nhờ ứng dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ Việt Nam đã đạt một bước tăng trưởng quan trọng về tổng sản lượng lương thực và năng suất cây trồng. Trong hơn 10 năm, năng suất lúa bình quân đã tăng 1,5 lần, năm 1980 đạt 20,8 tạ/ha, năm 1993 đạt 35 tạ/ha; trong công nghiệp nhờ đổi mới công nghệ một số ngành đã đứng vững, tham gia cạnh tranh trong thị trường và đóng góp vào xuất khẩu. Một số ngành nhờ nhập công nghệ có chọn lọc, đi thẳng vào công nghệ hiện đại, đã nhanh chóng thay đổi bộ mặt và tiến lên tương hợp với trình

độ khu vực và thế giới. Một số xí nghiệp công nghiệp nhẹ, nhờ đổi mới dây chuyền công nghệ - thiết bị, đã đứng vững ở nội địa và đưa được sản phẩm tới thị trường thế giới.

Tuy nhiên khoa học và công nghệ nước ta còn nhiều mặt yếu kém, còn nhiều khó khăn. Chúng ta tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá với xuất phát điểm rất thấp về mặt công nghệ. Hệ thống thiết bị lạc hậu (từ 2 đến 4 thế hệ so với thế giới), chấp vá từ nhiều nguồn, thô sơ (chỉ tiêu tự động hoá chưa đạt 20%)... đã dẫn đến tiêu hao nhiên liệu - năng lượng cao, ô nhiễm môi trường, năng suất và chất lượng sản phẩm thấp, mẫu mã đơn điệu... khó chiếm lĩnh thị trường nội địa, khả năng xuất khẩu kém. Năng suất lao động còn rất thấp. Về công nghiệp chỉ đạt 30% mức trung bình của thế giới. Về nông nghiệp, một lao động chỉ nuôi được 3-5 người, trong khi đó ở các nước phát triển, chỉ số đó là 20-30 người.

Đến nay, công nghệ tiên tiến nhập vào Việt Nam chưa đáp ứng được mức độ cần thiết cả về số lượng lẫn quy mô, đặc biệt đối với một số ngành then chốt có tác động sâu rộng tới nền kinh tế, như cơ khí, năng lượng, giao thông, hoá chất, xây dựng... Trong các dự án liên doanh với nước ngoài, phần chi phí về vật tư, nguyên liệu nhập rất lớn, có khi quá 70%, hàm lượng công nghệ góp phần vào giá trị gia tăng còn thấp, chỉ đạt quãng 10-20%. Số công nghệ được sản sinh trong nước nhờ các hoạt động nghiên cứu - triển khai còn rất ít. Hàm lượng công nghệ và dịch vụ ở nông thôn còn rất yếu ớt... Bên cạnh đó hiện tượng thiếu thông tin, thiếu đội ngũ cán bộ đủ hiểu biết công nghệ và công tâm trong việc mua công nghệ từ nước ngoài cũng góp phần vào những nguyên nhân làm chậm quá trình đổi mới công nghệ. Sự khởi sắc, tăng

trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây phần lớn nhờ vào thành tựu của quá trình đổi mới về cơ chế quản lý, về chính sách thương mại mở cửa, chứ chưa phải dựa vào một nền tảng vững bền từ công nghệ - công nghiệp. Cơ cấu nền kinh tế Việt Nam trong nhiều năm qua chuyển dịch rất chậm, cho đến nay về cơ bản vẫn là một cơ cấu lạc hậu, kém hiệu quả. Nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng 36% GDP và 72% lao động cả nước. Công nghiệp, dịch vụ nhỏ bé, xuất khẩu sản phẩm thô chiếm tỷ lệ áp đảo; chưa phát huy cơ chế khuyến khích ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu - triển khai nhằm đổi mới công nghệ.

Đến năm 1992 Việt Nam có một đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đáng kể, loại trình độ đại học trở lên có tới 700.000 người, trong đó 60.000 cán bộ nghiên cứu - triển khai. Đây là một thế mạnh tiềm năng và là một vốn quý cho phát triển kinh tế - xã hội. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của ta được đào tạo có hệ thống, khá về lý thuyết cơ bản, có khả năng tiếp thu nhanh công nghệ mới (trong các lĩnh vực điện tử, tin học viễn thông làm chủ công nghệ mới rất nhanh). Tuy nhiên việc phân bổ, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ cũng bộc lộ những nhược điểm rất căn bản. Tỷ lệ cán bộ khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp còn thấp, năm 1990 đạt 32%, các nước trên khu vực đều đạt trên 50%. Số cán bộ khoa học thuộc các ngành kỹ thuật (liên quan trực tiếp đến công nghệ) còn chiếm tỷ lệ thấp, khoảng 10%. Sự phân bố cán bộ khoa học và công nghệ theo vùng lãnh thổ bị mất cân đối nghiêm trọng.

Quy mô đào tạo chưa mở rộng. Chất lượng đào tạo còn

thấp, trình độ chưa cập nhật được tri thức hiện đại của khu vực và thế giới, bị "hổng" nhiều về hiểu biết công nghệ, quản trị kinh doanh, tiếp thị, ngoại ngữ. Cán bộ khoa học và công nghệ có tiềm năng trí tuệ đáng kể, tiếp thu nhanh, nhưng thiếu tính liên kết - cộng đồng, khó hợp tác giữa các cơ quan/cá nhân; thiếu cán bộ đầu đàn có khả năng tổ chức thực hiện những chương trình nghiên cứu có tính đột phá cao.

Nước ta hiện có gần 300 cơ quan nghiên cứu - triển khai (viện, trung tâm); 102 trường đại học và cao đẳng. Tuy nhiên, sự phân bố mạng lưới này theo vùng lãnh thổ - sinh thái còn mất cân đối lớn (đến 80% cơ quan nghiên cứu - triển khai ở Hà Nội). Cơ sở hạ tầng (thiết bị, thông tin) của các viện nghiên cứu - triển khai, các trường đại học nghèo và lạc hậu, thua kém ngay cả với các cơ sở doanh nghiệp trong nước. Chất lượng đào tạo từ đại học đến tiểu học, đều thấp và xuống cấp. Thị trường khoa học và công nghệ chưa được xác lập.

Nhận thức về vai trò khoa học và công nghệ của các cấp chưa thể hiện bằng các biện pháp hành chính cụ thể về mức đầu tư tài chính, chế độ cán bộ..., chưa tạo lập được hệ thống chính sách buộc các hoạt động kinh tế, từ sản xuất, dịch vụ đến quản lý, phải dựa trên khoa học và công nghệ và làm cho hoạt động khoa học và công nghệ phải hướng đến mục tiêu kinh tế - xã hội một cách tự nhiên.

Đầu tư tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước của Việt Nam hằng năm không quá 1% chi ngân sách.

Trong nhiều năm, mọi khâu đào tạo, sắp xếp đội ngũ, sử dụng, đãi ngộ... đều thuộc quyền hạn và trách nhiệm của

Nhà nước nên toàn bộ các cơ quan khoa học và công nghệ thuộc sở hữu nhà nước. Chính sách cấp phát đồng đều, dàn trải, mà nguồn lực lại hạn chế nên dẫn đến nghịch lý, đó là: một mặt không huy động được nguồn vốn cho khoa học và công nghệ từ doanh nghiệp, tạo nên tập quán ỷ lại vào Nhà nước; mặt khác, đối với những lĩnh vực cần đầu tư thích đáng, cần "bao cấp" như giáo dục, bảo vệ môi trường, chăm lo sức khỏe con người, hoặc những hướng nghiên cứu - triển khai quan trọng thì do thiếu nguồn tài chính nên bị xuống cấp hoặc không phát triển.

Tổ chức các cơ quan nghiên cứu - triển khai chưa thể hiện mối quan hệ hữu cơ - liên kết giữa nghiên cứu - đào tạo ở đại học, ở các viện nghiên cứu quốc gia với chức năng nghiên cứu ở doanh nghiệp, đặc biệt trong khâu triển khai công nghệ. Nghiên cứu - triển khai công nghệ lẽ ra chủ yếu phải là việc của các doanh nghiệp, nhưng các doanh nghiệp chưa có viện nghiên cứu và cũng thiếu quan hệ chặt chẽ với các viện nghiên cứu - triển khai liên quan.

Chính sách khen thưởng - đãi ngộ đến nay chưa tạo được một động cơ hướng khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế đổi mới công nghệ.

Chính sách và các quy định về biên chế cứng nhắc đối với các cơ quan nghiên cứu - triển khai cùng với chế độ tiền lương chưa hợp lý đã không khuyến khích phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, tạo ra tình trạng "chảy máu chất xám" và "già hoá" đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ.

Phương thức xác định các chương trình/đề tài nghiên cứu - triển khai cùng quá trình đánh giá, nghiệm thu, chuyển giao... chưa hợp lý.

Những thiếu sót trên đây cần mau chóng được khắc phục bằng các chính sách và biện pháp cụ thể.

III- MỤC TIÊU VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG YẾU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2000 VÀ TIẾP THEO

1. Mục tiêu

Với quan điểm gắn kết giữa khoa học và công nghệ với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thì hệ thống mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ ở tầm trung và dài hạn, phải góp phần tích cực để Việt Nam có thể thực hiện cách đi kết hợp "tuần tự" và "không tuần tự" trên con đường phát triển; mau chóng đạt đến trình độ phát triển mới về năng suất, chất lượng, thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ, đẩy nhanh quá trình thu hẹp khoảng cách công nghệ so với các nước phát triển đi trước, trước hết là các nước trong khu vực.

Trong những năm 90 cho đến năm 2000, tập trung vào các mục tiêu sau:

- Khoa học và công nghệ đóng góp có hiệu quả vào quá trình ra quyết định ở mọi cấp, từ quản lý Nhà nước đến các doanh nghiệp, bảo đảm cho các chính sách, chủ trương, các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư có căn cứ khoa học, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt.

- Áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ thế giới để đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ, và nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu,

tạo được tiến bộ rõ rệt về năng suất, chất lượng, hiệu quả (phần đầu đạt được mức trung bình tiên tiến của các nước trong khu vực) giảm đáng kể suất tiêu hao năng lượng, nguyên liệu trong đơn vị sản phẩm, giảm tổn thất năng lượng, vật tư, tài nguyên, v.v. nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu.

- Tập trung năng lực nghiên cứu hỗ trợ cho việc lựa chọn và hình thành một số ngành công nghiệp có triển vọng dựa trên công nghệ cao và một số ngành chế tác (manufacturing), tạo tiền đề cho việc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Nâng cao một bước năng lực nghiên cứu - triển khai trong nước. Xây dựng được lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ có khả năng tiếp cận với khoa học công nghệ thế giới, có thể lựa chọn, thích nghi, làm chủ các công nghệ nhập, cải tiến và hiện đại hoá công nghệ truyền thống.

Như vậy, từ nay cho đến năm 2000: Song song với việc xây dựng và tăng cường năng lực công nghệ nội sinh cần tập trung vào quá trình tìm kiếm, tiếp thu, chuyển giao các công nghệ tiên tiến thích hợp từ nước ngoài, chú ý hạn chế và thải loại dần các công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu, gây ô nhiễm môi trường và các hậu quả xã hội tiêu cực khác. Trong các dự án có vốn đầu tư với nước ngoài cần chú ý đặc biệt tới yếu tố chuyển giao công nghệ, từ thiết bị - kỹ thuật, đào tạo đội ngũ tới thông tin, bí quyết công nghệ. Phổ cập rộng rãi các loại hình công nghệ thích hợp trên địa bàn nông thôn, miền núi, góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn rộng lớn của đất nước.

Trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, lấy nghiên cứu

ứng dụng và tiếp thu công nghệ làm chính. Nghiên cứu cơ bản, tuy cần dành một tỷ lệ nhất định, nhưng được định hướng theo yêu cầu của phát triển công nghệ. Quan tâm đúng mức tới một số hướng nghiên cứu phục vụ yêu cầu hiện đại hoá ngành giáo dục - đào tạo, y tế, phát triển văn hoá và hoàn thiện các chính sách xã hội.

Song song với mục tiêu trên đây, để thực hiện được quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo mô hình "không tuần tự", cần mạnh dạn sử dụng công nghệ cao - vi điện tử, tin học, tự động hoá, sinh học, vật liệu mới - trong những lĩnh vực trọng yếu. Đẩy mạnh những công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm - hàng tiêu dùng, dệt, công nghiệp nhẹ... có chất lượng cạnh tranh được trên thị trường, đòi hỏi vốn không lớn, thu hút nhiều lao động. Hiện đại hoá các công nghệ truyền thống thủ công nghiệp, làng nghề. Chấn chỉnh, phát triển ngành cơ khí - chế tạo thiết bị như một lĩnh vực xương sống của công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Về mục tiêu xây dựng tiềm lực, quản lý khoa học và công nghệ ở giai đoạn này cần tạo chuyển biến căn bản trong hệ thống khoa học và công nghệ từ quan điểm, phương thức hoạt động đến sắp xếp cơ cấu tổ chức theo hướng gắn kết với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Xoá bỏ quan niệm coi khoa học và công nghệ chỉ là công việc riêng của cộng đồng các nhà khoa học mà đây là công việc của mọi hoạt động kinh tế - xã hội và tập trung cao ở các dự án phát triển quốc gia.

Giai đoạn sau năm 2000 (đến 2010): Để đóng vai trò nguồn lực hiệu quả cho quá trình tăng tốc nền kinh tế của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nền khoa học

và công nghệ phải hội nhập được với các quốc gia trong khu vực. Một số sản phẩm, từ sản xuất đến dịch vụ, có hàm lượng trí tuệ hoặc khéo tay, có khả năng cạnh tranh và xuất hiện ổn định trên thị trường thế giới, như sản phẩm dệt, may và một số về công nghiệp nhẹ; sản phẩm tin học - phần mềm phục vụ thiết kế, quản lý. Lực lượng khoa học và công nghệ trở thành một thành phần quan trọng ở những khu công nghệ cao tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Một số cơ sở đào tạo - nghiên cứu trọng điểm có trình độ ngang tầm các nước phát triển trong khu vực Đông Nam Á. Tiềm năng chất xám của con người Việt Nam được khai thác, phát triển đạt đến vị trí rõ nét trong khu vực Đông Nam Á và hội nhập quốc tế.

2. Chính sách công nghệ

Trong thời gian đến năm 2000, *nhập công nghệ* được xem là một mục tiêu ưu tiên. Nhu cầu đa dạng công nghệ trong sản xuất sẽ được các doanh nghiệp tự quyết định theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế trong khuôn khổ thể chế của Luật Chuyển giao công nghệ. Hoạt động nghiên cứu - triển khai phải đóng vai trò chủ yếu trong thích nghi công nghệ vào hoàn cảnh Việt Nam, khai thác hiệu quả và tiến tới tạo lập năng lực độc lập của nền công nghệ quốc gia. Cùng với việc đưa ra các định hướng ưu tiên, Nhà nước cần áp dụng các cơ chế chính sách nhằm khuyến khích việc chuyển giao các công nghệ tiên tiến có hiệu quả và ngăn chặn việc nhập các công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và các hậu quả xã hội tiêu cực khác hoặc cản trở cho những bước phát triển tiếp theo.

Việt Nam hiện nay đang thiếu vốn, thiếu công nghệ nhưng có nguồn nhân lực dồi dào, vì vậy cần có chính sách

công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời tạo nhiều chỗ làm việc. Cần thấy rằng không tiếp thu công nghệ mới thì không thể phát triển mọi ngành sản xuất, dịch vụ đến quản lý. Ở đây chính sách đúng đắn là phát triển các ngành (sản xuất và dịch vụ) cần nhiều nhân công (công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng, các dạng dịch vụ xã hội...), mà không sử dụng các công nghệ lạc hậu, thô sơ.

Với quan điểm này chính sách công nghệ ở Việt Nam là *mạnh dạn đi thẳng vào công nghệ hiện đại có chọn lọc* ở những khu vực cần thiết, đồng thời vẫn sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có với điều kiện được đồng bộ hoá, cải tiến và nâng cao hiệu quả sử dụng, chú trọng *hiện đại hoá công nghệ truyền thống*. Trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân phải *ưu tiên hiện đại hoá công nghệ* cho các khu vực sau:

- Sản xuất hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu.
- Các ngành có tác động nhiều đến sự phát triển các ngành khác: thông tin liên lạc, điện, hoá chất, chế tạo máy, xây dựng hạ tầng cơ sở...
- Nói chung các cơ sở sản xuất mới, các công trình mới cần xây dựng theo công nghệ tiên tiến nhất có thể.

Như vậy công nghệ nhập trong các khu vực chọn lọc phải là những công nghệ tiên tiến.

Trong toàn nền kinh tế quốc dân chọn một số ngành trọng điểm, mỗi ngành chọn những xí nghiệp trọng điểm, trong mỗi xí nghiệp chọn những dây chuyền, những khâu quyết định nhất đến chất lượng và hiệu quả sản xuất để *trang bị công nghệ hiện đại* (trong thực tế có nhiều nhà máy chỉ cần đưa công nghệ tiên tiến vào khâu đo lường, kiểm tra chất lượng, điều khiển thì sản lượng, chất lượng và hiệu quả

kinh tế tăng rõ rệt). Đó là cách tốt nhất để vừa hiện đại hóa công nghệ vừa tận dụng cơ sở vật chất và nguồn lao động với nguồn đầu tư hạn hẹp. Chỉ đưa máy móc vào thay thế những khâu sử dụng nhân lực nếu làm tăng chất lượng sản phẩm và hiệu quả của sản xuất. Theo hướng đó hằng năm Việt Nam phải đổi mới ít nhất 15% thiết bị công nghệ hiện có và cần tiếp tục nâng cao tỷ lệ này trong tương lai.

3. Những chương trình lớn

Các chương trình trọng yếu nêu dưới đây mang tính chất định hướng những nỗ lực của Nhà nước, của doanh nghiệp và cộng đồng cán bộ nghiên cứu - triển khai, giáo dục - đào tạo vào những nội dung liên ngành nhằm phục vụ hiệu quả mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời phát triển bản thân nền khoa học và công nghệ đất nước.

Chương trình đổi mới công nghệ nhằm thúc đẩy quá trình chuyển giao, cải tiến công nghệ trong mọi ngành, mọi lĩnh vực.

Trước mắt cần coi trọng các công nghệ đòi hỏi suất đầu tư thấp, thu hồi vốn nhanh, có khả năng tạo thêm chỗ làm việc. Mục tiêu đổi mới công nghệ cần chú ý, trước hết tới các ngành đang thu hút vốn đầu tư lớn như xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lượng, khai thác tài nguyên... Nâng cấp các cơ sở làm công tác dịch vụ công nghệ, như đo lường, tiêu chuẩn, kiểm tra chất lượng; sở hữu công nghiệp; thông tin công nghệ; kiểm toán môi trường... nhằm tạo lập khả năng đánh giá, thẩm định các chương trình/dự án đầu tư phát triển.

Chương trình phát triển và ứng dụng các công nghệ cao tập trung vào các hướng: điện tử - tin học - viễn thông - tự

động hoá, công nghệ sinh học, vật liệu mới, chế tạo thiết bị, nhằm tạo lập được vị trí của Việt Nam trong phân công lao động quốc tế và khu vực.

Nhập nội được một số công nghệ mũi nhọn từ các nước phát triển, các công ty xuyên quốc gia để tạo "bước nhảy" ban đầu của Việt Nam.

Chương trình đưa tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển nông thôn và miền núi, nhằm xây dựng một nông thôn phát triển toàn diện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Khoa học và công nghệ phải góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, từ đa phần ở khu vực sơ cấp (nông nghiệp) sang khu vực thứ cấp (công nghiệp, dịch vụ). Công nghiệp hoá nông thôn cũng sẽ góp phần quan trọng cải thiện xã hội nông thôn nhờ quá trình đào tạo nguồn nhân lực rộng lớn này, góp phần quan trọng tạo sự công bằng trong phát triển khi tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chương trình khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trên cơ sở khoa học và công nghệ: dưới con mắt công nghệ đánh giá đúng đắn nguồn tài nguyên quốc gia về đất, nước, khoáng sản, rừng, nguồn sinh vật... để có hướng khai thác - sử dụng hợp lý - bảo vệ các tài nguyên có hạn đó, nhằm phục vụ tăng trưởng kinh tế kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường - sinh thái. Hướng tới những công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu thụ ít tài nguyên khoáng sản không tái tạo... phát triển các dạng năng lượng tái tạo, đa dạng sinh học từ rừng đến biển.

Chương trình xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng lực nội sinh về khoa học

và công nghệ của đất nước trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo; bồi dưỡng kiến thức công nghệ, quản trị, kinh doanh, tiếp thị; xây dựng một mạng lưới cơ quan khoa học - công nghệ hợp lý, hiệu quả, chú trọng hình thành các trung tâm khoa học - công nghệ vùng, trước hết ở một số vùng quan trọng. Đổi mới bản thân ngành khoa học và công nghệ trước những yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chương trình chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm ở những ngành có mặt rộng rãi ở thị trường nội địa (cơ khí, công nghiệp nhẹ...) và tạo năng lực chiếm lĩnh thị trường trong nước và thâm nhập thị trường thế giới. Vai trò của *sở hữu trí tuệ* rất quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động sáng tạo, đổi mới công nghệ tạo sản phẩm mới, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế.

Các ngành sẽ xác định danh mục những sản phẩm được ưu tiên đầu tư để nâng cao chất lượng, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ an ninh - quốc phòng nhằm xây dựng một nền an ninh - quốc phòng đáp ứng tình hình mới, phát triển một tiềm lực khoa học và công nghệ đủ mạnh trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, tiếp cận được các công nghệ mới về vi điện tử - tin học - viễn thông - tự động hoá - vật liệu mới, liên quan đến lãnh thổ, vùng trời, vùng biển.

Chương trình nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn nhằm xây dựng những luận cứ khoa học cho các quyết sách

của Đảng và Nhà nước; phát huy yếu tố con người Việt Nam, bảo tồn và phát triển bản sắc dân tộc trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP

Hệ thống các chính sách và biện pháp phải nhằm tạo lập được thị trường cho các hợp đồng khoa học và công nghệ để khoa học và công nghệ thực sự trở thành công cụ không thể thiếu được cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đầy thách thức hiện nay. Trong đó khoa học và công nghệ là công việc của toàn xã hội: của mọi cấp điều hành Nhà nước, của mọi thành phần kinh tế, và của cộng đồng những người làm công tác khoa học và công nghệ. Doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới khoa học và công nghệ và đầu tư cho khoa học và công nghệ nhằm xây dựng chiến lược sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhà nước đề xuất những định hướng lớn cho phát triển khoa học và công nghệ, ban hành những thể chế, đồng thời xây dựng tiềm lực và hạ tầng cơ sở của khoa học và công nghệ. Nhà nước chỉ đạo sự gắn kết khoa học công nghệ với sản xuất thông qua các chương trình/dự án phát triển kinh tế - xã hội.

1. Huy động nguồn vốn phát triển khoa học và công nghệ

Nguồn tài trợ cho phát triển khoa học và công nghệ hiện nay nói chung chỉ trông chờ vào Nhà nước (Trung ương), mà chưa là mối quan tâm của toàn xã hội, đặc biệt từ khu vực doanh nghiệp. Cần phải có các chính sách và biện pháp

nhằm đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ.

Nhà nước cần sớm ban hành các chính sách và thực hiện các biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp (nhà nước và tư nhân) tự bản thân, hoặc liên kết với các cơ sở nghiên cứu - triển khai đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ từ các doanh nghiệp, đến năm 2000, cần đạt khoảng 1,5% GDP. Khuyến khích các doanh nghiệp trích từ nguồn doanh thu (5-10%) để đầu tư cho nghiên cứu - triển khai nhằm đổi mới công nghệ, phần vốn đó không phải chịu thuế.

Nhà nước phải dành một phần đầu tư thích đáng cho phát triển khoa học và công nghệ. Vốn này không phải chỉ lấy từ khoản chi thường xuyên của ngân sách mà chủ yếu phải được tính từ các khoản đầu tư cho các dự án và công trình kinh tế - xã hội lớn của Nhà nước. Đến năm 2000, Nhà nước nâng tỷ trọng đầu tư từ ngân sách cho phát triển khoa học và công nghệ lên khoảng 1% GDP. Vốn này chủ yếu nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng của nền công nghệ quốc gia; xây dựng một số ngành công nghệ tiên tiến có nhiều triển vọng và đầu tư cho các nghiên cứu cơ bản (tự nhiên và xã hội).

Nhà nước cần dành một tỷ lệ thích đáng từ các nguồn tài trợ quốc tế và vốn ODA để đầu tư cho các dự án tăng cường năng lực công nghệ quốc gia như xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ và xây dựng các trung tâm hoặc phòng thí nghiệm quốc gia về các ngành công nghệ mới.

Khuyến khích các chính quyền địa phương bổ sung vốn cho phát triển khoa học và công nghệ.

Xây dựng Ngân hàng khoa học và công nghệ, các khoản tín dụng, các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trong hệ thống ngân hàng và tài chính để mở rộng nguồn vốn vay cho cá nhân và các cơ sở khoa học và công nghệ thuộc mọi thành phần kinh tế và xã hội.

2. Tổ chức lại lực lượng khoa học và công nghệ

Tổ chức lại lực lượng khoa học và công nghệ theo hướng phân công và liên kết có hiệu quả giữa các trường đại học, các viện nghiên cứu quốc gia và đông đảo cơ sở nghiên cứu - triển khai trong doanh nghiệp, giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

Phải có những đổi mới rõ rệt trong các hoạt động từ đào tạo, tuyển chọn, sử dụng... nhằm khắc phục hiện tượng phân bố lực lượng khoa học và công nghệ bất hợp lý hiện nay. Đến năm 2000 cần đạt trên 50% cán bộ khoa học và công nghệ, liên quan đến kỹ thuật và khoa học quản lý, trực tiếp làm việc ở khu vực doanh nghiệp. Nâng tỷ lệ đào tạo kỹ thuật, công nghệ trong các trường đại học lên trên 20%. Tạo thể chế để các vùng lãnh thổ, ngoài Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, thu hút được 30% đội ngũ khoa học và công nghệ. Có chính sách khuyến khích các cán bộ khoa học và công nghệ về làm việc tại cơ sở, nông thôn và miền núi.

Nhà nước tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất mau chóng chuyển từ giai đoạn nhập và thích nghi công nghệ nhập ngoại (như hiện nay) sang giai đoạn sử dụng lực lượng nghiên cứu - triển khai trong nước tạo lập năng lực nội sinh doanh nghiệp công nghệ (vào cuối thế kỷ) và sáng tạo công nghệ cao (vào những năm 2010).

Chuyển phần lớn các viện nghiên cứu - triển khai công nghệ về các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp được phép lập cơ sở nghiên cứu của mình. Một số viện nghiên cứu - triển khai có thể chuyển thành doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghệ cao.

Nhà nước lo đầu tư xây dựng các trung tâm quốc gia về khoa học và công nghệ và một số viện, ngành trọng điểm để đảm nhận những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có ý nghĩa chiến lược quốc gia.

Tăng cường đầu tư cho các đại học trọng điểm để phát huy năng lực nghiên cứu khoa học. Các nghiên cứu cơ bản giao cho các trường đại học đảm nhiệm.

Nhà nước cần đầu tư "tới ngưỡng" để xây dựng một số viện hoặc phòng thí nghiệm quốc gia đạt trình độ trung bình thế giới, trong một số lĩnh vực công nghệ cao.

Khẩn trương hình thành một số *khu công nghệ cao* (ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng...), kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài xây dựng các cơ sở công nghiệp công nghệ cao nhằm sản xuất các sản phẩm có hàm lượng khoa học và công nghệ cao và có sức cạnh tranh để xuất khẩu là chủ yếu. Khu công nghệ cao phát triển theo hướng gắn kết chặt chẽ cộng đồng khoa học và công nghệ với các doanh nghiệp, quy tụ chất xám trong nước với tri thức công nghệ từ ngoài, kích thích và hỗ trợ đổi mới công nghệ trong cả nước.

Thành lập các *trung tâm ứng dụng kỹ thuật - công nghệ mới* ở các huyện làm chỗ dựa cho các hoạt động khoa học và công nghệ ở nông thôn. Xây dựng những điểm thử nghiệm và nhân ra ở quy mô toàn quốc sau khi đã thẩm định kỹ.

Phát triển, nâng cao trình độ các tổ chức tư vấn dịch vụ chuyển giao công nghệ. Tăng cường hệ thống giám định công nghệ, giám định chất lượng sản phẩm. Xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin khoa học và công nghệ, nối với các kho thông tin quốc tế, phục vụ đắc lực cho việc lựa chọn công nghệ, thẩm định công nghệ, nghiên cứu triển khai công nghệ và các quá trình ra quyết định.

3. Xây dựng các thể chế

Để khuyến khích đổi mới công nghệ và dần dần kiến tạo một thị trường công nghệ, các chính sách thuế cần được áp dụng, khuyến khích:

- Miễn, giảm thuế trên phần đầu tư và tái đầu tư vào nghiên cứu - triển khai áp dụng công nghệ mới ở các doanh nghiệp.
- Các sản phẩm kết quả của nghiên cứu - triển khai trong nước có hàm lượng khoa học và công nghệ cao, được miễn thuế ba năm đầu và giảm 50% thuế cho hai năm tiếp theo.
- Thuế bổ sung đánh vào các sản phẩm của các quy trình công nghệ làm ô nhiễm môi trường, tiêu hao nhiều năng lượng, nguyên liệu và không theo các chính sách công nghệ - công nghiệp quốc gia.
- Thực hiện chế độ bảo hộ mậu dịch linh hoạt đối với hàng nội địa có áp dụng công nghệ mới.

Cần sớm ban hành Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản pháp lý có liên quan nhằm xác lập các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động khoa học và công nghệ bảo đảm một hành lang pháp lý chặt chẽ nhưng đủ rộng để làm phương tiện quản lý Nhà nước có hiệu lực, đồng thời tạo điều

kiện tự chủ tối đa cho các cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Cần phát triển các dịch vụ tư vấn pháp lý cho các hoạt động khoa học và công nghệ.

Phải có những quy chế chặt chẽ kiểm soát các quy trình chuyển giao công nghệ theo những chỉ tiêu nghiêm ngặt về kinh tế - kỹ thuật và môi trường, ngăn chặn tình trạng biến nước ta thành bãi thải công nghệ lạc hậu của thế giới.

4. Tăng cường năng lực quản lý

Cần tiếp tục hoàn thiện tổ chức quản lý khoa học và công nghệ nhằm bảo đảm chất lượng và hiệu quả công tác. Nâng cao năng lực chuyên môn của các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ các cấp. Gấp rút bồi dưỡng cán bộ trẻ một cách có hệ thống.

Điều chỉnh và tổ chức lại hệ thống chương trình trọng điểm của Nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng:

- Giao các đề tài mang tính chất triển khai công nghệ cụ thể cho các doanh nghiệp thực hiện, hoặc doanh nghiệp đặt hàng cho các cơ quan nghiên cứu - triển khai. Ở đây Nhà nước có cơ chế khuyến khích và buộc các doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ, sản phẩm.

- Nhà nước chỉ đảm nhiệm những đề tài có ý nghĩa chiến lược quốc gia, tạo cơ sở khoa học cho các quyết định lớn, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, đón đầu các công nghệ mới, phục vụ an ninh - quốc phòng, phát triển văn hoá - xã hội.

Các chương trình/đề tài trọng điểm Nhà nước được tổ chức như một bộ phận gắn kết của các dự án phát triển kinh

tế - xã hội của Nhà nước. Các dự án này xác định mục tiêu, nội dung của chương trình/đề tài và bảo đảm kinh phí cho nghiên cứu, triển khai.

Ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ là trách nhiệm của các ngành, các địa phương, của mọi thành phần kinh tế. Nhà nước chỉ đạo thông qua các dự án phát triển kinh tế - xã hội mà nội dung cơ bản của nó là áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học và công nghệ để thực hiện mục tiêu của dự án. Như vậy vốn cho ứng dụng khoa học và công nghệ là vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Cần có chính sách nhanh chóng nâng tỷ lệ đầu tư theo dự án ứng dụng công nghệ so với tổng vốn đầu tư.

Sửa đổi và bổ sung một số cơ chế pháp lý, nhằm xoá bức tường ngăn giữa các doanh nghiệp và cơ sở khoa học và công nghệ. Xí nghiệp được dùng vốn của mình để tiến hành nghiên cứu - triển khai, các viện nghiên cứu được triển khai sản xuất các sản phẩm từ nghiên cứu của mình.

Tăng cường hệ thống bảo hộ quyền *sở hữu công nghiệp* nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển giao công nghệ. Xử lý nghiêm minh các vụ tranh chấp, vi phạm quyền *sở hữu công nghiệp*.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các loại hội đồng khoa học và công nghệ. Cần có các quy định cụ thể để lãnh đạo các cấp thực sự tham khảo và tôn trọng đúng mức ý kiến của giới khoa học và công nghệ. Cải tiến cơ chế xét duyệt, thẩm định, đánh giá các dự án, chương trình, đề tài, v.v..

5. Phát triển nguồn nhân lực

Nhà nước đảm nhiệm chủ yếu việc tăng cường đào tạo

bậc đại học, kết hợp hài hoà với phát triển các bậc cao học, tiến sĩ. Đào tạo công nhân và kỹ thuật viên lành nghề chủ yếu do các doanh nghiệp đảm nhận và gắn với các quá trình chuyển giao công nghệ, Nhà nước có chính sách hỗ trợ và khuyến khích.

Gấp rút đào tạo một số cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao đối với một số ngành công nghiệp quan trọng, nhất là ngành công nghiệp công nghệ cao.

Dành một phần ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác để gửi ra nước ngoài những êkíp đồng bộ cán bộ và công nhân kỹ thuật cho một số lĩnh vực công nghệ cao mà nước ta cần phát triển sớm.

Cần gấp rút trẻ hoá đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ ở khu vực nhà nước bằng cách xoá bỏ chế độ định biên cứng nhắc hiện nay ở các viện khoa học và công nghệ. Cần nghiên cứu một cơ chế tuyển dụng hiệu quả, thích hợp với nền kinh tế thị trường. Khuyến khích cán bộ khoa học và công nghệ làm việc ở những vùng cao, vùng sâu, nơi khó khăn, với quy chế đặc biệt bảo đảm quyền lợi vật chất và tinh thần.

Phát triển thị trường nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài đóng góp xây dựng đất nước.

Cần tạo môi trường hoạt động cạnh tranh rộng rãi trong các loại hình doanh nghiệp, để các nhà khoa học và công nghệ có cơ hội tham gia với những đóng góp về đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm.

6. Hợp tác quốc tế

Cần tận dụng các kênh hợp tác quốc tế để nhập khẩu được hàng loạt công nghệ tiên tiến thích hợp phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhằm rút ngắn khoảng cách về trình độ công nghệ.

Sử dụng đa dạng phương thức hợp tác quốc tế nhưng đặc biệt ưu tiên hợp tác với các nước có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến nhất, nhằm tiếp thu các thành quả khoa học và công nghệ mới từ phía những người sáng tạo ra chúng và có nhiều tiềm năng chuyển giao công nghệ. Cũng cần chú trọng hợp tác với các nước trong vùng, có những bước đi có thể phù hợp với nước ta.

Cần gấp rút nâng cao năng lực thương lượng để tránh các tổn thất lớn do thiếu hiểu biết về chuyển giao công nghệ và thiếu trách nhiệm trong đàm phán. Cần tạo cơ sở hạ tầng (dịch vụ thông tin, tư vấn...) nhằm tăng hiệu quả các quá trình đàm phán.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 174/TLHN, ngày 30 tháng 7 năm 1994

Về những ý kiến của Trung ương thảo luận các đề án và góp ý vào dự thảo Nghị quyết

Tại Hội nghị lần này đã có 151 lượt đồng chí phát biểu ở tổ và 33 đồng chí phát biểu tại hội trường, 126 đồng chí Ủy viên Trung ương góp ý vào bản dự thảo Nghị quyết.

Nhìn chung, các đồng chí cơ bản đồng tình với các báo cáo của Bộ Chính trị trình ra Trung ương, cho rằng báo cáo đã được chuẩn bị công phu, tiếp thu được nhiều ý kiến đóng góp của các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cán bộ khoa học, các đồng chí cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu. Một số đồng chí thấy các vấn đề nêu trong báo cáo còn dàn trải, chưa rõ những việc cần phải tập trung làm và những điều kiện để thực hiện. Các đồng chí Trung ương cũng đã góp nhiều ý kiến xác đáng để bổ sung, sửa đổi một số nội dung đã trình bày trong báo cáo.

Bộ Chính trị tán thành với nhiều ý kiến phát biểu, đã cân nhắc, tiếp thu một số ý kiến vào bản dự thảo Nghị quyết gửi Trung ương như: bổ sung lợi thế về chế độ chính trị - xã hội do nhân dân làm chủ; thể hiện đầy đủ hơn mục tiêu lâu

dài của công nghiệp hoá, hiện đại hoá bao gồm cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; bổ sung vào phần quan điểm một số ý quan trọng (coi khoa học - công nghệ là nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo đảm sự phát triển bền vững); nói rõ vị trí, bước đi hoặc bổ sung thêm một số ý mới về các ngành công nghiệp (dầu khí, thép, sản xuất vật liệu mới...); diễn đạt chặt chẽ hơn đoạn nói về kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể; bổ sung về vị trí của Liên hiệp các Hội khoa học - kỹ thuật Việt Nam trong công tác vận động trí thức, v.v..

Đối với bản dự thảo Nghị quyết, tuyệt đại bộ phận Trung ương nhất trí với chủ đề, kết cấu và những nội dung cơ bản của dự thảo. Có bảy ý kiến đề nghị chuẩn bị thêm để sắp tới ra một nghị quyết riêng về giai cấp công nhân, hoặc chỉ nên viết gọn phần xây dựng giai cấp công nhân và đưa vào phần cuối của nghị quyết. Theo ý kiến đa số của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị cho giữ nguyên chủ đề, kết cấu và những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết.

Trong quá trình thảo luận và góp ý sửa dự thảo nghị quyết, có trên 20 ý kiến đề nghị trình bày gọn các quan điểm như nêu trong Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ cho dễ nhớ, dễ thực hiện, không cần tách thành 10 quan điểm. Bộ Chính trị tiếp thu các ý kiến đó và sẽ chỉ đạo sắp xếp lại phần này cho hợp lý hơn.

Một số ý kiến đề nghị sửa lại vài điểm cụ thể nói về vị trí, vai trò của giai cấp công nhân. Bộ Chính trị xin tiếp thu và sẽ xem xét sửa những điểm chưa phù hợp.

Có ý kiến đề nghị cần nhấn mạnh vai trò của trí thức

trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bộ Chính trị tán thành và sẽ bổ sung ý này vào Nghị quyết.

Một số ý kiến đề nghị coi trọng đúng mức việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết. Bộ Chính trị thấy đây là những ý kiến xác đáng mà ngay sau Hội nghị này các cấp uỷ và tổ chức đảng cần tập trung làm tốt.

Một số đồng chí đề nghị cố gắng viết Nghị quyết ngắn gọn hơn và soát xét lại câu chữ bảo đảm chính xác trước khi ban hành. Bộ Chính trị xin tiếp thu và sẽ chỉ đạo Tổ biên tập cố gắng làm tốt việc này.

Đối với nhiều ý kiến góp ý cụ thể rất đáng lưu ý khác của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ tiếp tục nghiên cứu tiếp thu, bổ sung những ý kiến hợp lý vào dự thảo Nghị quyết hoặc giao cho các cơ quan có liên quan nghiên cứu.

Trung ương đã thể hiện sự nhất trí cao đối với bản dự thảo Nghị quyết, bởi vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho thông qua toàn văn Nghị quyết và uỷ nhiệm Bộ Chính trị căn cứ vào các ý kiến cụ thể của Trung ương để hoàn chỉnh lại bản Nghị quyết trước khi ban hành chính thức.

Dưới đây, Bộ Chính trị xin trình bày thêm với Trung ương về một số vấn đề quan trọng còn có ý kiến khác nhau trong quá trình thảo luận.

I- VỀ CHỦ ĐỀ CỦA BÁO CÁO, KHÁI NIỆM CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA CÔNG CUỘC CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

a) Một số ý kiến đề nghị làm rõ hơn chủ đề hoặc cách đặt vấn đề của báo cáo trình Hội nghị Trung ương kỳ này, cho

rằng đưa ra định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá tới năm 2000 là quá hạn hẹp, không đủ tầm, gần như một kế hoạch 5 năm; cần phải có một chiến lược tổng thể, toàn diện về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Bộ Chính trị xin trình bày như sau:

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ nhận định rằng: "Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước". Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới là "thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá".

Hội nghị Trung ương lần thứ bảy có nhiệm vụ cụ thể hoá để triển khai thực hiện quyết định nói trên của Hội nghị đại biểu. Việc đề ra một chiến lược dài hạn, tổng thể về toàn bộ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải thu thập và xử lý một khối lượng thông tin lớn, dự báo được tương đối sát đúng các chiều hướng diễn biến của tình hình kinh tế - chính trị xã hội trong nước và quốc tế, triển vọng phát triển của các ngành, các lĩnh vực, tiến bộ khoa học - công nghệ, biến đổi của thị trường, v.v. trong vòng vài ba thập kỷ tới. Để làm được việc đó, cần có thời gian và tổ chức lực lượng nghiên cứu công phu. Nếu được xúc tiến ngay từ bây giờ thì cũng mất vài ba năm. Báo cáo trình Trung ương kỳ này chưa thể đưa ra một chiến lược toàn diện, tổng thể về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mặt khác, một số nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá như phát triển giáo dục đào tạo, phát triển nông nghiệp và kinh tế xã hội nông

thôn đã được các Hội nghị Trung ương bốn và năm bàn khá kỹ. Vì vậy, Báo cáo trình Trung ương kỳ này dựa trên cơ sở Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã được Đại hội VII thông qua mà tập trung vào việc vạch ra những chủ trương, giải pháp cụ thể về *phát triển công nghiệp và công nghệ đến năm 2000, nhằm đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị đại biểu. Song trong chừng mực có thể được, Báo cáo cũng cố gắng đưa ra một số định hướng xa hơn, điều đó thể hiện tập trung ở việc xác định mục tiêu tổng quát, lâu dài của toàn bộ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trình bày rõ hơn, đầy đủ hơn những quan điểm cơ bản chỉ đạo công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ở việc tính đến một số nhu cầu không thể thiếu được của bước phát triển sau năm 2000.

Vì vậy, Bộ Chính trị cho rằng những nội dung báo cáo trình Trung ương kỳ này là kịp thời và cần thiết, phục vụ thiết thực cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ.

Có ý kiến đề nghị cần xác định mục tiêu vài thập kỷ sau năm 2000 và cần cố gắng lượng hoá thêm các mục tiêu đến năm 2000.

Bộ Chính trị nhận thấy trong dự thảo đã xác định: *"Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, dựa trên một nền khoa học - công nghệ tiên tiến, tạo ra lực lượng sản xuất mới với quan hệ sản xuất ngày càng tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, củng cố quốc phòng - an ninh, nâng cao khả năng hợp tác phát triển với bên ngoài, thực hiện dân giàu,*

nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Việc lượng hoá các mục tiêu đến năm 2000 là cần thiết, sau Hội nghị, các cơ quan có liên quan của Nhà nước sẽ rà soát, tính toán kỹ hơn, để xác định cụ thể và trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

b) Có ý kiến đề nghị bổ sung, điều chỉnh định nghĩa về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, như công nghiệp hoá là "xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại cho chủ nghĩa xã hội, nhằm nâng cao đời sống nhân dân", là "tiến hành một cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mang tính "lồng ghép"".

Phải nói rằng đưa ra được một định nghĩa hoàn chỉnh, bao quát hết nội dung phức tạp của quá trình này, phù hợp với thời đại ngày nay là một việc rất khó. Giới học thuật trong và ngoài nước đến nay vẫn chưa nhất trí hoàn toàn với bất cứ định nghĩa nào. Bộ phận chuẩn bị đề án cũng đã có tới hơn 10 cuộc thảo luận, bổ sung, sửa đổi để có được một định nghĩa như trong Báo cáo. Theo đó, công nghiệp hoá, hiện đại hoá được hiểu là "*quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính, sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao*".

Định nghĩa này được Bộ Chính trị tán thành đưa vào Báo cáo, vì về cơ bản nó phản ánh được phạm vi rộng lớn của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; gắn được phạm trù công nghiệp hoá với phạm trù hiện đại hoá; xác định được vai trò của công nghiệp và khoa học - công nghệ trong quá trình này; chỉ ra cái cốt lõi là cải biến lao động thủ công, lạc hậu thành

lao động sử dụng kỹ thuật tiên tiến, hiện đại để đạt tới năng suất lao động xã hội cao.

Bộ Chính trị không coi đây là định nghĩa hoàn hảo và cho rằng còn cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn chỉnh thêm. Song việc đi quá sâu vào các khía cạnh học thuật không quan trọng bằng cách xác định rõ những nội dung cụ thể của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta phải thực hiện tới đây là gì. Từ đó mà vừa giúp hiểu rõ hơn và hoàn chỉnh hơn về định nghĩa, vừa có căn cứ cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo, điều chỉnh. Báo cáo chủ yếu tập trung trình bày theo hướng đó.

c) Có ý kiến băn khoăn về nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ý kiến của Bộ Chính trị về vấn đề này như sau:

Chúng ta làm công nghiệp hoá, hiện đại hoá không phải là để xây dựng chủ nghĩa tư bản mà là để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song con đường đi tới chủ nghĩa xã hội còn lâu dài, phải trải qua nhiều nấc thang quá độ, trung gian, mỗi bước tiến lên thì nhân tố xã hội chủ nghĩa lại tăng thêm. Để vừa khẳng định được cái đích cuối cùng phải tiến tới, vừa lựa chọn được những hình thức, bước đi, giải pháp thích hợp với trạng thái kinh tế - xã hội hiện nay của đất nước, chúng ta gọi đó là *công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Báo cáo đã xác định rõ những nhân tố bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá là:

1. Xác định mục tiêu trước mắt cũng như lâu dài của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là vì lợi ích vật chất và tinh

thần của nhân dân, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

2. Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ngày càng hiện đại cho một chế độ xã hội trong đó nhân dân làm chủ.

3. Phát triển một nền kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng.

4. Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá này được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Điều hành và quản lý quá trình đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Như vậy xét về bản chất chính trị - kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta khác về căn bản với công nghiệp hoá, hiện đại hoá từng diễn ra ở các nước tư bản phát triển hoặc các nước công nghiệp mới. Song về phương pháp, bước đi, các giải pháp khoa học - công nghệ, một số biện pháp kinh tế - xã hội, chúng ta có thể và cần phải tham khảo và vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm thành công của các nước đó. Nếu chúng ta nắm vững các nhân tố nói trên thì không những không sợ đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn có thể đi nhanh hơn, có hiệu quả hơn.

II- MỘT SỐ ĐỒNG CHÍ TRUNG ƯƠNG YÊU CẦU LÀM RÕ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ HIỆN NAY CÓ GÌ GIỐNG VÀ KHÁC VỚI TRƯỚC ĐÂY

Về điểm này, Bộ Chính trị xin báo cáo với Trung ương một số ý kiến như sau:

Trong những năm tiến hành công nghiệp hoá trước đây, chúng ta đã đạt được một số thành tựu quan trọng. Một số công trình lớn đã được xây dựng và đang phát huy tác dụng (thủy lợi, điện, xi măng, giao thông...). Ngày nay chúng ta kế thừa và đang tiếp tục phát huy những thành tựu của thời kỳ trước, hướng những công trình đó phục vụ có hiệu quả của nền kinh tế quốc dân.

Chỗ thống nhất của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trước đây và hiện nay tập trung ở những điểm sau:

Một là, trước đây cũng như hiện nay Đảng ta đều quan niệm công nghiệp hoá là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là, công nghiệp hoá đều nhằm chuyển đổi một cách căn bản nền sản xuất xã hội từ lao động thủ công là chủ yếu sang lao động dùng máy móc, phương tiện kỹ thuật là phổ biến, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở đó, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Ba là, từng bước hình thành quan hệ sản xuất mới tiến bộ, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, thể hiện ngày càng đầy đủ bản chất ưu việt của chế độ mới, tạo ra hạ tầng cơ sở vững chắc cho chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Bốn là, tiến hành công nghiệp hoá trước đây và hiện nay đều phải được thực hiện theo hướng hiện đại hoá tuy có sự khác nhau về mức độ. Do sự phát triển rất nhanh chóng của khoa học và công nghệ trong những thập kỷ gần đây, khái niệm hiện đại hoá luôn luôn được bổ sung những nội dung mới với phạm vi bao quát nhiều mặt, từ sản xuất, kinh doanh

đến dịch vụ, quản lý... Những tiến bộ khoa học - công nghệ được coi là hiện đại cách đây vài thập kỷ thì nhiều cái nay đã trở nên bình thường, cần được bổ sung, thậm chí lạc hậu, cần được thay thế. Khái niệm hiện đại hoá mà chúng ta đề cập trong Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này được hiểu theo ý nghĩa đó.

Bên cạnh những điểm thống nhất nêu trên, công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay có nhiều cái khác so với trước đây mà một số điểm chính là:

1. Công nghiệp hoá trước đây được tiến hành theo cơ chế cũ, tập trung quan liêu, bao cấp; thực hiện kế hoạch hoá tập trung với các chỉ tiêu pháp lệnh. Ngày nay, chúng ta tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo cơ chế mới, là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng; thị trường phản ánh nhu cầu xã hội, có tiếng nói quyết định trong việc phân bổ các nguồn lực cho sản xuất, hình thành cơ cấu kinh tế, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm thước đo.

2. Trước đây, công nghiệp hoá thường được hiểu là việc của Nhà nước, thông qua khu vực quốc doanh và tập thể là chủ yếu. Ngày nay, nó là sự nghiệp của toàn dân với sự tham gia tích cực của tất cả các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Quan niệm về doanh nghiệp nhà nước cũng linh hoạt hơn, bao gồm những doanh nghiệp mà Nhà nước nắm một số cổ phần, khống chế tương đối hay tuyệt đối. Đồng thời thực hiện đa dạng hoá và đan xen các loại hình sở hữu.

3. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay, Đảng ta

đã đề ra quan điểm xây dựng nền kinh tế mở cả trong nước và với bên ngoài; đa dạng hoá, đa phương hóa quan hệ đối ngoại và kinh tế đối ngoại trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền; thúc đẩy mở cửa, khuyến khích các hình thức hợp tác, liên doanh nhằm thu hút vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài.

Quan niệm của chúng ta về công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng được điều chỉnh phù hợp với xu thế quốc tế hoá về kinh tế. Trước đây, chúng ta thường thực hiện các công trình theo kiểu khép kín, làm từ đầu đến cuối. Ngày nay, chúng ta có thể đi từ lắp ráp, tiến tới sản xuất trong nước một phần với tỷ lệ tăng dần, thích hợp. Trên thế giới hiện nay, không ít sản phẩm hoàn chỉnh là kết quả hợp tác của nhiều nước. Một số sản phẩm mà chúng ta sản xuất cũng có thể làm theo cách đó.

Trên đây là một số điểm chính về sự giống nhau và sự khác nhau giữa công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay và trước đây.

III- VỀ CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP, SẮP XẾP THỨ TỰ ƯU TIÊN

Một số đồng chí có ý kiến: Báo cáo chưa thể hiện rõ và nhất quán mối quan hệ giữa nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, kết cấu hạ tầng; Báo cáo có sự "thụt lùi" so với Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ ở chỗ quá thiên về công nghiệp nặng. Cũng có ý kiến đề nghị sắp xếp thứ tự ưu tiên như sau: chế biến nông, lâm, hải sản, cơ khí, điện tử, hàng tiêu dùng, dầu khí, công nghiệp quốc

phòng, kết cấu hạ tầng; hoặc nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết cấu hạ tầng và công nghiệp nặng... Một số ý kiến đề nghị lựa chọn các ngành cơ khí - điện tử, dầu khí, du lịch là ngành mũi nhọn.

Về vấn đề này Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Trong phần mở đầu mục III của Báo cáo đã có ghi một đoạn trích từ Văn kiện Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ xác định phương hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ nay đến cuối thập kỷ. Trong đó đã nêu rõ những hướng ưu tiên trong sự phát triển các ngành. Báo cáo đã được xây dựng theo tư tưởng chỉ đạo đó.

Cụ thể là:

- Một là đã nêu rõ từ nay đến cuối thập kỷ, phải rất quan tâm đến công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản. Trong Báo cáo đã có hai phần trình bày về công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản và công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Trong khi nhấn mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản, đã chú ý đến các vấn đề tạo nguồn nguyên liệu tốt, phát triển rộng rãi các cơ sở công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu. Đã nêu cụ thể một số ngành và sản phẩm chủ yếu. Về công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, đã nhấn mạnh đến các vấn đề thuỷ lợi hoá, áp dụng công nghệ tiến bộ, nhất là công nghệ sinh học, cơ giới hoá, điện khí hoá; phát triển mạnh công, thương nghiệp, dịch vụ, du lịch... ngay tại nông thôn; tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng...

Một số đồng chí đặt vấn đề nên tiếp tục coi nông nghiệp

là mặt trận hàng đầu. Đại hội VII và Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ đã thảo luận nhiều về vấn đề này và đã đi đến kết luận cần tiếp tục coi trọng phát triển nông nghiệp, xem đó là *nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội*. Đồng thời cũng khẳng định muốn phát triển kinh tế nhanh, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh thì phải phát triển công nghiệp, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bản thân nông nghiệp muốn phát triển mạnh hơn nữa cũng phải dựa vào công nghiệp, từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tất nhiên trong quá trình này phải luôn luôn chú ý quan hệ cân đối hợp lý, tác động qua lại, hỗ trợ lẫn nhau giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, công nhân và nông dân. Về điểm này bài nói của đồng chí Tổng Bí thư đã khẳng định rõ.

- Hai là đã khẳng định: *Phát triển mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*. Báo cáo đã tập trung trình bày về một số ngành như hàng dệt, da, may mặc, hàng kim khí tiêu dùng, đồ điện dân dụng, đồ dùng trong nhà, phương tiện đi lại, thuốc chữa bệnh, giấy, dụng cụ học tập, đồ dùng văn phòng, văn hoá phẩm, đồ chơi trẻ em, hàng thủ công mỹ nghệ... để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân và tăng nhanh xuất khẩu. Nhấn mạnh vấn đề đổi mới công nghệ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Ba là chủ trương: *Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại khác*. Trong nền kinh tế thị trường, dịch vụ là một khu vực lớn, có khả năng tạo ra nhiều và tăng nhanh nguồn GDP, trong đó có một phần quan trọng là ngoại tệ,

đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của sản xuất công - nông nghiệp, đời sống nhân dân và các hoạt động khác trong xã hội. Đặc biệt là các ngành du lịch, thương mại, thông tin, viễn thông, tài chính, ngân hàng, tư vấn, bảo hiểm, dịch vụ kỹ thuật, v.v. là những loại hình dịch vụ sẽ có vai trò ngày càng quan trọng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta, tạo ra cơ cấu kinh tế mới có hiệu quả cao.

- Bốn là nhấn mạnh sự cần thiết phải: *cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng vật chất ở những khâu ách tắc nhất, đang cản trở sự phát triển.* Tình trạng yếu kém của kết cấu hạ tầng đòi hỏi phải tập trung sức giải quyết để cải thiện sớm thì mới tạo điều kiện cho mở rộng đầu tư phát triển, nhất là việc thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Tuy nhiên vì nhu cầu rất lớn mà vốn lại có hạn nên Báo cáo cũng chỉ nhấn mạnh đến việc cải tạo, mở rộng, nâng cấp là chính; việc xây dựng mới chỉ có mức độ và phải tập trung vào những khâu ách tắc nhất đang cản trở sự phát triển. Nhiều nhu cầu khác phải giải quyết dần dần, phù hợp với khả năng nguồn vốn.

- Năm là nêu rõ việc *xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường để phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao.* Trong Báo cáo đề cập đến một số ngành như cơ khí và điện tử, tin học, dầu khí, than, xi măng, thép, phân bón, hoá chất; một số lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, trong đó đã có sự cân nhắc nhiều về phương hướng và mức độ cụ thể cho giai đoạn hiện nay. Những sự lựa chọn đó xuất phát từ nhu cầu của nền kinh tế, đồng thời cũng dựa vào khả năng thực tế về nguồn

tài nguyên trong nước, nguồn vốn có thể huy động trong nước và tranh thủ bên ngoài.

Nhiều đồng chí nhấn mạnh đến tầm quan trọng của ngành cơ khí, đề nghị có biện pháp tích cực để phục hồi và phát triển cơ khí có hiệu quả. Đó là những ý kiến rất đáng lưu ý khi bổ sung nghị quyết cũng như trong chỉ đạo điều hành.

- Sáu là đề cao việc *phát triển sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài.*

Tuy có chọn lọc, nhưng do các công trình kết cấu hạ tầng và công nghiệp nặng thường đòi hỏi vốn lớn nên tỷ trọng trong tổng vốn đầu tư cho lĩnh vực này cao hơn các ngành, lĩnh vực khác. Điều này còn do phía cho vay hoặc đầu tư bên ngoài muốn dùng vốn của họ vào những công trình, dự án thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng hoặc công nghiệp nặng, tuy ta có cố gắng điều chỉnh nhưng không phải trường hợp nào cũng điều chỉnh được, trong khi ta lại cần tranh thủ vốn của họ. Mặt khác, có những công trình chưa thể làm ngay nhưng cần xây dựng gói đầu hoặc chuẩn bị để khởi công sau năm 2000 để bảo đảm sự tăng trưởng liên tục và có hiệu quả cho nền kinh tế.

Qua những điều trình bày ở trên, Bộ Chính trị thấy rằng Báo cáo không phải là quá thiên về công nghiệp nặng.

Về lựa chọn ngành mũi nhọn, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội mới xác định những ngành và lĩnh vực có *điều kiện và cần phải tăng trưởng mạnh* trong thập kỷ 90 để thúc đẩy và hỗ trợ các ngành khác, đó là: sản xuất lương thực, thực

phẩm; chế biến nông, lâm, thủy sản và hàng công nghiệp xuất khẩu; thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí và một số loại khoáng sản; điện, giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc. Báo cáo này cũng mới xác định phát triển ngành điện tử - tin học để đến thập kỷ tới trở thành một ngành mũi nhọn. Ý kiến của một số đồng chí đề nghị coi dầu khí, du lịch cũng là ngành mũi nhọn rất đáng được quan tâm xem xét, nhưng chưa được thảo luận kỹ để khẳng định ngay trong Nghị quyết này. Do đó vấn đề này đề nghị sẽ tiếp tục xem xét thêm.

Trong những tài liệu phụ lục để tham khảo kèm theo Báo cáo về phát triển công nghiệp và công nghệ trình Trung ương, có một số bản giải trình về phương hướng phát triển và dự kiến các công trình công nghiệp, kết thúc hạ tầng do các ngành chuẩn bị. Đây mới là những dự kiến và tính toán bước đầu, chưa được xử lý đầy đủ, chưa phải là kế hoạch chính thức; do đó còn có thể có những chỗ không hoàn toàn phù hợp với những định hướng chung. Sau khi có nghị quyết của Trung ương lần này, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Chính phủ xem xét kỹ các vấn đề và các công trình, dự án quan trọng của từng ngành, từng lĩnh vực để bảo đảm theo đúng định hướng, chủ trương của Trung ương.

Cũng xin nói thêm rằng mặc dù những định hướng chung đã được xác định và nhất trí cao, nhưng trong việc bố trí các dự án và công trình cụ thể thì nhiều đồng chí ở các ngành, các địa phương có ý kiến muốn làm thêm công trình này, công trình kia, kể cả các công trình công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng liên quan đến ngành và địa phương mình. Nếu chấp nhận tất cả những yêu cầu đó thì việc bố trí

cơ cấu và lựa chọn ưu tiên trong phát triển công nghiệp và nền kinh tế sẽ không bảo đảm được định hướng đã xác định. Đây thật sự là một vấn đề "gai góc" mà lâu nay chúng ta vẫn thường gặp phải và giải quyết chưa thật tốt. Tình hình đó đòi hỏi phải có sự kiên quyết hơn nữa trong chỉ đạo để thực hiện các nghị quyết của Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và của Trung ương.

Về chủ trương phát triển công nghiệp trên các vùng và lựa chọn vùng trọng điểm:

Một số đồng chí có ý kiến không nên nhấn mạnh quá một số vùng trọng điểm, cần coi trọng cả ba miền Bắc - Trung - Nam, cả miền núi, vùng đồng bằng và vùng biển; miền Trung chưa được coi trọng và phần nói về vùng biển, miền núi trong Báo cáo chưa ngang tầm. Cũng có ý kiến không thấy trong Báo cáo đề cập đến ba địa bàn kinh tế trọng điểm như trong Chiến lược đến năm 2000 đã xác định.

Về vấn đề này, Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ đã xác định: *"Khai thác thế mạnh của cả nước, của mỗi vùng, mỗi ngành; tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm có điều kiện sớm đưa lại hiệu quả cao. Đồng thời quan tâm đáp ứng những nhu cầu và điều kiện phát triển thiết yếu của mọi vùng trong nước, có chính sách hỗ trợ đối với những nơi khó khăn, đẩy mạnh hợp tác phát triển, bảo đảm cho các vùng và các thành phần dân cư đều có lợi ích và đều được hưởng thành quả của sự tăng trưởng".* Nội dung Báo cáo đã thể hiện đúng quan điểm chỉ đạo này.

Tình hình vừa qua và hiện nay là các công ty nước ngoài thường quan tâm đầu tư vào địa bàn trọng điểm phía nam và

một phần vào địa bàn phía bắc là một thực tế xuất phát từ lợi ích và ý đồ của họ. Chúng ta sẽ cố gắng thu hút đầu tư của họ vào các vùng khác nữa bằng các chính sách khuyến khích cần thiết.

Về định hướng và chủ trương cho vùng biển và miền núi, Báo cáo cũng đã nêu khá đầy đủ. Ngoài những vấn đề đã được nêu chi tiết ở các phần khác, đối với vùng biển đã chú trọng đến khai thác và chế biến dầu khí và dịch vụ dầu khí; đẩy mạnh nuôi trồng, đánh bắt và chế biến hải sản, vươn mạnh ra khơi xa; phát triển công nghiệp sửa chữa tàu; đóng tàu; vận tải biển và các dịch vụ hàng hải; phát triển mạnh du lịch; nâng cấp và mở rộng hệ thống cảng và kết cấu hạ tầng khác; xây dựng các khu chế xuất, khu công nghiệp và phát triển các đô thị ven biển, mở cửa giao lưu kinh tế với bên ngoài; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển và quốc phòng - an ninh... Đối với trung du, miền núi, đã nhấn mạnh đến việc phát huy thế mạnh của miền núi, trung du về lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả và dược liệu, chăn nuôi đại gia súc, tài nguyên khoáng sản. Xây dựng các vùng nguyên liệu và phát triển công nghiệp chế biến gỗ, các loại lâm sản khác và các nông sản như chè, cà phê, cao su, tơ tằm... Phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội miền núi; điều tra khoáng sản và khai thác các mỏ nhỏ; cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới kết cấu hạ tầng; coi trọng đào tạo nghề nghiệp và nâng cao dân trí, nâng cao sức khoẻ đồng bào dân tộc; thu hút lao động và cán bộ lên miền núi...

Đối với miền Trung, trong Báo cáo không nêu thành một phần riêng cũng như đối với miền Bắc và miền Nam, song

nhiều nội dung nêu trong các phần về vùng biển, về miền núi, trung du và đô thị cũng là nội dung về phát triển của miền Trung. Bộ Chính trị thấy rằng không có sự xem nhẹ đối với miền núi, Tây Nguyên, miền Trung trong nhận thức cũng như trong Báo cáo trình Trung ương và sẽ lãnh đạo chỉ đạo để trong thực tiễn điều hành có sự quan tâm thích đáng đối với các vùng đó.

Về ba địa bàn kinh tế trọng điểm đã được nêu trong Chiến lược đến năm 2000, Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến của các đồng chí và sẽ đưa thêm vào nghị quyết để khẳng định vị trí của các địa bàn trọng điểm đó trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

IV- VỀ THỊ TRƯỜNG

Có ý kiến đề nghị coi trọng thị trường trong nước, thị trường 70 triệu dân. Không nên học theo các "con rồng", các nước ít dân, lấy xuất khẩu là chính.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Báo cáo trình ra Hội nghị Trung ương quán triệt Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ, thực hiện chiến lược hướng về xuất khẩu là chính, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả, nhằm phân biệt với kiểu chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu mà chưa nước nào thành công. Theo đuổi chiến lược đó không có nghĩa là coi trọng thị trường ngoài nước hơn thị trường trong nước. Mỗi thị trường đều có vị trí nhất định.

Thị trường ngoài nước sở dĩ quan trọng là vì: thị trường trong nước của ta tuy có hơn 70 triệu dân, nhưng hiện nay

sức mua còn rất thấp: GDP bình quân đầu người năm 1993 chỉ khoảng 250 USD mà một phần lớn lại là sản phẩm tự sản tự tiêu. Mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ xã hội rất thấp, năm 1993 là 70.000 tỷ đồng, tức là chỉ hơn 6 tỷ USD, bình quân đầu người chưa tới 100 USD/năm, trong đó gần 70% lại tập trung cho nhu cầu ăn. Do đó, nếu chỉ hướng vào thị trường trong nước thì sản xuất sẽ không phát triển mạnh được, cả về khối lượng sản phẩm, cả về trình độ khoa học - công nghệ.

Nước ta có những lợi thế so sánh, nếu biết khai thác thì có thể tranh thủ được sức mua lớn trên thị trường thế giới để tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển sản xuất trong nước.

Mở rộng xuất khẩu là yêu cầu bức bách để tạo ra khả năng nhập vật tư, thiết bị, công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Theo tính toán ban đầu, tổng kim ngạch xuất khẩu từ năm 1994 đến năm 2000 phải đạt 45 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm khoảng 20%.

Xuất khẩu càng phát triển thì khả năng thu hút đầu tư nước ngoài càng lớn. Vì các nhà đầu tư nước ngoài thường nhìn vào tình hình xuất khẩu để đánh giá khả năng thanh toán của một nước.

Với trình độ sản xuất được nâng cao để làm hàng xuất khẩu bảo đảm các tiêu chuẩn trên thị trường quốc tế, hàng hoá sản xuất để bán trong nước sẽ phong phú thêm về chủng loại, chất lượng tốt hơn, giá thành hạ hơn, phục vụ tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, cạnh tranh có hiệu quả hơn với hàng ngoại để giành lại thị trường cho hàng nội.

Xuất khẩu phát triển sẽ tạo thêm công ăn việc làm cho

nhân dân trong nước, không những trong những ngành trực tiếp làm ra hàng xuất khẩu mà cả trong những ngành phụ trợ hoặc có liên quan như bao bì, kho tàng, bảo quản, vận tải, cảng và dịch vụ cảng, dịch vụ hàng hải, hàng không, dịch vụ phục vụ khách quốc tế vào giao dịch thương mại, thông tin bưu điện... Thu nhập của người lao động tăng lên, nhờ đó mà tăng sức mua, mở rộng thị trường trong nước cho sản xuất phát triển.

Tuy nhiên không phải tất cả sản phẩm làm ra đều có thể xuất khẩu, đều tiêu thụ trên thị trường ngoài nước. Những nước có năng lực xuất khẩu mạnh nhất thì phần sản phẩm xuất khẩu nói chung đều không quá 20-30% tổng sản phẩm xã hội. Phần lớn sản phẩm làm ra được tiêu thụ trong nước. Vì vậy thị trường trong nước cực kỳ quan trọng. Xuất khẩu quy đến cùng cũng là để phát triển sản xuất trong nước, để nâng cao mức sống của nhân dân, mở rộng thị trường trong nước. Báo cáo đã nêu rõ một số biện pháp nhằm ra sức phát triển và lành mạnh hoá thị trường trong nước. Bộ Chính trị thấy những ý kiến nhấn mạnh vai trò của thị trường trong nước mà một số đồng chí Trung ương nêu lên là đúng và sẽ tiếp thu trong việc bổ sung, hoàn chỉnh nghị quyết.

V. VỀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trong quá trình thảo luận ở các tổ và ở hội trường, tuy còn có những chỗ khác nhau, nhưng nhìn chung các đồng chí Trung ương nhất trí với những quan điểm chính về phát

triển khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá sau đây:

- Coi khoa học và công nghệ là nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Khoa học và công nghệ có vai trò quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển của mỗi quốc gia. Từ nay đến năm 2000 chúng ta phải đẩy nhanh quá trình đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ ở các ngành sản xuất và dịch vụ, nhằm tạo được bước tiến bộ rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Mạnh dạn áp dụng các công nghệ tiên tiến có chọn lọc như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới để hiện đại hoá nhanh một số ngành sản xuất, dịch vụ và hình thành một số ngành công nghiệp mới có nhiều triển vọng.

- Gắn các chương trình phát triển khoa học - công nghệ với các chương trình kinh tế - xã hội. Có các chính sách kinh tế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho khoa học - công nghệ và khuyến khích những người làm công tác khoa học - công nghệ gắn bó với các cơ sở sản xuất, thực hiện thông suốt quá trình từ nghiên cứu triển khai đến sản xuất kinh doanh. Cần phải tạo lập thị trường cho khoa học và công nghệ để sản phẩm của hoạt động khoa học - công nghệ được trả giá đúng mức và lưu thông như một dạng hàng hoá đặc biệt.

- Để phát triển nguồn nhân lực cho khoa học và công nghệ cần phải có các chính sách trọng dụng các nhân tài khoa học - công nghệ, trả công xứng đáng với kết quả lao động sáng tạo của họ; mau chóng trẻ hoá đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ, bồi dưỡng và tận dụng đội ngũ hiện có, gấp rút đào tạo các cán bộ đầu đàn trong các lĩnh vực khoa học công nghệ then chốt.

Bên cạnh những điểm nhất trí đó còn có một số đồng chí Trung ương phân vân ở mấy điểm sau:

- Chủ trương ưu tiên nhập công nghệ từ nước ngoài vào có hợp lý không?
- Nên ưu tiên nghiên cứu khoa học cơ bản hay nghiên cứu ứng dụng?
- Giải quyết vấn đề vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ thế nào?

Về những vấn đề này Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về nhập công nghệ

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2000 nhấn mạnh việc nhập công nghệ tiên tiến thích hợp từ nước ngoài vào để đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ ở các ngành sản xuất và dịch vụ là hợp lý. Đó là việc cần thiết phải làm và có thể làm được. Hiện nay có những công nghệ ta đang cần nhưng không đủ sức làm, hoặc nếu có làm được cũng rất tốn kém và mất rất nhiều thời gian. Muốn đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì phải nhanh chóng tận dụng các thành quả khoa học và công nghệ của nhân loại, nhập công nghệ tiên tiến, nắm vững những công nghệ đó, đồng thời có cải tiến và sáng tạo thêm những khâu cần thiết và có điều kiện.

2. Về vấn đề ưu tiên nghiên cứu ứng dụng

Như đã được khẳng định ở các Nghị quyết Đại hội VI, VII và các nghị quyết có liên quan của Bộ Chính trị, đối với các nước đang phát triển như nước ta, nghiên cứu ứng dụng cần phải được ưu tiên phát triển để mau chóng đưa các thành quả của khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống. Coi

đó là hướng chính. Mặt khác cũng cần quan tâm đến nghiên cứu cơ bản, nhằm xây dựng tiềm năng khoa học công nghệ lâu dài, phát huy năng lực triển khai ứng dụng các công nghệ mới và theo kịp trình độ phát triển khoa học và công nghệ thế giới. Riêng đối với một số ngành khoa học xã hội và nhân văn thì cần chú trọng thích đáng đến các nghiên cứu cơ bản.

3. Về vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ

Ở đây có hai vấn đề. Một mặt là việc phân bổ, sử dụng vốn đầu tư cho khoa học - công nghệ còn nặng tính tập trung, bao cấp, kém hiệu quả, thậm chí lãng phí. Mặt khác, mức đầu tư nói chung còn thấp xa so với mức tối thiểu cần thiết. Mặc dù trong nhiều Nghị quyết đã ghi rõ mức đầu tư cho sự nghiệp khoa học là 2% chi ngân sách, nhưng lâu nay chưa bao giờ đạt quá 1%. Vì vậy sự lo lắng của các đồng chí Trung ương là có cơ sở. Tuy nhiên, như trong dự thảo Nghị quyết đã trình bày, ngày nay phát triển khoa học và công nghệ phải được coi là công việc của toàn xã hội, của mọi thành phần kinh tế. Phải khắc phục tình trạng hiện nay là coi tất cả các hoạt động khoa học công nghệ đều là của Nhà nước và chỉ trông chờ vào sự đầu tư của Nhà nước. Do đó cần đa dạng hoá các nguồn vốn cho phát triển khoa học và công nghệ. Nhà nước đầu tư một phần thích đáng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho khoa học và công nghệ, phát triển một số công nghệ then chốt và tiến hành các nghiên cứu cơ bản. Còn phần lớn là phải do các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn của Nhà nước đầu tư để giải quyết các yêu cầu đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của chính mình. Có như vậy mới đáp ứng được tốt hơn nhu cầu vốn để phát triển

nhanh khoa học và công nghệ ở nước ta, sớm theo kịp yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trên đây là một số ý kiến của Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến của Trung ương vào dự thảo Nghị quyết và giải trình thêm một số vấn đề mà Trung ương quan tâm.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VII

Số 07-NQ/HNTW, ngày 30 tháng 7 năm 1994

Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000
theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá
đất nước và xây dựng giai cấp công nhân
trong giai đoạn mới

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Đó là một quá trình lâu dài. Để kịp thời triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương tập trung bàn định chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân, nhằm đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

I- TÌNH HÌNH CÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHỆ VÀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Mấy chục năm qua, công cuộc phát triển *công nghiệp và công nghệ* ở nước ta đã đạt *những thành tựu quan trọng*, tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sản phẩm công nghiệp đã đáp ứng được nhiều nhu cầu của sản xuất, đời sống và xuất khẩu. Một số công trình lớn được xây dựng; một số ngành và khu công nghiệp đã hình thành. mấy năm gần đây, công nghiệp nước ta có bước đổi mới và phát triển, góp phần tạo nhịp độ tăng trưởng kinh tế tương đối khá. Đã đào tạo được một đội ngũ đáng kể cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề. Công tác nghiên cứu, triển khai khoa học và công nghệ có tiến bộ.

Tuy nhiên, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công nghệ nước ta *còn yếu kém*. Đến năm 1993, tỷ trọng công nghiệp mới chiếm khoảng 20% tổng sản phẩm trong nước và 11% lực lượng lao động. Công nghiệp chế tạo và chế biến chiếm tỷ trọng nhỏ. Khả năng công nghiệp trang bị cho nền kinh tế quốc dân chưa đáng kể. Kết cấu hạ tầng kém phát triển. Trình độ công nghệ lạc hậu. Năng suất lao động thấp, chi phí sản xuất kinh doanh cao, chất lượng sản phẩm kém. Môi trường ngày càng bị ô nhiễm. Điều kiện tài chính và phương tiện vật chất cho phát triển khoa học và công nghệ thiếu thốn; năng lực nghiên cứu - triển khai, đánh giá, lựa chọn công nghệ còn nhiều hạn chế. Trình độ văn hoá, kỹ năng nghề nghiệp của lực lượng lao động còn thấp.

Nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả.

Công nghiệp tư nhân và hợp tác xã phát triển chưa đáng kể, chưa được hỗ trợ thích đáng; người có vốn chưa thực sự yên tâm đầu tư vào sản xuất.

Cơ chế, chính sách quản lý vĩ mô nền kinh tế đổi mới chưa đồng bộ, chưa tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển công nghiệp và công nghệ. Hệ thống luật pháp, nhất là Luật Kinh tế chưa đủ và thực hiện chưa nghiêm; hệ thống tài chính, ngân hàng còn bất cập; quản lý xuất, nhập khẩu có nhiều sơ hở, thủ tục hành chính phiền hà...

Giai cấp công nhân Việt Nam thông qua Đảng tiên phong của mình đã lãnh đạo cách mạng nước ta trong hơn nửa thế kỷ qua, ngày nay lại đang đi đầu trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nhưng trong quá trình chuyển sang cơ chế mới, đã có nhiều biểu hiện coi nhẹ vị trí, vai trò của giai cấp công nhân. Các chủ trương, chính sách xây dựng giai cấp công nhân chậm được đổi mới. Chưa chú trọng bồi dưỡng ý thức giai cấp, trình độ kiến thức và tay nghề, lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp... cho công nhân. Chưa làm tốt việc chăm lo lợi ích, tạo ra động lực trực tiếp kích thích công nhân lao động sáng tạo. Nhiều chính sách xã hội đối với giai cấp công nhân không còn thích hợp. Việc nghiên cứu về giai cấp công nhân chưa được coi trọng.

Một bộ phận công nhân chưa nhận thức được vai trò và nhiệm vụ của giai cấp mình, thiếu tính tiên phong cách mạng. Không ít cán bộ, đảng viên thoái hoá, quan liêu, tham nhũng, xa hoa, lãng phí, xa rời bản chất giai cấp công nhân.

Công đoàn chưa phát huy tốt vai trò của một tổ chức

chính trị xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân; phương thức hoạt động còn lúng túng.

II- CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2000

1. Thuận lợi và khó khăn

Nước ta đang có những thuận lợi và thời cơ lớn:

Tình hình chính trị - xã hội ổn định. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đang hình thành và phát triển. Nguồn lực vật chất được tăng cường, xuất khẩu tăng khá, nền kinh tế bắt đầu có tích lũy. Trình độ dân trí được nâng lên. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có thêm kinh nghiệm.

Xu hướng quốc tế hoá kinh tế tăng lên, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ diễn ra sôi động. Kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển nhanh. Quan hệ quốc tế của nước ta ngày càng mở rộng.

Nước ta có những lợi thế quan trọng để phát triển:

Chế độ chính trị ưu việt. Vị trí địa - kinh tế thuận lợi. Nguồn nhân lực dồi dào, giá nhân công tương đối rẻ. Tài nguyên đa dạng. Nhân dân ta có nhiều khả năng học hỏi kinh nghiệm và tiếp thu công nghệ tiên tiến của thế giới.

Chúng ta cũng đứng trước *nhiều khó khăn, thách thức gay gắt:*

Nền kinh tế kém phát triển. Lạm phát chưa được kiềm chế vững chắc; nguồn vốn còn hạn chế; phải đương đầu với cuộc cạnh tranh quyết liệt về kinh tế và thương mại. Tình

hình quốc phòng - an ninh còn phức tạp. Công tác giáo dục và đào tạo, nghiên cứu và triển khai chưa theo kịp yêu cầu. Đội ngũ cán bộ còn yếu, bố trí, sử dụng chưa hợp lý. Bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể công kênh, kém hiệu lực. Tình trạng lãng phí, quan liêu, tham nhũng nghiêm trọng.

Chúng ta phải ra sức tranh thủ thời cơ, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách để đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Mục tiêu và quan điểm

a) Mục tiêu

Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến năm 2000, việc đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải nhằm đạt và vượt các mục tiêu đã xác định trong Chiến lược kinh tế - xã hội 1991-2000: ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI. Phấn đấu tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) từ 2 đến 2,5 lần so với năm 1990, trong đó công nghiệp tăng bình quân hằng năm 13 - 15%, đưa tỷ trọng công nghiệp trong GDP lên khoảng 30% vào năm 2000.

b) Quan điểm

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ với nước ngoài, kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh. Xây dựng nền kinh tế mở, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo; được vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần kiệm xây dựng đất nước. Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

- Khoa học, công nghệ là nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư vào công nghệ. Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có. Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, thu hồi vốn nhanh; đồng thời xây dựng một số công trình quy mô lớn thật cần thiết và có hiệu quả. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm; đồng thời quan tâm đáp ứng những nhu cầu

phát triển thiết yếu của mọi vùng trong nước; có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn.

3. Chủ trương phát triển công nghiệp

Căn cứ vào định hướng chung về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến cuối thập kỷ mà Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã xác định, hướng bố trí cụ thể như sau:

a) *Các ngành công nghiệp và kết cấu hạ tầng*

Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản:

Nông nghiệp (bao gồm nông, lâm, ngư nghiệp) phải quy vùng tập trung chuyên canh, đưa công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học vào sản xuất, tạo ra nguồn nguyên liệu lớn, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp chế biến hiện đại. Hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng hoá chất có độc tố, tiến tới một nền nông nghiệp "sạch", phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Coi trọng đầu tư công nghệ trong khâu bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển cơ sở chế biến gắn với vùng nguyên liệu. Nâng cao chất lượng dinh dưỡng, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, đa dạng hoá mặt hàng thực phẩm.

Chú ý một số trọng điểm sau đây:

- Phát triển trồng và chế biến lúa gạo có chất lượng ngày càng tốt hơn cho tiêu dùng trong nước, đạt giá trị và hiệu quả xuất khẩu cao.

- Chế biến thịt, sữa, cá, tôm, dầu ăn và rau quả; phát triển mạnh công nghiệp chế biến đường đi đôi với mở rộng trồng mía để tự đáp ứng đủ nhu cầu về đường.

- Mở rộng sản xuất nước giải khát các loại, nhất là nước

quả; hạn chế sản xuất rượu có độ cồn cao. Phát triển có mức độ sản xuất thuốc lá, tăng mức tự cung ứng nguyên liệu.

- Tăng nhanh năng lực và nâng cao trình độ công nghệ chế biến đến sản phẩm cuối cùng: cao su, tơ tằm, chè, cà phê, gỗ và các loại nông, lâm, thuỷ sản xuất khẩu, giảm xuất khẩu nguyên liệu thô hoặc sơ chế.

Công nghiệp hàng tiêu dùng:

Phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng thông dụng, mở rộng sản xuất hàng lâu bền, cao cấp. Đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá mặt hàng, cải tiến bao bì và giảm giá thành.

Phát triển mạnh sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm may mặc, dệt, da, hàng điện tử, đồ điện gia dụng, hàng thủ công, mỹ nghệ... Chuyển nhanh từ gia công sang tự sản xuất để xuất khẩu.

Công nghiệp cơ khí và điện tử - tin học:

Chấn chỉnh và phát triển ngành cơ khí, tận dụng năng lực hiện có, tranh thủ công nghệ hiện đại, tạo thêm năng lực sản xuất mới cần thiết. Mở rộng hợp tác, liên doanh với nước ngoài, đi từ lắp ráp, sản xuất phụ tùng tiến tới sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

Tập trung thực hiện chương trình cơ khí trang bị cho nông, lâm, ngư nghiệp, sản xuất thiết bị chế biến nông, lâm, thuỷ sản, làm hàng tiêu dùng. Sản xuất thiết bị, phương tiện xây dựng, khai khoáng, giao thông vận tải. Phát triển mạnh đóng tàu sông biển. Lắp ráp, sản xuất phụ tùng, hướng dần tới sản xuất xe máy, ô tô... Phát triển mạng lưới cơ khí sửa chữa. Chuẩn bị xây dựng một số nhà máy cơ khí chế tạo mới.

Phát triển ngành điện tử - tin học để đến thập kỷ tới trở

thành một ngành mũi nhọn; thực hiện chương trình quốc gia về công nghệ thông tin, đưa nhanh điện tử - tin học vào sản xuất, dịch vụ, quản lý, đời sống và an ninh, quốc phòng.

Các ngành công nghiệp sản xuất nguyên, nhiên, vật liệu:

Đẩy mạnh việc tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu, khí, tăng nhanh sản lượng dầu, khí, xây dựng nhà máy lọc dầu, đường ống dẫn khí và công nghiệp sử dụng khí thiên nhiên. Phát triển ngành công nghiệp dầu khí và hình thành dần công nghiệp hoá dầu Việt Nam.

Chấn chỉnh và phát triển ngành than đáp ứng đủ nhu cầu; bảo vệ tài nguyên và môi trường khu mỏ. Tăng chế biến than cho tiêu dùng.

Mở rộng sản xuất thép chủ yếu là thép xây dựng và một phần thép chế tạo. Cải tạo, mở rộng, đổi mới thiết bị và công nghệ các cơ sở sản xuất thép hiện có. Xây dựng một số công trình cán và luyện thép mới quy mô nhỏ và vừa. Nghiên cứu và chuẩn bị xây dựng nhà máy luyện thép lớn. Phát triển sản xuất một số kim loại màu với quy mô và công nghệ thích hợp.

Phát triển sản xuất xi măng đáp ứng nhu cầu trong nước, tiến tới có xuất khẩu. Tăng sản xuất các loại vật liệu xây dựng khác, chú ý vật liệu trang trí nội thất, vật liệu cao cấp.

Phát triển sản xuất các loại vật liệu mới (gốm kỹ thuật, vật liệu tổ hợp composit...) để thay thế một phần các loại vật liệu truyền thống kém hiệu quả.

Đẩy mạnh sản xuất phân bón; đáp ứng đủ nhu cầu phân lân; tăng năng lực sản xuất phân đạm; mở rộng sản xuất phân hỗn hợp. Coi trọng các loại phân vi sinh, vi lượng, thuốc trừ sâu bệnh ít gây độc hại.

Tăng sản xuất hoá chất cơ bản.

Đẩy mạnh thăm dò, khai thác, chế biến các nguồn tài nguyên khoáng sản có giá trị kinh tế khác.

Du lịch - dịch vụ:

Phát triển mạnh du lịch, hình thành ngành công nghiệp du lịch có quy mô ngày càng tương xứng với tiềm năng du lịch to lớn của nước ta.

Phát triển và hiện đại hoá từng bước các loại dịch vụ thông tin, kỹ thuật, thương mại, tài chính, ngân hàng, vận tải, bảo hiểm tư vấn pháp lý, phục vụ sinh hoạt..., góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả.

Tổ chức lại và mở mang hệ thống chợ ở thành thị và nông thôn. Xây dựng một số siêu thị tại các thành phố lớn.

Công nghiệp quốc phòng:

Đầu tư thoả đáng cho công nghiệp quốc phòng trong từng bước phát triển công nghiệp và công nghệ, góp phần trang bị và hiện đại hoá dần các binh chủng, quân chủng. Trước mắt sản xuất được một số vũ khí và trang bị thông thường; từng bước đóng được tàu quân sự cho hải quân, bộ đội biên phòng.

Có chính sách và cơ chế phù hợp để áp dụng kịp thời những thành tựu khoa học và công nghệ vào công nghiệp quốc phòng. Đầu tư công nghệ mới để nâng cao năng lực bảo quản, sửa chữa và cải tiến, hiện đại hoá những trang bị hiện có. Ứng dụng tin học và tự động hoá vào công tác chỉ huy và tham mưu tác chiến.

Phát triển công nghiệp dân dụng phải quan tâm đáp ứng các yêu cầu của quốc phòng và công nghiệp quốc phòng. Chọn lọc và tạo điều kiện cho một số xí nghiệp công nghiệp dân dụng kết hợp sản xuất phục vụ quân sự khi cần thiết. Tận

dụng năng lực của công nghiệp quốc phòng để sản xuất các mặt hàng dân dụng.

Kết cấu hạ tầng:

Cải tạo, hiện đại hoá, huy động tối đa công suất các nhà máy điện hiện có; hoàn thành xây dựng và xây dựng gổì đầu một số nhà máy mới. Hoàn chỉnh mạng lưới điện quốc gia; cải tạo và tiêu chuẩn hoá từng bước lưới điện trung, hạ thế, thực hiện các biện pháp đồng bộ để giảm tổn thất điện. Nghiên cứu xây dựng nhà máy điện nguyên tử trong quy hoạch dài hạn. Tích cực sử dụng năng lượng mặt trời, gió, khí sinh vật...

Nâng cấp dần hệ thống đường bộ hiện có, đặc biệt là một số trục đường quan trọng nối liền miền Bắc với miền Nam, nối các trung tâm kinh tế lớn. Xây dựng thêm một số tuyến đường mới. Nâng cấp các tuyến đường trục đến các vùng miền núi, đường bộ từ tỉnh đến huyện, xã; mở thêm đường xuống xã. Cải tạo đường và mở rộng vận tải công cộng tại các đô thị và khu công nghiệp lớn. Mở rộng, hiện đại hoá từng bước các cảng biển và sân bay lớn; nâng cấp một số cảng biển nhỏ và sân bay địa phương. Giành đủ thương quyền vận tải biển và hàng không quốc tế. củng cố một số tuyến đường sắt, khôi phục, nâng cấp và mở thêm một số đoạn, khai thác các tuyến liên vận quốc tế. Phát triển vận tải đường sông, chủ yếu ở hai vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long.

Phát triển thông tin liên lạc hiện đại. Cải tạo và phát triển mạng điện thoại trong các thành phố. Đưa liên lạc điện thoại thông suốt đến hầu hết các xã, các cửa khẩu.

Quy hoạch sử dụng tổng hợp các nguồn nước, bảo đảm đủ nước cho công nghiệp và đời sống. Chống ô nhiễm các nguồn

nước. Xử lý tốt chất thải, nước thải, cải thiện hệ thống thoát nước cho các đô thị, khu công nghiệp.

Tăng vốn đầu tư bằng nhiều nguồn cho nâng cấp, xây dựng và hiện đại hoá từng bước kết cấu hạ tầng văn hoá - xã hội như trường học, bệnh viện, truyền thanh, truyền hình, văn hoá, thể dục, thể thao... Tăng phương tiện và cơ sở vật chất cho việc thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình và giải quyết một số vấn đề xã hội quan trọng khác. Xây dựng một số trung tâm đại học, khoa học - công nghệ, y tế, thể dục, thể thao quốc gia.

b) Các vùng và địa bàn quan trọng

Công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn:

Phát triển thuỷ lợi, đáp ứng về cơ bản nhu cầu tưới tiêu.

Đưa các công nghệ tiến bộ, đặc biệt là công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp, trước hết là ở khâu giống. Thực hiện cơ giới hoá từng phần công việc. Mở rộng điện khí hoá ở các vùng có lưới điện và xây dựng các trạm thủy điện nhỏ, điện chạy dầu ở nơi chưa có lưới điện.

Phát triển chế biến nông, lâm, thủy sản và các công nghiệp khác; hình thành các cụm công nghiệp, dịch vụ ở các thị xã, thị trấn, thị tứ. Phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống của từng vùng, mở thêm những ngành nghề mới; áp dụng công nghệ tiên tiến.

Coi trọng việc giải quyết nước sạch, phát triển giao thông nông thôn, lưới điện, trường học, trạm y tế, bưu điện, truyền thanh, truyền hình, nhà văn hoá..., các loại dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, dần dần tạo bộ mặt nông thôn mới khang trang, sạch đẹp, văn minh.

Phát triển đô thị:

Đầu tư phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và kết cấu hạ tầng, giải quyết việc làm, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân để các đô thị làm hạt nhân thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong vùng và trên cả nước.

Khẩn trương hoàn chỉnh quy hoạch hệ thống đô thị; quản lý đất đai, cải tạo và xây dựng đô thị theo quy hoạch và tiêu chuẩn. Ban hành đồng bộ các chính sách và quy chế quản lý đô thị. Kiện toàn bộ máy quản lý xây dựng đô thị. Tập trung giải quyết các yêu cầu cấp bách về cấp, thoát nước, cấp điện, giao thông, vệ sinh môi trường, thanh toán nhà ở chuột.

Cải tạo, mở rộng, nâng cấp đô thị hiện có. Xây dựng Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ thành những trung tâm lớn song tránh sự tập trung quá đông dân cư. Nâng cấp một số đô thị loại vừa, trước hết là các đô thị nằm trên các trục giao thông chính, ở các cửa khẩu, các địa bàn kinh tế trọng điểm. Phát triển mạng đô thị nhỏ (thị trấn, thị tứ) làm chức năng trung tâm kinh tế - xã hội của huyện hoặc làm vệ tinh cho các đô thị lớn và vừa.

Để phát triển các đô thị, ngoài phần vốn quan trọng do ngân sách nhà nước cấp, cần sớm ban hành các chính sách cho các đô thị như: chuyển các dịch vụ đô thị sang hạch toán kinh doanh, thu tiền sử dụng đất, thuế nhà đất, lệ phí của các doanh nghiệp... Khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước, các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, dịch vụ công cộng và phát triển nhà ở theo đúng quy hoạch và chính sách kiến trúc. Các đô thị được quyền trực tiếp hợp tác với nước ngoài đầu tư

khai thác cơ sở hạ tầng và dịch vụ công cộng theo quy định của Nhà nước.

Phát triển công nghiệp trung du, miền núi và Tây Nguyên:

Phát triển công nghiệp trên địa bàn nhằm phát huy các thế mạnh của miền núi, trung du và Tây Nguyên về lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả và dược liệu, chăn nuôi đại gia súc và khoáng sản.

Công nghiệp hoá nông - lâm nghiệp. Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung chuyên canh, áp dụng công nghệ sinh học cho năng suất, chất lượng cao và khối lượng sản phẩm lớn.

Phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

Đối với công nghiệp khai khoáng, tiếp tục điều tra tài nguyên khoáng sản; trước mắt chủ yếu khai thác một số mỏ nhỏ và vừa, phục vụ nhu cầu địa phương và khu vực nhưng phải có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước; bảo đảm đúng quy trình, quy phạm để tận dụng nguồn tài nguyên, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời quy hoạch và chuẩn bị một số dự án khai thác lớn cho những năm sau.

Trong việc phát triển kinh tế nhiều thành phần ở trung du, miền núi và Tây Nguyên, kinh tế nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng. Cần xây dựng những doanh nghiệp nhà nước làm tốt vai trò của các trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, cung cấp dịch vụ về giống, vật tư, công nghệ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm... cho nông dân trong vùng, giúp đồng bào các dân tộc phát triển kinh tế và xây dựng đời sống văn hoá.

Kết hợp khả năng của Nhà nước và nhân dân, Trung ương và địa phương để cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới kết cấu hạ tầng cần thiết, trước hết là ở các vùng sản xuất tập trung.

Coi trọng đào tạo nghề nghiệp, nâng cao dân trí và sức khoẻ của đồng bào các dân tộc để xây dựng nguồn nhân lực tại chỗ; đồng thời có chính sách thu hút lao động từ đồng bằng và các thành thị, kể cả cán bộ khoa học - kỹ thuật, quản lý và công nhân lành nghề, lên xây dựng miền núi, Tây Nguyên.

Phát triển công nghiệp miền biển:

Đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò khảo sát các nguồn tài nguyên biển; từng bước nghiên cứu và khai thác toàn diện các tiềm năng to lớn của kinh tế biển.

Phát triển mạnh công nghiệp dầu khí và dịch vụ dầu khí; khai thác và chế biến một số khoáng sản khác như imênhit, cát thủy tinh, muối công nghiệp...; đẩy mạnh nuôi trồng, đánh bắt và chế biến hải sản, vươn mạnh ra khơi xa; phát triển mạnh công nghiệp sửa chữa tàu, đóng tàu, vận tải biển và các dịch vụ hàng hải; phát triển mạnh du lịch. Nâng cấp và mở rộng hệ thống cảng và các kết cấu hạ tầng khác. Xây dựng các khu công nghiệp, thương mại, du lịch và một số đô thị ven biển, mở cửa giao lưu kinh tế với bên ngoài.

Tổ chức, tạo điều kiện cho nhân dân ra các hải đảo sinh cơ lập nghiệp. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển với quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải, thêm lục địa và các vùng đặc quyền kinh tế trên biển.

Trong khi coi trọng phát triển tất cả các vùng, cần tập trung thích đáng nguồn lực cho các địa bàn kinh tế trọng điểm để làm hạt nhân liên kết và thúc đẩy các vùng khác cùng phát triển. Đó là: khu vực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng

Ninh ở phía Bắc; thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hoà - Vũng Tàu ở phía Nam; Đà Nẵng - Huế - Nha Trang ở miền Trung.

4. Chủ trương phát triển khoa học - công nghệ

Nhiệm vụ phát triển khoa học - công nghệ từ nay đến năm 2000 là:

- Cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định, các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư.
- Đẩy nhanh quá trình đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế một cách có trọng điểm.
- Xây dựng và phát triển năng lực khoa học - công nghệ để làm chủ công nghệ nhập và sáng tạo công nghệ mới; chuẩn bị cho sự phát triển của đất nước vào đầu thập kỷ tới.

Các chủ trương cụ thể là:

Thực hiện cơ cấu công nghệ kết hợp nhiều trình độ, các giải pháp về công nghệ đều phải lấy hiệu quả kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái làm tiêu chuẩn cao nhất. Hướng chính để đổi mới nhanh công nghệ là nhập công nghệ tiên tiến và hiện đại, đồng thời khuyến khích cải tiến và sáng tạo công nghệ mới. Trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, cần chú ý yếu tố chuyển giao công nghệ.

Chú trọng các công nghệ đòi hỏi suất đầu tư thấp, thu hồi vốn nhanh, có khả năng tạo thêm nhiều chỗ làm việc trực tiếp và gián tiếp. Tranh thủ đổi mới thiết bị, hiện đại hoá công nghệ trước hết ở một số khâu có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là hàng xuất khẩu; ở một số ngành có tác động trực tiếp tới việc nâng cao trình độ công nghệ của nhiều ngành khác và ở một số lĩnh

vực và địa bàn đòi hỏi sớm vươn lên ngang với trình độ khu vực và quốc tế.

Ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, như: *công nghệ thông tin* phục vụ yêu cầu điện tử hoá và tin học hoá nền kinh tế quốc dân; *công nghệ sinh học*, trước hết phục vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái; *công nghệ chế tạo và gia công vật liệu*, nhất là từ nguồn nguyên liệu trong nước...

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực cho khoa học - công nghệ.

Ưu tiên các hướng nghiên cứu ứng dụng, đồng thời chú trọng đúng mức các nghiên cứu cơ bản, nhất là về khoa học xã hội và nhân văn.

Quan tâm xây dựng, nâng cấp mạng lưới dịch vụ công nghệ như: đo lường, tiêu chuẩn, kiểm tra chất lượng sản phẩm; đánh giá và thẩm định công nghệ, thông tin công nghệ...

Xây dựng hai trung tâm công nghệ cao ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Hình thành mạng lưới tổ chức hỗ trợ chuyển giao công nghệ ở nông thôn, miền núi, ven biển.

Xây dựng và tổ chức thực hiện một số chương trình trọng điểm về: đổi mới công nghệ ở các ngành sản xuất, dịch vụ; xây dựng một số ngành công nghiệp mới dựa trên công nghệ cao; phát triển công nghệ phục vụ công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn; khoa học xã hội và nhân văn phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

5. Các chính sách và biện pháp

a) Phát triển nguồn nhân lực

Thực hiện tốt các mục tiêu về phát triển giáo dục đến

năm 2000, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đánh giá nguồn nhân lực hiện có, có chính sách, kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng và đào tạo lại.

Phát triển hệ thống đào tạo đa dạng với mục tiêu, nội dung, phương pháp và quy mô phù hợp. Chú trọng đào tạo đồng bộ từ cán bộ khoa học - công nghệ, cán bộ quản lý, nhà kinh doanh đến công nhân lành nghề, nhân viên hành chính, nghiệp vụ, v.v.. Ưu tiên đào tạo các ngành nghề mũi nhọn, chú trọng thích đáng năng lực thực hành. Bồi dưỡng thường xuyên lực lượng lao động đang làm việc.

Có định hướng và chính sách, kế hoạch đưa người đi đào tạo ở nước ngoài.

Thực hiện xã hội hoá sự nghiệp đào tạo. Nhà nước đầu tư thích đáng, đồng thời có chính sách khuyến khích, động viên mọi nhà, mọi tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo và tự đào tạo. Áp dụng chính sách tín dụng để phát triển giáo dục, đào tạo, cả đối với người đi học.

Kết hợp đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp với bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, nhằm hình thành một đội ngũ lao động giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có tác phong công nghiệp, lao động cần cù, sáng tạo, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, có ý thức phấn đấu vì sự phồn vinh của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

Bố trí, sử dụng, đãi ngộ hợp lý lực lượng lao động đã và sẽ được đào tạo. Đãi ngộ đặc biệt đối với những tài năng. Phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo của đội ngũ trí thức.

Đổi mới hệ thống quy chế, quy định về giáo dục, đào tạo, gắn đào tạo với sử dụng. Xây dựng quan hệ chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo với các cơ quan quản lý nhân lực và việc làm, giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sử dụng nhân lực. Tổ chức thông tin rộng rãi về giáo dục, đào tạo và việc làm.

Tạo điều kiện cho người lao động, nhất là người được đào tạo tốt tìm được việc làm đúng ngành nghề và có thu nhập xứng đáng. Giải quyết tình trạng cán bộ khoa học - kỹ thuật, văn hoá - xã hội... đã được đào tạo, nhưng thiếu việc làm, hoặc chưa có việc làm.

Khuyến khích mọi người tự tìm việc làm và đầu tư tạo việc làm cho xã hội.

b) *Chính sách về vốn*

Quan triệt tinh thần vốn trong nước là quyết định, vốn ngoài nước là quan trọng. Tiếp tục đổi mới các chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách tài chính - tiền tệ để thực hiện tốt việc tạo vốn, huy động và sử dụng vốn có hiệu quả.

Xây dựng môi trường vĩ mô ổn định, thuận lợi, các chính sách, luật lệ, quy chế rõ ràng và nhất quán, thực hiện nghiêm minh để mọi người yên tâm, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt Luật Khuyến khích đầu tư trong nước và Luật Đầu tư nước ngoài. Đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong việc xin phép đầu tư, đăng ký kinh doanh, thuê đất, giải phóng mặt bằng, lắp đặt điện, nước, nhập máy móc thiết bị cho sản xuất... Quy hoạch, xây dựng sẵn những cơ sở hạ tầng cần thiết và những quy chế quản lý hành chính - kinh tế thích hợp ở những địa bàn chọn lọc để

thu hút nhanh đầu tư trong và ngoài nước, hình thành những khu, cụm công nghiệp ở từng vùng, từng địa phương.

Cải cách hệ thống thuế; tiếp tục xoá bao cấp, bù lỗ đối với những hàng hoá, dịch vụ như điện, nước, giao thông vận tải, xăng dầu...; tăng thu cho ngân sách; cắt giảm những chi tiêu chưa thật cấp bách hoặc kém hiệu quả. Giảm bội chi ngân sách, tiến tới cân bằng thu chi.

Tiếp tục đổi mới hệ thống tín dụng - ngân hàng, mở rộng loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, bảo đảm thuận tiện, an toàn, nhanh chóng, huy động tối đa vốn nhàn rỗi trong xã hội để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển.

Cùng với việc đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, cần điều chỉnh hợp lý lãi suất tín dụng.

Tích cực xây dựng thị trường vốn. Phát triển các hình thức huy động vốn bằng góp cổ phần, bán cổ phiếu, trái phiếu cho người đầu tư trong nước, thí điểm bán một phần ra thị trường vốn quốc tế. Xúc tiến chuẩn bị và từng bước hình thành thị trường chứng khoán.

Hướng dẫn tiêu dùng, ban hành những quy định cụ thể để thực hành chế độ tiết kiệm trong các cơ quan đảng, nhà nước, các tổ chức xã hội và trong nhân dân, dành vốn cho đầu tư phát triển.

Phấn đấu nâng tổng mức tích lũy đầu tư toàn xã hội lên khoảng 25-30% GDP.

Khẩn trương hoàn thành các công việc chuẩn bị cần thiết để tiếp nhận nhanh và sớm đưa vào sử dụng các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các khoản cho vay của các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế... đã được thoả thuận. Giải toả các vướng mắc để tranh thủ thêm các nguồn tài trợ mới.

Ưu tiên cho đầu tư trực tiếp, nhất là từ những công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia có tầm cỡ trên thế giới, để tranh thủ chuyển giao công nghệ hiện đại, kỹ năng quản lý điều hành tiên tiến, mở lối thâm nhập vào thị trường khu vực và quốc tế.

Đổi mới căn bản phương thức đầu tư của Nhà nước. Chỉ cấp phát vốn cho những dự án không thể trực tiếp thu hồi vốn. Đối với các dự án khác, chủ yếu áp dụng hình thức tín dụng hoặc góp cổ phần.

Nghiên cứu mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của ngành, địa phương, cơ sở trong lĩnh vực tạo vốn, huy động vốn, duyệt dự án đầu tư phát triển.

Quy định chặt chẽ về vay và trả nợ, kể cả vay trong nước và nước ngoài. Nhà nước vay chủ yếu để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, xây dựng một số công trình hết sức trọng yếu. Đối với các doanh nghiệp, áp dụng cơ chế tự vay, tự trả. Nhà nước có thể dành một phần vốn vay làm nguồn tín dụng đầu tư trong nước, nhưng cần làm có trọng điểm và đều phải bảo đảm trả được nợ.

c) Chính sách các thành phần kinh tế

Kinh tế nhà nước trước hết là doanh nghiệp nhà nước phải được củng cố, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả để phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

Ban hành Luật Doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục sắp xếp lại, đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện từng bước việc cổ phần hoá một bộ phận doanh nghiệp nhà nước. Thành lập cơ quan quản lý tài sản và vốn của Nhà nước, xác định rõ quy chế đại diện chủ sở

hữu để thực hiện quyền quản lý vốn nhà nước trong doanh nghiệp. Chấn chỉnh công tác thống kê, đổi mới căn bản chế độ kế toán, hoàn thiện quy chế kiểm toán độc lập. Tăng cường hơn nữa quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp đi đôi với quản lý chặt chẽ vốn và tài sản của Nhà nước. Để lại khẩu hao cơ bản cho doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tự tích lũy vốn để đầu tư phát triển. Hình thành một số tổ chức kinh tế lớn, với mức tích tụ, tập trung cao về vốn, đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Từng bước xoá bỏ chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước.

Ban hành Luật Hợp tác xã. Khôi phục và khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành, lĩnh vực khác, theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi. Nhà nước hỗ trợ, hướng dẫn, giúp đỡ hợp tác xã về tín dụng, thông tin, thị trường, đào tạo cán bộ... để kinh tế hợp tác phát triển có hiệu quả.

Nhà nước thông qua luật pháp và các chính sách tạo môi trường thuận lợi hơn nữa cho tư nhân yên tâm bỏ vốn đầu tư vào sản xuất. Khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân phát triển theo con đường liên doanh, liên kết với kinh tế nhà nước dưới nhiều hình thức thích hợp.

d) Chính sách thị trường

Nghiên cứu, thăm dò, dự báo, thông tin kịp thời về *thị trường ngoài nước* và các đối tác.

Đổi mới cơ cấu xuất khẩu, tạo ra những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn theo hướng khai thác các lợi thế so sánh, nhất là lợi thế về nguồn nhân lực.

Thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái hợp lý để khuyến khích mạnh xuất khẩu, điều tiết nhập khẩu có hiệu quả.

Cải tiến các thủ tục xuất nhập khẩu, nhất là về cấp côta, giấy phép. Tổ chức tốt việc thu thập và cung cấp các thông tin kinh tế thế giới và khu vực cho các cơ quan và doanh nghiệp trong nước. Cung cấp các thông tin cần thiết về thương mại và kinh tế Việt Nam cho nước ngoài. Phát triển các tổ chức làm dịch vụ tiếp thị, các hiệp hội xuất nhập khẩu. Từng bước tham gia các hội, các tổ chức kinh tế, thương mại thế giới và khu vực.

Hoàn thiện luật pháp về xuất, nhập khẩu phù hợp với chính sách của ta và với thông lệ quốc tế. Nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức của đội ngũ cán bộ làm công tác này.

Mở rộng *thị trường trong nước* để phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá; thúc đẩy sản xuất và lưu thông vật tư, hàng hoá, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân ở cả thành thị và nông thôn.

Hình thành các trung tâm thương mại phù hợp với mức độ phát triển của thị trường trên các địa bàn.

Chấn chỉnh lưu thông hàng hoá giữa thành thị và nông thôn, quan tâm đúng mức đối với miền núi, vùng xa, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc.

Lập lại trật tự trên thị trường; hướng dẫn các thành phần thương nghiệp phát triển đúng hướng, đúng chính sách, pháp luật, cạnh tranh lành mạnh. Tăng cường vai trò chủ đạo của thương nghiệp nhà nước cả ở khâu bán buôn và bán lẻ, cả trong kinh doanh tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và dịch vụ, cả trên thị trường thành thị và thị trường nông thôn.

Khắc phục tình trạng chia cắt giữa thương nghiệp nhà nước với cơ sở sản xuất của Nhà nước, giữa nội thương với ngoại thương, giữa bán buôn và bán lẻ; giải quyết tình trạng thiếu vốn, nâng cao trình độ tổ chức kinh doanh, loại trừ tiêu cực để thương nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả. Phát triển mạng lưới đại lý bán lẻ cho công thương nghiệp nhà nước ở nông thôn, miền núi.

Phát triển thương nghiệp hợp tác xã; quản lý tốt thương nghiệp tư nhân.

Chấn chỉnh mậu dịch biên giới và cửa khẩu, xử lý nghiêm những hành vi buôn lậu, trốn thuế, buôn bán hàng cấm, hàng giả.

Thực hiện chính sách bảo hộ sản xuất trong nước chủ yếu bằng cách tạo điều kiện và thúc đẩy các cơ sở sản xuất vươn lên cạnh tranh được với hàng ngoại trên thị trường, đáp ứng lợi ích của người tiêu dùng. Đồng thời, từng thời gian, Nhà nước xác định và công bố rõ chính sách bảo hộ có mức độ, có thời hạn, đối với những ngành và lĩnh vực thật cần thiết, đối với từng mặt hàng cụ thể. Giáo dục và khuyến khích nhân dân dùng hàng nội.

đ) Chính sách công nghệ

Gắn khoa học - công nghệ với sản xuất, dịch vụ; gắn các chương trình phát triển khoa học - công nghệ với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng phương thức ký kết hợp đồng nghiên cứu. Khuyến khích sự sáng tạo của các nhà khoa học, đồng thời coi trọng phát huy sáng kiến của mọi người lao động. Tạo lập thị trường để sản phẩm của hoạt động khoa học - công nghệ được trả giá đúng mức và lưu thông như một dạng hàng hoá đặc biệt.

Thực hiện tốt Pháp lệnh về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và Pháp lệnh chuyển giao công nghệ. Sớm ban hành Luật Khoa học - công nghệ. Tăng cường hệ thống các cơ quan quản lý phát triển công nghệ.

Tăng đáng kể vốn đầu tư cho khoa học - công nghệ từ nhiều nguồn: ngân sách nhà nước, vốn của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tài trợ của các tổ chức quốc tế và nước ngoài. Áp dụng và tăng tỷ trọng vốn tín dụng đầu tư cho khoa học - công nghệ.

Nhà nước tập trung nguồn lực cho một số chương trình trọng điểm quốc gia về phát triển công nghệ, cho các dự án sản phẩm có hiệu quả kinh tế lớn và tác động tới nhiều ngành kinh tế. Các ngành, các địa phương và các doanh nghiệp cũng có các chương trình, dự án về đổi mới công nghệ.

Áp dụng các chính sách kinh tế thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng các công nghệ tiên tiến thích hợp. Có chính sách khuyến khích đối với các công nghệ mới áp dụng lần đầu ở nước ta, đối với phần vốn dành cho các công tác nghiên cứu và đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp.

Bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ, công nhân lành nghề về số lượng, chất lượng và cơ cấu, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài; chú ý đào tạo cán bộ khoa học - công nghệ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện đồng bộ các biện pháp để sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ hiện có. Bổ sung và mau chóng trẻ hoá cán bộ ở các cơ sở nghiên cứu - triển khai.

Gấp rút đào tạo cán bộ đầu đàn, các tổng công trình sư cho các ngành công nghệ then chốt. Bồi dưỡng và tạo điều kiện cho các chuyên gia có trình độ vào làm việc tại các cơ

quan và tổ chức quốc tế, các trung tâm khoa học - công nghệ mạnh ở các nước phát triển. Cho mở một số trường đại học, viện nghiên cứu công nghệ quốc tế hoặc khu vực ở Việt Nam. Mở rộng việc cử chuyên gia ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát, trao đổi khoa học, chú trọng những lĩnh vực công nghệ cần ưu tiên. Khuyến khích chuyên gia Việt kiều chuyển giao tri thức và công nghệ về nước.

Bố trí lại lực lượng khoa học - công nghệ. Có chính sách thu hút cán bộ khoa học - công nghệ đến làm việc trực tiếp ở các doanh nghiệp, các địa phương. Khuyến khích các doanh nghiệp lập cơ sở nghiên cứu - triển khai. Chuyển phần lớn các viện nghiên cứu - triển khai về các doanh nghiệp. Một số viện nghiên cứu có thể chuyển thành doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghệ cao. Tăng cường cơ sở nghiên cứu khoa học của các trường đại học. Các trường đảm nhiệm phần lớn nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản.

e) *Chính sách khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và bảo vệ môi trường*

Rất coi trọng vấn đề khai thác có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò, đánh giá tài nguyên. Kế hoạch khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là cho xuất khẩu, phải tính đến cả nhu cầu trước mắt và lâu dài, kinh tế và quốc phòng.

Ban hành các luật về khai thác và bảo vệ tài nguyên. Tăng cường quản lý các hoạt động khai thác khoáng sản, chấn chỉnh công nghiệp khai khoáng, thực hiện đúng quy trình, quy phạm, bảo đảm an toàn, hiệu quả, chống lãng phí

tài nguyên và huỷ hoại môi trường. Ngăn chặn và xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên trái phép.

Chính phủ quy định cụ thể những loại mỏ do Nhà nước khai thác hoặc liên doanh trong và ngoài nước để khai thác, loại mỏ để cho các thành phần kinh tế khác tổ chức khai thác.

Khẩn trương ban hành các văn bản dưới luật để thực hiện tốt Luật Môi trường. Nhanh chóng hình thành mạng lưới kiểm soát môi trường từ Trung ương đến địa phương. Kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa bàn lãnh thổ. Xử lý nghiêm những hành vi phá hoại môi trường, phá vỡ cảnh quan thiên nhiên, đô thị, công trình công cộng. Ngăn chặn và khắc phục tình trạng xuống cấp về môi trường; đề phòng và xây dựng lực lượng giải quyết những sự cố môi trường.

Quy định cụ thể về bảo vệ môi trường trong từng dự án đầu tư, về sự đóng góp tài chính của các doanh nghiệp vào việc bảo vệ môi trường. Hạn chế các công nghệ gây tác hại lớn đối với môi trường. Khuyến khích sử dụng công nghệ "sạch". Xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ và phát triển bền vững môi trường.

Đầu tư thoả đáng vào việc phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên tái sinh được.

Từng bước phát triển công nghệ, công nghiệp môi trường.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Giai cấp công nhân Việt Nam thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thông qua Đảng tiên

phong của mình thực hiện sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp cách mạng và công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; là hạt nhân của liên minh công - nông - trí thức và khối đại đoàn kết các dân tộc ở nước ta.

Lợi ích của giai cấp công nhân gắn liền với lợi ích dân tộc, nằm trong lợi ích dân tộc. Nhiệm vụ của giai cấp công nhân là: đoàn kết, hợp tác với các giai cấp và các tầng lớp nhân dân trong xã hội để hoàn thành công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa đất nước vững bước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời là trách nhiệm của mỗi người, mỗi tập thể công nhân.

Cùng với quá trình phát triển công nghiệp và công nghệ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, *cần xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình.*

Giai cấp công nhân phải làm nòng cốt trong việc xây dựng khối liên minh vững chắc với nông dân, trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác, để thực hiện thành công công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nói chung, công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn nói riêng; thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, hợp tác với các nhà tư sản dân tộc, các chủ đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế; tôn trọng quyền lợi hợp pháp của giới chủ, đồng thời

đấu tranh, thuyết phục họ bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Nâng cao giác ngộ giai cấp, bồi dưỡng truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, rèn luyện tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức, kỷ luật, tính năng động sáng tạo của người công nhân.

Tổ chức tốt việc đào tạo và nâng cao học vấn, trình độ nghề nghiệp cho công nhân. Khuyến khích công nhân tự học tập nâng cao trình độ về mọi mặt. Đẩy mạnh công tác giáo dục đào tạo, đặc biệt là đào tạo tại nơi làm việc, đào tạo gắn với lao động sản xuất, bảo đảm đến năm 2000 hầu hết công nhân đều có trình độ văn hoá từ phổ thông cơ sở trở lên, có kỹ năng nghề nghiệp cần thiết.

Tạo thêm việc làm, cải thiện điều kiện lao động. Thực hiện tốt những quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động, giảm bớt lao động chân tay giản đơn, nặng nhọc, độc hại. Thực hiện nghiêm các quy định về sử dụng lao động nữ và các chính sách đối với lao động nữ. Phòng chống có hiệu quả các bệnh nghề nghiệp.

Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh chính sách tiền lương và tiền công lao động, thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động; có chính sách khuyến khích công nhân giỏi nghề, làm cho tiền công thực sự là đòn bẩy kích thích lao động sáng tạo.

Áp dụng rộng rãi cơ chế khoán trong các doanh nghiệp nhà nước. Bán cổ phần cho công nhân ở những doanh nghiệp có đủ điều kiện.

Có cơ chế bảo đảm quyền của công nhân và quyền của Công đoàn trong từng loại doanh nghiệp. Bảo vệ lợi ích và nhân cách của công nhân theo luật pháp, theo hợp đồng và

thoả ước lao động. Nghiên cứu ban hành chính sách trợ cấp thất nghiệp; bổ sung các chính sách trợ cấp xã hội đối với công nhân mất việc làm, thiếu việc làm. Hoàn chỉnh chính sách bảo hiểm xã hội.

Cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của công nhân. Chăm lo giải quyết vấn đề nhà ở, đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt về điện, nước, phương tiện đi làm việc, trường học, bệnh viện, cơ sở văn hoá, thể dục thể thao... cho công nhân.

Đẩy mạnh phong trào công nhân xây dựng nếp sống văn hoá, có kỷ luật, kỷ cương, lành mạnh, tiết kiệm. Thực hiện tốt sinh đẻ có kế hoạch. Phát triển các hoạt động văn hoá quần chúng, thể dục thể thao, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, ngăn chặn các trào lưu văn hoá phản động, đồi trụy. Gương mẫu thực hiện pháp luật, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác.

Thành lập và phát triển tổ chức Đảng, Công đoàn và các đoàn thể xã hội khác trong các doanh nghiệp.

IV- NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ HIỆU LỰC QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng

Nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, công tác xây dựng Đảng trong những năm tới chú trọng làm tốt mấy vấn đề dưới đây:

Làm cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân ngày càng quán triệt

và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách về công nghiệp hoá, hiện đại hoá; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước, nâng cao trình độ, kiến thức về mọi mặt; chống quan liêu, tham nhũng, xa hoa, lãng phí; đề cao cảnh giác giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước phải thực sự là hạt nhân chính trị, lãnh đạo công nhân, viên chức thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Xúc tiến nghiên cứu để sớm ban hành quy chế hoạt động của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài. Sắp xếp lại hợp lý các đảng uỷ khối và đảng uỷ cấp trên của tổ chức đảng ở các doanh nghiệp.

Nâng cao trình độ kiến thức của các cấp uỷ về công nghiệp và khoa học - công nghệ. Mỗi tỉnh, thành phải có một số cán bộ am hiểu công tác quản lý kinh tế, quản lý công nghiệp tham gia tỉnh, thành uỷ và uỷ ban nhân dân. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong công nhân, bồi dưỡng, bổ sung cán bộ xuất thân công nhân vào các cấp uỷ đảng và cơ quan nhà nước.

Đảng phải tăng cường lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các cấp uỷ phải trực tiếp chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống trường lớp đào tạo cán bộ của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể.

Đẩy mạnh việc tổ chức nghiên cứu về giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn.

2. Nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước

Nhà nước thể chế hoá đường lối của Đảng về công nghiệp

hoá, hiện đại hoá và xây dựng giai cấp công nhân thành hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách.

Tạo lập môi trường ổn định thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình tổng thể và cho từng ngành, từng vùng, từng lĩnh vực về phát triển công nghiệp và khoa học - công nghệ.

Đổi mới và tăng cường công tác kế hoạch hoá phù hợp với cơ chế mới, khắc phục xu hướng tập trung quan liêu và xu hướng phân tán. Xây dựng chính sách tài chính - tiền tệ đúng đắn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thực hiện tốt việc hướng dẫn và hỗ trợ các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp phát triển, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế - xã hội; xử lý nghiêm minh các vi phạm.

Xúc tiến cải cách hành chính, xoá các thủ tục phiền hà, sách nhiễu đang cản trở công cuộc đổi mới; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, bảo đảm hiệu lực và tính tập trung thống nhất trong quản lý vĩ mô của Nhà nước đi đôi với mở rộng dân chủ, tạo điều kiện phát huy tính chủ động, năng động sáng tạo của ngành, địa phương và cơ sở.

Chống quan liêu, tham nhũng làm trong sạch bộ máy nhà nước. Tiến tới tổ chức thi tuyển đội ngũ viên chức nhà nước theo các tiêu chuẩn quốc gia, đồng thời quan tâm đãi ngộ thoả đáng. Có kế hoạch bồi dưỡng đào tạo đội ngũ công chức.

Chỉ đạo, kiểm tra các cấp, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thực hiện tốt Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn. Hỗ trợ phối hợp với Công đoàn chăm lo sự nghiệp phúc lợi xã hội, phúc lợi tập thể của công nhân, lao động; giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động. Bổ sung các quy định về trách

nhiệm của các chủ doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp do nước ngoài đầu tư với công nhân và tổ chức Công đoàn.

3. Phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy vai trò to lớn trong việc đoàn kết toàn dân, thống nhất ý chí và hành động vì thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuyên truyền, hướng dẫn mọi người cần kiệm làm ăn, mở mang sản xuất kinh doanh ích nước lợi nhà, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước; tích cực tham gia đóng góp các kế sách làm cho dân giàu, nước mạnh.

Coi trọng việc xây dựng, kiện toàn tổ chức Công đoàn ở các ngành, các cấp, các cơ sở.

Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật, văn hoá - nghệ thuật, Hội Cựu chiến binh, các hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác làm nhiệm vụ động viên, tổ chức, hướng dẫn và giúp đỡ đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân phát huy thế mạnh và khả năng của mình, khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ
TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MUỘI BẾ MẠC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII**

Ngày 30 tháng 7 năm 1994

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa toàn thể các đồng chí,*

Sau một tuần làm việc tích cực, khẩn trương, vượt thời gian dự định, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương đã thành công tốt đẹp.

Các cơ quan chuẩn bị đề án đã làm việc tích cực; các cấp uỷ đảng, các cơ quan khoa học, các chuyên gia, trí thức trong và ngoài nước, các đồng chí lão thành cách mạng và đồng đảo cán bộ, đảng viên đã tham gia nhiều ý kiến, góp phần vào thành công của Hội nghị Trung ương.

Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí Cố vấn và các đồng chí được mời dự Hội nghị đã thảo luận sôi nổi ở tổ và ở hội trường, nhất trí cao về những vấn đề quan trọng; đồng thời có nhiều ý kiến bổ sung xác đáng, nâng cao chất lượng của các văn bản trình Hội nghị, đề

ra được những quyết định đúng đắn để lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Một số đồng chí Trung ương đã chuẩn bị công phu các bản tham luận, có nhiều kiến nghị phong phú. Các ngành, các cấp cần nghiên cứu kỹ các tham luận đó trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương.

Trước khi kết thúc Hội nghị, tôi xin nói thêm một vài điểm sau đây:

1. Để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, *phải ra sức thực hành tiết kiệm* để đầu tư phát triển, làm ăn có hiệu quả.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải có vốn lớn. Vì vậy, phải phát động và nuôi dưỡng phong trào cần kiệm xây dựng đất nước, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả, chống lãng phí trong tất cả các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, các doanh nghiệp và trong nhân dân; động viên mọi người tự giác chắt chiu từng đồng tiền vốn, cần kiệm trong lao động sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng để tăng tích lũy, dồn sức cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. *Phải kiên quyết đấu tranh chống tệ tham nhũng buôn lậu* khá nghiêm trọng hiện nay, đang đục khoét tài sản của Nhà nước và của nhân dân, làm rối loạn trật tự, kỷ cương, phép nước, làm mất lòng tin của nhân dân, trái với bản chất giai cấp của Đảng, làm chậm tốc độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá ta. Toàn Đảng, mọi tổ chức đảng, mọi đảng viên, nhất là những đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, phải gương mẫu vì sự nghiệp chung, không được thu vén cá nhân. Mọi hành vi vi phạm phải được xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật, bất kể người vi phạm là ai. Những cán bộ, đảng viên

mắc sai phạm phải tự giác báo cáo với Đảng, Nhà nước và quyết tâm sửa chữa. Đề nghị nhân dân nếu thấy cán bộ, đảng viên có vi phạm thì kịp thời góp ý kiến, giúp đỡ sự tránh mắc sai lầm; nếu đương sự cố tình vi phạm thì phát hiện với các cơ quan của Đảng và Nhà nước để xử lý. Chỉ có ngăn chặn và loại trừ được tệ tham nhũng, buôn lậu, lãng phí quan liêu thì mới bảo đảm cho Đảng ta đủ năng lực và uy tín để lãnh đạo thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

3. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải thực hiện *ng nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững trật tự, kỷ cương*. Phải mở rộng dân chủ, động viên mọi người phát huy sáng tạo, tìm tòi các phương pháp, giải pháp có hiệu quả, tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng của hàng triệu con người. Song, phải bảo đảm tập trung, vì thiếu tập trung, buông lỏng trật tự, kỷ cương sẽ lập tức dẫn tới rối loạn.

Để thực hiện tập trung dân chủ, giữ vững trật tự, kỷ cương, cần chú ý các nguyên tắc: tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cần đưa ra bàn bạc tập thể về những chủ trương lớn; cá nhân điều hành thực hiện chủ trương mà tập thể đã quyết định. Phải nghiêm chỉnh chấp hành chính sách và pháp luật. Việc gì trái với chính sách, pháp luật hiện hành thì nhất thiết phải báo cáo cấp trên, không được tự ý quyết định. Chống mọi hành vi tự do tùy tiện, cục bộ địa phương, làm sai đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Mỗi đảng viên, cán bộ lãnh đạo phải sống và làm việc theo pháp luật; đảng viên phải làm theo Điều lệ và Nghị quyết của Đảng.

4. Phải quán triệt và thực tốt đường lối, chính sách của Đảng, xây dựng nền kinh tế mở cả bên trong và với bên ngoài, đồng thời *tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý*, đề phòng chệch hướng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cả về đối nội và đối ngoại, gây thiệt hại đến lợi ích của đất nước, của nhân dân, của chủ nghĩa xã hội.

5. *Đoàn kết, thống nhất* tạo ra sức mạnh chiến đấu của Đảng. Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vấn đề này càng trở nên quan trọng, có ý nghĩa sống còn.

Hiện nay, tình hình mất đoàn kết trong lãnh đạo ở một số đảng bộ đã được giải quyết một bước. Song, ở một số nơi còn khá nghiêm trọng, phải tiếp tục giải quyết triệt để. Đoàn kết, nhất trí phải dựa trên cơ sở Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình, như Bác Hồ từng căn dặn. Mỗi đồng chí Trung ương phải ý thức sâu sắc về việc giữ gìn và tăng cường đoàn kết trong Đảng, trong Ban Chấp hành Trung ương, là hạt nhân đoàn kết trong các cấp và ngành mình phụ trách.

6. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi phải có trí tuệ cao, có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại trên tất cả các lĩnh vực khoa học quản lý, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và công nghệ. Vì vậy, cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức nhà nước nói chung, cán bộ lãnh đạo nói riêng, trước hết là các đồng chí Ủy viên Trung ương phải *ra sức học tập, nâng cao trình độ* mọi mặt. Có trình độ, có kiến thức mới nắm bắt được thời cơ, thực hiện được những nhiệm vụ khó khăn phức tạp trong hoàn cảnh mới. Cán bộ

lãnh đạo không có kiến thức, thiếu trình độ hiểu biết sẽ trở thành lực cản của sự phát triển.

"Học, học nữa, học mãi", học trong nhà trường, học trong thực tiễn và tự học, đó là khẩu hiệu hành động của chúng ta để lãnh đạo thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

*

* *

Với tinh thần trên, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương.

Chúc sức khoẻ các đồng chí Cố vấn,

Chúc sức khoẻ các đồng chí Trung ương,

Chúc sức khoẻ tất cả các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 41-CT/TW, ngày 8 tháng 8 năm 1994

**Về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII***

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã ra Nghị quyết về "Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới". Nghị quyết Trung ương bảy cụ thể hoá một bước Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng, đánh giá thực trạng công nghiệp, công nghệ và giai cấp công nhân nước ta, xác định mục tiêu và chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp và công nghệ nước ta đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; nêu lên phương hướng, nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới.

Việc thực hiện Nghị quyết sẽ phải tiến hành trong

* Để bạn đọc tiện theo dõi chúng tôi xếp tài liệu này theo cụm vấn đề (B.T).

nhiều năm, trước mắt các cấp uỷ đảng cần làm tốt những việc sau đây:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết

Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết phải làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là công nhân và trí thức, nhận thức rõ ý nghĩa chiến lược của vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước ta, quán triệt mục tiêu, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển công nghiệp và công nghệ, xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới, tạo ra sự nhất trí về nhận thức các vấn đề trên, xây dựng lòng tin và quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trước mắt là hoàn thành vượt mức các mục tiêu đã đề ra cho đến năm 2000.

Nghị quyết Trung ương bảy cần được quán triệt trước hết trong các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng các cấp; quán triệt trong đội ngũ công nhân và trí thức và được phổ biến rộng rãi đến tận cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng những hình thức sát hợp từng đối tượng và từng địa bàn.

Các cấp uỷ đảng, đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng căn cứ vào tinh thần trên đây, chịu trách nhiệm phổ biến tốt Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý của mình.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương biên soạn các tài liệu giới thiệu Nghị quyết dành cho báo cáo viên và cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở; tổ chức hội nghị trưởng ban tuyên giáo các tỉnh, thành, đảng uỷ trực thuộc Trung ương để truyền đạt nội dung Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền sâu rộng tinh thần Nghị quyết trong

nhân dân, phản ánh việc thực hiện Nghị quyết, giới thiệu điển hình, nhân tố mới, phê phán những khuyết điểm và khuynh hướng lệch lạc.

Ban Bí thư sẽ tổ chức các cuộc họp giới thiệu nội dung Nghị quyết với cán bộ cao cấp đã nghỉ hưu ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Quảng Nam - Đà Nẵng.

2. Xây dựng kế hoạch và chương trình thực hiện Nghị quyết

Các chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết cần được thể chế hoá nhanh chóng. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì cùng với Đảng đoàn Quốc hội, các ban cán sự đảng, đảng đoàn và ban đảng có liên quan khẩn trương lập danh mục và lên chương trình xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật và các cơ chế, chính sách cần thiết, tiến hành xây dựng kế hoạch 5 năm 1996 - 2000; định rõ thời hạn hoàn thành đối với từng việc.

Các cấp uỷ đảng chỉ đạo các ngành, đơn vị ở địa phương và cơ sở xây dựng, bổ sung các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết phù hợp với yêu cầu và điều kiện cụ thể ở mỗi nơi nhằm khai thác tối đa các tiềm năng về vốn, nhân lực, vật lực bên trong và bên ngoài, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, với hiệu quả cao, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu đã đề ra. Trong các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết cần đặc biệt lưu ý đề ra những biện pháp cụ thể, thiết thực nhằm thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu và xác định những việc cần và có thể tổ chức làm ngay và mang lại hiệu quả thiết thực cho địa phương và đơn vị.

3. Chỉ đạo và kiểm tra

Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương bảy phải kết hợp chặt chẽ với việc tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Trung ương hai, ba, bốn, năm, Nghị quyết Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và việc chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng, phải có sự phối hợp chỉ đạo chặt chẽ giữa các ngành, các cấp.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, các cấp uỷ, đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng các cấp cần thường xuyên kiểm tra việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết; có kế hoạch sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, kịp thời phát hiện để uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, làm sai Nghị quyết và xử lý những vấn đề mới nảy sinh; phổ biến và nhân rộng những kinh nghiệm hay, những điển hình tiên tiến.

Ban Kinh tế Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương và các ban, ngành có liên quan giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra chung việc thực hiện Nghị quyết này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 42-CT/TW, ngày 6 tháng 8 năm 1994

**Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu
Hội đồng nhân dân các cấp (nhiệm kỳ 1994 - 1999)**

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (nhiệm kỳ 1994 - 1999) vào ngày 20-11-1994.

Đây là cuộc vận động chính trị và sinh hoạt dân chủ rộng lớn của nhân dân cả nước để bầu những đại biểu đại diện cho ý chí, nguyện vọng và trí tuệ của nhân dân tại cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; xây dựng chính quyền địa phương trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả, thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được tổ chức trong bối cảnh nhân dân ta đã đạt được những thắng lợi quan trọng trong sự nghiệp đổi mới và đang chuyển dần sang một thời kỳ mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; mặt khác các thế lực thù địch cũng đang ráo riết thực hiện "chiến lược diễn biến hoà bình" đối với nước ta, nhằm làm suy yếu chính quyền nhân dân và lật

đồ chế độ ta. Do vậy, Hội đồng nhân dân được bầu ra lần này phải có đủ sức làm tròn trọng trách của mình trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị.

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải là những người được dân tin cậy, có đức, có tài, vững vàng trước những thử thách trong thời điểm hiện nay.

Cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải được tiến hành thực sự dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, thể hiện không khí ngày hội của nhân dân.

Để đạt những yêu cầu trên đây, các cấp uỷ, đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng phải chỉ đạo chặt chẽ việc chuẩn bị và tiến hành cuộc bầu cử, coi đây là một nhiệm vụ rất quan trọng của đảng bộ địa phương từ nay đến cuối năm 1994; cụ thể là:

1. Lãnh đạo việc tuyên truyền, quán triệt nội dung của các đạo luật về tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đến từng công dân. Chú ý làm rõ tính dân chủ của chế độ bầu cử, tính chính trị và tính nhân dân của cơ quan quyền lực nhà nước ta. Từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm và quyền làm chủ của nhân dân. Khắc phục hiện tượng hình thức, cục bộ địa phương; chống các luận điệu xuyên tạc của các phần tử xấu. Mỗi cán bộ, đảng viên phải đề cao trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân tích cực tham gia cuộc bầu cử.

Cần quan tâm lãnh đạo việc kiểm điểm hoạt động của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ vừa qua một cách sâu sắc, thiết thực để rút kinh nghiệm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ sắp tới.

2. Lãnh đạo chặt chẽ việc ứng cử, đề cử và hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Đây là khâu quan trọng của quá trình chuẩn bị và có ý nghĩa lớn bảo đảm quyền làm chủ của công dân trong bầu cử.

Các cấp uỷ đảng lãnh đạo Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ở địa phương tổ chức các hội nghị hiệp thương bảo đảm đúng nội dung và thời gian quy định cử đại biểu ra ứng cử Hội đồng nhân dân.

Việc lựa chọn đại biểu Hội đồng nhân dân phải căn cứ vào tiêu chuẩn do Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định, và bảo đảm cơ cấu hợp lý, đại diện cho các tầng lớp xã hội ở địa phương; tăng số đại biểu là người ngoài Đảng, phụ nữ, dân tộc và tuổi trẻ; giảm số đại biểu là cán bộ ở các cơ quan hành chính nhà nước.

Lãnh đạo chặt chẽ việc hiệp thương lựa chọn người ứng cử, bảo đảm dân chủ, khách quan, thực sự tôn trọng ý kiến của cử tri. Những công dân có đủ điều kiện và tiêu chuẩn có quyền tự ứng cử. Đảng viên tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào, phải được sự đồng ý của cấp uỷ cấp đó.

Trong quá trình lựa chọn đại biểu Hội đồng nhân dân phải cân nhắc kỹ việc chuẩn bị cán bộ chủ chốt của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân, kết hợp với việc chuẩn bị nhân sự Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ tới.

Tổ chức đảng nên giới thiệu đồng chí bí thư và một đồng chí phó bí thư cấp uỷ đảng, các đồng chí trưởng hoặc phó các ban của cấp uỷ đảng ứng cử Hội đồng nhân dân.

3. Các tổ chức phụ trách bầu cử có vị trí quan trọng trong việc tổ chức thực hiện bầu cử, các cấp uỷ đảng cần chỉ đạo

lựa chọn người tham gia các tổ chức đó. Thành viên các tổ phụ trách bầu cử phải là người có kinh nghiệm về công tác bầu cử, trung thực, có tín nhiệm với nhân dân, phải được tập huấn kỹ trước khi bắt đầu làm nhiệm vụ.

4. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các ban, Ban Cán sự Đảng các bộ, ngành, các đảng đoàn ở Trung ương, các cấp uỷ đảng ở địa phương có trách nhiệm lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện tốt công tác bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên; có kế hoạch kiểm tra sát sao quá trình bầu cử. Mọi cán bộ, đảng viên phải đề cao tinh thần trách nhiệm, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong cuộc bầu cử.

Các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương cần tập trung lực lượng tuyên truyền kịp thời, sâu rộng về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

Ban Tổ chức Trung ương và các ban có liên quan theo dõi quá trình thực hiện Chỉ thị này và thường xuyên báo cáo Ban Bí thư về kết quả thực hiện.

Chỉ thị này được phổ biến tới các chi bộ, đảng bộ cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 82-TB/TW, ngày 13 tháng 8 năm 1994

**Về quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
khoá VII thành lập các Tiểu ban
của Trung ương chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng**

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã quyết định thành lập bốn Tiểu ban của Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng; giao Bộ Chính trị điều hành các Tiểu ban trên và chuẩn bị các đề án, trình các đề án ra Ban Chấp hành Trung ương.

Danh sách cụ thể các Tiểu ban như sau:

I- TIỂU BAN VĂN KIẾN

1. Đồng chí Đỗ Mười
2. Đồng chí Đào Duy Tùng
3. Đồng chí Đoàn Khuê
4. Đồng chí Vũ Oanh
5. Đồng chí Nguyễn Đức Bình

6. Đồng chí Võ Trần Chí
 7. Đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm
 8. Đồng chí Nguyễn Hà Phan
 9. Đồng chí Nguyễn Khánh
 10. Đồng chí Hà Đăng
 11. Đồng chí Lê Đức Bình
 12. Đồng chí Lê Huy Ngọ
 13. Đồng chí Lê Xuân Tùng
 14. Đồng chí Phan Diễn.
- Đồng chí Đỗ Mười, Trưởng Tiểu ban.**

II- TIỂU BAN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Đồng chí Võ Văn Kiệt
 2. Đồng chí Phan Văn Khải
 3. Đồng chí Bùi Thiện Ngộ
 4. Đồng chí Phạm Thế Duyệt
 5. Đồng chí Nguyễn Đình Tứ
 6. Đồng chí Trần Đức Lương
 7. Đồng chí Nguyễn Khánh
 8. Đồng chí Đỗ Quốc Sam
 9. Đồng chí Đậu Ngọc Xuân
 10. Đồng chí Nguyễn Công Tạn
 11. Đồng chí Trần Đình Hoan
 12. Đồng chí Trần Hoàn
 13. Đồng chí Nguyễn Trọng Nhân
 14. Đồng chí Phan Thu.
- Đồng chí Võ Văn Kiệt, Trưởng Tiểu ban.**

III- TIỂU BAN NHÂN SỰ

1. Đồng chí Đỗ Mười
 2. Đồng chí Lê Đức Anh
 3. Đồng chí Võ Văn Kiệt
 4. Đồng chí Lê Phước Thọ
 5. Đồng chí Nông Đức Mạnh
 6. Đồng chí Lê Khả Phiêu
 7. Đồng chí Đỗ Quang Thắng
 8. Đồng chí Trương Mỹ Hoa
 9. Đồng chí Nguyễn Đình Hương
 10. Đồng chí Lê Huy Ngọ
 11. Đồng chí Chu Văn Rý.
- Đồng chí Đỗ Mười, Trưởng Tiểu ban.**

IV- TIỂU BAN ĐIỀU LỆ

1. Đồng chí Lê Phước Thọ
 2. Đồng chí Hồng Hà
 3. Đồng chí Đặng Xuân Kỳ
 4. Đồng chí Phan Minh Tánh
 5. Đồng chí Nguyễn Văn An
 6. Đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ
 7. Đồng chí Nguyễn Nam Khánh
 8. Đồng chí Chu Văn Rý
 9. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng.
- Đồng chí Lê Phước Thọ, Trưởng Tiểu ban.**

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ IV
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

Ngày 17 tháng 8 năm 1994

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi nhiệt liệt chào mừng Đại hội lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngày hội lớn của khối đại đoàn kết dân tộc; nhiệt liệt chào mừng các vị đại biểu, những đại diện tiêu biểu cho khối đại đoàn kết và thống nhất của nhân dân các dân tộc Việt Nam. Từ diễn đàn long trọng này, tôi xin gửi tới đồng bào cả nước và đồng bào ở nước ngoài lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc an khang, hạnh phúc và thành đạt.

Trong niềm vui mừng, phấn khởi hôm nay, toàn dân ta hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại với lòng biết ơn vô hạn. Người đã sáng lập Đảng, Mặt trận và Nhà nước ta, lãnh đạo nhân dân ta kế thừa và phát huy truyền thống đại đoàn kết, nguồn sức mạnh vô địch của dân tộc Việt Nam trải mấy ngàn năm lịch sử đấu tranh oanh liệt dựng nước và giữ nước. Chân lý mà Người tổng kết: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn

kết. Thành công, thành công, đại thành công" mãi mãi toả sáng mỗi bước đường phát triển của dân tộc ta.

Cũng trong dịp này, chúng ta tưởng nhớ các vị và các đồng chí từng cộng tác mật thiết bên cạnh Bác Hồ, tiếp thụ và thể hiện xuất sắc tư tưởng đại đoàn kết của Người, cống hiến vào sự nghiệp vẻ vang của Mặt trận Dân tộc thống nhất và để lại những hình ảnh đẹp đẽ, những kinh nghiệm quý báu về tổ chức và công tác mặt trận. Đó là các vị và các đồng chí: Huỳnh Thúc Kháng, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Văn Tố, Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Trần Huy Liệu, Dương Đức Hiền, Xuân Thuỷ, Huỳnh Tấn Phát, Phan Anh, Trần Đăng Khoa, Trịnh Đình Thảo, Phùng Văn Cung, Bồ Xuân Luật và nhiều vị khác.

Xin gửi những tình cảm thắm thiết đến Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nguyên Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, nhà trí thức yêu nước đã có những đóng góp quý báu vào sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân trong mấy thập kỷ qua, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc kiên cường, bất khuất của đồng bào miền Nam anh hùng.

Tôi xin chuyển lời thăm hỏi ân cần của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tới các vị và các đồng chí đã có nhiều đóng góp vào việc củng cố, tăng cường Mặt trận trong những năm qua. Xin nhiệt liệt biểu dương và cảm ơn các vị, các đồng chí đang hoạt động trong Mặt trận các cấp; đặc biệt là các vị và các đồng chí ở cơ sở đã thường xuyên gần gũi nhân dân trên khắp mọi miền đất nước, làm cầu nối vững chắc giữa dân với Đảng, với chính quyền, vận động đồng bào đoàn kết, tương

thân tương ái, đùm bọc lẫn nhau xây dựng phường, xã, bản, làng ngày càng tiến bộ.

Chúng ta nhiệt liệt chào mừng các vị khách quý tới dự Đại hội, mang đến cho nhân dân ta tình hữu nghị, tình đoàn kết quốc tế và sự ủng hộ chí tình của bè bạn khắp năm châu.

Thưa các vị và các đồng chí,

Các thế hệ Việt Nam ngày nay có may mắn lớn được sống trong một thời đại huy hoàng nhất của lịch sử dân tộc - thời đại Hồ Chí Minh. Hơn sáu thập kỷ qua, theo tiếng gọi của Người, tập hợp dưới ngọn cờ của Đảng, đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận, nhân dân ta từ cảnh đời nô lệ, nước mất, nhà tan, đã đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành lại quyền làm người và quyền làm chủ đất nước, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, khẳng định vị trí của mình trong hàng ngũ các dân tộc đi tiên phong trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và tiến bộ xã hội. Chúng ta đã tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước lâu dài, gian khổ và vô cùng vẻ vang, với chiến thắng lẫy lừng Điện Biên Phủ 1954 và đại thắng mùa Xuân 1975, bảo vệ nền độc lập và thống nhất Tổ quốc. Kế thừa và phát huy truyền thống của tổ tiên, nhân dân ta đã ghi tiếp những trang sử vẻ vang trong thời đại mới. Đó là thiên anh hùng ca giải phóng dân tộc được viết nên bằng xương máu của nhiều thế hệ, bằng sức mạnh của mấy ngàn năm văn hiến, bằng ý chí sắt đá của cả dân tộc "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt nhân dân ta chân thành cảm ơn bạn bè quốc tế gần xa đã hết lòng ủng hộ, giúp đỡ

chúng ta trong những năm tháng đấu tranh gian khổ đó, góp phần tích cực vào thắng lợi của nhân dân Việt Nam.

Ngày nay, vượt qua khó khăn trong nước và những thử thách do tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, nhân dân ta đang nỗ lực tiến hành công cuộc đổi mới sâu rộng, toàn diện do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo, đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Đất nước không những đứng vững mà còn tiếp tục tiến lên; đời sống của số đông nhân dân được cải thiện; dân chủ ngày càng mở rộng, Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân không ngừng củng cố; quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta với các nước trong cộng đồng thế giới không ngừng phát triển, uy tín quốc tế của Việt Nam không ngừng nâng cao. Đạt được những thành tựu đó là do công sức của nhân dân, của mọi người Việt Nam yêu nước thuộc các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, từ miền ngược đến miền xuôi, từ thành thị đến nông thôn, đồng bào trong nước và đồng bào đang sinh sống ở nước ngoài; mọi người đều đồng tâm nhất trí, đoàn kết chặt chẽ, hăng hái thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Là dân tộc đã từng trải qua những hy sinh to lớn trong chiến tranh và những nỗ lực vượt bậc trong xây dựng, nhân dân Việt Nam có nguyện vọng thiết tha và xứng đáng được hưởng một cuộc sống trong hoà bình, độc lập, tự do, hạnh phúc và có đủ khả năng để phấn đấu biến nguyện vọng đó thành hiện thực. Song con đường đi tới đích còn nhiều chông gai, thử thách. Đến nay, bên cạnh những thuận lợi và thời cơ tạo ra vận hội cho giai đoạn phát triển mới của dân tộc, nước ta vẫn đang còn trong tình trạng lạc hậu, nghèo nàn; thu

nhập binh quân đầu người còn thấp hơn nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Trong khi đó, vẫn còn những nhân tố gây mất ổn định không thể xem thường. Mặt khác, nạn tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội đang diễn ra nghiêm trọng, khiến cho tình hình càng thêm phức tạp.

Sinh thời, Bác Hồ thường nhắc nhở "Để mười lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Nhân dân đã là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong chiến tranh và thành tựu trong đổi mới, thì nhân dân cũng là nhân tố quyết định nắm lấy vận hội, khắc phục khó khăn, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách để vươn lên thoát khỏi lạc hậu, nghèo nàn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, đưa nước ta tiến kịp các nước phát triển trong cộng đồng thế giới.

Đó là nhiệm vụ trọng đại đang đặt ra cho thế hệ ngày nay. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải ra sức xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập, tự chủ, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết mọi người trong nước và ở nước ngoài trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, tạo ra sức mạnh của nhân dân cả nước để thực hiện mục tiêu cao cả đó.

Giai cấp công nhân Việt Nam là lực lượng tiên phong của dân tộc, hơn nửa thế kỷ qua đã đi đầu trong cuộc đấu tranh cách mạng dân tộc - dân chủ nhân dân và ngày nay lại đang đi đầu trong sự nghiệp đổi mới. Cơ cấu kinh tế nước ta đang có chuyển dịch lớn, gắn với những biến đổi trong cơ cấu xã hội và trong bản thân giai cấp công nhân. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, năm triệu công nhân và lao động nước ta hiện nay không chỉ làm việc trong các doanh nghiệp nhà

nước hay tập thể, mà cả trong những doanh nghiệp tư nhân, các liên doanh với nước ngoài. Phải nâng cao trình độ mọi mặt của giai cấp công nhân, tăng cường đoàn kết trong nội bộ giai cấp công nhân, giữa những người lao động trong và ngoài doanh nghiệp nhà nước, thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc; đồng thời hợp tác với các nhà doanh nghiệp tư nhân, các chủ đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế; làm ăn đúng pháp luật, chính sách và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước; tôn trọng quyền lợi hợp pháp của giới chủ, đồng thời bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động.

Nông dân là lực lượng đông đảo của cách mạng nước ta, đã chịu đựng gian khổ, hy sinh, có nhiều đóng góp to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của cách mạng trong giai đoạn mới hiện nay là phấn đấu xây dựng nông thôn giàu đẹp, tiến bộ, không ngừng cải thiện đời sống nông dân trên cả nước, bảo đảm tốt hơn công bằng xã hội và dân chủ ở nông thôn, chăm lo các vấn đề giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, dân số và kế hoạch hoá gia đình, từng bước thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Trí thức Việt Nam đã gắn bó với nhân dân lao động, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc trong hơn nửa thế kỷ qua. Đội ngũ trí thức nước ta ngày càng đông đảo, với gần 70 vạn người có trình độ đại học và trên đại học, là lực lượng đang và sẽ có nhiều đóng góp to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhiều người có uy tín lớn trên thế giới. Nhân dân ta rất tự hào về đội ngũ trí thức của mình, được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau

nhưng cùng chung một nguyện vọng xây dựng đất nước ngày càng tươi đẹp hơn, giàu mạnh hơn. Mặt trận cần mở rộng đoàn kết các nhà trí thức Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài. Nhà nước cần có chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài. Trí thức là đại diện cho trí tuệ của dân tộc, luôn nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình đối với tiền đồ của Tổ quốc. Những trí thức chân chính bao giờ cũng nặng lòng yêu nước, thương dân, dám rũ bỏ tị hiềm, mặc cảm để làm tròn trách nhiệm của mình với dân, với nước. Ông cha ta đã để lại những tấm gương lớn của nhiều nhà trí thức như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, La Sơn Phu Tử, Ngô Thì Nhậm, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền... Ngày nay, Bác Hồ cũng truyền lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu về thu phục nhân tâm, trọng dụng nhân tài.

Liên minh công nhân, nông dân và trí thức nước ta là lực lượng chủ yếu trong Mặt trận, làm nòng cốt tập hợp, động viên sức mạnh của toàn dân để tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tầng lớp tiểu chủ, tư sản dân tộc đã tỏ rõ lòng yêu nước, đóng góp khả năng của bản thân và gia đình mình vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, Đảng và Nhà nước ta tạo môi trường thuận lợi hơn nữa nhằm khuyến khích tư nhân hăng hái đầu tư phát triển sản xuất, tích cực tham gia quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà.

Hiện nay có hơn hai triệu đồng bào vì nhiều lý do và hoàn cảnh khác nhau đã rời quê hương định cư ở nước ngoài.

Đây là một bộ phận khăng khít trong đại gia đình dân tộc Việt Nam. Chúng ta khẳng định rằng tuyệt đại bộ phận người Việt Nam hoặc gốc Việt sinh sống ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc, nhớ đến cội nguồn, mong muốn góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân dân hạnh phúc, sánh vai với các nước văn minh, hiện đại. Vừa qua, nhiều người đã có đóng góp xứng đáng; nay cần tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để bà con tìm hiểu tình hình đất nước, chính sách đối mới của Đảng và Nhà nước, tạo cơ hội cho bà con đóng góp thiết thực và có hiệu quả vào sự nghiệp chung của nhân dân ta.

Gần 20 năm trôi qua kể từ khi thống nhất nước nhà, đại đa số những người làm việc với chế độ cũ, dù đang ở trong nước hay đang định cư ở nước ngoài, đã hoà nhập cộng đồng dân tộc. Đó là truyền thống của dân tộc ta. Đó cũng là tấm gương sáng mà Bác Hồ để lại. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Người đã thay mặt nhân dân cả nước mở rộng vòng tay tiếp nhận những người tiêu biểu trong chế độ cũ và giao phó những chức vụ quan trọng. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Bác Hồ đã thiết tha kêu gọi "tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đã đứng về phe nào, chúng ta hãy thật thà cộng tác, vì dân, vì nước mà phấn đấu để thực hiện hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong nước Việt Nam yêu quý của chúng ta".

Nước ta có nhiều dân tộc và đồng bào theo các tôn giáo khác nhau. Chúng ta phải ra sức thực hiện bình đẳng dân tộc, thiết thực chăm lo đời sống tinh thần và vật chất của đồng bào, thực hiện tốt xoá đói, giảm nghèo, chống nạn mù chữ, nâng cao dân trí, phòng chữa bệnh, chống thoái hoá

giống nòi trong một số dân tộc. Quan tâm đầy đủ hơn nữa đến cuộc sống của đồng bào dân tộc ở các vùng xa, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Coi trọng đoàn kết lương giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng; không can thiệp vào công việc nội bộ các tôn giáo; khuyến khích tinh thần "tốt đời, đẹp đạo", hướng tới chân, thiện, mỹ; chống mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng. Việc nghiêm trị một số ít kẻ lợi dụng tôn giáo để chia rẽ dân tộc, phá hoại đoàn kết, vi phạm pháp luật là nhằm giữ vững kỷ cương của đất nước, bảo đảm lợi ích của giáo dân và của cả cộng đồng.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhiều lần nêu rõ tư tưởng và quan điểm của mình về đại đoàn kết dân tộc. Chúng ta đang sống trong bối cảnh quốc tế mà vấn đề dân tộc trở thành một nhân tố cực kỳ quan trọng. Một lần nữa, thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi thiết tha kêu gọi toàn thể đồng bào Việt Nam hãy thấm nhuần tư tưởng cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, hoà hợp thành một khối thống nhất vì lợi ích của đất nước và dân tộc, cùng nhau ra sức phấn đấu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm thất bại mọi mưu toan của bất cứ thế lực nào cản trở bước tiến của nhân dân ta.

Thưa các vị và các đồng chí,

Thực hiện đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các cấp, các ngành, trong đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò quan trọng.

Từ khi mới thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn chăm lo đến chính sách, tổ chức và công tác mặt

trận. Trong tình hình mới, chính sách, tổ chức và công tác mặt trận càng trở nên quan trọng. Vừa qua, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất"; coi đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản, thể hiện trong chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng xã hội.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, từ kinh nghiệm bản thân và qua kiểm nghiệm trong thực tiễn, nhân dân ta đã thừa nhận Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam. Sự thừa nhận ấy là khách quan, không tùy thuộc vào bất kỳ ý muốn và sức mạnh chủ quan nào, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo".

Hơn sáu mươi năm qua, nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình, Đảng đã lãnh đạo, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều ghềnh thác hiểm nghèo, cùng nhân dân từng bước tiến lên giành thắng lợi vẻ vang. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn ý thức rằng: Đảng ở trong lòng dân, Đảng tồn tại vì nhân dân, Đảng đại diện trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam. Chỉ có phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với

nhân dân, Đảng mới được nhân dân tin yêu, quý trọng. Chính nhân dân là nguồn gốc của mọi thắng lợi như Bác Hồ từng nói:

*"Gốc có vững cây mới bền
Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân".*

Những người cộng sản Việt Nam biết ơn sâu sắc nhân dân và Tổ quốc Việt Nam đã sinh thành và nuôi dưỡng, xây dựng và ủng hộ Đảng với tất cả tấm lòng thủy chung son sắt, giúp Đảng thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Đảng Cộng sản Việt Nam chân thành cảm ơn Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam đã gắn bó keo sơn với Đảng trong mọi thời kỳ cách mạng, lúc khó khăn, sóng gió cũng như khi thắng lợi vẻ vang; cùng Đảng tập hợp toàn dân dưới ngọn cờ đại nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Đảng rất tự hào vì đã xứng đáng là một thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Với tinh thần trên đây, các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự, các tổ chức đảng phải quán triệt và tích cực thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể; đổi mới nội dung, phương thức và phong cách hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể; kiểm điểm và ra sức khắc phục tình trạng xem nhẹ chính sách và công tác mặt trận, thậm chí tự đặt mình đứng trên hoặc đứng ngoài Mặt trận.

Với tư cách là thành viên, Đảng có trách nhiệm trình bày với Mặt trận các chủ trương, chính sách của Đảng, cùng bàn bạc, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên của Mặt trận, động viên phong trào hành

động cách mạng rộng lớn của nhân dân; giáo dục cán bộ, đảng viên nhận rõ tầm quan trọng của chính sách và công tác mặt trận, gương mẫu tham gia các hoạt động của Mặt trận, khiêm tốn tiếp thu ý kiến nhận xét, phê bình của nhân dân và tích cực sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm của mình.

Đảng phải lãnh đạo hệ thống chính trị thực hiện tốt chính sách và công tác mặt trận, tạo điều kiện để Mặt trận làm tốt chức năng của mình. Đối với những chủ trương, chính sách lớn, có ý nghĩa quan trọng về quốc kế dân sinh, Đảng cần lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể có liên quan trước khi quyết định.

Nhà nước là cơ quan quản lý, điều hành công việc quốc gia, bàn bạc với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thể chế hoá về mặt nhà nước quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận trong việc xây dựng, hoàn thiện các chính sách mặt trận đã có và những chính sách mới sẽ ban hành. Trước mắt, rà soát và bổ sung các chính sách về dân tộc, tôn giáo, Việt kiều, trí thức, bao gồm trí thức Việt và gốc Việt; xây dựng chính sách bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài; chính sách đối với những người có công với nước; chính sách hợp tác giữa người lao động với nhà doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển đất nước hiện nay. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp cùng Mặt trận đồng cấp xây dựng quy chế phối hợp, thực hiện đầy đủ những điều Hiến pháp và pháp luật đã quy định đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Mặt trận, nhất là phương tiện, điều kiện làm việc, kinh phí... giáo dục viên chức nhà nước quán triệt chính sách mặt trận trong công việc của mình.

Từ khi thành lập, Mặt trận Dân tộc thống nhất của chúng ta, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử với nhiều tên gọi khác nhau, đã luôn giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc tập hợp và đoàn kết toàn dân vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, trước vận hội mới đang mở ra tiền đồ tươi sáng của đất nước, Mặt trận phải thật sự trở thành liên minh rộng rãi và tự nguyện của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu thuộc các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, thể hiện ý chí và nguyện vọng của toàn dân, tập hợp mọi nguồn trí tuệ của dân tộc để cùng nhau trao đổi và tìm kiếm những giải pháp tích cực, phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên với chính quyền, góp phần thực hiện mục tiêu chung của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Mặt trận là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tổ chức trên cơ sở liên hiệp, làm việc theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, hoạt động theo phương thức phối hợp và thống nhất hành động. "Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức nhà nước" như Điều 9 Hiến pháp 1992 đã quy định.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam hoan nghênh và tán thành phương hướng, nhiệm vụ chung của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng như một số chủ trương

lớn và các giải pháp nêu trong Báo cáo chính trị và Chương trình Mặt trận do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình bày tại Đại hội.

Chúng tôi xin nhấn mạnh một số điểm sau đây:

Một là, nhiệm vụ bao trùm của Mặt trận Dân tộc thống nhất trong giai đoạn hiện nay là: tập hợp đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước, tán thành công cuộc đổi mới, tán thành mục tiêu độc lập dân tộc, giữ vững chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu: "xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". Mục tiêu đó cũng chính là nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng.

Hai là, những nhiệm vụ lớn để củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay là:

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của dân; mọi người sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, giữ nghiêm trật tự, kỷ cương trong bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể và trong toàn xã hội; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

- Xây dựng và thực hiện chính sách đúng đắn, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; cải thiện đời sống nhân dân; từng bước giải quyết tốt

những vấn đề xã hội, trước hết là việc làm cho người lao động; triển khai trong toàn quốc phong trào xoá đói giảm nghèo đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp; vận động toàn dân ra sức thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống để tích lũy đầu tư phát triển; kiên quyết chống lãng phí, quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

- Xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh và thực hiện các chính sách văn hoá, xã hội, từng bước xã hội hoá công tác văn hoá - xã hội.

- Củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, tăng cường an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ chế độ, bảo vệ và phát huy những thành quả cách mạng.

- Song song với hoạt động đối ngoại nhà nước, cần mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội, các tổ chức quốc tế, trên cơ sở hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, theo những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

Ba là, kiện toàn tổ chức và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Những biến đổi sâu sắc về cơ cấu và thành phần kinh tế cũng như sự biến đổi về các giai tầng xã hội đã đem lại cho Mặt trận những yếu tố mới. Trước tình hình đó, để bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và mục tiêu trước mắt cũng như nhiệm vụ bao trùm đã nêu trong Báo cáo chính trị và Chương trình hành động của Mặt trận, Mặt trận và các tổ chức thành viên cần đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính,

quan liêu, cải tiến hình thức, nội dung sinh hoạt và tập hợp nhân dân, nhất là ở cơ sở, để nâng cao chất lượng hội viên, đoàn viên.

Mặt trận cần mở rộng tổ chức và hoạt động thực tiễn, tham gia thiết thực các hoạt động cụ thể của xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của mình, mang lại lợi ích thiết thực cho các tổ chức thành viên và các tầng lớp nhân dân. Các đoàn thể cần tích cực mở rộng và đa dạng hoá việc tập hợp lực lượng nhằm thu hút đông đảo nhân dân thuộc giới mình, góp phần mở rộng mặt trận chung.

Mặt trận cần hướng mạnh về cơ sở, trên mọi địa bàn dân cư, đến từng hộ gia đình. Cùng với thống nhất hành động thông qua tổ chức thành viên, cần coi trọng hơn nữa việc thực hiện đoàn kết thông qua các phong trào chung, hành động chung của đông đảo nhân dân, hợp tác với từng nhóm và cá nhân riêng biệt.

Thưa các vị và các đồng chí,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam diễn ra trong thời điểm rất có ý nghĩa, vào lúc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng vừa ra nghị quyết nhằm đẩy tới một bước công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa nước ta chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới trong lịch sử dân tộc. Đó là một nghị quyết hành động, là sự nghiệp của toàn dân.

Trải qua mấy nghìn năm đấu tranh bất khuất, kiên cường để bảo vệ nền độc lập, đến nay nước ta vẫn đang là một nước nông nghiệp lạc hậu, nghèo nàn. Ý chí sắt đá và nguyện vọng tha thiết của toàn dân ta lúc này là phải quyết

tâm đưa đất nước ra khỏi tình trạng đó, trở thành một nước Việt Nam giàu đẹp, vững mạnh, văn minh, hội nhập dòng thời đại với đầy đủ bản sắc của mình. Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá chỉ có thể hoàn thành khi cả dân tộc ta đồng tâm nhất trí, triệu người như một, mang hết tinh thần, nghị lực và tài năng cống hiến cho đất nước, vì tương lai xán lạn của thế hệ hôm nay và con cháu mai sau.

Đảng Cộng sản Việt Nam nguyện mãi mãi xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân ta thuộc mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, quyết tâm cùng toàn dân thực hiện bằng được sự nghiệp vô cùng trọng đại đó.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 88-QĐ/TW, ngày 5 tháng 9 năm 1994

**Thành lập trường chính trị cấp tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương**

Nhằm tăng cường và thống nhất sự lãnh đạo, quản lý của các tỉnh, thành uỷ và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,

Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trên cơ sở thống nhất trường đảng và trường hành chính hoặc trường quản lý nhà nước của tỉnh, thành phố, gọi là trường chính trị tỉnh, thành phố.

2. Trường chính trị tỉnh, thành phố là đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh, thành uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố; có vị trí như một ban, ngành cấp tỉnh; có chức năng và nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

a) Đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và các đơn vị tương đương); trưởng, phó phòng huyện, quận; trưởng, phó phòng của các ban, ngành cấp tỉnh và cán bộ dự nguồn các chức danh trên.

b) Bồi dưỡng ngắn hạn các đối tượng trên về lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

c) Bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, về quản lý hành chính nhà nước và về công tác vận động quần chúng.

d) Tham gia nghiên cứu khoa học và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn ở địa phương.

3. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Chính phủ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Ban Dân vận Trung ương xây dựng quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các trường chính trị tỉnh, thành phố trong phạm vi cả nước.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo về nội dung, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh, thành phố, về tổ chức biên chế, chế độ chính sách đối với cán bộ và học viên của trường.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý nhà nước về quy chế đào tạo, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của trường.

5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Học viện Hành chính quốc gia, các ban đảng, Ban Cán sự Đảng và đảng đoàn có liên quan để xây dựng và hướng dẫn thống nhất nội dung chương trình, phương

pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng giảng viên cho trường.

6. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia, các ban Trung ương Đảng, các Ban Cán sự Đảng và đảng đoàn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 84-TB/TW, ngày 6 tháng 9 năm 1994

Ý kiến của Ban Bí thư về việc chuẩn bị đề án hợp tác với nước ngoài trên lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật

Ngày 31-8-1994, Ban Bí thư đã nghe Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và một số ban, ngành liên quan báo cáo và xin ý kiến về việc hợp tác với nước ngoài trên lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, thông tin. Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Tăng cường và mở rộng hợp tác với nước ngoài trên lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật là một trong những chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước ta.

Cần có sự đánh giá nghiêm túc những kết quả đã đạt được và những thiếu sót, khuyết điểm trong hoạt động đối ngoại trên lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật thời gian qua để làm cơ sở cho việc xác định đúng phương hướng và nhiệm vụ trong giai đoạn tới.

2. Việc mở rộng trao đổi, hợp tác văn hoá, nghệ thuật với nước ngoài phải nhằm giới thiệu rộng rãi những giá trị của nền văn hoá dân tộc ta với các dân tộc trên thế giới, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của thế giới đối với sự

nghiệp đổi mới của nước ta; đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của văn hoá thế giới, đáp ứng các nhu cầu về đời sống tinh thần của nhân dân ta và các yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nước ta trước mắt cũng như về lâu dài.

3. Cần nhận thức đầy đủ tính chất vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong mở rộng quan hệ đối ngoại trên lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật. Trong khi mở rộng cửa để tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hoá của các dân tộc trên thế giới cần tỉnh táo đấu tranh khôn khéo, có hiệu quả chống lại các âm mưu và thủ đoạn của các thế lực đế quốc và phản động dùng văn hoá, nghệ thuật làm công cụ chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; loại trừ các sản phẩm văn hoá, nghệ thuật độc hại.

4. Để có cơ sở mở rộng quan hệ đối ngoại về văn hoá, nghệ thuật, phải chăm lo bảo vệ và phát triển nền văn hoá nghệ thuật dân tộc, đồng thời xác định đúng phương hướng, yêu cầu hợp tác với nước ngoài, những khu vực cần ưu tiên (chú trọng các nước đang phát triển, các nước trong khu vực Á, Phi, Mỹ Latinh), nghiên cứu kỹ các đối tác, chuẩn bị tốt nội dung, lực lượng và các điều kiện khác, bảo đảm việc triển khai có hiệu quả và vững chắc, không làm ô ạt.

5. Cần soát xét và có biện pháp củng cố, tăng cường có trọng điểm lực lượng tùy viên văn hoá của các sứ quán ta ở nước ngoài. Chọn những người có quan điểm đúng, hiểu biết về văn hoá, nghệ thuật để làm tùy viên văn hoá ở một số nước cần thiết.

6. Ban Bí thư đề nghị Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì cùng với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Cán sự

Đảng Bộ Văn hoá - Thông tin, có sự tham gia của Ban Đối ngoại Trung ương, Đảng đoàn Liên hiệp các Hội văn học - nghệ thuật Việt Nam và Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, chuẩn bị đề án về tăng cường và mở rộng hợp tác văn hoá, nghệ thuật với nước ngoài (phần hợp tác trong lĩnh vực thông tin cần có đề án riêng) trình Bộ Chính trị cho ý kiến chỉ đạo.

Đề án cần hoàn thành và gửi Bộ Chính trị cuối tháng 10-1994.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 86-TB/TW, ngày 15 tháng 9 năm 1994

Kết luận của Bộ Chính trị về dự án Luật Ngân sách nhà nước

Tại phiên họp ngày 9-9-1994, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình một số vấn đề của dự án Luật Ngân sách nhà nước, ý kiến phát biểu của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và quyết định như sau:

1. Nội dung chủ yếu của Luật Ngân sách nhà nước phải thể hiện được chính sách tài chính quốc gia, nhằm động viên, thu hút, tập trung các nguồn tài chính để thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Dự thảo Luật Ngân sách nhà nước lần này chưa thể hiện được tinh thần đó; do vậy, chưa nên trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp lần thứ sáu Quốc hội khoá IX (10-1994).

2. Đối với những vấn đề cần thiết trong phân cấp và quản lý ngân sách, trước mắt đề nghị Chính phủ có thể ban hành nghị định, nếu cần Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc xây dựng đề án về "Chính sách tài chính quốc gia" và trình Bộ Chính trị

xem xét ra nghị quyết về vấn đề này vào quý I-1995. Trên cơ sở đó chỉnh lý và hoàn thiện dự án Luật Ngân sách nhà nước để trình Quốc hội thông qua vào cuối năm 1995.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 89-TB/TW, ngày 15 tháng 9 năm 1994

Ý kiến Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư về Đại hội lần thứ VI Hội Nhà báo Việt Nam

Ngày 2-8-1994, Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư đã nghe Đảng đoàn Hội Nhà báo Việt Nam báo cáo về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của Hội. Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Những năm qua, báo chí nước ta tiếp tục có bước phát triển mới về số lượng và chất lượng, về nội dung và hình thức. Báo chí cố gắng đổi mới về nội dung thông tin, ngôn luận, góp phần tích cực vào việc giữ gìn sự ổn định chính trị xã hội, thúc đẩy đổi mới về kinh tế, đề cập và tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và các hiện tượng tiêu cực khác... Đội ngũ những người làm báo có sự phát triển về số lượng, trình độ nghề nghiệp được nâng cao.

Tuy vậy, báo chí cũng còn nhiều điểm yếu: thông tin đa dạng nhưng tính chiến đấu chưa cao, chưa phản ánh tốt thực tiễn Việt Nam; thiếu những bài điều tra phóng sự, nghị luận có giá trị phát hiện vấn đề và định hướng dư luận; có những

thông tin về tình hình quốc tế thiếu chọn lọc; vẫn còn có những biểu hiện thương mại hoá; có một số biểu hiện chệch hướng. Trong đấu tranh chống tiêu cực, còn có những vụ việc đưa không chính xác, đưa sai, nhưng không đính chính, gây khó khăn cho việc giải quyết. Trong những nguyên nhân dẫn đến sai sót cần chú ý những tiêu cực của một số ít nhà báo.

2. Báo chí Việt Nam là công cụ sắc bén về tư tưởng và văn hoá của Đảng và Nhà nước, của các đoàn thể chính trị, xã hội, vừa là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước, của các đoàn thể, vừa là diễn đàn của nhân dân.

Báo chí phải phục vụ sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Báo chí phải có tính chiến đấu cao, động viên, cổ vũ toàn dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chống sự chệch hướng, phê phán kịp thời các quan điểm sai trái, đấu tranh kiên quyết chống tham nhũng, buôn lậu..., chống các âm mưu và thủ đoạn diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch.

3. Hội Nhà báo Việt Nam là tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của những người làm báo Việt Nam, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hội tập hợp, đoàn kết, góp phần tạo điều kiện để các nhà báo phát huy tài năng sáng tạo, nâng cao bản lĩnh phục vụ đất nước và nhân dân ngày một tốt hơn. Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban Chấp hành Hội, trực tiếp là Ban Thư ký, đã có cố gắng, làm được nhiều việc để xây dựng Hội và động viên hội viên vào mặt trận báo

chí phục vụ sự nghiệp đổi mới. Tuy vậy, tổ chức lãnh đạo và lề lối làm việc của Hội cần được cải tiến và nâng cao, một số việc cần tiếp tục giải quyết cho tốt.

Phải nâng cao vai trò và trách nhiệm của báo chí trong đời sống xã hội, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam. Cần nhấn mạnh vai trò của Hội trong việc góp phần đào tạo và bồi dưỡng các nhà báo về chính trị, nghiệp vụ và kỹ năng, điều kiện cần thiết để các nhà báo theo kịp sự phát triển của xã hội cũng như của báo chí thế giới nhằm cống hiến ngày càng đắc lực hơn vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Cần xem xét tiêu chuẩn kết nạp hội viên để nâng cao chất lượng hội viên, đồng thời có kế hoạch đào tạo người làm báo.

4. Đại hội Hội Nhà báo Việt Nam là một đợt sinh hoạt chính trị, nghề nghiệp rất quan trọng của những người làm báo Việt Nam, Đại hội lần này họp trong tình hình có nhiều thuận lợi hơn Đại hội lần trước. Tuy vậy, cũng phải thấy mặt khó khăn, phức tạp của tình hình. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá đúng tình hình báo chí từ Đại hội V Hội Nhà báo đến nay, nêu được những vấn đề có tính tổng kết về cả mặt làm được cũng như chưa làm được, về những thành tựu cần phát huy và những khuyết điểm, nhược điểm cần kiên quyết khắc phục; phải căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Đảng (chú ý Chỉ thị 08 của Ban Bí thư) để tiến hành việc tổng kết và từ đó xác định phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới.

Ban Chấp hành do Đại hội bầu phải bao gồm những người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để làm tốt công tác hội, bảo đảm tập hợp đoàn kết đội ngũ những người làm báo.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương cần bàn bạc kỹ với Đảng đoàn, Ban Thư ký Hội Nhà báo hiện nay để chỉ đạo xây dựng nội dung và kế hoạch xúc tiến các công việc chuẩn bị nhằm bảo đảm thắng lợi của Đại hội. Các cấp uỷ đảng ở địa phương có nhiệm vụ chỉ đạo việc tiến hành tốt Đại hội Hội Nhà báo địa phương, cử đại biểu đủ tiêu chuẩn và tạo điều kiện để các đại biểu đến dự, bảo đảm thành công của Đại hội toàn quốc.

Kinh phí của Đại hội sẽ do Hội Nhà báo Việt Nam trình Chính phủ xem xét và quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 43-CT/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1994

Về cuộc vận động ủng hộ nhân dân Cuba

Trong lúc nhân dân ta kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kể cả những lúc gian khổ nhất, Đảng, Chính phủ và nhân dân Cuba đã hết lòng ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta, thể hiện tinh thần quốc tế vô sản cao quý. Năm 1993, trước những khó khăn của Cuba, nhân dân ta đã nhiệt tình hưởng ứng cuộc vận động giúp đỡ Cuba, quyên góp tặng nhân dân Cuba 1,3 vạn tấn gạo, trên 300 triệu đồng hàng tiêu dùng và 5 triệu suất giấy bút. Chính phủ ta đã thực hiện Hiệp định trong ba năm, mỗi năm ta bán trả chậm cho Cuba 10 vạn tấn gạo.

Đảng, Chính phủ và nhân dân Cuba đánh giá rất cao sự ủng hộ nhiệt tình của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta.

Hiện nay, nhân dân Cuba tiếp tục gặp những thử thách lớn, thiếu thốn gay gắt về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng.

Thể hiện tình cảm cách mạng của nhân dân ta đối với nhân dân Cuba và góp phần giúp nhân dân Cuba vượt qua

khó khăn thử thách, Ban Bí thư yêu cầu tiến hành một số công việc sau đây:

1. Mở cuộc vận động mới trong quý IV-1994 nhân dân ta tự nguyện góp tiền mua lương thực, thực phẩm ủng hộ nhân dân Cuba. Đối tượng cuộc vận động là các tầng lớp nhân dân, các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Riêng cán bộ, công nhân, viên chức hưởng lương, kể cả các lực lượng vũ trang và các đơn vị kinh tế quốc doanh góp một ngày lương cho cuộc vận động này.

Cuộc vận động này do Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với Chính phủ chỉ đạo tổ chức thực hiện.

2. Chính phủ sẽ phát hành một đợt trái phiếu đặc biệt để huy động vốn mua lương thực bán trả chậm cho Cuba ngoài số lượng đã ký trong hiệp định giữa hai Chính phủ. Các cấp ủy Đảng, Ban Cán sự Đảng, chính quyền, các đảng đoàn, đoàn thể nhân dân các cấp có trách nhiệm lãnh đạo làm tốt công tác tuyên truyền vận động để đông đảo nhân dân tích cực mua trái phiếu.

3. Các cấp ủy đảng, các đảng viên có trách nhiệm thực hiện và vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các công việc trên đây. Qua đó, giáo dục tình cảm cách mạng, tình đoàn kết quốc tế trong sáng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta.

4. Ban Dân vận Trung ương theo dõi cuộc vận động mới này và báo cáo Ban Bí thư.

Chỉ thị này phổ biến đến đảng viên.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 44-CT/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1994

**Về mở rộng và đổi mới hoạt động đối ngoại
nhân dân**

1. Từ sau Đại hội lần thứ VII của Đảng, hoạt động đối ngoại nhân dân được mở rộng, góp phần tạo môi trường quốc tế thuận lợi, phục vụ công cuộc đổi mới, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, những hoạt động đó chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới, còn có những thiếu sót và sơ hở cần được khắc phục.

Công tác đối ngoại nhân dân là *bộ phận cấu thành công tác đối ngoại chung của nước ta*. Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba (khoá VII) đã đề ra nhiệm vụ: mở rộng và đổi mới hoạt động đối ngoại nhân dân nhằm giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, theo tinh thần "Việt Nam muốn là bạn

của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển".

2. Hoạt động đối ngoại của các đoàn thể quần chúng, tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ phải thể hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế một cách sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp với khả năng từng tổ chức, đoàn thể của ta và đặc điểm từng đối tượng nước ngoài ta có quan hệ.

3. Hoạt động đối ngoại nhân dân nhằm:

a) Làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ đất nước và con người Việt Nam, chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, tranh thủ thiện cảm, sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân các nước đối với công cuộc đổi mới, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

b) Tăng cường tình hữu nghị, mở rộng quan hệ hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới, bày tỏ sự đoàn kết, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của các dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ, tiến bộ xã hội và giải quyết những vấn đề có tính toàn cầu như loại trừ vũ khí hạt nhân, phòng chống bệnh AIDS, bảo vệ môi trường, v.v.. Đấu tranh với những quan điểm, ý đồ và hành động xấu của một số người và tổ chức nước ngoài đối với ta.

Tham gia tích cực góp phần duy trì và đổi mới hoạt động của các tổ chức quốc tế mà ta là thành viên phù hợp với tình hình mới của thế giới.

c) Tranh thủ sự giúp đỡ của nhân dân các nước trên thế giới về vốn, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý kinh tế và quản lý xã hội, đào tạo cán bộ...

Việc phát triển quan hệ với các cá nhân, nhân sĩ nước ngoài, các tổ chức chính trị - xã hội, phi chính phủ, hội nghề nghiệp, quốc gia, khu vực và quốc tế có lợi cho các mục đích nói trên.

4. Khi mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân cần chú ý:

a) Tăng cường công tác nghiên cứu tình hình, đặc điểm, tôn chỉ, mục đích, thái độ chính trị, thực lực của đối tượng mà ta có quan hệ để có chính sách đúng.

b) Nâng cao cảnh giác, giữ gìn bí mật quốc gia, giữ vững độc lập chủ quyền, an ninh chính trị nội bộ, chống "diễn biến hoà bình".

Quản lý tốt các hội nghị, hội thảo, lớp bồi dưỡng do nước ngoài tổ chức ở nước ta và cử người có đủ tiêu chuẩn đi dự hội nghị, hội thảo, lớp bồi dưỡng tổ chức ở nước ngoài theo đúng quy định của Đảng và Chính phủ ta.

c) Nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động đối ngoại nhân dân, khắc phục tình trạng chạy theo lợi ích vật chất do nước ngoài hứa hẹn mà quên lợi ích chính trị, danh dự và nhân phẩm của phía ta.

d) Tích cực và khẩn trương bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ đối ngoại nhân dân có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức phẩm chất tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, nắm vững đường lối, chính sách đối ngoại, có năng lực nghiệp vụ và trình độ ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác đối ngoại nhân dân.

đ) Có chính sách tạo điều kiện vật chất cho công tác đối ngoại nhân dân mở rộng hoạt động; từng bước phân cấp quản

lý, xét duyệt hoạt động đối ngoại nhân dân phù hợp với tính chất, đặc điểm và quy mô hoạt động đối ngoại của từng tổ chức chính trị - xã hội, phi chính phủ, hội nghề nghiệp.

5. Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị của Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp chịu trách nhiệm chỉ đạo và quản lý các hoạt động đối ngoại trong Mặt trận, đoàn thể, tổ chức và hội của mình cả về phương hướng, chủ trương, chính sách, kế hoạch hoạt động đối ngoại lẫn quản lý nhân sự; định kỳ ba tháng một lần báo cáo Ban Bí thư thông qua Ban Đối ngoại Trung ương Đảng về kết quả hoạt động đối ngoại; khi cần và khi gặp những tình huống phức tạp về đối ngoại phải xin ý kiến trước Ban Bí thư.

Các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm lãnh đạo và quản lý hoạt động đối ngoại nhân dân ở địa phương mình.

Ban Đối ngoại Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 93-TB/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1994

Ý kiến của Ban Bí thư về hoạt động của ngân hàng nước ngoài và ngân hàng cổ phần

Ngày 7-9-1994, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước báo cáo về hoạt động của ngân hàng nước ngoài và ngân hàng cổ phần ở nước ta, Ban Bí thư đã thảo luận và có ý kiến như sau:

1. Việc cho ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh hoặc đặt văn phòng đại diện ở Việt Nam để phục vụ yêu cầu thu hút vốn đầu tư, nâng cao chất lượng các dịch vụ ngân hàng trong nước vì tín dụng, thanh toán, giao dịch... là cần thiết. Nhưng khi quyết định số lượng và thứ tự ưu tiên cho các ngân hàng nước ngoài được mở chi nhánh hoặc đặt văn phòng đại diện ở nước ta thì cần xuất phát từ yêu cầu và khả năng quản lý của ta, từ ý định làm ăn với ta và khả năng huy động vốn đầu tư (nhất là đầu tư cho sản xuất) tại Việt Nam của từng đối tác.

Cần sơ kết, đánh giá hoạt động của các ngân hàng nước ngoài tại nước ta để rút kinh nghiệm cho việc tiếp tục cấp giấy phép, quy định lĩnh vực, phạm vi, quy mô hoạt động của

các chi nhánh và văn phòng đại diện của ngân hàng nước ngoài trong thời gian tới. Cần có cơ chế và các biện pháp thích hợp bảo đảm quản lý tốt hoạt động của các văn phòng đại diện và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trước mắt trong số những ngân hàng tiếp tục xin mở chi nhánh, cần xem xét kỹ, sắp xếp thứ tự ưu tiên, để thực hiện dần trong thời gian thích hợp.

2. Một số ngân hàng cổ phần trong nước đang có dấu hiệu hoạt động không lành mạnh, cần phải được theo dõi, kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ, đánh giá đúng để có biện pháp ngăn ngừa đổ bể. Trước mắt chưa phát triển thêm ngân hàng cổ phần.

3. Tán thành việc mở rộng thí điểm quỹ tín dụng nhân dân ở nông thôn, đồng thời nghiên cứu thí điểm lập quỹ tín dụng ở các đô thị.

4. Các ngân hàng quốc doanh phải được củng cố, đổi mới và phát triển, đóng vai trò chủ đạo, góp phần thúc đẩy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần thực hiện tốt hơn chức năng quản lý nhà nước, định hướng cho các tổ chức tín dụng thuộc các thành phần kinh tế tập trung đầu tư vào lĩnh vực sản xuất. Có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực để đưa vào hoạt động trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng ở tất cả các thành phần kinh tế.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 46-CT/TW, ngày 14 tháng 10 năm 1994

**Về lãnh đạo đổi mới và phát triển du lịch
trong tình hình mới**

Những năm gần đây, ngành du lịch nước ta đã có những tiến bộ bước đầu trong việc tổ chức đón ngày càng nhiều khách nước ngoài đến Việt Nam, Việt kiều về thăm Tổ quốc và nhân dân đi du lịch trong và ngoài nước; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy giao lưu văn hoá, làm cho nhân dân thế giới hiểu biết thêm về con người, đất nước Việt Nam, tranh thủ được thiện cảm và sự đồng tình, ủng hộ quốc tế đối với nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đóng góp một phần cho thu nhập trong nước.

Tuy nhiên, ngành du lịch nước ta còn ở trình độ thấp, hiệu quả kinh tế - xã hội chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu; ý thức phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, ngăn chặn các tệ nạn xã hội chưa cao; hình thức kinh doanh, phục vụ còn nghèo, chất lượng kém. Đội ngũ cán bộ, công nhân viên chưa được đào tạo tốt, kinh nghiệm ít, số lượng thiếu, trình độ nghiệp vụ và kiến thức chưa cao. Cơ sở hạ tầng phục vụ

du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành du lịch thiếu thốn, lạc hậu, phân tán. Tài nguyên và môi trường du lịch chưa được tu bổ, tôn tạo, giữ gìn và khai thác hợp lý. Việc bảo vệ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong hoạt động du lịch chưa được quan tâm thường xuyên. Những hiện tượng tiêu cực trong du lịch còn xảy ra. Các thủ tục tổ chức đón tiếp, hướng dẫn khách còn phiền hà, sơ hở. Việc quản lý các thành phần kinh tế kinh doanh du lịch theo đúng pháp luật chưa được coi trọng.

Những khuyết điểm trên do nhiều nguyên nhân. Chưa có nhận thức đúng về vị trí và tầm quan trọng về nhiều mặt của du lịch. Việc xây dựng chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch trong cả nước còn chậm, chưa có quy hoạch du lịch cụ thể cho từng vùng, từng địa phương. Công tác quản lý nhà nước về du lịch trong nhiều năm bị buông lỏng, nhất là đối với các thành phần ngoài quốc doanh. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương trong việc phát triển du lịch gắn với việc chống tệ nạn xã hội, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ an ninh chính trị và giữ vững trật tự an toàn xã hội. Đầu tư cho lĩnh vực du lịch còn hạn chế. Tổ chức bộ máy, công tác đảng, đoàn thể trong ngành chưa được chú trọng củng cố, tăng cường.

Trong tình hình mới, sự nghiệp du lịch cần được phát triển theo *những quan điểm sau đây*:

- Phát triển du lịch là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước nhằm góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Hoạt động du lịch phải đồng thời đạt hiệu quả

trên nhiều mặt: kinh tế, chính trị, văn hoá, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc và nhân phẩm con người Việt Nam, tiếp thụ có chọn lọc những tinh hoa văn hoá thế giới, góp phần thực hiện chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

- Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao, vì vậy phát triển du lịch là nhiệm vụ và trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội. Khuyến khích các thành phần kinh tế tổ chức kinh doanh du lịch dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước, trong đó doanh nghiệp nhà nước phát huy vai trò chủ đạo.

- Mở rộng giao lưu và hợp tác để phát triển du lịch quốc tế, đồng thời chú trọng phát triển du lịch nội địa, đáp ứng nhu cầu về du lịch ngày càng tăng của nhân dân, góp phần nâng cao dân trí, lòng yêu đất nước, quê hương, tăng cường sức khoẻ, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Mục tiêu của ngành du lịch từ nay đến năm 2000 là đổi mới và phát triển các cơ sở và phương thức kinh doanh phục vụ, tạo được các sản phẩm du lịch mang tính dân tộc, kết hợp với tính hiện đại, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đón khách du lịch và những chỉ tiêu kinh tế, xã hội Nhà nước giao, tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ và lành mạnh du lịch Việt Nam vào đầu thế kỷ XXI.

Để lãnh đạo thực hiện phương hướng và mục tiêu trên, các cấp uỷ, các tổ chức đảng *thực hiện tốt những việc dưới đây:*

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác du lịch, đẩy mạnh công tác xây dựng, phát triển đảng và các đoàn thể nhân dân trong ngành du lịch.

2. Chỉ đạo các cơ quan nhà nước tăng cường quản lý; ban hành, sửa đổi, bổ sung các chính sách, luật pháp về công tác du lịch phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, bảo đảm có hiệu quả kinh tế cao, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội, tăng cường giao lưu quốc tế. Nhanh chóng kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về du lịch từ trung ương đến địa phương, từ doanh nghiệp du lịch của Nhà nước đến các doanh nghiệp du lịch thuộc các thành phần kinh tế khác, và sắp xếp hệ thống doanh nghiệp theo hướng chuyên môn hoá, hợp tác hoá.

3. Chỉ đạo ngành du lịch đổi mới quản lý, phối hợp với các ban, ngành, địa phương, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, để:

- Hướng dẫn, tổ chức phát triển du lịch theo đúng pháp luật, chấn chỉnh hoạt động của các cơ sở du lịch theo hướng lành mạnh, văn minh hiện đại, tạo ra những sản phẩm du lịch phong phú, đa dạng, chất lượng cao và đặc sắc của từng địa phương, từng vùng và cả nước để thu hút nhiều khách du lịch quốc tế.

- *Quản lý và phục vụ tốt* khách du lịch nước ngoài từ khi vào đến khi ra khỏi nước ta, vừa giảm thủ tục phiền hà để khách yên tâm, thoải mái, vừa bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Có kế hoạch huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành du lịch.

- Đổi mới công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ du lịch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên du lịch về trình độ chính trị, nghiệp vụ du lịch và an ninh. Chú trọng giáo dục toàn dân về công tác du lịch để phát huy lòng hiếu khách của dân tộc, nâng cao dân trí, tạo môi trường cho du lịch phát triển, làm cho khách du lịch hiểu thêm về đất nước, con người Việt Nam, tăng thêm thiện cảm và sự ủng hộ của họ đối với đất nước ta.

- Chỉ đạo việc phối hợp chặt chẽ liên ngành để đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch nhằm đẩy mạnh tuyên truyền quảng cáo du lịch ra nước ngoài, thông tin đối ngoại, mở rộng thị trường, thu hút khách và vốn đầu tư nước ngoài, tranh thủ công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý phát triển du lịch.

4. Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng và Tổng cục Du lịch tiến hành thông tin, tuyên truyền quảng cáo, phổ biến quan điểm, chủ trương của Đảng, các chính sách của Nhà nước về công tác du lịch, vai trò, vị trí và hiệu quả nhiều mặt của ngành du lịch, nêu gương người tốt, việc tốt, chống biểu hiện tiêu cực trong hoạt động du lịch.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn tổ chức quán triệt và thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 91-TB/TW, ngày 14 tháng 10 năm 1994

Ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội lần thứ III Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam

Ngày 5-10-1994, sau khi nghe Ban Thường vụ Trung ương Đoàn và Ban Thư ký Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam báo cáo về việc chuẩn bị Đại hội lần thứ III của Hội, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Trong giai đoạn mới, cần tăng cường mạnh mẽ công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên, bồi dưỡng và phát huy lực lượng thanh niên phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo tinh thần Nghị quyết Trung ương bốn về công tác thanh niên và Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc.

Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam là tổ chức xã hội rộng lớn, tự nguyện của thanh niên và các tổ chức thanh niên Việt Nam yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Hội hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng và với vai trò nòng cốt của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Hội tập hợp, đoàn kết, góp phần tạo điều kiện

để thanh niên phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tài năng và sức trẻ để cùng phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, cho cuộc sống và sự phát triển của thanh niên ngày một tốt hơn. Trong thời gian tới, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cần được củng cố và phát triển theo cả ba hướng: củng cố và mở rộng các tổ chức thành viên; kết nạp hội viên cá nhân; lôi cuốn, tập hợp đông đảo thanh niên bằng các phong trào cụ thể, thiết thực. Trong chương trình hoạt động của Hội cần chú ý cả hai lĩnh vực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bồi dưỡng cho thanh niên lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường; chăm lo giáo dục đạo đức, mở rộng các hoạt động xã hội, đẩy mạnh phong trào học tập, nâng cao trình độ dân trí về mọi mặt cho thanh niên... Ủy ban Hội các cấp cần tiêu biểu cho các đối tượng thanh niên (công nhân, nông dân, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, trí thức, các dân tộc, tôn giáo, doanh nghiệp trẻ, tài năng trẻ, thanh niên Việt Nam ở nước ngoài...).

2. Đồng ý để Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III vào cuối năm 1994.

Các cấp ủy đảng ở địa phương có nhiệm vụ chỉ đạo Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam ở địa phương, gắn việc tổ chức Đại hội với việc đẩy mạnh các phong trào hành động cách mạng của thanh niên. Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp có trách nhiệm chủ động đề xuất và giúp các cấp ủy đảng chỉ đạo Đại hội của Hội. Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ cho Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tổ chức thành công Đại hội.

Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam do Trung ương Hội và Trung ương Đoàn trình Chính phủ xem xét và quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 91-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1994

**Chức năng, nhiệm vụ của chi bộ cơ quan đại diện
ở nước ngoài**

Căn cứ Điều lệ Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII),

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Căn cứ đặc điểm, tính chất các chi bộ cơ quan đại diện của nước ta ở nước ngoài,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUY ĐỊNH:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1:

Chi bộ cơ quan đại diện của nước ta ở nước ngoài là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, công nhân viên chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng và thực hiện các chủ trương, nhiệm

vụ công tác của cơ quan; xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh và làm tốt công tác vận động quần chúng trong cơ quan và cộng đồng người Việt Nam ở nước sở tại.

II- NHIỆM VỤ

1. Lãnh đạo cán bộ, công nhân viên chức thực hiện nhiệm vụ chính trị

Điều 2:

Chi bộ lãnh đạo cán bộ, công nhân viên chức tham gia xây dựng nhiệm vụ công tác của cơ quan theo đúng pháp luật về cơ quan đại diện nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3:

Lãnh đạo xây dựng đoàn kết nội bộ; phát huy tính chủ động, sáng tạo của tập thể cán bộ, công nhân viên thực hiện nghiêm chỉnh chức trách được giao, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, bảo vệ lợi ích quốc gia theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, phù hợp với luật pháp nước sở tại và tập quán quốc tế, phát triển quan hệ hợp tác tốt với nước sở tại.

Điều 4:

2. Lãnh đạo công tác tư tưởng

Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong cán bộ, công nhân viên chức, phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tin tưởng và thực hiện đường lối đổi mới, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước, vững vàng, kiên định lập trường của Đảng; đấu tranh chống mọi tư tưởng và việc làm trái với đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 5:

Tổ chức giáo dục nâng cao năng lực trình độ về chính trị, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng và lối sống trong sạch, lành mạnh; chống quan liêu, cửa quyền, xa rời quần chúng; chống cục bộ, độc đoán, gia trưởng, vô tổ chức, vô kỷ luật; chống tham nhũng, buôn lậu và lợi dụng đặc quyền vi phạm pháp luật nước ta và nước sở tại, làm hại uy tín quốc gia và chống các hành vi tiêu cực khác.

Điều 6:

Giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng, chống âm mưu "diễn biến hoà bình", bảo vệ bí mật quốc gia, bảo vệ Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành quy định quản lý đảng viên ra ngoài nước, bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan đại diện.

3. Lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ

Điều 7:

Đề xuất ý kiến với cấp có thẩm quyền xem xét quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của cơ quan.

Điều 8:

Lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của cơ quan.

Điều 9:

Lãnh đạo đảng viên, quần chúng tham gia ý kiến xây

dựng và thực hiện quy chế công tác, đổi mới lề lối làm việc của cơ quan, giữ vững kỷ cương, đạt hiệu quả cao trong công tác.

4. Lãnh đạo công tác quần chúng

Điều 10:

Lãnh đạo các đoàn thể trong cơ quan thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo đảm công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Điều 11:

Lãnh đạo xây dựng cơ quan đại diện thành "trung tâm tập hợp và giáo dục quần chúng"; làm tốt công tác vận động, tập hợp, quản lý, chăm lo an toàn và bảo vệ lợi ích chính đáng của cộng đồng người Việt Nam ở nước sở tại.

5. Xây dựng tổ chức đảng

Điều 12:

Xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh; giáo dục và quản lý đảng viên, phân công công tác cho đảng viên, làm tốt công tác phát triển đảng viên mới.

Điều 13:

Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, thi hành đúng Điều lệ Đảng, các quy định đối với tổ chức Đảng ở nước ngoài. Giữ đều sinh hoạt chi bộ theo quy định, tổ chức đại hội đúng nhiệm kỳ. Nghiêm chỉnh thực hiện chế độ tự phê bình và phê

bình, nâng cao tính lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu trong sinh hoạt đảng.

Điều 14:

Giám sát, kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ chính trị và chấp hành đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Kiểm tra đảng viên thực hiện Điều lệ, nghị quyết của Đảng, kiểm tra tư cách đảng viên, kể cả đảng viên là thủ trưởng cơ quan.

Biểu dương cán bộ, đảng viên gương mẫu, xử lý đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm; kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Điều 15:

Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Bí thư cấp uỷ phải thực sự tiêu biểu cho trí tuệ và đoàn kết của chi bộ.

Chi bộ và cấp uỷ nghiêm chỉnh chấp hành các chế độ báo cáo, thỉnh thị; thực hiện chế độ định kỳ thông tin tới đảng viên và thực hiện thu nộp, sử dụng đảng phí đúng quy định.

III- QUAN HỆ GIỮA CHI BỘ VÀ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Điều 16:

Chi bộ, cấp uỷ bảo đảm và tạo điều kiện để người đứng đầu cơ quan đại diện thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được giao.

Người đứng đầu cơ quan đại diện bảo đảm và tạo điều kiện để chi bộ, cấp uỷ thực hiện Quy định này.

Điều 17:

Quan hệ giữa đại sứ và cấp uỷ cơ quan thực hiện như Chỉ thị 04-CT/TW ngày 20-12-1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng:

"Đại sứ là người đại diện của Đảng và Nhà nước ta tại các nước sở tại, cùng với cấp uỷ chăm lo xây dựng đảng bộ. Cấp uỷ phải góp phần cùng đại sứ trong việc quản lý cộng đồng người Việt Nam, quản lý công tác cán bộ ở nước đó và kiến nghị những chính sách cần thiết.

Là đảng viên, đồng chí đại sứ chịu sự kiểm tra của cấp uỷ và chi bộ cơ quan đại diện...".

Điều 18:

Người đứng đầu cơ quan đại diện định kỳ thông báo với cấp uỷ hoặc chi bộ về tình hình các mặt công tác của cơ quan và tình hình các mặt của nước sở tại. Cấp uỷ cơ quan phản ánh với người đứng đầu cơ quan đại diện tình hình tư tưởng, ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Điều 19:

Những vấn đề thuộc nội bộ cơ quan, công tác cán bộ và tình hình cộng đồng người Việt Nam phải thảo luận tập thể giữa người đứng đầu cơ quan đại diện với tập thể cấp uỷ để quyết định.

Nếu có vấn đề không nhất trí thì báo cáo cả hai ý kiến về Bộ Ngoại giao, Ban Cán sự Đảng ngoài nước để xin ý kiến.

Trường hợp khẩn cấp người đứng đầu cơ quan đại diện quyết định và chịu trách nhiệm.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20:

Quy định này áp dụng cho chi bộ cơ quan đại diện trực thuộc Ban Cán sự Đảng ngoài nước; cho đảng bộ cơ quan đại diện và các chi bộ khối cơ quan (nơi có đảng ủy cơ quan hoặc không có đảng ủy cơ quan) trực thuộc Đảng ủy ngoài nước.

Điều 21:

Ban Cán sự Đảng ngoài nước, ban chấp hành đảng bộ tại các nước, căn cứ Quy định này, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện phù hợp với đặc điểm tình hình từng nước.

Điều 22:

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

Mọi quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 95-TB/TW, ngày 24 tháng 10 năm 1994

Ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội lần thứ V Hội Nhà văn Việt Nam

Ngày 13 và 14 tháng 10-1994, Ban Bí thư đã nghe Đảng đoàn Hội Nhà văn Việt Nam và các đồng chí đảng viên trong Ban Chấp hành Hội trình bày ý kiến về *Dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Hội tại Đại hội lần V* và *Dự thảo báo cáo về công tác tổ chức Hội*. Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Cùng với nhiều tổ chức và cơ quan nhà nước, Hội Nhà văn Việt Nam có trách nhiệm trước Đảng và nhân dân góp phần xây dựng nền văn học nước nhà và đội ngũ những người viết văn của cả nước. Vì vậy, Đại hội không chỉ bàn công việc trong phạm vi Hội, mà phải quan tâm chung các vấn đề đang đặt ra trong đời sống văn học cả nước.

2. Báo cáo của Ban Chấp hành trước Đại hội cần được nâng cao hơn về chất lượng, về tính phân tích, tổng kết, cần căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về văn hoá, văn nghệ để kiểm điểm, đánh giá tình hình, xác định phương hướng, nhiệm vụ, bày tỏ thái

độ của Ban Chấp hành Hội, nhất là trên một số vấn đề quan trọng sau đây:

- Phân tích làm rõ những mặt tiến bộ trong đời sống văn học cả nước, cổ vũ những tìm tòi, đổi mới trong sáng tác, sự xuất hiện ngày một nhiều những cây bút trẻ hứa hẹn tài năng và triển vọng, v.v.. Báo cáo cần khẳng định và trân trọng những thành tựu đã đạt được của đội ngũ và phong trào văn học trong cả nước, nên nêu cụ thể một số tác phẩm và tác giả đã có những đóng góp tốt trong mấy năm qua.

- Về những mặt chưa được trong đời sống văn học, báo cáo của Ban Chấp hành cần bày tỏ thái độ rõ ràng, nghiêm khắc, phân rõ đúng sai. Cần đấu tranh thẳng thắn với các khuynh hướng lệch lạc, nhất là với các biểu hiện phủ nhận thành tựu cách mạng và văn học cách mạng, phủ định quá khứ, phủ định sự nghiệp của các anh hùng dân tộc và các quan điểm sai lầm khác trong sáng tác, lý luận, phê bình.

- Về những biểu hiện sai lầm, lệch lạc cần phân biệt rõ mức độ, động cơ, đâu là do trình độ non yếu, sự thiếu hiểu biết, thiếu thông tin, thiếu thực tế, thiếu cách nhìn đúng đắn mặc dầu thành tâm; đâu là cách nhìn, cách viết có dụng ý xấu.

- Báo cáo trước Đại hội cần có phần tự kiểm điểm của Ban Chấp hành Hội và các cơ quan báo chí, xuất bản của Hội với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc, nói rõ đúng sai, trách nhiệm và cách khắc phục các sai lầm, thiếu sót.

- Trên cơ sở kiểm điểm, đánh giá tình hình, bản báo cáo cần đề ra một cách sát đúng những phương hướng, nhiệm vụ,

giải pháp chủ yếu cho nhiệm kỳ tới của Hội trong bối cảnh đất nước chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuẩn bị bước sang thế kỷ XXI.

3. Đảng đoàn Hội và các đồng chí đảng viên trong Ban Chấp hành cần tiến hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc về công tác và trách nhiệm trong nhiệm kỳ vừa qua, đồng thời góp ý với Ban Bí thư về công tác lãnh đạo của Đảng đối với đời sống văn học và Hội Nhà văn.

4. Báo cáo của Ban Chấp hành, sau khi chỉnh lý lại theo tinh thần trên, cần đưa xuống các cơ sở thảo luận và góp ý kiến. Trước khi họp Đại hội, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương cùng với Đảng đoàn Hội tổ chức tiến hành hội nghị đảng viên nhà văn ở các cơ quan trung ương và phối hợp giúp đỡ các tỉnh, thành uỷ các địa phương có đông nhà văn đảng viên để tổ chức tốt các cuộc họp tương tự. Nội dung các cuộc họp này là quán triệt các tư tưởng, quan điểm chỉ đạo của Trung ương về Đại hội, xác định trách nhiệm đảng viên, góp ý về nội dung và phương thức tiến hành Đại hội sao cho bảo đảm tốt các yêu cầu đã được đề ra trong Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 12-7-1994 của Ban Bí thư về việc tổ chức Đại hội các Hội Văn học - nghệ thuật Trung ương.

Đại hội Hội Nhà văn Việt Nam lần thứ V sắp tới không những là đợt sinh hoạt chính trị - nghề nghiệp của các nhà văn mà còn là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị và tinh thần của nhân dân ta, được tiến hành trong bối cảnh có nhiều thuận lợi rất cơ bản, nhưng cũng không ít khó khăn, phức tạp. Ban Bí thư yêu cầu Đảng đoàn Hội và các

đảng viên trong Hội Nhà văn nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt các công việc chuẩn bị và bảo đảm cho Đại hội thành công tốt đẹp.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
TẠI ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC LẦN THỨ III
HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM**

Ngày 8 tháng 12 năm 1994

*Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung
ương Đảng,*

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước,

Thưa các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng,

Thưa các vị khách quý,

Các bạn thanh niên thân mến,

Tôi rất vui mừng có dịp gặp gỡ các đại biểu ưu tú, thay mặt đông đảo thanh niên thuộc các tầng lớp, dân tộc, tôn giáo từ trong nước và nước ngoài về Đại hội lần thứ III Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Nhân dịp này, từ diễn đàn của cuộc họp mặt trọng thể hôm nay, tôi xin gửi đến các đại biểu và đến toàn thể các bạn trong đại gia đình thanh niên Việt Nam lời thăm hỏi thân thiết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kế thừa truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc, trong hơn nửa thế kỷ qua, dưới ngọn cờ của Đảng do Chủ tịch Hồ

Chí Minh kính yêu sáng lập và rèn luyện, các thế hệ thanh niên nước ta luôn luôn là lực lượng đi đầu trong cuộc đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc; tự do, hạnh phúc của đồng bào, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân, của Đảng, như Bác Hồ đã nói: "Các cháu là thế hệ anh hùng của dân tộc Việt Nam anh hùng". Nhân dân ta mãi mãi ghi nhớ tên tuổi những người con ưu tú của mình, từ Trần Quốc Toản xưa kia đến Phạm Hồng Thái, Lý Tự Trọng, Phan Đình Giót, Bé Văn Đàn, Võ Thị Sáu, Trần Văn Ôn, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Thái Bình ngày nay và nhiều người khác nữa, đã dũng cảm hy sinh, lập nên chiến công oanh liệt ngay từ lúc còn rất trẻ, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp lâu dài dựng nước và giữ nước.

Đến với các bạn trong không khí tung bừng của ngày hội hôm nay, tôi hồi tưởng những năm tháng tuổi trẻ của mình, khi được đứng trong hàng ngũ của những người cách mạng. Đó là những năm tháng mà đất nước ta nằm trong vòng nô lệ, nhân dân ta phải sống trong cảnh đời đen tối, lầm than. Thế hệ thanh niên ngày ấy đã nghe theo tiếng gọi của Đảng, của Bác Hồ, mang bầu nhiệt huyết sục sôi đi vào hoạt động bí mật, bất chấp bất bố, tù đầy, quyết hy sinh để mưu giành lại độc lập của Tổ quốc. Thế hệ thanh niên sau Cách mạng Tháng Tám, trước hoạ xâm lăng, đã giữ vững lời thề độc lập "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", xả thân vì nước, cùng toàn dân làm nên thắng lợi vang dội "Điện Biên Phủ", ghi tiếp trang sử anh hùng của dân tộc ta. Năm 1954, hoà bình lập lại chưa được bao lâu, nhân dân ta lại phải tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ, ác liệt nhất trong lịch sử. Tiếp bước cha anh, thế hệ thanh niên mới ngoan cường đã

"xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" rầm rộ xuống đường đấu tranh trước lưỡi lê và máy chém của kẻ thù, hăng hái tham gia các phong trào "Ba sẵn sàng", "Năm xung phong", góp phần to lớn làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, thu giang sơn về một mối. Đó là biểu tượng đẹp đẽ của chủ nghĩa anh hùng trong thời đại Hồ Chí Minh, thời đại của những chiến công hiển hách, những thắng lợi huy hoàng của cả dân tộc.

Tiến hành công cuộc đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo, nhân dân ta đã vượt qua khó khăn chồng chất, ngày càng giành nhiều thắng lợi to lớn về mọi mặt. Trong đó, thế hệ thanh niên ngày nay là lực lượng hùng hậu đi đầu, là nguồn lực chủ chốt của đất nước. Quân đội bảo vệ Tổ quốc là từ thanh niên; lực lượng lao động xây dựng và phát triển đất nước cũng từ thanh niên; trong lao động sáng tạo, tiếp thu thành tựu khoa học và công nghệ mới, thanh niên giữ vai trò chủ lực. Nhiều điển hình xuất sắc trong thanh niên về lao động sản xuất, quản lý, kinh doanh, khoa học, kỹ thuật, văn hoá, nghệ thuật, thể thao, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc... đã góp phần quan trọng tạo ra cục diện mới trên đất nước ta. Niềm tin cách mạng, ý chí phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trong thanh niên ngày càng được củng cố và phát huy. Những khả năng và nguồn lực to lớn đó là cơ sở vật chất và tinh thần hết sức quý báu đưa công cuộc đổi mới đến thắng lợi. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta hết sức vui mừng trước sự trưởng thành nhanh chóng của thế hệ thanh niên Việt Nam trong thời đại mới.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt

liệt biểu dương toàn thể thanh niên nước ta về những cống hiến xuất sắc trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc cũng như trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Các bạn thân mến,

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng và Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm đưa đất nước đi vào thời kỳ phát triển mới, được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhiệt liệt đồng tình hưởng ứng và hăng hái thực hiện. Trong sự nghiệp trọng đại đó, thanh niên tiếp tục là lực lượng đi đầu. Các bạn trẻ hãy nhận thức sâu sắc trách nhiệm và nghĩa vụ của thanh niên, xây dựng cho mình hoài bão lớn, quyết tâm cao, dũng cảm vượt qua thử thách, tận dụng thời cơ, nỗ lực vượt bậc cùng nhân dân cả nước vươn lên với sức mạnh phi thường, sớm đưa nước ta "sánh vai cùng các cường quốc năm châu" như Bác Hồ kính yêu từng mong mỏi.

Để làm tròn trách nhiệm nặng nề và vẻ vang đó, thanh niên cần ra sức phát huy những mặt mạnh của mình, đồng thời quyết tâm khắc phục những mặt còn yếu kém, nhất là tình trạng một bộ phận thanh niên còn lơ là trong học tập và rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức công dân.

Thời gian gần đây, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam được củng cố và phát triển, có nhiều chương trình hoạt động phong phú và thiết thực, đoàn kết, tập hợp đông đảo thanh niên, giáo dục và chăm lo lợi ích của tuổi trẻ. Tuy nhiên, phong trào chưa mạnh và rộng khắp; sự chỉ đạo của các cấp

bộ Đoàn, Hội còn lúng túng, chậm đổi mới phương thức công tác thanh niên cho phù hợp với điều kiện mới.

Sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, sự quan tâm của các cơ quan nhà nước đối với thanh niên và phong trào thanh niên ở một số ngành và địa phương chưa được đặt ra đúng mức; chưa nhận thức đúng vai trò của Hội Liên hiệp Thanh niên là mặt trận rộng rãi nhất đoàn kết, tập hợp mọi tầng lớp thanh niên phấn đấu vì sự nghiệp của đất nước, vì tương lai của tuổi trẻ. Vẫn còn hiện tượng buông lỏng, khoán trắng công tác thanh niên cho Đoàn, Hội. Các nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác thanh niên chậm được cụ thể hoá và chưa được tổ chức thực hiện tốt. Tôi mong rằng đảng bộ và chính quyền các cấp sớm có biện pháp khắc phục những thiếu sót trên.

Các bạn thân mến,

Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới sâu sắc và toàn diện, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, khắc phục nguy cơ tụt hậu là nhiệm vụ chiến lược cực kỳ quan trọng của cả thời kỳ lịch sử dài. Thành công và phát triển hay để đất nước tiếp tục trì trệ trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu chủ yếu là do thanh niên quyết định. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tin tưởng sâu sắc và hết lòng trông cậy ở thanh niên, sẵn sàng tạo môi trường và điều kiện cho thanh niên phấn đấu. Song, đó mới chỉ là một mặt. Điều quan trọng hơn là chính các bạn, chính thế hệ trẻ hôm nay phải nỗ lực vươn lên để có đủ khả năng hoàn thành xuất sắc vai trò lịch sử của mình. Đó là điều tôi muốn đề cập với các bạn và qua các bạn đến toàn thể thanh niên ta.

Trước hết là nhiệm vụ học tập, không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt, trau dồi kiến thức và năng lực, tinh thông nghề nghiệp, chuẩn bị hành trang vào đời để đảm đương nhiệm vụ xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng tiếp bước các thế hệ cha anh, phấn đấu bắt kịp trình độ của thanh niên thế giới.

Cách đây nửa thế kỷ, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác Hồ đã nói: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Chính từ nhận thức sâu sắc đó, Người đã thường xuyên cổ vũ thanh niên học tập. Hiện nay cả nước có hơn 15 triệu học sinh, sinh viên đang ngồi trên ghế nhà trường. Đây là một nguồn lực hết sức quan trọng, chứa đựng tiềm năng to lớn để đưa đất nước đi vào tương lai. Nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà chất lượng học tập đang được đặt thành vấn đề bức xúc. Một trong những giải pháp chủ yếu chính là ở tinh thần phấn đấu, lòng say mê và sự miệt mài của các bạn trẻ. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi ngày càng nhiều tài năng về mọi mặt, đòi hỏi áp dụng công nghệ tiên tiến cộng với trí tuệ cao, óc sáng tạo và bàn tay lành nghề, vươn lên giành thắng lợi bằng năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Đáp ứng yêu cầu đó ngay hôm nay cũng như ngày mai không ai có thể thay thế được thanh niên. Tương lai của đất nước nằm trong tay các bạn; tương lai của các bạn phải do chính các bạn tự mình định đoạt.

Tôi rất vui mừng được biết hằng năm có hàng vạn công nhân trẻ tham gia vào đội ngũ thợ bậc cao; hàng vạn học sinh, sinh viên vượt khó học giỏi; hàng nghìn trí thức trẻ trong và ngoài nước có những cống hiến xuất sắc về khoa học và công nghệ, xuất hiện ngày càng nhiều tài năng mới

trên mọi lĩnh vực trong thanh niên nước ta, bao gồm thanh niên Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài. Đây là nguồn lực quý báu bảo đảm cho tương lai phát triển của đất nước, là niềm tự hào của dân tộc ta. Cần giới thiệu rộng rãi những tấm gương, cổ vũ mạnh mẽ phong trào "dạy tốt, học tốt" như Bác Hồ từng căn dặn. Nhân đây tôi muốn lưu ý các bạn về bộ phận thanh niên ở vùng cao, vùng sâu chưa được xoá mù chữ. Những năm trước đây, Đoàn Thanh niên và Hội Liên hiệp Thanh niên đã đề ra phong trào "ánh sáng văn hoá"; lập các nhóm thầy, cô giáo và học sinh, sinh viên về các vùng nói trên trong dịp nghỉ hè để dạy học cho đồng bào và cho thanh niên. Tôi đề nghị khôi phục và tiếp tục phát triển phong trào này.

Hai là, chúng ta đang ra sức phấn đấu vượt qua những thử thách to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong hành trình gian khổ của nhân dân ta tiến về phía trước, những người có ác ý luôn luôn tìm cách tác động vào tuổi trẻ. Vì vậy, vấn đề rèn luyện phẩm chất, đạo đức, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, nâng cao ý thức công dân phải được đặt lên hàng đầu. Trong đó, điều cần nhất đối với các bạn trẻ là sự *định hướng lý tưởng*. Mỗi người phải tự trả lời được câu hỏi sống thế nào, sống để làm gì, sống cho ai; phải làm gì để cống hiến cho xã hội, cho cộng đồng; làm sao gắn lợi ích của mình với lợi ích chung của đất nước. Gần đây, có người cho rằng trong cơ chế thị trường, với cuộc sống thực dụng thì không nên nói nhiều đến lý tưởng. Đó là suy nghĩ phiến diện, sai lầm, xa lạ với tâm lý, tư tưởng của thanh niên từ trước đến nay. Lý tưởng mà đại bộ phận thanh niên ta đang phấn đấu không phải là trêu tượng mà rất cụ thể: phấn đấu vì *độc lập dân*

tộc, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đó cũng chính là nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng. Thực tế khẳng định tuổi trẻ nước ta gắn bó với sự nghiệp đổi mới và lý tưởng của Đảng. Từ năm 1990 đến giữa năm 1994, số thanh niên được kết nạp Đảng hằng năm tăng lên rõ rệt. Tổ chức Đoàn, Hội và các phong trào hành động cách mạng của thanh niên từng bước được mở rộng.

Thanh niên phải sống với nhiệt huyết hành động, dám "đào núi và lấp biển", làm chủ được bản thân, không bị lôi cuốn bởi những cám dỗ tầm thường, quyết biến ước mơ, hoài bão của mình thành hiện thực. Thanh niên có khát vọng về tự do, dân chủ để sáng tạo và phát triển, song lại phải biết tôn trọng tự do và dân chủ của cộng đồng. Hơn ai hết, thanh niên phải xây dựng cho mình ý thức công dân, tôn trọng kỷ cương, pháp luật. Ngày nay, trong cơ chế mới, các bạn hoàn toàn có thể thi thố tài năng, có thể thực hiện mọi điều mình hằng ấp ủ, miễn là phải có chí lớn, quyết tâm cao, tự trang bị cho mình những kiến thức cần thiết để làm việc đó. Là một người đã trải qua cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, tôi có thể nói chưa có thế hệ thanh niên nào trong lịch sử cận hiện đại của dân tộc được sống trong môi trường thuận lợi như các bạn hôm nay. Lớp người có tuổi chúng tôi đặt niềm tin yêu mãnh liệt vào thế hệ thanh niên đầy tài năng và dũng cảm, đang vũng vàng trên các mũi nhọn của cuộc sống, và mong mỗi các bạn thành tài vượt cha anh, thực hiện đúng lời tổ tiên ta đã dạy "Con hơn cha là nhà có phúc".

Bác Hồ từng nói: "Đạo đức cách mạng không từ trên trời rơi xuống mà được hình thành trong đấu tranh thực tiễn".

Thật vậy, chúng ta chỉ có thể trở thành người hữu ích khi đem những kiến thức tích lũy được cống hiến cho đất nước để tích cực góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng xã hội mới; qua cuộc đấu tranh sôi động đó mà tu dưỡng, rèn luyện bản thân ngày càng tiến bộ, trưởng thành. Thuộc do sự cống hiến, trình độ và phẩm chất trước hết phải dựa trên cơ sở hành động. Tổ chức Đoàn, Hội có chương trình hành động chung, mỗi thành viên trong tổ chức cũng phải có chương trình phấn đấu của mình, hợp lại thành phong trào rộng rãi.

Tôi được biết hiện nay Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam đang cổ vũ nhiều phong trào và các chương trình hành động cách mạng trong thanh niên, động viên thanh niên vươn lên lập thân, lập nghiệp và kiến quốc. Tôi hoan nghênh các phong trào và chương trình hành động do Đoàn và Hội phát động như "Thanh niên lập nghiệp", "Tuổi trẻ giữ nước", các chương trình khuyến học, khuyến tài, chương trình hoạt động văn hoá, xã hội, chống mại dâm, ma túy, sida (AIDS), chăm sóc thiếu niên, nhi đồng, phong trào đền ơn, đáp nghĩa... Cần phát động thêm nhiều phong trào và chương trình khác nữa, rất thiết thực, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay như phong trào nỗ lực thi đua đạt năng suất cao nhất, chất lượng tốt nhất, tiết kiệm nhiều nhất; chống lãng phí, tham nhũng; tiến quân vào khoa học và công nghệ mới, trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, ra khơi đánh cá, bảo vệ đất đai và tài nguyên, cải thiện môi trường, sinh thái, thanh niên xung phong đi xây dựng đô thị và nông thôn... phù hợp với nhiệm vụ của từng lớp thanh niên và từng lĩnh vực, từng địa bàn mà thanh niên

đang làm việc, phù hợp với chí hướng của thanh niên: "đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên".

Đảng và Nhà nước rất ủng hộ và tạo điều kiện để thanh niên thực hiện có kết quả các phong trào và chương trình này và mong rằng Đoàn, Hội tổ chức, chỉ đạo một cách thiết thực và có hiệu quả, thật sự đáp ứng nhu cầu xã hội, tránh cách làm hình thức, phô trương.

Đoàn kết, tập hợp lực lượng đông đảo thanh niên là một nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng và cấp bách trong công tác của Đảng. Vì lẽ đó, trong những năm gần đây Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành những nghị quyết quan trọng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên. Tôi đề nghị Đoàn, Hội các cấp thật sự thấu suốt những tư tưởng chỉ đạo của Đảng về vận động thanh niên trong điều kiện mới và có chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện tốt.

Trước đây, khi chưa giành được chính quyền, Đảng trực tiếp tiến hành công tác vận động thanh niên, nay Đảng lãnh đạo công tác thanh niên bằng định hướng chính trị, tư tưởng, bằng đường lối, chính sách thông qua việc tổ chức, phối hợp trên quy mô toàn xã hội, nghĩa là thông qua việc cụ thể hoá các đường lối, chính sách của Đảng bằng hệ thống chế định của các cơ quan nhà nước, chương trình hoạt động của các ngành, đoàn thể xã hội, trước hết là Đoàn Thanh niên và Hội Liên hiệp Thanh niên. Chính phủ đã thành lập Ủy ban Thanh niên nhằm giúp Nhà nước hoạch định các chính sách thanh niên và thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác thanh niên. Tôi đề nghị đảng bộ, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, quan tâm hơn

nữa đến công tác thanh niên. Cần hiểu rõ những bản khoản hiện nay của thanh niên về học tập, việc làm, đời sống, về cơ hội lập thân, lập nghiệp, về tương lai và tiền đồ, về công bằng xã hội..., từ đó mà đề ra những chính sách, giải pháp thiết thực, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của thanh niên.

Tổ chức hoạt động của Đoàn Thanh niên và Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Sinh viên cần được củng cố và phát triển, phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước phụ trách công tác thanh niên. Hội phải tăng cường tính chủ động, mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết thanh niên, đa dạng hoá các hình thức tập hợp rộng rãi thanh niên từ nông thôn đến đô thị, thanh niên các dân tộc, các tôn giáo, các giai cấp và tầng lớp trên khắp mọi miền đất nước và thanh niên Việt Nam ở nước ngoài, khắc phục mọi biểu hiện hẹp hòi, thành kiến. Mở rộng, tăng cường tình hữu nghị và đoàn kết giữa thanh niên Việt Nam với thanh niên thế giới. Động viên, tập hợp thanh niên phải xuất phát trước hết từ lợi ích của chính thanh niên, gắn với lợi ích của đất nước, của xã hội. Đoàn Thanh niên, với tư cách là tổ chức nòng cốt của Mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên, cần thiết thực giúp đỡ Hội, tạo điều kiện giải quyết tốt vấn đề cán bộ và cơ sở vật chất cho Hội hoạt động.

Các bạn thân mến,

Thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, có tiềm lực lớn và đầy tài năng, kế thừa truyền thống đấu tranh anh dũng của dân tộc, tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân, là tài sản vô giá của đất nước hôm nay và mai sau. Đảng và nhân dân ta đặt niềm tin yêu vô hạn vào thế hệ trẻ, lớp người sẽ mang ngọn cờ vẻ vang của Tổ quốc đến những đỉnh cao thắng lợi mới.

Các bậc cha mẹ, cả xã hội và mỗi gia đình đều hết sức vui mừng thấy con em mình đang nô nức say mê học tập và rèn luyện, ra sức tu chí lập thân để chuẩn bị cho ngày mai lập nghiệp. Xưa kia, cha ông ta thường tâm niệm "tam thập nhi lập", lập thân vào tuổi ba mươi. Ngày nay, có những điều kiện thuận lợi giúp các bạn thành đạt sớm hơn nhiều. Đảng ta đang có kế hoạch trẻ hoá đội ngũ lãnh đạo, trong đó nguồn nhân tài là ở lực lượng thanh niên. Mong và tin tưởng rằng trong tương lai không xa, nhiều người ở lứa tuổi thanh niên còn rất trẻ đã có đủ năng lực và phẩm chất gánh vác trọng trách trong xã hội.

Chúc thanh niên nước ta phấn đấu đạt ước mơ và hoài bão của mình.

Chúc Đại hội của các bạn thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 93-QĐ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 1994

**Về việc xuất bản lần thứ hai
bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập***

Năm 1990, đúng vào dịp kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập Đảng, 100 năm Ngày sinh Bác Hồ, 45 năm Ngày thành lập nước, bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* xuất bản lần thứ nhất đã hoàn thành. Đây là một sự kiện có ý nghĩa to lớn.

Đến nay, trước những diễn biến mới của thế giới và những nhiệm vụ to lớn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hơn bao giờ hết, việc thấm nhuần và làm đúng theo tư tưởng Hồ Chí Minh có tầm quan trọng đặc biệt. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng khẳng định cách mạng nước ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

Bộ sách nói trên đã được phân phối hết. Hiện nay nhu cầu của công tác nghiên cứu, học tập, giảng dạy ngày càng tăng, vì vậy xuất bản lần thứ hai bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* và một số sách chuyên đề của Người được đặt ra một cách bức thiết. Lần xuất bản thứ hai bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập*

còn là dịp bổ sung nhiều tư liệu quý chưa được khai thác trong lần xuất bản đầu tiên.

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Giao cho Hội đồng xuất bản bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* chỉ đạo việc biên tập và xuất bản. Phấn đấu từ nay đến Đại hội VIII hoàn thành xuất bản lần thứ hai bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* cùng một số tác phẩm tuyển chọn theo chuyên đề những tư tưởng của Người trên một số lĩnh vực quan trọng.

2. Giao cho Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm hoàn chỉnh bản thảo trên cơ sở bộ Toàn tập xuất bản lần thứ nhất, đề xuất danh mục tư liệu mới cần bổ sung, hình thành cấu trúc bộ Toàn tập mới; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia chịu trách nhiệm biên tập và xuất bản; Ban Tài chính - Quản trị Trung ương lo việc cấp kinh phí làm bộ sách.

3. Lập Hội đồng xuất bản bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* xuất bản lần thứ hai để trực tiếp chỉ đạo việc tuyển chọn và bổ sung tư liệu mới, việc biên tập và xuất bản, nghiên cứu và giới thiệu các di sản tư tưởng của Người.

Hội đồng xuất bản gồm các đồng chí sau đây:

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| 1. Đào Duy Tùng, | Chủ tịch Hội đồng |
| 2. Nguyễn Đức Bình, | Phó Chủ tịch Hội đồng |
| 3. Hà Đăng, | Ủy viên Hội đồng |
| 4. Đặng Xuân Kỳ, | Ủy viên Hội đồng |
| 5. Trần Trọng Tân, | Ủy viên Hội đồng |
| 6. Nguyễn Duy Quý, | Ủy viên Hội đồng |
| 7. Đỗ Nguyên Phương, | Ủy viên Hội đồng |

8. Hoàng Minh Thảo, Ủy viên Hội đồng

9. Trần Nhân Ủy viên Hội đồng

Hoàn thành xuất bản lần thứ hai bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* là một nhiệm vụ có tầm quan trọng to lớn về chính trị và tư tưởng. Hội đồng xuất bản *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia cùng với các cơ quan hữu quan cần khẩn trương xây dựng chương trình công tác và kế hoạch thực hiện, đẩy nhanh tiến độ bản thảo để bộ sách có thể xuất bản đúng thời hạn và đạt yêu cầu cao về cả nội dung lẫn hình thức.

T/M BAN BÍ THƯ

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Lời giới thiệu tập 53</i>	V
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 70-QĐ/TW, ngày 12 tháng 6 năm 1993, về việc thành lập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ của Trung ương	1
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 24-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1993, về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII)	4
- Thông báo số 48-TB/TW, ngày 1 tháng 7 năm 1993, ý kiến của Ban Bí thư về việc mở khoá đặc biệt đào tạo cao học và nghiên cứu sinh về các bộ môn khoa học Mác - Lênin	9
- Quyết định của Ban Bí thư, số 71-QĐ/TW, ngày 10 tháng 7 năm 1993, về việc lập Ban Cán sự Đảng ở các tổng công ty, công ty, liên hiệp các doanh nghiệp trọng yếu của Nhà nước	11
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 04-NQ/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1993, về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới	14
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 27-CT/TW, ngày 27 tháng 7 năm 1993, về nhiệm vụ và tổ chức của Liên hiệp các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị của Việt Nam	24
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 26-CT/TW, ngày 2 tháng 8 năm 1993, về Hội nghị đại biểu của Đảng giữa nhiệm kỳ	29

-
- Thông báo số 52-TB/TW, ngày 31 tháng 8 năm 1993, ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội lần thứ III của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam 33
 - Thông báo số 56-TB/TW, ngày 16 tháng 9 năm 1993, kết luận của Bộ Chính trị về Đại hội lần thứ VII Công đoàn Việt Nam 38
 - Thông báo số 53-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1993, ý kiến của Bộ Chính trị về chính sách nhà ở 44
 - Thông báo số 54-TB/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1993, ý kiến của Ban Bí thư về kỷ niệm 50 năm Đảng ta công bố *Đề cương văn hoá Việt Nam* 46
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 28-CT/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1993, về thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị "Đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới" 48
 - Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 06-NQ/TW, ngày 23 tháng 10 năm 1993, về tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử lớn trong hai năm 1994, 1995 52
 - Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Công đoàn Việt Nam, ngày 11 tháng 11 năm 1993 58
 - Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 07-NQ/TW, ngày 17 tháng 11 năm 1993, về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất 72
 - Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Hội Nông dân Việt Nam, ngày 18 tháng 11 năm 1993 80
 - Bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 24 tháng 11 năm 1993 92

- Ý kiến của Bộ Chính trị, số 154/TLHN, ngày 30 tháng 11 năm 1993, về một số vấn đề của dự thảo Báo cáo chính trị qua thảo luận của Trung ương	120
- Báo cáo kết quả biểu quyết của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá VII, ngày 1 tháng 12 năm 1993, một số vấn đề trong Báo cáo chính trị trình Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII	148
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 1 tháng 12 năm 1993	154
- Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 1 tháng 12 năm 1993	156
- Thông báo Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII	160
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 08-NQ/TW, ngày 29 tháng 11 năm 1993, về chính sách và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài	162
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 30-CT/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1993, về việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất"	173
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 31-CT/TW, ngày 8 tháng 1 năm 1994, về một số việc cần chỉ đạo trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Tuất	176
- Thông báo về Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 19 tháng 1 năm 1994	180
- Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII), ngày 20 tháng 1 năm 1994	181
- Báo cáo của Đoàn Chủ tịch về một số vấn đề trong Báo cáo chính trị qua thảo luận tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, ngày 25 tháng 1 năm 1994	233

-
- Báo cáo kết quả biểu quyết một số vấn đề trong Báo cáo chính trị tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, ngày 25 tháng 1 năm 1994 260
 - Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1994 - 1995, mở đầu thời kỳ mới của sự phát triển 265
 - Danh sách 20 đồng chí được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương khoá VII 314
 - Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 25 tháng 1 năm 1994 316
 - Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng, ngày 25 tháng 1 năm 1994 317
 - Thông báo Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII 322
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 32-CT/TW, ngày 29 tháng 1 năm 1994, về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc và việc tổ chức Hội nghị đại biểu các cấp 324
 - Thông tri của Ban Bí thư, số 06-TT/TW, ngày 1 tháng 2 năm 1994, hướng dẫn thi hành Quyết định số 61-QĐ/TW, ngày 10 tháng 3 năm 1993 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp lại các Trường Đảng Trung ương chuyển thành Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 332
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 33-CT/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1994, về lãnh đạo phòng, chống các tệ nạn xã hội 338
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 34-CT/TW, ngày 18 tháng 3 năm 1994, về sự lãnh đạo của Đảng đối với việc tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán toà án nhân dân, thẩm phán toà án quân sự các cấp 341
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 35-CT/TW, ngày 18 tháng 3 năm 1994, về việc xét khen thưởng nhân dịp kỷ niệm những ngày lịch sử lớn trong hai năm 1994-1995 344

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 36-CT/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1994, về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới	346
- Thông báo số 68-TB/TW, ngày 17 tháng 4 năm 1994, ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội lần thứ VI Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	353
- Thông báo số 69-TB/TW, ngày 7 tháng 5 năm 1994, kết luận của Bộ Chính trị về các đề án trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII)	356
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 37-CT/TW, ngày 16 tháng 5 năm 1994, về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới	363
- Thông báo số 72-TB/TW, ngày 26 tháng 5 năm 1994, ý kiến của Bộ Chính trị về một số vấn đề quy hoạch, xây dựng Thủ đô Hà Nội	369
- Thông báo số 74-TB/TW, ngày 26 tháng 5 năm 1994, kết luận của Ban Bí thư về công tác lưu trữ của Đảng	373
- Thông báo số 73-TB/TW, ngày 27 tháng 5 năm 1994, ý kiến của Bộ Chính trị về chủ trương điều hành mặt bằng giá một số vật tư quan trọng trong năm 1994 và một vài năm tiếp theo	377
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 38-CT/TW, ngày 30 tháng 5 năm 1994, về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em	379
- Thông báo của Ban Bí thư, số 77-TB/TW, ngày 19 tháng 6 năm 1994, về thực hiện Nghị quyết Trung ương bốn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	384
- Thông báo số 79-TB/TW, ngày 11 tháng 7 năm 1994, ý kiến của Ban Bí thư về việc mở lớp bồi dưỡng lý luận cho đội ngũ giáo viên	391
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 40-CT/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1994, về Đại hội các Hội Văn học, nghệ thuật ở Trung ương	394

-
- Quyết định của Ban Bí thư, số 87-QĐ/TW, ngày 13 tháng 7 năm 1994, về chức năng, nhiệm vụ của báo *Nhân dân* 398
 - Thông báo số 80-TB/TW, ngày 13 tháng 7 năm 1994, kết luận của Ban Bí thư về việc đổi mới nâng cao chất lượng báo *Nhân dân* 401
 - Thông tri của Ban Bí thư, số 07-TT/TW, ngày 20 tháng 7 năm 1994, về tổ chức và hoạt động của các đảng uỷ khối cơ quan trung ương trong tình hình mới 405
 - Kết luận của Bộ Chính trị, số 229-BBK/BCT, ngày 23 tháng 7 năm 1994, về việc Việt Nam gia nhập ASEAN 409
 - Đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh (Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII), ngày 25 tháng 7 năm 1994 412
 - Phát triển công nghiệp và công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII), ngày 14 tháng 7 năm 1994 440
 - Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới (Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII), ngày 14 tháng 7 năm 1994 487
 - Phát triển khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá VII), ngày 14 tháng 7 năm 1994 505
 - Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 174/TLHN, ngày 30 tháng 7 năm 1994, về những ý kiến của Trung ương thảo luận các đề án và góp ý vào dự thảo Nghị quyết 529

-
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, số 07-NQ/HNTW, ngày 30 tháng 7 năm 1994, phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới 554
 - Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII, ngày 30 tháng 7 năm 1994 587
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 41-CT/TW, ngày 8 tháng 8 năm 1994, về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII 592
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 42-CT/TW, ngày 6 tháng 8 năm 1994, về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (nhiệm kỳ 1994-1999) 596
 - Thông báo của Ban Bí thư, số 82-TB/TW, ngày 13 tháng 8 năm 1994, về quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII thành lập các Tiểu ban của Trung ương chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng 600
 - Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Đại hội lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngày 17 tháng 8 năm 1994 603
 - Quyết định của Ban Bí thư, số 88-QĐ/TW, ngày 5 tháng 9 năm 1994, thành lập trường chính trị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 620
 - Thông báo số 84-TB/TW, ngày 6 tháng 9 năm 1994, ý kiến của Ban Bí thư về việc chuẩn bị đề án hợp tác với nước ngoài trên lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật 623
 - Thông báo số 86-TB/TW, ngày 15 tháng 9 năm 1994, kết luận của Bộ Chính trị về dự án Luật Ngân sách nhà nước 626
 - Thông báo số 89-TB/TW, ngày 15 tháng 9 năm 1994, ý kiến Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư về Đại hội lần thứ VI Hội Nhà báo Việt Nam 628

-
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 43-CT/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1994, về cuộc vận động ủng hộ nhân dân Cuba 632
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 44-CT/TW, ngày 20 tháng 9 năm 1994, về mở rộng và đổi mới hoạt động đối ngoại nhân dân 634
 - Thông báo số 93-TB/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1994, ý kiến của Ban Bí thư về hoạt động của ngân hàng nước ngoài và ngân hàng cổ phần 638
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 46-CT/TW, ngày 14 tháng 10 năm 1994, về lãnh đạo đổi mới và phát triển du lịch trong tình hình mới 640
 - Thông báo số 91-TB/TW, ngày 14 tháng 10 năm 1994, ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội lần thứ III Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam 645
 - Quy định của Ban Bí thư, số 91-QĐ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 1994, chức năng, nhiệm vụ của chi bộ cơ quan đại diện ở nước ngoài 648
 - Thông báo số 95-TB/TW, ngày 24 tháng 10 năm 1994, ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội lần thứ V Hội Nhà văn Việt Nam 655
 - Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Đại hội toàn quốc lần thứ III Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, ngày 8 tháng 12 năm 1994 659
 - Quyết định của Ban Bí thư, số 93-QĐ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 1994, về việc xuất bản lần thứ hai bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập* 671

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung: TRIỆU THỊ LỮ
PHẠM THỊ THINH
NGUYỄN MINH HIỀN

Biên tập kỹ, mỹ thuật: PHÙNG MINH TRANG

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG

Sửa bản in, đọc sách mẫu: BAN SÁCH VỀ ĐẢNG

Mã số: _____
CTQG - 2007

In 3.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty in Tiến Bộ.
Giấy phép xuất bản số:/CXB-QLXB, cấp ngày
In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 2007.

